

Tủ Sách  
**KINH ĐIỂN**  
Của Viện IRED Việt Nam



# PENSÉES SUY TƯỞNG

## BLAISE PASCAL

QUÁCH BÌNH ĐẠT dịch | PHẠM VIỆT PHƯƠNG hiệu đính & chú thích



NHÀ XUẤT BẢN  
KHOA HỌC XÃ HỘI

**IRED**  
INSTITUTE OF RESEARCH AND EDUCATION

TỦ SÁCH TRIẾT HỌC

---

**BLAISE PASCAL**

## **SUY TƯỞNG**

*Quách Đình Đạt dịch  
Phạm Viêm Phương hiệu đính & chú thích*

**NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI**

---

ebook©tudonald78 | 06-01-2022



**CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ**

Ebook này được thực hiện theo dự án “SỐ HÓA SÁCH CŨ” của diễn đàn  
[TVE-4U.ORG](http://TVE-4U.ORG)

TÁC GIẢ

-----  
BLAISE PASCAL  
(1623-1662)



**Blaise Pascal** (1623 - 1662) là nhà toán học, vật lý, nhà phát minh, tác giả, và triết gia Công giáo người Pháp, được coi là một trong những bộ óc vĩ đại nhất trong lịch sử trí thức Tây phương.

Là cậu bé thần đồng, Pascal sớm có những đóng góp quan trọng cho nghiên cứu về chất lưu, và làm sáng tỏ những khái niệm về áp suất và chân không bằng cách khái quát hóa công trình của Evangelista Torricelli.

Năm 1642, Pascal phát minh ra máy tính cơ học, chế tạo 20 máy tính loại này (gọi là máy tính Pascal) trong vòng mười năm. Pascal là một nhà toán học tài danh, giúp kiến tạo hai lĩnh vực nghiên cứu quan trọng: viết một chuyên luận xuất sắc về hình học xạ ảnh khi mới 16 tuổi, rồi trao đổi với Pierre de Fermat về lý thuyết xác suất, có ảnh hưởng sâu đậm trên tiến trình phát triển kinh tế học và khoa học xã hội đương đại. Tiếp bước Galileo và Torricelli, năm 1646, ông phản bác những người theo Aristotle chủ trương thiên nhiên không chấp nhận khoảng không. Kết quả nghiên cứu của Pascal đã gây ra nhiều tranh luận trước khi được chấp nhận.

Sau một trải nghiệm tâm linh xảy ra cuối năm 1654, ông từ bỏ nghiên cứu khoa học, và hiến mình cho triết học và thần học. Hai tác phẩm nổi tiếng nhất của Pascal đánh dấu giai đoạn này: *Lettres provinciales* (Những lá thư tỉnh lẻ) và *Pensées* (Suy Tưởng).

## LỜI NGƯỜI DỊCH VÀ NGƯỜI BIÊN TẬP

Chúng tôi thực hiện bản dịch này dựa chủ yếu vào bản tiếng Anh của W. F. Trotter được Trường Đại học Adelaide công bố tại <https://ebooks.adelaide.edu.au/p/pascal/blaise/p27pe/index.html> với tựa *Pensées*; Dự án Gutenberg công bố tại [http://www.gutenberg.org/files/i8269/i8269-h/i8269-h.htm#Footnote\\_A\\_1](http://www.gutenberg.org/files/i8269/i8269-h/i8269-h.htm#Footnote_A_1) với tựa *Pascal's Pensées*; và bản tiếng Anh trong Tủ sách Kinh điển Harvard (Harvard Classics: <https://www.bartleby.com/48/1/1.html>). Ngoài ra, chúng tôi còn đối chiếu với bản Anh, *The Thoughts of Blaise Pascal*, của Charles Kegan Paul, được Online Library of Liberty công bố tại <http://oll.libertyfund.org/titles/pascal-the-thoughts-of-blaise-pascal>; bản tiếng Pháp do Thư viện Trường Đại học Freiburg công bố tại <https://www.ub.uni-freiburg.de/fileadmin/ub/referate/04/pascal/pensees.pdf>; bản in tiếng Pháp: *Pensées* của nhà xuất bản Agora (2003) do Philippe Sellier biên soạn. Tuy nhiên, chúng tôi luôn cố theo sát bản tiếng Pháp mỗi khi thấy có khoảng cách giữa hai bản, dù không phải lúc nào cũng thành công.

Tác phẩm kinh điển này đã được bao thế hệ biên tập viên sắp xếp và sửa chữa, bao thế hệ học giả nghiên cứu, phê bình và chú giải, nhưng do khả năng có hạn, chúng tôi không thể tham khảo rộng rãi nhiều công trình lớn trong số đó, mà chỉ khai thác những nguồn có sẵn và dễ tiếp cận trên Internet. Trang mạng mà chúng tôi tin cậy và khai thác nhiều nhất, khi dịch cũng như khi soạn cước chú, là <http://www.penseesdepascal.fr/>, một trang chuyên về tác phẩm này, và tập hợp rộng rãi nhiều kết quả nghiên cứu và chú giải gần đây nhất.

Về những nhân danh và địa danh trong Kinh Thánh, chúng tôi giữ nguyên cách phiên âm của bản dịch tiếng Việt hiện đang lưu hành vì chúng đã quen thuộc với bạn đọc, nhất là bạn đọc Công giáo.

Với tình hình như thế, chắc chắn bản dịch này còn thiếu sót và sai lạc nên chúng tôi mong nhận được góp ý và chỉ bảo để hoàn thiện hơn cho những lần tái bản sau này. Chúng tôi cũng mong rằng sau này sẽ có những dịch giả và nhà nghiên cứu khác bắt tay vào tác phẩm này để khai quật đến hết kho tàng tư tưởng trong đó.

## LỜI GIỚI THIỆU CỦA THI SĨ T. S. ELIOT

Có thể dường như mọi điều cần nói về Blaise Pascal, và về hai tác phẩm làm nên tên tuổi cho ông, đều đã được phát biểu rồi. Các chi tiết về cuộc đời của ông đã được biết đầy đủ đến hết mức chúng ta muốn biết; những khám phá về toán và vật lý của ông đã được mở xẻ nhiều lần; cảm nghĩ tôn giáo và quan điểm thần học của ông đã được bàn đi bàn lại; và bút pháp văn xuôi của ông đã được các nhà phê bình Pháp phân tích đến từng chi tiết tinh tế nhất. Nhưng Pascal là một trong những tác giả vốn sẽ và phải được nghiên cứu tiếp tục trong mỗi thế hệ. Không phải là ông ấy thay đổi mà là chúng ta thay đổi. Không phải kiến thức của chúng ta về ông ấy tăng thêm mà vì thế giới của chúng ta và thái độ của chúng ta đối với thế giới đó đã thay đổi. Lịch sử các ý kiến của con người về Pascal và những người có tầm vóc như ông chính là một phần trong lịch sử nhân loại. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của ông.

Những dữ kiện về cuộc đời của Pascal, trong chừng mực cần thiết cho bài giới thiệu ngắn gọn này cho cuốn *Pensées*, là như sau. Ông sinh ra ở Clermont, Auvergne, năm 1623. Gia đình ông nằm trong nhóm khá giả thuộc giai cấp trung lưu lớp trên. Cha ông là một viên chức chính phủ, người có khả năng, lúc qua đời, để lại một tài sản đầy đủ cho một cậu con trai và hai cô con gái của ông ta. Năm 1631, cha của ông chuyển đến Paris, và vài năm sau đó đã nhận một chức vụ công quyền khác tại Rouen. Dù sống nơi nào cha của Pascal có vẻ đều hòa nhập vào giới tinh hoa nhất, và với những người nổi tiếng trong khoa học và nghệ thuật. Blaise Pascal được cha giáo dục hoàn toàn ở nhà. Ông đã phát triển sớm, thực sự quá sớm, vì việc chuyên chú học tập trong tuổi thiếu niên và thanh niên đã làm

suy yếu sức khỏe của ông, và là nguyên nhân cho cái chết của ông ở tuổi 39. Người ta còn giữ được những mẫu chuyện lạ thường, mặc dù không phải không đáng tin, nhất là về sự phát triển rất sớm của ông trong toán học. Trí óc của ông chủ động hơn là tích lũy; ông đã cho thấy từ lúc còn rất nhỏ cái thiên hướng muốn tự mình tìm ra mọi thứ, vốn đã đặc trưng cho tuổi thơ của Clerk-Maxwell và các nhà khoa học khác. Trong những khám phá sau này của ông về vật lý không cần đề cập đến ở đây; mà chỉ phải nhớ rằng ông được coi là một trong những nhà vật lý và toán học vĩ đại nhất mọi thời đại; và những khám phá của ông đã được thực hiện trong độ tuổi mà hầu hết các nhà khoa học vẫn còn là người học nghề.

Cha của Pascal, ông Étienne, là một tín đồ Thiên Chúa giáo thuần thành. Vào khoảng năm 1646, ông tán đồng với một số đại diện của phong trào phục hưng tôn giáo trong Giáo hội mà sau này được gọi là phái Jansen [đạo lý khắc khổ] - theo tư tưởng của Jansenius, Giám mục Ypres, với tác phẩm thần học được xem như nguồn gốc của phong trào. Giai đoạn này thường được xem là thời điểm của việc “cải đạo lần đầu” của Pascal. Tuy nhiên, từ “cải đạo” có tính quá cưỡng bách không thể áp dụng được vào thời điểm này cho chính Blaise Pascal. Gia đình ông luôn mộ đạo, và chàng trai trẻ Pascal, mặc dù chìm trong công trình khoa học, dường như không bao giờ bị ảnh hưởng bởi sự mất đức tin. Chắc chắn, mối quan tâm của ông lúc đó đã được hướng đến các vấn đề tôn giáo và thần học; nhưng thuật ngữ cải đạo chỉ có thể được áp dụng cho các chị em của ông - bà chị, đã là Bà Périer, và nhất là cô em, Jacqueline, người lúc đó đã hình thành thiên hướng cho một đời sống tôn giáo. Bản thân Pascal tuyệt không có ý định từ bỏ thế gian. Sau khi cha của họ mất vào năm 1650, Jacqueline, một thiếu nữ trẻ có sức mạnh và vẻ đẹp tính cách đáng kể, mong muốn được khấn trọn đời làm nữ tu ở tu viện Port-Royal, và có thời gian, ước muốn của cô không được hoàn thành do sự phản đối của ông anh. Sự phản đối

của ông dựa trên lý do hoàn toàn thể tục rằng cô muốn chuyển phần thừa kế của cô cho tu viện; trong khi cô sống với ông, phần tài sản kết hợp của hai người khiến ông có thể sống gần với một mức độ chi tiêu phù hợp với sở thích của ông hơn. Trên thực tế, ông không những muốn gia nhập vào tầng lớp tinh hoa nhất, mà còn có được xe và ngựa - có lúc xe của ông được thắt tới sáu con ngựa. Mặc dù ông không có quyền pháp định để ngăn em gái mình tùy nghi sử dụng phần tài sản của cô ấy theo cách cô ấy chọn, nhưng Jacqueline dễ thương cũng không muốn làm vậy mà không có sự sẵn sàng tán thành của ông anh. Mẹ bên trên Angélique - chính bà cũng là một nhân vật nổi bật trong lịch sử của phong trào tôn giáo này - cuối cùng đã thuyết phục được cô tập sinh bước vào dòng tu mà không được thỏa mãn trong việc mang theo tài sản kế thừa của mình; nhưng Jacqueline vẫn rất đau khổ vì tình trạng này đến độ ông anh của cô cuối cùng phải đổi ý.

Cho đến nay như được biết, cuộc sống ngoài đời của Pascal trong giai đoạn này khó có thể được xem là “phung phí”, và chắc chắn không phải là “trụy lạc”. Ngay cả cờ bạc có lẽ chỉ thu hút ông chủ yếu là do nó đem lại một nghiên cứu về xác suất toán học. Ông dường như đã sống một cuộc sống mà bất kỳ người trí thức có học nào với địa vị tốt và sinh kế độc lập có thể sống và xem mình là một kiểu mẫu của sự trung thực và đức hạnh. Thậm chí chẳng có chuyện tình ái nào bị gán cho ông, mặc dù ông được cho là đã nghĩ đến hôn nhân. Nhưng phái Jansen, được đại diện bởi cộng đoàn tôn giáo ở Port-Royal, về mặt đạo đức là một phong trào Thanh giáo trong Giáo hội, và các tiêu chuẩn ứng xử của nó ít nhất cũng nghiêm khắc như của bất kỳ phái Thanh giáo nào ở Anh hay Mỹ. Tuy nhiên, thời kỳ của xã hội thời thượng, trong cuộc sống của Pascal, lại rất quan trọng trong sự phát triển của ông. Nó mở rộng kiến thức của ông về con người và tình lọc thị hiếu của ông; ông trở thành một người lịch duyệt và không bao giờ mất đi những gì ông học được; và khi ông hướng tư tưởng của mình hoàn toàn

về tôn giáo, tri thức thế tục của ông là một phần trong kết cấu vốn thiết yếu cho giá trị của tác phẩm của ông.

Sự quan tâm của Pascal đối với xã hội không làm ông xao lãng nghiên cứu khoa học; giai đoạn này cũng không chiếm nhiều không gian trong một cuộc sống rất ngắn và chen chúc. Một phần do sự không thỏa mãn tự nhiên của ông với một cuộc sống như vậy, một khi ông đã học được tất cả những gì mà nó có thể dạy cho ông, một phần do ảnh hưởng của cô em thánh thiện Jacqueline, một phần do đau đớn thể xác tăng dần khi sức khỏe của ông suy sụp, tất cả hướng ông ngày càng rời xa thế gian và đi tới những suy tưởng về vĩnh cửu. Và năm 1654 đã xảy ra sự kiện được gọi là “lần cải đạo thứ hai” của ông, nhưng có thể được gọi đơn giản là cải đạo.

Ông ghi lại trải nghiệm thần cảm của mình, đi đâu mà ông luôn giữ kín bên mình, và người ta tìm thấy chúng, sau khi ông chết, được khâu vào chiếc áo khoác mà ông đang mặc. Trải nghiệm này xảy ra vào ngày 23.11.1654, và không có lý do gì để nghi ngờ tính xác thực của nó trừ khi chúng ta muốn phủ nhận mọi trải nghiệm thần cảm. Bây giờ, Pascal không phải là một nhà thần cảm, và các tác phẩm của ông không được xếp vào loại văn phẩm thần cảm; nhưng những việc chỉ có thể được gọi là trải nghiệm thần cảm vẫn xảy ra với nhiều người không trở thành nhà thần cảm. Tác phẩm mà ông viết ngay sau đó, *Lettres écrites à un provincial* (Những bức thư cho một bạn tỉnh lẻ), là một kiệt tác về tranh luận tôn giáo ở cực đối lập với thuyết thần cảm. Chúng ta biết rất rõ rằng vào lúc nhận được sự soi sáng từ Thiên Chúa ông đang trong tình trạng sức khỏe tệ hại; nhưng chuyện một số dạng bệnh tật lại cực kỳ thuận lợi cũng là điều thường gặp, chứ không riêng cho sự soi sáng về tôn giáo, mà còn cho sáng tạo nghệ thuật và văn chương. Một văn phẩm được nghiền ngẫm, dường như không chút tiến triển, trong nhiều tháng hoặc nhiều năm, có thể đột nhiên hiện rõ hình vóc và lời lẽ; và trong trạng thái này, những đoạn văn dài

có thể ra đời mà không đòi hỏi, hoặc chỉ đòi hỏi chút ít, sửa chữa. Tôi không có lời lẽ hùng hồn để nói về việc phát triển lối viết tự động như kiểu mẫu cho sáng tác văn học; tôi không chắc lắm liệu tác giả có thể phát triển những khoảnh khắc này hay không; nhưng những người mà gặp được điểu này chắc chắn sẽ có cảm giác mình là công cụ chứ không phải là kẻ tạo tác. Không có kiệt tác nào có thể được ra đời hoàn toàn bằng phương tiện như vậy; nhưng ngay cả dạng thần hứng tôn giáo cao hơn cũng không đủ cho đời sống tôn giáo; ngay cả nhà thần cảm cao nhất cũng phải trở về với thế giới, và dùng lý trí của mình để vận dụng những kết quả từ trải nghiệm của mình trong cuộc sống hàng ngày. Bạn có thể gọi nó là sự hiệp thông với thần linh, hoặc bạn có thể gọi nó là sự kết tinh tạm thời của tâm trí. Cho đến khi khoa học có thể dạy chúng ta tái tạo hiện tượng như vậy theo ý muốn, khoa học vẫn không thể tuyên bố đã giải thích được chúng; và chúng chỉ có thể được đánh giá qua thành quả của chúng.

Từ thời điểm đó cho đến khi qua đời, Pascal gắn bó chặt chẽ với cộng đoàn Port-Royal mà em gái Jacqueline, người chết trước ông, đã tham gia như một nữ tu sĩ; cộng đoàn này lúc đó đang chiến đấu với Dòng Tên để tồn tại. Năm tuyên bố, vốn bị một ủy ban gồm các học giả và nhà thần học tại Roma phán xét là dị giáo, đã được xác định là được nêu ra trong tác phẩm của Jansenius; và cộng đoàn Port-Royal, đại diện của phái Jansen giữa các cộng đồng mộ đạo, bị một đòn trí mạng mà sau đó nó không còn phục hồi lại được. Đây không phải là chỗ để xem xét những tranh cãi và xung đột cay đắng; tường thuật tốt nhất, từ quan điểm của một nhà phê bình thiên tài vốn không đứng về phe nào, không phải là người theo phái Jansen hay Dòng Tên, chẳng phải người Thiên Chúa giáo hay dân ngoại đạo, là tường thuật trong tác phẩm tuyệt vời của Sainte-Beuve, *Port-Royal*. Và trong cuốn sách ấy, những phần dành cho chính Pascal nằm trong số những trang phê bình tuyệt vời nhất mà Sainte-Beuve từng viết. Nó đủ để

nhận thấy rằng công việc kế tiếp của Pascal, sau khi cải đạo, là viết mười tám “*Lettres*”, mà như áng văn xuôi nó có tầm quan trọng lớn lao trong nền móng của bút pháp cổ điển Pháp, và về mặt bút chiến thì chẳng ai vượt qua được, dù là Demosthènes, hoặc Cicero, hoặc Swift. Những lá thư ấy có những hạn chế của mọi tác phẩm bút chiến và tranh luận: chúng thuyết phục, chúng quyến rũ, chúng không sòng phẳng. Nhưng cũng thật không sòng phẳng khi khẳng định rằng, trong *Lettres écrites à un provincial*, Pascal đã tấn công bản thân Dòng Tên. Nói đúng hơn, ông tấn công vào một trường phái giải nghi học cụ thể vốn nói lòng các đòi hỏi của tòa giải tội; một trường phái chắc chắn đã phát triển mạnh trong Dòng Tên vào thời điểm đó, và trong đó hai tu sĩ Tây Ban Nha, Antonio de Escobar y Mendoza và Luis de Molina, là những vị thẩm quyền lớn nhất, ông rõ ràng đã lạm dụng nghệ thuật trích dẫn, vì một tác giả bút chiến khó tránh được việc đó; nhưng đã có những lạm dụng để ông lạm dụng; và ông đã làm việc đó tới nơi tới chốn. Những bức thư của ông trong tác phẩm trên không thể được gọi là thần học. Thần học hàn lâm không phải là bộ môn mà Pascal thông thạo; khi cần thiết, các cha cố ở Port-Royal đã đến giúp ông. Các thư ấy là công trình của một trong những bộ óc toán học tốt nhất của bất kỳ thời đại nào, và của một người lịch duyệt muốn nổi chuyện, không phải vờ các nhà thần học, mà với mọi người nói chung - tất cả những người có học thức và nhiều người ít học thức hơn trong đám đông thế tục ở Pháp; và với công chúng này, những bức thư ấy đã đạt được thành công đáng kinh ngạc.

Trong thời gian này, Pascal không hề hoàn toàn từ bỏ những mối quan tâm với khoa học. Mặc dù trong các tác phẩm tôn giáo, ông viết chậm chạp và vất vả, và chỉnh sửa thường xuyên, nhưng trong các vấn đề toán học tâm trí của ông dường như di chuyển với sự uyển chuyển và thoải mái tự nhiên tốt bậc. Những khám phá và phát minh nảy ra từ bộ não của ông không chút vất vả; trong số các tiện ích nhỏ của giai đoạn sau này, dịch vụ

xe ngựa chuyên chở công cộng đầu tiên ở Paris được cho là có nguồn gốc từ tài phát minh của ông. Nhưng sự suy sụp sức khỏe mau lẹ, và sự miệt mài trong công việc lớn mà ông có trong tâm trí, khiến ông không còn lại bao nhiêu thời gian và năng lượng trong hai năm cuối đời.

Kế hoạch của công trình mà chúng ta gọi là *Pensées* này đã hình thành vào khoảng năm 1660. Cuốn sách hoàn chỉnh hẳn đã là một lời biện hộ cho Thiên Chúa giáo được kết cấu cẩn thận, một *Apologia* đích thực và một loại tựa như *Grammar of Assent*,<sup>1</sup> đưa ra những lý do vốn sẽ thuyết phục dân trí thức. Như tôi đã nói ở trên, Pascal không phải là nhà thần học, và về thần học tín lý ông đã nhờ cậy các cố vấn tâm linh của ông. Ông cũng không thực sự là một triết gia có hệ thống. Ông là một người với một tài năng thiên bẩm to lớn về khoa học, và đồng thời là một nhà tâm lý học và luân lý tự nhiên. Vì ông là một nghệ sĩ văn chương vĩ đại, cuốn sách của ông hẳn cũng là cuốn tự truyện tâm linh của ông; bút pháp của ông, tránh dùng mọi phong cách đặc thù giảm nhẹ, nhưng vẫn đầy cá tính. Hơn hết, ông là người có những đam mê mãnh liệt; và niềm đam mê trí tuệ của ông đối với chân lý đã được củng cố bởi sự bất thỏa mãn dữ dội với cuộc sống con người trừ khi có thể tìm thấy một lời giải thích tâm linh.

Chúng ta phải coi *Pensées* chỉ là những ghi chú sơ khởi cho một tác phẩm mà ông để lại khi chưa có chút dấu hiệu hoàn thành nào; chúng ta có, theo cách nói của Sainte-Beuve, một tòa tháp gồm những viên đá được đặt chồng lên nhau, nhưng không có hồ vữa, và cấu trúc chưa hoàn thành. Trong những năm đầu, trí nhớ của ông đã ghi nhớ một cách đáng kinh ngạc bất cứ đi đâu gì ông muốn nhớ; và nếu nó không bị suy yếu do bệnh tật và đau đớn ngày càng tăng, có lẽ ông sẽ không hề cảm thấy buộc lòng phải chép lại những ghi chú này. Nhưng đón nhận tác phẩm này như nó được để lại, chúng ta vẫn thấy rằng nó chiếm một vị trí độc đáo trong lịch sử văn

học Pháp và trong lịch sử suy niệm tôn giáo.

Để hiểu được phương pháp mà Pascal sử dụng, người đọc phải được chuẩn bị để dãi theo tiến trình tinh thần của tín hữu thông minh này. Nhà tư tưởng Thiên Chúa giáo - và tôi muốn nói tới con người đang cố gắng một cách có ý thức và tận tâm để giải thích cho chính mình cái trình tự vốn lên đến đỉnh điểm trong đức tin, chứ không phải là người biện bạch với công chúng - tiến bước bằng sự từ chối và loại bỏ. Ông ta thấy thế giới là như vậy và như vậy; ông thấy tính chất của nó không thể giải thích được bởi bất kỳ lý thuyết phi tôn giáo nào; trong số các tôn giáo, ông tìm thấy Thiên chúa giáo, và Công giáo, để giải thích thỏa đáng nhất cho thế giới và nhất là cho thế giới đạo đức nội tại; và do đó, qua những cái mà Newman gọi là những lý do “mạnh mẽ và đồng thời”, ông thấy mình gấn bó chặt chẽ không rời được với giáo lý về Nhập thể. Đối với người vô tín ngưỡng, phương pháp này có vẻ sai sự thực và trái khoáy; bởi vì người vô tín ngưỡng, như một quy luật, thì không lao tâm khổ tứ như vậy để giải thích thế giới cho chính mình, cũng không quá lo âu như vậy trước sự rối loạn của nó; họ cũng thường không quan tâm (theo thuật ngữ hiện đại) đến việc phải “bảo tồn các giá trị”, ông không cho rằng nếu những trạng thái cảm xúc, sự phát triển tính cách nào đó, và đi đâu có thể được gọi là “tính linh thánh” theo nghĩa cao nhất vốn dĩ và được biết là tốt qua kiểm tra, thì lời giải thích thỏa đáng về thế giới phải là lời giải thích thừa nhận “thực tại” của những giá trị này. Ông cũng không xem cách suy luận như vậy là chấp nhận được; có thể nói, ông cắt tĩa giá trị của mình theo [kích cỡ] tấm vải của mình, bởi vì với ông những giá trị như vậy không có giá trị lớn. Người vô tín ngưỡng khởi hành từ đầu ngược lại, và rất có thể với câu hỏi, “Một trường hợp sinh sản đơn tính [sinh sản không thụ tinh] ở người thì có đáng tin cậy không?” và đi đâu nay ông có thể gọi là việc đi thẳng vào trung tâm của vấn đề. Bây giờ phương pháp của Pascal là, nhìn chung, phương pháp

tự nhiên và phù hợp với tín đồ Thiên Chúa giáo; và phương pháp ngược lại là do Voltaire chủ trương. Thật đáng giá khi nhớ rằng Voltaire, trong nỗ lực bác bỏ Pascal, đã nêu ra một cách dứt khoát kiểu bác bỏ như vậy; và rằng những kẻ sau đó phản đối *Apologie de la religion chrétienne* (Biện hộ cho đạo Thiên Chúa) của Pascal đã không đóng góp gì nhiều ngoài những điều không liên quan về tâm lý học. Bởi vì Voltaire đã trình bày, tốt hơn bất kỳ ai kể từ đó về sau, quan điểm không tín ngưỡng là gì; và cuối cùng tất cả chúng ta phải chọn cho chính mình giữa một quan điểm này hay một quan điểm khác.

Tôi đã nói ở trên rằng phương pháp của Pascal “nói chung” là phương pháp của người biện hộ Thiên Chúa giáo tiêu biểu; và sự dè dặt này được nhắm tới niềm tin của Pascal vào những phép lạ, điều này đóng vai trò lớn hơn trong kết cấu của ông, ít nhất, cũng lớn hơn mức ta thấy ở tín đồ Công giáo tự do hiện đại. Sẽ thật tuyệt vời khi chấp nhận Thiên Chúa giáo bởi vì trước tiên chúng ta tin rằng những phép lạ trong Phúc âm là có thực, và dường như thật là bất kính khi chấp nhận tôn giáo ấy chủ yếu bởi vì chúng ta tin rằng những phép lạ gần đây là đúng; chúng ta chấp nhận các phép lạ, hay một số phép lạ, là có thực bởi vì chúng ta tin Phúc âm về Đức Giêsu: Chúng ta đặt niềm tin của mình vào những phép lạ dựa trên Phúc âm, chứ không phải đặt niềm tin của chúng ta vào Phúc âm dựa trên phép lạ.

Nhưng ta phải nhớ rằng Pascal đã bị ấn tượng sâu sắc bởi một phép lạ đương thời, được gọi là phép lạ của Cây gai thánh: một cây gai được cho là lấy ra từ vương miện gai của Giêsu rồi được ép vào một vết loét và nó lành lại nhanh chóng. Sainte-Beuve, một bác sĩ, cảm thấy chính mình có cơ sở vững chắc, thảo luận rất ráo lời giải thích có thể có về phép lạ rõ ràng này. Đúng là phép màu đã xảy ra tại Port-Royal, và nó đến đúng lúc để hồi sinh tinh thần suy sụp của cộng đồng trong những phiến não chính trị của

nó; và rất có thể rằng Pascal có nhiều ý hướng tin rằng một phép lạ đã được thực hiện với cô em yêu dấu của mình. Trong mọi trường hợp, nó có thể khiến ông dành một chỗ đứng cho phép lạ trong nghiên cứu của ông về đức tin, một chỗ đứng mà chưa chắc chính chúng ta sẽ dành cho chúng.

Giờ đây, đối thủ lớn mà Pascal quyết định phản bác, kể từ thời điểm của các cuộc trò chuyện đầu tiên của ông với M. de *Sad* tại Port- Royal, là Montaigne. Người ta không thể phá hủy Pascal, chắc chắn; nhưng trong số tất cả các tác giả, Montaigne là một trong những vị khó có thể bị phá hủy nhất. Bạn cũng có thể xua tan một màn sương mù bằng cách ném lựu đạn vào đó. Vì Montaigne là một màn sương mù, một loại khí, một chất lỏng, yếu tố ngấm ngấm. Ông ta không biện luận, ông ta gợi ý, quyến rũ, và gây ảnh hưởng; hoặc nếu ông ta biện luận, bạn phải được chuẩn bị cho việc ông ta có sẵn ý đồ nào đó dành cho bạn hơn là thuyết phục bạn với lập luận của ông ấy. Hầu như không quá đáng khi nói rằng Montaigne là tác giả thiết yếu nhất cần biết, nếu chúng ta muốn hiểu được tiến trình tư tưởng của Pháp trong ba trăm năm qua. Trong mọi phương diện, ảnh hưởng của Montaigne là đáng ghét đối với những người ở Port-Royal. Pascal nghiên cứu ông ta với ý định đánh đổ ông ta. Tuy nhiên, trong *Pensées*, vào đoạn cuối cuộc đời của Pascal, chúng ta thấy hết đoạn văn này đến đoạn văn khác, và càng sơ lược thì chúng càng quan trọng, gần như đầu “móc” ra từ Montaigne, tới tận một hình thái tu từ hay một từ. Những điểm song hành<sup>2</sup> thường gặp nhất là với tiểu luận dài của Montaigne có tựa là “Apologie de Raymond Sébond” [Biện hộ cho Raymond Sébond] - một văn phẩm lạ lùng mà Shakespeare có lẽ cũng đã dựa vào đó khi viết *Hamlet*. Thật vậy, cho tới lúc mà ai đó hiểu Montaigne đủ rõ để công kích ông ấy thì người đó hẳn đã hoàn toàn chịu ảnh hưởng của ông ấy rồi.

Tuy nhiên, sẽ thật là không công bằng với Pascal, với Montaigne, và

thực sự đối với văn học Pháp, khi bỏ lửng vấn đề ở đó. Nó không phải là việc hạ thấp tầm vóc của Pascal, mà chỉ là một động tác nâng cao cho Montaigne. Nếu Montaigne là một người hoài nghi bình thường, một người nhỏ bé như Anatole France, hoặc thậm chí là một người to lớn hơn như Ernest Renan, hoặc thậm chí là người hoài nghi lớn nhất, Voltaire, “ảnh hưởng” này sẽ làm mất uy tín của Pascal; nhưng nếu Montaigne không hơn gì Voltaire, ông ta hẳn đã không ảnh hưởng gì tới Pascal. Những hình ảnh của Montaigne vốn tự hiện ra trước hết với chúng ta, hình ảnh của một “tính cách” cô lẻ độc đáo và độc lập, chìm đắm trong việc phân tích bản chất rất thú vị, thì đầy tính lừa dối. Montaigne không hề là chủ nghĩa hoài nghi giới hạn, giống như chủ thuyết của Voltaire, Renan, hoặc France. Ông tồn tại, có thể nói, trên một bình diện của rất nhiều vòng tròn đồng tâm, rõ ràng nhất trong số đó là vòng tròn nhỏ nhất, một chủ nghĩa hoài nghi tinh quái cá nhân có thể dễ dàng bị bắt chước nếu không muốn nói là bị mô phỏng. Nhưng điều khiến Montaigne trở thành một nhân vật rất lớn là việc ông đã thành công, có Chúa mới biết làm thế nào - vì Montaigne rất có thể không biết rằng ông đã làm được thế - đó không phải là loại chuyện mà người ta có thể nhận thấy ở mình, vì nó cơ bản lớn hơn ý thức của cá nhân - ông đã thành công trong việc đưa ra biểu hiện cho chủ nghĩa hoài nghi của mỗi con người. Bởi vì mọi người nghĩ và sống bằng tư tưởng phải có thái độ hoài nghi riêng của mình, điều đó dừng lại ở câu hỏi, kết thúc từ chối, hoặc điều dẫn tới đức tin và bằng cách nào đó được tích hợp vào đức tin vốn vượt qua nó. Và Pascal, như biểu trưng cho một loại tín đồ tôn giáo, vốn thiết tha và nồng nhiệt, nhưng chỉ thiết tha qua một trí tuệ mạnh mẽ và được điều tiết, trong những phần đầu của *Apologie de la religion chrétienne* chưa hoàn thành của ông, lại đối mặt không nao núng với con quỷ của lòng nghi hoặc vốn không thể tách rời khỏi tinh thần của niềm tin.

Như thế, có một điều gì đó hoàn toàn khác với ảnh hưởng vốn sẽ chứng tỏ điểm yếu của Pascal; có một mối liên hệ thực sự giữa sự nghi hoặc của ông và của Montaigne; và thông qua quan hệ họ hàng chung với Montaigne, Pascal liên quan đến truyền thống cao quý và lỗi lạc của các nhà đạo đức Pháp, từ La Rochefoucauld về sau. Trong sự trung thực khi đối mặt với những dữ kiện của thế giới thực, truyền thống [tư tưởng] Pháp này có một phẩm chất độc đáo trong văn học Âu châu, và trong thế kỷ XVII, so với họ Thomas Hobbes là loại còn thô lậu và kém khai hóa.

Pascal là một người lịch duyệt giữa những người khổ hạnh, và là một nhà khổ hạnh giữa những người lịch duyệt; ông có kiến thức về tính thế tục và niềm đam mê của tinh thần khổ hạnh, và trong ông hai mặt này được hợp nhất thành một tổng thể cá nhân. Đa số nhân loại thì lười suy nghĩ, thờ ơ, chìm đắm trong những phù phiếm, và hờ hững trong cảm xúc, và do đó không có khả năng có nhiều nghi ngờ hoặc nhiều niềm tin; và khi người bình thường tự xưng là người hoài nghi hoặc vô tín ngưỡng, thì đó thường là một tư thế đơn giản, che giấu sự miễn cưỡng không muốn suy nghĩ bất cứ điều gì cho đến rốt ráo. Phân tích trần trụi của Pascal về cảnh nô lệ của con người đôi khi được lý giải là Pascal thực sự và rốt cuộc là một người vô tín ngưỡng, một người mà, trong nỗi tuyệt vọng, không có khả năng chịu đựng được thực tại và vui hưởng sự thỏa mãn dửng dưng trong việc chẳng sùng bái đáng nào cả của con người tự do. Sự tuyệt vọng, sự vô vọng của ông, tuy nhiên, không hề minh họa cho sự yếu đuối cá nhân; chúng hoàn toàn khách quan, bởi vì chúng là những khoảnh khắc quan trọng trong bước tiến của linh hồn có trí tuệ; và đối với loại người như Pascal, chúng tương tự như hạn hán, đêm tối, vốn là một giai đoạn thiết yếu trong tiến trình của nhà thần cảm Thiên Chúa giáo. Một nỗi tuyệt vọng tương tự, khi nó xảy đến với một tính cách bệnh hoạn hoặc một linh hồn ươn tạp, có thể phát lộ trong những hậu quả tai hại nhất mặc dù thông qua

những biểu hiện tuyệt vời nhất; và như thế chúng ta có *Gulliver phiêu lưu ký*; nhưng trong Pascal chúng ta thấy không có sự biến dạng như vậy; nỗi tuyệt vọng của ông thì khủng khiếp hơn so với của Swift, bởi vì trái tim của chúng ta nói với chúng ta rằng nó tương ứng chính xác với các dữ kiện và không thể bị loại bỏ như bệnh tâm thần; nhưng đó cũng là một nỗi tuyệt vọng vốn là khúc dạo đầu cần thiết của, và là một yếu tố trong, niềm vui của đức tin.

Tôi không muốn đi sâu hơn mức cần thiết vào câu hỏi về tính dị giáo của phái Jansen; và nó không phải là mối quan tâm của bài viết này, liệu năm tuyên bố bị lên án ở Roma có thực sự được Jansenius khẳng định trong cuốn *Augustinus* của ông ta hay không; hoặc liệu chúng ta có nên bác bỏ hoặc tán đồng sự tàn lụi sau đó (thực ra do sự bức hại nào đó) của Port-Royal hay không. Thật không thể thảo luận vấn đề này mà không bị dính líu với tư cách là một nhà tranh biện ủng hộ hoặc chống lại Roma. Nhưng ở một người thuộc loại của Pascal - và loại người này luôn tồn tại - tôi nghĩ, họ luôn có một thành phần của những thứ có thể được gọi là thuyết Jansen về tính khí, mà không đồng nhất nó với thuyết Jansen của Jansenius và của các tiến sĩ mộ đạo và chân thành, nhưng không có tài năng thiên bẩm lớn.<sup>3</sup> Do đó, thật cần thiết phải xác định ngắn gọn học thuyết nguy hiểm của Jansenius là gì, mà không tiến quá xa vào điểu tinh túy về thần học. Trong thần học Thiên Chúa giáo và thực ra trên một bình diện thấp hơn với mọi con người vướng trong công việc hằng ngày, người ta công nhận rằng ý chí tự do hoặc nỗ lực tự nhiên và năng lực của cá nhân, và cả ân sủng siêu nhiên, một món quà được chúng ta hoàn toàn không biết thế nào, cả hai đều cần thiết, trong sự kết hợp, cho sự cứu rỗi. Mặc dù nhiều nhà thần học đã đặt trí thông minh của họ vào vấn đề này, nhưng nó vẫn kết thúc trong một bí ẩn mà chúng ta có thể cảm nhận nhưng cuối cùng không giải mã được, ít nhất, rõ ràng là, giống như bất kỳ học thuyết nào,

một bước đi hơi quá giới hạn hoặc hơi chệch sang bên này hoặc bên kia sẽ thúc đẩy một dị giáo. Phái Pelagius, vốn bị Thánh Augustinus bác bỏ, nhấn mạnh tính hiệu quả của nỗ lực của con người và coi nhẹ tầm quan trọng của ân sủng siêu nhiên. Phái Calvin nhấn mạnh sự xuống cấp của con người qua Tội tổ tông, và coi nhân loại đã hư hỏng; đến mức ý chí cũng chẳng ích gì; và do đó rơi vào học thuyết tiền định, phái Jansen dựa vào chính học thuyết ân điển theo Thánh Augustinus; và cuốn *Augustinus* của Jansenius đã được trình bày như là một giải thích vững chắc cho quan điểm của Augustinus.

Những dị giáo như vậy không bao giờ là cổ lỗ, bởi vì chúng mãi mãi khoác những hình thức mới. Ví dụ, sự khăng khăng đòi hỏi những công việc và “phục vụ” tốt vốn được rao giảng từ nhiều thế kỷ, hoặc đức tin đơn sơ rằng bất kỳ ai sống một cuộc sống tốt lành và hữu ích thì không cần “lo lắng” thiếu lành mạnh về sự cứu rỗi, là một hình thức của thuyết Pelagius. Ngược lại, người ta thỉnh thoảng nghe thấy quan điểm rằng sẽ chẳng có ảnh hưởng thực sự gì nếu mọi biện pháp trừng phạt tôn giáo theo truyền thống đối với hành vi đạo đức bị sụp đổ, bởi vì những người được sinh ra và nuôi dạy thành người tốt sẽ luôn muốn ứng xử tử tế, và những người không được nuôi dạy như vậy sẽ cư xử theo cách khác hẳn trong mọi trường hợp: và đây chắc chắn là một tành thức tiền định - vì may rủi của việc sinh ra làm người tử tế hay không thì cũng kém chắc chắn như món quà ân sủng vậy.

Rất có thể rằng Pascal đã bị thu hút bởi những thành quả của phái Jansen trong đời sống của Port-Royal cũng như bởi chính bản thân giáo lý này. Hội đoàn mộ đạo, khổ hạnh, chu đáo này phấn đấu một cách anh hùng giữa một khối Thiên Chúa giáo thoải mái và lơ lửng, được thành lập để thu hút một bản chất tập trung, say mê, và chu đáo như của Pascal. Nhưng việc nhấn mạnh mãi vào tình trạng suy đồi và trợ trợ của con người, trong phái

Jansen, cũng là điều chúng ta phải biết ơn, vì nhờ nó mà chúng ta có được sự phân tích tuyệt vời về động cơ nghề nghiệp của con người vốn sẽ cấu thành phần đầu của tác phẩm này của ông. Và ngoài thuyết Jansen vốn là tác phẩm của một vị giám mục không nổi tiếng lắm, người đã viết một luận văn bằng tiếng Latin mà bây giờ chưa được đọc, ta cũng có, cứ tạm nói như thế, một thuyết Jansen của tiểu sử cá nhân.

Một khoảnh khắc của phái Jansen có thể tự nhiên diễn ra, và diễn ra đúng, trong cá nhân; đặc biệt là trong cuộc đời của một người có năng lực trí tuệ lớn và mãnh liệt vốn không thể tránh nhìn thấy qua con người và quan sát được sự phù phiếm trong những suy nghĩ và những việc tiêu khiển của họ, sự thiếu trung thực và tự lừa dối của họ, sự thiếu thành thật của cảm xúc, sự hèn nhát, sự vụn vặt của những tham vọng thực sự của họ. Thực tế, với việc Pascal qua đời ở tuổi 39, người ta phải ngạc nhiên trước sự cân bằng và công chính trong các quan sát của ông; người ta cần phải trưởng thành hơn nhiều thì mới có được những phẩm chất này, trong khi bất kỳ sự vĩ đại về toán học hay khoa học nào cũng không đòi hỏi độ trưởng thành như thế. Ngẫm nghĩ của ông về *cảnh đau khổ của con người khi không có Thiên Chúa* hẳn đã có thể khuyến khích trong ông mầm tội lỗi của dục vọng tinh thần, *concupiscence de resprit*, dễ dàng làm sao, và ông giữ tính khiêm nhường vững chắc biết bao!

Và mặc dù Pascal đem vào tác phẩm này của ông cùng những năng lực mà ông từng sử dụng trong khoa học, nhưng ông không thể hiện mình như một nhà khoa học. Ông không hề có vẻ muốn nói với người đọc: Tôi là một trong những nhà khoa học xuất sắc nhất thời nay; tôi hiểu nhiều vấn đề vốn sẽ luôn là điều bí ẩn đối với bạn, và thông qua khoa học tôi đã đến với đức tin; do đó các bạn vốn không quen thuộc với khoa học cần phải có đức tin nếu tôi có đức tin đó. Ông ý thức rất rõ sự khác biệt của đề tài; và cách phân biệt lừng danh của ông giữa *esprit de géométrie* và *esprit de*

*finesse*<sup>4</sup> là một đi đầu để ta suy ngẫm. Chính sự gắn kết hợp lý giữa nhà khoa học, *homme honnête*,<sup>5</sup> với bản chất tôn giáo với sự khao khát đam mê hướng tới Thiên Chúa, đã làm cho Pascal trở nên độc đáo. Ông thành công ở chỗ Descartes thất bại; bởi vì trong Descartes, *esprit de géométrie* thì thái quá.<sup>6</sup> Và trong một vài đoạn về Descartes, trong cuốn sách này, Pascal đã chỉ ra chỗ yếu.

Người đọc cuốn sách này sẽ thấy ngay tính chất rời rạc của nó; nhưng chỉ sau một nghiên cứu nào đó sẽ nhận ra rằng tính rời rạc ấy nằm trong cách biểu đạt hơn là trong suy tưởng. “Suy tưởng” không thể tách rời nhau và được trích dẫn như thể từng suy tưởng đã tự nó trọn vẹn. *Le cœur a ses raisons que la raison ne connaît point*:<sup>7</sup> Người ta thường nghe câu này được trích dẫn biết bao lần, và biết bao lần nó được trích dẫn không đúng mục đích! Bởi vì đây không hề có ý đề cao “trái tim” so với “đầu óc”, một biện hộ cho sự vô lý. Trái tim, trong thuật ngữ của Pascal, tự nó thực sự hợp lý nếu nó thực sự là trái tim. Đối với ông, trong các vấn đề thần học, vốn có vẻ lớn hơn, khó khăn hơn, và quan trọng hơn nhiều so với các vấn đề khoa học trong mắt ông, toàn bộ tính cách đầu óc có liên quan.

Chúng ta không thể hoàn toàn hiểu được bất kỳ phần nào, khi chúng rời rạc như vậy, mà không có hiểu biết nào đó về tổng thể. Phân tích trọng yếu của ông là về ba trật tự: trật tự của thiên nhiên, trật tự của tinh thần, và trật tự của lòng kính Chúa yêu người. Ba trật tự này không liên tục; cái ở tầm cao hơn thì không ẩn tàng trong cái ở tầm thấp hơn như thường thấy trong một học thuyết tiến hóa.<sup>8</sup> Trong sự phân biệt này, Pascal nêu ra rất nhiều đi đầu mà thế giới hiện đại nên dành nhiều suy nghĩ cho chúng. Và quả thực, do sự kết hợp độc đáo và sự cân bằng giữa các phẩm chất của ông, tôi không thấy có tác giả tôn giáo nào trong thời đại của chúng ta phù

hợp hơn ông.

Các nhà thần cảm vĩ đại như Thánh Juan de la Cruz [Gioan Thánh Giá], chủ yếu dành cho độc giả với một xác quyết đặc biệt về mục đích; các tác giả sùng kính, chẳng hạn như Thánh François de Sales, chủ yếu dành cho những người đã khao khát tình yêu Thiên Chúa một cách có ý thức; các nhà thần học vĩ đại thì dành cho những người quan tâm đến thần học. Nhưng tôi không thể nghĩ ra tác giả Thiên Chúa giáo nào, cả Newman cũng không, xứng đáng hơn Pascal để giới thiệu cho những người còn nghi hoặc, nhưng cũng có tinh thần để tiếp thu, và có độ nhạy để cảm nhận, sự rối loạn, vô ích, vô nghĩa, mâu nhiệm của cuộc sống và đau khổ, và cũng là những người chỉ có thể tìm thấy bình yên thông qua sự thỏa mãn của toàn bộ bản thể.

**Phạm Viêm Phương** dịch

# SUY TƯỞNG

## VỀ TINH THẦN VÀ PHONG CÁCH

1. Sự khác biệt giữa tinh thần toán học và tinh thần trực giác - Với tinh thần toán học, các nguyên lý thực sự rõ ràng, nhưng khác hẳn với lối dùng thông thường; cho nên khi không có thói quen, thật khó mà hướng tâm trí về phía đó: nhưng dù hướng tâm trí về phía đó ít đến vậy, ta vẫn thấy trọn vẹn các nguyên lý, và ta phải có một tâm trí hoàn toàn thiếu chính xác thì mới suy đoán sai lạc lìa khỏi các nguyên lý vốn rõ ràng đến độ hầu như không thể không nhận thấy chúng.

Nhưng trong tinh thần trực giác, các nguyên lý hiện diện trong cách sử dụng thông thường và nằm ngay trước mắt mọi người. Ta chỉ cần nhìn, và không cần phải nỗ lực gì cả; nó chỉ là vấn đề về một thị lực tốt, nhưng thực sự phải tốt, bởi các nguyên lý thì tinh tế và nhiều đến nỗi hầu như không thể không nhận thấy chúng, ngoại trừ một số trong đó. Do việc bỏ sót một nguyên lý sẽ có thể dẫn tới sai lầm; nên ta phải có một cái nhìn thấu suốt để thấy mọi nguyên lý và, kể đó, phải có một tinh thần chính xác để không rút ra những suy đoán sai lạc từ những nguyên lý mà ta đã biết.

Mọi nhà toán học rồi sẽ có thể có tính trực giác nếu họ có được cái nhìn sáng suốt, bởi họ không suy đoán sai lạc từ những nguyên lý mà họ đã biết; và những tâm trí trực giác có thể mang tính toán học nếu họ có thể nhìn ra các nguyên lý toán học mà họ vốn không quen thuộc.

Vì thế, lý do khiến một số tinh thần trực giác không có tính toán học là ở chỗ họ không thể hướng sự chú ý của mình vào các nguyên lý toán học. Và lý do khiến các nhà toán học không có tính trực giác là ở chỗ họ không

nhìn thấy cái ngay trước mắt, và ở chỗ, do đã quen thuộc với những nguyên lý toán học chính xác và rõ ràng, và không lập luận cho đến khi họ kiểm tra và sắp xếp mạch lạc những nguyên lý của mình, họ bị lạc hướng trong những vấn đề trực giác vốn là chỗ mà trong đó các nguyên lý [toán học của họ] không cho phép sự sắp xếp như vậy. Chúng [những vấn đề trực giác] hiếm khi được nhìn thấy; chúng được cảm thấy hơn là nhìn thấy; nên khó khăn lớn nhất là việc giúp cho ai đó cảm được những vấn đề này khi mà họ không tự mình nhận thức được chúng. Những nguyên lý này thì tinh vi và nhiều đến mức ta cần phải có một ý thức nhạy bén và sáng suốt để nhận thức được chúng, và để phán đoán một cách chính xác và đúng đắn khi đã nhận thức được chúng, mà phần lớn không có khả năng trình bày chúng theo trật tự như trong toán học, vì chúng ta không hiểu các nguyên lý ấy theo cùng một cách, và bởi vì tiến hành việc đó có thể là một vấn đề bất tận. Chúng ta cần phải lập tức nhìn thấy vấn đề, chỉ bằng một cú liếc mắt, chứ không phải bằng một tiến trình suy luận, ít nhất ở một mức độ nào đó. Và như thế, hiếm khi các nhà toán học có được tính trực giác và những người có khả năng trực giác lại là nhà toán học, bởi vì các nhà toán học muốn xử lý những vấn đề trực giác theo lối toán học và khiến chúng trở nên buồn cười, khi mong muốn bắt đầu với những định nghĩa và sau đó là với các tiên đề, đó không phải là phương cách tiến hành trong hình thức suy luận này. Không phải rằng tâm trí không làm như thế, mà bởi nó làm một cách lặng lẽ, một cách tự nhiên, và không cần đến các quy tắc chuyên môn; bởi sự biểu hiện ngoài tầm với của mọi người, và chỉ một số ít có thể cảm thấy được.

Những người mang tinh thần trực giác, ngược lại, do đã quen thuộc như thế với việc đánh giá qua chỉ một cái nhìn, nên họ rất ngạc nhiên khi phải đối mặt với những mệnh đề mà họ chẳng hiểu chút gì, và cách tiếp cận những mệnh đề ấy qua những định nghĩa và tiên đề thì không có kết

quả, và họ lại không quen với việc xem xét những mệnh đề ấy một cách tỉ mỉ như vậy, đến nỗi họ thấy khó chịu và chán nản.

Nhưng những tâm trí trì độn thì chẳng bao giờ có tính toán học hoặc trực giác.

Những nhà toán học, vốn chỉ là những nhà toán học, thì có đầu óc chính xác, miễn là mọi chuyện đều được giải thích cho họ thông qua những định nghĩa và tiên đề, nếu không những điều ấy là không chính xác và không thể chấp nhận được, bởi chúng chỉ đúng khi những nguyên lý đều hoàn toàn rõ ràng.

Và những người thiên về trực giác vốn chỉ có tính trực giác thôi thì không có kiên nhẫn để đạt tới những nguyên lý đầu tiên của những thứ có tính tư biện và khái niệm, mà họ chưa bao giờ thấy trên đời và hoàn toàn khác thường.

**2. Có nhiều kiểu khác nhau của việc hiểu đúng; một số người có cách hiểu đúng trong một trật tự nhất định của sự vật hiện tượng, chứ không phải trong những trật tự khác mà họ đi lạc vào đó. Một số người rút ra những kết luận tốt từ một vài tiên đề, và điều này cho thấy óc phán đoán sắc bén.**

Một số khác rút ra những kết luận tốt khi đã có sẵn nhiều tiên đề

Ví dụ, loại người thứ nhất dễ dàng học được môn thủy tinh học, lĩnh vực vốn không có nhiều tiên đề, nhưng các kết luận tinh tế đến mức chỉ có những trí tuệ sắc bén nhất mới có thể đạt tới được.

Và mặc dù những người này có lẽ không phải là những nhà toán học vĩ đại, bởi toán học chứa đựng một số lượng tiên đề rất lớn, và có lẽ có một kiểu trí tuệ có thể dễ dàng xem xét đến rất ráo một số ít tiên đề và không thể thâm nhập một chút nào vào những vấn đề mà ở đó có nhiều tiên đề

Vì thế có hai loại trí tuệ: một có khả năng thâm nhập sắc bén và thâm sâu vào trong những kết luận được đưa ra từ những tiên đề, và đó là trí tuệ chính xác; loại kia có thể hiểu được một số lượng lớn những tiên đề mà không nhầm lẫn chúng, và đây chính là trí tuệ toán học. Một có sức mạnh và sự chính xác, một có được tầm bao quát. Khi ấy phẩm chất này có thể tồn tại mà không có phẩm chất kia; trí tuệ có thể mạnh và đi vào chi tiết, và cũng có thể rộng và yếu.

**3.** Những người quen với cách xem xét mọi việc qua cảm giác không nắm được quá trình suy lý, bởi họ thường hiểu ngay từ đầu và không quen với việc truy tìm những nguyên lý. Và ngược lại, những người khác vốn quen với việc tư duy từ những nguyên lý, không hiểu chút gì những vấn đề thuộc cảm giác, khi truy tìm những nguyên lý và không có khả năng thấy được trong thoáng chốc.

**4.** Toán học, trực giác - Tài hùng biện thực sự xem nhẹ sự hùng biện, phẩm hạnh thực sự xem nhẹ bài học đạo đức. Điều đó muốn nói rằng, đạo đức của sự xét đoán, vốn không có quy tắc, xem nhẹ đạo đức của khả năng lập luận.

Bởi tri giác thuộc về sự xét đoán, cũng như tri thức thuộc về trí lực. Trực giác là một phần của năng lực xét đoán, toán học là một phần của trí lực.

Một triết gia thực sự thì xem nhẹ triết học.

**5.** Những người đánh giá một công trình theo quy tắc khi so với người khác thì cũng giống như người có đồng hồ so với những người không có. Một người nói, “cách đây hai tiếng”, người khác nói, “chỉ mới bốn mươi lăm phút”. Tôi nhìn đồng hồ của mình, và nói với người này, “Bạn mệt mỏi”, và nói với người kia, “Thời gian quá nhanh với bạn”, bởi chỉ mới một tiếng rưỡi trôi qua, và tôi cười những người nói với tôi rằng đối với

tôi thời gian trôi thật chậm và rằng tôi nhận định qua trí tưởng tượng. Họ không biết tôi đưa ra ý kiến nhờ chiếc đồng hồ của mình.

**6.** Giống như việc gây tổn hại cho sự thấu hiểu, chúng cũng gây tổn hại cho những cảm xúc.

Sự thấu hiểu và cảm xúc được định hình nhờ sự giao thiệp, và cũng bị làm hỏng bởi sự giao thiệp. Do vậy, xã hội tốt hay sẽ giúp cải thiện hoặc làm hỏng chúng. Do đó, biết chọn lựa như thế nào để cải thiện hoặc không làm hỏng chúng là điều quan trọng hơn cả; và chúng ta không thể thực hiện việc chọn lựa này, nếu chúng chưa được cải thiện và chưa bị làm hỏng. Vì thế, một vòng tròn được hình thành, và những ai thoát khỏi nó thì thực sự may mắn.

**7.** Người trí tuệ hơn sẽ thấy nhiều sự độc đáo hơn bên trong con người. Những người bình thường không thấy được sự khác biệt giữa con người với con người.

**8.** Có nhiều người nghe một bài thuyết giáo giống cách họ nghe kinh chiêu.

**9.** Khi chúng ta, với chút lợi thế, mong muốn sửa lỗi người khác và cho người khác thấy anh ta sai lầm, chúng ta phải chú ý tới việc anh ta nhìn nhận vấn đề ấy từ khía cạnh nào, bởi theo góc độ đó anh ta thấy vấn đề thường là đúng, và thừa nhận sự thật đó đối với anh ta, nhưng cũng cho anh ta thấy vấn đề là sai trên phương diện nào. Anh ta hài lòng với việc đó, bởi anh ta thấy rằng mình không mắc lỗi mà chỉ chưa nhìn được vấn đề từ mọi khía cạnh thôi. Như thế không ai bị xúc phạm khi không nhìn thấy được tất cả; nhưng người ta không thích bị mắc lỗi, và điều đó có thể nảy sinh từ thực tế rằng con người theo lẽ tự nhiên không thể nhìn thấy hết mọi thứ, và một cách tự nhiên anh ta không thể phạm lỗi từ góc độ nhìn của mình, bởi sự nhận thức thông qua các giác quan của chúng ta luôn đúng.

**10.** Nhìn chung, con người được thuyết phục tốt hơn qua những lý lẽ do chính họ tìm thấy hơn là qua những gì đến từ tinh thần người khác.

**11.** Mọi trò tiêu khiển cao độ đều nguy hiểm đối với đời sống Thiên Chúa giáo; nhưng trong tất cả những trò mà thế gian đã tạo ra chẳng gì đáng ngại hơn kịch. Đó là một sự trình diễn tự nhiên và vi tế của những nhiệt huyết, đến mức nó khơi dậy và làm nảy sinh chúng trong trái tim chúng ta, và đặc biệt là làm nảy sinh những cảm xúc mạnh của tình yêu; nhất là khi thể hiện tình yêu đó vô cùng trong trắng và tiết hạnh. Bởi tình yêu càng có vẻ ngây thơ đối với những tâm hồn ngây thơ, nó càng dễ gây xúc động cho những tâm hồn đó. Sự bạo liệt của nó làm hài lòng tình yêu bản ngã của chúng ta, thứ ngay lập tức tạo nên ham muốn gây ra những kết quả tương tự mà người ta thấy đi đâu đó được thể hiện rõ thế nào; và đồng thời, chúng ta tự biến mình thành một tâm thức dựa trên sự đứng đắn của những tình cảm mà chúng ta thấy ở đó, qua đó nỗi sợ của những tâm hồn thuần khiết sẽ bị loại bỏ, bởi họ [những tâm hồn thuần khiết] tưởng tượng rằng sự thuần khiết của họ không thể bị phương hại khi yêu với một tình yêu dường như đúng mực như thế với họ.

Như thế, người ta rời vở kịch với trái tim tràn đầy những vẻ đẹp và sự dịu dàng của tình yêu, tâm hồn và tâm trí thực sự bị thuyết phục về sự vô tội của nó, đến mức người ta gần như sẵn sàng nhận lấy những ấn tượng ban đầu của nó, hay đúng hơn là tìm kiếm cơ hội để đánh thức chúng trong trái tim của ai đó, để nhận lấy những niềm vui và sự hy sinh tương tự mà chúng ta đã thấy được thể hiện rất rõ trong vở kịch ấy.

**12.** Scaramuccia [*Pháp*, Scaramouche], người chỉ nghĩ đến một đi đâu.

Dottore, nói trong khoảng mười lăm phút sau khi đã nói tất cả, đầy ham muốn được nói đến vậy.<sup>9</sup>

**13.** Người ta thích nhìn thấy sai lầm, đam mê của Cléobuline,<sup>10</sup> bởi cô ta không ý thức được về nó. Cô ta hẳn không vừa lòng, nếu cô ta không bị lừa dối.

**14.** Khi một diễn văn tự nhiên vẽ lên một niềm đam mê hay một hiệu ứng, người ta cảm thấy được bên trong chính mình sự thật của điều mà người ấy đọc, cái sự thật đã có ở đó từ trước, tuy rằng người ta không biết đến nó. Vì thế, người ta bị hướng đến việc yêu người giúp chúng ta cảm thấy được sự thật ấy, bởi anh ta đã không chỉ cho chúng ta thấy cái hay cái đẹp của anh ta, mà của chúng ta. Và vì thế điều tốt đẹp này khiến anh ta trở nên đáng yêu trong mắt chúng ta, bên cạnh đó cảm giác về cộng đồng trí tuệ như thế mà chúng ta có với anh ta tất yếu khiến trái tim chúng ta có xu hướng yêu anh ấy.

**15.** Tài hùng biện, thuyết phục bằng sự ngọt ngào, chứ không bằng quyền lực; như một bạo chúa, chứ không như một vị vua.

**16.** Tài hùng biện là một nghệ thuật nói những điều theo cách mà những người mà ta cùng trò chuyện có thể nghe chúng với niềm vui mà không đau đớn; rằng họ cảm thấy bản thân được quan tâm, cốt để tình yêu bản thân đưa họ đến việc suy nghĩ về điều đó một cách tự nguyện hơn.

Điều đó, khi ấy, cốt ở một sự tương hợp mà chúng ta tìm cách thiết lập, một mặt, giữa khối óc và trái tim những người mà chúng ta nói chuyện, và, mặt khác, giữa tư tưởng và cách diễn đạt mà chúng ta sử dụng. Việc này giả định rằng chúng ta đã nghiên cứu cẩn thận tâm hồn con người để biết những sức mạnh của nó và, sau đó, để tìm ra tỷ lệ chính xác cho bài diễn văn mà chúng ta muốn phù hợp với những sức mạnh đó. Khi ấy cần phải đặt bản thân vào vị trí của người nghe, và tiến hành thử nghiệm với chính tâm hồn mình về chiều hướng mà chúng ta muốn đem đến cho bài diễn văn, nhằm để xem cái này có thực sự tương hợp với cái kia không, và liệu

chúng ta có thể đảm bảo với chính mình rằng người nghe sẽ, có thể nói, bị thuyết phục không. Chúng ta phải giới hạn bản thân, hết mức có thể, vào những điếu đơn giản và tự nhiên, và không phóng đại cái nhỏ, hay hạ thấp những điếu lớn lao. Một điếu đẹp đẽ thôi chưa đủ, mà còn phải phù hợp với chủ đề, và tuyệt không gì thái quá hay khiếm khuyết trong đó cả.

**17.** Sông là con đường luôn chuyển động, và nó sẽ mang chúng ta đi đến nơi chúng ta muốn.

**18.** Khi chúng ta không biết sự thật về một điếu, thì thật là thuận lợi rằng ắt phải có một lỗi chung gắn vào tâm trí của con người, như chuyện, ví dụ, mặt trăng, được cho là nguyên nhân của sự thay đổi các mùa, của sự phát triển các căn bệnh... Bởi căn bệnh chủ yếu của con người là sự tò mò không yên về mọi thứ mà họ không thể hiểu; và việc anh ta vướng phải sai lầm thì cũng tốt như chuyện tò mò vô ích thôi.

Cách mà Epíktetos [*Pháp*, Épictète; *Anh*, Epictetus], Montaigne, và Salomon de Tultie<sup>11</sup> viết là thường dùng nhất, có tính chất gợi ý nhất, được ghi nhớ nhiều nhất, và được trích dẫn thường xuyên nhất, bởi nó hoàn toàn chứa đựng những tư tưởng được sinh ra từ câu chuyện thông thường về cuộc sống. Như khi nói về lỗi lầm thường gặp ở nhiều người rằng mặt trăng là căn nguyên của mọi thứ, chúng ta chưa bao giờ quên không nói rằng Salomon de Tultie nói điếu đó, khi chúng ta không biết sự thật về một điếu, thì thật là thuận lợi khi có một lỗi chung cho tất cả...; chính là ý nghĩ ở trên.

**19.** Điếu cuối cùng mà người ta tìm được khi viết một cuốn sách chính là điếu mà người ta nên nêu ra trước tiên.

**20.** Trật tự - Tại sao tôi nên chia đức hạnh của mình thành bốn hơn thành sáu? Tại sao tôi nên xác lập đức hạnh thành bốn, thành hai, hay một?

Tại sao chia thành *abstine et sustine* hơn là “thuận theo tự nhiên”,<sup>12</sup> hay, “Hãy làm những việc riêng tư không chút bất công” như Pláton, hay bất cứ điều gì khác? Nhưng bạn sẽ nói, tất cả được chứa đựng trong một từ. Vâng, nhưng chẳng ích gì nếu không có sự giải thích, và khi đi tới việc giải thích từ đó, ngay khi khai mở châm ngôn này vốn chứa đựng tất cả những điều còn lại, những điều ấy xuất hiện ngay trong sự rối loạn đầu tiên đó mà bạn muốn tránh. Vì thế, khi tất cả chúng bị bao gồm trong một, chúng bị giữ kín đi và không có ích gì, như trong một chiếc rương, và không bao giờ xuất hiện ở đâu khác ngoại trừ trong sự rối loạn tự nhiên của chúng. Tự nhiên đã thiết lập nên tất cả mà không bao gồm cái này trong cái khác.

**21.** Mọi lẽ thật của tự nhiên luôn tồn tại độc lập với nhau. Nghệ thuật của chúng ta lại khiến cái này phụ thuộc vào cái khác, điều này phi tự nhiên; mỗi sự thật đều có chỗ riêng của nó.

**22.** Đừng để ai nói rằng tôi đã không nói được điều gì mới; sự sắp xếp đề tài là mới. Khi chơi quăn vọt, chúng ta chơi với cùng một quả bóng, nhưng người này đánh bóng tốt hơn người khác.

Tôi cũng thích người ta bảo tôi rằng tôi sử dụng những từ được dùng trước đó. Và tương tự nếu những ý nghĩ y hệt nhau, theo một cách sắp xếp khác, lại không tạo được một diễn ngôn khác, thì những từ ngữ giống hệt nhau, theo một cách sắp xếp khác, cũng không tạo ra những ý nghĩ khác được nữa.

**23.** Nhưng từ được sắp xếp theo cách khác đi sẽ có một ý nghĩa khác, và những ý nghĩa được sắp xếp theo cách khác đi sẽ có ảnh hưởng khác.

**24.** Ngôn ngữ - Ta không nên chuyển hướng tâm trí từ điều này sang điều khác, ngoại trừ để thư giãn, và [làm điều đó] khi cần thiết và vào thời điểm thích hợp, và không theo cách nào khác. Bởi người nào thư giãn

không đúng lúc sẽ mệt mỏi, và ai làm chúng ta mệt mỏi không đúng lúc sẽ khiến chúng ta lờ đờ, vì chúng ta quay lưng với mọi thứ. Lòng ham muốn đĩ trụy của chúng ta rất thích làm đi ều trái ngược với đi ều mà ta muốn có được từ chúng ta mà không đem lại cho chúng ta niềm vui, đó là thứ ti ền bạc mà để có được nó chúng ta sẽ làm [cho đi] mọi thứ mà người ta muốn.

**25.** Tài hùng biện - cần phải có cái thú vị và cái thực hữu; nhưng bản thân cái thú vị phải được rút ra từ thực tại.

**26.** Tài hùng biện là một bức tranh của ý tưởng; và như thế những ai sau khi vẽ còn thêm vào một số thứ, sẽ tạo nên một bức họa thay vì một chân dung.

**27.** Thứ đa tạp. Ngôn ngữ - Những ai tạo ra phản đề bằng cách o ép ngôn từ cũng giống như những người làm ra những cửa sổ giả để có được sự đối xứng. Quy tắc của họ không phải để nói đúng, mà để tạo ra hình thái tu từ thích hợp.

**28.** Sự cân đối là thứ ta nhìn thoáng qua là thấy; dựa vào thực tế rằng ta không có lý do để làm khác đi, và cũng dựa vào hình dáng con người; từ đó hóa ra người ta chỉ muốn có sự cân đối theo chiều ngang, mà không theo chiều cao hay chiều sâu.

**29.** Văn phong. Khi gặp một văn phong tự nhiên, ta ngạc nhiên và vui thích; vì ta định ninh sẽ gặp một tác giả mà ta lại thấy một con người. Trong khi những người có khiếu thường ngoạn tốt, và họ, khi gặp một cuốn sách, hy vọng tìm thấy một con người, lại hoàn toàn ngạc nhiên khi gặp một tác giả. Lại thêm *poetic quam humane locutus es*.<sup>13</sup> Những người xem trọng Thiên nhiên cũng dạy rằng Thiên nhiên có thể nói về mọi thứ, thậm chí cả về thần học.

**30.** Người ta chỉ hỏi ý kiến đôi tai vì thiếu trái tim. Quy tắc là sự chính

trực.

Cái đẹp của sự bỏ quên, của năng lực phán đoán.

**31.** Mọi Vẻ đẹp giả tạo mà người ta chê trách trong Cicero vẫn có những người hâm mộ với số lượng rất nhiều.

**32.** Có một kiểu mẫu nào đó về sự thanh nhã và vẻ đẹp vốn chủ yếu nằm trong mối liên hệ nào đó giữa bản chất của chúng ta, tạm gọi là thể, yếu hoặc mạnh và thứ khiến chúng ta hài lòng.

Bất cứ những gì được hình thành dựa trên kiểu mẫu này đều làm chúng ta hài lòng, dù là ngôi nhà, bài hát, diễn văn, thơ, văn, phụ nữ, chim chóc, những dòng sông, cây cối, những căn phòng, thói quen... Những gì không được tạo ra theo kiểu mẫu này đều không làm vừa lòng người có khiếu thẩm mỹ tốt.

Và vì có một mối liên hệ hoàn hảo giữa một bài hát và một ngôi nhà vốn được tạo ra theo một kiểu mẫu tốt, bởi chúng tương đồng với kiểu mẫu tốt này, dấu mỗi thứ có khác nhau về tính chất; thậm chí có một mối quan hệ hoàn hảo giữa những thứ được làm phỏng theo một kiểu mẫu tồi. Kiểu mẫu tồi đó không phải là duy nhất, mà có vô cùng nhiều; nhưng mỗi bài sonnet tồi, chẳng hạn, được hình thành theo bất kỳ kiểu mẫu sai lạc nào, thì cũng giống một phụ nữ ăn mặc theo kiểu mẫu đó.

Chẳng gì khiến chúng ta hiểu rõ vẻ nực cười của một bài sonnet lạc điệu hơn là việc xem xét thiên nhiên và kiểu mẫu ấy, và tiếp theo đó hình dung một người phụ nữ hay một ngôi nhà được làm theo kiểu mẫu đó.

**33.** Vẻ đẹp thi ca - Vì nói về vẻ đẹp thi ca, nên cũng cần phải nói về vẻ đẹp toán học và vẻ đẹp y học; nhưng chúng ta không làm như vậy vì lý do, chúng ta biết rõ cái gì là đối tượng của toán học và nó cốt ở những chứng minh, cái gì là đối tượng của y học và nó cốt ở việc chữa bệnh; nhưng

người ta không biết sự thanh nhã vốn là đối tượng của thi ca cốt ở đi đâu gì. Người ta không biết kiểu mẫu tự nhiên cần phỏng theo; và vì sự thiếu hiểu biết này nên đã tạo ra những thuật ngữ kỳ dị, “siècle d’or” (thời kỳ hoàng kim), “merveille de nos jours” (kỳ quan của thời đại chúng ta), “fatals” (tìên định)...., và gọi biệt ngữ này là vẻ đẹp thi ca.

Nhưng người nào hình dung một người phụ nữ theo kiểu mẫu này, nằm ở việc nói về những thứ nhỏ nhất bằng những lời to tát, sẽ thấy một cô gái đẹp được tô điểm với đầy gương và trang sức, anh ta sẽ cười vì biết về duyên dáng của một người phụ nữ cốt ở đi đâu gì rõ hơn về duyên dáng của câu thơ. Nhưng ai không biết hẳn sẽ chiêm ngưỡng cô ấy trong trang phục này, và có nhiều ngôi làng ở đó cô ta được xem như nữ hoàng; và vì thế chúng ta gọi những bài sonnet được làm theo kiểu mẫu này là “reines de village” (nữ hoàng làng).

**34.** Trên thế gian, không ai được xem là có tài thơ nếu anh ta không trưng bày hiệu của một nhà thơ, một nhà toán học... nhưng những người có hiểu biết đầy đủ không muốn một bảng hiệu và không phân biệt gì nhiều giữa nghề nghiệp của một nhà thơ và của một thợ thêu.

Những người có hiểu biết toàn vẹn không được gọi là nhà thơ hay nhà toán học...; nhưng họ là tất cả [những nhà đó] và đánh giá được về tất cả những người này. Người ta không đoán biết được họ. Khi bước vào, họ nói về những gì người khác đang nói. Người ta không nhận ra nơi họ một phẩm chất này thay vì một phẩm chất khác, trừ khi họ phải dùng tới nó. Nhưng sau đó, người ta nhớ phẩm chất ấy, bởi nó là đặc trưng của những người như thế, đến độ ta không nói về họ rằng họ là người nói tốt, khi vấn đề đang bàn không phải là về nghệ thuật diễn thuyết, và người ta nói về họ rằng họ nói giỏi khi đương bàn đến việc như vậy.

Bởi thế, khi một người bước vào, và ta nói anh ta là một nhà thơ rất

hay, thì đó chỉ là một lời khen giả tạo; và hẳn là một bằng hiệu t ồi khi người ta không yêu c ầu một người đưa ra nhận định về mấy câu thơ nào đó.

**35.** Chúng ta không nên diễn tả về một người, “Anh ta là một nhà toán học”, hay “một nhà truyền giáo” hay “nhà hùng biện”; mà anh ta là “một người đàng hoàng”- chỉ riêng giá trị phổ quát này mới khiến tôi hài lòng. Khi gặp một người, bạn nhớ đến cuốn sách của anh ta, đó là một bằng hiệu t ồi. Tôi thích hơn việc bạn không thấy phẩm chất nào cho tới khi gặp và có cơ hội sử dụng nó, *Ne quid nimis*,<sup>14</sup> vì ngại rằng một giá trị nào đó nổi bật lên và định danh con người đó; rằng người ta không nghĩ anh ta là một diễn giả giỏi, trừ phi đang bàn đến nghệ thuật diễn thuyết, và khi ấy hãy để người ta nghĩ như thế.

**36.** Con người đầy những nhu cầu. Người ta chỉ yêu những ai có thể thỏa mãn tất cả những nhu cầu ấy. Đó là một nhà toán học giỏi, người ta sẽ nói, nhưng tôi chẳng có liên quan gì với toán học; anh ta sẽ xem tôi như một mệnh đề. Đây là một người lính tốt: anh ta sẽ xem tôi như một thị trấn bị bao vây. Khi ấy, tôi cần một người ngay thẳng, người có thể đi đầu tiết bản thân với mọi nhu cầu của tôi nói chung.

**37.** Bởi chúng ta không thể toàn năng bằng cách biết tất cả những gì có thể được biết về mọi thứ, cần phải biết một chút về mọi thứ, vì rõ ràng tốt hơn khi biết đi đầu gì đó về mọi thứ hơn là biết mọi đi đầu về một thứ. Tính toàn thể này là tốt nhất. Nếu có thể có cả hai còn tốt hơn, nhưng nếu phải chọn thì cần phải chọn đi đầu đầu tiên. Và nhân loại biết đi đầu này và làm vậy, vì nhân loại thường xét đoán tốt.

**38.** Một nhà thơ và một người không lương thiện.

**39.** Nếu sét đánh vào những nơi thấp,..., các nhà thơ và những ai chỉ

biết lý luận về những việc kiêu này, sẽ thiếu những minh chứng.

**40.** Các ví dụ mà người ta dùng để chứng minh những điếu khác, nếu người ta muốn chứng minh những ví dụ thì phải lấy những thứ khác nữa làm ví dụ. Vì người ta luôn tin rằng có sự khó khăn trong điếu mình muốn chứng minh, người ta thấy những ví dụ thì rõ ràng hơn và giúp cho việc chứng minh điếu đó.

Như thế khi muốn chứng minh một điếu có tính chất tổng quát, ta cần đưa ra quy tắc riêng cho một trường hợp cụ thể; nhưng nếu muốn chứng minh một trường hợp cụ thể thì cần phải bắt đầu với quy tắc chung. Bởi vì người ta luôn nhận thấy điếu họ muốn chứng minh thì tối tăm còn điếu họ dùng làm bằng chứng thì rõ ràng; bởi vì khi đưa ra một điếu cần chứng minh, trước tiên người ta để tâm trí chìm trong tưởng tượng rằng điếu đó, như thế, rất tối tăm, và ngược lại, những gì sắp chứng minh cho điếu đó thì rõ ràng, và như thế ta dễ dàng hiểu được nó.

**41.** Thơ trào phúng của Martialis - Con người thích tính thâm hiểm, nhưng không nhằm chống lại những người chột mắt hay những người thiếu may mắn, mà chống lại những người may mắn và kiêu hãnh. Người ta nhầm khi nghĩ khác, vì dục vọng là nguồn cơn mọi sự biến động của chúng ta, và nhân loại,... cần làm vui lòng những ai có những tình cảm dịu dàng và nhân bản.

Bài thơ trào phúng đó về hai người chột mắt thì chẳng có giá trị gì, bởi nó không an ủi được họ và chỉ mang lại vinh quang cho tác giả. Tất cả những gì chỉ mang lại lợi ích cho tác giả thì chẳng có giá trị gì. *Ambitiosa recidet ornamenta.*<sup>15</sup>

**42.** Gọi một vị vua là “ông hoàng” người ta thấy thoải mái, bởi nó hạ thấp đẳng cấp của ông ta.

**43.** Một số tác giả, khi đề cập đến những công trình của mình, họ nói: “Cuốn sách của tôi”, “Bài bình luận của tôi”, “Lịch sử của tôi”... Họ giống người thuộc tầng lớp trung lưu có một ngôi nhà của riêng mình và luôn có cụm từ “Nhà của tôi” nơi cửa miệng. Có lẽ tốt hơn nếu họ nói: “Cuốn sách của chúng tôi”, “Bài bình luận của chúng tôi”, “Lịch sử của chúng tôi”..., bởi vì trong chúng có nhiều của người khác hơn của chính họ.

**44.** Bạn muốn mọi người tin tưởng vào điều tốt đẹp của bạn? Đừng nói.

**45.** Ngôn ngữ là mật mã, ở đó chữ không được chuyển thành chữ, mà từ thành từ, để cho một ngôn ngữ mới lại có thể giải mã được.

**46.** Người nói những lời hoa mỹ, một tính cách tồi.

**47.** Có một số người nói hay và viết dở. Vì khung cảnh, người nghe sưởi ấm họ, và rút được từ tâm trí họ nhiều thứ hơn mức họ nghĩ khi không có sự sưởi ấm này.

**48.** Khi trong một bài diễn văn có những từ lặp lại và qua việc cố gắng chỉnh sửa chúng, ta thấy rằng chúng thích hợp đến nỗi bài diễn văn bị ta làm hỏng, ta cần để chúng yên. Đây là sự kiểm định; và nỗ lực của ta là việc làm thể hiện sự đổ kỵ, một việc mù quáng, và không biết rằng sự lặp lại đó ở đoạn này không phải là một khuyết điểm; vì không có quy tắc chung.

**49.** Che giấu bản chất và ngụy trang nó. Không còn vua, giáo hoàng, giám mục nữa, mà là quốc vương uy nghiêm...; không còn Paris, mà là thủ đô của vương quốc. Có những nơi mà ở trong đó ta phải gọi Paris là “Paris”, và những nơi khác mà ở trong đó ta phải gọi nó là thủ đô của vương quốc.

**50.** Văn ý nghĩa ấy sẽ thay đổi theo ngôn từ thể hiện nó. Những ý nghĩa

nhận được chân giá trị của chúng từ ngôn từ thay vì gán giá trị đó cho chúng. Cần tìm kiếm những ví dụ.

**51.** Người theo chủ nghĩa hoài nghi, bởi ngoan cố.

**52.** Không ai gọi người khác là thị thầ *n* [*courtisan*] hơn những người không phải thị thầ *n*, gọi thông thái rỏm hơn người không thông thái rỏm, gọi dân tính lẽ hơn người không phải dân tính lẽ; và tôi đánh cuộc rằng chính thợ in đặt nó vào tiêu đề của tập *Lettres au provincial*.<sup>16</sup>

**53.** Một chiếc xe ngựa bị đỗ hay bị *lật* ngược tùy theo ý định [của người nói]. *Tràn ra* hay đỗ tùy theo ý định. (Bài biện hộ của M. le Maistre về một vụ cưỡng ép đi tu).

**54.** Đa tạp - Hình thức phát biểu. “Tôi lẽ ra phải thích chuyên tâm vào việc đó”.

**55.** Công dụng giải tỏa của một chiếc chìa khóa, công dụng hấp dẫn của một thanh móc (croc).

**56.** Đoán: “Phần mà tôi góp vào sự khó chịu của ngài”. Ngài H ồ *ng* y không muốn bị đoán.

“Tôi có tâm trí đầy lo lắng”; [viết hoặc nói rằng] tôi đầy lo lắng thì tốt hơn.<sup>17</sup>

**57.** Tôi luôn cảm thấy không thoải mái với những lời này: “Tôi đã khiến bạn thực sự vất vả”, “Tôi sợ khiến bạn buồn chán”, “Tôi e rằng việc này quá lâu”. Chúng ta hoặc lôi cuốn người nghe, hoặc khiến họ buồn chán.

**58.** Bạn thiếu sự nhã nhậ *n*: “Xin ông tha lỗi cho tôi”. Không có lời xin lỗi ấy tôi đã không nhận ra đã có điề *u* gì sai. “Xin thứ lỗi cho chứ”. Điề *u* t ấ *t* duy nhất là lời xin lỗi của họ.

**59.** “Dập tắt ngọn đuốc phản loạn”; quá hoa mỹ. “Sự bất an của thiên tài anh ta”: hai từ mạnh quá mức.

## II

# SỰ ĐAU KHỔ CỦA CON NGƯỜI KHÔNG THIÊN CHÚA

**60.** Phần thứ nhất: Sự đau khổ của con người không Thiên Chúa Phần thứ hai: Hạnh phúc của con người có Thiên Chúa.

Hay là,

Phần thứ nhất: Rằng bản chất con người suy thoái, được chứng minh bởi chính bản chất ấy.

Phần thứ hai: Rằng có một Đấng Cứu thế, được chứng minh qua Kinh Thánh.

**61.** Trật tự - Bài luận này của tôi có thể được làm theo trật tự như thế này: để chỉ ra tính hư ảo của mọi dạng hoàn cảnh, chỉ ra tính hư ảo của những đời sống thông thường, và tiếp đến là tính hão huyền của đời sống triết học, của những người hoài nghi, của những người theo trường phái khắc kỷ; nhưng trật tự đó không được tuân thủ. Tôi biết một chút đi đầu đó là gì, và số người hiểu đi đầu đó thì ít tới đâu. Không khoa học nhân văn nào có thể tuân thủ được nó. Thánh Tommaso d'Aquino [*Pháp*, Thomas d'Aquin; *Anh*, Thomas Aquinas] đã không giữ được nó. Toán học giữ được nó, nhưng toán học vô ích vì chiều sâu của nó.

**62.** Lời giới thiệu phần thứ nhất - Để nói về những ai đã luận giải quanh tri thức về cái tôi; về những cách phân chia của Charron,<sup>18</sup> đi đầu làm chúng ta phiền muộn và mệt mỏi. Về sự nhàn lãn của Montaigne, rằng ông ta đã nhận thấy được khá rõ về sự thiếu phương pháp của mình, và lảng

tránh nó bằng việc nhảy từ chủ đề này sang chủ đề khác; rằng ông ta đang tìm bầu khí dễ chịu.<sup>19</sup>

Dự án của ông ta mô tả chính bản thân mình thực ngu ngốc! Và đi đâu này không ngẫu nhiên và đi ngược lại những châm ngôn của ông ta, vì ai cũng mắc sai lầm, nhưng bởi chính những châm ngôn của ông ta, và bởi chính ý đồ ban đầu. Vì nói những đi đâu ngớ ngẩn tình cờ và non kém là một lỗi thông thường, nhưng việc nói chúng một cách cố ý thì không thể dung thứ, và nói đến đi đâu như thế...

**63.** Montaigne - Những sai lầm của Montaigne là rất lớn. Những từ ngữ khiêu dâm. Đi đâu này không ra gì, bất kể [công sức của] Tiểu thư de Gournay<sup>20</sup>. Nhẹ dạ: những người không có mắt. Dốt nát: việc nan giải, một thế giới lớn hơn. Những cảm tưởng của ông ta về tự sát, về cái chết. Ông ta đặt vấn đề về sự không quan trọng của việc cứu vớt linh hồn, không có sự sợ hãi và không ăn năn. Vì cuốn sách của ông ta không được viết ra nhằm đưa mọi người tới lòng mộ đạo; nhưng không để con người quay lưng lại với tâm tình đó luôn là bổn phận của chúng ta. Người ta có thể tha thứ cho những quan điểm có phần phóng túng và truy lục của ông ta trong những mối quan hệ cuộc sống; nhưng không thể tha thứ cho những cái nhìn nghịch đạo về cái chết. Bởi nhìn chung phải từ bỏ lòng mộ đạo nếu người ta ít nhất không muốn chết như một người Thiên Chúa giáo. Giờ thì qua toàn bộ cuốn sách, quan niệm duy nhất của ông ta về cái chết chỉ là một cái gì đó hèn nhát và yếu đuối.

**64.** Không phải ở Montaigne mà ở chính tôi mà tôi thấy được tất cả những gì tôi nhận ra trong ông ta.

**65.** Cái gì tốt có ở Montaigne thì chỉ có thể đạt được với sự khó khăn. Cái xấu ở ông ta, tôi muốn nói là ngoại trừ quy tắc đạo đức của ông ta, có thể được sửa đổi trong chốc lát nếu người ta cho ông ấy biết rằng, ông ấy

đã tạo ra quá nhiều chuyện không đáng và nói quá nhiều về bản thân mình.

**66.** Cần phải hiểu được bản thân. Nếu điều này không phục vụ việc tìm kiếm chân lý, thì ít nhất cũng là một nguyên tắc sống, và chẳng gì tốt hơn.

**67.** Tính hư ảo của khoa học - Khoa học về những thứ bên ngoài sẽ không an ủi được tôi trong việc tôi thiếu hiểu biết về giá trị đạo đức khi sầu não, nhưng khoa học về đạo đức luôn an ủi tôi trong việc tôi thiếu hiểu biết về những khoa học bên ngoài.

**68.** Người ta không được dạy cách trở thành người đức hạnh, và được dạy về mọi điều còn lại. Và họ chưa bao giờ tự đắc về khối kiến thức còn lại của họ cho bằng tự đắc về việc biết cách trở thành người đức hạnh. Họ chỉ tự đắc về việc biết được điều duy nhất mà họ không biết gì cả.

**69.** Cái vô hạn lượng, cái trung bình - Khi chúng ta đọc quá nhanh hoặc quá chậm, chúng ta chẳng hiểu gì.

**70.** Thiên nhiên... - Thiên nhiên đã đặt chúng ta ở trung tâm tốt đến nỗi nếu chúng ta thay đổi một bên của sự cân bằng, chúng ta cũng, thay đổi cả bên kia. Điều này khiến tôi tin rằng trong cái đầu của chúng ta có những lò xo động lực được điều chỉnh sao cho ai đó chạm vào cái này thì cũng chạm vào cái đối cực bên kia.

**71.** Quá nhiều và quá ít rượu. Không đem gì cho anh ta: anh ta không thể tìm ra sự thật. Đem cho anh ta quá nhiều: cũng thế.

**72.** Sự bất tương xứng nơi con người - Đây là nơi những tri thức tự nhiên dẫn chúng ta tới. Nếu những tri thức này không thật, thì chẳng có sự thật nào trong con người; và nếu chúng thật, anh ta tìm thấy ở đó lý do lớn lao của tình trạng bị làm nhục, khi buộc phải hạ thấp bản thân theo cách này hay cách khác.

Và vì anh ta không thể còn tồn tại mà không tin vào những tri thức này,

tôi mong rằng, trước khi bước vào những nghiên cứu sâu hơn về bản chất con người, anh ta có thể xem xét nó một lần thực sự nghiêm túc và không vội vàng, rằng anh ta cũng nhìn vào bản thân và đánh giá xem liệu có một sự tương xứng nào đó với bản chất con người không, bằng việc so sánh mà anh ta sẽ tiến hành với hai đối tượng này.

Hãy để con người khi ấy lặng ngấm toàn thể tự nhiên trong vẻ uy nghi lớn lao và đầy đủ của nó, và đưa cái nhìn của anh ta rời khỏi những đối tượng thấp kém xung quanh mình. Hãy để anh ta nhìn vào ánh sáng rực rỡ đó, được đặt như một ngọn đèn vĩnh cửu soi sáng vũ trụ; hãy để trái đất với anh ta chỉ là một điểm khi so với đường tròn khổng lồ mà thiên thể này vẽ ra; và hãy để anh ta ngạc nhiên về chính cái vòng tròn khổng lồ này chỉ là một điểm rất tinh tế so với đường tròn mà những thiên thể này ôm trọn khi chuyển động trong bầu trời. Nhưng nếu cái nhìn của chúng ta bị giam hãm ở đó, hãy để trí tưởng tượng của chúng ta vượt ra ngoài; nó sẽ cạn kiệt sức tưởng tượng nhanh hơn thiên nhiên cạn kiệt sức cung ứng [chất liệu cho tưởng tượng]. Toàn bộ thế giới thấy được này chỉ là một nguyên tử không thể trông thấy giữa lòng thiên nhiên rộng lớn. Chẳng ý tưởng nào tiếp cận được nó. Chúng ta có thể mở rộng những khái niệm của mình vượt xa khỏi những không gian có thể tưởng tượng; chúng ta chỉ tạo ra những vật vô cùng nhỏ bé so với thực tại của những sự vật hiện tượng. Đó là một cõi vô tận mà trung tâm của nó ở khắp mọi nơi, chẳng có chu vi.<sup>21</sup> Nói tóm lại, đó là một biểu hiện lớn nhất có thể cảm thấy được về sức mạnh toàn năng của Thiên Chúa mà trí tưởng tượng của chúng ta biến mất trong suy nghĩ ấy.

Hãy để con người, khi quay trở về với chính mình, nhìn nhận xem anh ta là gì trong mối tương quan với toàn bộ sự tồn tại này; hãy để anh ta thấy bản thân như bị lạc mất trong cái góc xa xôi này của thiên nhiên; và từ căn

phòng tối tăm nhỏ bé mà anh ta thấy mình trú ngụ trong đó, tôi muốn nói đến vũ trụ, hãy để anh ta nhận định giá trị thực sự của trái đất, những vương quốc, những thành phố, và bản thân anh ta. Một con người là gì, trong cái vô tận?

Nhưng để cho anh ta thấy một điểu kỳ diệu khác cũng gây ngạc nhiên, hãy để anh ta tra xét những thứ vi tế nhất mà anh ta biết. Hãy mang đến cho anh ta một con mọt, với một thân thể nhỏ bé và những bộ phận còn nhỏ hơn nữa, chân tay với khớp, tĩnh mạch trong chân tay, máu trong tĩnh mạch, dịch trong máu, giọt trong dịch, hơi trong giọt. Bằng cách tiếp tục chia nhỏ những thứ cuối cùng này, hãy để anh ta cạn kiệt sức tưởng tượng, và rằng lúc này đây mục tiêu cuối cùng anh ta có thể đến được chính là mục tiêu của bài luận của chúng ta. Có lẽ anh ta sẽ nghĩ rằng đây là điểm phân chia nhỏ nhất trong thiên nhiên.

Tôi muốn khiến anh ta thấy ở bên trong đó một vực thẳm mới. Tôi muốn vẽ cho anh ta không chỉ một vũ trụ có thể nhìn thấy được, mà còn cả sự rộng lớn của thiên nhiên mà anh ta có thể mừng rỡ ra trong lòng của nguyên tử được thu lại này. Hãy để anh ta nhìn thấy trong đó một sự vô hạn của các vũ trụ, mỗi vũ trụ có bầu trời riêng, những hành tinh riêng, trái đất riêng, cùng một tỷ lệ với thế giới nhìn thấy được ấy; trong trái đất ấy của các loài vật, và sau cùng của cả những con mọt, mà trong đó anh ta sẽ lại tìm thấy tất cả những gì mà trái đất đầu tiên đã có, và còn tìm thấy ở những trái đất khác điểu tương tự như thế không có h ồ ỉ kết và không bao giờ ngừng lại. Hãy để anh ta chìm trong những kỳ quan đáng ngạc nhiên trong sự nhỏ bé của chúng, cũng như những kỳ quan khác đáng ngạc nhiên trong sự rộng lớn của chúng. Bởi ai sẽ không thực sự kinh ngạc với thực tế rằng cơ thể chúng ta, thứ mà mới đây vô cùng nhỏ trong vũ trụ, bản thân nó vô cùng nhỏ trong lòng của cái toàn thể, nay lại là một thứ khổng lồ, một thế giới hay đúng hơn là một toàn thể so với với hư không mà chúng ta

không thể thấu đạt? Ai tự soi mình trong ánh sáng này sẽ khiếp sợ chính mình, và khi quan sát bản thân được bảo vệ trong cơ thể mà tự nhiên đã ban cho anh ta giữa hai vực thẳm của Vô tận và Hư vô, anh ta run rẩy khi thấy những điều kỳ diệu này; và tôi tin rằng, khi tính tò mò chuyển thành sự khâm phục, anh ta sẽ có khuynh hướng trăn trối chúng trong sự im lặng hơn là xem xét chúng với sự suy đoán.

Bởi cuối cùng về bản chất con người là gì? Một Hư vô so với Vô tận, một Tất cả so với Hư vô, một trung điểm giữa Không và Tất cả. Từ khi con người bị tách vĩnh viễn khỏi nhận thức thấu đáo về những điều tối hậu, sự kết thúc của mọi thứ và những nguyên lý<sup>22</sup> của chúng đã bị che giấu một cách vô vọng khỏi tầm mắt con người vào trong một bí mật không thể thâm nhập; anh ta cũng không có khả năng thấy được cái Hư vô mà từ đó anh ta được tạo ra, và cái Vô tận bao trọn anh ta trong đó.

Trong nỗi thất vọng vĩnh viễn [không mong gì] biết được hoặc nguyên lý hoặc kết thúc của chúng, anh ta sẽ làm gì ngoài việc nhận thức biểu hiện nào đó trong đoạn giữa của vạn vật. Mọi thứ khởi đi từ Hư vô, và hướng về *Vô tận*. Ai sẽ dõi theo những tiến trình kỳ diệu này? Tác giả của những kỳ quan này [tức Thượng đế, đấng tạo hóa] hiểu được chúng. Không ai khác có thể làm vậy.

Thiếu việc trăn trối về những cái Vô tận này, con người đã lao vào việc nghiên cứu tự nhiên một cách liêu lĩnh như thể họ có một sự cân xứng nào đó với nó. Thật kỳ lạ rằng họ đã mong muốn hiểu những nguyên lý của vạn vật, và từ đó đi tới sự hiểu biết về cái toàn bộ, với một giả định cũng vô tận như đối tượng của họ. Bởi rõ ràng rằng, ý định này không thể được hình thành mà không có một giả định hay một khả năng vô hạn, như cõi tự nhiên.

Khi được thông tin đầy đủ, người ta hiểu rằng tự nhiên đã tạc hình ảnh

của nó và hình ảnh của Tác giả [đấng tạo ra nó] lên tất cả mọi thứ, chúng hầu như đều có phần trong tính vô hạn kép của nó. Như vậy, chúng ta thấy rằng mọi khoa học là vô hạn trong phạm vi nghiên cứu của chúng. Vì ai nghi ngờ, ví dụ, hình học có một số lượng vô hạn bất tận những vấn đề phải giải quyết? Chúng cũng vô hạn trong sự đa dạng và tinh vi của những tiên đề của chúng; bởi những gì được đưa ra như những thứ sau cùng thì bản thân chúng không tự chứng minh được, mà dựa trên những cái khác vốn, do cũng dựa trên những cái khác nữa, không cho phép có cái cuối cùng. Nhưng chúng ta xem một số thứ là tối hậu đối với lý trí, như khi xem xét các đối tượng vật chất ở chỗ mà chúng ta gọi là điểm không thể phân chia, vượt khỏi điểm đó các giác quan của chúng ta chẳng nhận thức được gì nữa, dù về bản chất nó có thể được phân chia vô cùng tận.

Trong hai mặt vô hạn này của khoa học, vô hạn về độ lớn thì rõ rệt nhất, và vì thế dẫn tới việc hiếm có người tự nhận là biết hết thấy mọi thứ. “Tôi sẽ nói về cái toàn thể”, Demókritos<sup>23</sup> từng nói.

Nhưng sự vô hạn về độ nhỏ lại rất khó thấy. Nhiều triết gia tuyên bố đã thấu đạt được nó, và chính ở đây hầu hết đã bị vấp ngã. Điều này đã làm nảy sinh những tựa đề phổ biến như Những nguyên lý của vạn vật, Những nguyên lý của triết học,<sup>24</sup> và những thứ tương tự, thực tế mang vẻ hoa mỹ dù không thể hiện rõ ra bên ngoài, như cái tựa đề làm đuôi mù chúng ta, *De omni re scibili*.<sup>25</sup>

Một cách tự nhiên chúng ta tin rằng bản thân có nhiều khả năng tới được trung tâm của sự vật hơn là bao trọn chu vi của chúng, và phạm vi thấy được của thế giới rõ ràng vượt quá sức của chúng ta. Nhưng bởi chúng ta vượt qua được những thứ nhỏ nhất nên chúng ta tin rằng có nhiều khả năng nắm bắt chúng hơn, và trong khi chúng ta cần nhiều khả năng không kém để đi từ Hư vô tới Toàn thể. Cần khả năng vô hạn cho cả hai, và

đường như đối với tôi bất cứ ai hiểu được những nguyên lý tối hậu của vạn vật đều có thể đạt tới được sự nhận thức về cái Vô hạn. Cái này phụ thuộc vào cái kia, cái này dẫn dắt tới cái kia. Những đầu mút này xích gần nhau và kết hợp với nhau do khoảng cách và lại tìm thấy nhau nơi Thiên Chúa, và chỉ nơi Thiên chúa.

Bởi thế cần nhận thức được tầm mức của bản thân. Chúng ta là cái gì đó, và chúng ta không là tất cả. Bản chất sự tồn tại của chúng ta che giấu chúng ta tri thức về những nguyên lý đầu tiên vốn được sinh ra từ Hư vô; và tính nhỏ bé của sự hiện hữu của chúng ta khiến chúng ta không thấy được cái Vô hạn.

Trí tuệ chúng ta trong trật tự của những cái khả tri chiếm một cấp bậc giống như cấp bậc của cơ thể chúng ta trong cõi tự nhiên.

Khi chúng ta bị hạn chế theo mọi cách như thế, trạng thái này, vốn chiếm trung điểm giữa hai thái cực, lại có mặt trong mọi khả năng của chúng ta. Các giác quan của chúng ta không nhận thức được đi đâu thái quá nào, nhiều âm thanh quá sẽ làm chúng ta chói tai, nhiều ánh sáng quá sẽ làm chúng ta lóa mắt, khoảng cách quá xa hoặc quá gần ngăn cản tầm nhìn. Quá dài hoặc quá ngắn gọn khiến một bài diễn văn có thể trở nên khó hiểu; nhiều sự thật quá sẽ khiến chúng ta kinh ngạc. Tôi biết một vài người không thể hiểu rằng *không (o)* trừ *bốn (4)* còn lại *không (o)*.<sup>26</sup> Những nguyên lý đầu tiên<sup>27</sup> quá hiển nhiên đối với chúng ta; nhiều vui thú quá sẽ khiến chúng ta không hài lòng, nhiều hòa âm quá sẽ khiến bản nhạc chán ngán, và quá nhiều tác dụng tốt gây khó chịu. Chúng ta muốn có cái gì đó vượt quá khoản nợ. *Bénéficia eo usque laeta sunt dum vindentur exsolvi posse; ubi multum antevenere, pro gratia, odium redditur.*<sup>28</sup> Chúng ta không cảm thấy được mức cực nóng hoặc cực lạnh. Những phẩm chất thái quá là kẻ thù của chúng ta và không cảm thấy được, chúng ta không cảm

nhận chúng mà chúng ta chịu đựng chúng. Quá trẻ hoặc quá già cũng cản trở tinh thần; cũng như quá nhiều hoặc quá ít sự giáo dục.

Tóm lại, những thứ cực độ là dành cho chúng ta mặc dù chúng không phải là như thế, và chúng ta không nằm trong tầm ghi nhận của chúng. Chúng vượt ngoài tầm chú ý của ta, hoặc ta vượt ngoài tầm chú ý của chúng.

Đó chính là tình trạng thật sự của chúng ta. Đây là điều khiến chúng ta không có khả năng biết một cách chắc chắn và rơi vào cảnh thiếu hiểu biết hoàn toàn. Chúng ta giống buồm trong một phạm vi rộng lớn, luôn luôn bất định và dạt trôi, bị đẩy từ đầu này đến đầu kia. Đôi khi chúng ta nghĩ đến chuyện gắn mình với điểm nào đó và buộc mình vào nó, nó lung lay và rời khỏi chúng ta; và nếu chúng ta đuổi theo, nó thoát khỏi mỗi lần ta chụp bắt, trượt qua và biến mất mãi mãi. Chẳng gì ở lại vì chúng ta. Đó là tình trạng tự nhiên đối với chúng ta và gần như đi ngược lại hoàn toàn với khuynh hướng của chúng ta. Chúng ta hừng hực ham muốn tìm được một nền tảng vững chắc, và một cơ sở chắc chắn sau cùng để xây dựng một tòa tháp vươn tới cái Vô hạn. Nhưng toàn bộ nền tảng của chúng ta rạn nứt, và mặt đất mở ra vực thẳm.

Do đó, đừng nên tìm kiếm sự đảm bảo và sự vững bền; lý trí của chúng ta luôn bị lừa dối bởi những cái bóng hay thay đổi: chẳng gì có thể cố định được cái hữu hạn giữa hai cái Vô hạn kia, vốn vừa bao hàm vừa thoát khỏi nó.

Nếu hiểu rõ điều này thì tôi tin rằng chúng ta sẽ được nghỉ yên, mỗi người trong trạng thái mà tự nhiên đã đặt họ vào.

Vì môi trường mà chúng ta rơi vào như là số phận của chúng ta luôn xa hai điểm tận cùng, điều gì có ý nghĩa khi một người có thêm chút kiến thức về vũ trụ nếu anh ta có kiến thức ấy, và nếu anh ta đưa mọi thứ lên cao

hơn một chút, liệu anh ta không luôn hết sức tránh xa khỏi sự kết thúc, và thời gian sống của chúng ta không phải là cũng rất nhỏ nếu đem so với sự vĩnh cửu, cho dù có kéo dài thêm mười năm nữa, hay sao?

Xét theo những cái vô hạn này, mọi cái hữu hạn đều tương đồng và tôi thấy không có lý do gì để người ta đặt trí tưởng tượng của mình vào cái này hơn là cái khác. Chỉ riêng sự so sánh bản thân với cái hữu hạn cũng khiến chúng ta đau khổ.

Nếu con người biến bản thân mình thành mục tiêu nghiên cứu trước nhất, hẳn sẽ thấy bản thân không có khả năng tiến xa nhường nào. Làm thế nào một bộ phận hiểu được cái toàn thể? Nhưng có lẽ ít nhất anh ta cũng khát khao được biết những bộ phận mà anh ta có tương quan tỷ lệ nào đó. Nhưng các bộ phận của thế giới kia lại liên hệ và kết nối với nhau đến độ tôi tin rằng không thể biết được cái này mà không có cái kia và tách rời cái toàn thể.

Ví dụ như, con người có liên quan với mọi thứ anh ta biết. Anh ta cần một nơi để ở, quãng thời gian để sống qua, hoạt động để sống, những yếu tố để làm nên anh ta, nhiệt và thức ăn để nuôi dưỡng anh ta, không khí để thở. Anh ta nhìn thấy ánh sáng, cảm thấy những cơ thể, tóm lại là tất cả trong một mối quan hệ phụ thuộc. Bởi thế để nhận biết được con người, cần phải biết làm thế nào mà con người lại cần không khí để sống, và, để hiểu không khí, chúng ta phải hiểu nó quan hệ với đời sống con người như thế nào...

Ngọn lửa không tồn tại thiếu không khí; bởi thế muốn hiểu cái này cần phải hiểu cái kia.

Như thế, mọi thứ khi ấy đồng thời là nguyên nhân và là kết quả, được trợ giúp và có tính trợ giúp, gián tiếp và trực tiếp, và tất cả được kết hợp cùng nhau trong một mối quan hệ tự nhiên và không dễ cảm thấy được vốn

nối kết những thứ xa xôi nhất và khác nhau nhất, tôi nghĩ ta cũng không thể biết được bộ phận mà không biết cái toàn thể, và ngược lại.

(Sự vĩnh hằng của mọi thứ trong bản thân chúng hay trong Thiên Chúa hẳn khiến chúng ta kinh ngạc trong khoảng thời gian tồn tại ngắn ngủi của mình. Sự bất động không đổi và ổn định của tự nhiên, trong mối tương quan với sự thay đổi liên tục diễn ra trong chúng ta, hẳn có cùng hiệu ứng).

Và điều khiến chúng ta bất lực hoàn toàn trong việc nhận thức được các thứ là ở chỗ, bản thân chúng thì đơn giản còn chúng ta được tạo nên từ hai bản chất đối lập, khác biệt về tính chất, [ấy là] tâm hồn và thể xác. Bởi không thể có chuyện phần duy lý bên trong chúng ta lại không có tính tinh thần; và nếu ai đó cho rằng chúng ta chỉ đơn giản là thân xác, điều này sẽ càng khiến chúng ta không thể có được sự hiểu biết về mọi thứ, bởi chẳng có gì khó tưởng tượng cho bằng việc nói rằng vật chất tự biết chính nó. Không thể hình dung được bằng cách nào nó biết được chính bản thân nó.

Và như thế, nếu chúng ta chỉ đơn giản là vật chất, chúng ta không thể biết gì cả; và nếu chúng ta được hợp thành từ tinh thần và từ vật chất, chúng ta không thể biết một cách trọn vẹn những thứ đơn giản dù thuộc về tinh thần hay thể xác.

Do đó mới có việc hầu hết các nhà triết học đều có những ý tưởng lẫn lộn về sự vật hiện tượng, và nói về những thứ vật chất qua những thuật ngữ tinh thần, và ngược lại, nói về những thứ tinh thần qua thuật ngữ vật chất. Bởi họ liêu lĩnh nói rằng thể xác có xu hướng suy thoái, rằng họ đi tìm đến trung tâm của thể xác, tránh khỏi sự đổ nát của chúng, sợ sự trống rỗng, rằng họ có những luyến ái, thông cảm, ác cảm, tất cả những thứ thuộc về chỉ tinh thần. Và khi nói về tinh thần, họ xem chúng như ở một chỗ, và gán cho chúng chuyển động từ nơi này đến nơi kia, tất cả những điều này chỉ thuộc về thể xác.

Thay vì thấu nhận các ý tưởng về những điều này trong sự thuần khiết của chúng, chúng ta nhuộm màu chúng với những phẩm chất của chính chúng ta, và in dấu bản thể phức hợp của chúng ta lên mọi thứ thứ đơn giản mà chúng ta quan sát.

Ai không tin rằng, khi nhìn chúng ta tạo nên mọi thứ tinh thần và thể xác, thứ pha trộn này có thể hiểu được một cách rõ ràng với chúng ta? Đó chính là thứ chúng ta hiểu được ít nhất. Con người, đối với bản thân nó, là tạo vật kỳ dị nhất của tự nhiên; bởi nó không thể nhận thức được thân thể là gì, và hiểu ra tâm trí là gì thì còn ít hơn nữa, và chẳng biết chút nào về cách một thân thể nên được hợp nhất với một tâm trí như thế nào. Đó chính là đỉnh điểm của những khó khăn của anh ta, song đó chính là con người thực sự của anh ta. *Modus quo corporibus adhaerent spiritus comprehendendi ab hominibus non potest, et hoc tamen homo est.*<sup>29</sup>

Tóm lại, để hoàn thành việc chứng minh sự yếu đuối của chúng ta, tôi sẽ kết luận qua hai nhận xét này...

**73.** Nhưng có lẽ chủ đề này vượt quá tầm với của lý trí. Bởi thế hãy cùng xem xét những gì được lý trí tạo ra cho những thứ trong khả năng của nó. Nếu có bất cứ điều gì mà mỗi quan tâm riêng khiến nó phải chú tâm vào một cách nghiêm túc nhất, đó chính là việc tìm kiếm điều tối hảo của nó. Bởi thế hãy xem những tâm hồn mạnh mẽ và sáng suốt kia đã đặt nó ở đâu và liệu nó có đồng ý việc này hay không.

Có người nói rằng điều tối hảo là ở nơi đức hạnh, người thì cho là ở nơi sự khoái lạc, người thì cho là trong sự hiểu biết về thiên nhiên, người khác cho là ở nơi lẽ thật, *Felix qui potuit rerum cognoscere causas*,<sup>30</sup> người khác cho là trong sự đốt nát hoàn toàn, có người nghĩ là trong sự lười nhác, người thì cho là ở trong việc chống lại những biểu hiện bề ngoài, có người cho là ở việc chẳng ngạc nhiên với điều gì, *nihil admirari*

*prope res una quae possit facere et servare beatum*,<sup>31</sup> và những người hoài nghi thực sự cho rằng nó nằm trong sự lãnh đạm, nghi ngờ, và sự phân vân không dứt của họ. Và nhiều người khác, khôn ngoan hơn, nghĩ có thể tìm ra một định nghĩa tốt hơn. Chúng ta thực sự hài lòng.

Cần xét xem phải chăng triết lý tốt đẹp này đã không đạt được bất cứ điều gì chắc chắn qua sự làm việc rất dài và căng thẳng như vậy; có lẽ chỉ ít tâm hồn biết được bản thân nó. Hãy nghe những giáo sư nơi thế gian nói về chủ đề này. Họ đã nghĩ gì về nội dung chính của nó? 394. Liệu họ có hạnh phúc hơn khi định vị được nó? 395. Họ đã tìm ra những gì về nguồn gốc, thời gian tồn tại, và điểm khởi đầu của nó? *Harum sententiarum*,<sup>32</sup> 399

Như thế, liệu linh hồn có là một chủ đề quá tầm mức đối với trí tuệ yếu ớt của họ không? Khi ấy, thả nó xuống tầm mức vật chất và xem liệu nó có biết thân thể mà nó khiến cho hoạt động, và những thân thể khác mà nó dự tính và dịch chuyển tùy ý nó được làm từ cái gì ra.

Những người theo chủ nghĩa giáo đầu được xem là vĩ đại kia, vốn không gì là không biết, đã biết gì về vấn đề này? 393.<sup>33</sup>

Điều này rõ ràng là đủ nếu lý trí có lý tính. Nó có lý tính đủ để thừa nhận rằng nó không có khả năng tìm thấy bất cứ thứ gì bền vững, nhưng nó không tuyệt vọng trong việc tìm kiếm điều đó; ngược lại nó mãi say mê với việc tìm kiếm này, và tin chắc bên trong nó có những sức mạnh cần thiết cho cuộc chinh phục ấy. Chúng ta bởi thế phải kết luận, và, sau khi xem xét những sức mạnh của nó trong hiệu lực của chúng, nhận biết chúng trong chính bản thân chúng, và xem liệu lý trí có sức mạnh và khả năng nào đó có thể nắm bắt được sự thật hay không.

**74.** Một bức thư về sự ngu ngốc của khoa học nhân văn và triết học.

Bức thư này trước sự tiêu khiển.

*Felix qui potuit... Nihil admirari.*<sup>34</sup>

280 loại tối hảo ở Montaigne.<sup>35</sup>

**75.** Phần 1,1, 2, c. 1, đoạn 4.<sup>36</sup>

Sự phỏng đoán - Sẽ không khó để đặt một trường hợp xuống mức thấp hơn, và khiến nó có vẻ nực cười. Liệu có gì vô lý hơn khi nói rằng những thân thể không sinh khí lại có những nhiệt huyết, sự e dè, nỗi khiếp sợ - rằng những thân thể không có cảm giác, không có sự sống và không thể sống, lại có những cảm xúc vốn cần phải có trước một tâm hồn ít nhất đủ nhạy cảm để cảm thấy chúng.

Hơn thế nữa, đối tượng của nỗi khiếp sợ này chính là sự trống rỗng? Có gì ở trong sự trống rỗng lại có thể khiến chúng sợ ai. Chẳng gì nông cạn và vô lý hơn. Đây chưa phải là tất cả; rằng trong bản thân những thân thể này có một ngu ồn vận động để tránh được sự sống rỗng. Phải chăng chúng có tay, chân, cơ bắp, hệ thần kinh?

**76.** Viết chống lại những ai đã nghiên cứu khoa học quá sâu. Descartes.

**77.** Tôi không thể bỏ qua cho Descartes: ông ta muốn, trong toàn bộ triết học của mình, tỏ rõ ý định không cần tới Thiên Chúa. Nhưng ông ta đã phải cậy nhờ Ngài đưa ra một cái búng tay để khiến thế giới đi vào hoạt động; ngoài đi đâu này, ông ta không cần đến Thiên Chúa nữa.

**78.** Descartes vô dụng và không chắc chắn.

**79.** Descartes - cần phải nói một cách cô đọng: “Đi đâu này được tạo ra bởi hình ảnh và chuyển động”, vì nó đúng. Nhưng để nói những thứ này là gì, và để tạo ra máy móc, thì thật nực cười. Bởi đi đâu đó vô ích, không chắc chắn, và khó chịu. Và nếu đi đâu đó đúng, chúng ta không nghĩ toàn bộ triết

học đáng một giờ đau khổ.

**80.** Làm sao mà có chuyện một người què quặt thì không khiến chúng ta bức tức, nhưng một tinh thần què quặt thì có? Lý do chính là người què quặt thừa nhận rằng chúng ta bước đi thẳng, trong khi một tinh thần què quặt tuyên bố rằng chính chúng ta què quặt; nếu không như thế, chúng ta nên thấy thương hại và không tức giận.

Epiktetos còn hỏi một cách mạnh mẽ hơn: “Tại sao chúng ta không giận dữ nếu người ta nói rằng chúng ta đau đầu, và lại giận dữ khi bị nói là suy đoán tồi, hay lựa chọn sai lầm?” Lý do là chúng ta hoàn toàn chắc chắn rằng mình không bị đau đầu, hay không què quặt, nhưng không chắc chắn bản thân lựa chọn đúng. Như thế, khi có sự tin tưởng chắc chắn bởi vì chúng ta nhìn với toàn bộ nhãn lực, chúng ta do dự và ngạc nhiên khi ai đó với toàn bộ nhãn lực của anh ta thấy đi đầu ngược lại, và còn hơn thế nữa khi hàng ngàn người khác cười nhạo sự lựa chọn của chúng ta. Bởi chúng ta phải thích sự thông minh của mình hơn của nhiều người khác. Và đi đầu đó quả là liều lĩnh và khó khăn. Chẳng bao giờ có sự mâu thuẫn này trong những tình cảm hướng đến một người què quặt.

**81.** Tâm trí tin một cách tự nhiên và ý chí yêu một cách tự nhiên đến mức, chúng phải gắn liền với cái giả tạo bởi thiếu những mục tiêu thực sự.

**82.** Trí tưởng tượng - Đó chính là phần nổi trội nhất trong con người, bà chủ của sự hư hỏng và lầm lạc này, và còn dễ khiến cho lầm lẫn hơn khi không phải lúc nào nó cũng như vậy; vì nó là một nguyên tắc không thể sai của sự thật, nếu nó là một nguyên tắc không thể sai của sự giả dối. Nhưng do nó thường là sai nên nó không đưa ra bất cứ dấu hiệu nào về bản chất của nó, đồng thời tạo tính chất như nhau cho cả cái đúng và cái sai.

Tôi không nói về những kẻ khờ dại, tôi nói về những người khôn ngoan nhất; và chính trong họ trí tưởng tượng có tài thuyết phục tuyệt vời.

Lý trí phản đối vô ích; nó không thể thiết lập giá trị thực sự cho các thứ.

Kẻ thù kiêu ngạo đầy sức mạnh này của lý trí, thích chỉ huy và ngự trị lý trí, để chứng tỏ nó mạnh đến nhường nào, đã thiết lập trong con người một bản chất thứ hai. Nó khiến con người hạnh phúc và buồn bã, khỏe mạnh và ốm đau, giàu có và nghèo khổ; nó ép buộc lý trí tin tưởng, nghi ngờ, và phủ nhận; nó làm cùn các giác quan, hoặc làm nhanh nhạy hơn; nó có những kẻ ngu ngốc và những nhà hiền triết của riêng mình; và chẳng gì làm chúng ta khó chịu hơn khi thấy nó đem lại cho những người sùng mộ nó một sự hài lòng đầy đủ và toàn diện hơn lý trí. Những kẻ ma mãnh nhờ trí tưởng tượng hài lòng với bản thân hơn rất nhiều so với những người thận trọng có thể hài lòng với chính họ một cách hợp lý. Những kẻ ma mãnh ấy nhìn người khác với sự ngạo mạn, tranh luận với sự liêu lĩnh và tự tin - những người khác với sự e sợ và ngờ vực - và sự vui vẻ của dung mạo thường mang đến cho họ nhiều lợi thế hơn trong ý kiến của người nghe, sự ưu ái như vậy, trong mắt của những người đánh giá có bản chất tương tự, có sự khôn ngoan hoang tưởng. Trí tưởng tượng không thể khiến cho kẻ đần độn nên thông thái có thể khiến họ hạnh phúc, trước sự ganh tỵ của lý trí vốn chỉ khiến những người yêu chuộng nó phẫn hận; một cái khoác lên họ vinh quang, còn cái kia khoác lên nỗi hổ thẹn.

Cái gì phân phát được danh tiếng, ban tặng được sự kính trọng và lòng sùng bái cho những con người, những công trình, những luật lệ, và những điểu vĩ đại, ngoài năng lực tưởng tượng này? Mọi sự giàu có của mặt đất là không đủ khi thiếu sự ưng thuận của nó.

Liệu bạn không nói rằng vị quan tòa này, mà sự già cả đáng kính của ông ta xứng với sự tôn trọng của toàn thể người dân, bị chi phối bởi lý tính thuần túy và cao cả, và rằng ông ta xét đến các nguyên nhân theo bản chất thực sự của chúng mà không đánh giá những hoàn cảnh vô nghĩa vốn chỉ

ảnh hưởng đến trí tưởng tượng của người yếu đuối? Hãy nhìn ông ta bước vào một bài lên lớp dài dòng, đầy nhiệt tình thành kính, củng cố cho sự vững chắc của lý trí ông ta bằng sự nhiệt thành của tình yêu. Ông ấy sẵn sàng lắng nghe vờ sự tôn trọng mẫu mực. Hãy để người thuyết giáo xuất hiện, nếu tự nhiên đã ban cho ông ta một giọng khàn đặc hay một diện mạo kỳ dị, rằng người thợ cắt tóc vừa làm cho ông ta một bộ râu xấu xí, hay tình cờ qu ân áo của ông ta bền hơn bình thường, lúc đó, cho dù những sự thật mà ông ta công bố có lớn lao đến đâu, tôi đánh cược rằng nghị viên của chúng ta cũng đánh mất đi sự nghiêm trang của mình.

Triết gia vĩ đại nhất thế giới trên một tấm ván rộng hơn mức cần thiết, nếu ở bên dưới đó là một vực thẳm, dẫn cho lý tính có thuyết phục được ông ta về sự an toàn của bản thân, nhưng trí tưởng tượng vẫn chiếm ưu thế. Đa phần đều không chịu được ý nghĩ này mà không tái nhợt và toát mồ hôi.

Tôi không muốn nêu ra mọi ảnh hưởng của nó. Ai cũng đều biết rằng hình ảnh của mấy con mèo hay chuột, việc nghiền than đá... có thể khiến lý trí bị rối loạn. Âm vực của giọng nói ảnh hưởng đến những người ngôn ngoan nhất, và thay đổi sức mạnh của một bài diễn thuyết hay một bài thơ.

Tình yêu hay sự thù ghét tác động đến diện mạo công lý, và một luật sư được trả trước một khoản hậu hĩnh sẽ cảm thấy tự tin hơn biết bao nhiêu trong việc tranh tụng của anh ta. Cử chỉ táo bạo của anh ta khiến vụ kiện của anh ta có vẻ chính đáng hơn tới mức nào trước những vị thẩm phán bị lừa mị bởi dáng vẻ bên ngoài này. Lý tính thực khôi hài biết bao, khi bị chi phối bởi một chuyện hão huyền theo mọi nề!

Tôi cần phải liệt kê ra hầu hết mọi hành động của những người hầu như chỉ nao núng bởi những cuộc tấn công của nó. Bởi lý trí đã buộc phải đầu hàng, và lý trí khôn ngoan nhất dùng như là những nguyên tắc của

riêng nó những gì mà trí tưởng tượng của con người đưa bừa vào mọi lĩnh vực. (Ai muốn chỉ nghe theo lý trí thôi thì bị xem là ngu xuẩn, chúng ta phải đánh giá theo quan điểm của đa số nhân loại. Bởi trí tưởng tượng làm họ hài lòng, chúng ta phải làm việc cả ngày để có được những niềm vui được xem là không thực và sau giấc ngủ làm cho lý trí mệt mỏi của chúng ta trở nên khoan khoái, cần phải nhanh chóng thức dậy và chạy theo những mộng tưởng, và quét sạch những ấn tượng của bà chủ này của thế giới [tức lý trí]. Đây là một trong những căn nguyên của sai lầm, nhưng đó không phải là duy nhất).

Những quan tòa của chúng ta đã biết rõ bí ẩn này. Những áo choàng màu đỏ của họ, bộ lông chồn éc-min [*hermine*] mà họ quấn kín mình trông như những con mèo lông xù, những tòa án nơi họ thực thi công lý, những biểu tượng hoa ly [*fleurs de lys*], toàn bộ trang bị tôn nghiêm như thế đều thực sự cần thiết; nếu những thầy thuốc không có áo choàng và con la của mình, nếu những bác sĩ không có những chiếc mũ bônê [*bonnet*] hình vuông và áo thụng gấp bốn lần bình thường, chắc họ chẳng bao giờ lừa dối được cái thế gian vốn không thể cưỡng lại được vẻ ngoài độc đáo đến thế. Nếu các thẩm phán có sự công bằng thực sự, nếu những thầy thuốc có nghệ thuật chữa bệnh thực sự, họ sẽ không có cơ hội cho những chiếc mũ vuông, vẻ uy nghi của những khoa học này tự nó đủ đáng kính. Nhưng chỉ có kiến thức không thực, họ mới phải viện tới những công cụ ngớ ngẩn đó để tác động tới trí tưởng tượng mà họ phải đối phó; và qua đó, trong thực tế, chúng khơi gợi sự tôn kính. Chỉ riêng những người lính là không tránh hình theo cách này bởi trong thực tế nhiệm vụ của họ là quan trọng nhất. Họ khẳng định vị trí của mình bằng sức mạnh, những người khác khẳng định bằng sự phô trương.

Chính vì vậy, những vị vua của chúng ta đã không tìm kiếm những sự trá hình hày. Họ đã không giấu mình trong những trang phục lạ thường để

xuất hiện như thế. Nhưng họ được tháp tùng bởi những người lính gác, những gã mặt sẹo. Nhóm người được vũ trang đó chỉ có những đôi tay và sức mạnh cho riêng họ, những kèn và trống đó đi trước, và những quân đoàn đó bao quanh họ, khiến những kẻ can đảm nhất cũng phải run rẩy. Họ không chỉ có áo xống, họ có cả sức mạnh, cần phải có một lý trí được thanh tẩy để xem một đại vương với bốn mươi ngàn vệ binh xung quanh trong cung điện lộng lẫy như một người bình thường.

Chúng ta thậm chí không thể nhìn một luật sư trong chiếc áo choàng và mũ bô-nê ở trên đầu mà lại không có ý kiến đề cao khả năng của anh ta. Trí tưởng tượng sắp đặt mọi thứ; nó tạo ra vẻ đẹp, công lý, và hạnh phúc, vốn là tất cả trên thế gian. Tôi rất muốn được thấy một tác phẩm của Ý mà tôi chỉ biết tên sách, mà riêng cái tên ấy đã có giá trị ngang với nhiều cuốn sách, *Della opinione repina del mondo* [Về ý kiến, nữ vương của thế giới]. Tôi tán thành cuốn sách mà không biết nó, ngoại trừ đi đâu không tốt trong ấy nếu có. Đây gần như là những hiệu ứng của khả năng đánh lừa này, thứ dường như được đưa ra cốt để dẫn chúng ta đến sai lầm tất yếu. Tuy nhiên, chúng ta có nhiều ngu ngốc sai lầm khác.

Không chỉ những ấn tượng cũ có khả năng lừa gạt chúng ta, sự quyến rũ của cái mới lạ cũng có khả năng như thế. Từ đó làm nảy sinh mọi tranh cãi nơi con người vốn chê trách nhau về việc hoặc theo đuổi những ấn tượng sai lầm của tuổi thơ, hoặc chạy theo cái mới một cách thiếu cân trọng. Ai giữ sự trung dung? Hãy để anh ta xuất hiện và chỉ ra nó. Chẳng có một nguyên lý nào, dù tự nhiên đến đâu đối với chúng ta từ thời thơ ấu, mà không bị coi như một ấn tượng sai lầm hoặc của sự dạy dỗ hoặc của các giác quan.

“Bởi vì”, người ta nói, “bạn đã tin từ khi còn nhỏ rằng một cái rương là trống rỗng khi không thấy gì trong đó, bạn tin vào sự khả hữu của cái trống

rỗng. Đây là một ảo giác của những giác quan, được gia cố bởi thói quen, cần được uốn nắn lại bởi sự thông hiểu.” Và những người khác nói, “vì ở trường bạn được dạy rằng không có sự trống rỗng, người ta đã làm hỏng tri giác thông thường vốn có thể hiểu được đi đầu đó một cách rõ ràng trước khi mắc phải ấn tượng sai lầm này, và bạn phải uốn nắn lại bằng cách quay trở về trạng thái đầu tiên của mình”. Như thế cái gì đã lừa dối bạn? Các giác quan hay sự dạy dỗ?

Cái sai trong chúng ta còn có một nguồn gốc nữa: những căn bệnh. Chúng làm hại sự xét đoán và giác quan; và nếu những căn bệnh nghiêm trọng gây ra một sự thay đổi đáng kể, tôi dám chắc rằng những căn bệnh nhẹ hơn cũng gây ra cảm tưởng tương ứng với chúng.

Lợi ích riêng của mỗi người còn là một công cụ tuyệt vời để làm mù mắt chúng ta. Người chính trực nhất không được phép là quan tòa trong vụ việc liên quan đến anh ta. Tôi biết vài người, để không rơi vào tình cảm ưu ái bản thân này, đã trở thành cực kỳ bất công vì muốn chống sự ưu ái này. Cách chắc chắn để mất đi một chính nghĩa là nhờ người khác tuyên truyền về nó cho những họ hàng thân thiết của họ.

Công lý và sự thật là hai điểm vi tế đến độ những công cụ của chúng ta quá cùn để chạm vào chúng một cách chính xác. Nếu chạm tới điểm đó, hoặc chúng nghiền nát nó, hoặc dựa quá nhiều, vào đi đầu sai lầm hơn là đi đầu đúng đắn.

Con người được tạo ra thực tài tình đến nỗi anh ta không có bất cứ yếu tố đúng đắn nào của lẽ phải, trong khi lại có cái tội của sai lầm. Giờ hãy xem bao nhiêu... Nhưng nguyên nhân thú vị nhất của những sai lầm chính là sự xung đột giữa giác quan và lý tính.

**83.** Bởi thế, chúng ta phải bắt đầu phần nói về những khả năng gây lầm lẫn. Con người chỉ là một chủ thể đầy sai lầm tự nhiên và không thể xóa

bỏ, không có sự miễn thứ. Chẳng gì cho anh ta thay sự thật. Mọi thứ lừa phỉnh anh ta. Có hai ngu ần sự thật, lý tính và các giác quan, bên cạnh việc cả hai đều thiếu tính chân thật, chúng còn lần lượt lừa dối lẫn nhau. Giác quan lừa dối Lý trí bằng những vẻ ngoài hư giả, và nhận lại từ lý trí cũng chính sự lừa bịp mà chúng đã tạo ra; Lý trí đã có sự trả thù của nó. Những đam mê của tâm hồn quấy rối và tạo ra những ấn tượng sai lầm với các giác quan. Chúng thù nghịch nhau trong sự sai lầm và đối trá.

Nhưng ngoài ra, những sai lầm này vốn nảy sinh một cách ngẫu nhiên và bởi sự thiếu hiểu biết giữa những khả năng không đồng nhất này...

**84.** Trí tưởng tượng thổi phồng những điều nhỏ nhất cho đến khi làm đầy tâm hồn chúng ta với một sự đánh giá phi thực tế; và, với sự ngạo mạn li ều lĩnh, nó hạ thấp những điều lớn lao về v ề vừa với tiêu chuẩn đánh giá của nó, như khi nói về Thiên Chúa.

**85.** Những thứ tác động đến chúng ta nhiều nhất, như việc che giấu chút tài sản ít ỏi của mình, thường chẳng là gì cả. Đó là một con số không mà trí tưởng tượng của chúng ta biến thành ngọn núi. Một bước ngoặt nữa của trí tưởng tượng có thể giúp chúng ta nhận ra sự phóng đại này chẳng mấy khó khăn.

**86.** Sự tưởng tượng khiến tôi ghét một người bi quan, và một người thờ h ần h ần khi đang ăn. Trí tưởng tượng có sức nặng lớn. Liệu chúng ta sẽ lợi dụng được nó? Hay phải quy phục sức nặng này bởi điều đó là đương nhiên? Không, mà bằng cách chống lại nó...

**87.** *Nae iste magno conatu magnas nugas dixerit.*<sup>37</sup>

*Quasi quidquam infelicius sit homini cui sua figmenta dominantur.*  
583.<sup>38</sup>

**88.** Đám trẻ con khiếp sợ khuôn mặt mà chúng đã bôi lem luốc. Đó là

những đứa trẻ; nhưng một người quá yếu đuối khi còn nhỏ làm sao thực sự mạnh mẽ khi anh ta lớn tuổi hơn! Chỉ cần thay đổi trí tưởng tượng. Tất cả những gì hoàn thiện qua sự tiến triển thì cũng tiêu tan bởi sự tiến triển. Tất cả những gì đã yếu đuối sẽ chẳng bao giờ trở nên tuyệt đối mạnh mẽ. Người ta nói vô ích, “Anh ta đã lớn, anh ta đã thay đổi”, nhưng anh ta vẫn thế.

**89.** Quen theo lệ thường là bản chất của chúng ta. Ai quen với đức tin thì tin tưởng vào nó, và có thể không còn sợ hãi địa ngục, và không tin vào điều gì khác nữa. Người quen với việc tin rằng nhà vua đáng kính sợ... Ai nghi ngờ, khi ấy, rằng tâm hồn chúng ta, khi quen với việc nhìn thấy con số, không gian, chuyển động, lại tin điều đó và chẳng tin thứ gì khác?

**90.** *Quod crebro videt non miratur, etiamsi cur fiat nescit; quod ante non viderit, id si evenerit, ostentum esse cens et.*<sup>39</sup>

**91.** *Spongia soils*<sup>40</sup> - Khi nhìn thấy kết quả luôn như trước, chúng ta suy ra có một tất yếu tự nhiên trong nó, như là luôn có một ngày mai... Nhưng Tự nhiên thường đối gạt chúng ta, và không tự buộc phải tuân theo những quy tắc riêng của nó.

**92.** Những nguyên tắc của chúng ta là gì nếu không phải là những nguyên tắc do dấn quen mà có? Và ở những đứa trẻ, đó là những gì chúng nhận được từ thói quen của tổ tiên, như hoạt động săn mồi ở động vật. Một thói quen khác sẽ đưa đến những nguyên tắc tự nhiên khác. Điều này được thấy qua kinh nghiệm; và nếu có những nguyên tắc tự nhiên nào đó mà thói quen không xóa bỏ được, thì cũng có một số thói quen đối nghịch với tự nhiên, không thể xóa bỏ được bởi tự nhiên hay bởi một thói quen thứ hai. Điều này phụ thuộc vào thiên hướng.

**93.** Cha mẹ sợ rằng tình yêu tự nhiên của con cái sẽ nhạt dần. Như thế

cái bản chất mà có thể bị xóa đi ấy là loại bản chất nào? Thói quen là một bản chất thứ hai vốn phá hủy thói quen trước. Nhưng bản chất là gì? Tại sao thói quen không mang tính tự nhiên? Tôi thực sự e rằng bản chất này bản thân nó chỉ là một thói quen đầu tiên, như thói quen là bản chất thứ hai.

**94.** Bản chất của con người thì hoàn toàn tự nhiên, *omne animal*.<sup>41</sup>

Không gì mà người ta không thể biến thành tự nhiên; không gì tự nhiên mà người ta không thể mất.

**95.** Tình cảm. Ký ức, niềm vui là những tình cảm và ngay cả những định lý toán học cũng trở thành tình cảm, bởi lý tính tạo ra những tình cảm tự nhiên và những tình cảm tự nhiên phai mờ bởi lý tính.

**96.** Khi đã quen với việc sử dụng những lý lẽ t ồi để chứng minh những tác động của tự nhiên, người ta không còn muốn đón nhận những lý lẽ tốt khi chúng được tìm thấy. Có thể đưa ra ví dụ từ việc lưu thông máu là lý do khiến mạch máu ph òng lên dưới dây buộc.

**97.** Việc quan trọng nhất trong cuộc sống là lựa chọn nghề nghiệp, tính ngẫu nhiên sắp đặt việc này. Thói quen làm nên những người thợ h ò, những người lính, những thợ lợp ngói. “Anh ta là một người thợ lợp ngói giỏi”, một người nói, và khi nói về những người lính “Đó là những kẻ thực sự ngốc”. Nhưng những người khác nói đi đâu ngược lại, “Chẳng có gì lớn hơn chiến tranh, đám đàn ông còn lại kia thực vô dụng.” Những gì chúng ta nghe thấy khi còn là đứa trẻ dẫn tới sự lựa chọn những nghề nghiệp này và chối bỏ những nghề nghiệp khác. Bởi chúng ta yêu đức hạnh và ghét sự điên r òn như một lẽ tự nhiên; những gì nghe được thúc đẩy chúng ta; người ta chỉ mắc sai l ầm trong việc áp dụng. Sức mạnh của thói quen lớn đến nỗi, ngoài những gì thuộc về bản chất làm nên với con người, mọi hoàn cảnh con người đều được tạo ra.

Bởi có những nơi toàn thợ hồ, những nơi khác toàn là lính... Rõ ràng bản chất không đồng nhất như vậy; mà chính thói quen đã tạo ra điểu đó, bởi nó bó buộc bản chất. Nhưng đôi lần bản chất vượt qua thói quen và giữ con người trong bản năng của họ bất chấp mọi thói quen dù tốt hay xấu.

**98.** Thành kiến dẫn tới sai lầm - Là một điểu tệ hại khi nhìn thấy những người chỉ cân nhắc những phương tiện, mà không chú ý tới mục đích. Mỗi người nghĩ bằng cách nào làm tròn bổn phận trong hoàn cảnh của mình, nhưng đối với việc chọn hoàn cảnh, hay xứ sở, số mệnh ban nó cho chúng ta.

Quả là điểu đáng tiếc khi nhìn thấy nhiều đến thế những người Thổ, người dị giáo, người không có niềm tin tôn giáo, đi theo con đường của tổ tiên họ vì một lý do duy nhất là mỗi người thâm dăm định kiến rằng đó là điểu tốt nhất. Và chính điểu đó quyết định mỗi con người gắn chặt với hoàn cảnh của người thợ khóa, người lính...

Chính theo nhẽ ấy những kẻ man rợ chẳng quan tâm chút gì đến Thượng đế.

**99.** Có một sự khác biệt chung và căn bản giữa hành động của ý chí và những hành động khác.

Ý chí là một trong những yếu tố chủ chốt của sự tin, chứ không tạo ra niềm tin, nhưng bởi mọi thứ đúng hay sai tùy theo góc nhìn mà ta quan sát. Ý chí thích góc nhìn này hơn góc nhìn khác, nên nó khiến tâm trí quay lưng lại với việc đánh giá những phẩm chất của những gì nó không muốn thấy; và do đó tâm trí, chuyển động phù hợp với ý chí, dừng lại và đánh giá khía cạnh mà nó thích và như thế đánh giá dựa trên cái nó thấy.

**100.** Tự luyện. Bản chất của tự luyện và của cái Ngã con người là chỉ

yêu bản thân và quý trọng chính nó. Nhưng con người sẽ làm gì? Anh ta không thể giúp đối tượng mà anh ta yêu tranh khỏi chìm ngập trong sai lầm và thiếu sót. Anh ta muốn trở nên lớn lao, và thấy mình nhỏ bé. Anh ta muốn hạnh phúc và thấy mình khốn khổ. Anh ta muốn toàn hảo, và thấy mình đầy khiếm khuyết. Anh ta muốn được những người khác yêu và quý mến, và thấy rằng sai lầm của mình chỉ đáng vờn sự ghê tởm và khinh thường của họ. Cảnh lúng túng mà anh ta lọt trong đó đã sản sinh ra trong anh ta thiên kiến bất công nhất và tội lỗi nhất có thể tưởng tượng được; vì anh ta thai nghén một sự thù nghịch chết người chống lại sự thật đó, thứ đã chê trách anh ta và khiến cho anh ta thừa nhận những khiếm khuyết của mình. Anh ta mong muốn tiêu diệt nó, và, khi không thể hủy hoại nó trong bản chất của nó, anh ta hủy hoại nó càng nhiều càng tốt, trong nhận thức của mình và của người khác; có nghĩa là, anh ta dành hết sự chú ý của bản thân vào việc che giấu lỗi lầm của mình khỏi tầm mắt của những người khác và của chính mình, và không thể chịu được việc người khác nhìn thấy những lỗi lầm ấy, hay chỉ cho anh ta thấy chúng.

Quả thực việc mắc đầy những sai lầm là chuyện xấu xa, nhưng còn xấu xa hơn khi mắc đầy những lỗi lầm ấy và không muốn nhận ra chúng, bởi vì như thế có nghĩa là cộng thêm vào điếu xấu xa kia sự sai lầm của một ảo tưởng cố ý. Chúng ta không thích những người khác lừa dối mình; chúng ta không cảm thấy thỏa đáng khi họ muốn được chúng ta đánh giá cao hơn những gì họ xứng đáng; bởi thế cũng là không công bằng khi chúng ta lừa dối họ mà lại mong muốn được đánh giá cao hơn những gì chúng ta xứng đáng.

Như thế, khi họ đơn thuần phát hiện ra những khiếm khuyết và tật xấu trong thực tế của chúng ta, rõ ràng là họ không làm gì sai với chúng ta, bởi không phải họ gây ra những điếu ấy; họ làm được một việc tốt cho ta nữa, vì họ giúp chúng ta giải phóng bản thân mình khỏi điếu xấu, đó là sự thiếu

hiếu biết về những khiếm khuyết đó. Chúng ta không nên tức giận vì họ thấy được những lỗi lầm ấy và xem thường chúng ta; thật quá đúng khi họ được biết chúng ta theo đúng bản chất của chúng ta, và xem thường chúng ta nếu chúng ta đáng khinh.

Đó là những tình cảm có thể sinh ra nơi trái tim đủ đầy vô tư và công bằng. Như thế chúng ta phải nói gì về lòng dạ chúng ta, khi nhìn thấy nó theo một khuynh hướng hoàn toàn trái ngược? Bởi liệu có phải quả thực rằng chúng ta ghét sự thật và những ai nói sự thật với chúng ta, và rằng chúng ta thích họ bị lừa dối theo cách có lợi cho chúng ta, và rằng chúng ta thích được người khác đánh giá cao hơn thực chất của chúng ta?

Một dẫn chứng về điều này khiến tôi rùng mình ghê sợ. Công giáo không buộc người ta phải xưng tội một cách bừa bãi với tất cả mọi người; mà cho phép giữ bí mật về những tội đó với mọi người khác, ngoại trừ một người mà tôn giáo này yêu cầu cởi mở những gì thầm kín nhất trong trái tim và thể hiện đúng bản chất của ta với người đó. Chỉ có một người như thế trên thế gian mà tôn giáo lệnh cho ta không được lừa dối, và kết buộc người này với một bí mật bất khả xâm phạm, điều khiến tri thức này như thể không tồn tại bên trong anh ta. Người ta liệu có thể hình dung ra bất cứ điều gì nhân từ hơn, ôn hòa hơn? Và tuy thế sự sa ngã của con người đã đến độ họ thậm chí cảm thấy quy định này thực sự khắc nghiệt; và đó là một trong những lý do chính khiến phần lớn châu Âu chống lại Giáo hội.<sup>42</sup>

Lòng dạ con người quả là bất công và phi lý, vì nó cảm thấy thật tồi tệ khi bị buộc phải làm dối với một người cái việc, ở chừng mực nào đó, là đúng khi làm với những người khác! Bởi có đúng rằng chúng ta nên lừa dối mọi người không?

Có những mức độ khác nhau trong việc ghét bỏ sự thật này; nhưng có thể nói rằng mọi người đều có tình cảm ghét bỏ này ở một mức độ nào đó,

bởi nó gắn liền với tình yêu bản thân. Chính sự tể nhị giả tạo này đã khiến những ai có nhu cầu trách mắng người khác đều chọn nhiều cách thức quanh co và những giải pháp dung hòa để tránh gây mất lòng. Họ cần phải giảm nhẹ những khiếm khuyết của chúng ta, làm ra vẻ như tha thứ cho những khiếm khuyết ấy, trộn thêm những lời khen và sự biểu lộ của lòng triu mến và yêu thương. Mặc cho toàn bộ đi đầu này, liều thuốc trên vẫn đắng nghét đối với tình yêu bản thân. Thứ tình yêu này dùng thuốc đó ở mức ít nhất có thể, luôn với sự chán ghét, và thường kèm thêm oán giận ngầm ngấm đối với người kê toa thứ thuốc đó.

Từ đó xảy ra việc, nếu một người có mối bận tâm nhất định đến việc có được sự yêu mến từ chúng ta, người đó không mang đến cho chúng ta đi đầu mà anh ta thấy không phù hợp; người ta đối xử với chúng ta như chúng ta muốn được đối xử: chúng ta ghét sự thật, và họ giấu đi sự thật; chúng ta muốn được tâng bốc, họ tâng bốc chúng ta; chúng ta muốn được lừa dối, họ lừa dối chúng ta.

Vì thế, mỗi khi vận may nâng chúng ta lên một bậc cao hơn ở đời này, chúng ta càng rời xa sự thật, bởi người ta e ngại nhiều hơn trong việc làm thương tổn những người mà tình cảm của những người này đem lại nhiều lợi ích nhất và sự ghét bỏ của họ là vô cùng nguy hiểm. Một hoàng thân có thể là trò cười của châu Âu, và chỉ mình ông ta không biết đi đầu đó. Tôi không ngạc nhiên việc nói ra sự thật thì hữu ích với những người nghe, nhưng không có lợi cho người nói, bởi đi đầu này khiến người nói ra đi đầu đó không được yêu mến. Giờ những người sống với những ông hoàng lại yêu lợi ích của bản thân hơn lợi ích của ông hoàng mà họ phụng sự; và như thế, họ không quan tâm đến việc đem lại lợi ích cho ông hoàng ấy nếu việc đó gây hại đến bản thân họ.

Rõ ràng đi đầu bất hạnh này lớn hơn và phổ biến trong tầng lớp giàu có;

nhưng những tầng lớp thấp hơn cũng không phải ngoại lệ, bởi luôn có lợi ích nào đó trong việc làm cho người khác yêu mến mình. Như thế, đời sống con người chỉ là một cơn ảo mộng bất tận; con người lừa dối và phỉnh phờ lẫn nhau. Không ai nói về chúng ta khi ta có mặt giống như khi ta vắng mặt. Xã hội loài người được lập dựng trên sự lừa dối lẫn nhau, và hiếm có tình bạn nào tồn tại lâu dài nếu mỗi người biết rằng bạn mình nói những gì về mình khi mình vắng mặt, dấu cho anh ta đã nói một cách chân thành và không thiên kiến.

Như thế, con người chỉ là sự nguy trang, giả dối, và đạo đức giả, trong bản thân nó và đối với người khác. Bởi thế, con người không mong bất kỳ ai nói cho họ nghe sự thật; họ tránh nói sự thật với người khác, và tất cả những khuynh hướng này, quá xa rời công lý và lý trí, có một nguồn gốc tự nhiên trong trái tim con người.

**101.** Tôi cho là trong thực tế nếu biết được những điếu người ta nói về nhau, trên thế giới này sẽ không có tới bốn người bạn. Điếu này lộ ra qua những tranh cãi nảy sinh do những câu chuyện hớ hênh đôi khi vẫn được kể lại. Tôi nói, hơn nữa, mọi người hẳn là...

**102.** Có những thói xấu chỉ bầu chặt chúng ta do những thói xấu khác, và chúng, như những cành cây, sẽ bị mang đi khi người ta đốn hạ thân cây.

**103.** Tấm gương về đức hạnh của Alexandros<sup>43</sup> [*Pháp, Alexandre; Anh, Alexander*] đã không tạo ra nhiều người biết chế dục bằng tấm gương về thói say xỉn của ông ta đã tạo ra những kẻ rượu chè quá độ. Chẳng phải là điếu xấu hổ khi không đức hạnh như ông ta, và dường như việc không truy lạc hơn ông ta lại được bỏ qua. Người ta không nghĩ bản thân sống trong những thói xấu của người bình thường khi họ thấy mình chìm trong những thói xấu của những con người vĩ đại này. Thế nhưng ta không nhận ra rằng trong những vấn đề này họ [những người vĩ đại] cũng là những

người bình thường. Ta bám chặt lấy họ theo cùng kiểu như họ bám lấy đám đông. Bởi dù cho được đề cao đến đâu thì họ vẫn có những điểm chung nào đó với những người thấp kém hơn. Họ không treo lơ lửng trên không trung, tách biệt với xã hội chúng ta. Không, không, nếu họ vĩ đại hơn chúng ta, đó là vì cái đầu của họ cao hơn nhưng đôi chân họ cũng thấp như chúng ta. Tất cả ở cùng một cấp độ, và đứng trên cùng một mặt đất; và với cái giới hạn đó họ cũng thấp như chúng ta, như những kẻ thấp kém nhất, như những đứa trẻ, như những con thú.

**104.** Khi để sự ham mê dẫn dắt làm một việc gì đó, người ta quên mất bổn phận của mình; như khi mê mẩn một cuốn sách, người ta đọc nó trong khi cần làm một việc khác. Giờ để nhắc nhở bản thân về nghĩa vụ của mình, người ta phải tự đặt ra một nhiệm vụ mà mình không thích; bấy giờ người ta lấy cớ rằng có việc gì đó khác cần làm và nhớ ra bổn phận của mình qua cách ấy.

**105.** Thực khó để đưa ra điếu gì đó cho người khác đánh giá mà không tác động đến đánh giá của anh ta qua cách ta đưa ra điếu đó! Nếu nói: “Tôi nghĩ nó đẹp”, “Tôi thấy nó không rõ ràng”, hay lời nào đó tương tự, chúng ta lôi kéo trí tưởng tượng vào nhận xét này, hay kích động nó đi theo hướng ngược lại. Tốt nhất là không nói gì và khi ấy người khác sẽ nhận xét theo nội dung thực của nó có nghĩa là, theo bản chất của nó lúc ấy, và theo những hoàn cảnh khác, không phải do chúng ta tạo ra, đã đặt ra nó. Nhưng chúng ta ít nhất sẽ không thêm vào điếu gì, trừ phi sự im lặng đó cũng sinh ra một hiệu ứng, theo chiều hướng và cách diễn giải mà người khác sẵn sàng đưa ra, hoặc như anh ta sẽ đoán nó qua những cử chỉ hay sắc mặt, hoặc âm vực giọng nói, nếu anh ta là một người giỏi đoán việc qua tướng mạo. Thực khó để không làm suy suyển một nhận xét từ cơ sở tự nhiên của nó, hay, đúng hơn, rất hiếm khi một đánh giá thực sự vững chắc và ổn định!

**106.** Khi biết đam mê nổi trội của mỗi người, người ta chắc chắn làm hài lòng anh ta; và tuy vậy mỗi người có những sự cu ờng tưởng, đi ngược với cái tốt riêng của anh ta, trong chính ý tưởng mà anh ta có về cái tốt. Đó là một đi ầu kỳ lạ gây khó nghĩ.

**107.** *Lustravit lampade terras*<sup>44</sup> - Có ít sự kết nối giữa thời tiết và tính khí của tôi. Có những ngày sương mù và cả những ngày đẹp trời trong tôi; đi ầu tốt lành hay những việc tệ hại của tôi thậm chí chẳng mấy liên quan tới vấn đề này. Đôi lần tôi nỗ lực chống lại số mệnh. Vinh quang của việc làm chủ nó giúp tôi chế ngự nó một cách thoải mái; trong khi thảnh thơi tôi chán ngấy giữa sự may mắn tốt lành.

**108.** Cho dù con người không có tư lợi trong đi ầu họ đang nói, nhưng ta tuyệt đối không được phép kết luận từ đó rằng họ đang không nói dối; bởi có một số người nói dối đơn giản chỉ để nói dối.

**109.** Khi khỏe mạnh người ta tự hỏi rằng mình sẽ làm gì nếu bị bệnh, khi bị bệnh chúng ta vui vẻ uống thuốc; sự đau ốm thuyết phục chúng ta làm vậy. Chúng ta không còn cảm xúc mạnh và ham muốn nữa với những trò tiêu khiển và việc đi dạo vốn là những việc sức khỏe đã đưa đến cho chúng ta, mà những việc này không thích hợp với tính cần thiết của bệnh tật. Thiên nhiên, khi ấy, đem đến những cảm xúc mạnh và ham muốn phù hợp với tình trạng hiện tại. Chúng ta b ần ch ần không yên do những nỗi sợ hãi mà chúng ta, không phải tự nhiên, đem đến cho chính bản thân mình, bởi những nỗi sợ ấy thêm vào tình trạng hiện tại mà chúng ta ở trong đó những cảm xúc mạnh của tình trạng mà chúng ta không ở trong đó.

Không phải lúc nào thiên nhiên cũng khiến chúng ta hạnh phúc ở mọi hoàn cảnh, những ham muốn của chúng ta vẽ ra cho chúng ta một trạng thái hạnh phúc bằng cách thêm vào trạng thái hiện tại những niềm vui của trạng thái mà chúng ta không ở trong đó. Và khi đạt tới những niềm vui này,

chúng ta sẽ không hạnh phúc vì đi đầu này, bởi tất yếu chúng ta sẽ có những ham muốn khác phù hợp với trạng thái mới này.

Cần phải đi sâu vào mệnh đề có tính tổng quát này...

**110.** Ý thức về tính giả tạo của những niềm vui hiện tại và sự thiếu hiểu biết về tính hư ảo của những niềm vui vắng mặt gây ra tính bất ổn.

**111.** Tính bất ổn - Người ta nghĩ mình đang chơi đàn đàn ống [orgues] thông thường khi tác động đến con người. Con người thực ra đúng là đàn đàn ống, nhưng kỳ quặc, hay thay đổi, đa dạng với những ống không được sắp xếp theo đúng trật tự. Những ai chỉ biết chơi những chiếc đàn ống thông thường sẽ không phù hợp với loại đàn này. cần phải biết những phím đàn nằm ở đâu.

**112.** Tính bất ổn - Các thứ trên đời có những đặc điểm khác nhau, và tâm hồn có những khuynh hướng khác nhau; vì những thứ hiện ra trước tâm hồn chẳng có gì đơn giản, và tâm hồn không bao giờ là đơn giản đối với bất cứ đối tượng nào. Từ đó dẫn tới việc người ta khóc và cười cùng về một thứ.

**113.** Tính bất ổn và tính kỳ dị - Chỉ sống bằng lao động, và cai trị quốc gia hùng mạnh nhất thế giới là hai việc trái ngược nhau. Chúng được hợp nhất trong con người của đại chúa tể của dân Thổ Nhĩ Kỳ.

**114.** Tính đa dạng thì cũng phong phú như mọi âm sắc của giọng nói, mọi kiểu đi đứng, ho, hỉ mũi, hắt hơi. Người ta phân biệt nho với các loại trái cây, rồi trong đó lại có nho làm rượu xạ, rồi tới nho Condrieu, nho Desargues, và nho ghép cành kia. Đó là tất cả sao? Liệu có cây nho nào từng cho ra hai chùm y hệt nhau, và một chùm nho có hai quả giống hệt nhau không...?

Tôi chưa bao giờ nhận xét cùng một thứ hoàn toàn theo cùng một cách

giống nhau. Tôi không thể nhận xét một tác phẩm khi đang làm nó. Tôi cần phải làm như các họa sĩ, đứng xa ra một khoảng, nhưng không quá xa. Như thế thì xa bao nhiêu? Hãy đoán....

**115.** Tính đa dạng - Thần học là một khoa học, nhưng cùng một lúc đó là bao nhiêu khoa học? Con người là một tổng thể; nhưng anh ta sẽ là gì khi bị chia nhỏ? Đầu, tim, dạ dày, những mạch máu, mỗi phần của mạch máu, máu, dịch trong máu?

Một thị trấn, một vùng quê, nhìn từ xa đó là một thị trấn và một vùng quê. Nhưng, khi đến gần, đó là những ngôi nhà, cây cối, ngói, lá, cỏ, kiến, chân của kiến, đến vô cùng. Tất cả đi đâu này được gói trong cái tên vùng quê.

**116.** Nghề nghiệp. Những suy nghĩ - Tất cả là một, tất cả khác nhau. Liệu có bao nhiêu bản chất tồn tại trong con người? Có bao nhiêu thiên hướng? Và bởi sự ngẫu nhiên nào mà mỗi người theo cách thông thường chọn nghề, mà anh ta nghe thấy, được coi trọng? Một sự chuyển hướng hay.

**117.** Gót giày - “Ồ! Sự chuyển hướng này thực hay! Đó là một người thợ khéo léo! Anh lính kia thực can trường!” Đó chính là nguồn gốc của những khuynh hướng và của sự lựa chọn hoàn cảnh. “Người này uống được nhiều vậy! Người kia uống ít quá!” Đó là đi đâu khiến nhiều người tỉnh táo hoặc say, thành những người lính, kẻ hèn nhất...

**118.** Tài năng chính quy định những tài khác.

**119.** Thiên nhiên phỏng mẫu chính nó. Một hạt giống gieo trên mảnh đất tốt sinh trưởng tốt. Một nguyên tắc gieo vào một tâm trí tốt cho ra những đi đâu tốt đẹp.

Những con số mô phỏng không gian, một thứ vốn có bản chất rất khác.

Tất cả được tạo ra và được dẫn dắt bởi cùng người thầy, gốc rễ, những cành, những quả, những nguyên lý, những hệ quả.

**120.** Thiên nhiên đa dạng hóa và mô phỏng; tài khéo mô phỏng và đa dạng hóa.

**121.** Thiên nhiên luôn bắt đầu lại những thứ tương tự: những năm, những ngày, những giờ; những không gian, theo cách tương tự, và các con số nối tiếp nhau từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc; một kiểu vô hạn và vĩnh cửu được tạo ra như thế. Không phải bất cứ điều gì trong tất cả những điều này là vô hạn và vĩnh tồn, mà những hữu hạn này được nhân lên vô hạn [lần]. Như thế dường như với tôi chỉ có con số, vốn nhân bội những điều kia lên, là vô hạn.

**122.** Thời gian chữa lành những nỗi đau và những mối bất hòa, bởi người ta thay đổi và không còn là chính những con người đó nữa. Cả người xúc phạm lẫn người bị xúc phạm đều không còn là họ nữa. Đó giống như một dân tộc mà người ta đã chọc giận, rồi gặp lại sau hai thế hệ. Đó vẫn là những người Pháp, nhưng không còn như trước.

**123.** Anh ta không còn yêu người mà anh ta từng yêu mười năm trước. Tôi tin chắc điều đó: cô ta không còn là con người cũ, anh ta cũng thế. Anh ta từng trẻ, cô ta cũng thế; cô ta giờ khác hoàn toàn. Có lẽ anh ta còn yêu cô ta, nếu cô ta vẫn là con người hời đó.

**124.** Chúng ta không chỉ nhìn mọi thứ từ những khía cạnh khác nhau, mà với những đôi mắt khác; chúng ta không mong muốn thấy chúng y như thế.

**125.** Những tính đối lập - Con người thì cả tin, hoài nghi, rụt rè, hấp tấp, một cách tự nhiên.

**126.** Mô tả con người: phụ thuộc, mong muốn độc lập, những nhu cầu.

**127.** Thân phận của con người: bất ổn, buồn chán, lo lắng.

**128.** Người ta cảm thấy buồn phiền khi rời bỏ những mối bận tâm theo đuổi mà mình từng gắn bó. Một người đàn ông ở nhà với niềm vui thú; nhưng nếu anh ta gặp một người đàn bà quyến rũ được anh ta, anh ta vui chơi thỏa thích chừng năm sáu ngày, anh ta sẽ buồn khổ khi quay trở lại lối sống cũ. Chẳng gì thường thấy hơn thế.

**129.** Bản chất của chúng ta ở trong sự chuyển động; nghỉ ngơi hoàn toàn nghĩa là chết.

**130.** Sự buồn chán - Nếu một người lính, hay một người làm công, phàn nàn về khó khăn gặp phải, hãy để họ không làm gì cả.

**131.** Buồn phiền - Với một người, chẳng gì không thể chịu đựng nổi bằng việc hoàn toàn nghỉ ngơi, không đam mê, không công việc, không tiêu khiển, không nghiên cứu. Khi ấy anh ta cảm thấy sự hư vô, sự cô độc, sự khiếm khuyết, sự phụ thuộc, sự bất lực, sự trống rỗng nơi bản thân mình. Từ sâu nơi trái tim anh ta lập tức nảy sinh sự buồn chán, ảm đạm, sầu muộn, bức bối, phiền toái, thất vọng.

**132.** Dường như với tôi, Xêda [*Latinh & Anh, Caesar; Pháp, César*] quá già để tạo dựng niềm vui cho bản thân với việc chinh phục thế giới. Thú vui như thế tốt cho Augustus hay Alexandras. Đó là những con người trẻ tuổi và khi ấy thực khó để ngăn cản, nhưng mà Xêda hẳn phải chín chắn hơn.

**133.** Hai khuôn mặt giống nhau, mỗi khuôn mặt trong số đó không khiến ta cười, nhưng khi cùng xuất hiện lại khiến chúng ta cười bởi sự giống nhau của chúng.

**134.** Hội họa thực hảo huyền, nó thu hút sự chiêm ngưỡng bởi sự giống nhau của các sự vật, trong khi người ta không nhận ra những nguyên mẫu

của chúng!

**135.** Không gì khiến chúng ta hài lòng bằng việc chiến đấu, chứ không phải chiến thắng.

Người ta thích nhìn những trận chiến của loài thú, không phải kẻ thắng giậm điên lên với kẻ bại. Người ta chỉ nhìn thấy kết thúc thắng lợi; và ngay khi nó xảy ra, người ta thỏa mãn. Cũng như thế trong trò chơi, trong việc kiểm tìm chân lý. Trong những cuộc tranh luận, người ta thích nhìn thấy sự xung đột giữa các ý kiến, nhưng còn việc ngẫm nghĩ về chân lý vừa được tìm thấy ư? Không chút nào. Để quan sát và nhận ra chân lý với niềm vui, ta cần phải thay nó hiện ra từ cuộc tranh luận. Cũng như thế trong những cảm xúc mạnh mẽ, có niềm vui khi thấy sự va chạm giữa hai điểu đối lập, nhưng khi một bên chiếm ưu thế, chẳng còn gì hơn vẻ hung ác.

Chúng ta chưa bao giờ tìm kiếm điểu gì vì bản thân điểu đó, mà tìm kiếm chỉ để tìm kiếm. Tương tự trong các vở kịch, những phân cảnh không khơi dậy cảm xúc sợ hãi thì chẳng có giá trị gì, những nỗi khổ cùng cực vô vọng, tình yêu bạo liệt, và sự dã man cực điểm thì cũng vậy.

**136.** Ít thứ làm ta khuây khỏa, vì ít chuyện gây cho ta phiền não.

**137.** Không cần xem xét mọi mục tiêu theo đuổi cụ thể, mà chỉ cần hiểu các mục tiêu đó dưới góc độ tiêu khiển.

**138.** Nhiều người dễ dàng làm thợ lợp ngói và làm được mọi nghề, trừ trong căn phòng của họ.

**139.** Sự tiêu khiển - Khi đôi lần tôi quyết tâm xem xét những sự bất an khác nhau của con người, những hiểm nguy, và những nỗi đau mà họ đối diện ở tại tòa án hay trong chiến tranh, từ đó nảy sinh nhiều đến thế những cuộc tranh cãi, những thiên kiến, những việc liêu lĩnh và thường là xấu... Tôi vẫn hay nói rằng mọi sự bất hạnh của con người nảy sinh từ một điểu

duy nhất, đó là không thể an tĩnh trong chính căn phòng của họ. Một người có đủ điều kiện tốt để sống, nếu biết ở trong nhà của mình với niềm vui, người đó không rời khỏi đó để ra bờ biển hay xúm quanh một nơi nào đó; người ta mua một chức vụ trong quân đội với giá đắt như thế chỉ vì họ thấy việc không di chuyển khỏi thành phố là không thể chịu đựng nổi; và nhiều người chỉ tìm kiếm những cuộc nói chuyện và những trò tiêu khiển, bởi họ không thể tiếp tục vui vẻ ở nhà.

Nhưng, khi đã xem xét xa hơn, và sau khi tìm thấy nguyên nhân cho mọi điều không may của chúng ta, tôi đã tìm ra lý do của nó, tôi đã phát hiện một lý do rất thực, vốn nằm ở trong sự nghèo nàn tự nhiên của hoàn cảnh yếu đuối và chết người của chúng ta, và nó khốn khổ tới mức chẳng gì có thể an ủi chúng ta khi chúng ta suy xét về nó một cách kỹ lưỡng.

Bất kể hoàn cảnh nào mà ta hình dung cho mình, nếu tập hợp được tất cả những gì tốt nhất có thể thuộc về chúng ta, thì ngôi vua là đáng thèm khát nhất thế gian và lúc ấy, người ta hình dung một vị vua, kèm với mọi khoái lạc ông ta có thể chạm tới được, nếu vị vua ấy không có sự tiêu khiển và phải suy ngẫm về việc ông ta là gì - hạnh phúc mỏng manh này không giữ vững được ông ta - ông ta tất yếu sẽ rơi vào những linh tính về các hiểm họa, về những cuộc cách mạng có thể xảy ra, và cuối cùng về cái chết và những căn bệnh không thể tránh khỏi; do đó, nếu không có cái được gọi là sự tiêu khiển thì ông ta sẽ không hạnh phúc, và kém hạnh phúc hơn chỉ ít những thần dân đang vui chơi và làm vui lòng bản thân ông ta.

(Bởi thế, điều tốt duy nhất của con người cốt ở được vui thích khi nghĩ về hoàn cảnh của họ hay bởi một mối bận tâm khiến họ xoay sang hướng khác, hay bởi đam mê nào đó dễ chịu và mới mẻ xâm chiếm họ, hay bởi trò chơi, việc đi săn, buổi biểu diễn hấp dẫn nào đó, và sau cùng bởi cái mà người ta gọi là sự khuây khỏa).

Từ đó dẫn đến cuộc cờ bạc và việc giao du với phụ nữ, chiến tranh, những địa vị cao quý được tìm kiếm nhiều đến vậy. Chẳng phải rằng trong thực tế có bất cứ niềm hạnh phúc nào trong những điều đó, cũng chẳng phải người ta hình dung khoái lạc thực sự nằm trong tiền nong thắng được trong cuộc cờ bạc, hay trong con thỏ mà họ săn đuổi; người ta không muốn những thứ đó được trao tặng như một món quà. Người ta không tìm kiếm số mệnh dễ dàng và yên bình, vốn cho phép chúng ta nghĩ về hoàn cảnh không hạnh phúc của bản thân, cũng không phải những nguy hiểm của chiến tranh, cũng không phải sự mệt mỏi của công việc, mà chính việc tìm kiếm sự huyền ảo ngăn ta nghĩ về những điều ấy và làm ta khuây khỏa.

Đó là lý do tại sao người ta thích cuộc săn đuổi hơn là con mồi săn được.

Đó là lý do nhiều người yêu sự ồn ào, náo động đến thế. Đó là lý do mà việc bị cầm tù là một hình phạt khủng khiếp đến thế, bởi thế mới có chuyện niềm vui cô đơn là một điều gì đó không thể hiểu nổi. Và trong thực tế, niềm hạnh phúc lớn nhất của địa vị vua chúa là ở chỗ mọi người không ngừng nỗ lực để làm những vị vua ấy khuây khỏa và mang đến cho họ mọi kiểu khoái lạc.

Vua được vây quanh bởi những con người chỉ nghĩ cách có thể làm ông ta vui vẻ và quên đi việc nghĩ về bản thân. Bởi vua không hạnh phúc, dù là vua, nếu nghĩ về bản thân mình.

Đây là tất cả những gì con người có thể khám phá ra để khiến mình hạnh phúc. Và những ai ngẫm luận về vấn đề đó, và những ai nghĩ thực phi lý khi dành cả ngày cho việc săn đuổi một con thỏ mà mình chắc không bao giờ mua, hầu như không hiểu được bản chất của chúng ta. Con thỏ này không đảm bảo cho chúng ta khỏi nhìn thấy cái chết và những tai ương; mà việc săn đuổi đảm bảo được việc đó. Và như thế lời khuyên mà người ta

đưa ra cho Pyrrhos, hãy hưởng sự nghỉ ngơi mà ông ta tìm kiếm với nhiều công sức đến vậy, thực chẳng dễ dàng.

Bảo một người rằng anh ta đang thành thoi chính là bảo họ đang sống hạnh phúc. Đó chính là khuyên anh ta sống trong một trạng thái hạnh phúc một cách hoàn toàn, trong đó anh ta có thể suy nghĩ nhàn nhã mà không cần tìm ra nguồn gốc của phiền muộn. Đây chính là việc hiểu sai bản chất vấn đề.

Cũng như những người vốn sẵn hiểu được tình trạng của chính họ thì không tránh né gì ngoài sự thư thái; chẳng gì mà họ không làm để kiếm tìm sự náo nhiệt. Không phải đó là họ có một nhận thức bản năng về hạnh phúc thực sự...

Vì thế, chúng ta sai khi trách cứ họ; lỗi của họ không nằm trong việc tìm kiếm sự náo nhiệt. Nếu họ tìm kiếm nó chỉ như một cách tiêu khiển; mà điều tệ hại chính là việc tìm kiếm sự náo động đó như thể việc sở hữu những thứ mà họ tìm kiếm khiến họ trở nên thực sự hạnh phúc. Và trên phương diện này, người ta có lý khi gọi việc tìm kiếm này là việc làm vô ích. Bởi thế trong toàn bộ việc này, cả người phê bình và người bị phê bình đều không hiểu được bản chất thật sự của con người.

Và như thế, khi chê trách họ rằng thứ họ tìm kiếm với lòng nhiệt thành đến vậy không khiến họ thỏa mãn, nếu họ đáp lại - vì họ cần phải làm việc đó, nếu họ xem xét vấn đề đó cẩn thận - rằng họ chỉ tìm kiếm trong đó một mối bận tâm lớn và mãnh liệt giúp quên đi việc suy nghĩ về bản thân, và rằng chính vì điều đó họ đã chọn một đối tượng hấp dẫn để quyến rũ và lôi cuốn họ đi theo một cách nhiệt thành, họ bỏ lại những người chống đối mình mà không có một câu trả lời. Nhưng họ không trả lời như vậy, vì họ không biết bản thân. Họ không biết rằng chính việc săn đuổi, chứ không phải con mồi, mới là thứ mà họ tìm kiếm.

Khiêu vũ: cần phải suy nghĩ kỹ đâu là nơi bàn chân cần đặt. Nhà quý tộc thực tâm tin rằng săn bắn là một thú vui quý tộc và tuyệt vời, nhưng người phụ trách việc thả chó trong cuộc săn lại không có suy nghĩ như thế.

Họ cho rằng, nếu ở một vị trí như thế, họ khi ấy có thể nghỉ ngơi thoải mái và vô cảm với bản chất tham lam không giới hạn của dục vọng. Họ nghĩ mình thực sự đang tìm kiếm sự tĩnh lặng, và trong thực tế họ chỉ đang tìm kiếm sự náo động.

Họ có một bản năng sâu kín vốn khiến họ tìm kiếm sự khuây khỏa và mối bận tâm ở bên ngoài, nảy sinh từ cảm giác về sự bất hạnh không dứt của mình. Và họ có một bản năng sâu kín khác, dấu vết còn lại từ tính vĩ đại của bản chất ban đầu chúng ta, khiến họ nhận ra rằng hạnh phúc trong thực tế chỉ nằm trong sự thư thái chứ không phải trong sự náo động. Và từ hai bản năng không thuận chiều này, họ hình thành trong mình một ý tưởng lộn xộn, thứ ẩn sâu trong tâm hồn và họ không thể nhìn thấy, khiến họ hướng đến sự thư thái qua sự náo động, và luôn hình dung sẽ có được sự thỏa mãn vốn không thể có, nếu, bằng cách vượt qua mọi khó khăn phải đối mặt, qua đó họ có thể mở cánh cửa đến với sự thư thái.

Cuộc đời cứ thế trôi đi. Con người tìm kiếm sự thư thái bằng việc đấu tranh vượt qua những chướng ngại và khi thành công, sự nghỉ ngơi lại trở nên không thể chịu đựng nổi. Vì người ta nghĩ về những điều bất hạnh đang gánh chịu hay những điều không may đe dọa bản thân mình. Và ngay cả khi thấy bản thân hoàn toàn được che chở, sự buồn chán của chính việc chấp nhận hoàn cảnh ấy vẫn nảy lên từ sâu trong trái tim chúng ta, ở đó gốc rễ tự nhiên của nó tồn tại, làm đầy tâm trí bằng chất độc của nó.

Như thế, con người khổ đến mức anh ta buồn chán, thậm chí khi chẳng có lý do gì để buồn chán từ trạng thái đặc thù của tâm trạng; và anh ta vô dụng đến nỗi, dù có đủ cả ngàn lý do thực sự của việc buồn chán,

việc vớ vẫn nhất như chơi billiard hay đánh bóng đủ để khiến anh ta vui vẻ.

Nhưng bạn sẽ nói anh ta có mục tiêu gì trong toàn bộ chuyện này? Đó là niềm vui của việc ngày mai sẽ ba hoa giữa đám bạn bè rằng mình đã chơi hay hơn những người khác. Như thế, những người khác đổ mồ hôi trong căn phòng của họ để chỉ cho những nhà bác học thấy họ đã giải được một bài toán đại số, vốn cho đến nay không ai có khả năng giải được. Nhiều người khác nữa đặt mình vào những nguy hiểm tột cùng, theo ý tôi là ngu ngốc, để về sau này khoe khoang rằng họ đã chiếm được một thị trấn. Cuối cùng, những người khác tiêu hết sức lực cho việc nghiên cứu toàn bộ những điều này, không phải để trở nên khôn ngoan hơn, mà chỉ để chứng tỏ rằng họ biết chúng; và đó là những kẻ ngu ngốc nhất, bởi họ như thế với đầy đủ ý thức, trong khi người ta có thể nghĩ về người khác rằng, nếu họ biết điều đó họ sẽ không ngu ngốc nữa.

Người nào đó không thấy buồn chán khi dành cả đời mình trong việc suốt ngày chơi cờ bạc lật vật. Mỗi buổi sáng hãy đưa cho anh ta số tiền mà anh ta có thể thắng được mỗi ngày, với điều kiện anh ta không chơi, bạn sẽ khiến anh ta đau khổ. Có thể kết luận rằng anh ta tìm kiếm niềm vui vì sự chơi, chứ không cốt ở việc thắng cuộc. Vậy thì, thử bảo anh ta chơi mà không được hoặc mất gì xem; anh ta sẽ không vui vẻ chút nào khi tham gia trò chơi ấy và không cảm thấy thích thú. Như thế, cái mà anh ta tìm kiếm không chỉ là trò tiêu khiển. Một trò tiêu khiển uể oải và không gay cấn sẽ khiến anh ta buồn chán. Nó phải thực sự tạo ra được sự phấn khích và anh ta lừa dối chính mình khi cho rằng, anh ta sẽ hạnh phúc khi thắng được thứ mà anh ta không muốn được người khác tặng cho với điều kiện là không được chơi; để rồi từ đó tự tạo cho mình một đối tượng ham mê và khơi dậy niềm ham muốn, sự giận dữ, nỗi sợ hãi, để đạt được điều mà bản thân đã tưởng tượng ra như những đứa trẻ sợ hãi khuôn mặt mà chính chúng đã

bôi đen.

Từ đâu xảy đến việc con người này, người đã mất đứa con trai duy nhất của mình vài tháng trước, hay người sáng nay ở trong sự lo lắng đến thế khi bị đè nặng bởi một vụ kiện và những cuộc tranh luận, giờ không còn nghĩ về chúng nữa? Đừng ngạc nhiên, tâm trí anh ta bị choán đầy bởi hình ảnh con heo rừng mà những con chó của anh ta săn đuổi vô cùng hăng máu trong sáu tiếng vừa qua. Anh ta chẳng đòi hỏi gì thêm nữa. Tuy một người có thể tràn đầy những nỗi buồn trong lòng, anh ta vẫn hạnh phúc trong khoảng thời gian đó, nếu bạn có thể thuyết phục anh ta bước vào trò tiêu khiển nào đó; và một người cho dù hạnh phúc đến mức nào, anh ta cũng sẽ sớm cảm thấy bức bối và khổ sở nếu anh ta không được giải khuây và thu hút tâm trí vào mỗi ham mê hoặc trò tiêu khiển nào đó, vốn ngăn nỗi buồn chán xâm chiếm anh ta. Không có sự tiêu khiển thì chẳng có niềm vui; với sự tiêu khiển chẳng hề có nỗi buồn. Và đó cũng chính là đi đầu làm nên hạnh phúc của những người có địa vị cao sang, họ có nhiều người giúp vui cho họ và có quyền lực để duy trì được trạng thái này.

Hãy xem xét đi đầu này. Việc giữ chức vụ quan giám sát, quan chưởng ấn, đệ nhất chủ tịch, là gì nếu không phải là từ sớm tinh mơ một lượng lớn người từ khắp nơi đến để gặp họ, với mục đích không cho họ mỗi ngày có được một giờ để quán xét bản thân mình? Và khi thất thế, phải trở về ngôi nhà ở miền quê, nơi họ chẳng thiếu thốn tí tiền bạc cũng như người phục dịch để giúp họ khi cần, họ vẫn thấy đau khổ và bị bỏ rơi bởi chẳng ai ngăn họ nghĩ đến bản thân mình.

**140.** Một người vô cùng sầu não bởi cái chết của người vợ và đứa con trai duy nhất, hay một người vướng phải cuộc tranh tụng khiến anh ta quay cuồng, nguồn cơn nào khiến cho anh ta vào thời điểm đó lại không muộn phiền, và thấy anh ta dường như thoát khỏi những suy nghĩ đau buồn và

bất an đó? Đừng ngạc nhiên về điều đó. Người ta vừa giao bóng, và anh ta phải đánh trả quả bóng ấy lại cho đối thủ. Anh ta bận tâm tới việc bắt được quả bóng đang rơi từ trên cao xuống để chiến thắng trò chơi. Anh ta nghĩ về những việc riêng của mình như thế nào trong khi có những việc đang chờ được giải quyết theo cách ấy? Đây chính là mối lo lắng xúng với tâm hồn cao cả và choán đầy tâm trí khiến anh ta chẳng còn nghĩ đến gì khác. Con người này, sinh ra để nhận biết vũ trụ, để đánh giá mọi nguyên nhân, để cai trị cả một quốc gia, giờ thì hoàn toàn bận rộn và dốc hết tâm trí vào việc bắt một con thỏ rừng. Và nếu không hạ bản thân thấp xuống mức này và muốn luôn ở trong trạng thái căng thẳng, anh ta hẳn còn ngu ngốc hơn, vì anh ta muốn nâng mình lên cao hơn nhân loại; và rút cục anh ta cũng chỉ là một con người, điều đó muốn nói về khả năng ít hay nhiều, tất cả hoặc không gì cả. Anh ta không là một thiên thần cũng chẳng phải dã thú, chỉ là một con người.

**141.** Nhiều người dành thời gian của mình vào việc chạy theo một quả bóng hay một con thỏ rừng; đó là niềm vui của ngay cả những vị vua.

**142.** Sự tiêu khiển - Bản thân địa vị đế vương không đủ lớn để mang lại niềm hạnh phúc cho người có được nó bằng việc chỉ suy ngẫm xem mình là gì sao? Liệu người này phải tránh xa suy nghĩ này như những người bình thường? Tôi thấy rõ ràng rằng, khiến cho một người cảm thấy mình hạnh phúc là làm anh ta tránh xa hình ảnh về những nỗi buồn trong gia đình để dồn toàn bộ suy nghĩ của anh ta vào việc làm sao để khiêu vũ giỏi. Nhưng liệu điều tương tự có xảy ra với một vị vua, và ông ta sẽ hạnh phúc khi gắn mình với những trò vui chơi vô bổ này hơn việc suy ngẫm về sự vĩ đại của mình? Và mục tiêu nào mang lại sự thỏa mãn hơn có thể được đưa ra cho tâm trí ông ta? Đối với ông ta, đó chẳng phải là tước đi niềm khoái cảm vui khi khiến cho tâm hồn ông ta bận tâm tới việc đi đầu chính bước chân theo điệu nhạc, hay ném một quả bóng thế nào cho khéo, thay vì rời bỏ nó để

lặng lẽ hưởng thụ sự suy ngẫm về vinh quang tráng lệ bao quanh mình? Giờ cùng làm rõ đi đâu này; hãy để một vị vua hoàn toàn một mình mà không có bất cứ sự thỏa mãn nào cho các giác quan, không có mối bận tâm nào trong tâm trí, không những kẻ theo hầu và trò tiêu khiển, chỉ nghĩ về chính mình trong cảnh nhàn hạ, và người ta sẽ thấy một vị vua không có sự tiêu khiển chỉ là một con người đầy khổ. Vì thế, người ta tránh xa đi đâu này một cách cẩn thận, và gần bên con người vua chúa luôn có lượng lớn những kẻ chú tâm vào việc liên tục tạo ra những trò tiêu khiển nối tiếp sau công việc của vua, và luôn chực chờ vị vua ấy rảnh rỗi để mang đến những thú vui và trò chơi sao cho không có khoảng thời gian trống. Có nghĩa là vây quanh những vị vua là những người vô cùng quan tâm đến việc làm sao để vị vua không ở một mình và rơi vào trong trạng thái quán xét bản thân mình, biết rõ rằng ông ta sẽ đau khổ, dù là vua, nếu suy nghĩ về mình như thế.

Trong toàn bộ đi đâu này tôi không nói về những vị vua Thiên Chúa giáo như những tín đồ Thiên Chúa giáo, mà chỉ như những vị vua.

**143.** Sự tiêu khiển - Từ thời ấu thơ, nhiều người đã được dạy quan tâm tới danh dự, tài sản, bạn bè, và thậm chí cả về tài sản và danh dự của bạn mình. Rồi họ bị ngập đầu trong công việc phải làm, trong việc học tập ngôn ngữ và những bài tập thể lực; và người ta khiến họ hiểu không thể hạnh phúc nếu sức khỏe, danh dự, tài sản của họ và cả của bạn bè họ không ở trong một tình trạng tốt, và chỉ thiếu sót một trong số ấy sẽ không đảm bảo hạnh phúc. Vì thế, họ được giao những trọng trách và công việc khiến cả ngày bận rộn, thậm chí cả trong lúc nghỉ ngơi. Hẳn bạn sẽ la lên, thực là một cách kỳ lạ để làm cho con người hạnh phúc; người ta có thể làm gì tốt hơn nữa đây để khiến cho những con người này đau khổ? Bằng cách nào, người ta có thể làm gì? Chúng ta chỉ cần giúp họ thoát khỏi nhưng mối bận tâm đó; bởi khi đó họ có thể quán xét mình, nghĩ về việc họ là gì, từ đâu

đến, sẽ đi về đâu, và như thế người ta không thể khiến họ quá bận rộn và giúp họ chuyển hướng chú ý. Chính vì thế, sau khi giao cho họ quá nhiều công việc, chúng ta cần khuyên họ, nếu có thời gian nghỉ ngơi, nên sử dụng thời gian ấy vào việc giải trí, vui chơi, và luôn thực sự bận rộn.

Trái tim con người trống rỗng và đầy bã thải làm sao!

**144.** Trong thời gian dài, tôi đã dành thời gian để nghiên cứu các môn khoa học trừu tượng, và việc người ta trao đổi quá ít về chúng khiến tôi chán nản. Khi bắt đầu nghiên cứu về con người, tôi nhìn thấy những khoa học trừu tượng này không phù hợp với con người, và khi đào sâu vào những khoa học ấy tôi đi lạc xa khỏi hoàn cảnh của mình hơn những người khác vốn không biết về chúng. Tôi đã bỏ qua cho sự hiểu biết ít ỏi của họ; nhưng tôi nghĩ chỉ ít mình sẽ tìm được nhiều người đồng hành trong việc nghiên cứu con người, và rằng đây là khoa học thực sự và phù hợp với con người. Tôi đã nhầm. Thậm chí người nghiên cứu môn này còn ít hơn lượng người nghiên cứu hình học. Chính do việc không biết phương pháp nghiên cứu khoa học này mà chúng ta tìm kiếm nhưng khoa học còn lại. Nhưng chẳng phải rằng đây thậm chí không phải là tri thức mà con người cần có, và rằng để được hạnh phúc, việc con người không biết về bản thân mình chẳng phải là tốt hơn sao?

**145.** Chỉ một suy nghĩ thôi là đủ chiếm trọn chúng ta; chúng ta không thể đồng thời nghĩ về hai thứ, đi đâu đó tốt cho chúng ta, theo thế gian chứ không theo Thiên Chúa.

**146.** Con người rõ ràng được tạo ra để suy nghĩ. Đó là toàn bộ phẩm cách và giá trị của anh ta; và toàn bộ bổn phận của anh ta là suy nghĩ như anh ta cần phải làm thế. Và thứ tự của việc suy nghĩ là bắt đầu với bản thân, rồi đáng tạo ra nó và mục đích của nó.

Giờ đây, thế gian nghĩ về điều gì? Không bao giờ về việc này, mà là về

chuyện khiêu vũ, chơi đàn luyt, ca hát, làm thơ, chạy đua... chiến đấu với nhau, biến mình thành vua, nhưng chẳng nghĩ đến việc làm vua là gì và làm một con người là gì.

**147.** Chúng không hài lòng về cuộc sống mà chúng ta có nơi chính mình và nơi bản thể mình. Chúng ta mong muốn sống một đời sống tưởng tượng trong tâm trí người khác, và nỗ lực để đi đầu này thành hiện thực. Chúng ta làm việc không ngừng nghỉ để tô điểm và duy trì sự t ồn tại tưởng tượng này và bỏ quên thực tế. Và nếu có được sự bình tâm, hay sự rộng lượng, hay sự trung thực, chúng ta hăm hở làm cho người ta biết đến đi đầu đó, để gắn những phẩm hạnh này vào với sự t ồn tại không thực kia. Và chúng ta sớm tách những phẩm hạnh ấy khỏi bản thân để gắn vào sự t ồn tại đó, sẵn lòng trở thành kẻ hèn nhất để có được tiếng là dũng cảm. Một bằng chứng lớn về đời sống hư vọng của chúng ta, không phải để hài lòng với cái này mà không có cái kia, mà thường đánh đổi cái này vì cái khác. Bởi thế ô nhục thay cho kẻ nào không chết để bảo vệ danh dự của mình.

**148.** Chúng ta tự phụ đến mức mong muốn cả thế gian biết đến mình, kể cả hậu thế đến sau khi chúng ta không còn nữa. Và chúng ta hão huyền đến mức sự quý trọng của năm hay sáu người xung quanh cũng khiến chúng ta vui vẻ và hài lòng.

**149.** Người ta không băn khoăn về việc có được mền chuộng hay không ở những thành phố mà họ đi ngang qua. Nhưng nếu sẽ ở đó một khoảng thời gian, người ta lại quan tâm tới đi đầu đó. Như thế thì cần bao lâu? Một khoảng thời gian tương ứng với đời sống hão huyền và vô giá trị ấy của chúng ta.

**150.** Tính hão huyền neo đậu nơi trái tim con người đến độ một người lính, một người phục vụ binh lính, một đầu bếp, một người khuân vác cũng khoe khoang và mong muốn có được những người ngưỡng mộ, và thậm

chí cả các triết gia cũng mong muốn đi đầu đó. Và cả những ai viết chống lại đi đầu này cũng muốn có vinh quang cho việc viết lách hay ho của mình; và những người đọc chúng cũng mong có vinh quang bằng việc đã đọc. Tôi là người viết ra đi đầu này có lẽ cũng có ham muốn như thế, và có lẽ cả những người sẽ đọc nó...

**151.** Vinh quang - Sự ngưỡng mộ làm hư hỏng tất cả mọi người từ thời thơ ấu. Ồ! Nói hay lắm! Ồ! Làm hay lắm! Anh ta mới khôn ngoan làm sao!...

Những đứa trẻ ở trường Port-Royal, vốn không có được tác dụng kích thích của lòng đố kỵ và vinh quang này, rơi vào sự cầu thả.

**152.** Lòng kiêu hãnh - Tính ham biết chỉ là tính kiêu căng. Hầu hết những gì chúng ta muốn biết cốt chỉ để nói về chúng. Nói cách khác, người ta sẽ không chu du trên biển để rồi không bao giờ nói về việc đó, mà lại vì niềm vui duy nhất là ngắm nhìn cảnh sắc mà không hy vọng có ngày chia sẻ kinh nghiệm đó.

**153.** Về ham muốn được mến chuộng bởi những người mà chúng ta gần gũi. Lòng kiêu hãnh chi phối chúng ta một cách rất tự nhiên giữa những khổ đau, sai lầm... của chúng ta. Chúng ta còn vui vẻ mất mạng miễn là người ta nói về đi đầu đó.

Tính hào huyênh: vui chơi, săn bắn, thăm viếng, những trò hề, cứ như lưu danh muôn thuở.

**154.** Tôi không có những người bạn có lợi cho bạn.

**155.** Có được một người bạn thực sự là một mối lợi lớn, ngay cả với những chúa tể vĩ đại, để người bạn đó nói tốt về họ và ủng hộ họ khi họ vắng mặt. Họ phải làm tất cả để có một người bạn như thế, nhưng phải lựa chọn cẩn thận, bởi khi dành hết tâm sức của mình cho những kẻ ngốc thì

chẳng thu được lợi gì, dù những kẻ này có thể nói tốt về họ đến đâu đi nữa. Và thậm chí những kẻ ngốc này sẽ không nói tốt về họ nếu chúng ở phía yếu nhất, vì chúng không có thẩm quyền, và như thế chúng sẽ nói xấu về họ trong đám đông.

**156.** *Ferox gens, nullam esse vitam sine armis rati*<sup>45</sup> - Họ thích cái chết hơn hòa bình, những người khác thích cái chết hơn chiến tranh.

Mọi ý kiến có lẽ thiên về sự sống, bởi tình yêu cuộc sống dường như thật mạnh mẽ và tự nhiên.

**157.** Mâu thuẫn: coi rẻ sự tồn tại của chúng ta, chết chẳng vì điều gì, thù ghét sự tồn tại của chúng ta.

**158.** Những mưu cầu - Sức mê hoặc của vinh quang lớn tới mức bất cứ những gì người ta gắn với nó, thậm chí cả cái chết, chúng ta đều thích.

**159.** Những chiến công là đáng khâm phục nhất khi được ẩn đi. Tôi vô cùng hài lòng khi nhìn thấy một vài sự việc như thế trong lịch sử. Nhưng sau tất cả, những việc ấy đã không được che giấu kỹ càng vì đã được biết đến; và cho dù người ta đã làm hết sức để che giấu chúng, một sự công bố ít ỏi về chúng đã làm hỏng tất cả, bởi điều đẹp nhất trong chúng chính là cái mong muốn che giấu chúng.

**160.** Hắt hơi,<sup>46</sup> cũng như công việc, hút hết mọi chức năng của tâm trí, nhưng từ đó chúng ta không rút ra được cùng những kết luận chống lại sự vĩ đại của con người, bởi vì đó là việc đi ngược lại ý muốn. Và cho dù ta chủ động thực hiện, thì việc hắt hơi vẫn ngược với ý muốn của ta. Đó không phải xét ở bản thân hành động; mà vì một mục đích khác. Và như thế, đó không phải là biểu hiện của sự yếu đuối hay sự lệ thuộc của con người qua hành động đó.

Con người không phải xấu hổ khi không vượt qua được nỗi đau, và cần

biết xấu hổ khi bị niềm vui khuất phục. Đây không phải vì nỗi đau đến với chúng ta từ bên ngoài, và bản thân chúng ta tìm kiếm niềm vui. Vì người ta có thể tìm kiếm nỗi đau, và chấp nhận nó một cách có chủ đích, mà không vướng vào sự thấp kém này. Vậy căn nguyên nào dẫn tới việc lý trí nghĩ rằng đáng vinh dự khi chịu khuất phục dưới tác động của nỗi đau, và hổ thẹn khi chịu thua tác động của ham muốn? Là bởi nỗi đau không cám dỗ và thu hút chúng ta. Chính bản thân chúng ta chọn nó một cách tự nguyện, và muốn nó ngự trị bản thân mình, theo cách chúng ta làm chủ tình hình, và trong hoàn cảnh này con người đã quy phục chính mình. Nhưng trong niềm vui, chính con người quy phục niềm vui. Giờ thì chỉ có sự tự chủ và quyền lực mang đến vinh quang, và tình trạng nô lệ đưa đến sự hổ thẹn.

**161.** Tính hư ảo - Sao một điều quá rõ ràng như tính hư ảo của thế gian lại ít được nhận ra đến thế, đến nỗi thật là một điều kỳ lạ và đáng ngạc nhiên khi nói rằng tìm kiếm sự vĩ đại là một việc ngu ngốc?

**162.** Ai muốn biết đầy đủ tính hư ảo của con người chỉ cần xem xét những nguyên nhân và kết quả của tình yêu. Nguyên nhân là một điều *je ne sais quoi* (tôi không biết là gì<sup>47</sup>), và những hệ quả của nó thì thực kinh khủng. Điều *je ne sais quoi* này, thực vi tế đến nỗi người ta không thể nhận ra, lại khuấy động mặt đất, những ông vua, những đội quân, và toàn thể thế giới.

Cái mũi của Cléopâtre nếu ngắn hơn thì toàn bộ diện mạo của thế gian đã thay đổi.

**163.** Tính hư ảo - Nguyên nhân và những hệ quả của tình yêu: Cléopâtre.

**164.** Ai không thấy được tính hư ảo của thế gian thì bản thân anh ta là người phù phiếm. Vậy ai không thấy được điều đó, trừ những người trẻ

tuổi sống trong sự ồn ào, trong sự tiêu khiển, và trong mối suy tư về tương lai?

Nhưng khi dẹp bỏ sự tiêu khiển ấy, và bạn sẽ thấy họ héo khô vì buồn chán. Khi ấy họ cảm thấy sự trống rỗng nơi mình mà không nhận thức được nó; bởi làm sao hạnh phúc khi ở trong nỗi buồn không thể chịu đựng nổi ngay khi người ta thu mình lại để soi xét bản thân, và không có trò tiêu khiển nào.

**165.** Những ý nghĩ rời - *In omnibus requiem quaesivi.*<sup>48</sup> Nếu ở trong trạng thái thực sự hạnh phúc, chúng ta không cần tránh nghĩ về nó để khiến bản thân hạnh phúc.

**166.** Sự tiêu khiển - Đón nhận cái chết mà không nghĩ về nó thì dễ dàng chịu đựng hơn là ý nghĩ về cái chết mà không có hiểm họa.

**167.** Những đau khổ của đời sống con người có ngu ồn gốc từ toàn bộ điếu này: vì họ đã nhìn thấy điếu này, họ đã chọn tiêu khiển.

**168.** Sự tiêu khiển - Khi không thể thoát khỏi cái chết, khổ đau, sự dốt nát, con người đã quyết định không nghĩ chút gì về những điếu này để cảm thấy hạnh phúc.

**169.** Bất chấp những nỗi khổ phải mang này, con người mong và chỉ mong được hạnh phúc, và không thể không mong như vậy. Nhưng làm sao để đạt được mong muốn ấy? Để hạnh phúc anh ta hẳn phải biến mình thành bất tử; nhưng khi không thể làm được điếu đó, anh ta đã ngăn mình nghĩ về cái chết.

**170.** Sự tiêu khiển - Nếu con người hạnh phúc, càng ít sự tiêu khiển anh ta sẽ càng hạnh phúc, như những vị Thánh và Đức Chúa. Đúng; nhưng chẳng phải ta sẽ hạnh phúc khi sự tiêu khiển còn có khả năng khiến con người hân hoan? Không; bởi nó đến từ nơi khác và từ bên ngoài; và như

thế có tính phụ thuộc, và ở mọi nơi, bị quấy rối bởi hàng ngàn yếu tố ngẫu nhiên, vốn gây ra những nỗi đau buồn không thể tránh khỏi.

**171.** Đau khổ - Điều duy nhất an ủi cho những đau khổ của chúng ta chính là sự tiêu khiển. Thế nhưng đó chính là nỗi đau lớn nhất trong ngàn vạn đau khổ của chúng ta. Bởi đó là vật cản chủ yếu ngăn chúng ta không quán xét bản thân và khiến chúng ta dần đánh mất mình. Không có sự tiêu khiển này chúng ta sẽ rơi vào trạng thái chán nản, và sự chán nản này sẽ thôi thúc chúng ta tìm kiếm cho mình phương tiện vững chắc hơn để thoát khỏi nó. Nhưng sự tiêu khiển lại khiến chúng ta vui vẻ, và dẫn chúng ta từng bước đến cái chết.

**172.** Chúng ta chưa bao giờ nắm bắt được giây phút hiện tại. Chúng ta thấy tương lai đến quá chậm, như muốn thúc đẩy những gì sắp tới đến thật nhanh; hoặc gọi lại quá khứ, như để những gì đã qua đừng trôi quá mau. Chúng ta thiếu thận trọng đến mức lang thang trong thời gian không phải của mình, và chẳng hề nghĩ về chỉ một điều duy nhất thuộc về chúng ta. Chúng ta quá nhàn rỗi đến độ nghĩ về những thứ vô nghĩa và vô ý để thoát khỏi tay thứ duy nhất tồn tại. Bởi với đa số, hiện tại mang đến khổ đau. Chúng ta xua hiện tại ra khỏi tầm mắt vì nó làm ta phiền muộn; và khi nó khiến chúng ta vui sướng, ta lại nuối tiếc nhìn nó trôi đi. Chúng ta chống đỡ hiện tại bằng tương lai và nghĩ về việc sắp xếp những thứ, vốn không nằm trong quyền hạn của mình, cho một thời điểm mà chúng ta chẳng có gì đảm bảo sẽ tới.

Mỗi người cần tra vấn những suy nghĩ của mình, và sẽ thấy tất cả bị chiếm giữ bởi quá khứ và tương lai. Chúng ta hầu như không nghĩ về hiện tại; và nếu có thì cũng chỉ là toan tính cho tương lai. Hiện tại chưa bao giờ là mục đích của chúng ta. Quá khứ và hiện tại là phương tiện; chỉ có tương lai cần đạt tới. Như thế, chúng ta chưa bao giờ sống nhưng lại mong đợi

sống, và, chúng ta luôn chuẩn bị để được hạnh phúc, nên tất yếu là ta chẳng bao giờ được như thế.

**173.** Người ta nói rằng những sự che khuất (như nhật thực và nguyệt thực) báo hiệu đi đầu không may bởi vì những đi đầu không may là phổ biến, cốt để, do cái xấu xảy ra thường xuyên, chúng thường tiên báo đi đầu đó; trong khi nếu họ nối những hiện tượng trên báo trước vận may, họ sẽ thường sai. Họ chỉ gán đi đầu may mắn cho những lần giao hội hiếm hoi của bầu trời; như thế họ ít sai trong việc dự đoán.

**174.** Đau khổ - Salômôn [*Hebrew*, Shlomoh; *Pháp*, Salomon; *Anh*, Solomon] và Gióp [*Hebrew*, Iyyôv; *Pháp* & *Anh*, Job] là những người được biết đến nhiều nhất và nói hay nhất về sự khốn khổ của con người; một người may mắn nhất, và một người bất hạnh nhất. Một người biết được tính hư ảo của những vui thú bằng kinh nghiệm, người kia hiểu được qua hiện thực của những đi đầu xấu xa.

**175.** Chúng ta biết về bản thân quá ít đến nỗi nhiều người nghĩ mình sắp chết khi còn khỏe, và nghĩ rằng mình khỏe khi cận kề với cái chết khi không cảm thấy cơn sốt sắp đến, hay áp-xe sắp hình thành.

**176.** Cromwell gần như đã tàn phá toàn bộ khối Thiên Chúa giáo; hoàng tộc đã tan nát và gia đình của ông ta có quyền lực mãi mãi, trừ một hạt cát nhỏ hình thành trong niêu quản của ông ta. Ngay cả Roma cũng run rẩy dưới bàn tay ông ta. Nhưng viên sỏi đang hình thành ở đó, ông ta chết,<sup>49</sup> gia đình ông ta bị hạ bệ, tất cả trong hòa bình, và vị vua được phục ngôi.

**177.** (Ba người chủ nhà).

Người có được tình bạn của vua Anh, vua Ba Lan, và Nữ hoàng Thụy Điển, lại tin rằng mình thiếu một nơi ẩn cư và nường nấu trên thế gian

chẳng?<sup>50</sup>

**178.** Macrobius:<sup>51</sup> về các anh hài bị giết theo lệnh của vua Hêrôđê<sup>52</sup> [*Hebrew*, Horedos; *Pháp*, Hérode; *Anh*, Herod; *Hy Lạp*, Herodes; *Latinh*, Herode].

**179.** Khi Augustus biết rằng chính con trai của Hêrôđê là một trong những đứa trẻ dưới hai tuổi bị ông ta sai giết, nói rằng tốt hơn đó là con lợn của Hêrôđê chứ đừng là con trai ông ta. Macrobius, *Satumaliorum*, ii.4.

**180.** Người vĩ đại và người thấp kém có cùng những đi đầu không may, nỗi muộn phiền, và những mê đắm; nhưng một nhóm ở vành bánh xe, nhóm kia gần tâm bánh xe và do đó ít bị xáo trộn hơn qua cùng những chuyển động xoay vòng.

**181.** Chúng ta bất hạnh đến nỗi chỉ có thể tận hưởng niềm vui với một việc, với đi đầu kiện là chúng ta tức giận nếu việc đó thành ra xấu, như cả ngàn việc có thể làm và làm vào mọi thời khắc. Người nào tìm thấy được bí mật của niềm vui trong đi đầu tốt lành mà không phiền lòng với cái xấu đối nghịch, đã đạt được mục đích. Đó là sự vận động không ngừng.

**182.** Những ai luôn có kỳ vọng tốt giữa những đi đầu không may và vui sướng với vận may, nếu họ không đau khổ một cách tương đương khi gặp vận rủi đầu được cho là rất thoải mái khi sự việc không thành công như mong đợi; và họ vui mừng quá đổi khi tìm ra những lý do này của niềm hy vọng, để cho thấy rằng họ có quan tâm và để che giấu bằng niềm vui sướng đi đầu họ giả vờ cảm thấy thứ họ có, khi nhìn sự việc thất bại.

**183.** Chúng ta chẳng hề lo lắng chạy đến vực sâu sau khi đặt một vật gì đó phía trước khiến chúng ta không nhìn thấy vực sâu đó.

### III

## VỀ SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐÁNH CUỘC

**184.** Một bức thư khuyến khích việc tìm kiếm Thiên Chúa.

Thế rồi khiến cho con người tìm kiếm Ngài trong đám những triết gia, những người hoài nghi, và những người giáo điều, những người này tác động đến kẻ tìm kiếm Ngài.

**185.** Cách làm của Thiên Chúa, người sắp đặt mọi thứ một cách ân cần, là đặt tôn giáo vào tâm trí bằng lý lẽ và vào trái tim bằng ân sủng. Nhưng ý muốn đặt tôn giáo vào tâm trí và trái tim bằng vũ lực và những đe dọa, đó không phải là hành động đặt tôn giáo vào đó, mà là sự khủng bố. *Terrorem potius quam religionem.*<sup>53</sup>

**186.** *Si enim terrentur et non docerentur, improba quasi dominatio videretur.*<sup>54</sup> (St. Augustinus, *Epistle* [Thư từ] 48 hoặc 49). *Contra mendacium, ad Consentium.*<sup>55</sup>

**187.** Trật tự. - Nhiều người xem thường tôn giáo. Họ ghét nó và sợ nó là thật. Để khắc phục điều này, cần phải bắt đầu bằng việc chỉ ra tôn giáo không đối lập với lý trí; rằng tôn giáo là đáng tôn kính, để khơi gợi sự tôn trọng dành cho nó. Rồi tiếp đến mang lại cho tôn giáo sự đáng mến, khiến người tốt hy vọng nó là thật, và rồi chứng minh rằng nó là thật

Đáng tôn kính, bởi tôn giáo có sự hiểu biết toàn diện về con người; đáng mến, bởi nó khiến cho người ta hy vọng điều tốt đẹp thực sự.

**188.** Trong mọi cuộc đối thoại và diễn ngôn, ta phải có khả năng nói

với những người cảm thấy phật lòng: “Bạn phàn nàn về điều gì?”.

**189.** Bắt đầu bằng việc thương xót những người hoài nghi, họ đủ khôn khổ bởi hoàn cảnh của mình rồi. Chỉ nên quở trách họ trong trường hợp có ích lợi; nhưng điều này làm họ tổn hại.

**190.** Xót thương những người vô thần lo tìm kiếm, vì họ không đủ bất hạnh sao? Đả kích những người khoe khoang về điều đó.

**191.** Và người này sẽ chế giễu người kia sao? Ai nên chế giễu? Và dù thế nào, người bị chế giễu sẽ không chế giễu người kia, mà sẽ xót thương anh ta.

**192.** Chế trách Mitton<sup>56</sup> về việc thiếu quan tâm, vì Thiên Chúa sẽ trách mắng ông ta.

**193.** *Quid fiet hominibus qui minima contemnunt, majora non credunt?*  
<sup>57</sup>

**194.** ... Những ai chống lại tôn giáo ít nhất cần tìm hiểu xem tôn giáo ấy là gì trước khi chống lại nó. Nếu tôn giáo này tuyên bố có một cái nhìn rõ ràng về Thượng đế, và có được điều ấy công khai và rõ ràng, thì khi nói rằng người ta chẳng thấy gì trên thế gian chứng tỏ điều ấy với sự rõ ràng này, đó chính là hành động chống lại tôn giáo ấy. Nhưng bởi vì tôn giáo này nói, ngược lại, rằng con người ở trong bóng tối và trong sự rời xa Thiên Chúa, rằng Ngài đã ẩn mình lánh khỏi tầm nhận biết của họ, rằng trong thực tế đây chính là cái tên mà Ngài tự đặt cho mình trong Thánh Thư, *Deus absconditus*;<sup>58</sup> và, cuối cùng nếu tôn giáo này nhắm tới việc thiết lập hai điều này một cách ngang bằng: rằng Thiên Chúa đã thiết lập những chỉ dẫn rõ ràng trong Giáo hội để giúp cho những ai thành tâm tìm kiếm có thể nhận ra Ngài; và rằng tuy vậy, Ngài ít nhiều vẫn còn ẩn mình theo cách nào đó và chỉ được nhận thấy bởi những ai tìm kiếm bằng tất cả

trái tim; liệu họ có thể rút ra được điều gì có lợi cho mình, khi họ tuyên bố với sự hồ hững về việc đang tìm kiếm sự thật, họ hét to lên rằng chẳng gì hé lộ cho họ thấy được sự thật? Chính vì sự tối tăm mà họ ở trong đó, và với điều họ chê trách Giáo hội, chỉ làm vững chắc một trong những điều mà tôn giáo này khẳng định, không chạm tới điều kia, và, chứng minh luận thuyết của tôn giáo này, đồng thời hoàn toàn không hủy hoại được nó?

Để chống lại tôn giáo này, họ cần phải gào lên rằng họ đã nỗ lực hết sức để tìm kiếm Ngài khắp nơi, thậm chí cả trong những gì mà Giáo hội đề nghị truyền dạy cho họ, nhưng không đạt thỏa mãn nào. Nếu nói theo cách đó, họ thực ra đang chống lại một trong những ý muốn của Giáo hội. Nhưng tôi hy vọng chỉ ra ở đây rằng không người nào có lý lẽ có thể nói như thế, và tôi thậm chí dám nói rằng chẳng ai từng làm điều này. Chúng ta biết đủ rõ những kẻ có tinh thần này thì cư xử như thế nào. Họ tin mình đã nỗ lực hết sức để thu được sự chỉ dẫn khi dành vài giờ để đọc sách nào đó trong Kinh Thánh, và họ đã hỏi những tu sĩ nào đó về sự thật của đức tin. Sau việc này, họ tự cho là mình đã hoàn công tìm kiếm nơi những cuốn sách và con người. Nhưng quả thực tôi sẽ nói với họ điều mà tôi thường nói, rằng điều sơ suất này là không thể chấp nhận được. Vấn đề ở đây không liên quan tới mối bận tâm hời hợt của một người xa lạ nào đó, để phải xem xét theo cách này; mà nó liên quan đến chính chúng ta, và mọi thứ của chúng ta.

Sự bất tử của linh hồn là một vấn đề vô cùng hệ trọng đối với chúng ta, liên quan đến chúng ta vô cùng sâu sắc đến mức chắc phải mất đi toàn bộ cảm giác để không quan tâm tới việc nhận biết nó là gì. Mọi hành động và suy nghĩ của chúng ta phải theo những tiến trình khác hẳn như thế, theo việc có hay không có những phước lành vĩnh cửu để hy vọng, đến độ ta không thể đi một bước với cảm giác và sự phán đoán trừ phi ta đi đầu chính tiến trình đó bằng cái nhìn về chủ điểm này, cái điểm vốn phải là mục tiêu

cuối cùng của chúng ta.

Vì vậy, mỗi quan tâm hàng đầu và cũng là bốn phần trước nhất của chúng ta chính là làm rõ về chủ đề này, nên tảng cho toàn bộ hành vi của chúng ta. Và đó chính là lý do tại sao trong số những người không được thuyết phục về điều đó, tôi phân biệt một cách rõ ràng, những người nỗ lực bằng mọi sức mạnh của bản thân để được truyền dạy và những người sống mà không bận tâm hoặc nghĩ về nó.

Tôi có thể chỉ có lòng trắc ẩn đối với những người thực tâm than phiền về mỗi hoài nghi của mình, những người coi điều đó là bất hạnh lớn nhất, và những người, dồn mọi nỗ lực để thoát khỏi nó và xem việc tìm hiểu này là mối bận tâm chính yếu và nghiêm túc nhất của họ.

Nhưng với những ai sống mà không nghĩ đến mục tiêu tối thượng này, và những người, chỉ bởi không tìm thấy bên trong mình những ánh sáng của niềm tin, thứ thuyết phục họ về việc đó, sao lãng việc tìm kiếm chúng ở nơi khác, và tra xét tận gốc rễ xem liệu quan điểm này có phải là một trong những điều mà con người nhận thức được với sự ngây thơ nhẹ dạ, hay là một trong những điều, cho dù mờ hồ bên trong họ, nhưng vẫn có một cơ sở rất vững chắc và không thể lay chuyển nổi, tôi đánh giá những người như thế theo một cách hoàn toàn khác.

Sự sao nhãng này về vấn đề liên quan tới chính bản thân họ, sự bất tử của họ, và tất cả những gì của họ, khiến tôi thấy tức giận hơn thương xót; khiến tôi ngạc nhiên và choáng váng: đó là một sự hoàn toàn vô lý đối với tôi. Tôi không nói điều này bởi lòng nhiệt tình mộ đạo của một sự sùng kính có tính chất tôn giáo. Trái lại, tôi mong rằng chúng ta cần có tình cảm này xuất phát từ nguyên tắc lợi ích và tình yêu bản thân của con người; bởi đối với điều này, chúng ta chỉ cần thấy cái mà những người giác ngộ ở mức độ thấp nhất nhìn thấy.

Không cần phải có tâm hồn vô cùng cao cả để hiểu rằng, ở đây không có một sự thỏa mãn thực sự và chắc chắn nào, rằng tất cả những thú vui của chúng ta chỉ có tính hư ảo, còn những đi đầu xấu xa của chúng ta là vô hạn, và cuối cùng cái chết, đe dọa chúng ta mỗi phút giây, chắc chắn đẩy chúng ta, trong vài năm thôi, vào cảnh tất yếu kinh khủng của tình trạng bị hủy diệt hay bất hạnh mãi mãi. Bởi thế, giữa chúng ta và bầu trời, địa ngục hay hư vô, chỉ có cuộc sống, một đi đầu gì đó mong manh nhất của thế giới; và bầu trời chắc chắn không dành cho những ai nghi ngờ linh hồn họ liệu có bất tử không, họ chỉ có địa ngục hay hư vô để họ đợi chờ.

Chẳng có gì thực hơn đi đầu này, cũng chẳng có gì khủng khiếp hơn. Hãy quả cảm như chúng ta mong muốn: đây chính là kết thúc dành cho cuộc sống đẹp đẽ nhất của thế giới. Hãy nghĩ về đi đầu này và sau đó nói phải chẳng những ý tưởng cho rằng chẳng có cái tốt trong đời sống này mà chỉ có cái tốt trong niềm hy vọng về một đời sống khác, rằng người ta càng cảm thấy hạnh phúc khi càng gần tới nó; và rằng, vì sẽ chẳng còn bất hạnh gì đối với những người có được một sự đảm bảo hoàn toàn về việc trở nên bất tử, nên cũng chẳng có hạnh phúc cho những ai không thấu hiểu được nó, [tất cả những ý ấy] đều không chắc chắn.

Bởi thế, nằm trong cảnh đầy hoài nghi thì chắc chắn là một tai họa lớn; nhưng ít nhất đó là một bốn phận không thể tránh khỏi buộc ta phải tìm kiếm, khi ở trong cảnh hoài nghi này. Và như thế người nghi ngờ nào không chịu tìm kiếm thì hoàn toàn bất hạnh và sai lầm. Và nếu bên cạnh đó, anh ta còn cảm thấy thoải mái và hài lòng, nói thẳng ra như thế, và quả thực tự hào về đi đầu đó; và nếu chính trạng thái này là lý do của niềm vui và tính kiêu căng của anh ta, thì tôi chẳng có bất cứ lời nào để miêu tả một con người quá đỗi khờ dại đến thế.

Do đâu con người có thể níu giữ những ý kiến này? Ta có thể tìm thấy

niềm vui nào trong sự chờ đợi không gì ngoài đau khổ vô vọng? Lý do nào khiến con người ta huênh hoang rằng mình đang ở trong bóng tối dày đặc? Và làm thế nào mà luận điểm dưới đây lại đến với một con người biết theo lẽ phải?

“Tôi không biết ai đã đặt tôi vào thế giới, cũng không biết thế giới là gì, cũng không biết bản thân tôi là gì. Tôi ở trong sự thiếu hiểu biết vô cùng về tất cả mọi thứ. Tôi không biết thân thể tôi là gì, cảm giác của tôi là gì, tâm hồn tôi là gì; hay thậm chí cái phần trong tôi vốn nghĩ ra những điều tôi nói, vốn suy nghĩ về tất cả và về chính nó, và biết bản thân nó cũng chẳng hơn phần còn lại.

“Tôi thấy những không gian đáng sợ này của vũ trụ bao trùm lấy tôi, và tôi thấy mình bị gắn với một góc của không gian rộng lớn ấy, mà không biết tại sao tôi lại ở chỗ này mà không phải chỗ khác, cũng như không biết tại sao khoảng thời gian ngắn ngủi mà tôi được ban cho để sống lại được ấn định vào điểm này chứ không phải là những điểm khác của toàn bộ sự vĩnh tồn đã có trước tôi hay sẽ còn kéo dài mãi sau tôi. Tôi chỉ nhìn thấy những cái vô hạn ở khắp nơi vốn bao quanh tôi như một nguyên tử, và như một cái bóng chỉ tồn tại trong giây lát mà không bao giờ trở lại. Tôi chỉ biết rằng mình sẽ sớm phải chết; nhưng lại không biết chút gì về cái chết mà mình không thể tránh.

“Vì tôi không biết mình từ đâu đến, tôi cũng không biết mình sẽ đi về đâu; tôi chỉ biết rằng, khi rời bỏ thế giới này, tôi mãi rơi vào hư vô hoặc vào tay của một Thượng đế giận dữ, mà không biết bản thân mình sẽ gắn với hoàn cảnh nào. Đó chính là hoàn cảnh của tôi, đầy yếu đuối và không chắc chắn. Và từ toàn bộ điều này, tôi kết luận rằng tôi phải sống hết cuộc đời mà không cần nghĩ tới việc tìm kiếm điều gì phải xảy đến với mình. Có lẽ tôi có thể tìm thấy một giải pháp nào đó cho những mối hoài nghi của

mình; nhưng không muốn nhọc công, cũng không muốn bắt tay tìm kiếm; và sau khi đối xử khinh rẻ với những người mang mối bận tâm này, tôi sẽ đi mà không lo xa và không cả sợ hãi, để thử làm một việc lớn lao, và mặc bản thân nhẹ nhàng bị dẫn đến cái chết, trong nỗi mơ hồ về sự vĩnh cửu của hoàn cảnh tương lai mình.”

Ai muốn có một người bạn nói chuyện kiểu này? Ai sẽ chọn anh ta trong số những người khác để kể cho anh ta nghe về những vấn đề con người này gặp phải? Ai sẽ lại đến bên anh ta khi gặp phiền muộn? Và quả thực người ta có thể xếp đặt anh ta vào vai trò nào trong đời sống?

Trong thực tế, thật là vinh quang cho tôn giáo khi có những kẻ thù là những con người rất đổi phi lý như vậy; sự chống đối của họ chẳng mấy nguy hiểm, mà ngược lại, giúp củng cố những chân lý của tôn giáo đó. Vì niềm tin của những người Thiên Chúa giáo chủ yếu là tiến tới thiết lập hai điểm này: sự suy thoái của bản chất con người, và sự cứu chuộc của Giêsu. Giờ tôi quả quyết rằng nếu những người kia không giúp chỉ ra sự thật của việc cứu chuộc qua sự thánh thiện trong hành vi của họ, ít nhất họ cũng giúp chỉ ra sự suy thoái của bản chất con người một cách tuyệt vời, qua những tình cảm rất trái tự nhiên như vậy.

Đối với con người, chẳng gì rất mực quan trọng bằng hoàn cảnh của chính anh ta, chẳng gì rất mực đáng sợ đối với anh ta bằng sự vĩnh cửu. Và như thế, thực không tự nhiên khi có những người thờ *ơ* với sự uổng phí đời sống họ, và với những hiểm họa của sự đau khổ kéo dài. Họ là những con người hoàn toàn khác đối với mọi thứ khác: họ sợ ngay cả những điểu nhỏ nhất, họ dự đoán chúng, họ cảm thấy chúng. Và con người này vốn trải qua rất nhiều ngày và đêm trong cơn thịnh nộ và sự thất vọng vì mất chức vụ hay vì một sự xúc phạm mơ hồ nào đó tới danh dự của anh ta, thì cũng chính là người không hề lo lắng, không hề xúc động, khi biết bản thân

mình sẽ mất tất cả khi chết. Thực là một điếu kinh khủng khi nhìn thấy trong chính trái tim ấy và cùng lúc ấy, sự nhạy cảm với những thứ vô nghĩa nhất và sự vô cảm lạ lùng đối với những điếu lớn lao nhất. Đó là một sự vui thích không thể hiểu nổi, và một sự uể oải phi thường, nó cho thấy một sức mạnh vô song gây ra điếu đó.

Hắn phải có một sự đảo ngược kỳ lạ trong bản chất con người mới khiến anh ta cảm thấy tự hào khi ở trong trạng thái ấy, mà dường như chỉ một người ở trong trạng thái này thôi đã là điếu không thể tin nổi. Tuy nhiên, kinh nghiệm đã cho tôi thấy có rất nhiều những con người như vậy đến nỗi điếu này thật đáng ngạc nhiên, nếu chúng ta đã không biết rằng phần lớn những người bận tâm về vấn đề ấy là không trung thực, và trong thực tế họ không như điếu họ nói. Họ là những người nghe nói rằng, kiểu cách thượng lưu cốt ở việc dám làm như thế. Đó là cái mà họ gọi là “tháo ách” [*secouer le joug*], và họ có bắt chước. Nhưng thực chẳng khó gì để khiến họ hiểu ra rằng họ phỉnh phờ bản thân biết bao khi đi tìm kiếm một sự thừa nhận theo cách đó. Đây không phải là con đường để đạt được điếu đó, thậm chí tôi nói trong những người lịch thiệp, những người vốn biết đánh giá mọi sự một cách khôn ngoan, và biết rằng cách duy nhất để thành công trong đời sống này là làm sao thể hiện bản thân là người tự trọng, trung thành, sáng suốt, và có khả năng giúp đỡ bạn bè một cách hữu ích; bởi về bản chất, con người luôn chỉ yêu những ai có thể đem lại lợi ích cho mình. Hay đối với chúng ta, liệu có lợi gì khi nghe thấy một người nói rằng anh ta đã rũ bỏ được mối ràng buộc, rằng anh ta không tin rằng có một Đức Chúa Trời dõi theo những hành động của chúng ta, rằng anh ta coi bản thân là người duy nhất làm chủ hành vi của mình, rằng anh ta có trách nhiệm giải trình về hành vi đó với chỉ một mình anh ta? Liệu anh ta có nghĩ qua đó anh khiến chúng ta có niềm tin vào anh ta, và trông đợi ở anh ta những niềm an ủi, những lời khuyên, và sự cứu giúp trong mỗi lúc khó

khăn của cuộc sống không? Liệu họ có chắc đã khiến chúng ta thực sự vui lòng, khi nói với chúng ta rằng họ xem linh hồn chúng ta chỉ là cơn gió thoảng hay làn khói mỏng, và còn nói với chúng ta đi đâu đó bằng một giọng kiêu căng và thỏa mãn? Liệu đây có phải là đi đâu để nói ra một cách vui vẻ; hay trái lại, cần phải nói một cách đáng buồn, như là đi đâu đáng buồn nhất thế giới?

Nếu nghĩ một cách nghiêm túc về đi đâu đó, họ sẽ thấy mình mắc phải một sai lầm rất lớn, hoàn toàn ngược lại với sự đứng đắn, và rất xa với phép lịch thiệp mà họ tìm kiếm trên mọi góc độ, rằng họ có thể có khả năng uốn nắn hơn là hủ hóa những người có khuynh hướng đi theo họ. Và, thực tế, nếu buộc phải đưa ra những ý kiến và lý do trong việc hoài nghi tôn giáo, hẳn họ sẽ nói những đi đâu thiếu chắc chắn và tầm thường đến nỗi dường như họ khiến người ta tin đi đâu ngược lại. Đây chính là đi đâu, một ngày, ai đó sẽ nói với họ một cách dứt khoát: “Nếu các bạn tiếp tục nói chuyện như thế này, anh ta nói với họ, các bạn sẽ biến tôi trở thành một người Thiên Chúa giáo”. Và người đó có lý; bởi ai lại không ghê sợ việc bị vướng vào những ý kiến mà ở đó anh ta có những người đáng khinh như thế làm bạn!

Như thế, những ai chỉ vờ theo những ý kiến này sẽ rất bất hạnh, nếu buộc những tình cảm tự nhiên của họ nhằm biến bản thân thành những kẻ tự cao tự đại nhất. Nếu, tận sâu trái tim mình, họ buồn phiền vì không còn ánh sáng nữa, đừng để họ che đậy đi đâu đó; sự thú nhận này chẳng có gì đáng xấu hổ. Chỉ có sự xấu hổ khi không biết xấu hổ. Không gì cho thấy sự kém cỏi vô cùng của tinh thần hơn việc không nhận ra sự bất hạnh nhường nào của một con người không có Thiên Chúa. Không gì cho thấy tình trạng tũn tẻ của tâm hồn hơn việc không khao khát sự thật về những hứa hẹn đời đời. Không gì hèn hạ hơn việc cả gan chống lại Thiên Chúa. Bởi thế, hãy để họ truyền lại những sự bất tín của mình cho những người

đủ xấu xa để thực sự có khả năng trong những việc như thế. Hãy để họ ít nhất là những người chân thật nếu họ không phải là những người Thiên Chúa giáo. Hãy để họ cuối cùng nhận ra rằng chỉ có hai loại người mà ta có thể gọi là biết lý lẽ: hoặc những người phụng sự Thiên Chúa hết lòng bởi họ nhận biết Ngài; hoặc những người tìm kiếm Ngài hết lòng bởi không nhận biết được Ngài.

Nhưng đối với những người sống mà không biết Ngài, không tìm kiếm Ngài, họ xem bản thân ít xứng đáng với sự quan tâm của họ, rằng họ không xứng với sự quan tâm của những người khác và cần phải có hết thảy lòng khoan dung của tôn giáo mà họ khinh khi để không khinh miệt họ, đến mức bỏ mặc họ trong sự điên rồ của mình. Nhưng, bởi tôn giáo này buộc chúng ta luôn quan sát họ, chừng nào họ còn ở trong cuộc đời này, vì luôn có khả năng ân sủng có thể soi sáng họ, và luôn tin rằng trong tương lai không xa họ có thể có nhiều đức tin hơn chính bản thân chúng ta, trong khi chúng ta thì ngược lại có thể rơi vào trong sự mù quáng như của họ lúc này; cần phải làm cho họ những gì chúng ta mong muốn người khác làm cho mình khi ở vào vị trí của họ, và kêu gọi họ cần phải có lòng thương xót chính bản thân mình, và ít nhất cần phải có hành động nào đó để xem họ có tìm được ánh sáng hay không. Hãy để họ đọc những lời này trong vài giờ mà nhẽ ra họ đã sử dụng một cách vô ích. Dù họ ghét công việc này đến đâu, có lẽ họ sẽ tìm thấy ở đây một đi đâu gì đó, hay ít nhất cũng chẳng mất gì nhiều. Nhưng đối với những ai làm việc này hoàn toàn chân thành và với một ham muốn thực sự để nhận thấy được lẽ thật, tôi hy vọng rằng họ sẽ được thỏa nguyện, và sẽ tin vào những bằng chứng về một tôn giáo thiêng liêng như thế mà tôi đã tập hợp ở đây, và trong đó tôi đã ít nhiều thuận theo trật tự này...

**195.** Trước khi đi vào những bằng chứng về Thiên Chúa giáo, tôi nhận thấy cần phải chỉ ra sự không công bình của những người đứng dưng với

việc tìm kiếm sự thật của một vấn đề hết mực hệ trọng, và có liên hệ mật thiết với họ.

Trong toàn bộ những lần lạc của họ, đây rõ ràng là đi đầu cho thấy họ là những kẻ ngu dốt và đui mù nhất, và trong đó dễ nhất là khiến họ bối rối bởi những ý niệm mơ hồ đầu tiên về lương tri và bởi những tình cảm tự nhiên.

Bởi rõ ràng kỳ hạn của đời sống này chỉ là khoảnh khắc; rằng trạng thái chết là vĩnh cửu, bất kể bản chất của nó là gì; và như thế mọi hành động và suy nghĩ của chúng ta phải theo các hướng rất khác nhau tùy thuộc vào trạng thái của sự vĩnh cửu đó, rằng không thể bước một bước với cảm giác ý thức và phán đoán, trừ phi chúng ta đi đầu chỉnh tiến trình này bằng cái nhìn về chủ điểm vốn phải là mục đích cuối cùng của chúng ta.

Chẳng gì rõ ràng hơn đi đầu này và bởi thế, theo những nguyên tắc của lý tính, hành vi con người sẽ hoàn toàn phi lý, nếu chúng không chọn một con đường khác.

Về điểm này, vì thế, chúng ta lên án những người sống mà không suy nghĩ về mục đích cuối cùng này của cuộc đời, những ai bỏ mặc bản thân bị dẫn theo những khuynh hướng và niềm vui mà không suy nghĩ cũng như không lo lắng, và như thế họ có khả năng tiêu diệt sự vĩnh cửu bằng cách quay lưng với nó, họ chỉ nghĩ đến việc bản thân được hạnh phúc nhất thời.

Tuy nhiên, sự vĩnh cửu này tồn tại, và cái chết hẳn phải mở ra cánh cửa bước vào sự vĩnh cửu và mỗi thời khắc đe dọa họ, chắc chắn nhanh chóng đặt họ vào cảnh tất yếu kinh khủng của tình trạng bị hủy diệt hay bất hạnh mãi mãi, mà không biết đâu là sự vĩnh cửu được chuẩn bị mãi mãi cho họ.

Đây là một ngò vực với hậu quả khủng khiếp. Họ gặp nguy cơ phải chịu đau khổ không bao giờ dứt và kẻ đó, như thế vấn đề chẳng đáng phải

lo lắng, họ sao nhãng việc tra xét xem liệu đây có phải là một trong những ý kiến mà người ta tiếp nhận một cách quá cả tin, hay là một trong những ý kiến; mà bản thân chúng có vẻ mơ hồ nhưng dựa trên một nền tảng vững chắc, dấu được giấu kín. Do đó, họ không biết liệu trong vấn đề đó có sự thật hay đi đầu dối trá, cũng như có sức mạnh hay tính yếu kém trong những bằng chứng ấy hay không. Họ có chúng ngay trước mắt; họ không chịu nhìn vào chúng; và, trong sự thiếu hiểu biết ấy, họ chọn tất cả những gì cần thiết để rơi vào nỗi bất hạnh này nếu nó tồn tại; để chờ đợi cái chết làm thí nghiệm với nỗi bất hạnh ấy, thế nhưng lại rất hài lòng trong trạng thái này, để tuyên bố về nó và cuối cùng tự hào về nó. Liệu chúng ta có thể nghĩ một cách nghiêm túc về tầm quan trọng của chủ đề này mà không kinh sợ với cách hành xử nông cuồng như thế không?

Việc yên vị trong sự thiếu nhận thức là một đi đầu kinh khủng, và những người sống cuộc đời trong cảnh đó cần phải được thức tỉnh về tính vô lý và ngu dại của nó, bằng việc cho họ đối diện với nó, để họ tỉnh mộng khi thấy sự điên rồ của mình. Bởi đây là cách con người suy lý khi họ quyết định sống trong sự thiếu hiểu biết như vậy về thực chất của mình và không tìm kiếm sự khai sáng. “Tôi không biết”, họ nói.

**196.** Những người không có tấm lòng; họ không làm bạn được với nó.

**197.** Vô cảm tới mức coi thường những đi đầu hay, và trở nên vô cảm tới một mức độ vốn khiến chúng ta quan tâm nhất.

**198.** Con người nhạy cảm với những chuyện vặt, và vô cảm với những đi đầu lớn lao cho thấy sự ngược đời lạ lùng.

**199.** Hãy tưởng tượng một nhóm người bị xiềng xích, và toàn bộ bị tuyên án tử hình, mỗi ngày vài người bị giết trước mắt những người khác, và những người còn lại nhìn thấy số phận mình trong số phận những người chung cảnh ngộ và đợi đến lượt mình, trong khi nhìn nhau một cách u sầu

và không chút hy vọng. Đó là hình ảnh vềphận người.

**200.** Một người trong ngục tối, không biết liệu bản án của mình đã được tuyên chưa và chỉ có một giờ để tìm hiểu đi đầu đó, một giờ này là đủ để xin hủy bản án đó nếu nó đã được tuyên. Thật là trái tự nhiên khi anh ta sử dụng giờ đó, không để tìm biết về bản án của mình, mà để chơi bài piquet. Nên đi đầu đó trái với bản chất của con người, v.v.v... Đó là thực tế dẫn đến việc mạnh tay uốn nắn của Thiên Chúa.

Như thế, không chỉ sự nhiệt tâm của những ai tìm kiếm Thiên Chúa mới cho thấy sự hiện diện của Ngài, mà còn cả sự mù lòa của những ai không tìm kiếm Ngài nữa.

**201.** Mọi sự phản đối của người này hay người khác chỉ dẫn tới việc chống lại chính họ, và không chống lại tôn giáo. Mọi đi đầu mà những kẻ nghịch đạo nói...

**202.** Qua những kẻ tuyệt vọng với tình trạng thiếu đức tin, người ta thấy rằng Thiên Chúa không soi sáng họ; nhưng với những người còn lại, chúng ta thấy có một Đức Chúa khiến họ mù lòa.

**203.** *Fascinatio nugaciatatis*<sup>59</sup> - Để đam mê đó không làm hại chúng ta, hãy hành động như thế chỉ có tám giờ để sống.

**204.** Nếu phải cho đi tám giờ trong đời, người ta phải cho đi cả trăm năm.

**205.** Khi tôi xem xét khoảng thời gian ngắn ngủi của cuộc đời mình tan vào trong sự vĩnh cửu trước và sau - *memoria hospitis urdus diei praetereuntis*<sup>60</sup> - không gian nhỏ mà tôi lấp đầy và thậm chí có thể nhìn thấy, bị nhận chìm trong sự mênh mông vô hạn của những không gian mà tôi không biết chúng và chúng không biết đến tôi, tôi sợ hãi và ngạc nhiên khi thấy mình ở đây hơn là ở đó, bởi chẳng có lý do tại sao ở đây hơn là ở

đó, tại sao lúc này hơn là sau này. Ai đã đặt tôi vào đây? Bởi mệnh lệnh và sự chỉ dẫn của ai mà tôi lại thuộc về nơi này và thời khắc này?

**206.** Sự im lặng miên viễn của những không gian vô cùng này làm tôi sợ hãi.

**207.** Biết bao nhiêu là vương quốc không biết đến chúng ta!

**208.** Tại sao trí biết của tôi bị giới hạn? Tại sao vóc dáng của tôi thời hạn của tôi chỉ tới trăm năm chứ không phải ngàn năm? Thiên nhiên có lý do gì để cho tôi như thế, và để chọn con số này thay vì con số khác trong sự vô hạn của những con số vốn không có lý do gì để chọn số này chứ không phải số kia, không hề thử chọn số khác?

**209.** Bạn có bớt mang phận nô lệ hơn không khi được người chủ ưu ái và tặng bốc? Mà thực là tốt đấy, nô lệ. Gã chủ nô tặng bốc bạn, hẳn ta sẽ sớm đánh đập bạn thôi.

**210.** Màn cuối cùng thì bi thảm, cho dù toàn bộ phần còn lại của vở kịch là vui vẻ đến thế nào; cuối cùng một ít đất được ném vào đầu chúng ta,<sup>61</sup> và đó là cái kết vĩnh viễn.

**211.** Chúng ta ngu ngốc khi dựa vào vào một xã hội gồm những kẻ cùng cảnh ngộ với chúng ta, khốn khổ như chúng ta, bất lực như chúng ta; họ sẽ chẳng giúp được gì chúng ta: chúng ta sẽ chết một mình.

Bởi thế cần hành động như thế chỉ có một mình, và do đó cần xây những ngôi nhà vững chắc... Chúng ta cần tìm kiếm chân lý mà không do dự. Và nếu chối bỏ việc này, chúng ta cho thấy mình coi trọng sự quý mến của con người hơn việc đi tìm chân lý.

**212.** Cảnh trôi tuột - Thực là một điếu kinh khủng khi cảm thấy tất cả những gì chúng ta sở hữu đều trôi tuột đi.

**213.** Giữa chúng ta và thiên đàng hay địa ngục chỉ có cuộc sống, đó là thứ mong manh nhất trên thế giới này.

**214.** Sự bất công - Tính tự phụ đi kèm với tính tất yếu, đó là một việc bất công vô cùng.

**215.** Sự cái chết không có sự nguy hiểm, và không gặp nguy hiểm, vì ắt hẳn anh ta là một con người.

**216.** Cái chết bất ngờ cô độc thực đáng sợ; vì thế các linh mục giải tội mới kèn cựa vua chúa.

**217.** Một người thừa kế tìm thấy bằng khoán ngôi nhà của mình. Liệu anh ta sẽ nói, “*Có lẽ nó là giả mạo*” và thờ ơ với việc kiểm chứng nó không?

**218.** Ngục tối - Tôi tán thành việc người ta không đào sâu quan điểm của Kopernik [*Pháp*, Copernic; *Anh*, Copernicus]; nhưng đi đâu này...! Việc tìm biết xem liệu linh hồn của chúng ta có bất tử hay không thì liên quan đến toàn bộ cuộc sống của chúng ta.

**219.** Chắc chắn rằng việc linh hồn có bất tử hay tạo ra một sự thay đổi lớn trong nền luân lý. Nhưng khi các triết gia đã xây dựng hệ đạo đức học của mình độc lập với đi đâu này: họ thảo luận để quên đi một giờ đồng hồ.

Plátôn, có chiều hướng theo Thiên Chúa giáo.

**220.** Sai lầm của các triết gia, những người đã không thảo luận về sự bất tử của linh hồn. Sai lầm của thế tiến thoái lưỡng nan nơi họ thể hiện ở Montaigne.

**221.** Những kẻ vô thần phải nói về những đi đâu hoàn toàn rõ ràng; thế mà chẳng có gì rõ ràng rằng linh hồn là vật chất.

**222.** Những kẻ vô thần - Lý do nào khiến họ nói rằng người ta không

thể phục sinh? Việc nào khó hơn, được sinh ra hay phục sinh; cái vốn chưa từng hiện hữu thì nay nên hiện hữu, hoặc cái vốn đã hiện hữu thì nên hiện hữu lần nữa? Bước vào sự tồn tại hay quay trở về với sự tồn tại, việc nào khó hơn? Thói quen khiến việc này có vẻ dễ dàng đối với chúng ta; thiếu thói quen khiến việc kia trở nên không thể. Một cách xét đoán phổ biến!

Tại sao một trinh nữ không thể mang thai? Chẳng phải con gà mái để được trứng mà không cần một con gà trống sao? Điều gì phân biệt những người này với người kia về mặt hình thức? Và ai đã nói với chúng ta rằng gà mái không thể tạo phôi như gà trống?

**223.** Họ có gì để nói chống lại sự phục sinh, và chống lại việc sinh con của một Trinh nữ. Tạo ra một con người hay một con vật, hay tái sinh nó, việc gì khó khăn hơn? Và nếu họ chưa từng nhìn thấy một loài động vật nào, liệu họ có thể đoán được liệu chúng được tạo ra mà không có mối liên hệ với nhau?

**224.** Làm sao tôi có thể ghét những kẻ ngu ngốc không tin vào Bí tích thánh thể...! Nếu Phúc âm là thực, nếu Giêsu là Thiên Chúa, có khó khăn gì?

**225.** Chủ nghĩa vô thần cho thấy sức mạnh của tinh thần, nhưng chỉ ở một mức độ nhất định.

**226.** Những người ngoại đạo, những người tuyên bố theo lý trí, phải mạnh mẽ vượt bậc trong lý lẽ. Vậy họ nói gì? “Chúng tôi không nhìn thấy,” họ nói, “rằng súc vật sống và chết giống con người, và người Thổ như những người Thiên Chúa giáo? Họ có các nghi lễ, các nhà tiên tri, các bác sĩ, các thánh, các thầy tu của họ cũng như chúng ta”... (Điều này có ngược với Kinh Thánh không? Chẳng nhẽ Kinh Thánh không nói tất cả những điều này?)

Nếu quan tâm muốn biết sự thật dù chỉ chút thôi, chừng đây đã đủ để bạn thư thái. Nhưng nếu hết lòng muốn biết, bấy nhiêu là không đủ; hãy nhìn nó một cách tỉ mỉ. Điều này khá đủ đối với một câu hỏi triết học; nhưng không phải ở đây, nơi mà nó liên quan đến tất cả các bạn. Tuy nhiên, sau khi suy nghĩ nông cạn về vấn đề kiểu này, người ta sẽ lại vui chơi... Ta hãy tra vấn chính tôn giáo này cho dù nó không đưa ra lý do cho sự khó hiểu ấy; có lẽ nó sẽ chỉ dạy chúng ta về điều đó.

**227.** Trật tự qua những cuộc đối thoại - Tôi phải làm gì? Tôi nhìn thấy chỉ bóng tối khắp nơi. Liệu tôi có tin mình chẳng là gì? Liệu tôi sẽ tin mình là Thiên Chúa?

“Mọi thứ thay đổi và tiếp nối nhau.” Bạn đã nhầm; có...

**228.** Sự phản đối của những kẻ vô thần: “Nhưng chúng ta không có sự thông sáng.”

**229.** Đây là điều tôi thấy và khiến tôi phiền muộn. Tôi nhìn từ mọi phương diện, và chỉ nhìn thấy bóng tối khắp nơi. Thiên nhiên chẳng đưa đến cho tôi điều gì mà không phải là vấn đề cần nghi ngờ và lo lắng. Nếu tôi đã không thấy ở đó điều gì chỉ ra một tính Thần thánh, thì tôi hẳn đi đến một kết luận tiêu cực; nếu tôi đã nhìn thấy ở khắp nơi những dấu hiệu của một Đấng Tạo hóa, tôi sẽ ở bình yên trong đức tin. Nhưng, khi nhìn thấy quá nhiều để phủ nhận và quá ít để chắc chắn, tôi ở trong một tình trạng đáng thương; vì thế tôi từng mong ước cả trăm lần rằng, nếu một vị Chúa duy trì Thiên nhiên, thì Thiên nhiên hẳn cho thấy Ngài một cách rõ ràng, và rằng, nếu những dấu hiệu mà thiên nhiên đưa ra là lừa dối, nó hẳn phải che đậy hoàn toàn những dấu hiệu đó; rằng Thiên nhiên nên nói tất cả hoặc không gì cả, để tôi có thể thấy điều gì khiến tôi cần phải đi theo. Trong khi ở hoàn cảnh hiện tại, không biết bản thân là gì cũng như điều gì cần phải làm, tôi không biết hoàn cảnh cũng như bổn phận của mình. Trái

tim tôi hoàn toàn có xu hướng muốn biết cái tốt thực sự ở đâu, để đi theo nó; với tôi để có được sự vĩnh cửu thì chẳng có gì là quá đắt.

Tôi ghen tị với những người mà tôi thấy sống trong đức tin với một sự vô ý đến thế và những người sử dụng không tốt một món quà được ban tặng mà dường như tôi hẳn sử dụng một cách hoàn toàn khác.

**230.** Không thể lý giải được việc Thiên Chúa t<sup>h</sup>ồn tại, cũng như việc Ngài không t<sup>h</sup>ồn tại; việc linh h<sup>o</sup>ồn kết hợp với thể xác, cũng như việc chúng ta không có linh h<sup>o</sup>ồn; việc thế giới được tạo ra, cũng như việc nó không được tạo ra...; việc tội tổ tông nên xảy ra, cũng như không nên xảy ra.

**231.** Liệu bạn có tin rằng không thể nào có chuyện Thiên Chúa là vô hạn, toàn vẹn? Vâng. Bởi thế, tôi muốn cho bạn thấy một đi<sup>ề</sup>u vô hạn và không thể phân chia: Đó là một đi<sup>ể</sup>m di chuyển khắp nơi với một vận tốc không hạn định; bởi nó là một ở mọi nơi và là toàn thể ở mọi chỗ.

Hãy để kết quả tự nhiên này, vốn dường như là không thể xảy ra với bạn trước kia, khiến bạn nhận ra rằng có thể còn có những đi<sup>ể</sup>m khác mà bạn vẫn chưa biết tới. Đừng rút ra kết luận này từ thực nghiệm của mình, rằng không có gì nữa cần biết; đúng hơn là còn một vô hạn đi<sup>ề</sup>u cần biết.

**232.** Chuyển động vô hạn, đi<sup>ể</sup>m lấp đầy tất cả, khoảnh khắc dừng nghỉ; vô hạn không lượng định, không thể phân chia và vô hạn. I

**233.** Vô hạn - Không - Linh h<sup>o</sup>ồn của chúng ta được đổ vào cái “khuôn” thân thể, nơi nó tìm thấy con số, thời gian, kích thước. Và ở dưới lớp hình hài đó, nó suy luận và gọi bản chất này là tính tất yếu, và không tin bất cứ gì khác.

Sự hợp nhất gắn với vô hạn không làm nó tăng thêm được gì, không hơn gì việc cộng thêm vài tắc vào cho một kích thước vô hạn. Cái hữu hạn bị thủ tiêu khi có mặt cái vô hạn, và trở thành một hư vô thuần túy. Tinh

thần của chúng ta trước Thiên Chúa cũng thế, sự công bằng của chúng ta trước sự công bằng thánh tính cũng thế. Sự bất tương xứng giữa tính công bằng của chúng ta và công bằng của Thiên Chúa thì không lớn như sự bất tương xứng giữa sự hợp nhất và vô hạn.

Sự công bằng của Thiên Chúa hẳn bao la như lòng khoan dung của Ngài. Giờ sự công bằng đối với kẻ bị bỏ rơi thì kém bao la hơn và phải ít làm tổn thương tình cảm của chúng ta hơn lòng khoan dung đối với người được chọn.

Chúng ta biết có cái vô hạn, và không biết bản chất của nó. Vì chúng ta biết là không đúng rằng những con số là hữu hạn, bởi thế quả đúng rằng có một vô hạn nơi con số. Nhưng chúng ta không biết nó là gì. Là chẵn cũng sai mà là lẻ cũng không đúng; bởi khi thêm vào một đơn vị không làm thay đổi trong bản chất của nó. Tuy nhiên đó là một số, và mọi con số đều là lẻ hoặc chẵn (điều này chắc đúng với mọi số hữu hạn). Như thế, chúng ta có thể nhận thấy rõ ràng có một vị Chúa mà không biết Ngài là gì. Liệu không có một sự thật chắc chắn sao, khi nhìn thấy rất nhiều thứ không phải là bản thân sự thật?

Khi ấy chúng ta biết sự tồn tại và bản chất của hữu hạn, bởi chúng ta hữu hạn và có ngoại diên. Chúng ta biết sự tồn tại của cái vô hạn và không biết về bản chất của nó, bởi nó có ngoại diên như chúng ta, nhưng không có những giới hạn như chúng ta. Nhưng chúng ta không biết về sự tồn tại cũng như bản chất của Thiên Chúa, bởi Ngài không có ngoại diên cũng như những giới hạn.

Nhưng qua đức tin chúng ta biết về sự tồn tại của Ngài; qua vinh quang chúng ta sẽ biết bản chất của Ngài. Lúc này đây, tôi đã chỉ ra rằng chúng ta biết rõ sự tồn tại của một thứ, mà không biết bản chất của nó.

Giờ hãy cùng nói theo những sự hiểu biết tự nhiên.

Nếu có một vị Chúa, Ngài khó hiểu đến mức vô cùng tận, bởi, không có bộ phận cũng như không có những giới hạn, Ngài không có sự tương đồng nào với chúng ta. Bởi thế, chúng ta không có khả năng biết Ngài là gì, hay liệu ngài có hiện hữu không. Khi đi đầu này là thế, ai sẽ dám nhận việc giải quyết vấn đề này? Không phải chúng ta bởi chúng ta đâu có tương đồng nào với Ngài.

Khi ấy ai sẽ chê trách những người Thiên Chúa giáo bởi không thể đưa ra lý do cho niềm tin của họ, bởi họ tuyên xưng một tôn giáo mà không thể đưa ra lý do? Họ tuyên bố, khi trình bày với mọi người, rằng đó là một việc làm điên rồ, *stultitiam*,<sup>62</sup> và sau đó bạn phản nản về việc họ không chứng minh được tôn giáo ấy. Nếu chứng minh được, họ hẳn không giữ lời hứa. Chính trong sự thiếu bằng chứng mà họ không thiếu ý nghĩa. “Đúng, nhưng cho dù đi đầu này biện giải cho những người đưa ra việc này như thế và khiến họ không còn bị chê trách bởi việc đưa ra vấn đề mà không có lý lẽ, đi đầu này không biện giải cho những người tiếp nhận tôn giáo ấy.” Khi ấy hãy cùng xét điểm này, và nói, “Thiên Chúa hiện hữu, hay Ngài không hiện hữu.” Chúng ta sẽ ngã theo bên nào? Lý tính chẳng thể quyết định bất cứ đi đầu gì ở đây. Có một cõi hỗn mang vô hạn chia tách chúng ta. Một trò chơi đang diễn ra ở điểm tận cùng của khoảng cách vô hạn này nơi mặt sắp hoặc ngửa của đồng xu sẽ hiện ra. Bạn sẽ cược gì? Theo lý tính, bạn không chọn khả năng này hay khả năng kia; theo lý tính bạn cũng chẳng gạt bỏ được một trong hai khả năng đó.

Vậy, đừng chê trách cái sai của những ai đã lựa chọn; bởi bạn chẳng biết gì về nó. “Không, nhưng tôi chê trách họ bởi đã quyết định, không phải lựa chọn này, mà là một lựa chọn nói chung; bởi một lần nữa anh ta có chọn mặt sắp này hay mặt ngửa thì khả năng sai là tương đương, chúng đều sai cả. Cách giải quyết đúng đắn là không đánh cược”.

Đúng, nhưng bạn phải đánh cược. Đó không phải là chuyện tùy chọn. Bạn đã bị kéo vào cuộc chơi. Khi đó bạn sẽ chọn khả năng nào? Hãy xem. Bởi c ãn phải chọn, hãy xem đi ãu gì khiến bạn quan tâm ít nhất. Bạn có hai thứ ãẽ mất: đi ãu ãúng ãắn và đi ãu tốt ãẹp; và hai thứ ãẽ cuộc: lý tính và ý chí, kiến thức và hạnh phúc; và bản chất của bạn có hai đi ãu c ãn tránh xa: sai lầm và ãau khổ. Lý trí của bạn chẳng bị tổn hại hơn khi chọn đi ãu này thay vì đi ãu kia, bởi bạn nhất thiết phải chọn. ãây là một vấn ãề chẳng còn gì phải bàn cãi. Nhưng hạnh phúc của bạn? Hãy cân nhắc cái ãược và mất khi cuộc rằng Thiên Chúa hiện hữu. Hãy xem xét hai trường hợp: Nếu thắng, bạn ãược tất; nếu thua, bạn chẳng mất gì cả. Bởi thế, ãánh cuộc thôi, không chút do dự rằng Ngài hiện hữu. “Đi ãu ãó thực tuyệt vời. Vâng, tôi phải ãánh cuộc; nhưng tôi có lẽ cuộc quá nhi ãu.” Hãy xem, bởi có một mức may rủi tương ãương cho việc ãược và thua, nếu bạn giành ãược hai mạng thay vì một, bạn vẫn có thể ãánh cuộc. Nhưng nếu có ba mạng ãể thắng thì sao? Bạn hẳn phải chơi (bởi bạn nhất thiết phải chơi), và bạn có thể thiếu khôn ngoan, một khi bạn bị buộc phải chơi, khi không ãám li ãu cái mạng của mình ãể giành ãược ba mạng trong một trò chơi mà ở ãó mức may rủi ãược và thua là ngang nhau. Nhưng có một sự vĩnh cửu cho cuộc sống và hạnh phúc. Và đi ãu này khi như vậy, nếu có một vô hạn cơ hội, nhưng chỉ một trong số ãó là dành cho bạn, bạn sẽ vẫn ãúng khi ãánh cuộc một ãể thắng hai; và bạn có thể hành ãộng ngó ng ãn, một khi bị buộc phải chơi, khi không chịu ãặt cuộc một mạng ãể ãổi lấy ba mạng trong một trò chơi mà ở ãó chỉ có một cơ hội cho bạn trong vô hạn cơ hội, nếu có một vô hạn ãời sống hạnh phúc bất tận ãể bạn giành lấy. Nhưng ở ãây có một vô hạn cuộc sống hạnh phúc bất tận ãể thắng, một cơ hội thắng so với một số lượng hữu hạn những cơ hội thua, và cái bạn ãặt cuộc là hữu hạn. Toàn bộ ãược chia rạch rời; ở bất cứ nơi nào có vô hạn hiện diện và không có một vô hạn cơ hội thua so với vô hạn cơ hội thắng, thì chẳng c ãn ãấn ão, bạn

phải đưa ra tất cả. Và bởi thế, khi người ta bị buộc phải chơi, họ phải từ bỏ lý lẽ để bảo toàn cuộc sống của mình, hơn là mạo hiểm mất nó để giành phần thắng vô hạn, cũng sẵn sàng xảy ra như sự mất mát cái hư vô.

Bởi thật vô ích khi nói rằng không chắc chắn liệu chúng ta sẽ thắng, và chắc chắn rằng chúng ta mạo hiểm, và rằng cái khoảng cách vô hạn giữa *sự chắc chắn* của cái bị đem ra đặt cược và sự thiếu chắc chắn của thứ sẽ giành được, ngang bằng với cái tốt hữu hạn chắc chắn bị đem ra đặt cược để giành lấy cái vô hạn không chắc chắn. Điều này không phải như thế. Mọi người chơi đều đặt cược một cái chắc chắn để mong thắng được một cái không chắc chắn, nhưng tuy vậy anh ta vẫn đặt cược một cái chắc chắn hữu hạn để mong giành được một cái không chắc chắn hữu hạn, mà không mắc phải việc chống lại lý trí. Không có một vô hạn tính về khoảng cách giữa cái chắc chắn mà họ đặt cược và cái không chắc chắn của khoản thắng cược: điều này sai. Sự thực là, có một vô hạn giữa tính chắc chắn thắng và chắc chắn thua. Nhưng sự không chắc chắn của việc thắng tỷ lệ với sự chắc chắn của việc đặt cược theo tỷ lệ của hai cơ hội thắng và thua. Và từ đó dẫn tới việc, nếu mặt này có nhiều cơ hội như mặt kia, cuộc chơi cơ bản là công bằng; và khi ấy tính chắc chắn của việc đặt cược tương đương với tính không chắc chắn của việc thắng cược, không hề có một khoảng cách vô hạn như thế giữa chúng. Và vì thế, sự đề xuất của chúng ta có sức thuyết phục vô hạn, khi có một hữu hạn để đặt cược trong một trò chơi mà ở đó có những rủi ro ngang nhau giữa thắng và thua, và có vô hạn để thắng. Điều này có thể chứng minh được; và nếu con người có khả năng về bất cứ sự thật nào, đây chính là nó.

“Tôi thừa nhận điều đó, tôi chấp nhận điều đó. Nhưng, liệu không còn có phương cách nào để nhìn những quân bài bị úp sao?” Vâng, sách Thánh và các thứ còn lại... “Vâng, nhưng tôi có đôi bàn tay bị trói và miệng bị bịt; tôi bị ép phải đánh cược, và không tự do. Tôi không được phóng thích, và

được tạo ra theo cách tôi không thể tin. Khi ấy, bạn muốn tôi làm gì?”

Đúng. Nhưng ít nhất hãy hiểu ra rằng sự thiếu khả năng tin của bạn xuất phát từ những ham muốn của bạn, bởi lý tính đưa bạn tới đi đâu này, và tuy vậy bạn không thể tin. Hãy nỗ lực, khi ấy, thuyết phục bản thân, không bằng cách gia tăng những bằng chứng về Thiên Chúa, mà bằng cách giảm bớt những ham muốn của bạn. Bạn muốn đạt tới đức tin và không biết cách; bạn muốn chữa trị bản thân về việc không tin tưởng và yêu cầu phương thuốc cho đi đâu đó. Hãy tìm hiểu về những người đã bị ràng buộc như bạn, và những người giờ đặt cuộc mọi thứ họ có. Đó là những người biết con đường mà bạn có thể đi theo, và những người được chữa khỏi một căn bệnh mà bạn mong muốn được chữa lành. Đi theo con đường mà họ đã bắt đầu; bằng cách hành động như thể họ đã tin, bằng cách uống nước thánh, tham gia lễ nhà thờ... Ngay cả đi đâu này cũng khiến bạn tin một cách tự nhiên, và làm bạn ngu muội. “Nhưng đó chính là đi đâu tôi sợ.” Và tại sao? Bạn có gì để mất?

Nhưng để cho bạn thấy rằng đi đâu này dẫn bạn tới đó, chính đi đâu này sẽ làm giảm những ham muốn vốn là những chướng ngại nơi bạn.

Mục đích của bài thuyết giảng này - Giờ đi đâu tổn hại gì sẽ xảy đến với bạn khi lựa chọn bên này? Bạn sẽ trung thực, khiêm tốn, biết ơn, rộng lượng, một người bạn chân thành, trung thực... Chắc chắn bạn sẽ không rơi vào những thú vui độc hại, vinh quang và sự xa hoa; nhưng bạn sẽ không vướng vào những thứ khác chứ? Tôi sẽ nói với bạn rằng, qua đó bạn sẽ tốt lên trong cuộc sống này, và rằng, ở mỗi bước chân bạn đi trên con đường này, bạn sẽ thấy sự chắc chắn chiến thắng nhiều đến thế, gần như không phải mạo hiểm chút gì, rằng bạn sẽ nhận ra cuối cùng mình đã đánh cuộc cho một thứ gì đó chắc chắn, vô hạn, mà chẳng phải bỏ ra thứ gì để có được đi đâu đó.

“Ồ! Bài thuyết giảng này đã khiến tôi rung cảm, quyến rũ tôi”...

Nếu bài thuyết giảng này làm bạn hài lòng và có vẻ ấn tượng, hãy biết rằng nó được tạo ra bởi một người đã chịu quỳ gối, cả trước kia và sau này, để cầu xin với Đấng ấy, vô hạn và trọn vẹn, anh ta đặt tất cả những gì anh ta có trước Đấng ấy, bởi bạn cũng đặt tất cả những gì mình có trước mặt Ngài, vì sự tốt đẹp của chính bạn và vinh quang của Ngài, rằng sức mạnh như thế có thể được ban cho kẻ thấp kém này.

**234.** Nếu không được hành động trừ phi dựa trên một đi đâu chắc chắn, người ta không được hành động dựa theo tôn giáo, bởi tôn giáo không chắc chắn. Nhưng có bao nhiêu việc chúng ta làm dựa trên sự không chắc chắn, những chuyến đi biển, những trận đánh. Bởi thế tôi nói ta không được làm gì cả, bởi không có gì là chắc chắn. Và có nhiều tính chắc chắn trong tôn giáo hơn là trong những việc kiểu như liệu chúng ta có thể nhìn thấy ngày mai không; bởi rất có thể chúng ta sẽ không nhìn thấy nó. Người ta không thể nói nhiều như thế về tôn giáo. Không chắc chắn tôn giáo là thế; nhưng ai sẽ dám nói rằng rất có thể tôn giáo không là thế? Lúc này khi làm việc vì ngày mai, và như thế dựa trên một sự không chắc chắn, người ta hành động một cách hợp lý; bởi người ta phải làm việc theo một khả năng không chắc chắn theo lý thuyết cơ hội đã được trình bày ở trên.

Thánh Augustinus đã thấy rằng chúng ta làm việc trên biển, trong trận đánh... vì đi đâu không chắc chắn. Nhưng ngài đã không nhìn thấy lý thuyết cơ hội vốn cho thấy người ta phải làm vậy. Montaigne đã thấy người ta bị xúc phạm bởi một tinh thần què quặt và thói quen là tất cả; nhưng ông ta không nhìn thấy nguyên nhân của kết quả này.

Tất cả những người này đã nhìn thấy những kết quả ấy, nhưng họ đã không thấy những nguyên nhân. Họ, so với những người đã phát hiện được nguyên nhân, giống những người chỉ có đôi mắt so với những người

có trí tuệ. Bởi những kết quả ấy có thể nhận thức được thông qua giác quan, và những nguyên nhân ấy chỉ hiện ra rõ ràng với trí tuệ. Và cho dù những kết quả này được nhìn thấy bởi trí tuệ, trí tuệ này, khi so sánh với trí tuệ thấy những nguyên nhân, giống như những giác quan thân xác so với tinh thần.

**235.** *Rem viderunt, causam non videront.*<sup>63</sup>

**236.** Theo lý thuyết về cơ hội, bạn phải đặt mình vào trong mối lo lắng tìm kiếm sự thật; bởi nếu bạn chết mà không suy tôn nguyên nhân thực sự thì bạn đã thua. “Nhưng”, bạn nói, “nếu Ngài mong muốn tôi suy tôn Ngài, Ngài phải để lại cho tôi những dấu hiệu về ý chí của Ngài.” Ngài đã làm thế; nhưng bạn không nhận ra chúng. Bởi thế hãy tìm kiếm chúng; đi đâu đó thực sự đáng để làm vậy.

**237.** Những khả năng - Chúng ta phải sống khác đi trong thế giới này theo những giả thiết khác nhau: rằng chúng ta có thể luôn còn ở đó; rằng chắc chắn rằng chúng ta sẽ không ở đây lâu, và không chắc rằng chúng ta sẽ còn ở đó một giờ nữa hay không. Giả thiết cuối cùng này chính là hoàn cảnh của chúng ta.

**238.** Rút cục, bạn hứa gì với tôi, bên cạnh những phiên muện nào đó, nếu không phải là mười năm tình yêu tự ngã (bởi mười năm là cơ hội), để cố gắng làm vui lòng mà không thành công?

**239.** Phản đối - Những người hy vọng sự cứu rỗi thì hạnh phúc trong cảnh đó; nhưng lại có đối trọng là nỗi sợ địa ngục.

Đáp lại - Ai có lý do nhất để sợ hãi địa ngục: người không biết liệu có một địa ngục hay không, hoặc người chắc chắn về tội đầy địa ngục nếu nó có; hay người tin chắc rằng có một địa ngục và hy vọng được cứu rỗi nếu nó có thực?

**240.** “Tôi có thể sớm từ bỏ lạc thú”, họ nói, “nếu tôi có đức tin”. Về phần mình tôi nói với bạn, “Bạn sẽ sớm có đức tin, nếu bạn từ bỏ lạc thú.” Giờ thì chính bạn cần bắt đầu. Nếu có thể, tôi sẽ mang đến cho bạn đức tin. Tôi không thể làm thế, bởi thế cũng không kiểm nghiệm được chân lý trong những gì bạn nói. Nhưng bạn có thể từ bỏ lạc thú và kiểm nghiệm xem điều tôi nói có phải là thật hay không.

**241.** Trật tự. - Tôi sợ hãi nhiều khi mình nhầm lẫn và khi nhận ra Thiên Chúa giáo là chân thật, hơn là khi không nhầm lẫn trong việc tin nó là chân thật.

#### IV

## TRONG NHỮNG PHƯƠNG TIỆN ĐỂ ĐẾN VỚI ĐỨC TIN

**242.** Lời nói đầu cho phần hai - Nói về những người đã xem xét vấn đề này.

Tôi lấy làm lạ với sự liêu lĩnh mà những người này có được khi nói về Thiên Chúa. Khi hướng lý lẽ của mình về phía người ngoại đạo, đề tài đầu tiên của họ là chứng minh thần tính qua những công trình của thiên nhiên. Tôi không ngạc nhiên với công cuộc của họ nếu họ hướng những lý lẽ của mình tới những tín hữu; bởi chắc rằng những ai có đức tin mạnh mẽ nơi trái tim sẽ nhìn thấy ngay rằng toàn bộ sự tồn tại chẳng là gì khác hơn tác phẩm của Đức Chúa mà họ yêu tha thiết. Nhưng đối với những người mà bên trong họ ánh sáng này đã tắt, và chúng ta lại muốn thắp lại ánh sáng đó trong họ, những người này thiếu đức tin và ân sủng, đang tìm kiếm với tất cả sự hiểu biết của mình bất cứ thứ gì họ thấy trong thiên nhiên có thể đem lại cho họ sự nhận thức này, chỉ thấy sự tối tăm và bóng đêm; nếu ta nói với họ rằng, họ chỉ phải nhìn vào những thứ nhỏ bé nhất xung quanh mình; và họ sẽ thấy Thiên Chúa ở đó rõ ràng, và đưa ra cho họ, như là một bằng chứng trọn vẹn về vấn đề lớn lao và quan trọng này, quỹ đạo của mặt trăng và những hành tinh, và tuyên bố đã hoàn thành việc chứng minh của mình với một lý lẽ như thế, đó là ta tạo cho họ lý do để tin rằng những bằng chứng về tôn giáo của chúng ta là rất yếu. Và qua lý lẽ và kinh nghiệm tôi thấy rằng chẳng có gì khơi dậy thái độ khinh miệt nơi họ hơn việc này.

Không phải là theo cách này mà Kinh Thánh, vốn có một hiểu biết tốt

hơn về những gì thuộc về Thiên Chúa, nói về việc đó. Ngược lại, sách nói rằng Thiên Chúa là một vị Chúa ẩn mình, và rằng, bởi sự suy thoái của bản chất con người, Ngài đã bỏ lại họ trong sự mù lòa mà từ đó họ chỉ có thể thoát ra nhờ Giêsu, không có Ngài mọi mối liên lạc với Thiên Chúa đều bị cắt đứt. *Nemo novit Patrem, nisi Filius, et cui voluerit Filius revelare.*<sup>64</sup>

Đó là điều mà Sách Thánh đã chỉ ra cho chúng ta, khi nói ở rất nhiều chỗ rằng những ai tìm kiếm Thiên Chúa sẽ thấy được Ngài. Nó không nói về kiểu ánh sáng mà người ta vẫn gọi là “như mặt trời giữa trưa”. Người ta không nói rằng những ai tìm kiếm ánh mặt trời giữa trưa, hay nước trong biển cả, sẽ tìm thấy chúng; và như thế bằng chứng về Thiên Chúa không là như thế trong thiên nhiên. Vì thế sách nói với chúng ta ở đâu đó: *Vere tu es Deus absconditus.*<sup>65</sup>

**243.** Có một thực tế đáng kinh ngạc rằng, không một tác giả kinh sách nào từng dùng thiên nhiên để chứng minh Thiên Chúa. Tất cả họ chỉ cố gắng khiến chúng ta tin vào Ngài. Davit, Salomon... chưa bao giờ nói, “Không có sự trống rỗng, do đó ta có một Đức Chúa.” Họ phải có nhiều hiểu biết hơn những người hiểu biết nhất thuộc các thế hệ sau họ, và tất cả những người đó đều dùng lập luận này. Điều này đáng được lưu tâm.

**244.** “Sao! Có phải bạn không tự nhủ rằng bầu trời và những chú chim cho thấy Thiên Chúa à?” Không. “Và tôn giáo của bạn không nói điều đó?” Không. Bởi cho dù đó là sự thật theo cách nào đó đối với một vài linh hồn được Thiên Chúa ban cho ánh sáng này, nhưng không đúng với phần lớn con người.

**245.** Có ba phương cách để tin: lẽ phải, tập quán, ngu ồn cảm hứng. Đạo Thiên Chúa, tôn giáo duy nhất có lẽ phải, không thừa nhận những người tin mà không có ngu ồn cảm hứng là tín hữu thực sự của mình. Điều đó không có nghĩa rằng tôn giáo này loại bỏ lẽ phải và tập quán. Ngược lại, tinh thần

của nó cần phải mở ra với những bằng chứng, phải được củng cố nhờ tập quán và khiêm tốn hướng đến những ngu ồn cảm hứng, mà chỉ riêng những đi ều này thôi đã có thể tạo ra được kết quả thực sự và có ích. *Ne evacuetur crux Christi.*<sup>66</sup>

**246.** Trật tự - Sau lá thư thúc giục mọi người tìm kiếm Thiên Chúa, viết lá thư về việc loại bỏ những chướng ngại, chính là diễn ngôn về cỗ máy, về việc chuẩn bị cỗ máy, việc tìm kiếm thông qua lý trí.<sup>67</sup>

**247.** Trật tự - Một bức thư khích lệ gửi tới một người bạn nhằm thúc đẩy anh ta tìm kiếm. Và anh ta sẽ trả lời, “Nhưng tìm kiếm để làm gì? Chẳng gì hiển lộ.” Và sau đó trả lời anh ta “Đừng tuyệt vọng.” Và anh ta sẽ trả lời rằng anh ta sẽ vui mừng khi tìm thấy ánh sáng nào đó, nhưng là, theo tôn giáo này ngay cả khi anh ta tin đi ều đó như thế cũng chẳng có tác dụng gì với bản thân. Và bởi thế anh ta thích việc không tìm kiếm hơn. Và để trả lời đi ều này: cỗ máy.

**248.** Một bức thư chỉ ra việc sử dụng những bằng chứng nhờ Cỗ máy - Đức tin hoàn toàn khác với bằng chứng. Cái này là về con người, cái kia là một món quà của Thiên Chúa. *Justus ex fide vivit.*<sup>68</sup> Chính đức tin này Thiên Chúa tự mình đặt vào trái tim, bằng chứng về đức tin thường chỉ là công cụ, *fides ex auditu*;<sup>69</sup> nhưng đức tin này ở nơi trái tim, và khiến chúng ta không nói *scio* [Tôi biết], mà nói *credo* [Tôi tin].

**249.** Đặt niềm hy vọng của một người vào những nghi lễ là mê tín dị đoan; nhưng là kiêu ngạo khi không muốn phục tùng những nghi lễ đó.

**250.** Cái bên ngoài cần được hợp với cái bên trong để có được bất cứ đi ều gì từ Thiên Chúa; có nghĩa là phải quỳ gối, mở miệng cầu nguyện..., để con người kiêu ngạo vốn đã không phục tùng Thiên Chúa, giờ có lẽ

thuộc vào tạo vật.<sup>70</sup> Trông đợi sự cứu giúp từ những đi đâu bên ngoài này là mê tín; từ chối kết hợp chúng với cái bên trong là kiêu ngạo.

**251.** Những tôn giáo khác, như những tà giáo, phổ biến hơn, bởi chúng chỉ cốt ở cái bên ngoài. Nhưng chúng không dành cho những người có học thức. Một tôn giáo thuần túy tri thức sẽ phù hợp hơn với những người uyên bác, nhưng không có ích với người bình thường. Riêng đạo Thiên Chúa phù hợp với tất cả, khi kết hợp được cả cái bên trong và bên ngoài. Tôn giáo này nâng người bình thường đến với cái bên trong, và hạ thấp kẻ kiêu ngạo đến với cái bên ngoài, và không hoàn hảo nếu không có cả hai, bởi người bình thường cần phải hiểu tinh thần của chữ nghĩa, và những người uyên bác phải khiến tinh thần của họ khuất phục trước chữ nghĩa.

**252.** Vì chúng ta không được hiểu sai về bản thân; chúng ta vừa là máy móc vừa là tinh thần. Và từ đó dẫn tới việc phương tiện mà nhờ đó ta có được sự thuyết phục không phải là sự chứng minh duy nhất. Sao ít thứ được chứng minh đến vậy! Những bằng chứng chỉ thuyết phục tâm trí. Tập quán là nguồn gốc của những bằng chứng mạnh mẽ nhất và đáng tin nhất của chúng ta. Tập quán bề hướng cổ máy tự động, vốn thuyết phục tâm trí mà không cần đến suy nghĩ của nó về vấn đề Ai đã chứng minh rằng sẽ có ngày mai và chúng ta sẽ chết? Và đi đâu gì được tin nhiều hơn? Khi ấy, chính tập quán đã thuyết phục chúng ta về đi đâu đó; chính tập quán đã tạo ra rất nhiều những tín đồ Thiên Chúa giáo; chính tập quán tạo ra những người Thổ, những kẻ ngoại đạo, thợ thủ công, người lính... (Đức tin trong lễ rửa tội được người Thiên Chúa giáo đón nhận nhiều hơn so với người Thổ). Cuối cùng, chúng ta phải trông cậy vào tập quán khi một lần nữa tâm trí thấy được sự thật ở nơi đâu, để làm dịu cơn khát của chúng ta, và thấm đẫm chúng ta trong niềm tin vốn vượt thoát khỏi chúng ta bất cứ lúc nào; vì việc luôn có sẵn những bằng chứng thì quá phiền hà. Cần phải đạt được

một niềm tin dễ dàng hơn, đó chính là niềm tin của tập quán, vốn không dùng đến sự cưỡng bức, nghệ thuật, lý lẽ, nó khiến chúng ta tin tưởng vào sự việc và hướng mọi sức mạnh của chúng ta tới niềm tin này, khiến cho tâm hồn chúng ta rơi vào đó một cách tự nhiên. Chỉ nhờ vào sức mạnh của sự thuyết phục thì chưa đủ để tin, khi cỗ máy tự động có xu hướng tin vào điều ngược lại. Cả hai phần của chúng ta cần được khiến cho tin tưởng, tâm trí [sẽ tin thông] qua những lý lẽ mà nó nhìn thấy một lần trong đời là đủ, và cỗ máy tự động [sẽ tin thông] qua tập quán, và bằng cách không cho phép cỗ máy ấy ngã theo điều ngược lại. *Iclina cor meum, Deus.*<sup>71</sup>

Lý trí hành động chậm chạp, với rất nhiều sự tra xét và rất nhiều những nguyên tắc, những nguyên tắc luôn phải có mặt, đến độ ngay khi những nguyên tắc này vắng mặt, lý trí rơi vào trạng thái mơ ngủ, hoặc lạc lối. Tình cảm không hành động như vậy; nó hành động mọi lúc, và luôn sẵn sàng hành động, chúng ta khi ấy cần phải đặt đức tin vào tình cảm; nếu không nó sẽ luôn dao động.

**253.** Hai thái cực: loại bỏ lý trí, chỉ chấp nhận lý trí.

**254.** Là việc bình thường khi phải quở trách con người vì tính quả dễ bị sai khiến. Đó là một thói xấu tự nhiên giống tính cả tin, và cũng độc hại. Mê tín dị đoan.

**255.** Lòng mộ đạo khác với mê tín.

Ủng hộ lòng mộ đạo tới mức mê tín chính là hủy hoại nó.

Những kẻ dị giáo chê trách chúng ta bởi sự phục tùng có tính chất mê tín này. Đây chính là làm cái việc khiến họ chê trách chúng ta...

Sự nghịch đạo để không tin vào bí tích Thánh thể, dựa trên điều không được nhìn thấy.

Sự mê tín để tin những lời tuyên bố. Đức tin...

**256.** Tôi nói có ít người Thiên Chúa giáo thực sự, thậm chí vì đức tin. Có nhiều người tin nhưng bởi sự mê tín. Có nhiều người không tin, chỉ bởi thói trụy lạc. Rất ít người ở giữa hai đi đầu này.

Trong vấn đề này, tôi không đề cập tới những người thực sự ngoan đạo, và tất cả những ai tin bởi một tình cảm trong tâm họ.

**257.** Chỉ có ba loại người: những người phụng sự Thiên Chúa sau khi đã tìm thấy Ngài; những người khác, chưa tìm thấy ngài và mãi miết tìm kiếm Ngài; những người sống mà không tìm kiếm Ngài và không hề tìm thấy Ngài. Những người đầu tiên biết theo lẽ phải và hạnh phúc, những kẻ sau cùng ngu dốt và bất hạnh; những người ở giữa thì bất hạnh và biết theo lẽ phải.

**258.** *Unusquisque sibi Deum fingit*<sup>72</sup>

Góm ghiếc.

**259.** Dân bình thường có khả năng không nghĩ về đi đầu mà họ không muốn nghĩ. “Đừng suy ngẫm về những đoạn văn về Đấng Thiên sai”, người Do Thái nói với con trai họ. Dân ta thường hành xử như thế, những tôn giáo giả dối được duy trì như thế, và thậm chí tôn giáo chân thật, với nhiều người, cũng vậy.

Nhưng có những người không có khả năng ngăn mình suy nghĩ như thế, và những người nghĩ nhiều hơn thế vì người ta ngăn cấm họ. Những người này hủy hoại những tôn giáo giả dối và thậm chí cả tôn giáo chân thật, nếu họ không tìm thấy những lý lẽ vững chắc.

**260.** Họ ẩn mình trong báo chí và cầu cứu số đông. Sự ồn ào.

Căn cứ - Chừng nào chưa chịu biến việc nghe thấy đi đầu gì đó thành

một quy tắc để bạn tin, bạn không phải tin đi đâu gì trừ phi đặt mình vào vị trí như thế bạn chưa bao giờ nghe đi đâu đó.

Đó là sự tán thành của chính bạn với bản thân, và tiếng nói kiên định của chính lý trí bạn, chứ không phải của những người khác, là cái khiến bạn tin tưởng.

Lòng tin quan trọng vô cùng! Cả trăm đi đâu nói ngược lại có thể đúng. Nếu tính xa xưa là quy tắc của niềm tin, con người xa xưa khi ấy có thể tồn tại mà không có quy tắc. Nếu có sự đồng thuận chung, nếu con người đã diệt vong?

Sự nhún nhường giả hiệu, tính kiêu ngạo.

Lộ diện. Bạn nỗ lực vô ích; nếu bạn phải tin tưởng, hoặc phủ nhận, hoặc nghi ngờ. Khi ấy chúng ta sẽ không có quy tắc sao? Chúng ta phán xét những loài động vật rằng chúng làm tốt việc chúng làm. Chẳng lẽ không có quy tắc nào để theo đó phán xét con người sao?

P phủ nhận, tin tưởng, nghi ngờ đối với con người chính là cuộc đua đòi với con ngựa.

Sự trừng phạt cho những người phạm tội, sai lầm.

**261.** Những người không yêu sự thật lấy lý do rằng sự thật đó còn đang tranh cãi, và rằng nhiều người phủ nhận nó. Và như thế sai lầm của họ chỉ đến từ việc họ không yêu cả sự thật lẫn lòng khoan dung. Vì thế họ không được miễn thứ.

**262.** Mê tín và lòng dục. Những sự đắn đo, những ham muốn xấu xa. Nỗi sợ hãi xấu xa; nỗi sợ hãi, không như nỗi sợ hãi từ việc người ta tin vào Thiên chúa, mà như nỗi sợ hãi từ việc người ta nghi ngờ liệu Ngài tồn tại hay không. Nỗi sợ hãi đích thực đến từ đức tin; nỗi sợ hãi trá ngụy đến từ sự nghi ngờ. Nỗi sợ hãi đích thực đi cùng với niềm hy vọng, bởi nó được

sinh ra từ đức tin và bởi con người hy vọng vào Thiên Chúa mà họ tin vào. Nỗi sợ hãi trá ngụy đi với sự tuyệt vọng, bởi con người sợ hãi Thiên chúa mà họ không tin. Loại thứ nhất sợ mất Ngài; loại thứ hai sợ tìm thấy Ngài.

**263.** “Một phép lạ”, người ta nói, “có thể củng cố cho đức tin của tôi”. Anh ta nói vậy khi không thấy phép lạ. Từ xa nhìn lại, những lý lẽ dường như giới hạn cái nhìn của chúng ta; nhưng khi thấu đạt được chúng, chúng ta bắt đầu nhìn thấy xa hơn. Chẳng gì hãm lại sự nhanh lẹ của tâm trí chúng ta. Người ta nói, không có thứ quy tắc nào không ngoại lệ, không có sự thật chung nào mà không có một khía cạnh nào đó không thỏa mãn. Chỉ cần sự thật ấy không phổ quát một cách tuyệt đối để cho chúng ta có lý do áp dụng những biệt lệ vào chủ đề hiện tại và để nói rằng “Điều này không phải lúc nào cũng đúng như vậy; bởi thế nên có những trường hợp mà trong đó điều này không đúng như thế”. Ta chỉ còn phải chứng tỏ rằng đây là một trong số những trường hợp ấy; và đó là lý do tại sao người ta rất khó xử hoặc không may mắn, nếu không thấy một phép lạ một ngày nào đó.

**264.** Chúng ta không mệt mỏi vì việc ăn và ngủ hàng ngày, bởi cơn đói và cơn buồn ngủ cứ tái diễn. Thiếu điều đó chúng ta hẳn mệt mỏi vì những việc ấy. Vì thế, không có cảm giác khao khát những thứ thuộc về tinh thần, chúng ta mệt mỏi vì chúng. Khao khát sự công chính, mỗi phúc thật thứ tám.<sup>73</sup>

**265.** Quả thực đức tin nói điều mà các giác quan không nói, nhưng không trái với điều mà các giác quan thấy. Đức tin ở trên các giác quan, và không đối lập với chúng.

**266.** Biết bao nhiêu ngôi sao, vốn không tồn tại với những triết gia ngày trước, nay được vén mở cho chúng ta thấy như những chiếc kính thiên văn. Người ta thẳng thừng phê phán Sách Thánh về số lượng lớn của

những ngôi sao, họ nói rằng “Chỉ có một ngàn hai mươi hai (1022),<sup>74</sup> chúng tôi biết đi đâu đó”. Có cỏ trên trái đất, chúng ta nhìn thấy chúng; từ mặt trăng chúng ta sẽ không nhìn thấy. Và những chiếc lá trên bãi cỏ, và trong những chiếc lá còn có những loài vật nhỏ; nhưng sau đi đâu đó chẳng gì hơn nữa. Ôi con người quá tự phụ! Hợp chất được tạo thành từ những nguyên tố, còn những nguyên tố thì không, ôi con người quá tự phụ! Đây là một nét vi tế. Chúng ta không được nói rằng thực có thứ gì đó mà chúng ta không thấy. Chúng ta khi ấy phải nói như những người khác, nhưng không nghĩ như họ.

**267.** Hành động cuối cùng của lý trí là thừa nhận rằng có một lượng vô hạn những thứ vượt khỏi tầm của nó. Lý tính chỉ là thứ yếu ớt nếu không nhìn đủ xa để nhận thấy đi đâu này. Nhưng nếu những thứ thuộc giới tự nhiên [mà còn] vượt quá tầm của nó, người ta sẽ nói gì về những đi đâu siêu nhiên?

**268.** Sự quy phục - Chúng ta phải biết chỗ nào cần phải nghi ngờ, chỗ nào cần cảm thấy chắc chắn, ở đâu cần quy phục. Người nào không làm vậy là không hiểu sức mạnh của lý trí. Có một vài người chống lại ba quy tắc này, hoặc bằng việc khẳng định mọi thứ như có tính minh chứng, xuất phát từ sự thiếu kiến thức về việc chứng minh; hoặc nghi ngờ tất cả, xuất phát từ việc thiếu hiểu biết ở đâu cần quy phục; hoặc quy phục mọi thứ, xuất phát từ việc thiếu hiểu biết ở đâu cần xét đoán.

**269.** Quy phục và việc sử dụng lý trí: trong đó bao hàm Đạo Thiên Chúa đích thực.

**270.** Thánh Augustinus - Lý trí hẳn không bao giờ quy phục, nếu nó không cho rằng có những duyên cớ mà nó phải quy phục. Khi ấy sự quy phục là đúng, khi nó xét rằng nó cần phải quy phục.

**271.** Sự thông thái đưa chúng ta đến tuổi thơ. *Nisi efficiamini sicut parvuli.*<sup>75</sup>

**272.** Không có gì dễ chịu cho lý trí bằng sự chối bỏ này đối với lý trí.<sup>76</sup>

**273.** Nếu người ta khiến mọi thứ quy phục lý tính, tôn giáo của chúng ta sẽ không còn gì huyền bí và siêu nhiên. Nếu chúng ta đi ngược lại những nguyên tắc của lý tính, tôn giáo của chúng ta sẽ vô lý và tức cười.

**274.** Mọi suy luận của chúng ta đều quy giảm thành việc nhường bước cho cảm tính.

Nhưng sự tưởng tượng thì tương đồng, dù trái ngược, với cảm tính; theo cách để chúng ta không thể phân biệt được những sự trái ngược này. Một người nói cảm tính của tôi là tưởng tượng, người khác nói sự tưởng tượng của anh ta là cảm tính. Chúng ta nên có một quy tắc. Lý trí xuất hiện; nhưng nó hay nhân nhượng theo mọi nhẽ, và bởi thế không có quy tắc.

**275.** Nhiều người thường để trí tưởng tượng thế chỗ trái tim; và họ tin rằng họ được cải hóa ngay khi họ nghĩ về việc bị cải hóa.

**276.** M. de Roannez từng nói: “Những lý do sau này mới tới, nhưng ban đầu có thứ gì đó khiến tôi hài lòng hay khó chịu mà tôi không biết lý do, và nó khiến tôi khó chịu vì cái lý do đó mà tôi chỉ phát hiện được sau này”. Nhưng tôi tin, không phải cái đó gây khó chịu bởi những lý do được tìm thấy sau này, mà là ông ta chỉ tìm thấy những lý do này vì cái đó gây khó chịu cho ông ta.

**277.** Trái tim có những lý lẽ của riêng nó mà lý trí không biết; người ta cảm thấy điều này trong cả ngàn sự việc. Tôi nói rằng trái tim yêu mến hữu thể vũ trụ một cách tự nhiên, và cả bản thân nó một cách tự nhiên, theo điều mà nó miệt mài theo đuổi; và cứng rắn chống lại cái này hay cái khác theo sự lựa chọn của nó. Bạn đã gạt bỏ cái này và giữ lại cái kia, liệu có

phải bạn yêu chính mình bằng lý trí?

**278.** Chính trái tim nhận thấy Thiên Chúa, còn lý trí thì không. Điêu này, khi ấy, chính là đức tin: Thiên Chúa được cảm thấy bởi trái tim, không bởi lý trí.

**279.** Đức tin là một món quà của Thiên Chúa; đừng nghĩ rằng chúng ta đã nói rằng đó là món quà của sự suy lý. Những tôn giáo khác không nói điêu này về đức tin của mình. Họ chỉ đưa ra lý lẽ để đi đến đức tin, thế nhưng nó chưa dẫn họ đến với đức tin.

**280.** Sự hiểu biết về Thiên Chúa rất xa tình yêu dành cho Ngài.

**281.** Trái tim, bản năng, những nguyên tắc.

**282.** Chúng ta biết lẽ thật, không chỉ nhờ lý trí, mà còn nhờ trái tim, và chính nhờ trái tim chúng ta biết được những nguyên lý đầu tiên; và lý tính, không có phần trong đó, cố gắng một cách vô ích để bài bác những nguyên lý này. Những người hoài nghi, chỉ có điêu này làm mục tiêu cho họ, hoạt động không có mục đích. Chúng ta biết rằng chúng ta không mơ. Cho dù việc chúng ta chứng minh điêu này bằng lý trí thì bất khả đến mức nào, điêu bất khả này chỉ cho thấy sự yếu kém của lý trí chúng ta, chứ không phải, như họ khẳng định, tính không chắc chắn của toàn bộ sự biết của chúng ta. Bởi sự biết về những nguyên lý đầu tiên, như không gian, thời gian, chuyển động, con số, cũng vững chắc như hiểu biết về bất kể thứ gì có được nhờ suy lý. Và lý trí phải tin cậy những hiểu biết này của trái tim và của trực giác, và mọi diễn ngôn của lý trí phải dựa trên chúng. (Chúng ta có tri thức trực giác về bản chất ba chiều của không gian và về tính vô hạn của con số, và lý trí khi ấy cho thấy rằng không có hai số bình phương mà một trong chúng lại gấp đôi số còn lại. Những nguyên lý được trực cảm, những định lý được suy ra, đều với tính chắc chắn, dù theo những cách khác nhau). Và cũng vô ích và vô lý khi lý trí đòi hỏi trái tim những minh

chứng về những nguyên lý đầu tiên của nó trước khi chấp nhận chúng, và thực vô lý khi trái tim đòi hỏi ở lý trí một trực giác về tất cả những định lý đã được chứng minh trước khi chấp nhận chúng.

Sự bất khả này khi ấy chỉ để hạ thấp lý trí - vốn muốn phán xét tất cả - mà không nhằm bài bác tính chắc chắn của chúng ta, như thể chỉ lý trí mới có khả năng soi sáng chúng ta. Làm hài lòng Thiên Chúa, ngược lại, chẳng bao giờ cần lý tính, và chúng ta biết mọi thứ qua bản năng và trực giác! Nhưng thiên nhiên đã từ chối chúng ta ân huệ này; nó trái lại chỉ cho chúng ta rất ít sự biết theo kiểu này; và toàn bộ phần còn lại có thể đạt được chỉ thông qua suy lý.

Và đó chính là lý do tại sao những người đã được Thiên Chúa ban cho tôn giáo thông qua trực giác thực sự rất may mắn và hoàn toàn thuyết phục. Nhưng đối với những ai không có được, chúng ta chỉ có thể đưa nó đến qua suy lý, trong khi chờ đợi Thiên Chúa ban cho họ ánh sáng tinh thần, không có ánh sáng này đức tin chỉ thuần thuộc về con người và vô dụng cho sự cứu rỗi.

**283.** Trật tự - Chống lại lời phản đối rằng Thánh Kinh không có trật tự.

Trái tim có trật tự của nó; trí tuệ có trật tự của riêng nó, qua nguyên tắc và sự chứng minh. Trái tim còn có một trật tự khác. Người ta không chứng minh được rằng người ta phải được yêu bằng cách liệt kê theo thứ tự những nguyên nhân của tình yêu; đi đâu này thực tức cười.

Đức Giêsu, Thánh Phaolô có trật tự của lòng yêu thương, không phải của trí tuệ; bởi các Ngài muốn sưởi ấm, chứ không nhằm chỉ bảo. Cũng như thế với Thánh Augustinus. Trật tự này chủ yếu cốt ở sự mở rộng quanh những điểm liên quan tới mục đích, và luôn giữ nó trong tầm mắt.

**284.** Đừng ngạc nhiên khi thấy những người mộc mạc tin tưởng mà

không cần suy lý. Thiên Chúa ban cho họ tình yêu Ngài và ghét bỏ cái tôi. Ngài hướng lòng họ đến việc tin tưởng. Con người sẽ không bao giờ tin với một niềm tin có ích và thực hữu, nếu Thiên Chúa không khiến họ sẵn lòng và người ta sẽ tin ngay khi Ngài làm như thế. Và đó chính là điều Đavít biết rõ. *Inclina cor meum, Deus, in...*<sup>77</sup>

**285.** Tôn giáo này hợp với mọi kiểu tâm trí. Một số chỉ chú ý đến sự hình thành<sup>78</sup> của nó, và tôn giáo này thì ở mức độ mà chỉ riêng sự hình thành của nó thôi cũng đủ để chứng minh sự thật về nó. Những người khác lần theo dấu tới tận những tông đồ. Tìm hiểu càng nhiều thì càng đến gần hơn sự khởi đầu thế gian. Những tâm hồn trong trắng thấy tôn giáo này rõ hơn, xa hơn.

**286.** Những người tin mà chưa từng đọc hai Thánh ước,<sup>79</sup> đó là bởi họ có một thiên hướng bên trong hoàn toàn thánh thiện, và mọi thứ họ nghe về tôn giáo của mình đều phù hợp với thiên hướng đó. Họ cảm thấy được rằng một vị Chúa đã tạo ra họ; họ chỉ khao khát yêu Ngài; họ khao khát ghét chỉ cái tôi của mình. Họ cảm thấy họ không có sức mạnh bên trong bản thân; rằng họ không có khả năng đến với Thiên Chúa; và rằng nếu Thiên Chúa không đến với họ, họ không có cách nào liên lạc với Ngài. Và họ nghe tôn giáo của chúng ta nói rằng con người chỉ phải yêu Thiên Chúa và chỉ ghét bản ngã; nhưng rằng, khi hoàn toàn suy thoái và không xứng với Ngài, Ngài khiến chính Ngài thành con người để hợp nhất với chúng ta. Không cần phải nhọc công thuyết phục những người có thiên hướng này trong trái tim họ, và những người có nhận thức này về bản phận và sự bất khả của họ.

**287.** Sự biết về Thiên Chúa

Nhiều người Thiên Chúa giáo không có sự biết về những nhà tiên tri và

những bằng chứng, tuy nhiên vẫn đánh giá tôn giáo của họ tốt như những người có sự biết đó, là những gì chúng ta thấy. Họ đánh giá qua tấm lòng, như những người khác đánh giá qua trí tuệ. Bản thân Thiên Chúa hướng họ đến việc tin, và bởi thế họ được thuyết phục hiệu quả nhất.

Tôi quả thực thú nhận rằng một trong những người Thiên Chúa giáo này tin mà không có bằng chứng, có lẽ, sẽ không có khả năng thuyết phục một người ngoại đạo, người sẽ nói đi đâu tương tự về bản thân anh ta. Nhưng những người biết các bằng chứng tôn giáo sẽ chứng minh không mấy khó khăn rằng một tín đồ như thế thực sự được khơi nguồn cảm hứng từ Thiên Chúa, dù rằng bản thân anh ta không thể chứng minh được đi đâu này.

Bởi Thiên chúa từng nói trong lời tiên tri của Ngài (chắc chắn là lời tiên tri) rằng trong ảnh hưởng của Đức Giêsu, Ngài sẽ lan tỏa tinh thần của mình khắp các quốc gia, và rằng những con trai, con gái và những đứa con của Giáo hội sẽ tiên tri,<sup>80</sup> chắc chắn rằng Thần khí Thiên Chúa trong những người này chứ không phải những người khác.

**288.** Thay vì phàn nàn về việc Thiên Chúa ẩn mình, bạn sẽ cảm tạ Ngài bởi không tiết lộ quá nhiều về bản thân Ngài; và bạn cũng sẽ cảm tạ Ngài đã không tiết lộ bản thân với những nhà hiền triết kiêu ngạo, không xứng để biết đến một vị Chúa thiêng liêng đến thế.

Hai loại người biết Ngài: những người có lòng khiêm nhường, và người yêu sự khiêm nhường của họ, bất kể họ có trí tuệ thế nào, cao hay thấp; hoặc những người có đủ hiểu biết để nhìn ra sự thật bất kể sự phản đối nào với nó.

**289.** Bằng chứng - 1. Thiên Chúa giáo, qua sự hình thành của nó, đã tự xác lập một cách mạnh mẽ, nhẹ nhàng, mặc dù trái ngược với tự nhiên. 2.

Sự thánh thiện, tính cao cả, và sự khiêm tốn của tâm hồn Thiên Chúa giáo.  
3. Các phép lạ của Kinh Thánh. 4. Đức Giêsu nói riêng. 5. Các tông đồ nói riêng. 6. Môsê [*Hebrew*, Moshé; *Pháp*, Moïse; *Anh*, Moses] và các tông đồ nói riêng. 7. Người Do Thái. 8. Các lời tiên tri. 9. Sự vĩnh tồn; không tôn giáo nào có sự vĩnh tồn. 10. Học thuyết, đưa ra một nguyên do cho tất cả. 11. Tính thần thánh của luật này. 12. Theo lẽ thường.

Chắc chắn, sau khi xem xét đời sống là gì và tôn giáo là gì, chúng ta sẽ không chối bỏ việc thuận theo khuynh hướng cần theo, nếu nó vào trong trái tim chúng ta, và chắc chắn chẳng có cơ sở để cười nhạo những người theo khuynh hướng đó.

**290.** Những bằng chứng về tôn giáo - Đạo đức, học thuyết, các phép lạ, các lời tiên tri, các biểu trưng.

## CÔNG LÝ VÀ NGUYÊN DO CỦA NHỮNG TÁC ĐỘNG

**291.** Trong bức thư về *sự bất công* có thể nảy ra trò đùa của luật pháp rằng người anh trai lấy hết. “Bạn của tôi, bạn được sinh ra ở triền núi bên này, vì thế anh trai của bạn lấy hết là công bằng rồi.”

Tại sao bạn giết tôi?

**292.** Anh ta sống ở bờ nước bên kia.

**293.** Tại sao bạn giết tôi vì mối lợi của mình? Tôi không có vũ khí -Ồ, sao, bạn không sống ở bờ nước bên kia hả? Bạn của tôi, nếu bạn sống bên này, tôi sẽ là kẻ sát nhân, và thực bất công khi sát hại bạn theo cách này. Nhưng bởi bạn sống bên kia, tôi là một người dũng cảm, và điều này hợp lẽ phải.

**294.** Con người sẽ dựa vào cái gì để thiết lập trật tự của thế giới mà anh ta sẽ cai trị? Liệu có dựa trên tính thất thường của mỗi cá nhân không? Thật là sự nhàn lẫn tai hại! Sẽ dựa trên công lý chăng? Con người không biết gì về nó.

Chắc chắn, nếu đã biết điều đó, anh ta hẳn đã không đặt ra châm ngôn này, là câu chung nhất trong toàn bộ những câu châm ngôn giữa con người, rằng mỗi người theo phong tục của riêng đất nước mình. Hào quang của công bằng thực sự đã bó buộc mọi quốc gia, và các nhà lập pháp hẳn không lấy những tính ngẫu nhiên và tính thất thường của những người Ba Tư và người Đức làm kiểu mẫu cho mình, thay vì công lý bất biến này. Người ta thấy nó được thiết đặt ở khắp các quốc gia trên mặt đất và vào mọi thời

đại; trong khi không nhìn thấy sự công bằng hay bất công, vốn không thay đổi bản chất khi hoàn cảnh thay đổi. Ba vĩ độ làm đảo lộn toàn bộ pháp luật học; một kinh tuyến quyết định sự thật. Những luật cơ bản thay đổi sau ít năm sở hữu; quyền có những thời kỳ của nó; sao Thổ di chuyển vào cung Sư tử cho ta thấy nguồn gốc của tội ác như thế. Một công lý kỳ lạ bị giới hạn bởi một dòng sông! Chân lý ở bên này dãy Pyrénées, sai lầm ở bên kia.

Nhiều người tuyên bố rằng công lý không ở trong những phong tục này, mà ở trong những luật tự nhiên, chung cho mọi quốc gia. Họ chắc chắn bảo vệ nó một cách ngoan cố, nếu tính khinh suất của sự ngẫu nhiên vốn đã lan tỏa trong những luật của con người, đã chạm trán với ít nhất một luật, vốn đã là phổ quát; nhưng đi đâu khỏi hài là tính thất thường của con người đa dạng đến nỗi chẳng có luật nào như vậy.

Trộm cắp, loạn luân, giết trẻ em, giết cha mẹ, tất cả đều có chỗ giữa những hành động đức hạnh. Liệu có thể có gì khôi hài hơn việc một người có quyền giết tôi bởi anh ta sống ở bờ nước bên kia, và bởi người cai trị anh ta tranh cãi với người cai trị của tôi, dù tôi chẳng có gì tranh cãi với anh ta?

Rõ ràng có những luật tự nhiên; nhưng lý lẽ tốt một khi hư hỏng đã làm hỏng tất cả. *Nihil amplius nostrum est; quod nostrum dicimus, artis est.*<sup>81</sup> *Ex senatus-consultis et plebiscitis crimina exercentur.*<sup>82</sup> *Ut olim vitiis, sic nunc legibus laboramus.*<sup>83</sup>

Từ sự nhàn lãn này dẫn tới việc người này nói bản chất của công lý là quyền uy của người lập pháp; người khác lại nói là lợi ích của kẻ cai trị tối cao<sup>84</sup>, người nữa cho là tập quán hiện hành<sup>85</sup>, và đi đâu này là chắc chắn nhất. Không đi đâu gì, theo một mình lý trí, là tự nó đúng; tất cả thay đổi theo thời gian. Tập quán tạo ra toàn bộ sự công bằng, bởi lý do đơn giản là

nó được chấp nhận. Đó chính là nền tảng bí ẩn cho quyền uy của nó; bất cứ ai buộc nó quay trở về những nguyên lý đầu tiên của nó sẽ hủy hoại nó. Không gì thực thiếu sót như những luật lệ hiệu chỉnh những lỗi sai. Ai tuân thủ theo những luật lệ này vì chúng đúng, ấy là tuân theo một công lý mà anh ta tưởng tượng ra chứ không phải là cốt tủy của luật; nó hoàn toàn hoàn chỉnh, nó là luật và chẳng là gì hơn. Ai xem xét căn cứ của nó sẽ thấy nó quá yếu và thiếu sức nặng đến nỗi, nếu không quen suy nghĩ về những điều kỳ lạ của trí tưởng tượng con người, hẳn người đó sẽ lấy làm ngạc nhiên rằng một thế kỷ đã dành được cho nó nhiều vẻ lộng lẫy và sự sùng bái như vậy. Thuật chống đối và thuật cách mạng là làm lung lay những tập quán đã được thiết lập, khi dò đến tận ngọn nguồn của chúng, để chỉ ra sự khiếm khuyết quyền lực và công lý của chúng, cần phải, người ta nói, quay trở lại các luật căn bản và tự nhiên của quốc gia, mà một tập quán bất công đã thủ tiêu chúng. Đó là một trò chơi chắc chắn mất tất cả; chẳng gì đúng sau khi cân nhắc kỹ. Tuy nhiên, dân chúng sẵn sàng lắng nghe những lý lẽ ấy. Họ rũ bỏ gông cùm ngay khi họ nhận ra nó; và những kẻ ở trên được lợi từ sự đổ nát của nó, và của những người xem xét chăm chú các phong tục được chấp nhận. Đó chính là lý do tại sao những người khôn ngoan nhất trong số những nhà lập pháp nói rằng vì chính điều tốt đẹp cho con người mà ta cần thường xuyên lừa phỉnh họ, và một người khác, một chính trị gia lão luyện, *Cum veritatem qua liberetur ignoret, expedit quod fallatur*.<sup>86</sup> Chúng ta không thấy sự thực của việc tước đoạt; luật từng được đưa ra trước kia mà không có lẽ phải, nó trở nên hợp lý. Cần phải khiến nó được nhìn nhận là xác thực, vĩnh viễn, và che đi nguồn gốc của nó, nếu chúng ta không mong muốn rằng nó sớm đi đến hồi kết.

**295.** Của tôi, của anh - “Con chó này của tao”, những đứa trẻ nghèo nói; “Đó là chỗ của tao dưới ánh mặt trời”. Đây là sự bắt đầu và là hình ảnh của sự chiếm đoạt khắp nơi trên trái đất.

**296.** Khi vấn đề cần xem xét là liệu người ta có phải tạo ra chiến tranh và giết nhiều người đến thế không - xử tội chết cho nhiều người Tây Ban Nha đến thế - đó là người duy nhất xem xét đi đầu đó, và ông ta là một bên có liên quan. Phải có một bên thứ ba, và bên đó vô tư.

297. *Veri juris*<sup>87</sup>, - Chúng ta không còn luật pháp thực sự nữa; nếu đã có, chúng ta đâu cần phải lấy việc tuân thủ những tập quán của một nước làm quy tắc công lý. Chính ở đây, khi không tìm thấy công lý, người ta tìm thấy sức mạnh...

**298.** Công lý, sức mạnh - Quả đúng là thứ gì chính đáng thì cần phải tuân theo; cái mạnh nhất cần phải được phục tùng. Công lý không có sức mạnh thì chẳng giúp được gì; sức mạnh không có công lý sẽ dẫn tới độc tài. Công lý không sức mạnh thì bị phản bác, bởi luôn có những kẻ ác; sức mạnh không có công lý thì bị lên án. Vậy ta cần phải kết hợp công lý và sức mạnh và, vì bởi đi đầu này khiến cho cái đúng có sức mạnh và cái mạnh trở nên đúng.

Công lý là đề tài gây tranh cãi; sức mạnh dễ dàng được thừa nhận và không gây tranh cãi. Vì thế, người ta đã không thể đem sức mạnh đến cho công lý, bởi sức mạnh đã chống lại công lý và tuyên bố công lý bất công, và nói bản thân nó công bằng. Và như vậy, khi không thể khiến cái đúng có sức mạnh, người ta đã khiến cái mạnh trở nên đúng.

**299.** Những quy tắc có tính phổ quát duy nhất là những luật của một đất nước đối với các vấn đề thông thường và phần lớn những vấn đề khác. Đi đầu này bắt nguồn từ đâu? Từ sức mạnh vốn có bên trong chúng. Và từ đó xảy ra chuyện các vị vua, những người có quyền lực kiểu khác, không theo đa số các bộ trưởng của mình.

Tính ngang bằng của những đi đầu tốt là rõ ràng đúng; nhưng khi không

thế khiến sức mạnh tuân theo công lý, người ta đã khiến việc phục tùng sức mạnh trở thành việc đúng. Khi không thể tăng cường công lý, người ta bèn biện minh cho sức mạnh; cho nên cái đúng và sức mạnh phải kết hợp lại, lúc đó ta sẽ có hòa bình, vốn là đi đầu tối hảo.

**300.** "Khi một người có sức mạnh được trang bị để giữ hàng hóa của mình, hàng hóa của anh ta được yên ổn."<sup>88</sup>

**301.** Sức mạnh. Tại sao người ta lại theo số đông? Bởi họ có nhiều lý lẽ hơn? Không, bởi họ có nhiều sức mạnh hơn.

Tại sao người ta lại theo những luật lệ và ý kiến cổ xưa? Bởi chúng có nhiều cơ sở hơn? Không, mà bởi chúng là duy nhất và loại bỏ được cái gốc của sự khác biệt khỏi chúng ta.

**302 ...** Đó chính là tác động của sức mạnh, không phải của tập quán. Bởi những người có khả năng sáng tạo chỉ là thiểu số; số đông chỉ muốn đi theo và không thừa nhận vinh quang của những người sáng tạo này vốn tìm kiếm vinh quang qua những phát minh của họ. Và nếu những người này bần bĩ theo đuổi giấc mơ của mình để đạt được vinh quang và xem thường những ai không phát minh, thì sẽ bị gán cho những cái tên kỳ quặc và bị giáng cho một gậy bởi những người bị xem thường ấy. Do đó, đừng ai khoe khoang về sự tài tình của mình, hoặc hãy giữ sự thỏa mãn ở bên trong mình.

**303.** Sức mạnh làm chủ thế giới, chứ không phải quan điểm. Nhưng quan điểm lại sai khiến sức mạnh. Chính sức mạnh lại tạo ra quan điểm, vẻ mền mại thì đẹp theo quan điểm của chúng tôi. Tại sao? Bởi ai muốn nhảy múa trên một sợi dây thì sẽ chỉ có một mình,<sup>89</sup> và tôi sẽ tập hợp được một đám đông mạnh hơn gồm những người vốn sẽ nói rằng đi đầu đó không đẹp.

**304.** Nhìn chung, các sợi dây kết nối sự tôn trọng của người này dành

cho người khác là những sợi dây của sự cần thiết; vì hẳn phải có những cấp độ khác nhau, mọi người đều muốn cai trị, và không phải tất cả đều có khả năng làm được như thế, chỉ vài người có thể.

Lúc đó, hãy hình dung rằng chúng ta thấy những sợi dây ấy bắt đầu hình thành. Rõ ràng, người ta sẽ chiến đấu với nhau cho đến khi kẻ mạnh hơn bóp nghẹt kẻ yếu hơn, và cuối cùng xuất hiện một nhóm thống trị. Nhưng khi đi đầu này đã được xác lập, những kẻ làm chủ, vốn không muốn sự xung đột tiếp diễn, khi ấy, chỉ thị rằng sức mạnh hiện có trong tay họ sẽ được truyền lại khi họ cảm thấy thích hợp. Một vài người đặt nó trong hoạt động bầu cử của người dân, một số khác đặt vào việc kế vị, v.v.v...

Và đó chính là điểm mà trí tưởng tượng bắt đầu phát huy tác dụng của nó. Cho đến lúc này, quyền lực tạo ra thực tế; quyền lực lúc này được duy trì bởi trí tưởng tượng trong một phe nhóm nào đó, ở Pháp là trong giới quý tộc, ở Thụy Sĩ là trong đám thị dân...

Những sợi dây như thế vốn nối kết sự tôn trọng của người này dành cho cá nhân này hoặc cá nhân kia, do đó chỉ là những sợi dây tưởng tượng.

**305.** Người Thụy Sĩ bực mình khi bị gọi là quý tộc, và chứng tỏ mình là giới bình dân đích thực để mọi người thấy rằng họ xứng đáng với chức vụ cao.

**306.** Vì những vị trí công hầu, vua chúa, quan tòa là thực hữu và cần thiết (vì sức mạnh cai trị toàn bộ), nên chúng tồn tại khắp nơi và bao giờ cũng vậy. Nhưng bởi chỉ có tính thất thường mới biến một người như thế thành kẻ cai trị, nên đi đầu này không bất biến, mà phải bị thay đổi...

**307.** Quan chương ấn uy nghiêm và được trang hoàng bằng nhiều đồ trang sức, bởi vị trí của ông ta chỉ là chức hão chứ không như một vị vua. Ông ta có sức mạnh và chẳng dính líu gì với trí tưởng tượng. Quan tòa,

thầy thuốc, v.v.v..., chỉ có trí tưởng tượng.

**308.** Thói quen nhìn thấy những vị vua được tháp tùng bởi quân lính, kèn trống, sĩ quan, và tất cả những đồ tư trang lỉnh kỉnh, những thứ khơi lên sự tôn trọng và kính sợ một cách khiên cưỡng, khiến cho vẻ mặt của họ, trong những lúc chỉ có một mình và thiếu những thứ đi kèm này, in sâu sự tôn trọng và kính sợ vào thần dân họ; bởi người ta trong suy nghĩ không thể tách biệt được con người họ khỏi những gì bao quanh luôn được thấy đi kèm với những vị vua ấy. Và người ta, không biết rằng kết quả này đến từ thói quen ấy, tin rằng nó phát sinh từ sức mạnh thiên phú. Và từ đó xuất hiện những lời này: “Tính cách thần thánh ghi dấu trên diện mạo”...

**309.** Công lý - Khi tục lệ định ra đi đâu gì là chấp nhận được, nó cũng định ra công lý như vậy.

**310.** Nhà vua và bạo chúa - Tôi, cũng vậy, sẽ giữ bí mật những suy nghĩ của mình.

Tôi sẽ cẩn thận trong mỗi chuyến đi.

Sự vĩ đại của việc thiết lập, sự tôn trọng dành cho việc thiết lập.

Sự hài lòng về những vĩ nhân chính là sức mạnh để khiến nhiều người hạnh phúc.

Đặc tính của sự giàu có là được cho đi một cách hào phóng.

Đặc tính của mỗi đi đâu thì phải được tìm kiếm. Đặc tính của quyền lực là để bảo vệ.

Khi sức mạnh tấn công đi đâu giả dối, khi một binh nhì cởi chiếc mũ vương của một vị đệ nhất pháp quan và ném qua cửa sổ.

**311.** Sự cai trị dựa trên quan điểm và trí tưởng tượng thống trị một quãng thời gian, và sự cai trị này ôn hòa và tự nguyện. Còn sự cai trị dựa

vào sức mạnh t òn tại mãi. Bởi thế, quan điểm là nữ hoàng của thế gian, còn sức mạnh là bạo chúa.

**312.** Công lý là thứ được lập ra; và bởi thế tất cả luật đã được xác lập của chúng ta sẽ tất yếu được xem là đúng mà không cần phải thẩm tra, bởi chúng được xác lập.

**313.** Những ý kiến đúng đắn của dân - Thứ xấu xa nhất chính là những cuộc nội chiến. Những cuộc chiến đó là không thể tránh khỏi, nếu người ta muốn thưởng cho người xứng đáng; bởi tất cả sẽ nói họ xứng đáng. Tai họa mà chúng ta phải sợ từ một kẻ ngốc được kế thừa nhờ ra đời trong dòng dõi đó, không quá lớn cũng không quá thật.

**314.** Thiên Chúa đã tạo ra tất cả cho chính Ngài. Ngài đã ban cho chính mình sức mạnh của đau đớn và niềm vui.

Bạn có thể áp dụng điều này với Thiên Chúa, hoặc với chính bạn. Nếu với Thiên Chúa, Phúc âm là luật. Nếu với chính bạn, bạn phải thế chỗ Thiên Chúa. Vì Ngài được vây quanh bởi những người đầy lòng nhân ái, những người mong được Ngài ban cho những điều tốt đẹp của lòng nhân ái vốn nằm trong quyền năng của Ngài, như thế... Hãy nhận ra, khi ấy, và biết rằng mình là một vị vua đầy lòng dục, và hãy chọn con đường dục vọng.

**315.** Nguyên do của những tác động - Điều này thực kỳ lạ: Nhiều người không muốn tôi tôn kính một người trong bộ gấm hoa và có bảy hoặc tám đầy tớ theo hầu! Sao thế! Anh ta sẽ giáng vào đầu tôi những trận đòn, nếu tôi không chào anh ta. Tập quán này như một sức mạnh. Cũng như một con ngựa được đóng yên cương đẹp để so với một con khác! Montaigne thực buồn cười khi không thấy được có một sự khác biệt đến thế, không lấy làm lạ khi người ta tìm thấy điều gì từ đó, và hỏi lý do. “Quả thực”, ông ta nói, “sao lại thế”...

**316.** Những ý kiến đúng đắn của dân - Ăn mặc đẹp không phải quá phù phiếm, bởi nó cho thấy một lượng lớn người làm việc cho một người. Mái tóc một người cho thấy anh ta có một người hầu phụ trách trang phục, một người lo về đầu thơm..., qua dải cổ áo, đường ren, tấm thêu... của anh ta. Việc có nhiều quyền lực không phải là sự hời hợt đơn thuần, cũng không chỉ là quần áo rườm rà. Càng có nhiều quyền lực thì càng có nhiều sức mạnh. Ăn mặc đẹp cho thấy sức mạnh của một người.

**317.** Sự tôn kính có nghĩa, “Đặt bản thân vào sự bất tiện”. Điềm này thoát nghe có vẻ ngớ ngẩn, nhưng rất đúng. Bởi nó muốn nói, “Tôi quả thực sẽ đặt mình vào thế bất tiện nếu bạn yêu cầu, bởi quả thực tôi làm vậy mà không ích gì cho bạn”, ngoại trừ sự tôn kính nhằm phân biệt những người đáng trọng. Giờ nếu sự tôn kính đã được thể hiện bằng cách ngồi trên chiếc ghế bành, chúng ta sẽ kính trọng tất cả mọi người, và vì thế không có sự phân biệt được tạo ra. Nhưng khi đặt mình vào thế bất tiện, chúng ta thể hiện sự phân biệt rất rõ.

**318.** Anh ta có bốn người hầu.

**319.** Chúng ta phân biệt con người qua vẻ bên ngoài hơn là qua những phẩm chất bên trong một cách chính xác làm sao! Ai trong hai ta sẽ có quyền ưu tiên? Ai sẽ nhường chỗ cho người khác? Người kém thông minh nhất. Nhưng tôi thông minh như anh ta. Chúng ta hẳn phải chiến đấu với nhau vì điềm này. Anh ta có bốn kẻ hầu cận và tôi chỉ có một. Điềm này có thể thấy rõ; chỉ cần đếm. Việc của tôi là chịu nhường, và tôi là một kẻ ngốc nếu tranh giành. Nhờ cách này mà chúng ta được bình yên, điềm tốt lành lớn nhất trong mọi điềm tốt lành.

**320.** Những điềm bất hợp lý nhất trên thế gian trở nên có lý nhất bởi hành động bừa bãi của con người. Còn gì kém hợp lý hơn việc chọn người con trai lớn nhất của nữ hoàng để cai trị một quốc gia? Người ta không

chọn một trong những hành khách thuộc gia đình quyền thế nhất làm thuyền trưởng của một con tàu.

Luật này có lẽ vô lý và bất công; nhưng, bởi con người là thế và sẽ luôn là thế, nó trở nên có lý và công bằng. Bởi người ta sẽ chọn ra ai? Người đức hạnh nhất và có khả năng nhất? Như thế chúng ta không kiểm soát được, bởi mỗi người tuyên bố mình là người đức hạnh và có khả năng nhất. Bởi thế hãy cùng gắn phẩm chất này cho một điếu gì đó không thể bàn cãi. Đó là người con cả của nhà vua. Điếu này rõ ràng, và không có gì phải bàn. Lý trí không thể làm tốt hơn, bởi nội chiến là điếu tồi tệ nhất.

**321.** Những đứa trẻ ấy ngạc nhiên khi thấy bạn bè của chúng được tôn trọng.

**322.** Được sinh ra mang dòng dõi quý tộc là một lợi thế lớn. Trong 18 năm, nó đặt một người trong hoàn cảnh được chọn lọc, có tiếng tăm và được tôn trọng, như người khác có thể mất 50 năm mới đạt được. Đó là việc thu lãi được 30 năm không khó nhọc.

**323.** Cái gì là Bản ngã?

Một người bên cửa sổ và nhìn người qua lại. Nếu tôi đi ngang đó, có thể tôi nói rằng anh ở đó để nhìn tôi? Không; bởi anh ta không nghĩ riêng về tôi. Nhưng liệu người nào đó yêu một cô nọ vì vẻ đẹp của cô ta thì có thực sự yêu cô ta không? Không; bởi bệnh đậu mùa, căn bệnh giết chết vẻ đẹp mà không giết người, sẽ khiến anh ta không còn yêu cô ấy nữa.

Và nếu người ta yêu tôi bởi những phán đoán của tôi, tiếng tăm của tôi, anh ta không yêu tôi, bởi tôi có thể mất đi những phẩm chất đó mà không mất chính mình. Vậy thì, Bản ngã này ở đâu, nếu không phải trong cơ thể cũng như không ở tâm hồn? Và làm sao yêu cơ thể hay tâm hồn, nếu không bởi những phẩm chất này vốn không làm nên tôi, vì chúng có thể

mất đi? Bởi không thể và hẳn không đúng khi yêu tâm hồn của một người trong sự mơ hồ và bất cứ phẩm chất nào có thể ở trong đó. Bởi thế, người ta chưa bao giờ yêu một người, mà chỉ yêu những phẩm chất.

Vì thế, chúng ta đừng tị hiềm thêm nữa với những người được tôn trọng bởi chức vụ và địa vị; bởi người ta yêu một người chỉ dựa vào những phẩm chất vay mượn.

**324.** Dân chúng có những ý kiến rất đúng đắn, ví dụ:

1. Khi chọn sự tiêu khiển và đi săn hơn là thơ. Những kẻ thông thái nửa vờ cười nhạo điếu này, và vinh quang với việc ở trên sự điên rồ của thế gian; nhưng dân chúng đúng bởi một lý do mà những người này không thấu rõ.
2. Khi phân biệt một người thông qua những đặc điểm bên ngoài, như xuất thân hay sự giàu có. Thiên hạ một lần nữa đặc chí trong việc chỉ ra điếu này phi lý như thế nào; nhưng điếu này lại rất hợp lý. Những kẻ man di cười nhạo một vị vua nhỏ tuổi.<sup>90</sup>
3. Khi giận vì một cái tát, hay khi ham muốn vinh quang quá nhiều. Nhưng điếu này đáng khát khao bởi những điếu tốt căn bản khác gắn liền với nó. Và một người nhận một cái tát mà không phẫn nộ vì điếu đó thì bị chôn vùi với những lời chế nhạo và sự sỉ nhục.
4. Làm việc vì một điếu không chắc chắn; dong thuyền trên biển; bước đi trên một tấm ván.

**325.** Montaigne sai. Tập quán cần được tuân theo chỉ vì nó là tập quán, chứ không vì nó có lý hay hợp lẽ phải, mà dân chúng tuân theo nó chỉ bởi lý do duy nhất rằng họ tin nó hợp lẽ phải. Nếu không họ không theo nó nữa, cho dù nó từng là tập quán; bởi họ chỉ muốn phải quy phục lẽ phải hay

công lý. Tập quán không có đi đâu này sẽ bị coi là chuyên chế; nhưng quyền lực của lẽ phải và công lý không chuyên chế hơn quyền lực của sự ham muốn. Đó là những nguyên tắc tự nhiên với con người.

Bởi thế, hẳn là đúng khi tuân theo những luật và tập quán vì chúng là những luật (để qua đó người ta sẽ không bao giờ nổi dậy, nhưng có lẽ cũng không mong muốn quy phục, người ta luôn tìm kiếm sự thích hợp); nhưng chúng ta hẳn biết rằng không có sự thật và cả công lý để đưa vào trong những luật ấy, rằng chúng ta chẳng biết gì về những đi đâu này, và chỉ cần tuân theo cái được chấp nhận. Bằng cách này người ta không bao giờ chệch khỏi những luật ấy. Nhưng dân chúng không thể chấp nhận luận thuyết này; và, vì họ tin rằng sự thật có thể được tìm thấy, và nó tồn tại trong luật và tập quán, họ tin vào chúng và lấy thời xa xưa của họ như một minh chứng cho lẽ phải của mình, chứ không phải chỉ thẩm quyền (bừa bãi) của họ mà thiếu sự thật (lý trí). Bởi thế họ tuân theo luật, nhưng họ có thể nổi dậy khi những đi đâu này không cho thấy những giá trị; và đi đâu này có thể giúp nhìn ra tất cả khi quan sát từ một khía cạnh nào đó.

**326.** Bất công - Thực nguy hiểm khi nói với dân chúng rằng luật không công bằng; bởi họ chỉ theo chúng vì nghĩ chúng công bằng. Chính vì thế cần nói với họ đồng thời rằng, họ cần phải tuân theo luật bởi chúng là luật, vì cần tuân theo cấp trên không phải bởi vì họ công bằng, mà bởi vì họ là cấp trên. Bằng cách này người ta có thể ngăn ngừa mọi cuộc phản loạn, nêu đi đâu này có thể được làm cho dễ hiểu và dân chúng hiểu được rằng đâu là định nghĩa rõ ràng về công lý.

**327.** Con người nhận định tốt các việc, vì ở trong sự thiếu hiểu biết tự nhiên, vốn là trạng thái đúng thực của con người. Sự hiểu biết gặp phải hai thái cực. Đầu tiên là sự vô tri hoàn toàn tự nhiên vốn có ngay từ khi được sinh ra. Hai là mức độ cuối cùng ở đó những trí tuệ vĩ đại đạt tới, những

người, vượt qua tất cả những gì con người có thể biết, thấy đi đâu họ chẳng biết gì, và quay trở lại một lần nữa với sự vô tri tương tự mà từ đó họ bắt đầu hành trình; nhưng đó chính là sự vô tri thông thái vốn nhận thức được chính bản thân nó. Những ai nằm giữa hai thái cực này, đã đi ra khỏi sự vô tri tự nhiên và không thể đạt tới cái kia, có vài kiến thức nông cạn về sự hiểu biết không đầy đủ và giả vờ khôn ngoan. Những người này làm phiền nhiều người khác và nhận định không đúng về mọi chuyện. Dân chúng và những người khôn ngoan tạo lập thế giới; những kẻ này coi thường thế giới, và bị coi thường. Họ phán xét sai lầm về mọi thứ, và thế giới nhận định đúng về họ.

**328.** Nguyên do của những tác động - Sự đảo ngược liên tục từ tán thành qua phản đối.

Chúng ta đã chỉ ra rằng con người thật hão huyền qua việc họ đánh giá nhiều việc vốn chẳng hề thiết yếu; và tất cả những ý kiến này đã bị đánh đổ. Chúng ta tiếp theo đã chỉ ra rằng tất cả những ý kiến này rất vững chắc và như thế, bởi toàn bộ những tính hư ảo này được đặt nền móng thực tốt, dân chúng không hão huyền như người ta nói. Và vì thế chúng ta đã đánh đổ ý kiến vốn đã đánh đổ ý kiến của người dân.

Nhưng lúc này cần đánh đổ lời tuyên bố cuối cùng này và chỉ ra sự thật là dân chúng thực hão huyền, cho dù những ý kiến của họ vững chắc, bởi họ không thấy được sự thật ở đâu, và, bởi họ đặt nó vào chỗ nó không hiện diện, nên những ý kiến của họ luôn sai và không chắc chắn.

**329.** Nguyên do của những tác động - Sự yếu đuối ở con người là nguyên do của quá nhiều những cái tốt mà người ta dựng lên, như biết cách chơi đàn lút giỏi. Nó chỉ là một cái xấu bởi sự yếu đuối của chúng ta.

**330.** Sức mạnh của những vị vua được lập trên lý lẽ và sự điên rồ của

dân chúng, và nhất là sự điên rồ Thứ lớn nhất và quan trọng nhất trên thế giới lại lấy điểm yếu làm nền móng cho mình, và nền móng này lại chắc chắn một cách lạ kỳ; bởi không có gì chắc chắn hơn điếu này, rằng người dân sẽ nhu nhược. Cái gì dựa trên lý lẽ vững chắc lại có nền tảng rất yếu, như là việc ước lượng sự khôn ngoan.

**331.** Chúng ta chỉ nghĩ về Pláton và Aristotélès trong những trang phục hàn lâm cao quý. Đó cũng là những người chân thật và như những người khác, cũng cười vui với bạn bè họ. Và khi hướng tới việc viết về luật và chính trị của mình,<sup>91</sup> họ đã làm điếu đó với niềm vui. Đó là phần ít tính triết lý và ít nghiêm trang nhất trong cuộc đời họ; triết lý lớn nhất chính là sống đơn giản và tĩnh lặng. Nếu họ đã viết về chính trị, đó giống như nhằm thiết đặt quy tắc cho một dưỡng trí viện, và nếu họ cho thấy có vẻ như đang nói về một vấn đề lớn lao, đó là vì họ biết rằng những kẻ điên, những kẻ mà họ cùng trò chuyện, nghĩ mình là những vị vua hay hoàng đế. Họ bước vào những nguyên tắc của họ để khiến sự điên rồ của mình gây tổn hại càng ít càng tốt.

**332.** Sự chuyên chế cốt ở ham muốn thống trị rộng khắp và vượt khỏi trật tự của nó.

Có những phạm vi phân chia khác nhau của sức mạnh, cái đẹp, ý thức, sự sùng đạo, và mỗi cái trong đó kiểm soát phạm vi của mình, không ở đâu khác. Và thỉnh thoảng chúng đụng độ, sức mạnh và cái đẹp đấu tranh với nhau một cách ngu ngốc để xem ai làm chủ, bởi lãnh vực của chúng có bản chất khác nhau. Chúng không hiểu nhau, và lỗi lầm của chúng chính ở ham muốn khắp nơi. Chẳng gì có thể làm được điếu này, thậm chí cả sức mạnh cũng không: nó chẳng thể làm gì trong vương quốc của sự thông thái, và chỉ là người chủ của những hành động bên ngoài.

Sự chuyên chế - ... Vì vậy, những diễn đạt như sau là sai và bạo ngược:

“Tôi đẹp, bởi thế tôi phải được kính sợ. Tôi mạnh, bởi thế tôi phải được yêu mến. Tôi...

Sự chuyên chế là mong muốn có được qua cách này những thứ [mà người ta] chỉ có được qua cách khác. Người ta gán những bốn phận khác nhau cho những giá trị khác nhau; bốn phận yêu thương đối với kẻ dễ chịu; bốn phận sợ hãi đối với kẻ mạnh; bốn phận tin cậy đối với kẻ hiểu biết.

Người ta phải thực hiện những bốn phận này; thật là bất công nếu chối bỏ chúng, và bất công khi đòi hỏi [chúng ở] những người khác. Và bởi thế là sai và bạo ngược khi nói, “Anh ta không mạnh, bởi thế tôi sẽ không quý trọng anh ta; anh ta không tài giỏi, bởi thế tôi sẽ không sợ anh ta”.

**333.** Bạn đã bao giờ thấy những người, để phàn nàn về việc bạn đánh giá họ thấp, khoe khoang với bạn những kẻ quý tộc quý trọng họ? Tôi sẽ trả lời họ về việc này, “Hãy cho tôi thấy tài cán nào của bạn khiến những người kia bị mê hoặc, lúc đó tôi cũng sẽ quý trọng bạn”.

**334.** Nguyên do của những tác động - Lòng dục và sức mạnh là ngọn nguồn của mọi hành động chúng ta; lòng dục gây ra những hành động tự ý, sức mạnh gây ra những hành động không chủ tâm.

**335.** Nguyên do của những tác động - Bởi thế là đúng khi nói rằng toàn bộ thế gian bị một ảo tưởng ám ảnh; bởi, cho dù ý kiến của dân chúng là vững chắc, họ không nhận thức được chúng, bởi họ nghĩ rằng sự thật ở nơi mà nó không hiện diện. Sự thật quả thực ở trong quan điểm của họ, nhưng không ở chỗ mà họ hình dung. Vì vậy quả đúng là chúng ta phải tôn vinh những nhà quý tộc, nhưng không phải vì dòng dõi cao quý là một ưu thế thực sự, v.v...

**336.** Nguyên do của những tác động - Chúng ta phải giữ kín suy nghĩ của mình, và phán xét mọi thứ với suy nghĩ ấy, trong khi nói giống như

mọi người.

**337.** Nguyên do của những tác động. Những mức độ. Dân tôn kính những người được sinh ra trong dòng dõi cao quý. Những kẻ học hành nửa vời coi thường họ, khi nói rằng dòng dõi xuất thân không phải là một ưu thế của cá nhân người đó mà chỉ là ưu thế ngẫu nhiên. Người học hành đầy đủ tôn kính họ, không vì những lý do được mọi người ưa thích, mà vì những lý do riêng tư. Những người mộ đạo, có nhiều lòng nhiệt thành hơn là kiến thức, xem thường họ, mặc cho cái lý do khiến họ được những người có học trân trọng, vì họ phán xét những người kia với quan niệm mới mà lòng mộ đạo ban cho họ. Nhưng những người Thiên Chúa giáo thực sự, bởi quan niệm khác và cao hơn, lại tôn kính họ. Như thế, hàng loạt những ý kiến ủng hộ và chống đối nối tiếp nhau nảy sinh, theo quan niệm của từng người.

**338.** Những người Thiên Chúa giáo thực sự, tuy thế, đồng ý làm theo đi đâu đại dột, không bởi họ coi trọng sự đại dột, mà bởi mệnh lệnh của Thiên Chúa, đáng vì muốn trừng phạt con người mà khiến họ chịu đựng những đi đâu đại dột này. *Omnis creatura subjecta est vanitati.*<sup>92</sup> *Liberabitur.*<sup>93</sup> Bởi thế, Thánh Tôma Tông đồ giải thích đoạn văn trong Thư của Thánh Giacôbê về việc nhường chỗ cho người giàu, rằng, nếu họ làm đi đâu đó không trong sự soi xét của Thiên Chúa, họ đi trệch khỏi trật tự tôn giáo.

-----

## CÁC TRIẾT GIA

**339.** Tôi có thể hình dung rõ một người không đôi tay, bàn chân, đầu (vì chỉ có kinh nghiệm dạy chúng ta rằng đầu cần thiết hơn bàn chân). Nhưng tôi không thể hình dung nổi con người không tư tưởng; anh ta hẳn chỉ là một hòn đá hoặc một con vật.

**340.** Máy tính cho ra những kết quả, tiến gần hơn tới tư tưởng hơn tất cả hành động của loài vật; nhưng nó chẳng làm được gì có thể cho thấy nó có sức mạnh ý chí giống như loài vật.

**341.** Câu chuyện cá chó và ếch ở Liancourt. Chúng luôn làm việc ấy, và không bao giờ làm khác đi, cũng không gì khác cho thấy sự chủ tâm.

**342.** Nếu một con vật làm bằng trí tuệ đi đầu mà nó làm theo bản năng, và nếu nó kêu bằng trí tuệ cái âm thanh mà nó kêu bằng bản năng, trong việc đi săn và báo cho đồng loại biết con mồi xuất hiện hay biến mất, rõ ràng nó cũng sẽ diễn đạt về những đi đầu tác động tới nó sâu hơn, như là: “Xin hãy găm cái dây này, nó làm tôi đau, và tôi không thể với tới nó.”

**343.** Con vẹt vẫn lau chùi cái mỏ của nó cho dù nó đã sạch.

**344.** Bản năng và lý trí, đặc trưng của hai bản chất.

**345.** Lý trí đi đầu khiến chúng ta độc đoán hơn nhiều so với một người thầy; bởi khi không tuân theo lý trí ta sẽ gặp rủi ro, và không vâng lời thầy chúng ta là những kẻ khờ dại.

**346.** Tư tưởng làm nên sự vĩ đại của con người.

**347.** Con người chỉ là một cây sậy, thứ yếu nhất trong thiên nhiên, nhưng đó là một cây sậy biết tư duy. Không cần thiết toàn bộ vũ trụ phải vỡ trang để nghiền nát anh ta. Hơi nước, một giọt nước cũng đủ để giết anh ta. Nhưng, nếu vũ trụ làm vậy, con người có lẽ cao quý hơn kẻ giết chết mình, bởi anh ta biết rằng anh ta chết và biết lợi thế mà vũ trụ có ưu trội hơn anh ta; còn vũ trụ chẳng biết gì về điều đó.

Toàn bộ phẩm giá của chúng ta, khi ấy, cốt ở tư tưởng. Nhờ nó chúng ta phải nâng bản thân lên, chứ không bởi không gian và thời gian mà chúng ta không thể thỏa mãn. Bởi thế, hãy nỗ lực đào sâu suy nghĩ; đây chính là gốc của tinh thần.

**348.** Một cây sậy biết suy nghĩ - Tôi phải tìm kiếm phẩm giá của mình không phải trong không gian, mà trong việc làm chủ suy nghĩ của bản thân. Tôi sẽ không có gì hơn khi có đất. Nhờ không gian, vũ trụ vây quanh và nuốt chửng tôi như một nguyên tử; nhờ tư duy tôi hiểu thế giới.

**349.** Tính phi vật chất của linh hồn - Các triết gia đã chế ngự những đam mê của họ. Loại vật chất nào có thể làm việc ấy?

**350.** Những người khắc kỷ - Họ kết luận rằng đi đâu gì một lần có thể [xảy ra] thì luôn có thể, và rằng, vì ham muốn vinh quang mang đến sức mạnh nào đó cho người sở hữu nó, nên những người khác có thể làm giống như vậy. Có những chuyển động sôi nổi mà sức khỏe không thể phỏng theo.

Epíktētos<sup>94</sup> kết luận rằng, bởi có những người Thiên Chúa giáo kiên định, nên mọi người có thể như thế một cách dễ dàng.

**351.** Những nỗ lực lớn lao này của tinh thần, đôi khi tâm trí đạt tới, là những gì mà nó không nắm giữ được. Nó chỉ nắm bắt chúng, không như nắm lấy ngai vàng, mãi mãi, mà chỉ trong chốc lát.

**352.** Sức mạnh của đức hạnh con người hẳn không phải được đo lường

bởi những cố gắng, mà qua đời sống bình thường của anh ta.

**353.** Tôi không ngưỡng mộ sự vượt trội của một đức tính như của lòng dũng cảm, trừ phi tôi thấy đồng thời sự vượt trội của đức tính đối lập, như ở tướng Epameinondas, người có lòng dũng cảm vô song và lòng tốt vô cùng. Bởi nếu không, đó là đi xuống chứ không đi lên. Người ta không cho thấy sự vĩ đại của mình bằng cách đi tới một thái cực, mà phải bằng cách đạt tới cả hai cùng lúc, và thỏa mãn mọi khoảng giữa hai thái cực này. Nhưng có lẽ đó chỉ là một chuyển động bất chợt của tâm trí từ thái cực này đến thái cực khác, và trong thực tế nó bao giờ cũng ở chỉ một điểm, như trong trường hợp của thanh củi đang cháy. Vậy đấy, nhưng đi đâu này, nếu không cho thấy sự mở rộng của tâm trí, thì chí ít nó cũng chỉ ra tính linh hoạt.

**354.** Bản chất con người không phải lúc nào cũng tiến lên; nó có cả những bước tiến và bước thoái.

Sốt có cơn lạnh và cơn nóng. Và cơn lạnh cũng như cơn nóng đều cho thấy rõ độ dữ dội của ngọn lửa sốt.

Những phát hiện của con người từ thời đại này sang thời đại khác đều giống nhau. Lòng tốt và ác tâm của con người nói chung vẫn thế.

*Plerumque gratae principibus vices.*<sup>95</sup>

**355.** Hùng biện liên tục gây mệt mỏi.

Các vương hầu và vua chúa thỉnh thoảng vui chơi. Họ không liên tục ngẩng trên ngai vàng của mình. Họ thấy mệt mỏi ở đó. Ngôi cao cần được bỏ lại để được đánh giá cao. Tính liên tục trong mọi việc gây khó chịu. Lạnh là dễ chịu để ta sưởi ấm.

Thiên nhiên hoạt động theo tiến trình, *itus et reditus* [đến và đi]. Nó đi và trở lại, rồi tiến xa hơn, rồi lui gấp đôi về phía sau, rồi tiến lên phía

trước hơn bao giờ hết...

Mực nước biển cũng theo cách đó; và mặt trời có vẻ cũng trong chiều hướng như thế.

**356.** Sự nuôi dưỡng cơ thể là từng chút một. Về tràn trề của thức ăn và tính nhỏ bé của thực chất.

**357.** Khi chúng ta theo đuổi những đức hạnh đến cực điểm của chúng ở một trong hai bên, những thói hư tật xấu xuất hiện, lên tới đó lúc nào không biết, trong hành trình không thể cảm thấy được của chúng hướng đến cái vô cùng nhỏ; và những thói xấu xuất hiện trong một đám đông hướng đến cái vô cùng lớn, cốt để chúng ta đánh mất mình trong chúng và không còn nhìn thấy những đức hạnh nữa. Chúng ta chê trách chính sự hoàn hảo.

**358.** Con người không phải thiên thần cũng không là cặn thú, và thực không may là những người vốn có thể hành động như thiên thần lại hành động như cặn thú.

**359.** Chúng ta không giữ vững bản thân trong đức hạnh nhờ sức mạnh của riêng mình, mà nhờ sự cân bằng của hai nét xấu đối lập, giống như chúng ta vẫn đứng vững giữa hai cơn gió ngược chiều. Từ bỏ một trong hai nét xấu, chúng ta rơi vào cái còn lại.

**360.** Thứ mà những người khắc kỷ đề ra thì quá khó và thực hao huyền.

Những người khắc kỷ tuyên bố: Tất cả những ai không đạt tới mức độ khôn ngoan lớn đầu ngu dốt và đễ bại, như những người chìm dưới mặt nước năm phen.

**361.** Cái tối hảo. Tranh cãi về cái tối hảo. - *Ut sis contentus temetipso et ex te nascentibus bonis.*<sup>96</sup> Có một mâu thuẫn, vì cuối cùng họ khuyên tự

sát. Ồ! Thật là một cuộc sống hạnh phúc, chúng ta sẽ giải phóng mình khỏi nó như khỏi tai ương!

**362.** *Ex senatus-consultis et plebiscitis...*

Hỏi về những đoạn văn tương tự.

**363.** *Ex senatus-consultis et plebiscitis scelera exercentur.*<sup>97</sup> Seneca.  
588.

*Nihil tam absurde dici potest quod non dicatur ab aliquo philosophorum.*<sup>98</sup>

*Quibusdam destinatis sententiis consecrati quae non probant coguntur defendere.*<sup>99</sup>

*Ut omnium rerum sic litterarum quoque intemperantia laboramus.*<sup>100</sup>

*Id maxime quemque decet, quod est cujusque suum maxime.*<sup>101</sup>

*Hos natura modos primum dedit.*<sup>102</sup>

*Paucis opus est litteris ad bonam mentem.*<sup>103</sup>

*Si quando turpe non sit, tamen non est non turpe quum id a multitudine laudetur.*<sup>104</sup>

*Mihi sic usus est, tibi ut opus est facto, fac.*<sup>105</sup>

**364.** *Rarum est enim ut satis se quisque vereatur.*<sup>106</sup>

*Tot circa unum caput tumultuantes deos.*<sup>107</sup>

*Nihil turpius quam cogitationi assertionem praecurrere.*<sup>108</sup>

*Nec me pudet, ut istos, fateri nescire quid nesciam.*<sup>109</sup>

*Melius non incipient.*<sup>110</sup>

**365.** Tư tưởng - Mọi phẩm giá của con người cốt ở tư tưởng. Tư tưởng, bởi thế, tự bản chất là một đi đầu gì đó tuyệt vời và vô song. Hẳn nó phải có những khiếm khuyết kỳ lạ để bị xem thường. Nhưng nó có những khiếm khuyết như thế, đến mức chẳng gì nực cười hơn. Nó lớn lao biết bao tự bản chất của nó! Nó tầm thường biết nhường nào bởi những khiếm khuyết của nó!

Nhưng tư tưởng này là cái gì? Nó xuẩn ngốc thế nào?

**366.** Tinh thần của người phân xử tối cao này của thế gian không độc lập đến độ không có khả năng bị xáo trộn bởi cảnh huyên náo đầu tiên chung quanh nó. Không cần tới âm thanh của một khẩu pháo để cản trở những suy nghĩ của nó; chỉ cần tiếng cọt kẹt của chong chóng gió hình con gà hay của chiếc ròng rọc. Đừng ngạc nhiên nếu lúc này nó lập luận không tốt, một con ruồi đang kêu vo vo trong tai nó: Thế đã là đủ để khiến nó không thể có được phán xét tốt. Nếu bạn mong nó có thể tìm ra sự thật, hãy xua đuổi con vật kìm hãm lý trí của nó và quấy rầy cái trí tuệ mạnh mẽ vốn cai trị những thị trấn và các vương quốc. Đây chính là một vị thần hài hước. *O ridicolosissimo eroe!*

**367.** Sức mạnh của những con ruồi; chúng thắng những trận chiến,<sup>111</sup> cản trở tâm trí chúng ta hành động, ăn mòn cơ thể chúng ta.

**368.** Khi người ta nói rằng nhiệt chỉ là những chuyển động của một số phân tử nào đó, và ánh sáng, *conatus recedendi*,<sup>112</sup> thứ chúng ta cảm thấy, đi đầu này làm chúng ta kinh ngạc. Cái gì thế! Rằng niềm vui chẳng là gì khác bản ba-lê của tinh thần? Chúng ta đã hình dung ra một ý tưởng quá

khác về nó! Và những cảm giác này với chúng ta có vẻ quá xa với những cảm giác kia mà chúng ta nói là giống với những cảm giác mà ta so sánh, cảm giác từ ngọn lửa, hơi ấm này tác động tới chúng ta theo cách hoàn toàn khác với khi chạm vào, sự thấu nhận âm thanh và ánh sáng, tất cả đi đều này dường như bí hiểm với chúng ta, mà trong khi đi đều này cụ thể như một cú ném đá. Quả đúng là sự bé nhỏ của tinh thần, đi vào những lỗ chân lông chạm đến những dây thần kinh khác, nhưng luôn có những dây thần kinh bị chạm vào.

**369.** Ký ức cần thiết cho mọi hoạt động của lý trí.

**370.** Tính ngẫu nhiên đưa đến những suy nghĩ, và tính ngẫu nhiên loại bỏ chúng đi; không tài khéo léo nào có thể giữ hay thu được nó.

Một suy nghĩ lẫn trốn khỏi tôi và tôi muốn ghi lại nó. Thay vì thế tôi ghi lại rằng nó đã lẫn trốn tôi.

**371.** Khi còn nhỏ, tôi ôm cuốn sách của mình; và vì thỉnh thoảng xảy đến với tôi... khi tin là mình đã ôm nó, tôi nghi ngờ...

**372.** Khi viết ra suy nghĩ của mình, nó đôi khi lẫn trốn tôi; nhưng đi đều này khiến tôi nhớ tới điểm yếu của mình, rằng tôi luôn luôn quên. Đi đều này cũng có ý nghĩa với tôi y như suy nghĩ đã bị lãng quên của tôi; vì tôi chỉ cố nhận biết cái hư không của mình.

**373.** Chủ nghĩa hoài nghi - Tôi sẽ viết ra ở đây những suy nghĩ của mình không theo trật tự, và có lẽ không phải do sự bối rối vô ý. Đó là trật tự thực sự và sẽ luôn cho thấy mục đích của tôi bởi chính sự phỉ trật tự ấy. Tôi hẳn ban cho chủ đề của mình quá nhiều vinh dự, nếu trình bày nó theo trật tự; bởi tôi muốn chỉ ra rằng nó không có khả năng về việc đó.

**374.** Đi đều làm tôi ngạc nhiên nhất là thấy thế gian không ngạc nhiên về điểm yếu của mình. Con người hành động nghiêm túc, và mỗi người theo

hoàn cảnh riêng, không phải bởi vì trong thực tế việc theo hoàn cảnh riêng ấy là tốt do đó là tập quán, mà như thế mỗi người biết chắc chắn lẽ phải và công lý ở đâu. Người ta thấy bản thân mình liên tục bị lừa dối, và, do một sự khiêm nhường nực cười, họ nghĩ rằng đó là khiếm khuyết của mình và không phải khiếm khuyết của khả năng mà họ luôn tuyên bố mình có. Nhưng thực hay là có nhiều người như vậy trên thế gian, những người không hoài nghi bởi vinh quang của chủ nghĩa hoài nghi, để cho thấy con người rất có khả năng về những ý kiến nông cuồng nhất, bởi anh ta có khả năng tin rằng mình không ở trong sự yếu kém tự nhiên và không thể tránh khỏi, và tin rằng, ngược lại, anh ta ở trong sự khôn ngoan tự nhiên.

Không gì củng cố chủ nghĩa hoài nghi hơn việc có những người không hoài nghi. Nếu tất cả đều là vậy, họ hẳn đã sai.

**375.** Tôi qua phần lớn cuộc đời mình cùng với việc tin rằng đã có công lý, và tôi đã không nhầm về điều này; bởi có công lý theo cách Thiên Chúa đã muốn tỏ rõ cho chúng ta. Nhưng tôi đã không xem là như thế, và đó chính là điều tôi lầm lẫn; vì tôi tin rằng công lý của chúng ta về bản chất là công bằng, và tôi đã có thứ qua đó để biết và đánh giá về điều đó. Nhưng tôi biết bao lần thấy nhận xét có lý của mình sai, để cuối cùng dẫn tới việc tôi không tin vào bản thân và sau đó là [không tin] những người khác. Tôi đã thấy những thay đổi ở khắp các quốc gia và con người, và vì thế, sau nhiều việc thay đổi nhận xét đối với công lý thực sự, tôi nhận ra rằng bản chất của chúng ta chính ở những thay đổi liên tục, và tôi không thay đổi từ đó; và nếu tôi thay đổi, tôi sẽ khẳng định ý kiến của mình.

Triết gia hoài nghi Arkesílaos [*Pháp*, Acrésilas; *Anh*, Arcesilaus] lại trở thành một người giáo điều.

**376.** Môn phái này nhận được sức mạnh từ những kẻ thù nhiều hơn là từ những người bạn của nó; bởi sự yếu kém của con người ở những người

không biết đi đâu đó thì rõ ràng hơn nhiều so với những người biết sự yếu kém ấy.

**377.** Những diễn văn về sự khiêm nhường là một ngu ồn kiêu ngạo ở những kẻ tự phụ và ngu ồn khiêm nhường ở những người khiêm tốn. Vì thế, những diễn văn về chủ nghĩa hoài nghi khiến những tín đồ khẳng định. Rất ít người nói về khiêm nhường một cách khiêm tốn, về sự giản dị một cách giản dị, về chủ nghĩa hoài nghi một cách nghi ngờ. Chúng ta chỉ là những kẻ giả dối, hai mặt, mâu thuẫn; chúng ta che giấu và ngụy trang bản thân với chính mình.

**378.** Chủ nghĩa hoài nghi - Sự thừa, cũng như sự thiếu về mặt hiểu biết đầu bị quy kết là chứng điên. Chẳng có gì tốt ngoài tính trung dung. Đa số đã quen với lối suy nghĩ như thế và xét thấy, người nào rời khỏi sự trung dung ấy về phía bất cứ thái cực nào, đều sai. Tôi sẽ không phản đối đi đâu này. Tôi thực sự hài lòng khi đặt mình ở trạng thái trung dung ấy, và từ chối ở thái cực thấp, không bởi nó thấp, mà bởi nó là một thái cực; và bởi tôi cũng sẽ không chấp nhận việc người ta đặt tôi lên hàng đầu. Chính vì, ra khỏi sự trung dung là rời bỏ nhân tình. Cái vĩ đại nhất của tâm hồn con người cốt ở việc biết bằng cách nào duy trì trạng thái ấy. Sự vĩ đại không hề cốt ở việc từ bỏ sự trung dung, mà cốt ở việc không từ bỏ nó.

**379.** Thật không tốt khi có quá nhiều tự do. Thật không tốt khi có mọi thứ mình muốn.

**380.** Mọi châm ngôn cao đẹp đều ở nơi thế gian; người ta chỉ cần áp dụng chúng. Ví dụ, người ta không nghi ngờ việc phải mạo hiểm cuộc sống bản thân trong việc bảo vệ lợi ích chung; nhưng vì tôn giáo thì không.

Sự thật là, chắc chắn có sự bất bình đẳng giữa người với người; nhưng nếu đi đâu này được thừa nhận, đó chính là cánh cửa mở ra với không chỉ quyền lực cao nhất, mà còn cả với sự chuyên chế lớn nhất.

Để tâm trí thư giãn một chút là việc cần thiết; nhưng việc này mở cánh cửa đến với sự phóng đảng lớn nhất. Hãy đánh dấu những giới hạn. Không có những giới hạn trong sự việc. Luật lệ muốn đặt ra những giới hạn, và tâm trí không thể chịu nổi đi ều đó.

**381.** Khi quá trẻ, người ta không xét đoán tốt, quá già cũng thế. Nếu không suy nghĩ đủ, hay nghĩ quá nhiều, về đi ều gì, người ta sẽ trở nên bướng bỉnh và mê đắm với việc đó. Nếu đánh giá công trình của mình ngay khi hoàn thành, người đó hoàn toàn thấ m đắm sự thiên vị dành cho nó; còn nếu để lại quá lâu, người ta có thể không thấ m nhập được vào tinh thần của nó nữa. Cũng thế với những bức tranh được nhìn từ quá xa hoặc quá gần. Và chỉ có một điểm chính xác là vị trí thực sự để quan sát. Những điểm còn lại đều quá gần, quá xa, quá cao, quá thấp. Phối cảnh xác định điểm này trong nghệ thuật hội họa. Nhưng cái gì sẽ quyết định điểm này trong lẽ phải và đạo đức?

**382.** Khi tất cả cùng bị rung chuyển như nhau, chẳng gì có vẻ bị rung chuyển, như trên một con tàu. Khi tất cả hướng tới sự phóng đảng, có vẻ chẳng ai làm như vậy. Người nào dừng lại sẽ tạo chú ý đến sự thái quá của những người khác, như một điểm cố định.

**383.** Những ai [sống] trong sự phóng túng nói với những người sống trong khuôn khổ rằng chính những người này rời xa con đường tự nhiên, trong khi bản thân họ mới là người theo con đường đó; giống như những người trên một con tàu tin rằng những người ở trên bờ đang lướt đi. Ngôn ngữ như nhau xét trên mọi góc độ. Phải có một điểm cố định để đưa ra nhận xét. Bến cảng xác định ai là người đang ở trên một con tàu; nhưng chúng ta sẽ tìm thấy một bến cảng trong đạo đức ở đâu?

**384.** Mâu thuẫn là dấu hiệu t ối tệ của chân lý. Nhiều đi ều vốn chắc chắn lại mâu thuẫn nhau. Nhiều đi ều giả dối lại được chấp nhận không

chút tranh cãi. Mâu thuẫn không phải là dấu hiệu của sự giả dối, mà thiếu vắng mâu thuẫn cũng không phải là dấu hiệu của sự thật.

**385.** Chủ nghĩa hoài nghi - Mỗi đi đâu ở đây đâu đúng một phần và sai một phần. Sự thật cốt tủy không phải vậy, mà hoàn toàn trọn vẹn và chân thực. Sự pha tạp này làm ô danh và thủ tiêu nó. Không gì đúng trọn vẹn, và như thế không có gì là đúng, khi hiểu theo nghĩa của sự thật trọn vẹn ấy. Người ta sẽ nói rằng việc giết người là sai. Đúng; bởi chúng ta nhận thức rõ cái đúng và cái sai. Nhưng người ta sẽ nói gì về cái tốt? Sự trinh bạch? Tôi nói không; vì thế giới sẽ kết thúc. Hôn nhân? Không; sự tiết dục là tốt hơn. Đừng sát hại? Không; bởi tình trạng vô luật pháp thì thực khủng khiếp, và kẻ xấu xa sẽ giết người tốt. Cứ sát hại? Không; bởi việc đó sẽ hủy hoại thiên nhiên. Chúng ta chỉ có một phân sự thật hay cái tốt, và bị pha trộn với sự dối trá và cái ác.

**386.** Nếu hằng đêm chúng ta mơ thấy cùng một thứ, hẳn nó ảnh hưởng đến chúng ta nhiều như những đối tượng chúng ta nhìn thấy hàng ngày. Và nếu một người thợ thủ công tin chắc hằng đêm, trong suốt 12 giờ, mơ thấy mình là một vị vua, tôi tin rằng anh ta hẳn sẽ hạnh phúc như một vị vua, người mà hằng đêm, trong suốt 12 giờ, mơ thấy mình là một người thợ thủ công.

Nếu chúng ta mơ hằng đêm thấy mình bị kẻ thù truy đuổi và bị những bóng ma đau đớn quấy rầy, hoặc hàng ngày trải qua nhiều công việc khác nhau, như thực hiện một chuyến du lịch, chúng ta hẳn chịu khổ nhiều như thế đi đâu đó là có thực, và sẽ sợ ngủ, vì ta sợ tỉnh dậy khi chúng ta trong thực tế sợ phải bước vào những đi đâu bất hạnh như thế. Và, quả thực, đi đâu đó gần như gây ra những khó chịu y hệt thực tại.

Nhưng bởi những giấc mơ hoàn toàn khác nhau, và mỗi giấc mơ lại có nhiều sắc thái, thứ chúng ta nhìn thấy trong những giấc mơ đó gây ảnh

hưởng ít hơn nhiều so với thứ chúng ta thấy khi tỉnh dậy, vì tính liên tục của nó, dầu sao, cũng không quá liên tục và đều đều đến mức không thay đổi, nhưng nó thay đổi ít đột ngột, ngoại trừ hiếm khi, như lúc chúng ta du lịch, và khi ấy ta nói, “Dường như tôi đang mơ”. Bởi đời sống là một giấc mơ, một giấc mơ ít biến động hơn một chút.

**387.** Có thể chỉ ra rằng [trên đời này] có những sự chứng minh thực sự; nhưng đi đâu này không chắc chắn. Như thế, việc này không chứng minh đi đâu gì khác ngoài ý thức không chắc chắn rằng tất cả đều không chắc chắn, với vinh quang cho chủ nghĩa hoài nghi.

**388.** Lẽ thường tình - Họ bị buộc phải nói, “Bạn không hề hành động trong đức tin tốt; chúng ta không ngủ”... Tôi thích nhìn thấy lý trí kiêu ngạo này bị hạ thấp và đẩy về khải nài biết bao! Bởi đây không phải là ngôn ngữ của một người mà quyền của anh ta bị bàn cãi, và người bảo vệ nó với sức mạnh của bàn tay có võ trang. Anh ta không đủ điên rồ để nói rằng con người không hề hành động trong đức tin tốt, nhưng anh ta trừng phạt đức tin t ỏi này bằng sức mạnh.

**389.** Sách Giảng viên chỉ ra rằng con người không Thiên Chúa thì chìm trong vô tri hoàn toàn và trong sự đau khổ không thể tránh khỏi. Vì quả thực bất hạnh khi có mong ước nhưng không có khả năng. Giờ anh ta có thể hạnh phúc và được đảm bảo về sự thật nào đó, thế nhưng anh ta không thể biết và cũng không có mong muốn biết. Ngay cả nghi ngờ, anh ta cũng không thể.<sup>113</sup>

**390.** Lạy Chúa tôi sao lại có những lời xuẩn ngốc thế này: “Phải chăng Thiên Chúa tạo ra thế giới để nguyền rủa nó? Liệu Ngài có đòi hỏi quá nhiều từ những con người yếu đuối đến thế không?”... Chủ nghĩa hoài nghi là phương thuốc cho đi đâu xấu xa này, và sẽ khiến cho sự hợm mình này hạ xuống.

**391.** Đối thoại - Những từ to tát: Tôn giáo, Tôi chối bỏ nó.

Đối thoại - Chủ nghĩa hoài nghi có ích với tôn giáo.

**392.** Chống chủ nghĩa hoài nghi - (... Như thế, thật là một điếu kỳ lạ khi chúng ta không thể định nghĩa những thứ này mà không khiến chúng trở nên khó hiểu, trong khi chúng ta cứ nói về chúng suốt.) Chúng ta giả định rằng ai cũng nhận thức về chúng theo cùng một cách. Nhưng chúng ta giả định điếu đó vô cớ, bởi chẳng có bằng chứng nào về nó. Tôi nhìn thấy rõ, người ta sử dụng những từ này trong cùng những trường hợp, và rằng mỗi khi hai người nhìn một vật thể dịch chuyển, cả hai người diễn đạt cái nhìn của họ về cùng một thực tế với cùng từ ngữ, khi người này và người kia nói rằng vật thể ấy vừa di chuyển, và từ sự tương đồng trong việc áp dụng này ta rút ra được một sự tin chắc mạnh mẽ về một sự tương đồng ý tưởng. Nhưng điếu này không hoàn toàn thuyết phục về sự tin chắc đó, tuy rằng ta rất nên đặt cược vào sự khẳng định, bởi chúng ta biết rằng chúng ta thường rút ra cùng những kết luận từ những điếu đề khác nhau.

Điếu này đủ để, chí ít, làm vấn đề trở nên khó hiểu; không phải điếu này dập tắt hoàn toàn ánh sáng tự nhiên, vốn đảm bảo cho chúng ta về những sự vụ ấy. Những nhà kinh viện<sup>114</sup> (académiciens) sẽ thắng. Nhưng điếu này làm mờ đi vấn đề và làm bối rối những người giáo điếu, đem vinh quang về cho cộng đồng hoài nghi vốn cốt ở sự mơ hồ đầy ngờ vực này, và trong một sự mập mờ đầy nghi hoặc nào đó mà từ đó những mối nghi ngờ của chúng ta không thể tước đi mọi sự rõ ràng, cũng như những ánh sáng tự nhiên của chúng ta không thể xua đi toàn bộ bóng tối.

**393.** Có một điếu nực cười đáng xem xét là, trên thế gian có những người, sau khi từ bỏ mọi luật của Thiên Chúa và thiên nhiên, đã thiết lập cho mình những luật lệ riêng mà họ tuân theo một cách nghiêm cần, như ví dụ về những chiến binh của Mahomet, v.v.v..., những tên trộm, những kẻ

dị giáo, v.v.v..., cũng như những nhà lý luận học. Dường như sự phóng túng của họ không có bất cứ giới hạn hay rào cản nào, khi ta thấy rằng họ đã vượt qua biết bao điểu rất mực hợp lẽ và thiên liêng như vậy.

**394.** Mọi nguyên lý của những người hoài nghi, những người khắc kỷ, những người vô thần... đều đúng. Nhưng những kết luận của họ lại sai, bởi những nguyên lý ngược lại với chúng cũng đúng.

**395.** Bản năng, lý trí - Chúng ta có một sự bất lực trong việc chứng minh, toàn bộ chủ nghĩa giáo điểu không thể vượt qua. Chúng ta có một ý tưởng về sự thật, toàn bộ chủ nghĩa hoài nghi không thể đánh đổ.

**396.** Có hai thứ cho con người thấy về toàn bộ bản chất của mình: bản năng và kinh nghiệm.

**397.** Tầm vóc của con người đạt tới sự vĩ đại khi anh ta biết bản thân đáng thương. Một cái cây không biết nó đáng thương. Bởi thế thực đáng thương khi biết bản thân đáng thương, nhưng cũng thực vĩ đại khi biết mình đáng thương.

**398.** Tất cả những nỗi đáng thương giống nhau này cho thấy tầm vóc của con người. Đó là những nỗi đáng thương của một lãnh chúa vĩ đại, của một vị vua bị phê truất.

**399.** Chúng ta không đáng thương nếu không cảm thấy nó. Một ngôi nhà đổ nát không đáng thương. Chỉ con người mới đáng thương. *Egor vir sidens.*<sup>115</sup>

**400.** Sự vĩ đại của con người - Chúng ta có một ý tưởng rất lớn lao về tâm hồn con người đến nỗi chúng ta không thể chịu đựng được cảnh bị khinh bỉ, hoặc cảnh không được ai quý mến cả. Và toàn bộ niềm hạnh phúc lớn lao của con người cốt ở sự mến chuộng này.

**401.** Vinh quang - Những con vật không ngưỡng mộ lẫn nhau. Một con ngựa không ngưỡng mộ bạn nó. Đó không phải việc không có sự ganh đua giữa chúng trên đường đua, mà đi đầu đó không quan trọng; bởi, khi trong chuồng ngựa, con nặng cân nhất và con ốm yếu nhất không nhường lại phần yến mạch của nó cho con khác, như nhiều người muốn người khác làm cho họ. Đức hạnh của họ hài lòng với chính bản thân nó.

**402.** Sự vĩ đại của con người thậm chí ở lòng dục của anh ta, khi biết bằng cách nào từ nó rút ra một quy tắc tuyệt vời, và từ nó vẽ nên một bức tranh về lòng nhân từ.

**403.** Sự vĩ đại - Các nguyên do của những tác động cho thấy sự vĩ đại của con người, trong việc rút ra được một trật tự rất hợp lý từ lòng dục.

**404.** Sự thấp kém lớn nhất của con người là việc tìm kiếm vinh quang, nhưng đó lại chính là biểu hiện lớn nhất cho sự xuất sắc của họ; vì bất cứ sự sở hữu nào mà họ có thể có trên thế gian, bất cứ sức khỏe và tiện nghi thiết yếu nào, họ đều không thỏa mãn nếu không có được sự trọng vọng của người khác. Họ đánh giá lý trí con người cao đến độ, bất cứ lợi thế nào mà họ có thể có được trên thế gian, nếu không được đề cao trong lý trí con người, họ đều không hài lòng. Đó chính là vị trí tuyệt nhất trên thế gian. Không gì khiến họ quay lưng với niềm khát khao đó, và đó chính là đặc tính khó gột sạch nhất trong trái tim con người.

Và những kẻ xem thường con người nhất, và đặt họ ngang tầm với những con vật, vẫn muốn được con người ngưỡng mộ và tin tưởng, và mâu thuẫn với chính mình vì những cảm nghĩ riêng; bản chất của họ, vốn mạnh hơn tất cả, thuyết phục họ về sự vĩ đại của con người mạnh mẽ hơn lý trí thuyết phục họ về sự thấp hèn của họ.

**405.** Mâu thuẫn - Sự kiêu hãnh đối trọng với mọi đau khổ. Con người hoặc che giấu những đau khổ của mình, hoặc, nếu anh ta phát hiện ra

chúng, thì tự hào khi biết chúng.

**406.** Sự kiêu hãnh đối trọng và mang đi mọi đau khổ. Đây là một điếu dị thường, và là một sự lằm lặc rõ ràng. Anh ta bị rơi khỏi địa vị của mình và lo lắng tìm kiếm lại nó. Đây là việc mà mọi người đều làm. Hãy xem ai sẽ tìm thấy nó.

**407.** Khi ác tâm có lý lẽ đứng về phía của nó, nó trở nên tự cao và phô bày lý lẽ trong toàn bộ vẻ huy hoàng của nó. Khi sự khắc khổ hay sự chọn lựa nghiêm khắc không đạt tới cái tốt đẹp thực sự và nhất thiết phải quay lại đi theo tự nhiên, nó trở nên kiêu ngạo bởi việc quay lại này.

**408.** Cái xấu thực dễ dàng và có vô vàn hình thức; cái tốt gần như duy nhất.<sup>116</sup> Nhưng có kiểu xấu nào đó cũng khó tìm thấy như cái chúng ta gọi là tốt; và thường vì lý do này mà người ta chấp nhận cái xấu cụ thể đó như là cái tốt. Thậm chí phải có một tâm hồn lớn lao phi thường mới đạt tới cái xấu cụ thể đó như đạt tới cái tốt.

**409.** Sự vĩ đại của con người - Sự vĩ đại của con người rõ rệt đến nỗi người ta có thể thấy nó xuất phát từ chính sự khốn khổ của con người, bởi những điếu ở loài vật là tự nhiên thì chúng ta gọi là sự khốn khổ ở con người, qua đó chúng ta nhận ra rằng, bản chất con người giờ đây giống với bản chất loài vật, anh ta đã rơi khỏi một bản chất tốt hơn vốn trước kia là của anh ta.

Bởi ai thấy bất hạnh khi mình không là vua, nếu không phải là một vị vua bị phế truất? Người ta liệu có thấy Aemilius Paullus [Pháp, Paul Émile] khốn khổ khi không còn là quan chấp chính? Ngược lại, mọi người đều nghĩ ông ta hạnh phúc khi là quan chấp chính, vì ông ta không thể giữ địa vị đó mãi. Nhưng người ta thấy Perseús [*Pháp, Pensée*] vô cùng bất hạnh khi không còn là vua nữa, bởi địa vị của ông ta ngụ ý rằng ông ta mãi

là vua, đến độ người ta thấy thật kỳ lạ khi ông ta cam chịu cuộc sống. Ai đau khổ khi chỉ có một cái miệng và ai không đau khổ khi chỉ có một con mắt? Có lẽ không người nào từng dám nghĩ tới việc than khóc vì mình không có ba con mắt, nhưng khó mà khuây khoả khi chẳng có con mắt nào.

**410.** Perseús, Vua Makedonía [*Pháp*, Macédoine; *Anh*, Macedonia] - Aemilius Paullus trách Perseús vì không tự sát.

**411.** Mặc dù thấy mọi đau khổ, vốn đè nặng xuống và xiết cổ chúng ta, chúng ta vẫn có một bản năng mà chúng ta không thể kiềm chế và chính nó nâng chúng ta lên cao.

**412.** Cuộc chiến bên trong con người giữa lý trí và những đam mê.

Nếu anh ta chỉ có lý trí mà không có những đam mê.

Nếu anh ta chỉ có những đam mê mà không có lý trí.

Nhưng khi có cả cái này và cái kia, anh ta không thể không có sự xung đột, không thể có hòa bình với cái này mà không có chiến tranh với cái kia. Bởi vậy, anh ta luôn bị chia rẽ và đối nghịch với bản thân mình.

**413.** Cuộc chiến bên trong này của lý trí chống lại những đam mê đã khiến cho những người mong muốn hòa bình bị phân chia thành hai phái. Phái thứ nhất có thể từ bỏ những đam mê của bản thân và trở thành những vị thần; phái kia từ bỏ lý trí để trở thành dã thú. (Des Barreaux<sup>117</sup>). Nhưng chẳng ai từng làm được vậy, lý trí vẫn luôn có mặt ở đó để lên án sự đê tiện và bất công của những đam mê và nó quấy nhiễu sự yên tĩnh của những người chìm vào những đam mê ấy; còn những đam mê luôn náo nhiệt bên trong những người muốn từ bỏ chúng.

**414.** Con người nhất thiết phải điên đến một mức mà ở đó tình trạng không điên rồi cuộc cũng trở thành một hình thức khác của chứng điên

loạn.

**415.** Bản chất của con người có thể được nhìn nhận theo hai cách: một là theo mục đích cuối cùng của nó, và khi ấy anh ta vĩ đại và vô song; hai là theo tính số đông, như chúng ta xem xét bản chất của ngựa và chó theo số đông của chúng, với tính chất đại chúng, qua việc thấy tính mau chóng của nó, *et animum arcendi*; <sup>118</sup> và khi ấy con người thấp hèn và không có giá trị. Đó chính là hai cách giúp chúng ta nhìn nhận con người khác nhau và gây ra bao tranh cãi giữa các triết gia. Bởi bên này phủ nhận các giả định của bên kia. Một người nói, “Anh ta không được sinh ra cho mục đích này, bởi mọi hành động của anh ta mâu thuẫn với nó”. Người khác nói, “Anh ta bỏ lại mục đích của mình, khi anh ta làm những hành động đê tiện này.”

**416.** Vì Port-Royal. <sup>119</sup> Sự vĩ đại và sự khốn khổ - Sự khốn khổ được rút ra từ sự vĩ đại, và sự vĩ đại được rút ra từ sự khốn khổ, một số người kết luận về sự khốn khổ của con người hơn bao giờ hết vì họ đã lấy sự vĩ đại làm bằng chứng cho đi đầu đó, và những người khác kết luận về sự vĩ đại càng mạnh hơn thế, vì họ đã suy ra từ sự đau khổ của mình. Đi đầu mà bên này có thể nói để chỉ ra sự vĩ đại của mình thì chỉ là một luận điểm về sự khốn khổ của họ đối với bên kia, vì ngã từ chỗ càng cao, chúng ta càng đau khổ, và bên kia thì ngược lại. Bên này được đưa trở lại bên kia trong vòng tròn bất tận, trong khi chắc chắn rằng, người càng có sự thông sáng, họ càng nhận thấy cả sự vĩ đại lẫn sự khốn khổ của con người. Tóm lại, con người biết rằng mình khốn khổ. Bởi thế, con người khốn khổ, vì anh ta là như thế, nhưng anh ta thực sự vĩ đại vì anh ta biết đi đầu đó.

**417.** Bản chất kép của con người quá rõ rệt đến mức một vài người đã nghĩ rằng chúng ta có hai linh hồn. Một chủ đề đơn giản dường như với họ không thể biến đổi đột ngột như thế, từ một giả thiết quá lớn đến một sự buồn nản đáng sợ của trái tim.

**418.** Thật nguy hiểm khi khiến con người thấy một cách quá rõ ràng sự bình đẳng của anh ta với những con thú mà không chỉ cho anh ta thấy sự vĩ đại của mình. Cũng nguy hiểm khi khiến anh ta thấy sự vĩ đại của mình quá hiển nhiên mà không thấy sự thấp kém của anh ta. Còn nguy hiểm hơn nữa khi để anh ta trong sự thiếu hiểu biết về cả hai. Nhưng có rất nhiều lợi ích khi chỉ cho anh ta thấy cả hai. Con người không được nghĩ rằng anh ta ở cùng đẳng cấp với những con thú hay với những thiên thần, cũng không được mù tịt về cả mặt này và mặt kia, mà phải biết cả hai.

**419.** Tôi sẽ không chịu đựng nổi việc con người phụ thuộc vào chính anh ta, hay bất cứ ai khác, để cuối cùng không có chỗ nghỉ và cũng không có sự nghỉ ngơi.

**420.** Nếu anh ta khen ngợi bản thân, tôi hạ thấp anh ta; nếu anh ta hạ thấp bản thân, tôi khen ngợi anh ta; và tôi luôn mâu thuẫn với anh ta, cho đến khi anh ta hiểu rằng mình là một con quái vật không thể hiểu nổi.

**421.** Tôi trách cứ như nhau cho những ai chọn cách ca ngợi con người, những ai chọn cách trách cứ anh ta, và những ai chọn cách phỉn phờ chính mình; và tôi có thể chỉ chấp nhận những ai tìm kiếm với sự than khóc.

**422.** Thật là tốt khi mệt mỏi và chán nản vì sự tìm kiếm vô ích đi đâu tốt thực sự, để chúng ta có thể đưa tay mình tới Chúa Cứu thế.

**423.** Những Sự đối nghịch. Sau khi chỉ ra sự thấp hèn và sự vĩ đại của con người - Hãy để con người biết giá trị của mình. Hãy để anh ta yêu bản thân mình, bởi vì bên trong anh ta có một bản chất có thể đạt tới cái tốt; nhưng đừng để anh ta vì lý do này mà yêu sự thấp hèn bên trong mình. Hãy để anh ta coi thường bản thân, vì khả năng này không đem lại kết quả; nhưng đừng để anh ta bởi thế mà coi thường khả năng tự nhiên này của mình. Hãy để anh ta ghét bản thân mình, hãy để anh ta yêu bản thân mình; ở bên trong anh ta có khả năng biết sự thật và trở nên hạnh phúc, nhưng

anh ta chẳng sở hữu chân lý nào, hoặc bất biến, hoặc thỏa đáng.

Tôi khi ấy dẫn anh ta đến với ham muốn tìm kiếm sự thật; để được giải phóng khỏi những ham mê, và sẵn sàng theo sự thật nơi anh ta có thể tìm thấy nó, khi biết rằng nhận thức của anh ta bị tối tăm biết bao bởi những ham mê ấy. Quả thực, tôi muốn anh ta ghét bên trong mình thứ dục vọng tự nó quyết định ý chí của anh ta, cốt để nó không thể khiến anh ta mù quáng trong việc lựa chọn, và không thể cản trở anh ta khi anh ta đã chọn.

**424.** Tất cả những sự đối nghịch này, vốn dường như ngăn không cho tôi hiểu biết về tôn giáo, đã đưa tôi nhanh nhất tới tôn giáo đích thực.

## VII

# ĐẠO ĐỨC VÀ GIÁO THUYẾT

**425.** Phần thứ hai - Con người không đức tin không thể biết được cái tốt thực sự, cũng như sự công bình.

Ai cũng đi tìm hạnh phúc. Đi đâu này không có ngoại lệ, dẫu phương tiện có khác nhau thế nào, họ đều hướng đến mục đích này. Nguyên do khiến một số người tiến tới xung đột và một số khác tránh nó chính là một mưu cầu giống nhau ở cả hai bên, chỉ khác ở góc nhìn. Ý chí chưa bao giờ tiến một bước dù nhỏ nhất mà không hướng tới mục tiêu này. Đây là động cơ của mọi hành động thường ngày của tất cả mọi người, ngay cả với những người treo cổ tự tử.

Tuy nhiên, sau ngàn ấy năm như thế, không ai không có đức tin lại đạt tối điểm mà tất cả đều nhắm tới. Ai cũng phàn nàn, vương hầu và dân thường, quý tộc và bình dân, già và trẻ, khỏe và yếu, có học và thiếu hiểu biết, lành mạnh và bệnh hoạn, thuộc mọi quốc gia, mọi thời kỳ, mọi độ tuổi, mọi hoàn cảnh.

Một sự thử thách lâu, liên tục, giống nhau như thế chắc hẳn thuyết phục chúng ta về sự bất lực của chúng ta trong việc đạt tới cái tốt đẹp bằng nỗ lực của bản thân. Nhưng ví dụ chẳng dạy chúng ta được nhiều. Không có sự tương đồng nào tuyệt đối đến độ không có sự khác biệt vi tế nào đó; và chính từ đó chúng ta trông đợi rằng niềm hy vọng của chúng ta lần này sẽ không bị lừa dối như trước kia. Và như thế, hiện tại chưa bao giờ thỏa mãn chúng ta, kinh nghiệm lừa bịp chúng ta và, không may mắn hết lần này đến lần khác, dẫn chúng ta tới cái chết vốn là đỉnh cao mãi mãi.

Vậy lòng ham muốn và sự bất khả này tuyên bố điều gì với chúng ta, nếu không phải bảo rằng trước kia bên trong con người từng có một niềm hạnh phúc thực sự, thứ mà giờ đây với anh ta chỉ còn lại cái dấu hiệu và vết tích trống rỗng, thứ mà anh ta đã cố gắng vô ích để lấp đầy bằng mọi thứ xung quanh mình, khi tìm kiếm trong những thứ vắng mặt sự giúp đỡ mà anh ta không có được từ những thứ ngay trước mắt? Nhưng tất cả những điều này hoàn toàn không thỏa đáng, vì vực thẳm vô hạn chỉ có thể được lấp đầy bởi một thứ vô hạn và không thay đổi, nghĩa là, bởi chính Thiên Chúa.

Chỉ Ngài là cái tốt thực sự của con người. Và kể từ khi chúng ta rời bỏ Ngài, có một điều kỳ lạ là không có gì trong tự nhiên lại không có ích trong việc thay thế vị trí của Ngài; những ngôi sao, bầu trời, mặt đất, các nguyên tố, cây cối, bắp cải, tỏi tây, thú vật, côn trùng, bê, rắn, bệnh dịch, dịch hạch, chiến tranh, đói nghèo, tệ nạn, ngoại tình, loạn luân. Nhưng từ khi con người đánh mất cái tốt thực sự, mọi thứ có vẻ tốt như nhau đối với anh ta, thậm chí là sự phá hoại của chính anh ta, mặc dù chống lại Thiên Chúa, lý trí, và toàn bộ sự vận hành của tự nhiên đến thế.

Một số người tìm kiếm cái tốt trong quyền lực, những người khác trong sự ham biết và khoa học, những người khác trong khoái lạc. Những người khác, trong thực tế gần hơn với lẽ phải, đã cho rằng đó nhất thiết phải là cái tốt chung, thứ mà mọi người đều mong muốn, không nên ở trong bất cứ thứ gì cụ thể vốn chỉ có thể được sở hữu bởi một người, và những thứ, khi được chia sẻ, làm đau buồn những người sở hữu chúng bởi sự thiếu hụt phần anh ta không có hơn là làm hài lòng anh ta bởi sự sở hữu thứ mà anh ta có. Họ đã hiểu rằng cái tốt thực sự hẳn là cái mà tất cả có thể sở hữu lập tức, không có sự giảm bớt và không có sự đố kỵ, và thứ không ai có thể mất đi trái với ý muốn của anh ta. Và lý lẽ của họ chính là điều ao ước này, vốn tự nhiên đối với con người bởi nó tất yếu ở trong tất cả, và

rằng không thể không có nó, họ đưa ra kết luận từ đó...

**426.** Khi bản chất thực sự mất đi, mọi thứ trở thành chính bản chất của nó; như khi cái tốt thật sự mất đi, mọi thứ trở thành chính cái tốt thật sự của nó.

**427.** Con người không biết đặt mình ở thứ bậc nào. Anh ta hoàn toàn lạc đường và rơi khỏi vị trí thực sự của mình mà không thể tìm thấy lại nó lần nữa. Anh ta tìm kiếm khắp nơi đầy lo âu và không thành công ở trong bóng tối dày đặc.

**428.** Nếu chứng minh Thiên Chúa qua thiên nhiên là một dấu hiệu của sự yếu đuối, đừng coi thường Kinh Thánh; nếu biết được những mâu thuẫn này là một dấu hiệu của sức mạnh, hãy coi trọng Kinh Thánh.

**429.** Sự hèn hạ của con người trong việc phục tùng những thú vật và thậm chí trong việc thờ phụng chúng.

**430.** Về Port-Royal. Sự khởi đầu, sau khi đã giải thích tính không thể hiểu được - Sự vĩ đại và khốn khổ của con người quá rõ ràng đến mức tôn giáo đích thực nhất thiết phải dạy chúng ta cả hai đi đầu, rằng bên trong con người có một suối nguồn lớn lao của sự vĩ đại và một suối nguồn lớn lao của sự khốn khổ. Và khi ấy tôn giáo cần phải giải thích cho chúng ta về những sự đối lập đáng ngạc nhiên đó.

Để khiến con người hạnh phúc, tôn giáo phải chứng minh cho anh ta thấy có một Đức Chúa; rằng chúng ta phải yêu Ngài; rằng hạnh phúc đích thực của chúng ta là được ở trong Ngài, và đi đầu xấu duy nhất của chúng ta là bị cách ly khỏi Ngài; cần phải nhận thấy rằng chúng ta đầy sự tăm tối vốn ngăn cản chúng ta biết và kính yêu Ngài; và rằng như thế, vì bốn phận của chúng ta buộc chúng ta phải yêu Thiên Chúa và ham muốn của chúng ta khiến chúng ta rời xa Ngài, chúng ta đầy sự thiếu công chính. Tôn giáo

cần phải giải thích cho chúng ta về sự đối nghịch của chúng ta với Thiên Chúa và với cái tốt của chính chúng ta. Nó phải dạy chúng ta những phương pháp cứu chữa cho những sự bất lực này và phương cách để đạt được những phương pháp cứu chữa ấy. Bởi thế hãy cùng xem xét mọi tôn giáo trên thế giới và thấy liệu có một tôn giáo nào khác ngoài Thiên Chúa giáo có khả năng cho mục tiêu này?

Liệu đó có phải là tôn giáo của những triết gia, những người đề xuất cái tốt bên trong chúng ta như là cái tốt trọng yếu? Liệu đây có phải là cái tốt thực sự? Liệu họ đã tìm ra được phương cách chữa trị cho những căn bệnh của chúng ta? Liệu sự kiêu căng của con người có được chữa lành thông qua việc đặt anh ta ngang hàng với Thiên chúa? Hay những người đã biến chúng ta trở nên ngang hàng với những loài cặn thú và những người Hồi giáo đã mang đến cho chúng ta những niềm vui thế gian như cái tốt chính yếu ngay cả trong vĩnh cửu, liệu họ có mang đến phương cách chữa trị cho lòng dục của chúng ta? Tôn giáo nào, khi ấy, sẽ dạy chúng ta cách chữa lành sự kiêu căng và lòng dục? Tôn giáo nào, trong thực tế, chỉ dẫn chúng ta về cái tốt, bổn phận của mình, sự yếu đuối khiến chúng ta quay lưng với bổn phận, nguyên nhân của sự yếu đuối này, các phương thuốc có thể chữa lành nó, và phương cách để có được những phương thuốc này?

Mọi tôn giáo khác không có khả năng làm như vậy. Hãy xem sự thông thái của Thiên chúa sẽ làm gì.

“Đừng hy vọng sự thật”, nó nói, “cũng như sự an ủi từ con người. Ta chính là tôn giáo đã hình thành nên bạn, và là thứ duy nhất có thể dạy bạn biết bạn là gì. Nhưng bạn giờ không còn trong tình trạng mà ở đó tôi hình thành nên bạn. Tôi đã tạo ra con người thánh khiết, vô tội, toàn hảo. Tôi cho anh ta tràn đầy trí tuệ và sự thông sáng. Tôi đã truyền đạt cho anh ta sự vẻ vang và những đi đâu tuyệt vời của tôi. Con mắt của con người vì thế đã

thấy sự uy nghi của Thiên Chúa. Anh ta lúc ấy không ở trong cảnh tăm tối khiến anh ta mù quáng, cũng không lệ thuộc vào tính hữu sanh hữu tử và đau khổ khiến anh ta đau đớn. Nhưng anh ta đã không thể giữ được vinh quang lớn như thế mà không rơi vào tính tự phụ. Anh ta đã muốn biến mình thành trung tâm của chính mình và không phụ thuộc vào sự giúp đỡ của tôi. Anh ta tự rút khỏi luật lệ của tôi; và bằng việc đặt mình ngang hàng với tôi bởi ham muốn tìm thấy hạnh phúc to lớn của anh ta trong chính bản thân mình, tôi đã bỏ mặc anh ta tùy ý. Và khi khích động những giống loài phục tùng anh ta nổi dậy, tôi biến chúng thành kẻ thù của anh ta; cho nên ngày nay con người trở nên giống với đám cừu thú, và xa rời tôi đến mức một cái nhìn lơ mờ về người đã tạo nên anh ta hầu như cũng không còn lại cho anh ta. Mọi sự hiểu biết của anh ta bị dập tắt hoặc bị rối loạn đến mức đó rồi! Những giác quan độc lập với lý trí, và thường làm chủ lý trí, dẫn anh ta vào việc theo đuổi những lạc thú. Mọi tạo vật, hoặc hành hạ hoặc cám dỗ anh ta, và cai trị anh ta, hoặc bắt anh ta quy phục bởi sức mạnh của chúng, hoặc quyến rũ anh ta bằng vẻ duyên dáng của chúng, ấy là một sự bạo ngược kinh khủng hơn và độc đoán hơn.

“Con người ngày nay ở trong tình trạng như thế. Chỉ còn lại cho họ một bản năng yếu ớt nào đó của niềm hạnh phúc gắn với bản chất đầu tiên của họ; và họ đắm mình trong những khổn khổ của sự mù quáng và dục vọng của mình, thứ trở thành bản chất thứ hai của họ.

“Từ căn nguyên mà tôi chỉ ra, bạn có thể nhận ra nguyên nhân của những mâu thuẫn này, đi đâu khiến mọi người ngạc nhiên và chia họ thành những bộ phận mang những tình cảm quá đối khác biệt.

Hãy quan sát, lúc này, toàn bộ những tình cảm về sự vĩ đại và vinh quang mà kinh nghiệm của nhiều nỗi đau đến thế không thể lấn át, và hãy xem liệu nguyên nhân của chúng không được ở trong một bản chất khác

hay chẳng.”

Về Port-Royal. Ngày hôm sau. Phép hoạt dụ [phát biểu bằng lời của người khác hoặc vật vô tri] - “Thật vô ích, ôi con người, khi tìm kiếm nơi bản thân phương thuốc cho những căn bệnh của mình. Toàn bộ hiểu biết của bạn chỉ có thể đạt tới việc biết rằng, bạn sẽ tìm thấy sự thật hay cái tốt đẹp không ở bên trong mình. Các triết gia đã hứa hẹn với bạn đi đâu đó, và họ không thể làm đi đâu đó. Họ không biết cái tốt đẹp thực sự của bạn là gì, cũng không biết tình trạng thực sự của bạn ra sao. Làm sao họ có thể mang đến phương thuốc cho những cơn bệnh của bạn, khi họ thậm chí còn không biết chúng? Những bệnh chủ yếu của bạn chính là sự tự mãn khiến bạn rời xa Thiên Chúa, là dục vọng vốn ràng buộc bạn vào thế gian; và họ đã không làm gì khác hơn ngoài việc nuôi dưỡng ít nhất một trong những căn bệnh này. Nếu họ từng mang Thiên Chúa đến với bạn như một mục đích, thì đó chỉ nhằm góp phần thêm vào sự tự mãn của bạn; họ đã khiến bạn nghĩ rằng mình có sự tương đồng và phù hợp với Ngài về bản chất. Và những người đã nhìn thấy sự hão huyền của ý định này đã ném bạn vào một vực thẳm khác, khi khiến bạn nghĩ rằng bản chất của bạn như loài cặn thú, và đưa bạn đi tìm cái tốt của mình trong những lạc thú vốn được ban cho loài vật. Đó không phải là phương cách để chữa trị cho sự thiếu công chính của bạn mà những người khôn ngoan này chưa bao giờ biết. Chỉ mình tôi mới có thể khiến bạn hiểu bạn là ai...

Adam, Đức Giêsu.

Nếu bạn được hợp nhất với Thiên Chúa, đó là bởi ân sủng, không bởi bản chất. Nếu bạn bị hạ thấp, đó là bởi hình phạt, không bởi bản chất.

Như thế khả năng kép này...

Bạn không ở trong tình trạng mà bạn được tạo ra.

Vì hai tình trạng này ai cũng biết, nên bạn không thể không nhận ra. Đi theo những cảm tình của chính bạn, quan sát bản thân, và xem xét liệu bạn vẫn không thấy các đặc điểm sống động của hai bản chất này chẳng. Có nhiều mâu thuẫn đến thế trong một vầng đề đơn giản sao?

Không thể hiểu nổi. Không phải toàn bộ những điều không thể hiểu nổi ngừng tồn tại. Số vô hạn, một không gian vô hạn tương đương với một hữu hạn.

Không thể tin được rằng Thiên Chúa lại hợp nhất với chúng ta. Nhận xét này chỉ được rút ra từ cái nhìn về tính chất thấp hèn của chúng ta. Nhưng nếu bạn thực sự thành thật với sự thấp hèn ấy, dõi theo nó đến mức như tôi đã từng làm và nhận ra rằng chúng ta quả thực quá thấp hèn đến nỗi không thể tự mình biết rằng phải chăng lòng khoan dung của Ngài cũng không thể khiến chúng ta có khả năng nhận biết Ngài. Bởi tôi muốn biết bằng cách nào con thú này, vốn biết mình quá yếu đuối, có quyền đo lường lòng khoan dung của Thiên Chúa và thiết lập cho lòng khoan dung ấy những giới hạn mà tính cuồng cuồng của anh ta gọi cho anh ta. Anh ta biết quá ít về Thiên Chúa đến mức anh ta không biết bản thân anh ta là gì, và, hoàn toàn bối rối khi nhìn vào tình trạng của chính mình, dám nói rằng Thiên Chúa không thể mang lại cho anh ta khả năng giao tiếp với Ngài.

Nhưng tôi muốn hỏi anh ta liệu Thiên Chúa đòi hỏi anh ta đi đâu gì khác ngoài việc kính yêu và nhận biết Ngài, và vì bản chất của anh ta là khả năng yêu thương và nhận biết, vậy tại sao anh ta lại tin rằng Thiên Chúa không thể khiến anh ta nhận biết và kính yêu Ngài. Vì rõ ràng anh ta ít nhất cũng biết bản thân tồn tại và yêu đi đâu gì đó. Bởi thế, nếu anh ta nhìn thấy bất cứ thứ gì trong bóng tối mà anh ta đang ở trong đó, và nếu anh ta tìm thấy một vài đối tượng để yêu giữa những thứ trên thế gian, nếu Thiên Chúa truyền cho anh ta ánh sáng nào đó từ yếu tính của Ngài, tại sao anh ta

lại không có khả năng biết và yêu Ngài theo cách sẽ làm hài lòng Ngài để Ngài giao tiếp với chúng ta? Rõ ràng, khi ấy, có một tính tự phụ không thể chấp nhận được trong những lý lẽ theo kiểu này, cho dù chúng có vẻ được xây dựng trên một sự khiêm nhường bề ngoài, vốn không chân thành, cũng chẳng hợp lý nếu nó không khiến chúng ta thừa nhận rằng, khi không biết về bản thân rằng chúng ta là gì, thì chỉ có thể biết được đi đâu đó từ Thiên Chúa.

“Tôi không muốn nói rằng bạn nên đặt đức tin của bạn vào tôi mà không có lý do, và tôi không khao khát chinh phục bạn bằng bạo quyền. Trong thực tế, tôi không tuyên bố mang đến cho bạn sự giải thích về tất cả. Và để hòa giải những mâu thuẫn này, tôi muốn khiến bạn nhìn thấy một cách rõ ràng, qua những bằng chứng thuyết phục, những chỉ dấu thần thánh ở tôi vốn có thể thuyết phục bạn về việc tôi là ai, và có thể giành lấy thẩm quyền cho tôi qua những kỳ quan và bằng chứng mà bạn không thể chối bỏ; cốt để từ đó bạn có thể tin mà không cần... những thứ tôi dạy bạn, vì bạn sẽ không tìm thấy cơ sở khác để chối bỏ chúng, ngoại trừ việc bản thân bạn không thể biết liệu chúng là thực hay không.

“Thiên Chúa đã muốn cứu chuộc con người và mở ra sự cứu rỗi cho những ai tìm kiếm đi đâu đó. Nhưng nhiều người khiến bản thân không xứng đáng đến độ chẳng có gì sai khi Thiên Chúa từ chối không ban cho một số người, bởi sự ngoan cố của họ, những gì Người ban cho kẻ khác bởi lòng bi mẫn vốn không đến với họ. Nếu đã muốn khuất phục sự ngoan cố ở những kẻ cứng đầu nhất, Ngài đã có thể làm thế bằng cách hiện ra một cách rõ ràng với họ đến nỗi họ không thể nghi ngờ sự thật về bản chất của Ngài; như chuyện Ngài sẽ xuất hiện vào ngày cuối cùng, với những sấm sét nổ vang và một sự rung chuyển của thiên nhiên đến mức kẻ chết sẽ sống lại, và kẻ mù lòa nhất sẽ nhìn thấy Ngài.

“Không phải theo cách này mà Ngài muốn xuất hiện trong sự lan tỏa lòng nhân từ của Ngài, là bởi có quá nhiều người khiến bản thân họ không xứng với lòng nhân từ của Ngài, Ngài đã muốn bỏ họ lại trong sự mất đi cái tốt mà họ không muốn có. Bởi thế, thật là không đúng rằng Ngài nên xuất hiện theo một cách thần thánh rõ ràng, và hoàn toàn có khả năng thuyết phục toàn bộ con người; nhưng cũng không đúng rằng Ngài nên đến theo một cách bí ẩn đến nỗi không thể được biết bởi những ai thực lòng tìm kiếm Ngài. Ngài đã muốn khiến mình hoàn toàn có thể nhận thấy được với những người này; và như thế sẵn sàng hiện ra một cách rõ ràng với những ai thực tâm tìm kiếm Ngài, và ẩn thân với những ai tận lực lẩn trốn Ngài, Ngài tiết chế hiểu biết về Ngài đến độ Ngài đã đưa ra những dấu hiệu về bản thân mình, rõ ràng với những ai tìm kiếm Ngài, và không rõ với những ai không tìm kiếm. Có đủ ánh sáng với những ai chỉ khao khát thấy, và đủ tối tăm với những ai có khuynh hướng ngược lại”.

**431.** Không tôn giáo nào khác thừa nhận rằng con người là tạo vật tuyệt vời nhất. Một số tôn giáo, hoàn toàn thừa nhận thực tính của sự ưu trội nơi con người, đã nhìn nhận những đánh giá thấp kém mà nhiều người vốn sẵn có về bản thân họ như là sự tểnh thương và vô ơn; và những tôn giáo khác, nhận thấy rõ sự thấp hèn này của con người có thực như thế nào, đã tỏ ra giấu cợt ngạo nghễ đối với những cảm xúc về sự vĩ đại ấy, vốn cũng tự nhiên không kém với con người.

“Hãy ngược mắt lên nhìn Thiên Chúa”, một số người nói; “hãy nhìn Ngài, bạn giống với Ngài, đáng đã tạo ra bạn để thờ phụng Ngài. Bạn có thể khiến bản thân giống như Ngài; sự thông thái sẽ đặt bạn ngang với Ngài, nếu bạn muốn theo đuổi đi ầu đó”. “Hãy ngẩng cao đầu những con người tự do”, Epíktētos nói. Những người khác nói, “Cúi xuống nhìn mặt đất. Bạn chỉ là con sâu thẳm hại và hãy hướng về những con thú, những kẻ đễng hành của bạn”.

Như thế, con người sẽ trở thành gì? Anh ta sẽ ngang hàng với Thiên Chúa hay những con vật? Một khác biệt khủng khiếp làm sao! Khi ấy, chúng ta sẽ là gì? Ai không nhìn thấy từ tất cả những đi đầu này rằng con người đã lạc lối, anh ta đã rơi khỏi vị trí của mình, anh ta đi tìm nó đây lo âu, và không thể tìm thấy lại nữa? Và như thế ai sẽ hướng dẫn anh ta đến chỗ đó? Những con người vĩ đại nhất đã thất bại.

**432.** Chủ nghĩa hoài nghi đúng; bởi, sau cùng, con người trước Đức Giêsu đã không biết họ ở đâu, cũng không biết liệu họ vĩ đại hay hèn mọn. Và những người đã nói đi đầu này hay đi đầu kia không biết gì về nó và đoán định không chút lý tính và dựa vào ngẫu nhiên. Và thậm chí họ luôn sai lầm khi loại trừ một trong hai đi đầu đó.

*Quod ergo ignorantes quaeritis, religio annuntiat vobis.*<sup>120</sup>

**433.** Sau khi hiểu toàn bộ bản chất con người - Một tôn giáo có thể là thật, tôn giáo ấy phải biết về bản chất của chúng ta. Nó cần phải biết được sự vĩ đại cũng như sự hèn mọn trong bản chất đó, cũng như căn nguyên của cả hai. Tôn giáo nào ngoài Thiên Chúa giáo biết đi đầu này?

**434.** Những lý lẽ chính yếu của những người hoài nghi - Tôi bỏ qua những lý lẽ ít quan trọng hơn - cho rằng chúng ta chẳng có bất cứ sự chắc chắn nào về chân lý của những nguyên lý này ngoại trừ đức tin và sự cứu rỗi, trừ phi ở chừng mực nào đó chúng ta tự nhiên nhận thức được chúng bên trong chúng ta. Lúc này trực giác tự nhiên không phải là một bằng chứng thuyết phục về chân lý của những nguyên lý kia; bởi, chẳng có sự chắc chắn nào ngoài đức tin, về việc con người được tạo ra bởi một vị Chúa nhân từ, hay bởi một ác quỷ xấu xa,<sup>121</sup> hay bởi ngẫu nhiên, nên dấu cho những nguyên lý được đưa đến cho chúng ta đây là đúng, hay sai, hay không phân minh, theo nguồn gốc của chúng ta, thì đều đáng ngờ. Hơn nữa, chẳng ai dám chắc, ngoại trừ dựa vào đức tin, rằng mình đang thức

hay ngủ, khi thấy rằng trong giấc ngủ chúng ta tin rằng mình đang thức một cách chắc chắn như chúng ta vẫn tin khi mình đang thức; chúng ta tin rằng mình thấy không gian, hình ảnh, chuyển động; chúng ta cảm thấy thời gian trôi, chúng ta đo lường nó; và cuối cùng chúng ta hành động như thể chúng ta đang thức. Đến nỗi nửa cuộc đời chúng ta trôi qua trong giấc ngủ, chúng ta cũng thừa nhận mình chẳng biết gì về chân lý, bất cứ chân lý nào ta có thể tưởng tượng ra, mọi tình cảm của chúng ta khi ấy chỉ là những ảo tưởng. Ai biết được liệu nửa đời kia, mà chúng ta nghĩ rằng mình đang thức, không phải là một giấc ngủ khác với đôi chút khác biệt so với giấc ngủ trước, từ đó chúng ta tỉnh dậy khi nghĩ mình đang ngủ?

(Và ai nghi ngờ rằng, nếu người ta cùng nhau mơ, và những giấc mơ ngẫu nhiên đồng thuận về đi-đâu-gì-là-khá-bình-thường, và nếu người ta tình chỉ có một mình, người ta không nên tin rằng những thứ ấy đối chi-êu? Rút cục, vì người ta thường mơ rằng người ta mơ, chất ch-ờng giấc mơ này lên giấc mơ khác, liệu có thể không phải rằng nửa cuộc đời này bản thân nó chỉ là một giấc mơ, mà những giấc mơ khác được gắn vào đó, chúng ta tỉnh dậy từ đó khi chết, trong suốt nửa đời ấy chúng ta cũng có ít nguyên lý về sự thật và cái tốt như trong giấc ngủ tự nhiên vậy. Toàn bộ dòng chảy này của thời gian, của đời sống, những phần thân thể mà chúng ta cảm thấy, những suy nghĩ khác nhau quấy nhiễu chúng ta có lẽ chỉ là những ảo ảnh giống như dòng chảy thời gian và những đi-đâu ám ảnh vô nghĩa của những giấc mơ chúng ta?)

Đây là những lý lẽ chính yếu về mặt này hay mặt kia.

Tôi bỏ qua những đi-đâu ít quan trọng hơn như những diễn ngôn của những người hoài nghi chống lại ảnh hưởng của tập quán, của giáo dục, của những phong tục địa phương và những đi-đâu tương tự. Dù cho những đi-đâu này ảnh hưởng lớn tới đại đa số quần chúng, vốn biến chúng thành

giáo đi đầu dựa trên những nền tảng nông cạn, nhưng phái hoài nghi chỉ thôi nhẹ thôi chúng đã đổ. Chúng ta chỉ phải ngó đến những cuốn sách của họ nếu không bị thuyết phục một cách đầy đủ về đi đầu này, và chúng ta sẽ nhanh chóng trở nên như thế, và có lẽ quá nhiều.

Tôi chú tâm vào điểm mạnh duy nhất của những người giáo đi đầu, ấy là, khi nói về đức tin tốt và một cách chân thành, người ta không thể nghi ngờ những nguyên lý tự nhiên. Chống lại đi đầu này những người hoài nghi nêu ra, một cách ngắn gọn, sự không chắc chắn về nguồn gốc của chúng ta bao gồm cả nguồn gốc của bản chất của chúng ta. Những người giáo đi đầu đã cố gắng đáp lại sự phản đối này ngay từ khi có cái thế giới này.

Vì thế có một cuộc chiến công khai giữa mọi người, trong đó mỗi người phải dự phần và đứng về phía chủ nghĩa giáo đi đầu hoặc chủ nghĩa hoài nghi. Bởi ai nghĩ tới việc duy trì sự trung lập thì rút cục lại là một người theo chủ nghĩa hoài nghi. Tính trung lập này là đi đầu cốt tủy của phái ấy; ai không chống lại họ thực chất chính là ủng hộ họ. Trong đi đầu này xuất hiện lợi thế của họ. Họ không vì bản thân; họ trung lập, thờ ơ, ở tình trạng lơ lửng không dứt khoát về mọi chuyện, ngay bản thân họ cũng không là ngoại lệ.

Khi ấy, con người sẽ làm gì trong tình trạng này? Anh ta sẽ nghi ngờ tất cả? Anh ta sẽ nghi ngờ liệu mình có đang tỉnh không, có đang bị ngắt véo, hoặc đang bị thiêu cháy không? Anh ta sẽ nghi ngờ liệu mình có nghi ngờ không? Anh ta sẽ nghi ngờ liệu anh ta có tồn tại không? Người ta không thể đi quá xa đến thế; và tôi buộc phải nhìn nhận như một thực tế là chưa bao giờ có một người hoài nghi hoàn toàn thực sự. Tự nhiên bảo vệ lý trí yếu ớt của chúng ta và ngăn nó làm đi đầu nông cuồng tới mức này.

Ngược lại, anh ta khi ấy sẽ nói rằng anh ta chắc chắn sở hữu chân lý - anh ta, khi bị hối thúc một chút thôi, đã không thể trưng ra bất cứ chứng

thực nào cho nó và bị buộc phải buông chân lý ấy ra?

Con người sao giống quái vật chimaira [*Pháp*, chimère] đến thế! Thực mới lạ! Một con quái vật, một sự hỗn loạn, một sự mâu thuẫn, một người kỳ dị làm sao! Nhận định về mọi đi đâu, con sâu khờ dại của mặt đất; kẻ được gửi gắm sự thật, vũng lầy của sự không chắc chắn và sai lầm; kẻ tự phụ và đổ bỏ đi của vũ trụ!

Ai sẽ tháo gỡ mớ rối ren này? Thiên nhiên chứng minh phái hoài nghi là sai, lý trí chứng minh phái giáo đi đâu là sai. Khi ấy, bạn sẽ trở thành gì, ôi con người, kẻ nỗ lực nhờ vào lý trí bẩm sinh của mình để tìm xem thân phận thực sự của mình là gì? Bạn không thể tránh được một trong những (ba) phái này, cũng không gia nhập được vào phái nào trong đó.<sup>122</sup>

Khi đó, con người tự mãn, hãy biết rằng người là một nghịch lý với chính người biết bao. Hãy hạ mình, hỡi lý trí thì bất lực! Hãy im lặng, hỡi bản chất thì ngu xuẩn! Hãy biết rằng con người vượt lên con người một cách vô hạn và hãy lắng nghe từ Người Thầy của người về hoàn cảnh thực sự của mình, đi đâu mà người không biết. Hãy nghe Thiên Chúa.

Bởi rút cục, nếu con người chưa bao giờ bị suy thoái, anh ta chắc chắn sẽ có được cả sự thật và hạnh phúc trong sự ngây thơ của mình; và nếu con người luôn bị suy thoái, anh ta chẳng có bất cứ ý tưởng nào về sự thật hay chân phúc. Nhưng chúng ta bất hạnh đến thế, và bất hạnh hơn nếu không có sự vĩ đại trong hoàn cảnh chúng ta, chúng ta có một ý tưởng về hạnh phúc và không thể đạt tới. Chúng ta cảm nhận một hình ảnh của sự thật và chỉ có được một ảo ảnh. Thiếu khả năng đạt vô tri hoàn toàn và hiểu biết chắc chắn, như thế rõ ràng chúng ta đã ở một trình độ hoàn hảo rồi chúng ta bị rơi xuống khỏi trình độ đó một cách đầy bất hạnh.

Tuy thế, thực là một đi đâu ngạc nhiên rằng bí ẩn xa với sự hiểu biết của

chúng ta nhất chính là bí ẩn về sự truyền lại của tội lỗi, là một điều mà không có nó chúng ta không thể có bất cứ sự nhận thức nào về bản thân. Bởi rõ ràng không có gì khiến lý trí chúng ta ưu phiền hơn khi nói rằng tội lỗi của con người đầu tiên đã khiến cho những người, do quá xa nguần gốc này, dường như không thể dự phần vào đó, trở nên có tội. Sự truyền lại này không chỉ có vẻ bất khả với chúng ta, mà còn rất bất công. Bởi còn gì đi ngược lại những quy tắc công lý của chúng ta hơn khi đày địa ngục vĩnh viễn một đứa trẻ bất khả về ý chí, vì một tội ác trong đó nó dường như có quá ít can dự, vốn đã gây ra từ sáu ngàn năm trước khi nó ra đời? Chắc chắn không gì xúc phạm chúng ta thô bạo hơn học thuyết này. Thế nhưng, nếu không có bí ẩn này, bí ẩn khó hiểu hơn tất cả, chúng ta không thể hiểu chính mình. Nan đề trong hoàn cảnh của chúng ta có thêm những quanh co rắc rối từ trong vực thẳm này. Theo cách để con người, khi không có điều bí ẩn này, thì khó thấu hiểu hơn mức mà điều bí ẩn này khó thấu hiểu đối với con người.

(Ở đây có vẻ như Thiên Chúa, khi muốn khiến cho sự khó khăn của cuộc tồn sinh của chúng ta trở nên không thể hiểu được với chính chúng ta, đã che đậy nan đề ấy quá cao, hay nói đúng hơn là, quá thấp, đến nỗi chúng ta hoàn toàn không có khả năng thấu đạt được. Theo cách để không phải qua sự nỗ lực kiêu mạn của lý trí, mà bởi những sự quy phục đơn giản lý của lý trí, mà chúng ta thực sự có thể nhận thức được bản thân mình.

Những nền tảng này, được thiết lập một cách vững chắc dựa trên thẩm quyền bất cả xâm phạm của tôn giáo, khiến chúng ta biết rằng có hai sự thật của đức tin chắc chắn như nhau: Một là, con người trong tình trạng của sự sáng tạo [tình trạng được Thượng đế tạo ra], hoặc trong tình trạng của ân sủng, được nâng cao hơn toàn bộ thiên nhiên, được khiến cho giống với Thiên Chúa và mang thần tính của Ngài; hai là, con người trong tình trạng của sự suy thoái và của tội lỗi, anh ta rơi khỏi tình trạng này và bị làm cho

giống với c ần thú.

Hai lời tuyên bố này vững vàng và chắc chắn như nhau. Kinh Thánh tuyên bố rõ ràng đi ầu này với chúng ta, khi đề cập tới ở vài nơi: *Deliciae meae esse cum filiis hominum.*<sup>123</sup> *Effundam spiritum meum super omnem carnem.*<sup>124</sup> *Dii estis*<sup>125</sup>,... Và ở những nơi khác: *Omnis caro faenum.*<sup>126</sup> *Homo assimilatus est jumentis insipientibus, et similis factus est illis.*<sup>127</sup> *Dixi in corde meo defiliis hominum.*<sup>128</sup>

Qua đó dường như rõ ràng rằng con người nhờ ân sủng mà được khiến cho giống với Thiên Chúa, và dự phần vào thần tính của Ngài, và khi không có sự ân sủng con người bị giống như ác thú.)

**435.** Nếu không có nhận thức thiêng liêng này, con người có thể làm được gì, ngoài việc hoặc trở nên tự hào bởi cảm xúc bên trong về sự vĩ đại quá khứ vẫn còn ở lại với họ, hoặc trở nên tuyệt vọng trước hình ảnh về sự yếu kém hiện tại của họ? Bởi khi không nhìn thấy toàn bộ sự thật, họ không thể đạt tới đức hạnh hoàn hảo. Một vài người cho là bản chất không bị suy thoái, những người khác cho là không thể chữa trị, họ không thể thoát khỏi sự kiêu ngạo hay tính lười biếng vốn ầu là ngu ần gốc của mọi thói hư tật xấu, vì họ không thể hoặc buông thả mình theo nó bởi tính hèn nhát, hoặc thoát khỏi nó bởi tính kiêu ngạo. Bởi nếu họ đã biết sự tuyệt vời của con người, họ đã không biết sự suy thoái, theo cách khiến họ dễ dàng tránh được tính lười nhác, nhưng lại rơi vào sự kiêu ngạo. Và nếu họ nhận thấy được sự không vững vàng của bản chất, họ không biết được phẩm giá của nó, để họ có thể dễ dàng tránh được sự kiêu căng, nhưng lại để rơi vào nỗi tuyệt vọng. Từ đó nảy sinh những trường phái khác nhau của những người khắc kỷ và những người theo chủ nghĩa khoái lạc, những người giáo ầu và những người kinh viện...

Chỉ riêng Thiên Chúa giáo là có khả năng chữa lành hai thói tật này, không phải bằng cách dùng cái này loại bỏ cái kia theo sự khôn ngoan của thế gian, mà loại bỏ cả hai nhờ tính giản dị của Phúc âm. Bởi nó dạy người công chính rằng, nó nâng họ lên tới khi dự phần vào chính thần tính của nó; rằng trong trạng thái cao cả này họ vẫn mang ngu ãn gốc của mọi sự suy thoái, vốn khiến cho họ phải chịu lỗi lầm, đau khổ, cái chết, và tội ác trong suốt cuộc đời mình; và lớn tiếng bày tỏ với những kẻ nghịch đạo nhất rằng, họ có thể có được ân sủng từ Đấng Cứu Chuộc của họ. Như thế bằng việc gây run sợ cho những ai được nó biện minh, và an ủi những người mà nó lên án, nó làm dịu bớt nỗi sợ hãi bằng niềm hy vọng thông qua khả năng kép của ân sủng và của tội lỗi, chung cho tất cả, đến độ nó hạ thấp [con người] một cách vô cùng hơn mức mà một mình lý trí có thể làm được, mà không có sự thất vọng; và nó đề cao một cách vô cùng hơn cả tính kiêu ngạo bẩm sinh, mà không làm tự mãn; và như thế cho thấy rõ ràng rằng, do chỉ mình nó thoát khỏi sai lầm và thói xấu nên chỉ mình nó làm tròn được nhiệm vụ giáo hóa và cải huấn con người.

Khi ấy, ai có thể từ chối việc tin và thiết tha với những điều tuyệt vời này? Vì chẳng phải quá rõ ràng rằng chúng ta cảm thấy bên trong mình những dấu hiệu không thể xóa được của sự ưu trệ sao? Và cũng chẳng đúng rằng chúng ta mỗi giờ chịu đựng những kết quả của hoàn cảnh đáng thương của chúng ta sao? Tình trạng hỗn loạn và lẫn lộn kinh khủng này tuyên bố gì với chúng ta nếu không phải là sự thật về cả hai tình trạng này, bằng một tiếng nói mạnh mẽ đến mức không thể cưỡng lại?

**436.** Sự yếu đuối - Mọi sự theo đuổi của con người đầu nhằm có được của cải; và họ không thể có một chứng nhận nào cho thấy rằng họ có nó một cách chính đáng, vì họ chỉ có chứng nhận về tính thất thường của con người, cũng không có sức mạnh để giữ nó một cách chắc chắn. Cũng như thế với tri thức, bởi bệnh tật lấy nó đi. Chúng ta không thể có được cả sự

thật lẫn cái tốt đẹp.

**437.** Chúng ta mong muốn sự thật, và chỉ tìm thấy bên trong mình sự không chắc chắn.

Chúng ta tìm kiếm hạnh phúc, và chỉ tìm thấy khổ đau và cái chết.

Chúng ta không thể không ham muốn sự thật và hạnh phúc, và không có khả năng về đi đâu chắc chắn cũng như hạnh phúc. Niềm ham muốn này được để lại cho chúng ta, một phần để trừng phạt chúng ta, một phần để khiến chúng ta nhận ra chúng ta rơi xuống từ đâu.

**438.** Nếu con người không được tạo ra vì Thiên Chúa, tại sao anh ta chỉ hạnh phúc nơi Ngài? Nếu con người được tạo ra vì Thiên Chúa, tại sao anh ta chống lại Ngài?

**439.** Bản chất bị suy thoái - Con người không hành động bởi lý trí, thứ làm nên sự tồn tại của anh ta.

**440.** Sự hư hỏng của lý trí được chỉ ra bởi sự tồn tại của rất nhiều những phong tục khác nhau và vô lý. Điều cần thiết là lẽ thật phải đến, để con người không còn khu trú mãi trong bản thân mình nữa.

**441.** Với tôi, tôi thú nhận rằng, ngay khi Thiên Chúa giáo cho thấy nguyên lý; rằng bản chất con người bị suy thoái và rời xa Thiên Chúa, đi đâu đó khiến tôi mở mắt nhìn thấy khắp nơi dấu hiệu của sự thật này: bởi bản chất đã tới mức nó chứng thực ở khắp nơi, cả bên trong và bên ngoài con người, một vị Chúa đã mất và một bản chất suy thoái.

**442.** Bản chất thực sự của con người, cái tốt đích thực, đức hạnh đích thực, và tôn giáo đích thực của anh ta là những thứ mà nhận thức về chúng là không thể tách rời.

**443.** Sự vĩ đại, sự khôn khéo - Càng thông sáng, người ta nhận ra càng

nhieu hơn sự vĩ đại và cả sự thấp kém ở con người. Những người bình thường - những người hiểu biết hơn: các triết gia, họ làm cho những người bình thường ngạc nhiên - Những người Thiên Chúa giáo, họ làm cho các triết gia ngạc nhiên.

Khi ấy ai sẽ lấy làm ngạc nhiên khi thấy rằng tôn giáo chỉ khiến chúng ta nhận thức sâu sắc đi đâu chúng ta đã biết tương ứng với tầm hiểu biết của chúng ta?

**444.** Đi đâu mà nhiều người nhờ trí tuệ lớn nhất của mình mới có thể nhận ra được thì tôn giáo này dạy cho con cái của nó.

**445.** Tội tổ tông là sự điên rồ với con người, nhưng người ta đưa nó ra như thế. Khi ấy, bạn không được quở trách tôi bởi sự thiếu lý lẽ trong luận thuyết này, vì tôi đưa ra mà không có lý do. Nhưng sự điên rồ này uyên bác hơn bất cứ sự uyên bác nào của con người, *sapientius est hominibus*.<sup>129</sup> Bởi không có đi đâu này, liệu người ta sẽ nói gì về bản chất của con người là? Toàn bộ tình trạng của anh ta phụ thuộc vào điểm không thể nhận thức được này. Và làm sao có thể nhận thức được đi đâu này bằng lý trí, bởi đó là một thứ chống lại lý trí, và bởi lý trí, tuyệt không tìm thấy nó theo cách riêng của mình, phản đối nó khi nó hiện ra trước lý trí.

**446.** Về tội tổ tông.<sup>130</sup> Sự suy ngẫm phong phú về tội tổ tông theo người Do Thái.

Bàn về một câu trong Sáng thế 8:21, “Lòng con người toan tính đi đâu xấu từ khi còn trẻ.”

Giáo sĩ Moyse Haddarschan: Mầm mống ác này được đặt trong con người từ thời khắc anh ta thành hình.

Sách *Massechet Succa*: Mầm mống ác này có bảy tên trong Kinh Thánh. Nó được gọi là cái ác, bao quy đầu, uế tạp, kẻ thù, tội xúi bẩy, trái

tim đá, gió bắc; tất cả đi đâu này cho thấy tính ác được che đậy và in dấu trong trái tim con người.

*Midrasch Tillim* [Bình giải sách Thánh vịnh của giáo sĩ] nói đi đâu tương tự và rằng Thiên Chúa sẽ giải phóng bản chất tốt đẹp của con người khỏi cái ác. Tính ác này được làm mới mỗi ngày chống lại con người, như được viết ở Thánh vịnh 37:32, “Kẻ gian ác rình mò, mưu giết người công chính”; nhưng Thiên Chúa sẽ không bỏ rơi anh ta. Tính ác này thử lòng con người trong đời sống này và sẽ buộc tội anh ta trong đời sống khác. Toàn bộ đi đâu này được tìm thấy trong kinh Talmud.

*Midrasch Tillim* nói về Thánh vịnh 4:5, “Hãy run sợ, và đừng phạm tội nữa”. Biết sợ hãi và ghê sợ lòng dục của bạn, và nó sẽ không dẫn bạn đến tội ác. Và về Thánh vịnh 36:1, “Tội ác thì thảo trong thâm tâm kẻ dữ; hèn không thấy cần phải kính sợ Chúa Trời.” Có nghĩa là tính ác tự nhiên của con người đã nói đi đâu đó với tội ác.

*Midrasch el Kohelet* [Bình giải sách Giảng viên của giáo sĩ]: “Là một đứa trẻ nghèo khó và khôn ngoan thì tốt hơn là một ông vua già và ngu dốt không thể dự đoán được tương lai.”<sup>131</sup> Đứa trẻ là đức hạnh, và vị vua là tính ác của con người. Tính ác ấy được gọi là vua bởi mọi bộ phận của toàn thể đều tuân lệnh theo nó, và già bởi nó ở bên trong trái tim con người từ lúc sơ sinh đến khi già, và ngu dốt bởi nó dẫn con người đi trên con đường tới sự hủy diệt, đi đâu mà ông ta không dự đoán được. Đi đâu tương tự có trong *Midrasch Tillim*.

*Bereschist Rabba* [Bình giải sách Sáng thế của giáo sĩ] về Thánh vịnh 35:10, “Tự thâm tâm, tôi sẽ nói lên rằng: Ai ví được như Ngài, lạy Chúa? Ngài cứu kẻ nghèo hèn khỏi tay người mạnh thế.” Và liệu có sự tàn bạo nào lớn hơn mềnh ác? Và về Châm ngôn 25:21, “Kẻ thù con có đói, hãy cho nó bánh ăn.” Nghĩa rằng, nếu mềnh ác đói, hãy đưa cho nó bánh mì của

sự thông sáng được đề cập tới ở Châm ngôn 9, và nếu nó khát, hãy cho nó nước được nói đến ở Isaia 55.

*Midrasch Tillim* nói đi đầu tương tự, và Kinh Thánh trong đoạn đó, nói về kẻ thù, nghĩa là mìn ác; và rằng, khi đưa nó bánh mì và nước ấy, người ta chất đầy than nóng lên đầu nó.

*Midrasch el Kohelet* về Giảng viên 9:14, “Một ông vua hùng mạnh tiến đến bao vây thành.” Vị vua hùng mạnh này là mìn ác; những bức tường lớn được dựng lên chống lại nó là những cám dỗ; và trong thành có một người khôn ngoan nghèo khó sau này giải phóng nó - có nghĩa là, đức hạnh.

Và về Thánh Vịnh 41:2, “Phúc thay kẻ lưu tâm đến người nghèo khổ.”

Và về Thánh vịnh 78:39, “Gió thoảng qua, không hẹn ngày về”; từ đó một số người đã lập luận sai lầm phản bác sự bất tử của linh hồn. Nhưng ý nghĩa đó là, ngọn gió này là mìn ác, nó ra đi cùng với con người tới khi chết và không trở lại lúc phục sinh.

Và về Thánh vịnh 103. Đi đầu tương tự.

Và về Thánh vịnh 16.

Những nguyên lý của giáo lý theo giáo sĩ: hai Đấng Thiên sai.

**447.** Liệu ta sẽ nói rằng, vì con người đã tuyên bố rằng sự công chính đã rời bỏ thế gian, họ bởi vậy đã biết về tội tổ tông chăng? - *Nemo ante obitum beatus est*<sup>132</sup> - có nghĩa là, họ đã biết cái chết là sự khởi đầu của hạnh phúc vĩnh cửu và thiết yếu?

**448.** Mitton<sup>133</sup> thấy rõ bản chất ấy bị suy thoái và nhiều người ghét sự lương thiện; nhưng ông ta không biết tại sao mình không bay cao hơn được.

**449.** Trật tự - Theo sự suy thoái để nói: "Đúng là tất cả những ai ở

trong tình trạng này đều nhận ra nó, cả những người hài lòng và không hài lòng với nó; nhưng không đúng rằng ai cũng thấy được sự cứu chuộc.”

**450.** Quả thực người ta đui mù nếu không biết bản thân mình đầy những sự ngạo mạn, tham vọng, dục vọng, yếu đuối, đau khổ, và bất công. Và nếu, khi nhận thức được điều này, mà không khát khao được giải phóng, vậy có thể nói gì về một con người...?

Người ta khi ấy có thể có gì, nếu không là sự yêu mến dành cho một tôn giáo nhận biết rất rõ những khiếm khuyết của con người, và sự khát khao sự thật của một tôn giáo hứa hẹn phương thuốc chữa trị đáng mong?

**451.** Mọi người vốn sẵn ghét nhau. Họ sử dụng lòng dục càng nhiều càng tốt cho việc phục vụ lợi ích chung. Nhưng đây chỉ là một sự lừa dối và là một hình ảnh sai lạc của sự tử tế; bởi về bản chất đó chỉ là sự hằn thù.

**452.** Thương xót người bất hạnh không nghịch với lòng dục, ngược lại, người ta có thể dễ dàng đưa ra bằng chứng về tình bạn như thế, và có được danh tiếng là tốt bụng mà không cho đi bất cứ thứ gì.

**453.** Từ lòng dục, người ta đã tìm thấy và rút ra những quy tắc tuyệt vời về sự cai trị, đạo đức, và công lý; nhưng trong thực tế cái gốc rễ ti tiện này của con người, cái *figmentum malum*<sup>134</sup> này, chỉ được che đậy lại. Nó không bị nhổ bỏ đi.

**454.** Bất công - Họ đã không tìm thấy bất cứ cách nào khác thỏa mãn dục vọng mà không gây tổn hại người khác.

**455.** Cái Tôi đáng ghét. Bạn, Mitton, che giấu nó; vì lý do đó mà bạn không tiêu diệt nó. Vì thế, bạn luôn đáng ghét.

Không, bởi khi hành động như chúng ta làm nhằm giúp đỡ tất cả mọi người, người ta không có thêm lý do để thù ghét chúng ta. Điều này là

đúng, nếu người ta chỉ ghét trong cái Tôi sự phiền toái vốn xảy đến với chúng ta từ đó. Nhưng nếu tôi ghét cái Tôi vì nó bất công và vì nó biến mình thành trung tâm của tất cả, tôi sẽ luôn ghét nó.

Tóm lại, cái Tôi có hai đặc tính: Tự nó là bất công vì nó tự biến mình thành trung tâm của tất cả. Nó khó chịu đối với người khác vì muốn chế ngự họ; vì mỗi cái Tôi là kẻ thù và muốn thành bạo chúa với phần còn lại. Bạn loại bỏ sự khó chịu của nó, chứ không phải sự bất công. Và như thế bạn không khiến nó đáng yêu với những ai ghét sự bất công. Bạn khiến nó đáng yêu chỉ với người bất công, những người không còn tìm thấy ở nó kẻ thù của họ nữa. Và như thế, bạn vẫn bất công và chỉ có thể làm hài lòng những kẻ bất công.

**456.** Quả là một nhận xét sai lạc khi khiến cho tất cả mọi người đặt bản thân lên trên phần còn lại thế gian, và yêu lợi ích bản thân, và sự lâu bền của hạnh phúc và cuộc sống bản thân hơn những điều đó cho phần còn lại của thế gian.

**457.** Mỗi người là một toàn thể đối với bản thân anh ta; bởi anh ta chết, mọi thứ cùng chết đối với anh ta. Và từ đó dẫn tới việc mỗi người tin bản thân mình là tất cả với mọi người. Đừng nhận định bản chất qua chúng ta, mà qua điều đó.

**458.** “Mọi sự thể trong thế gian đều là sự mê tham của xác thịt, hay sự mê tham của mắt, hay sự kiêu ngạo của đời; libido sentiendi, libido sciendi, libido dominandi”.<sup>135</sup> Bất hạnh thay mảnh đất bị nguy nga rửa mà dòng lửa này nung đốt thay vì tưới nước! Hạnh phúc thay cho những ai, trên những dòng sông này, không bị nhận chìm cũng không bị cuốn đi, mà được làm cho vững chắc không suy quyền trên những dòng sông này, không chỉ đứng, mà còn ngẩng, trên một nền thấp và an toàn, do đâu họ không đứng lên trước ánh sáng, mà, sau khi yên nghỉ, vươn tay lên đến với Ngài, người

phải nâng họ lên, và khiến họ đứng thẳng và vững vàng trong những cửa ngõ đi vào Giêrusalem [Hebrew, Yerushalayim; Pháp, Jérusalem; Anh, Jerusalem], nơi sự kiêu ngạo sẽ không thể chống lại họ và làm họ ủ rũ hơn nữa, thế nhưng họ khóc, không phải để nhìn thấy tất cả những thứ dễ hư hỏng này bị cuốn trôi bởi những dòng thác, mà trong sự tưởng nhớ vùng đất mến yêu của họ, Giêrusalem thiên đàng, nơi mà họ không ngừng nhớ về trong suốt thời gian dài lưu vong.

**459.** Những dòng sông Babylone xô tới, đổ xuống và cuốn đi.

Ôi Zion thần thánh, nơi tất cả đều vững chắc và chẳng gì sụp đổ!

Chúng ta phải ngẩng trên những dòng sông, không dưới cũng chẳng ở trong, mà ở trên; và không đứng mà ngẩng, để khiêm nhường khi ngẩng, và trong sự chắc chắn khi ở trên. Nhưng chúng ta sẽ đứng trong những cánh cổng Giêrusalem.

Hãy xem liệu niềm hoan lạc này ổn định hay nhất thời; nếu nó trôi đi, đó là một dòng sông Babylone.

**460.** Mê tham của xác thịt, mê tham của mắt, sự kiêu hãnh... - Có ba phẩm cấp cho vạn vật: xác thịt, tinh thần, và ý chí. Những kẻ trần tục là những kẻ giàu có và các vị vua; họ có đối tượng là thân thể. Người ham biết và các nhà bác học; họ có đối tượng là tâm trí. Người thông thái; họ có đối tượng là lẽ phải.

Thiên Chúa phải ngự trị tất cả, và tất cả phải được mang trả lại cho Ngài. Trong những thứ thuộc về xác thịt thì dục vọng thực chất ngự trị; trong những gì thuộc về trí óc, đó là tính ham biết; trong sự thông thái, chính là lòng kiêu hãnh. Không phải là một người không thể tự hào về của cải hay học thức, mà đó không phải là chỗ cho sự kiêu hãnh; vì khi thừa nhận với một người rằng anh ta thông thái, thực dễ để thuyết phục rằng anh

ta sai khi kiêu hãnh. Sự thông thái chính là nơi phù hợp cho sự kiêu hãnh, vì không thể thừa nhận với một người rằng anh ta đã tự khiến mình trở nên thông thái, và rằng anh ta sai khi kiêu hãnh; vì đi đầu đó đúng. Giờ duy chỉ Thiên Chúa ban cho sự thông thái, và đó là lý do tại sao *Qui gloriatur, in Domino gloriatur.*<sup>136</sup>

**461.** Ba dục vọng tạo ra ba phái; và các triết gia đã chẳng làm gì khác hơn là theo một trong ba dục vọng ấy.

**462.** Đi tìm đi đâu tốt thực sự - Đa số con người đặt cái tốt trong sự giàu có và trong những đi đâu tốt bề ngoài, hay chí ít là trong sự vui chơi. Các triết gia đã chỉ ra sự hão huyền của toàn bộ đi đâu này và đã đặt nó vào nơi họ có thể.

**463.** Các triết gia (Chống lại các triết gia có Thiên Chúa mà không có Đức Giêsu) - Họ tin rằng chỉ riêng Thiên Chúa xứng đáng được yêu mến và kính ngưỡng, và họ đã mong muốn có được tình yêu và sự ngưỡng mộ từ con người, và họ không biết về sự suy thoái của mình. Nếu họ cảm nhận được đủ đầy cảm xúc của tình yêu và sự ngưỡng mộ, và thấy được ở đó niềm vui lớn của mình, tốt thôi, hãy để họ thấy bản thân mình tốt. Nhưng nếu họ cảm thấy trong đó sự ganh ghét với Ngài, nếu họ không có thiên hướng mà chỉ ham muốn gây dựng bản thân trong sự mến chuộng nơi con người, và nếu toàn bộ sự hoàn hảo của họ cốt ở việc khiến con người - nhưng không ép buộc con người - tìm thấy hạnh phúc của mình trong việc yêu mến họ, tôi tuyên bố rằng sự hoàn hảo này thực kinh tởm. Thật thế! Họ đã biết Thiên Chúa và không muốn con người chỉ yêu Ngài, rằng con người phải dừng lại trước họ! Họ đã muốn trở thành đối tượng của niềm hạnh phúc tự nguyện nơi con người.

**464.** Các triết gia - Chúng ta đẩy những thứ đẩy chúng ta ra khỏi bản thân mình.

Bản năng của chúng ta khiến chúng ta cảm thấy cần phải tìm kiếm hạnh phúc ở bên ngoài bản thân. Những đam mê của chúng ta đẩy chúng ta ra ngoài, ngay cả khi chẳng có đối tượng nào hiện ra để kích động chúng. Những đối tượng bên ngoài cám dỗ chúng ta, và vẫy gọi chúng ta, ngay cả khi chúng ta không nghĩ về chúng. Và như thế các triết gia đã nói vô ích: “Quay trở về chính mình, bạn sẽ tìm thấy điều tốt đẹp của mình ở đó”. Người ta không tin họ, và những ai tin họ đều là những người rỗng tuếch và ngu ngốc nhất.

**465.** Những người Khắc kỷ nói, “Hãy an trú trong chính mình, đó là nơi bạn sẽ tìm thấy sự thư thái.” Và điều đó không đúng.

Người khác nói, “Hãy ra khỏi bản thân; đi tìm hạnh phúc trong sự tiêu khiển.” Và điều này không đúng. Bệnh tật sẽ xảy đến.

Hạnh phúc không ở bên trong mà cũng không ở bên ngoài chúng ta; mà ở nơi Thiên Chúa, cả bên ngoài và bên trong chúng ta.

**466.** Khi Epíktētos đã hoàn toàn thấy rõ con đường, ông ấy nói với mọi người, “Bạn đi sai đường”; ông ấy cho thấy rằng có một con đường khác, nhưng không dẫn bạn tới đó. Chính con đường của ý muốn là đi đâu mà Thiên Chúa muốn. Chỉ mình Đức Giêsu mới dẫn tới đó: *Via, veritas.*<sup>137</sup> Những thói tật của của bản thân Zenon<sup>138</sup> [*Pháp, Zenon*].

**467.** Nguyên do của những tác động - Epíktētos. Những ai nói, “Bạn nhúc nhích đâu”, thì không phải cũng đâu như nhau. Người ta được bảo đảm về sức khỏe, nhưng không được bảo đảm về sự công bằng; và trong thực tế, [sức khỏe] của chính ông ta là đi đâu vô nghĩa.

Thế nhưng ông ta vẫn tin rằng đi đâu đó có thể được chứng minh, khi nói, “ở trong quyền hạn của chúng ta hoặc không”. Nhưng ông ta đã không nhận thấy rằng việc đi đâu tiết trái tim không nằm trong khả năng của chúng

ta, ông ta đã sai khi kết luận đi đâu này từ việc đã có một số người Thiên Chúa giáo.

**468.** Không tôn giáo nào khác đã đề ra việc căm ghét bản thân. Không tôn giáo nào khác, khi ấy, có thể làm vui lòng những người chán ghét bản thân họ, và những người tìm kiếm một hữu thể đáng mến. Và những người này, nếu họ chưa bao giờ nghe về tôn giáo của một vị Chúa bị làm nhục, sẽ theo ngay lập tức.

**469.** Tôi cảm thấy tôi có thể không tồn tại; bởi cái Tôi cốt ở tư duy của tôi. Bởi thế tôi, người nghĩ, sẽ không tồn tại, nếu mẹ tôi bị giết trước khi tôi có cuộc đời. Bởi thế, tôi không là một hữu thể tất yếu. Tôi cũng không vĩnh cửu hoặc vô hạn; nhưng tôi nhìn thấy rõ ràng rằng trong thiên nhiên có một hữu thể tất yếu, vĩnh cửu và vô hạn.

**470.** “Nếu tôi thấy một phép màu”, nhiều người nói, “Tôi hẳn đã cải đạo”. Làm sao họ có thể đảm bảo họ sẽ làm đi đâu mà mình không biết? Họ cho rằng việc cải đạo này chỉ cốt ở việc thờ phụng Thiên Chúa, giống như sự giao thiệp, và một cuộc đàm thoại như họ tưởng tượng ra. Việc cải đạo thực sự cốt ở việc trừ bỏ bản thân trước Hữu thể Phổ quát, mà người ta đã chọc giận biết bao lần, vốn có thể hủy hoại chúng ta một cách chính đáng bất cứ lúc nào; và nhận ra rằng chúng ta chẳng thể làm gì mà không có Ngài, và không xứng đáng thứ gì từ Ngài ngoài sự mất lòng tin yêu của Ngài. Nó chính ở việc nhận thức được rằng có một sự đối kháng không thể thắng nổi giữa Thiên Chúa và chúng ta, và rằng không có một trung gian thì không có sự giao tiếp với Ngài.

**471.** Thật là bất công khi người ta trói buộc bản thân họ với tôi, mặc dầu họ làm đi đâu đó với niềm vui và sự tự nguyện. Tôi sẽ lừa dối những người mà tôi đã làm nảy sinh mong muốn này nơi họ; bởi tôi không là cứu cánh của bất cứ ai, và tôi không có đủ đi đâu kiện để thỏa mãn họ. Chẳng nhẽ

tôi không chết hay sao? Và như thế đối tượng mà họ gắn bó sẽ chết. Bởi thế, tôi đáng bị trách mắng khi khiến người khác tin vào một sự hư giả, mặc dầu tôi nhẹ nhàng thuyết phục về điều đó, và rằng người ta tin điều đó với niềm vui, và rằng việc này đem đến cho tôi niềm vui; cho dù vậy tôi vẫn thực đáng trách khi khiến người ta yêu tôi. Và nếu tôi lôi kéo mọi người gắn bó với mình, tôi phải cảnh báo những ai sẵn sàng bằng lòng với một lời nói dối, rằng họ không được tin vào nó, bất cứ lợi ích nào đến với tôi từ điều đó; và cũng thế họ không được gắn bó với tôi, bởi họ được dành cuộc đời và mối quan tâm của mình cho việc làm đẹp lòng Thiên Chúa, hoặc tìm kiếm Ngài.

**472.** Ý riêng sẽ không bao giờ thỏa mãn, khi nó có khả năng về tất cả những gì nó muốn; nhưng chúng ta thỏa mãn ngay khoảnh khắc từ bỏ nó. Không có nó chúng ta không thể bất mãn, có nó chúng ta không thể vừa lòng.

**473.** Hãy cùng hình dung một thân thể đầy những bộ phận biết suy nghĩ.<sup>139</sup>

**474.** Những bộ phận. Bắt đầu với điều đó - Để điều tiết tình yêu mà chúng ta còn nợ bản thân, cần hình dung một thân thể đầy các bộ phận biết suy nghĩ, bởi chúng ta là những bộ phận của một toàn thể, và phải thấy mỗi bộ phận cần yêu chính nó như thế nào...

**475.** Nếu bàn chân và bàn tay có ý chí riêng, chúng chỉ có thể ở trong trật tự của chúng bằng cách khiến ý chí riêng phục tùng ý chí đứng đầu điều khiển toàn bộ thân thể. Nếu không như thế, chúng rơi vào sự rối loạn và phiền toái; nhưng khi chỉ muốn điều tốt cho thân thể, chúng đạt tới cái tốt của chính chúng.

**476.** Cần phải yêu một mình Thiên Chúa và ghét một mình cái tôi.

Nếu bàn chân luôn không biết rằng, nó thuộc về thân thể và có một thân thể mà nó phụ thuộc vào đó, nếu nó chỉ có nhận thức và tình yêu về bản ngã, và rồi nó dần biết rằng nó thuộc về một thân thể mà nó phụ thuộc, hối hận biết bao, ngượng ngùng biết bao về cuộc đời đã qua của nó, vì đã vô dụng đối với cái thân thể vốn truyền cảm hứng cho đời sống của nó, vốn có thể thủ tiêu nó nếu thân thể ấy loại bỏ nó và tách ra khỏi nó, vì nó tách mình ra khỏi thân thể! Biết bao lời cầu xin để được giữ lại nơi thân thể! Và với sự phục thù lớn biết bao để được cai quản bởi ý chí chỉ huy thân thể, tới mức bằng lòng bị cắt bỏ nếu cần phải làm như thế, hay mất đi tư cách là bộ phận! Bởi mọi bộ phận cần phải sẵn lòng bỏ mình vì thân thể, vốn là cái duy nhất và chính vì nó mà toàn thể các bộ phận tồn tại.

**477.** Bảo rằng chúng ta xứng đáng với tình yêu của những người khác là sai; bảo rằng ta nên ham muốn đi đầu đó là không chính đáng. Nếu chúng ta được sinh ra biết theo lẽ phải và không thiên vị, hiểu bản thân và những người khác, thì không nên gán xu hướng này cho ý chí của chúng ta. Tuy thế, chúng ta được sinh ra với đi đầu đó, do đó được sinh ra trái lẽ, bởi tất cả đều hướng đến cái tôi. Đi đầu này đi ngược với mọi trật tự. Cần phải hướng đến cái tốt chung; và khuynh hướng tới cái tôi là sự khởi đầu của mọi sự rối loạn, trong chiến tranh, trong sự cai trị, trong kinh tế, và trong cơ thể con người nói riêng. Ý chí do đó mà bị làm hỏng.

Nếu các thành viên của những cộng đồng tự nhiên và dẫn sự hướng tới hạnh phúc của số đông, bản thân các cộng đồng phải hướng tới một nhóm toàn thể rộng lớn hơn mà các cộng đồng là bộ phận trong đó. Chúng ta, bởi thế, phải tiến tới cái toàn thể. Chúng ta, bởi thế, được sinh ra bất công và hư hỏng.

**478.** Khi chúng ta mong muốn nghĩ về Thiên Chúa, liệu không có gì khác khiến chúng ta quay lưng, và cảm dỗ chúng ta nghĩ về gì khác sao?

Toàn bộ đời này thực tế, và được sinh ra cùng với chúng ta.

**479.** Nếu có một vị Chúa, chúng phải yêu chỉ riêng Ngài và không phải yêu những tạo vật phù du. Lý lẽ của những kẻ vô đạo trong sách Khôn ngoan<sup>140</sup> chỉ dựa trên cơ sở không có Thiên Chúa, “Dựa trên giả định đó”, họ nói, “hãy cùng hưởng thụ những tạo vật”. Đó chính là điều tồi tệ nhất có thể xảy ra. Nhưng nếu có một vị Chúa để kính yêu, họ hẳn không đi tới kết luận này, mà chắc sẽ ngược lại. Và đây là kết luận của người khôn ngoan: “Có một vị Chúa; bởi thế đừng hưởng thụ những tạo vật”.

Như thế, mọi thứ khuyến khích chúng ta gắn bó với những tạo vật đều là xấu; bởi nó ngăn chúng ta phụng sự Thiên Chúa nếu chúng ta biết Ngài, hay ngăn cản việc tìm kiếm Ngài nếu chúng ta chưa biết. Lúc này đây chúng ta chất chứa đầy lòng dục trong mình, bởi thế nên đầy cái ác, bởi thế chúng ta phải ghét bản thân và toàn bộ những gì kích động chúng ta gắn kết với bất cứ đối tượng nào khác ngoài một mình Thiên Chúa.

**480.** Để khiến các bộ phận hạnh phúc, chúng cần phải có một ý chí và khiến ý chí quy phục thân thể.

**481.** Tấm gương về cái chết cao quý của những người Spártā và nhiều người khác hiếm khi làm chúng ta xúc động. Bởi đời này ích gì cho chúng ta? Nhưng, tấm gương về cái chết của những người tử vì đạo khiến chúng ta xúc động bởi họ là “những bộ phận của chúng ta”. Chúng ta có mối liên hệ chung với họ. Sự quyết tâm của họ có thể hình thành nên quyết tâm của chúng ta, không chỉ bởi là tấm gương, mà còn bởi nó có lẽ xứng với quyết tâm của chúng ta. Chẳng có gì như vậy trong những tấm gương của kẻ ngoại đạo. Chúng ta không có mối liên hệ với họ. Vì người ta không trở nên sang trọng qua việc nhìn thấy một người lạ sang trọng, mà trong thực tế qua việc thấy một người cha và một người chồng như thế.

**482.** Đạo đức - Thiên Chúa khi tạo ra bầu trời và mặt đất, nhưng cả hai không cảm thấy niềm hạnh phúc về sự tồn tại của mình, Ngài đã muốn tạo ra những sinh vật biết được điều này, và cùng nhau tạo nên một thân thể gồm những bộ phận biết suy nghĩ. Bởi những bộ phận của chúng ta không cảm thấy niềm hạnh phúc về sự thống nhất của chúng, về trí thông minh tuyệt vời của chúng, về sự quan tâm phải bỏ ra để truy tìm cho chúng tinh thần và để khiến chúng lớn dậy và tồn tại lâu dài. Chúng sẽ hạnh phúc biết nhường nào nếu đã thấy và cảm nhận được điều đó! Nhưng chúng cần có trí thông minh để nhận thấy điều này, và có thiện chí để ưng thuận thiện chí của hồn vũ trụ. Nhưng nếu, khi nhận được trí thông minh chúng sử dụng nó để giữ sự nuôi dưỡng cho bản thân chúng, không cho phép chuyển qua những bộ phận khác, chúng sẽ không chỉ bất công mà còn khốn khổ, và ghét bỏ hơn là yêu bản thân chúng; phúc lành cũng như bốn phần của chúng cốt ở ưng thuận theo sự đi đầu khiến của linh hồn toàn thể mà chúng thuộc về, vốn yêu chúng hơn chúng yêu bản thân mình.

**483.** Là một bộ phận nghĩa là chỉ có sự sống, bản thể, cũng như chuyển động thông qua tinh thần của thân thể, và vì thân thể.

Bộ phận tách rời, khi không còn nhìn thấy thân thể mà nó thuộc về, chỉ có một sự tồn tại tàn tạ và hấp hối. Tuy vậy nó tin rằng mình là một toàn thể, và khi không thấy thân thể mà nó phụ thuộc vào, nó tin mình chỉ phụ thuộc vào chính nó và ham muốn tự biến mình thành trung tâm và thành thân thể. Nhưng khi không có được bên trong nó nguyên lý của sự sống, nó chỉ đi sai đường và ngạc nhiên về tính không chắc chắn về sự tồn tại của mình, nhận thay thực tế nó không phải là một thân thể, và vẫn chưa nhìn thấy nó là bộ phận của một thân thể. Tóm lại, khi dần biết về bản thân, nó quay trở về với chính mình, có thể nói như thế, và yêu bản thân nó chỉ vì thân thể. Nó lấy làm tiếc về sự lầm đường lạc lối đã qua của mình.

Tự bản chất, nó không thể yêu bất cứ gì khác, trừ phi vì chính nó và khiến nó quy phục bản ngã, bởi mỗi thứ yêu bản thân nó hơn tất cả. Nhưng khi yêu thân thể, nó yêu bản thân bởi nó chỉ tồn tại trong thân thể, do thân thể, và vì thân thể. *Qui adhaeret Deo unus spiritus est.*<sup>141</sup>

Thân thể yêu bàn tay; và bàn tay, nếu có một ý chí, hẳn yêu chính nó cùng cách như nó được yêu bởi tâm hồn. Mọi tình yêu vượt quá điều này đều không hợp lẽ.

*Adhaerens Deo unus spiritus est.*<sup>142</sup> Chúng ta yêu bản thân, bởi là bộ phận của Đức Giêsu. Chúng ta yêu Đức Giêsu, bởi Ngài là thân thể mà chúng ta là bộ phận. Tất cả là một. Một ở trong thân khác, như Tam vị (*les trois personnes*).

**484.** Hai điều hẳn<sup>143</sup> đủ cho việc trị vì toàn bộ nền Cộng hòa Thiên Chúa giáo tốt hơn mọi luật của thuật quản lý nhà nước.

**485.** Đức hạnh đích thực và duy nhất, khi ấy, là ghét bỏ cái tôi, (bởi người ta đáng bị ghét bỏ vì lòng dục), và tìm kiếm một hữu thể thực sự đáng yêu để yêu. Nhưng vì chúng ta không thể yêu thứ ở bên ngoài chúng ta, nên phải yêu một hữu thể bên trong chúng ta và không phải là chính chúng ta. Và điều này là đúng đối với mỗi người và mọi người. Lúc này chỉ có Hữu thể phổ quát (*l'être universel*) là như thế. Vương quốc của Thiên Chúa ở bên trong chúng ta.<sup>144</sup> Cái tốt phổ quát ở bên trong chúng ta, là chính chúng ta - và không phải là chúng ta.

**486.** Phẩm cách con người trong sự ngây thơ của anh ta cốt ở việc sử dụng và chi phối các tạo vật, nhưng ngày nay lại nằm ở việc tách bản thân anh ta khỏi chúng và quy phục chúng.

**487.** Mọi tôn giáo đều sai lạc, khi trong đức tin của nó không tôn thờ

một vị Chúa như là khởi nguyên của mọi thứ, và trong đạo đức của nó không yêu một và chỉ một vị Chúa như là mục đích của mọi thứ.

**488.** ...Nhưng không thể rằng Thiên Chúa mãi là kết thúc, nếu Ngài không phải là khởi đầu. Chúng ta ngược lên cao, nhưng đứng trên cát; và mặt đất sẽ tan ra, và chúng ta sẽ ngã khi nhìn lên trời.

**489.** Nếu có một nguồn gốc duy nhất của mọi thứ, thì có một kết thúc duy nhất cho mọi thứ; mọi thứ qua Ngài, mọi thứ vì Ngài. Tôn giáo thực sự, khi ấy, phải dạy chúng ta chỉ thờ phụng Ngài, và yêu chỉ mình Ngài. Nhưng bởi chúng ta thấy bản thân mình không thể thờ phụng những gì chúng ta không biết, và không thể yêu bất cứ đối tượng nào khác ngoại trừ bản thân, nên nhất thiết tôn giáo vốn chỉ dẫn chúng ta trong những bốn phận này cũng phải hướng dẫn chúng ta về việc bất khả này, và dạy chúng ta cả về các phương pháp chữa trị. Chúng ta cần được dạy rằng bởi một con người mà tất cả bị mất đi, và giao kết giữa chúng ta với Thiên Chúa bị cắt đứt, và rằng bởi một con người mà giao kết này được thiết lập lại.

Chúng ta được sinh ra quá trái với tình yêu này của Thiên Chúa, và rất cần thiết, rằng chúng ta phải được sinh ra có tội, hoặc Ngài không đúng.

**490.** Nhiều người, khi không quen với việc làm nên công trạng, mà chỉ quen lấy nó làm sự đền bù nơi họ tìm thấy nó được tạo ra, tự mình phán xét Thiên Chúa.

**491.** Tôn giáo đích thực phải có, như một đặc tính, nghĩa vụ kính yêu Thượng đế. Điều này thực đúng, nhưng không có tôn giáo nào khác sắp đặt được việc này; tôn giáo của chúng ta đã làm được như thế. Tôn giáo ấy còn phải nhận thức được về dục vọng và sự bất lực của con người; tôn giáo của chúng ta là như thế. Nó phải đưa ra được những phương cách cứu chữa cho việc này; một trong số đó là sự cầu nguyện. Không tôn giáo nào khác cầu xin Thượng đế để yêu và đi theo Ngài.

**492.** Ai không ghét tình yêu bản thân nơi chính mình, và bản năng này vốn đưa anh ta tới việc tự biến mình thành Thiên Chúa, quả thực mù quáng. Ai không thấy rằng chẳng đi đâu gì đối nghịch với công lý và sự thật đến thế? Bởi vì bảo rằng chúng ta xứng đáng với đi đâu này thì thật là sai, việc đạt được đi đâu ấy thì không hợp lẽ và không thể xảy ra được, vì tất cả đều đòi hỏi cùng một thứ. Như thế, đó là một bất công rõ ràng vốn hiển nhiên sinh ra trong chúng ta, mà chúng ta không thể loại bỏ nó, và cần phải loại bỏ nó.

Tuy nhiên không tôn giáo nào chỉ ra rằng đây là một tội lỗi, hay rằng chúng ta được sinh ra trong nó, hay chúng ta buộc phải chống lại nó, hay nghĩ đến việc đem cho chúng ta phương cách chữa trị cho nó.

**493.** Tôn giáo đích thực dạy về bốn phận của chúng ta; sự yếu đuối, sự kiêu hãnh, và dục vọng của chúng ta; và những phương cách chữa trị, [tức là] tính khiêm nhường và việc hãm mình.

**494.** Tôn giáo đích thực cần phải dạy về sự cao quý và sự khốn khổ; phải dẫn đến sự quý trọng và coi khinh cái tôi, đến tình yêu và sự căm ghét.

**495.** Nếu sống mà không đi tìm xem chúng ta là gì là một sự mù quáng dị thường, thì sống một đời tà ác là sự mù quáng kinh khủng, trong khi vẫn tin vào Thiên Chúa.

**496.** Kinh nghiệm khiến chúng ta nhìn ra sự khác biệt vô cùng lớn giữa sự sùng đạo và lòng tốt.

**497.** Chống lại những ai, khi tin tưởng vào lòng nhân từ của Thiên Chúa, sống vô tâm, không làm những việc tốt - Vì hai ngu ồn tội lỗi của chúng ta là tính kiêu ngạo và sự lười biếng, Thiên Chúa đã vén mở cho chúng ta thấy hai đi đâu ở nơi Ngài giúp chữa lành chúng, lòng nhân từ và sự công bình. Đặc điểm của sự công bình là hạ thấp tính kiêu ngạo, cho dù

những việc làm của chúng ta có chính đáng đến mấy, *et non intres in iudicium*,<sup>145</sup> vân vân, và đặc điểm của lòng nhân từ là khắc phục sự lười biếng bằng cách thúc đẩy những việc tốt, theo đoạn sau: “Thiên Chúa nhân hậu như thế là để thúc giục bạn hối cải”,<sup>146</sup> và đoạn khác của dân Nineveh: “Hãy cùng sám hối để xem liệu tình cờ Ngài có xót thương chúng ta.”<sup>147</sup> Và như thế lòng nhân hoàn toàn không cho phép sự chênh lệch đến nỗi ngược lại, nó là phẩm chất khắc phục thói xấu đó một cách dứt khoát; nên thay vì nói, “Nếu không có lòng nhân từ nơi Thiên Chúa chúng ta hẳn phải nỗ lực đủ mọi cách theo đuổi đức hạnh”, chúng ta phải nói ngược lại, rằng bởi có lòng nhân từ nơi Thiên Chúa nên chúng ta phải nỗ lực đủ mọi cách.

**498.** Đúng là có khó khăn khi thực hành sự ngoan đạo. Nhưng khó khăn này không đến từ sự ngoan đạo vốn bắt đầu trong chúng ta, mà từ sự nghịch đạo vẫn còn ở đó. Nếu các giác quan của chúng ta đã không chống đối sự sám hối, và nếu sự suy thoái của chúng ta không đối lập với sự thanh khiết của Thiên Chúa, thì chẳng có gì khó nhọc trong vấn đề này. Về phần mình, chúng ta chỉ chịu đau khổ tương xứng với sự trụy lạc, vốn tự nhiên với chúng ta, chống lại ân sủng siêu nhiên. Trái tim chúng ta cảm thấy bị giằng xé giữa những cố gắng trái chiều này. Nhưng sẽ là không đúng khi quy kết trách nhiệm về sự bạo liệt này cho Thiên Chúa, người đang nỗ lực thu hút chúng ta, thay vì quy kết cho thế gian vốn đang giữ chúng ta lại. Như là một đứa trẻ, mà mẹ nó kéo ra khỏi bàn tay của những tên cướp, trong nỗi đau nó chịu đựng, phải yêu sự bạo liệt đầy tình thương và chính đáng của người mẹ, thứ đem lại sự tự do cho nó, và chỉ căm ghét sự hung bạo bất công và tàn bạo của những người giam cầm nó trái lẽ. Cuộc chiến khốc liệt nhất mà Thiên Chúa có thể tạo ra với con người trong đời sống này là bỏ mặc con người mà không có cuộc chiến này, thứ mà

Ngài đã đến để mang tới. “Ta đã đến mang theo chiến tranh”,<sup>148</sup> Ngài nói, “và để dạy con người về cuộc chiến này. Ta đã đến mang theo lửa và lưỡi gươm”.<sup>149</sup> Trước khi Ngài đến thế giới đang sống trong nền hòa bình giả tạo này.

**499.** Những việc bề ngoài - Chẳng gì quá đổi nguy hiểm bằng những thứ làm hài lòng Thiên Chúa và con người. Vì những tình trạng ấy, vốn làm hài lòng Thiên Chúa và con người, có một đặc tính làm Ngài hài lòng, và đặc tính khác làm vừa lòng con người; như sự vĩ đại của Thánh Teresa. Điều đã làm hài lòng Thiên Chúa là sự khiêm nhường hết mực trong những mặc khải của bà; điều làm hài lòng con người, chính là ánh sáng của bà. Và như thế chúng ta làm khổ bản thân để phỏng theo những bài giảng đạo của bà, để nghĩ đến việc noi theo hoàn cảnh của bà, và bắt đầu yêu điều Thiên Chúa yêu, và tự đặt mình vào hoàn cảnh mà Thiên Chúa yêu.

Không nhịn ăn, và giữ đức khiêm nhường thì tốt hơn là nhịn ăn và tự thỏa mãn với điều đó. Những người biệt phái (pharisêu) và người thu thuế.<sup>150</sup>

Kỷ ước có ích gì với tôi, nếu nó có thể vừa làm đau tôi vừa giúp đỡ tôi như nhau, và tất cả phụ thuộc vào phúc lành của Thiên Chúa, Ngài chỉ ban cho những gì được làm vì Ngài, theo các luật của Ngài và theo những cách của Ngài, cách làm cũng quan trọng như sự việc và có lẽ quan trọng hơn; vì Thiên Chúa có thể làm điều thiện sinh ra từ điều ác, và không có Thiên Chúa chúng ta khiến điều ác sinh ra từ điều thiện.

**500.** Ý nghĩa của từ ngữ, thiện và ác.

**501.** Mức độ thứ nhất: bị chê trách khi làm điều xấu, và được khen ngợi khi làm điều tốt.

Mức độ thứ hai: không được khen ngợi cũng chẳng bị chê trách.

**502:** Ápraham [*Hebrew, Avraham; Pháp, Abraham*] đã không lấy gì cho bản thân, mà chỉ cho những tội tớ của mình.<sup>151</sup> Như thế người chính trực chẳng lấy gì cho bản thân từ thế gian, không cả tiếng vỗ tay tán thưởng của thế gian, mà chỉ vì những sự say mê của mình, vốn là những tình cảm mà anh ta đối trị như người chủ, khi nói với đam mê này, “Đi đi”, và với đam mê khác, “Đến đây”. *Sub te erit appetitus tuus.*<sup>152</sup> Những đam mê được chế ngự như thế là những đức tính. Tính tham lam, sự hờn ghen, sự tức giận, Thiên Chúa thậm chí cũng gán cho mình những đi ều này; và cả những đức tính như lòng khoan dung, lòng thương xót, tính kiên trì cũng là những đam mê. Cần phải đối trị với chúng như những nô lệ, và, cho chúng thức ăn, giữ tâm hồn không vướng vào bất cứ đi ều gì trong số đó. Bởi khi những đam mê trở thành ông chủ, chúng là những thói xấu; và khi ấy chúng đem thức ăn của chúng đến cho tâm hồn, và tâm hồn nhờ đó mà nuôi bản thân và bị đ ầu độc.

**503.** Các triết gia đã thánh hóa những thói xấu bằng cách đặt chúng vào chính Thiên Chúa; những người Thiên Chúa giáo đã thánh hóa những đức hạnh.

**504.** Người công chính hành động bởi đức tin trong những việc nhỏ nhất. Khi khiển trách các tội tớ của mình, anh ta muốn sự cải đạo của họ qua tinh thần của Thiên Chúa, và cầu xin Ngài uốn nắn họ; và anh ta trông đợi từ Thiên Chúa cũng như từ những lời quở trách của chính mình, và cầu xin Thiên Chúa ban phước cho những uốn nắn của mình. Và như thế trong mọi hành động khác, anh ta tiến hành với tinh thần của Thiên Chúa; và những hành động của anh ta làm chúng ta thất vọng bởi lý do của sự... hay bởi sự trì hoãn tinh thần của Thiên Chúa bên trong anh ta; và anh ta ăn năn trong sự đau khổ của mình.

**505.** Mọi thứ có thể gây chết người, thậm chí những gì được làm ra để

phục vụ chúng ta; như trong thiên nhiên những bức tường có thể giết chết chúng ta, và những chiếc cầu thang có thể giết chết chúng ta, nếu chúng ta không bước cẩn trọng.

Chuyển động nhỏ nhất ảnh hưởng đến toàn bộ thiên nhiên, cả vùng biển thay đổi vì một tảng đá. Như thế, trong ân sủng, hành động nhỏ nhất ảnh hưởng tới mọi thứ thông qua những hệ quả của nó; bởi thế mọi thứ đều quan trọng.

Trong mỗi hành động, chúng ta phải nhìn xa hơn việc mình làm, đến tình trạng hiện tại, quá khứ, tương lai của mình, và ở những người khác mà hành động ấy tác động tới. Và thấy được những mối quan hệ của tất cả những đi đâu đó, và khi ấy chúng ta sẽ rất cẩn trọng.

**506.** Đừng để Thiên Chúa quy tội chúng ta về những tội lỗi của mình, có nghĩa là mọi hậu quả và kết quả của những tội lỗi chúng ta, những đi đâu kinh khiếp, thậm chí hậu quả của những lỗi lầm nhỏ nhất, nếu chúng ta muốn theo đuổi chúng mà không có lòng thương xót!

**507.** Tinh thần của ơn trên; độ chai đá của con tim; các ngoại cảnh.

**508.** Quả thực cần có ơn trên để khiến một người trở thành một vị thánh; và ai nghi ngờ đi đâu đó thì không biết một vị thánh là gì, hay một con người là gì.

**509.** Các triết gia - Là một việc hay khi lớn tiếng bày tỏ với một người vốn không biết rõ bản thân, rằng anh ta nên tự mình đến với Thiên Chúa! Và là một việc hay khi nói đi đâu đó với một người biết rõ bản thân mình!

**510.** Con người không xứng đáng với Thiên Chúa, nhưng anh ta không thiếu khả năng được biến thành xứng đáng.

Là không xứng với Thiên Chúa khi kết Ngài với con người khốn khổ; nhưng không phải không xứng với Thiên Chúa khi kéo con người ra khỏi

sự khốn khổ của anh ta.

**511.** Nếu nói rằng con người quá tằm thường dễ xứng với mối liên hệ với Thiên Chúa, cần phải thực vĩ đại để phán xét về điều đó.

**512.** Đó, theo cách diễn đạt đặc biệt, hoàn toàn là cơ thể của Đức Giêsu, mà không thể được nói đó là toàn bộ cơ thể của Đức Giêsu. Sự kết hợp của hai thứ mà không có sự biến đổi không cho phép chúng ta nói rằng cái này trở thành cái kia; như thế linh hồn kết hợp với cơ thể, ngọn lửa kết hợp với gỗ, không có sự biến đổi. Nhưng biến đổi là cần thiết để khiến hình thức của cái này trở thành hình thức của cái khác; bởi thế có sự kết hợp của Ngôi Lời với con người. Vì cơ thể tôi mà không có linh hồn tôi thì không tạo nên cơ thể một con người; vậy thì linh hồn tôi kết hợp với bất cứ vật chất nào sẽ tạo nên cơ thể tôi. Điều này không phân biệt điều kiện cần với điều kiện đủ; sự kết hợp là cần thiết, nhưng không đủ. Cánh tay trái không phải là cánh tay phải.

Tính không thể hiểu thấu được là một tính chất của cơ thể.

Đặc tính về số lượng đối với cùng thời điểm đòi hỏi đặc tính của vật chất.

Như thế nếu Thiên Chúa kết hợp linh hồn tôi với một cơ thể ở Trung Hoa, cũng cơ thể ấy, y hệt về số lượng, sẽ ở Trung Hoa.

Cùng dòng sông vốn chảy ở đó thì y hệt về số lượng như dòng sông chảy cùng thời điểm ấy ở Trung Hoa.

**513.** Tại sao Thiên Chúa đã xác lập lời cầu nguyện?

1. Để truyền đạt cho các tạo vật của Ngài về chân giá trị của mối quan hệ nhân quả.
2. Để dạy chúng ta biết đức hạnh của chúng ta tới từ ai.

3. Để khiến cho chúng ta xứng với những đức hạnh khác qua công việc.

Nhưng để giữ quy ền tối cao mình, Ngài ban lời c ầu nguyện cho người nào làm Ngài hài lòng.

Phản đối: Nhưng người ta tin rằng người ta giữ lời c ầu nguyện của chính mình.

Đi ều này vô lý, bởi vì, dẫu có đức tin, người ta không thể có những đức hạnh, người ta có đức tin như thế nào? Liệu giữa nghịch ạo và đức tin có một khoảng cách lớn hơn giữa đức tin và đức hạnh?

<br/>

Sự xứng đáng. Từ này thực không rõ ràng.

*Meruit habere Redemptorem*<sup>153</sup>

*Meruit tam sacra membra tangere*<sup>154</sup>

*Digno tam sacra membra tangere*<sup>155</sup>

*Non sum dignus*<sup>156</sup>

*Qui manducat indignus*<sup>157</sup>

*Dignus est accipere*<sup>158</sup>

*Dignare me*<sup>159</sup>

<br/>

Thiên Chúa chỉ ban tặng theo những lời hứa của Ngài.

Ngài đã hứa ban công lý cho những lời c ầu nguyện. Ngài chưa bao giờ

hứa hẹn lời cầu nguyện ngoại trừ với con cái của lời hứa.<sup>160</sup>

Thánh Augustinus đã nói một cách rõ ràng rằng sức mạnh sẽ bị tước khỏi người ngay thẳng. Nhưng ngài đã nói đi đâu đó một cách tình cờ; bởi có thể ngẫu nhiên nguyên cớ của việc nói đi đâu đó không xuất hiện. Nhưng những nguyên tắc của ngài cho thấy, khi nguyên cớ của câu nói đó hiển bày, không thể có chuyện ngài không nói đi đâu đó, hay ngài nói bất cứ đi đâu gì ngược lại. Khi ấy ngài đã bị buộc phải nói đi đâu đó, khi nguyên cớ hiển bày, hơn là ngài đã nói đi đâu đó, khi nguyên cớ hiển bày, một bên là sự cần thiết, bên kia là sự tình cờ. Nhưng cả hai là tất cả những gì người ta có thể yêu cầu.

**514.** “Hãy biết run sợ mà gắng sức lo sao cho mình được cứu độ.”<sup>161</sup>

Những minh chứng cho sự cầu nguyện. *Petenti dabitur.*<sup>162</sup>

Như thế, việc cầu xin là nằm trong quyền hạn của chúng ta. Nhưng mặt khác, có Thiên Chúa. Vì thế đi đâu đó không ở trong quyền hạn của chúng ta, vì việc nhận được (ân sủng) cầu xin Ngài thì không ở trong quyền hạn của chúng ta. Vì sự cứu rỗi không ở trong chúng ta, và việc đạt được một ân sủng như thế là từ Ngài, [nên] lời cầu nguyện không ở trong quyền hạn của chúng ta.

Người công chính khi ấy hẳn không hy vọng nhiều hơn nơi Thiên Chúa, vì anh ta không được hy vọng, mà phải nỗ lực đạt được đi đâu anh ta thỉnh cầu.

Chúng ta khi ấy hãy kết luận rằng, bởi con người giờ đây không công chính kể từ tội lỗi đầu tiên và Thiên Chúa không muốn rằng vì thế mà anh ta không rời xa Ngài, đó chỉ bởi một tác động đầu tiên mà anh ta không rời xa.

Bởi thế, những người rời xa Thiên Chúa thì không có tác động đầu tiên này mà không có tình trạng đó người ta không rời xa Thiên Chúa, và những ai không rời xa Thiên Chúa đầu có được tác động đầu tiên này. Bởi thế những ai mà ta nghĩ rằng họ nhận được tác động đầu tiên này trong một thời gian được ân sủng nào đó, rồi lại ngừng cầu nguyện, ấy là do thiếu tác động đầu tiên này.

Khi đó Thiên Chúa bỏ mặc người rời xa Ngài theo nghĩa này.<sup>163</sup>

**515.** Người được chọn sẽ không biết về đức hạnh của mình, và những người bị ruồng bỏ khỏi sự vĩ đại sẽ không biết về mức độ tội ác của họ: "Lạy Chúa, có bao giờ chúng con đã thấy Chúa đối... Chúa khát đâu?" vân vân.

**516.** Rôma 3:27. Vậy thì hãnh diện ở chỗ nào? Dựa vào luật nào mà hãnh diện? Vào việc làm chăng? Không, nhưng dựa vào lòng tin. Bởi thế đức tin không ở trong khả năng của chúng ta giống như những việc làm của luật pháp, và nó được ban cho chúng ta theo một cách khác.

**517.** Hãy an ủi chính mình. Không phải từ bản thân mà bạn trông đợi ân sủng; mà, trái lại, khi không mong đợi gì từ bản thân mà bạn phải hy vọng có được nó.

**518.** Mọi thân phận, ngay cả những người tử vì đạo, cần phải kính sợ, theo Kinh Thánh. Nỗi đau lớn nhất của lửa luyện ngục là sự không chắc chắn của phán xét. *Deus absconditus*.<sup>164</sup>

**519.** Gioan 8. *Multi crediderunt in eum. Dicebat ergo Jesus: "Si manseritis... VERE mei discipuli eritis, et VERITAS LIBERABIT VOS."* *Responderunt: "Semen Abrahae sumus, et nemini servimus unquam"*.<sup>165</sup>

Có một sự khác biệt lớn giữa những môn đồ và môn đồ thật sự. Chúng

ta nhận biết họ bằng cách nói cho họ nghe rằng sự thật sẽ giải phóng họ; bởi nếu họ trả lời rằng họ tự do và rằng việc thoát khỏi tình trạng nô lệ cho ma quỷ là nằm trong khả năng của họ, họ quả thực là những môn đồ, nhưng không phải môn đồ thực sự.

**520.** Luật không phá bỏ bản chất, mà chỉ dẫn nó; ân sủng không phá bỏ luật, mà khiến luật có tác dụng. Đức tin nhận được ở lễ rửa tội là nguần gốc toàn bộ đời sống của người Thiên Chúa giáo, và của những người cải đạo.

**521.** Ân sủng sẽ luôn ở trong thế gian, và bản chất cũng vậy nên ân sủng ở dạng tự nhiên nào đó. Và bởi thế sẽ luôn có những người theo giáo lý Pelage,<sup>166</sup> và luôn có những người Công giáo, và luôn cả những sự xung đột; bởi lần sinh ra đầu tiên tạo ra những người này, và ân sủng của lần sinh ra thứ hai<sup>167</sup> tạo ra những người kia.

**522.** Luật áp đặt những gì nó không ban cho. Ân sủng ban cho điều mà nó áp đặt.

**523.** Mọi đức tin cốt ở Đức Giêsu và Adam, và toàn bộ luân lý cốt ở dục vọng và ân sủng.

**524.** Chẳng có học thuyết nào phù hợp với con người hơn học thuyết này, thứ dạy con người khả năng kép về việc nhận được và mất đi ân sủng, bởi hiểm họa kép mà anh ta luôn phải đối mặt, hiểm họa của nỗi tuyệt vọng hay sự kiêu hãnh.

**525.** Các triết gia đã không đưa ra được những tình cảm phù hợp với hai tình trạng của con người.

Họ gọi lên những tình cảm về sự vĩ đại thuần túy, và đó không phải là tình trạng của con người.

Họ gọi lên những tình cảm về sự thấp hèn thuần túy, và đó không phải là tình trạng của con người.

Ta cần những tình cảm khiêm nhường, không từ bản chất, mà từ sự sám hối, không để dừng nghỉ trong những tình cảm đó, mà để tiếp tục tới sự vĩ đại. Ta cần những tình cảm về sự vĩ đại, không từ sự xứng đáng, mà từ ân sủng, và sau khi đã trải qua tình trạng hạ mình.

**526.** Sự khốn khổ gây ra nỗi tuyệt vọng, tính kiêu ngạo dẫn đến sự tự phụ. Sự Nhập thể [*Incarnation*] chỉ ra cho con người thấy độ lớn lao của cảnh khốn khổ của mình qua độ lớn lao của phương thuốc chữa lành mà anh ta đòi hỏi.

**527.** Biết về Thiên Chúa mà không biết về sự đau khổ của con người dẫn đến tính kiêu ngạo. Biết về sự đau khổ của con người mà không biết về Thiên Chúa gây ra sự tuyệt vọng. Việc biết về Đức Giêsu tạo ra lẽ trung dung, bởi nơi Ngài chúng ta tìm thấy cả Thiên Chúa lẫn sự đau khổ của mình.

**528.** Đức Giêsu là một vị Chúa. Ta đến gần Ngài mà không kiêu ngạo và hạ mình trước Ngài mà không tuyệt vọng.

**529.** ...Không một sự thoái hóa nào làm cho chúng ta không có khả năng đạt cái tốt, cũng không một tính chất thần thánh nào khiến chúng ta được miễn trừ khỏi cái xấu.

**530.** Có lần một người nói với tôi rằng sau khi xưng tội anh ta đã có được một niềm vui lớn lao và sự tự tin. Người khác đã nói với tôi rằng anh ta vẫn trong sợ hãi. Về điều đó, tôi đã nghĩ rằng hai người này kết hợp với nhau có thể thành một người tốt, và cái mỗi người đang thiếu chính là việc người này không có được cảm xúc của người kia. Điều tương tự thế này thường xảy ra ở những việc khác.

**531.** Người biết ý chí của chủ mình sẽ bị đánh nhiều hơn, bởi sức mạnh anh ta có được nhờ nhận thức của mình. *Qui justus est, justificetur adhuc*,<sup>168</sup> bởi sức mạnh anh ta có được nhờ công lý. Sẽ đòi hỏi sự tính toán lớn nhất từ người nhận được nhiều nhất, bởi sức mạnh mà anh ta có được nhờ sự giúp đỡ này.

**532.** Kinh Thánh đưa ra những đoạn văn để an ủi và để răn đe cho mọi thân phận.

Tự nhiên dường như đã làm đi đâu tương tự qua hai sự vô cùng về bản tính và đạo đức; bởi chúng ta sẽ luôn có những kẻ trên và người dưới, thông minh hơn và kém thông minh hơn, cao quý nhất và thấp hèn nhất, cốt để hạ thấp tính kiêu ngạo và nâng cao sự khiêm nhường của chúng ta.

**533.** *Comminutum cor* (Thánh Phaolô).<sup>169</sup> Đây là tính cách của người Thiên Chúa giáo. *Albe đã đặt tên cho bạn, tôi không biết bạn nữa* (Corneille).<sup>170</sup> Đây là nhân vật phi nhân vị. Nhân vật có nhân tính là đi đâu ngược lại.

**534.** Chỉ có hai loại người: người chính trực tin mình có tội; phần còn lại, những kẻ có tội, tin mình chính trực.

**535.** Chúng ta mắc nợ rất nhiều những người chỉ cho chúng ta biết những lỗi lầm, dù họ làm nhục chúng ta. Họ dạy chúng ta biết mình đã bị xem thường. Họ không ngăn cản chúng ta như vậy trong tương lai; vì chúng ta có nhiều những lỗi khác khiến chúng ta có thể bị xem thường. Họ chuẩn bị cho chúng ta sự thực hành trong việc sửa lỗi và tránh khỏi sai lầm.

**536.** Con người được tạo ra như thế bằng cách nói với anh ta liên tục rằng, anh ta là một kẻ ngốc và anh ta tin đi đâu đó. Và bằng cách liên tục nói với chính mình đi đâu đó, anh ta khiến mình tin đi đâu đó. Vì con người duy trì một cuộc nói chuyện bên trong với chính mình, mà anh ta phải có nhiệm

vụ đi đầu tiết nó cho tốt: *Corrumpunt bonos mores colloquia prava*.<sup>171</sup> Cần phải giữ im lặng càng nhiều càng tốt và nói với bản thân mình chỉ về Thiên Chúa mà chúng ta biết Ngài là lẽ thật, và như thế chúng ta thuyết phục mình về lẽ thật.

**537.** Đạo Thiên Chúa thực lạ thường. Nó bảo con người thừa nhận rằng anh ta hèn hạ, thậm chí đáng ghê tởm, và bảo anh ta mong muốn được như Thiên Chúa. Không có một đối trọng như thế, phẩm cách này khiến anh ta tự phụ ghê gớm, hoặc tình trạng bị làm nhục này khiến anh ta khổ sở kinh khủng.

538. Với một chút kiêu ngạo thôi mà một người Thiên Chúa giáo tin mình được kết hợp với Thiên Chúa đến thế! Với một chút bề mặt thôi mà anh ta đặt mình ngang loài giun đất như vậy!

Một cách vinh quang biết bao để chào đón sự sống và cái chết, đi đầu thiện và đi đầu ác!

**539.** Điểm khác biệt là gì trong sự tuân mệnh của một người lính với một thầy tu Dòng thánh Bruno? Cả hai đều vâng lệnh và phụ thuộc ngang nhau, và trong những sự rèn luyện gian khổ ngang nhau. Nhưng người lính luôn hy vọng trở thành chỉ huy và chẳng bao giờ đạt được đi đầu này, bởi ngay cả những đội trưởng và vương hầu vẫn luôn là những nô lệ và phụ thuộc; nhưng anh ta luôn hy vọng và luôn làm việc để đạt được đi đầu này. Trong khi đó thầy tu dòng thánh Bruno thề nguyện luôn lệ thuộc. Vì thế họ không khác nhau trong tình trạng lệ thuộc vĩnh viễn của mình mà cả hai luôn ở trong đó, nhưng một người có hy vọng còn người kia không bao giờ có.

**540.** Niềm hy vọng của nhiều người Thiên Chúa về việc có cho mình một đi đầu tốt đẹp vô bờ bến, bị trộn lẫn với niềm hoan lạc có thực và cả với

nỗi sợ hãi; bởi đó không phải vì những người này hy vọng về một vương quốc mà họ chẳng có gì khi là những thần dân; mà họ trông đợi tính chất thần thánh, sự miễn khỏi bất công, và họ có được một cái gì đó trong điếu này.

**541.** Không ai hạnh phúc, biết theo lẽ phải, đức hạnh, hay tử tế như một người Thiên Chúa thực sự.

**542.** Chỉ riêng Thiên Chúa giáo mới khiến con người hoàn toàn đáng yêu và hạnh phúc. Trong tính lương thiện, người ta có lẽ không thể đáng yêu và hạnh phúc cùng một lúc.

**543.** Lời mở đầu - Những bằng chứng có tính chất siêu hình về Thiên Chúa thì quá xa với sự suy luận của con người, và quá phức tạp, đến nỗi những bằng chứng ấy gây ấn tượng không đáng kể; và nếu chúng có ích lợi cho một số người nào đó, thì hẳn chỉ trong chốc lát họ thấy được sự biểu hiện này; nhưng một giờ sau họ sợ rằng mình phạm sai lầm.

*Quod curiositate cognoverunt superbia amiserunt.*<sup>172</sup>

Đó [lòng kiêu ngạo] chính là kết quả của tri thức về Thiên Chúa mà con người đạt được không qua Đức Giêsu; đó là sự giao tiếp không có người trung gian, với Thiên Chúa mà họ đã biết đến không có người trung gian. Trong khi những người biết đến Thiên Chúa nhờ có người trung gian thì nhận thấy sự khốn khổ của mình.

**544.** Thiên Chúa của những người Thiên Chúa giáo là một vị Chúa khiến tâm hồn cảm thấy rằng Ngài là điếu tốt lành duy nhất của nó, rằng sự thanh thản duy nhất của nó chính ở nơi Ngài, rằng hoan lạc duy nhất của nó là trong việc kính yêu Ngài; và Ngài đồng thời khiến tâm hồn ấy căm ghét những vật cản nứ giữ và ngăn cản nó kính yêu Thiên Chúa với toàn bộ sức mạnh của nó. Tình yêu bản thân và dục vọng, vốn cản trở

chúng ta, là không thể chịu nổi đối với tâm hồn đó. Vì thế Thiên Chúa khiến nó thấy được rằng chính cái gốc rễ tình yêu tự ngã này hủy hoại nó, và chỉ có Ngài mới có thể chữa trị được.

**545.** Đức Giêsu không làm gì khác ngoài việc chỉ dạy con người rằng họ đã yêu chỉ mỗi bản thân mình, rằng họ là những nô lệ, đui mù, ốm yếu, đau khổ, và tội lỗi; rằng Ngài cần giải phóng họ, soi sáng, ban phước, và chữa lành cho họ; rằng điều này được thực hiện qua việc ghét bỏ cái Tôi, và đi theo Ngài qua sự đau đớn và cái chết trên cây thập giá.

**546.** Bản chất bị suy thoái – Không có Đức Giêsu con người hẳn phải ở trong sự truy lạc và đau khổ; với Đức Giêsu con người thoát khỏi sự truy lạc và đau khổ; nơi Ngài là toàn bộ đức hạnh và toàn bộ hạnh phúc lớn lao của chúng ta. Ngoài Ngài, chỉ có truy lạc, đau khổ, sai lầm, bóng tối, cái chết, thất vọng.

**547.** Chúng ta biết Thiên Chúa chỉ qua Đức Giêsu. Không có người trung gian này, mọi sự hiệp thông với Thiên Chúa sẽ bị lấy đi. Qua Đức Giêsu chúng ta biết Thiên Chúa. Tất cả những ai tuyên bố biết Thiên Chúa, và chứng minh Ngài mà không có Đức Giêsu, chỉ có những bằng chứng yếu ớt. Nhưng để chứng minh Đức Giêsu chúng ta có các lời tiên tri, vốn là những bằng chứng vững chắc và rõ ràng. Các lời tiên tri này, được hoàn thành và được chứng minh là thực thông qua sự kiện, cho thấy tính chắc chắn của những lẽ thật này và, bởi thế, là bằng chứng về thần tính của Đức Giêsu. Nơi Ngài và bởi Ngài, như thế chúng ta biết Thiên Chúa. Ngoài Ngài, và không có Kinh Thánh, không có tội tổ tông, không có người trung gian cần thiết, đã được hứa và đã đến, chúng ta không thể chứng minh được Thiên Chúa một cách dứt khoát, cũng không giảng dạy được giáo lý đúng đắn và đạo đức đúng đắn. Nhưng qua Đức Giêsu, và nơi Đức Giêsu, chúng ta chứng minh được Thiên Chúa và giảng dạy đạo đức và học

thuyết. Đức Giêsu, khi ấy, là vị Chúa thực sự của con người.

Nhưng chúng ta đồng thời nhận thức được sự khốn khổ của mình; bởi vị Chúa này chẳng là ai khác ngoài Đấng Cứu chuộc đau khổ của chúng ta. Như thế chúng ta chỉ có thể biết Thiên Chúa rõ ràng bằng cách nhận rõ những sự đỗi bại của mình. Cũng thế với những ai đã biết Thiên Chúa mà không nhận rõ sự khổ đau của mình, đã không ca ngợi Ngài mà chỉ ca ngợi bản thân họ. *Quia.... non cognovit per sapientiam ... placuit Deo per stultitiam praedicationis salvos facere.*<sup>173</sup>

**548.** Chúng ta không những biết Thiên Chúa, mà còn biết cả bản thân mình chỉ nhờ một mình Đức Giêsu. Chúng ta biết cuộc sống và cái chết chỉ qua Đức Giêsu. Ngoài Ngài, chúng ta không biết cuộc sống của chúng ta là gì, cũng không biết cái chết là gì, không biết Thiên Chúa, không biết bản thân.

Như thế không có Kinh Thánh, vốn chỉ có Đức Giêsu là đối tượng của nó, chúng ta chẳng biết gì, và nhìn thấy chỉ bóng tối và sự nhàn lẩn trong bản chất Thiên Chúa và trong bản chất của chính chúng ta.

**549.** Không chỉ là không thể mà còn vô ích khi biết Thiên Chúa mà không có Đức Giêsu. Họ đã không rời xa mà lại gần Ngài; họ đã không hạ thấp bản thân mà...

*Quo quisque optimus est, pessimus, si hoc ipsum, quod optimus est, adscribat sibi.*<sup>174</sup>

**550.** (Tôi yêu tất cả mọi người như anh em tôi, bởi tất cả họ đều được cứu chuộc)

Tôi yêu sự nghèo khó bởi Ngài yêu đi đầu đó. Tôi yêu của cải bởi chúng cho tôi phương tiện để giúp đỡ những người khốn khổ. Tôi giữ niềm tin với mọi người; tôi không đem đi đầu ác đến với những ai làm đi đầu sai trái

với tôi, nhưng tôi mong họ có một hoàn cảnh giống tôi, trong đó tôi không phải nhận đi ầu xấu cũng như đi ầu tốt từ con người. Tôi cố gắng công bình, trung thực, chân thành, và trung thành với tất cả mọi người và tôi có một tình cảm âu yếm với những ai mà Thiên Chúa đã kết hợp tôi với họ chặt chẽ hơn; và cho dù một mình, hay trong cái nhìn của người khác, tôi thực hiện mọi hành động dưới sự dõi theo của Thiên Chúa, mà Ngài hẳn soi xét chúng, và với Ngài tôi đã hiến dâng tất cả những việc làm ấy.

Đó là những tình cảm của tôi; và mỗi ngày của cuộc đời này tôi ca ngợi Đấng Cứu chuộc của tôi, Ngài đã gieo những tình cảm ấy vào trong tôi, và, từ một con người đầy yếu đuối, đau khổ, dục vọng, kiêu căng và tham vọng, Ngài đã tạo ra một con người thoát khỏi những đi ầu xấu này bởi quyền phép của sự ân sủng của Ngài, mà mọi vinh quang đều từ đó mà có, còn từ bản thân tôi chỉ có đau khổ và sai lầm.

**551.** *Digniorplagis quam osculis non timeo quia amo.*<sup>175</sup>

**552.** Mộ của Đức Giêsu.

Đức Giêsu chết, nhưng được thấy trên Thập giá. Ngài đã chết, và ẩn mình trong Mộ.

Đức Giêsu được chôn cất bởi chỉ các thánh.

Đức Giêsu đã không tạo bất cứ phép lạ nào nơi Mộ của Ngài.

Chỉ các vị thánh vào đó.

Chính ở đó, không phải trên Thập giá, Đức Giêsu có cuộc sống mới.

Đó là phép lạ cuối cùng của cuộc Khổ nạn và Cứu chuộc.

Chính ở trong Mộ, Đức Giêsu yên nghỉ chứ không phải ở nơi nào khác trên thế gian. Chỉ ở trong Mộ, những kẻ thù của Ngài mới ngưng bức hại Ngài.

**553.** Các bí nhiệm của Giêsu - Giêsu trong những khổ hình của mình chịu đựng những đau khổ mà con người đã gây ra cho Ngài; nhưng trong sự đau đớn cực độ về thể xác Ngài chịu những đau khổ mà Ngài tự đem đến cho bản thân mình; *turbare semetipsum*.<sup>176</sup> Đó không phải là nỗi đau khổ từ bàn tay con người, mà từ một bàn tay toàn năng, và Ngài hẳn phải toàn năng để chịu đựng điều đó.

Giêsu tìm kiếm sự an ủi nào đó chỉ ít trong ba người bạn thân nhất của mình, và họ đang ngủ. Ngài xin họ chịu đựng một chút với Ngài; và họ rời bỏ Ngài với toàn bộ sự thờ ơ, khi có ít lòng bi mẫn đến độ đã không thể ngăn họ ngủ thậm chí trong giây lát. Và như thế Giêsu đã bị bỏ lại một mình với cơn thịnh nộ của Thiên Chúa.

Giêsu chỉ có một mình trên mặt đất, không những chẳng có ai cảm nhận và chia sẻ nỗi đau với Ngài, mà thậm chí không ai biết về điều đó; duy chỉ có Ngài và trời cao trong sự biết này.

Giêsu ở trong một khu vườn, không hân hoan như Adam ban đầu, nơi anh ta đánh mất chính mình và toàn thể nhân loại, mà trong sự đau đớn cực độ về thể xác, trong đó Ngài cứu bản thân và cả nhân loại.

Ngài chịu đựng nỗi đau này và sự bỏ rơi này trong sự kinh hoàng của bóng đêm.

Tôi tin rằng Giêsu lại không bao giờ phản nản ngoại trừ trong lần duy nhất này; nhưng khi ấy Ngài phản nản như thể không còn chịu đựng được nỗi đau cùng cực của mình. “Tâm hồn Thầy buồn đến chết được.”<sup>177</sup>

Giêsu tìm kiếm sự đồng hành và niềm an ủi từ con người. Với tôi có vẻ đây là lần duy nhất trong suốt cuộc đời Ngài. Nhưng Ngài không, nhận được điều ấy, bởi các môn đồ của Ngài ngủ.

Giêsu sẽ ở trong nỗi thống khổ thậm chí cho đến ngày tận thế. Chúng

ta không được ngủ trong suốt thời gian ấy.

Giêsu, giữa sự bỏ rơi của tất cả này, kể cả những người bạn được chọn của mình để thức cùng, thấy họ đang ngủ, lấy làm phiền lòng bởi sự nguy hiểm mà họ đối mặt, không phải Ngài, mà chính bản thân họ, và báo cho họ biết về sự cứu rỗi cũng như phúc lành của chính họ, với một sự âu yếm chân thành dành cho họ trong khi họ vô ơn, và báo cho họ biết rằng tình thần thì hăng hái nhưng thể xác lại yếu đuối.

Giêsu, khi thấy họ vẫn đang ngủ, không có bất cứ sự lưu tâm nào đến bản thân họ và Ngài, có lòng tốt để không đánh thức họ và để họ nghỉ ngơi.

Giêsu cầu nguyện trong sự không chắc chắn về ý muốn của Chúa Cha, và sợ cái chết; nhưng khi đã biết, Ngài bước về phía trước hiến mình cho cái chết. *Eamus. Processit.* <sup>178</sup>

Giêsu đã cậy nhờ con người và không được chấp thuận.

Giêsu, trong khi các môn đồ của Người đang ngủ, đã thực hiện việc cứu chuộc họ. Ngài đã làm điếu đó cho mỗi người chính trực trong khi họ ngủ, cả trong sự hư vô của họ trước khi chào đời và trong những tội lỗi của họ sau khi được sinh ra.

Ngài Cầu chỉ một lần cất chén thánh khỏi mình, và sau đó với sự phục tùng; và hai lần nếu cần thiết.

Giêsu mệt mỏi.

Giêsu, nhìn thấy tất cả những người bạn của Ngài đang ngủ và toàn bộ kẻ thù thì thức giấc, phó mặc bản thân hoàn toàn cho Chúa Cha.

Giêsu không thấy sự thù ghét nơi Giuđa, mà là mệnh lệnh của Thiên Chúa mà Ngài thích và chấp nhận, và thấy sự thù hận ấy quá ít đến độ gọi Giuđa là bạn.

Giêsu tách mình khỏi các môn đồ của Ngài để bước vào cơn thống khổ; ta cần phải tách mình khỏi những người gần gũi nhất và thân thiết nhất để học theo Ngài.

Giêsu trong cơn thống khổ và trong tai ách lớn nhất, chúng ta hãy cùng cầu nguyện lâu hơn.

Chúng ta khẩn cầu lòng nhân từ nơi Thiên Chúa, không bởi mong Ngài để chúng ta bình yên trong những đỗi bại của mình, mà vì Ngài có thể giải thoát chúng ta khỏi chúng.

Nếu Thiên Chúa đã chính tay đưa đến cho chúng ta những người thầy, Ồ! Tất nhiên chúng ta phải vâng lời họ với lòng nhiệt thành đến thế! Điều tất yếu và những kết quả xảy đến không thể khác.

“Hãy an ủi bản thân, người sẽ không tìm kiếm ta, nếu người đã không tìm thấy ta.

“Ta nghĩ về người trong cơn thống khổ, ta đã rỉ những giọt máu như thế vì người.

“Đó chính là cám dỗ ta hơn thử thách người, để nghĩ xem liệu người sẽ làm tốt việc này hay việc kia vào một tình huống không xảy ra; ta sẽ hành động trong người nếu điều đó xảy ra.

“Hãy để bản thân người được hướng dẫn bởi các luật của ta; nhìn xem ta hướng dẫn Đức Mẹ và các thánh như thế nào, những người để ta hành động trong họ.

“Chúa Cha yêu tất cả những gì ta làm.

Liệu người có muốn ta luôn trả giá bằng máu loài người của ta mà không có những giọt nước mắt của người?

“Sự cải hóa của người là công việc của ta; đừng sợ và cầu nguyện với

sự tin cậy như dành cho ta.

“Ta có mặt với người bằng Lời của ta trong Kinh Thánh, bằng Tinh thần của ta trong Giáo hội và bằng những sự truyền cảm, bởi sức mạnh của ta trong các linh mục, bằng lời cầu nguyện của ta với những người mộ đạo.

“Các thầy thuốc sẽ không chữa lành người, bởi cuối cùng người sẽ chết. Nhưng chính ta chữa lành cho người và khiến thân thể bất tử.

“Chịu đựng những xiềng xích và sự nô lệ nơi thân thể. Ta chỉ giải phóng người bây giờ khỏi sự nô lệ về tinh thần.

“Với người ta còn hơn một người bạn nào đó, bởi ta đã vì người làm nhiều điều hơn họ; họ không chịu đựng những gì ta đã chịu đựng từ người, và họ không chết vì người trong quãng thời gian không tin đạo và nhẫn tâm của người như ta đã làm, và như ta sẵn sàng làm, và làm giữa những người được chọn của ta - và tại Lễ Ban Thánh Thể”.

“Nếu biết những tội lỗi của mình, người sẽ ngã lòng.”

Tôi khi ấy sẽ ngã lòng, Thiên Chúa, vì tôi tin sự độc ác của những tội lỗi đó dựa trên sự quả quyết của Ngài.

“Không, bởi ta, qua ta mà người biết được chúng, có thể chữa lành người khỏi chúng, và đi đâu ta nói với người là một dấu hiệu cho thấy ta muốn chữa lành cho người. Càng chuộc lại những tội lỗi ấy của mình, người sẽ càng nhận thấy chúng, và người sẽ được bảo rằng: “Hãy xem, những tội lỗi của người được tha thứ.” Như thế, hãy sám hối vì những tội lỗi mà người còn che giấu, và vì sự hiểm độc bí ẩn của những gì người biết.”

Thiên Chúa, tôi hiến dâng Ngài tất cả.

“Ta yêu người nồng nhiệt hơn người đã yêu những vết nhơ của mình,

*ut immundus pro luto.*<sup>179</sup>

“Hãy để vinh quang đến với ta, không với người, loài giun đất.

“Hãy hỏi ông cha linh hướng của người, xem có khi nào những lời của chính ta với người là nguyên do của cái ác, của tính kiêu căng, hay tính hiếu kỳ.”

Tôi thấy trong mình vực sâu của tính kiêu căng, tính hiếu kỳ, và dục vọng. Không có mối quan hệ nào giữa tôi với Thiên Chúa, cũng không với Đức Giêsu công chính. Nhưng Ngài đã bị biến thành tội lỗi vì tôi; mọi sự trừng phạt của Thiên Chúa đổ xuống Ngài. Ngài tệ hơn tôi, và, tuyệt không căm ghét tôi, Ngài thấy mình vinh hạnh khi tôi đến với Ngài và cứu trợ Ngài.

Nhưng Ngài đã tự chữa lành cho mình, và còn hơn như thế sẽ chữa lành cho tôi.

Tôi cần thêm nỗi đau của mình vào nỗi đau của Ngài, và kết mình với Ngài; và Ngài sẽ cứu tôi khi cứu chính bản thân Ngài. Nhưng việc này không được trì hoãn tới tương lai.

*Eritis sicut dii scientes bonum et malum.*<sup>180</sup> Mỗi người sắm vai Thiên Chúa khi phán xét, “Điều này tốt hay xấu”; và con người sầu nào hoặc vui mừng quá mức với những sự kiện.

Hãy làm những việc nhỏ cứ như chúng là những việc lớn lao, vì vẻ uy nghiêm của Đức Giêsu, người làm những việc ấy bên trong chúng ta và sống cuộc sống của chúng ta; và làm những việc lớn lao cứ như chúng là những việc nhỏ và dễ dàng, vì sự toàn năng của Ngài.

**554.** Với tôi dường như Đức Giêsu chỉ cho phép chạm vào những vết thương của Ngài sau sự phục sinh của mình: *Noli me tangere.*<sup>181</sup> Chúng ta

phải hợp nhất bản thân mình chỉ với những đau đớn của Ngài.

Trong bữa Tiệc Ly, Người đã đem thân mình làm phép thánh thể như một người sắp chết; hiện thân mình với các môn đồ ở Emmaus như một người phục sinh từ cõi chết; hiện thân mình với toàn thể Giáo hội như người được lên thiên đàng.

**555.** “Đừng so sánh bản thân người với người khác, mà chỉ với ta. Nếu người không tìm thấy ta nơi những người mà người so sánh, ấy là người tự so mình với kẻ tũn tẻ. Nếu người tìm thấy ta nơi họ, hãy so bản thân người với ta. Nhưng người sẽ so sánh cái gì với ta đó, người hay ta trong bản thân người? Nếu là người, đó là một kẻ tũn tẻ; còn nếu đó là ta, thì người cho sánh ta với chính ta. Bây giờ ta là Thiên chúa trong tất cả.

“Ta nói với người, và thường khuyên người, vì người hướng dẫn của người không thể nói với người, bởi ta không muốn người thiếu một sự chỉ dẫn.

“Và có lẽ ta làm điếu đó với những người cầu nguyện của ông ta, và như thế ông ta dẫn người đi mà người không thấy điếu đó. Người sẽ không tìm kiếm ta, nếu người không có ta.

“Vậy thì đừng lo lắng.”

## -----

## NHỮNG ĐIỀU CĂN BẢN VỀ THIÊN CHÚA GIÁO

**556.**<sup>182</sup> ...Con người báng bỏ thứ họ không biết. Thiên Chúa giáo cốt ở hai điểm; với con người việc biết rõ cả hai điểm thì có tầnhệ trọng ngang nhau, và khi không biết cả hai thì cũng nguy hiểm tương đương; và cũng nhờ lòng nhân từ của Thiên Chúa ở chỗ Ngài đã đưa ra những chỉ dẫn cho cả hai.

Và tuy vậy họ nhân cơ hội để kết luận rằng một trong hai điểm này không tầntại từ cái vốn hẫ đã khiến họ suy luận ra điểm kia. Các nhà hiề triết từng nói rằng chỉ có một vị Chúa đã bị truy hại, người Do Thái bị ghét bỏ, và những người Thiên Chúa giáo còn bị hơn nữa. Nhờ ánh sáng tự nhiên mà họ thấy được rằng nếu có một tôn giáo thực sự trên trái đất, dòng chảy của mọi thứ phải hướng vềtôn giáo này như vềmộ trung tâm.

Toàn bộ dòng chảy của vạn vật phải xem sự thiết lập và sự vĩ đại của tôn giáo như mục đích của nó. Người ta phải có bên trong mình những tình cảm phù hợp với những gì tôn giáo dạy chúng ta. Và, cuối cùng, tôn giáo phải là mục đích và trung tâm mà mọi thứ hướng tới, rằng bất cứ ai biết các căn nguyên tôn giáo đều có thể đưa ra một lời giải thích vềtồn bộ bản chất của con người nói riêng và toàn bộ dòng chảy của thế giới nói chung.

Và trên nền tảng này họ nhân cơ hội báng bỏ Thiên Chúa giáo, bởi họ hiểu sai nó. Họ cho rằng tôn giáo này chỉ cốt ở việc thờ phụng một vị Chúa được xem là phi thường, đầy sức mạnh và bất tử; điếu này dứt khoát là hữu thầnl luận (*déisme*), hầ như rời xa Thiên Chúa giáo cũng như thuyết

vô thần, hoàn toàn đi ngược lại với nó. Và từ đó họ kết luận rằng tôn giáo này không thực, bởi họ không thấy rằng mọi thứ đều góp phần vào sự thiết lập nên chủ điểm này, rằng Thiên Chúa không hiện thân ra với con người bằng tất cả sự rõ ràng mà Ngài có thể tạo được.

Nhưng cử để họ kết luận những gì họ muốn trong việc chống lại hữu thần luận, họ sẽ chẳng kết luận được gì để chống lại Thiên Chúa giáo, vốn thực chất nằm ở phép lạ của Đấng Cứu chuộc, người mà, khi kết hợp trong mình cả hai bản chất, con người và thần thánh, đã kéo con người ra khỏi sự suy thoái của tội lỗi để hòa giải với Thiên Chúa trong con người thần thánh của Ngài.

Tôn giáo này như thế dạy con người hai lẽ thật: rằng có một vị Chúa mà con người có thể biết, và có một sự suy thoái trong bản chất khiến họ không xứng đáng với Ngài. Biết được cả hai điểm này thì quan trọng ngang nhau đối với con người; và con người biết Thiên Chúa mà không biết chính nỗi khốn khổ của mình thì cũng nguy hiểm ngang với việc biết nỗi khốn khổ của chính mình mà không biết Đấng Cứu chuộc có thể giải thoát mình khỏi nó. Biết chỉ một trong hai điểm này đưa đến, hoặc tính kiêu ngạo của những triết gia, những người đã biết Thiên Chúa và không biết về sự khốn khổ của mình, hoặc sự thất vọng nơi những người vô thần, biết về sự khốn khổ của mình nhưng không biết Đấng Cứu chuộc.

Và, vì việc biết cả hai điểm này cũng cần thiết như thế với con người, nên việc khiến cho ta biết chúng cũng là lòng thương xót như thế của Thiên Chúa. Thiên Chúa giáo làm điều này; cốt ở chính điều này.

Hãy cùng xem xét trật tự thế giới ở điểm này và xem có hay chăng việc mọi thứ không hướng đến sự thiết lập hai điểm chính yếu của tôn giáo này: Đức Giêsu là mục đích cuối cùng của tất cả, và là trung tâm mà tất cả hướng tới. Ai biết Ngài sẽ biết nguyên do của mọi sự.

Những ai sai lầm chỉ sai lầm khi không có cái nhìn về một trong hai điểm này. Người ta khi ấy có kiến thức tuyệt vời về Thiên Chúa nhưng lại thiếu cái biết về sự khốn khổ của mình, và biết về sự khốn khổ của mình mà không biết Thiên Chúa. Nhưng người ta không thể biết Đức Giêsu mà không biết đồng thời cả Thiên Chúa và sự khốn khổ của mình.

Và chính vì thế ở đây tôi sẽ không tiến hành chứng minh, qua những lý lẽ tự nhiên, hoặc sự tồn tại của Thiên Chúa, hay Ba Ngôi, hay sự bất tử của linh hồn, hay bất cứ điều gì thuộc loại đó; không chỉ bởi tôi không cảm thấy bản thân có đủ khả năng để tìm thấy trong thiên nhiên thứ thuyết phục những người vô thần cứng đầu, mà còn bởi sự biết đó mà không có Đức Giêsu là vô dụng và vô bổ. Khi một người được thuyết phục rằng những tỷ lệ thể hiện qua những con số là những chân lý phi vật chất, mãi như thế và phụ thuộc vào một chân lý đầu tiên, trong đó chúng tồn tại và người ta gọi đó là Thiên Chúa, tôi không nghĩ anh ta đã tiến xa trên con đường cứu rỗi bản thân.

Thiên chúa của người Thiên Chúa giáo không phải là một vị Chúa vốn chỉ là tác giả của những chân lý toán học hay trật tự của những nguyên tố; đó là quan điểm của những người ngoại đạo và những người theo phái khoái lạc. Ngài không chỉ là một vị Chúa thực thi sự quan phòng của Ngài với đời sống và hạnh phúc của con người, để ban cho những ai thờ phụng Ngài một cuộc sống lâu dài và hạnh phúc. Đó là phần của người Do Thái. Nhưng Thiên Chúa của Ápraham, Thiên Chúa của Ixaac [*Hebrew*, Yizhaq; *Pháp*, Isaac], Thiên Chúa của Giacóp [*Hebrew*, Ya'qob; *Pháp*, Jacob], Thiên Chúa của những người Thiên Chúa giáo, là một vị Chúa của tình yêu và sự an ủi; đó là một vị Chúa chiếm trọn tâm hồn và trái tim của những người mà Ngài sở hữu; đó là một vị Chúa khiến họ cảm biết được sự khốn khổ bên trong mình, và lòng nhân từ vô hạn của Ngài; kết hợp bản thân Ngài với tâm hồn sâu kín của họ, làm đầy tâm hồn ấy bằng sự khiêm

nhường, niềm vui, sự tự tin, tình yêu; khiến họ không có khả năng về mục đích nào khác hơn bản thân Ngài.

Tất cả những người tìm kiếm Thiên Chúa bên ngoài Đức Giêsu, và người dựa vào thiên nhiên, hoặc họ không tìm thấy ánh sáng thỏa mãn họ, hoặc đi tới việc tự tạo cho mình một phương cách để biết Thiên Chúa và phụng sự Ngài mà không có một người trung gian. Và qua đó, họ rơi vào hoặc chủ nghĩa vô thần hoặc hữu thần luận, là hai thứ chủ nghĩa mà Thiên Chúa giáo kinh tởm gần như ngang nhau.

Không có Đức Giêsu, thế giới không còn; bởi nó nhất thiết phải hoặc là bị hủy hoại hoặc là một địa ngục.

Nếu thế giới tồn tại để soi sáng con người về Thiên Chúa, thần tính của Ngài hắt sáng ngời ở khắp nơi trong thế giới ấy theo một cách không thể chối cãi; nhưng vì nó tồn tại chỉ bởi Đức Giêsu, vì Đức Giêsu và để dạy nhiều người về sự suy thoái cũng như sự cứu chuộc của họ, tất cả bày ra các bằng chứng về cả hai lẽ thật này.

Mọi sự xuất hiện đều không cho thấy một sự loại trừ hoàn toàn, hay một sự hiện diện rõ ràng của thần tính, mà là sự hiện diện của một vị Chúa ẩn mình. Tất cả đều mang đặc tính này.

...Kẻ duy nhất biết được bản chất của anh ta thì sẽ biết nó chỉ trở nên đáng thương chăng? Kẻ duy nhất biết đi đâu đó sẽ một mình bất hạnh sao?

...Anh ta không được mù lòa chẳng nhìn thấy một chút gì cả, cũng không được nhìn thấy đủ để tin mình có đi đâu đó; mà anh ta phải nhìn thấy đủ để biết rằng anh ta đã mất nó. Vì để biết rằng người ta đã mất gì, họ phải thấy và không thấy; và đó chính xác là trạng thái mà anh ta vốn tự nhiên ở trong đó.

...Anh ta chọn bên nào, thì tôi sẽ không để anh ta ở yên.

**557.** ...Bởi thế đúng là tất cả đều cho con người biết về tình cảnh của mình, nhưng anh ta cần phải hiểu rõ điều này: vì không phải tất cả đều cho biết Thiên Chúa, và không đúng là mọi thứ đều che khuất Thiên Chúa. Mà đúng thực rằng đồng thời Ngài ẩn mình khỏi những ai thử lòng Ngài, và hiện ra với những ai tìm kiếm Ngài, vì con người vừa không xứng với Ngài và vừa có khả năng tìm thấy Ngài; không xứng đáng bởi sự suy thoái của họ, có khả năng bởi bản chất ban đầu của họ.

**558.** Chúng ta sẽ kết luận điều gì từ toàn bộ cảnh tăm tối của chúng ta, nếu không phải là sự không xứng đáng của chúng ta?

**559.** Nếu mãi không còn bất cứ sự hiện diện nào của Thiên Chúa, sự mất đi vĩnh viễn này hẳn không rõ rệt, và cũng có thể liên quan tới sự vắng mặt của toàn bộ thần tính, cũng như sự bất xứng của nhiều người để biết Ngài; nhưng việc Ngài đôi khi xuất hiện, dù không liên tục, đã xóa bỏ sự mơ hồ. Nếu Ngài một lần xuất hiện, Ngài luôn tồn tại; và như thế người ta phải rút ra được đồng thời hai điều, rằng có một vị Chúa và con người không xứng với Ngài.

**560.** Chúng ta không nhận thấy được trạng thái vinh quang của Adam, cũng không hiểu bản chất của tội lỗi của ông, cũng như việc truyền lại tội lỗi ấy cho chúng ta. Có những điều đã diễn ra trong những hoàn cảnh vốn có một bản chất hoàn toàn khác với bản chất của hoàn cảnh của chúng ta và vượt quá khả năng hiểu được lúc này của chúng ta.

Sự biết về toàn bộ điều này chẳng giúp ích gì chúng ta như một phương tiện để thoát khỏi nó; và tất cả những gì chúng ta cần phải biết là chúng ta đau khổ, bị suy thoái, bị tách khỏi Thiên Chúa, nhưng được cứu chuộc bởi Đức Giêsu; và chúng ta có những bằng chứng kỳ diệu về Ngài trên đời này.

Như thế, hai luận chứng về sự suy thoái và cứu chuộc đều được rút ra từ những kẻ nghịch đạo vốn sống trong sự thờ ơ với tôn giáo, và từ những

người Do Thái, những kẻ thù không thể hòa giải.

**561.** Có hai cách để thuyết phục về những lẽ thật của tôn giáo chúng ta; một thông qua sức mạnh của lý lẽ, và một thông qua thẩm quyền của người nói.

Chúng ta không sử dụng cách thứ hai, mà sử dụng cách đầu tiên. Chúng ta không nói, “Phải tin điều này bởi Kinh Thánh, ngu ồn phát biểu điều này, là thần thánh”. Mà chúng ta nói rằng cần phải tin điều này bởi lý do này hay lý do kia, vốn là những lý lẽ yếu, vì lý trí có thể uốn thuận theo mọi thứ.

**562.** Không có gì trên thế gian mà không cho thấy sự khốn khổ của con người, hay lòng nhân từ của Thiên Chúa; cũng như sự yếu đuối của con người không có Thiên Chúa, hay sức mạnh của con người có Thiên Chúa.

**563.** Sẽ là một trong nhiều bối rối cho những người bị đầy địa ngục khi thấy rằng họ bị kết án bởi chính lý trí của họ, cái mà nhờ nó họ nghĩ chuyện lên án Thiên Chúa giáo.

**564.** Các lời tiên tri, tức các phép lạ và bằng chứng cho tôn giáo của chúng ta, không có một bản chất mà người ta có thể nói rằng chúng hoàn toàn có sức thuyết phục, nhưng chúng cũng thuộc một loại mà người ta không thể nói rằng thực vô lý khi tin chúng. Như thế có cả sự rõ ràng và sự tối tăm để soi sáng những người này và khiến cho những người khác khó hiểu. Nhưng sự rõ ràng này đạt tới mức nó vượt quá, hay ít nhất ngang bằng, với sự rõ ràng của đi đầu đối lập, cho nên không phải lý trí có thể quyết định con người không theo sự rõ ràng ấy, và do đó chỉ có thể là dục vọng hoặc ác tâm. Và bằng cách này ta có đủ bằng chứng để kết tội, và không đủ để thuyết phục; cho nên đừng như ở những người theo nó, đó là ân sủng, chứ không phải lý trí, khiến họ theo; và ở những người xa lánh nó, chính dục vọng, chứ không phải lý trí, khiến họ xa lánh nó.

*Vere discipuli, vere Israelita, vere liberi, vere cibus.*<sup>183</sup>

**565.** Bởi thế hãy nhận ra lẽ thật của tôn giáo trong chính chỗ tối tăm của tôn giáo, trong chút ánh sáng mà ta có ở nó, trong sự thờ ơ mà chúng ta có để biết về nó.

**566.** Người ta chẳng hiểu gì về những việc làm của Thiên Chúa, nếu chúng ta không chấp nhận một nguyên tắc rằng việc Ngài muốn che mắt những người này và soi sáng những người khác.

**567.** Hai lẽ trái ngược. Chúng ta phải bắt đầu với đi đầu đó; không có đi đầu đó chúng ta chẳng hiểu gì, và tất cả là dị giáo; và chúng ta thậm chí phải thêm vào cuối mỗi sự thật rằng sự thật đối lập là để được ghi nhớ.

**568.** Phản đối. Kinh Thánh rõ ràng đầy những vấn đề không được định đoạt bởi Chúa Thánh thần.

Câu trả lời. Trong trường hợp ấy chúng không làm tổn hại đức tin.

Phản đối. Nhưng Giáo hội đã định rằng tất cả đều thuộc về Chúa Thánh thần.

Câu trả lời. Tôi trả lời hai đi đầu: đi đầu tiên, Giáo hội chưa bao giờ định đi đầu đó; thứ hai, nếu có định như vậy, nó có thể được duy trì.

Liệu bạn có nghĩ các lời tiên tri được dẫn ra trong Phúc âm được kể lại để khiến bạn tin tưởng? Không, nó nhằm ngăn không cho bạn tin.

**569.** Những đi đầu hợp giáo luật - Những gì dị giáo vào buổi đầu Giáo hội phục vụ cho việc chứng minh những đi đầu hợp giáo luật.

**570.** Với chương về những đi đầu căn bản, cần phải thêm vào chương nói về những hình thức biểu tượng đề cập đến nguyên do của các kiểu loại: tại sao Đức Giêsu được tiên tri về lần xuống trần đầu tiên của Ngài; tại sao lại được tiên tri một cách khó hiểu về cách thức xuống trần.

**571.** Lý do tại sao. Các hình tượng - Chúng phải giao tiếp với dân thế tục và trả lại cho họ người được ký thác khế ước tình thần. Để đem lại đức tin vào Đấng Thiên sai, cần thiết phải có những lời tiên tri trước đó, và những lời tiên tri ấy cần được truyền đạt bởi những người không bị nghi ngờ, siêng năng, đáng tin cậy, nhiệt tâm phi thường, và được cả thế gian biết đến.

Để hoàn tất toàn bộ việc này, Thiên Chúa đã chọn dân thế tục này, những người mà Ngài đã ký thác các lời tiên tri về Đấng Thiên sai như là người giải phóng và người phân phát những lợi ích thế tục mà dân này yêu thích. Và như thế họ đã có sự nể trọng nhiệt kỳ lạ đối với các nhà tiên tri của họ và đã mang cho cả thế gian xem những quyển sách tiên báo về Đấng Thiên sai của họ, bảo đảm với mọi quốc gia rằng Ngài sẽ đến và theo cách được tiên báo trong các cuốn sách, mà họ mở toang cho toàn bộ thế gian. Nhưng dân này, bị đánh lừa bởi sự xuống trăn trong hèn mọn và nghèo khổ của Đấng Thiên sai, đã là những kẻ thù tàn ác nhất của Ngài. Thế nên họ, cái dân tộc trên thế gian này ít bị nghi ngờ ưu ái chúng ta nhất, dân tộc đúng mực nhất và nhiệt thành nhất vốn có thể được chỉ định vì luật của họ và các nhà tiên tri của họ, đã giữ các kinh sách không bị sai hỏng. Theo cách đó những người đã chối bỏ và đóng đinh Đức Giêsu, người bị xem là một xúc phạm đối với họ, lại là những người có trách nhiệm về những kinh sách minh chứng cho Ngài, và tuyên bố rằng Ngài sẽ là một tội đồ và bị chối bỏ, theo cách họ cho thấy rằng đó chính là Ngài qua việc chối bỏ Ngài, và Ngài được chứng minh như thế đồng thời bởi những người Do Thái ngay thẳng đã đón nhận Ngài và bởi những người không ngay thẳng đã chối bỏ Ngài, khi cả hai việc này đều đã được báo trước.

Vì thế các lời tiên tri có một ý nghĩa được che đậy, ý nghĩa thiêng liêng, mà dân này thù nghịch, ẩn dưới một ý nghĩa thế tục mà dân này yêu chuộng. Nếu ý nghĩa thiêng liêng được vén mở, họ chắc sẽ không có khả

năng yêu nó, và không có khả năng chịu đựng nó, họ chắc sẽ không nhiệt thành giữ gìn các kinh sách và lễ nghi của họ; và nếu họ từng yêu những lời hứa thiêng liêng này, và gìn giữ chúng không bị hư hại cho đến thời của Đấng Thiên sai, sự làm chứng của họ không còn sức mạnh, vì họ là những người bạn của Ngài.

Đây chính là lý do tại sao ý nghĩa thiêng liêng đó cần phải được che giấu; nhưng mặt khác, nếu ý nghĩa này bị che giấu đến độ đã chẳng có chút gì hiện ra, nó không thể được dùng như một minh chứng về Đấng Thiên sai. Khi ấy đi đâu gì đã được hoàn tất? Trong vô vàn các đoạn văn, nó được che giấu dưới ý nghĩa thế tục, và ý nghĩa ấy được vén mở hết sức rõ ràng trong một số đoạn; bên cạnh đó, thời gian và tình trạng của thế giới được tiên báo rõ ràng đến mức sáng tỏ hơn cả ánh sáng ban ngày. Và ở một số chỗ, ý nghĩa thiêng liêng này được diễn đạt rõ ràng đến mức hẳn phải bị đui mù, giống như đi đâu mà xác thịt bất tỉnh thần phải chịu đựng khi tinh thần ấy đã bị khuất phục, thì mới không nhận thấy.

Vậy hãy xem sự dẫn dắt của Thiên Chúa là gì. Ý nghĩa này được che giấu dưới một ý nghĩa khác trong vô số đoạn văn, và trong một vài đoạn, dù hiếm khi, nó được tiết lộ; nhưng theo cách sao cho các đoạn văn mà ý nghĩa ấy được ẩn giấu trong đó vẫn mang tính mập mờ, và có thể phù hợp với cả hai nghĩa; trong khi mà các đoạn văn trong đó ý nghĩa ấy được tiết lộ lại không chút mơ hồ và chỉ có thể phù hợp với ý nghĩa thiêng liêng.

Cho nên đi đâu này không thể dẫn chúng ta vào sai lầm và chỉ có một dân phạm tục đến thế mới có thể hiểu sai.

Bởi khi đi đâu tốt lành được hứa nhiều, đi đâu gì đã ngăn họ hiểu những đi đâu tốt lành thực sự, nếu không phải là sự tham lam của họ, thứ đã giới hạn ý nghĩa này trong phạm vi đi đâu tốt lành thế gian? Nhưng với những ai mà đi đâu tốt lành của họ nằm trong Thiên Chúa, họ hiểu đi đâu tốt lành này

chỉ là Thiên Chúa mà thôi. Bởi có hai căn nguyên chia rẽ ý muốn của con người: sự tham lam và lòng kính Chúa thương người. Như thế không phải rằng sự tham lam không thể tồn tại cùng với đức tin nơi Thiên Chúa, cũng không phải là lòng kính Chúa thương người không thể tồn tại cùng với sự giàu có thế gian; mà sự tham lam lợi dụng Thiên Chúa và thích thú thế gian, và lòng kính Chúa thương người thì ngược lại.

Mục đích tối hậu sẽ định danh cho vạn vật. Tất cả những gì ngăn chúng ta đạt tới mục đích ấy đều bị gọi là kẻ thù. Như thế các tạo vật, dù tốt, cũng sẽ là kẻ thù của những người công chính, khi chúng khiến họ quay lưng với Thiên Chúa, và ngay cả Thiên Chúa cũng là kẻ thù của những người mà Ngài làm hồng sự thèm khát của họ.

Như thế ý nghĩa của từ *kẻ thù* phụ thuộc vào mục đích tối hậu, những người công chính hiểu cụm từ đó ám chỉ những ham mê của mình, và những người thế tục hiểu từ đó chỉ người Babylon; và như thế những thuật ngữ này chỉ khó hiểu với người bất chính. Và đó chính là điều Isaia nói: *Signa legem in electis meis*,<sup>184</sup> và rằng Đức Giêsu sẽ là hòn đá gây vấp ngã. Nhưng “phúc thay người nào không vấp ngã vì tôi.”<sup>185</sup> Hôsê 14:10 nói một cách hoàn hảo, “Ai đủ khôn ngoan để hiểu được điều này, đủ thông minh để biết được điều ấy? Quả thật đường lối Đức Chúa rất mực thẳng ngay. Trên con đường này, người công chính sẽ hiên ngang tiến bước, còn kẻ gian ác sẽ phải té nhào.”

**572.** Giả thuyết về các tông đồ gian giáo. Thời gian rõ ràng, cách thức không phân minh. Năm bằng chứng có tính biểu trưng.

|      |                    |
|------|--------------------|
|      | {1600 nhà tiên tri |
| 2000 | {                  |
|      | {400 tản mát       |

**573.** Chứng mù của Sách Thánh - “Sách Thánh,” người Do Thái đã nói, “nói rằng chúng ta sẽ không biết Đấng Christ sẽ đến từ đâu (Gioan 7:27, và 12:34).<sup>186</sup> Sách Thánh nói rằng Đấng Christ còn đời đời và Ngài nói rằng Ngài sẽ chết. Như thế, Thánh Gioan nói, họ đã không tin, dù cho Ngài đã làm rất nhiều phép lạ, rằng lời của Isaia có lẽ được nên trọn, “Thiên Chúa đã làm cho mắt chúng ra đui mù,”<sup>187</sup> vân vân.

**574.** Sự cao quý - Tôn giáo là thứ cao quý đến độ thực đúng rằng những ai không muốn chịu vất vả để tìm kiếm nó, cho dù nó không rõ nghĩa, sẽ bị tước đi. Như thế người ta phàn nàn về điều gì, nếu tôn giáo ấy như thế có thể được tìm thấy thông qua việc tìm kiếm?

**575.** Mọi thứ đồng thời chuyển thành tốt với những người được chọn, thậm chí cả những chỗ mờ hồ của Kinh Thánh; bởi họ tôn kính chúng vì những đi đầu sáng tỏ thiêng liêng. Và mọi thứ chuyển thành xấu với phần còn lại của thế giới, thậm chí cả đi đầu rõ ràng; bởi họ báng bổ chúng do những chỗ mờ hồ mà họ không hiểu.

**576.** (Trật tự) Cách cư xử chung của con người với Giáo Hội: Thiên Chúa sẵn lòng làm cho đui mù và soi sáng - Kết quả khi đã chứng tỏ được thần tính của các lời tiên tri, phần còn lại phải được tin tưởng. Và qua đó chúng ta thấy trật tự của thế giới sẽ theo cách này. Các phép lạ của Cuộc sáng thế và Đại Hồng Thủy khi bị lãng quên, Thiên Chúa gửi luật và các phép lạ của Môsê, các nhà tiên tri đã tiên báo những đi đầu đặc biệt. Và để sắp đặt cho một phép lạ trường cửu, Ngài sửa soạn các lời tiên tri và sự hoàn thành của chúng. Nhưng vì các lời tiên tri có thể bị nghi ngờ, Ngài muốn khiến chúng vượt lên trên sự nghi ngờ...

**577.** Thiên Chúa đã khiến sự mù quáng của dân này thành công cụ cho lợi ích của người được chọn.

**578.** Có đủ sự rõ ràng để soi sáng người được chọn, và đủ sự mơ hồ để hạ thấp họ. Có đủ bóng tối để làm đui mù kẻ tội lỗi, và đủ ánh sáng để lên án họ và khiến họ không được tha thứ. Thánh Augustinus, Montaigne, Raimundo de Sabunde [*Pháp*, Raymond Sebond],

Phả hệ của Đức Giêsu trong Cựu Ước bị trộn lẫn với rất nhiều những thứ khác vô ích, đến độ không thể được phân định. Nếu Môsê chỉ giữ ghi chép về tổ tiên của Đức Giêsu, đi đâu đó hẳn quá rõ ràng. Nếu Ngài đã không ghi lại phả hệ của Đức Giêsu, nó có lẽ không đủ rõ ràng. Nhưng, sau cùng, bất cứ ai nhìn kỹ vào đó sẽ thấy được phả hệ của Đức Giêsu được phân định rõ ràng qua Tama, Rút, <sup>188</sup> vân vân.

Những ai xếp đặt những lễ hiến sinh này biết được sự vô ích của chúng; những ai đã tuyên bố về sự vô ích của chúng đã không ngừng thực hiện chúng.

Nếu Thiên Chúa đã cho phép chỉ một tôn giáo, nó đã được nhận ra quá dễ dàng; nhưng khi nhìn kỹ, người ta thấy được rõ ràng sự thật trong sự lộn xộn này.

Căn nguyên - Môsê là một người tài tình. Nếu, khi ấy, ngài chế ngự bản thân bằng lý trí, Ngài sẽ không nói đi đâu gì rõ ràng mà nó trực tiếp chống lại lý trí.

Như thế tất cả những gì có vẻ bên ngoài rất yếu lại có sức mạnh. Ví dụ; hai phả hệ của Thánh Mátthêu và Thánh Luca. Cái gì có thể rõ ràng hơn thế mà đi đâu này đã không được bàn định?

**579.** Thiên Chúa (và các Tông đồ), khi dự liệu được các hạt mầm kiêu ngạo có thể làm nảy sinh dị giáo và không muốn cho chúng cơ hội mọc lên từ những lời lẽ đúng đắn, đã đặt trong Kinh Thánh và các kinh cầu nguyện của Giáo hội những từ và những câu trái ngược nhau để cho ra kết quả của

chúng đúng lúc.

Cũng như trong đạo đức Ngài ban cho lòng kính Chúa thương người, thứ cho ra những kết quả chống lại lòng dục.

**580.** Thiên nhiên có những sự hoàn hảo để chỉ ra rằng nó là hình ảnh Thiên Chúa, và những khiếm khuyết cho thấy nó chỉ là hình ảnh của Ngài.

**581.** Thiên Chúa có ý thiên về ý chí hơn là trí năng. Sự rõ ràng hoàn toàn có ích cho trí năng và có hại cho ý chí. Làm giảm tính kiêu ngạo.

**582.** Chúng ta tạo ra một tượng thánh từ chính lẽ thật, vì lẽ thật ngoài lòng kính Chúa thương người không phải là Thiên Chúa, mà là hình ảnh và tượng thánh của Ngài mà chúng ta không được kính yêu và thờ phụng; và thậm chí cần phải ít hơn nữa trong việc yêu hay thờ phụng thứ ngược lại của nó, tức là, sự giả dối.

Tôi có thể dễ dàng yêu cảnh hoàn toàn tối tăm; nhưng nếu Thiên Chúa giữ tôi trong một cảnh tranh tối tranh sáng, sự mờ tối đó khiến tôi khó chịu, và vì tôi không thấy trong đó lợi ích của sự hoàn toàn tối tăm, nên nó khó chịu đối với tôi. Đó là một khuyết điểm và là một dấu hiệu rằng tôi tạo ra cho chính mình một ngẫu tượng bóng tối bên ngoài trật tự của Thiên Chúa. Giờ chỉ trật tự của Ngài phải được tôn thờ.

**583.** Những người lấu cá [*malins*] là những người biết được lẽ thật, nhưng chỉ bảo vệ nó chừng nào còn phù hợp với lợi ích của chính họ. Còn ngoài ra, họ từ bỏ nó.

**584.** Thế giới còn tồn tại là vì sự thực thi lòng khoan dung và sự phán xét, không phải như những người đã được đặt vào đó từ bàn tay của Thiên Chúa, mà như những kẻ thù nghịch Ngài; và Ngài cho họ đủ ánh sáng, qua ân sủng, để quay lại với Ngài, nếu họ muốn tìm kiếm và đi theo Ngài; nhưng cũng để trừng phạt họ, nếu họ từ chối tìm kiếm và đi theo Ngài.

**585.** Rằng Thiên Chúa đã muốn ẩn thân. - Nếu chỉ có một tôn giáo, Thiên Chúa quả thực rõ ràng. Điều tương tự như thế có thể đúng, nếu không có những người tử vì đạo ngoại trừ trong tôn giáo của chúng ta.

Thiên Chúa ẩn mình như thế, tôn giáo nào không nói rằng Thiên Chúa ẩn mình thì không phải là tôn giáo thực sự; và tôn giáo nào không lý giải việc này thì không mang tính soi sáng. Tôn giáo của chúng ta làm được cả hai việc này: *Vere tu es Deus adconditus*.<sup>189</sup>

**586.** Nếu không có cảnh tối tăm, con người không cảm thấy được sự suy thoái của mình; nếu không có ánh sáng, con người không hy vọng về một phương thuốc chữa lành. Do đó, không chỉ công bằng, mà còn có lợi cho chúng ta khi Thiên Chúa ẩn đi một phần và hiển lộ một phần; bởi thật nguy hiểm cho con người khi biết Thiên Chúa mà không biết sự khốn khổ của mình, cũng như khi biết sự khốn khổ của bản thân mà không biết Thiên Chúa.

**587.** Tôn giáo này vô cùng lớn lao ở các phép lạ, các vị thánh, những người hết mực trung thành, những người không thể chê trách, những chứng nhân thông thái và vĩ đại, những người tử vì đạo; những vị vua đã được chứng minh như Davit [*Hebrew*, Dāwīd]; và Isaia vương tử huyết thống; và vô cùng lớn lao trong sự hiểu biết tường tận, sau khi đã phô bày mọi phép màu và mọi sự thông thái của nó. Nhưng tôn giáo này bác bỏ toàn bộ điều này, và tuyên bố rằng nó không có sự khôn ngoan lẫn những dấu hiệu, mà chỉ có thập giá và tính ngây dại [*la folié*].

Vì những người, qua các dấu hiệu và sự thông thái này, đã xứng đáng với niềm tin của bạn, và những người đã cho bạn thấy tính cách của họ, tuyên bố với bạn rằng chẳng gì từ toàn bộ điều này có thể thay đổi bạn, và làm cho bạn khả năng biết và kính yêu Thiên Chúa, ngoại trừ sức mạnh của tính ngây dại của cây thập giá, không có sự thông thái, không các dấu hiệu,

và không phải các dấu hiệu không có sức mạnh này. Như thế tôn giáo của chúng ta là ngây dại khi nhìn vào nguyên do có thật và uyên bác khi nhìn vào sự thông thái vốn sắp đặt cho nó.

**588.** Tôn giáo của chúng ta uyên bác và ngây dại. Uyên bác, bởi đó là tôn giáo thông thái nhất và dựa nhiều nhất vào các phép lạ, các lời tiên tri... Ngây dại bởi không phải toàn bộ điều này khiến chúng ta thuộc về nó. Điều này khiến chúng ta, quả thực, lên án những ai không thuộc về nó, nhưng lại không tin những ai thuộc về nó. Thứ khiến họ tin tưởng là cây thập giá, *ne evacuata sit crux*.<sup>190</sup> Và như thế Thánh Paul, người đã đến với sự thông thái và các dấu hiệu, nói rằng Ngài đến không có sự thông thái lẫn những dấu hiệu; vì Ngài đã đến để chuyển hóa. Nhưng những ai đến chỉ để thuyết phục, có thể nói rằng họ đến với sự thông thái và những dấu hiệu.

## IX

### TÍNH VĨNH TỒN

**589.** Về dĩ kiện rằng Thiên Chúa giáo không phải là tôn giáo duy nhất. Điều này tuyệt không hề là một lý do để tin rằng tôn giáo này không phải là tôn giáo thực sự, đến độ, ngược lại, nó khiến chúng ta thấy rằng tôn giáo này là như thế.

**590.** Con người cần phải chân thành trong mọi tôn giáo; kẻ ngoại đạo thực sự, người Do Thái thực sự, người Thiên Chúa giáo thực sự.

**591.**

Đức Giêsu

Người ngoại đạo | Mahomet

Không biết về Thiên Chúa

**592.** Tính giả tạo của những tôn giáo khác - Họ không có chứng nhân. Người Do Thái có. Thiên Chúa thách các tôn giáo khác đưa ra những dấu hiệu như thế: Isaia 43.9; 44.8.<sup>191</sup>

**593.** Lịch sử Trung Hoa<sup>192</sup> - Tôi chỉ tin các sách lịch sử, mà các chứng nhân của chúng đã tuần tiết.

Môse hay Trung Hoa, bên nào đáng tin cậy hơn?

Đây không phải là vấn đề nhìn đi đâu này một cách tóm lược. Tôi nói với bạn có bên trong nó đi đâu gì đó làm đui mù, và đi đâu gì đó soi sáng.

Bằng chỉ từ này tôi khiến mọi lý lẽ của bạn sụp đổ. “Nhưng Trung Hoa mịt mù”, bạn nói; và tôi trả lời, “Trung Hoa mịt mù, nhưng có sự sáng tỏ sẽ được tìm thấy; hãy tìm kiếm đi đâu đó”.

Như thế tất cả những gì bạn nói hướng về một trong số các quan điểm và không hề chống lại quan điểm khác. Như thế đi đâu này có lợi và không gây hại.

Bởi thế cần phải nhìn kỹ đi đâu này. Cần phải đặt vấn đề ra bàn thảo.

**594.** Chống lại lịch sử Trung Hoa - Các sử gia México, năm mặt trời,<sup>193</sup> mặt trời cuối cùng trong số đó chỉ có tám trăm năm tuổi.

Sự khác biệt giữa một cuốn sách được chấp nhận bởi một dân tộc và một cuốn sách hình thành nên một dân tộc.

**595.** Tính giả tạo của những tôn giáo khác.

Mahomet không có thẩm quyền. Những lý lẽ của ông ta hồi đó hẳn đã rất mạnh, chỉ có sức mạnh của chính chúng. Vậy ông ta nói gì khi ấy mà chúng ta phải tin vào ông ta?

**596.** Các thánh vịnh được ngân nga trên khắp thế gian.

Ai mang đến những sự làm chứng cho Mahomet? Bản thân ông ta. Đức Giêsu muốn sự làm chứng của chính Ngài là không gì cả.<sup>194</sup>

Tư cách của các nhân chứng đòi hỏi sự tồn tại của họ phải mãi mãi và ở khắp nơi; và ông ta, con người khốn khổ, chỉ có một mình.

**597.** Chống lại Mahomet -Bảo rằng Koran là của Mahomet thì cũng chẳng khác gì bảo rằng Phúc âm là của Thánh Máthêu, vì nó được biết bao tác giả trích dẫn từ thế kỷ này qua thế kỷ khác. Ngay cả các kẻ thù của nó, Kélsos [*Pháp*, Celse; *Anh*, Celsus] và Porphyrios [*Pháp*, Porphyre; *Anh*, Porphyry], cũng chưa bao giờ phủ nhận nó.

Koran nói Thánh Mátthêu là một người chân thật.<sup>195</sup> Bởi thế Mahomet không phải là một nhà tiên tri thật khi gọi những người chân thật là xấu xa, hay khi không đồng ý với những gì họ đã nói về Đức Giêsu.

**598.** Đó không phải bởi đi đầu vốn mơ hồ nơi Mahomet, và vốn có thể được diễn giải theo một nghĩa thần bí, mà tôi muốn người ta đánh giá ông ta, mà bởi đi đầu sáng tỏ, bởi thiên đàng của ông ta và phần còn lại. Ông ta nực cười chính ở chỗ đó. Và bởi đi đầu sáng tỏ ấy nực cười, nên thật là không đúng khi xem những đi đầu mơ hồ của ông ta như những đi đầu thần bí.

Với Kinh Thánh lại không như thế. Tôi đồng ý rằng có trong đó những chỗ tối tăm cũng kỳ lạ như những chỗ tối tăm của Mahomet; nhưng có những đoạn rõ ràng đáng ca tụng và các lời tiên tri được hoàn thành một cách rõ ràng. Bởi thế, không thể xếp các trường hợp như thế ngang hàng với nhau. Không được phép lầm lẫn và đặt ngang hàng những việc chỉ giống nhau ở những điểm tối tăm, và không phải ở sự rõ ràng, vốn cần phải có để ta sùng kính những điểm tối tăm.

**599.** Sự khác nhau giữa Đức Giêsu và Mahomet - Mahomet không được tiên báo; Đức Giêsu được tiên báo.

Mahomet đã giết; Đức Giêsu đã khiến cho chính Ngài bị giết.

Mahomet cấm đọc; các Tông đồ chỉ thị đọc.

Thực tế, cả hai đối lập đến mức, nếu Mahomet đã chọn con đường để thành công từ quan điểm thế gian, Đức Giêsu, cũng từ quan điểm ấy, chọn con đường dẫn tới cái chết. Và thay vì kết luận rằng, bởi Mahomet đã thành công, Đức Giêsu đã có thể rất thành công, cần phải nói rằng, bởi Mahomet thành công, nên Đức Giêsu cần phải chết.

**600.** Bất cứ ai cũng đều có thể làm đi đầu Mahomet đã làm. Bởi ông ta đã không thực hiện những phép lạ, ông ta đã không được tiên báo. Không

người nào có thể làm được điều mà Đấng Christ đã làm.

**601.** Ngày nay, ngoại giáo không có nền tảng. Trước đây người ta từng nói rằng nó đã có một nền tảng qua những lời sấm truyền. Nhưng đâu là những kinh sách đảm bảo cho chúng ta về điều này? Liệu chúng có thực sự xứng với niềm tin qua đức hạnh của các tác giả ấy không? Liệu chúng có được gìn giữ cẩn thận đến mức người ta có thể đảm bảo rằng chúng không bị làm hư hại?

Các tôn giáo của Mahomet có Koran và Mahomet làm nền tảng. Nhưng nhà tiên tri này, hẳn là sự trông đợi cuối cùng của thế giới, có được tiên báo không? Và dấu hiệu gì ông ta có mà lại không có ở mọi người khác vốn quyết định tự xưng là nhà tiên tri? Những phép lạ nào mà chính ông ta nói mình đã thực hiện? Những điều thần bí nào ông ta đã truyền dạy, thậm chí theo chính truyền thống của mình? Đạo đức là thế nào, hạnh phúc to lớn là thế nào!

Do Thái giáo phải được nhìn nhận khác. Trong truyền thống của sách thánh và trong truyền thống của dân này. Đạo đức và hạnh phúc của tôn giáo này vô lý trong truyền thống của dân chúng, nhưng đáng ca tụng trong truyền thống của sách thánh. (Và mọi tôn giáo đều như thế; vì Thiên Chúa giáo theo Kinh Thánh và theo những thầy giải nghi thì rất khác nhau). Nền tảng thì tuyệt vời; đó là quyển sách cổ nhất trên thế giới, và xác thực nhất; và trong khi Mahomet, để khiến quyển sách của chính ông tiếp tục tồn tại, đã cấm người ta đọc cuốn sách cổ nhất đó,<sup>196</sup> Môsê, cũng vì lý do đó, chỉ thị mọi người đọc sách của ông.<sup>197</sup>

Tôn giáo của chúng ta thần thánh đến mức tôn giáo thần thánh khác chỉ là nền tảng của nó.

**602.** Trật tự - Để thấy cái gì là rõ ràng và không thể tranh cãi trong toàn

bộ hoàn cảnh của người Do Thái.

**603.** Do Thái giáo hoàn toàn thần thánh trong thẩm quyền của nó, thời gian của nó, tính vĩnh cửu của nó, đạo đức của nó, giáo lý của nó, và những ảnh hưởng của nó.

**604.** Sự thông hiểu duy nhất trái với những lẽ thông thường và bản chất con người là sự thông hiểu duy nhất vốn luôn tồn tại giữa con người.

**605.** Tôn giáo duy nhất trái với bản chất, lẽ thông thường, và niềm vui của chúng ta là tôn giáo duy nhất vốn luôn tồn tại.

**606.** Không tôn giáo nào ngoài tôn giáo của chúng ta đã dạy rằng, con người sinh ra trong tội lỗi. Không trường phái nào của các triết gia từng nói điều này. Bởi thế chẳng ai nói lên được sự thật.

Không trường phái hay tôn giáo nào mãi tồn tại trên thế gian, trừ Thiên Chúa giáo.

**607.** Những ai xem xét tôn giáo của người Do Thái qua những sự thô thiển của nó sẽ hiểu sai nó. Tôn giáo này được thấy rõ trong các sách thánh, và trong truyền thống của các nhà tiên tri, những người đã khiến nó đủ dễ hiểu mà đã không diễn giải luật theo nghĩa đen. Như thế tôn giáo của chúng ta thần thánh trong Phúc âm, trong những Tông đồ và trong truyền thống; nhưng lại vô lý trong những ai giả mạo nó.

Đấng Thiên sai, theo những người Do Thái phạm tục, hẳn phải là một vị vua thế tục vĩ đại. Đức Giêsu, theo những người Thiên Chúa giáo phạm tục, <sup>198</sup> đã đến để miễn chúng ta khỏi tình yêu Thiên Chúa, và đem đến cho chúng ta những phép bí tích vốn sẽ làm mọi việc mà không có chúng ta. Những tôn giáo như thế không phải là của người Thiên Chúa giáo, cũng không của người Do Thái. Người Do Thái thực sự và người Thiên Chúa giáo thực sự đã luôn trông đợi một Đấng Thiên sai vốn có thể khiến họ yêu

Thiên Chúa và qua tình yêu này chiến thắng mọi kẻ thù của họ.

**608.** Những người Do Thái phạm tục giữ vị trí ở giữa những người Thiên Chúa giáo và những người ngoại đạo. Những người ngoại đạo không biết Thiên Chúa, và chỉ yêu thế gian. Những người Do Thái biết Thiên Chúa thực sự và chỉ yêu thế gian. Những người Thiên Chúa giáo biết Thiên Chúa thực sự, và không yêu thế gian. Những người Do Thái và những người ngoại đạo yêu cùng đi đầu tốt. Những người Do Thái và những người Thiên Chúa giáo biết cùng Thiên Chúa.

Người Do Thái có hai kiểu; kiểu thứ nhất chỉ có những tình cảm ngoại đạo, kiểu thứ hai có những tình cảm Thiên Chúa giáo.

**609.** Có hai loại người trong mỗi tôn giáo.

Trong số những người ngoại đạo, những người tôn thờ các loài thú và những người thờ phụng chỉ một Thượng đế trong tôn giáo tự nhiên.

Trong số những người Do Thái, những người phạm tục và những người có hướng tâm linh vốn đã là người Thiên Chúa giáo theo luật cũ.

Trong số những người Thiên Chúa giáo, những người thô lậu vốn là người Do Thái theo luật mới.

Những người Do Thái phạm tục trông đợi Đấng Thiên sai thế tục; những người Thiên Chúa giáo thô lậu tin rằng Đấng Thiên sai đã miễn họ khỏi tình yêu Thiên Chúa; người Do Thái và Thiên Chúa giáo thực sự thờ phụng một Đấng Thiên sai khiến họ kính yêu Thiên Chúa.

**610.** Để chứng minh rằng người Do Thái và người Thiên Chúa giáo thực sự có cùng một tôn giáo - Tôn giáo của người Do Thái dường như về bản chất cốt ở tư cách làm cha của Ápraham, ở lễ cắt bì, những lễ hiến tế, những lễ nghi, ở Hòm bia giao ước, đến thờ, Giêrusalem, và cuối cùng, ở luật, và ở giao ước của Môsê.

Tôi nói rằng tôn giáo này không chủ yếu nằm trong đi đâu nào trong những đi đâu này, mà chỉ ở tình yêu Thiên Chúa, và rằng Ngài xem nhẹ tất cả các đi đâu khác.

Thiên Chúa đã không chấp nhận con cháu Ápraham.

Rằng người Do Thái sẽ bị trừng phạt như những dân ngoại, nếu họ vi phạm. Đệ nhị luật 8:19, “Nhưng nếu chẳng may anh (em) quên lãng Đức Chúa, Thiên Chúa của anh (em), mà theo các thần khác, phụng thờ và sụp xuống lạy chúng, thì hôm nay tôi cảnh cáo anh em: chắc chắn anh em sẽ bị diệt vong, *như các dân mà Đức Chúa sắp tiêu diệt cho khuất mắt anh em.*” <sup>199</sup>

Những dân ngoại này được Ngài nhận như người Do Thái, nếu họ yêu Ngài. Isaia 56:3, “Người ngoại bang gắn bó cùng Đức Chúa chớ nói rằng: ‘Hẳn Đức Chúa đã tách tôi ra khỏi dân Người.’” “Người ngoại bang nào gắn bó cùng Đức Chúa để phụng sự Người và yêu mến thánh danh,<sup>200</sup> đều được ta dẫn lên núi thánh.... Trên bàn thờ của ta, ta sẽ ưng nhận những lễ toàn thiêu và hy lễ chúng dâng, vì nhà của ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện...”<sup>201</sup>

Rằng những người Do Thái thực sự, họ chỉ xem công trạng của mình là từ Thiên Chúa, chứ không từ Ápraham. Isaia 63:16, Vì chính Người là Cha chúng tôi, Ápraham đâu có biết chúng tôi. Israel đâu có nhận ra chúng tôi. Chính Người là Cha chúng tôi, Đấng chuộc lấy chúng tôi từ ngàn xưa, đó là Danh Người.”

Chính Môsê đã nói với họ rằng Thiên Chúa không chấp nhận những người ấy. Đệ nhị luật 10:17, “Thiên Chúa”, ông nói, “Đấng không thiên vị ai và không nhận quà hối lộ”.

Ngày Sabat chỉ là một dấu hiệu, Xuất hành 31:13;<sup>202</sup> và trong ký ức về cuộc vượt thoát khỏi Ai Cập, Đệ nhị luật 5:19.<sup>203</sup> Vì thế nó không còn cần thiết nữa, bởi Ai Cập phải bị lãng quên.<sup>204</sup>

Lễ Cắt bì chỉ là một dấu hiệu, Sáng thế 17:11.<sup>205</sup> Và từ đó xảy ra thực tế là, khi ở trong sa mạc, họ đã không làm lễ cắt bì, bởi họ không thể bị nhâm lẫn với các dân khác.<sup>206</sup> Và sau khi Đức Giêsu tới, việc đó không còn cần thiết nữa.

Việc cắt bì trong tâm hồn được ban thành lệnh. Đệ nhị luật 10:16;<sup>207</sup> Giêrêmia 4:4, “hãy cắt bì lòng dạ các người; hãy bỏ đi những thứ thừa thãi; và chớ ngoan cố nữa. Bởi Thiên Chúa của các người là Chúa toàn năng, có sức mạnh và đáng sợ, không chấp nhận ai.”<sup>208</sup>

Thiên Chúa nói rằng Ngài sẽ làm việc ấy một ngày nào đó. Đệ nhị luật 30:6: “Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, sẽ cắt bì tâm hồn anh em và tâm hồn dòng dõi anh em, để anh em yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, hết lòng hết dạ.”

Ai không tham gia việc cắt bì trong lòng sẽ bị phán xét. Theo Giêrêmia 9:26, Thiên Chúa hạch tội những dân không cắt bì, cũng như toàn thể nhà Ísraen, bởi họ là “những kẻ không cắt bì trong lòng”.

Rằng cái ở bên ngoài không giúp ích được gì nếu không có cái ở bên trong. Giôn 2:13, *Scindite corda vestra* [Hãy xé lòng], v.v...; Isaia 58:3-4,<sup>209</sup> v.v...

Tình yêu Thiên Chúa được gửi gắm trong toàn bộ Đệ nhị luật. Đệ nhị luật 30:19, “Hôm nay, tôi lấy trời đất làm chứng cáo tội anh em: tôi đã đưa ra cho anh em chọn được sống hay phải chết... hãy chọn sống, *hãy yêu mến*

*Đức Chúa, và nghe tiếng Người.”*<sup>210</sup>

Rằng những người Do Thái, bởi thiếu tình yêu này, sẽ bị bắt chịu hình phạt đời đời bởi những tội lỗi của họ, và những người ngoại đạo được chọn thay cho họ. Hôsê 1:10;<sup>211</sup> Đệ nhị luật 32:20. “Người phán: “Ta sẽ ẩn mặt đi không nhìn chúng, để xem hậu vận chúng ra sao; vì chúng là giống nòi tráo trở, những đứa con chẳng chút tín trung. *Chúng đã thờ các thần không phải là Thiên Chúa khiến ta phải ghen tương; ta sẽ dùng một dân không phải là dân khiến chúng phải ghen tương, dùng một dân tộc ngu si...*<sup>212</sup> Isaia 65:i.<sup>213</sup>

Rằng những cái tốt nhất thời là giả tạo, và cái tốt đích thực được kết hợp với Thiên Chúa. Thánh vịnh 143:15.<sup>214</sup>

Rằng những kỳ lễ của họ không làm Thiên Chúa đẹp lòng. Amốt 5:21.<sup>215</sup>

Rằng các hy lễ của người Do Thái đã không làm Thiên Chúa đẹp lòng. Isaia 66:1-3;<sup>216</sup> 1:11;<sup>217</sup> Giêrêmia 6:20;<sup>218</sup> David, *Miserere*.<sup>219</sup> Ngay cả về phía cái tốt, *Expectavi*.<sup>220</sup> Thánh vịnh 49:8, 9, 10, 11, 12, 13, và 14.<sup>221</sup>

Rằng Ngài đã thiết lập những đi đầu đó chỉ bởi sự khó nhọc của họ. Thực tuyệt diệu Mikha 6;<sup>222</sup> Các vua 15:22;<sup>223</sup> Hôsê 6:6?<sup>224</sup>

Rằng những hy lễ của dân ngoại sẽ được Thiên Chúa chấp nhận, và Ngài sẽ không thích những hy lễ của người Do Thái. Malakhi 1:11.<sup>225</sup>

Rằng Thiên Chúa sẽ lập giao ước mới với Đấng Thiên sai, và giao ước cũ sẽ bị hủy bỏ. Giêrêmia 31:31.<sup>226</sup> *Mandata non bona*. Êdêkien.<sup>227</sup>

Rằng những đi đầu cũ sẽ bị lãng quên, Isaia 43:18-19;<sup>228</sup> 65:17-18.<sup>229</sup>

Rằng Hòm bia giao ước sẽ không còn được nhớ tới. Giêrêmia 3:15-16.<sup>230</sup>

Rằng đền thờ sẽ bị chối bỏ. Giêrêmia 7:12-14.<sup>231</sup>

Rằng những hy lễ sẽ bị chối bỏ, và những hy lễ thanh sạch khác sẽ được thiết lập. Malakhi 1:11.

Rằng chức tư tế của Aharon [*Anh* & Pháp Aaron] cần bị chối bỏ và chức tư tế của Menkixêđê [*Pháp*, Melchisédech; *Anh*, Melchizedek]<sup>232</sup> được đưa ra bởi Đấng Thiên sai. Thánh vịnh. *Dixit Dominus*.<sup>233</sup>

Rằng chức tư tế này sẽ bất diệt phải là muôn thuở. (Được dẫn như ở trên).<sup>234</sup>

Rằng Giêrusalem cần bị chối bỏ, và Roma được thừa nhận. Thánh vịnh. *Dixit Dominus*.

Rằng danh của người Do Thái sẽ bị chối bỏ, và được đặt tên mới. Isaia. 65:15.<sup>235</sup>

Rằng danh mới này tốt hơn danh của người Do Thái, và tồn tại mãi. Isaia 56:5.<sup>236</sup>

Rằng những người Do Thái hẳn không có những nhà tiên tri (Amốt), không có một vị vua, không có những ông hoàng, không có hy lễ, không có những tượng thánh.<sup>237</sup>

Rằng người Do Thái, tuy vậy, vẫn luôn là một dân tộc. Giêrêmia, 31:36.<sup>238</sup>

**611.** Cộng hòa - Nền Cộng hòa Thiên Chúa giáo - và thậm chí Do Thái - chỉ có Thiên Chúa là người trị vì, như triết gia Philon người Do Thái

nhận xét, trong tác phẩm “De monarchia” (Về chế độ quân chủ).

Khi họ chiến đấu, thì chỉ vì Thiên Chúa; niềm hy vọng chính của họ chỉ ở Thiên Chúa; họ xem những thành thị của họ chỉ của Thiên chúa, và giữ chúng vì Ngài. 1 Sử biên niên 19:13.<sup>239</sup>

**612.** Sáng thế 17:7, *Statuam pactum meum inter me et te foedere sempiterno ... ut sis Deus tuus ...*<sup>240</sup>

*Et tu ergo custodies pactum meum.*<sup>241</sup>

**613.** Tính vĩnh tồn - Tôn giáo này, đã luôn tồn tại ở thế gian, cốt ở việc tin rằng con người rơi khỏi một tình trạng vinh quang và đánh mất mối liên lạc với Thiên Chúa để rơi vào trạng thái đau buồn, sám hối, và xa rời Thiên Chúa, nhưng sau đời sống này chúng ta sẽ được cứu chuộc bởi một Đấng Thiên sai sẽ đến. Mọi thứ đã qua đi, và đi đâu này vẫn tồn tại, mọi thứ hiện hữu vì nó.

Con người ở thời kỳ đầu tiên nơi thế gian này đã bị cuốn vào đủ mọi hình thức truy lạc, nhưng vẫn đã có những vị thánh, như Khanốc [*Pháp*, Énoch; *Anh*, Enoch; *Hebrew*, Chanoch hoặc Hanokh], Laméc [*Pháp & Anh*, Lamech; *Hebrew*, Lemek], và những người khác, những người chờ đợi một cách kiên nhẫn Đấng Christ đã được hứa hẹn từ khi bắt đầu thế giới. Ông đã nhìn thấy sự ác tâm con người đạt tới mức độ cao nhất; và ông được xem là xứng đáng để cứu thế giới trong bản thân ông, qua sự trông đợi về Đấng Thiên sai mà ông là hình ảnh. Ápraham bị vây quanh bởi những người tôn sùng, khi Thiên Chúa báo cho ông ta biết về sự mầu nhiệm của Đấng Thiên sai, người mà ông ta đã chào đón từ xa xưa.<sup>242</sup> Vào thời của Ixaac và Giacóp, đi đâu ghé thăm lan tràn khắp mặt đất; nhưng các vị thánh này sống trong đức tin của họ; và Giacóp, khi hấp hối và ban phước cho các con của mình, đã khóc trong nỗi xúc cảm mãnh liệt vốn ngất ngưởng lời

nói của ông, “Con trông đợi, ôi Đức Chúa, Đấng Cứu thế mà Ngài đã hứa. *Salutare tuum expectabo, Domine.*”<sup>243</sup> Người Ai Cập đã bị cả sự sùng bái và ma thuật đầu độc, chính dân của Thiên Chúa cũng bị dẫn đi sai đường bởi gương xấu của họ. Nhưng trong khi Môsê và những người khác thấy Ngài mà dân kia không thấy, và thờ phụng Ngài, khi hướng tới những phần thưởng luôn còn mãi mà Ngài đã chuẩn bị cho họ.

Những người Hy Lạp và Latinh sau đó đã dựng lên những vị thần giả; các thi sĩ tạo ra hàng trăm sách thần học đủ loại. Các triết gia bị chia tách thành hàng ngàn trường phái khác nhau; và trong khi ở giữa Giuđê [*Pháp, Judée; Anh, Judea; Hebrew, Yehudah*] luôn có những người được chọn, những người đã tiên liệu sự xuất hiện của Đấng Thiên sai này, đi đầu mà chỉ có họ được biết.

Cuối cùng Ngài đã đến vào thời gian thích hợp, và từ đó người ta đã chứng kiến sự ra đời của rất nhiều sự chia rẽ và tà thuyết, rất nhiều cuộc lật đổ nhà nước, rất nhiều sự thay đổi trong tất cả mọi thứ; và Giáo Hội này, thờ phụng Ngài, người đã luôn được thờ phụng, đã tồn tại một cách không gián đoạn và đi đầu này thực tuyệt diệu, không thể so sánh, hoàn toàn thần thánh rằng tôn giáo này, vốn luôn tồn tại, đã luôn bị tấn công. Đã hàng ngàn lần nó đã cận kề một sự hủy diệt toàn thể, và mỗi khi nó ở trong tình trạng này, Thiên Chúa đã khôi phục nó bởi những hành động phi thường từ quyền năng của Ngài. Điều này thật đáng kinh ngạc chính bởi nó đã được duy trì mà không chịu khuất phục và không phục tùng ý chí của những bạo chúa. Bởi không kỳ lạ gì khi một Nhà nước tồn tại, khi luật lệ của nó thỉnh thoảng bị buộc phải nhượng bộ cho sự tất yếu, nhưng đi đầu đó... (Xem đoạn văn được chỉ ra ở Montaigne - *Essais*, 1.22).

**614.** Các quốc gia có thể tàn lụi nếu người ta đã không thường khiến các luật lệ nhường bước cho sự tất yếu, nhưng tôn giáo không bao giờ cho

phép đi đâu này, hay thực hành nó. Quả thực, cần phải có những sự thỏa hiệp hay những phép màu. Không lạ lùng gì khi được cứu nguy qua việc nhường bước, và đó không hoàn toàn là sự tự bảo tồn; thêm vào đó, cuối cùng chúng cũng sẽ hoàn toàn bị tàn lụi. Chẳng gì kéo dài được cả ngàn năm. Nhưng thực tế là tôn giáo này luôn bảo tồn được chính nó, không gì lay chuyển được... Đi đâu đó thực thần thánh.

**615.** Bất cứ đi đâu gì có thể được nói ra đâu phải thừa nhận rằng đạo Thiên Chúa có một đi đâu gì đó gây ngạc nhiên trong nó. Một vài người có thể nói, “Đó là vì bạn được sinh ra trong tôn giáo đó”. Hoàn toàn ngược lại, tôi hết sức chống lại nó bởi chính lý do này, vì sợ rằng định kiến này dụ hoặc tôi. Nhưng, dầu tôi được sinh ra trong nó, tôi vẫn không thể không nhận thấy nó như thế.

**616.** Tính vĩnh tồn — Đấng Thiên sai đã luôn được tin tưởng. Truyền thống từ Adam vẫn còn mờ rõ ở Nôê và ở Môsê. Kể từ đó các nhà tiên tri đã tiên báo Ngài, trong khi đồng thời cũng tiên báo những đi đâu khác việc đó, đôi khi xảy ra trước mặt người đời y như lời tiên tri, đã cho thấy sự thật về sứ mệnh của họ và vì thế cho thấy cả sự thật về các lời hứa của họ liên quan tới Đấng Thiên sai. Đức Giêsu đã làm những phép lạ, và các Tông đồ cũng thế, họ cải đạo toàn bộ dân ngoại; và qua đó mọi lời tiên tri khi được hoàn thành, Đấng Thiên sai mãi được chứng minh.

**617.** Tính vĩnh tồn - Hãy cùng xét thấy rằng kể từ khi bắt đầu thế giới, sự trông đợi hay thờ phụng Đấng Thiên sai tồn tại một cách không gián đoạn; rằng đã tìm được nhiều người nói rằng Thiên Chúa đã tiết lộ với họ rằng một Đấng Cứu chuộc sẽ được sinh ra, và sẽ cứu dân của Ngài; rằng Ápraham đến sau đó, khi nói ông ta đã có sự mặc khải rằng Đấng Thiên sai sẽ xuất hiện từ [dòng dõi của] ông ta thông qua một người con trai mà ông ta sẽ có; rằng Giacóp đã tuyên bố, trong số 12 con trai của mình, Đấng

Thiên sai sẽ xuất hiện từ nhánh của Giuđa [*Pháp*, *Juda*; *Anh*, *Judah*; *Hebrew*, *Yehudah*] rằng Môsê và các nhà tiên tri đã đến tiếp theo tuyên bố về thời gian và cách thức Ngài đến; rằng họ đã nói luật của họ chỉ tạm thời trong khi chờ đợi luật của Đấng Thiên sai, rằng luật ấy sẽ kéo dài đến lúc đó, rằng luật kia sẽ vĩnh tồn; rằng vì thế luật của họ hay của Đấng Thiên sai, mà luật của họ là lời hứa về luật của Đấng thiên sai, sẽ luôn ở trên thế gian; rằng, trong thực tế, nó đã luôn tồn tại; rằng cuối cùng Đức Giêsu đã đến với mọi tình tiết đã được tiên báo. Điều này thực tuyệt diệu.

**618.** Điều này có thực: Trong khi mà tất cả các triết gia bị chia rẽ thành các trường phái khác nhau, ở một góc thế giới có một dân cổ xưa nhất, tuyên bố rằng toàn bộ thế giới đang chìm trong sai lầm, rằng Thiên Chúa đã vén mở cho họ sự thật, rằng họ sẽ luôn tồn tại trên trái đất. Trong thực tế, tất cả các trường phái khác đều đi tới kết thúc, riêng trường phái này vẫn tồn tại và đã như thế khoảng bốn ngàn năm.

Họ tuyên bố biết được từ những tổ tiên của mình rằng con người sẽ đánh mất mối liên lạc với Thiên Chúa trong sự xa rời Ngài hoàn toàn, nhưng Ngài đã hứa cứu chuộc họ; rằng giáo lý này sẽ luôn tồn tại trên thế gian; rằng luật của họ có một ý nghĩa kép; rằng suốt một ngàn sáu trăm năm họ đã có những người mà họ đã tin là các nhà tiên tri, những người tiên đoán thời gian và cách thức; rằng bốn trăm năm sau họ bị phân tán khắp nơi, vì Đức Giêsu sẽ được loan báo ở khắp nơi; rằng Đức Giêsu đã đến theo cách thức và thời gian đã được tiên liệu; rằng người Do Thái từ đó đã bị phân tán khắp nơi do sự trừng phạt và, tuy vậy, vẫn tồn tại.

**619.** Tôi thấy Thiên Chúa giáo đã dựa trên một tôn giáo trước đó, và đây là điều tôi thấy như một dữ kiện.

Tôi không nói ở đây về những phép lạ của Môsê, của Đức Giêsu, và của những Tông đồ, bởi trước nhất những điều đó dường như không có

sức thuyết phục, và rằng ở đây tôi chỉ muốn làm nổi bật các nền tảng của tôn giáo này, vốn hiển nhiên và không thể bị nghi ngờ bởi bất cứ người nào dù cho họ là ai. Chắc chắn rằng chúng ta nhìn thấy ở nơi nào đó trên trái đất, một dân tộc đặc biệt bị tách khỏi những dân tộc còn lại và được gọi là dân tộc Do Thái.

Rồi tôi thấy khi một nhóm đông các tôn giáo ở nhiều nơi trên thế giới và trong mọi thời đại, nhưng đạo đức của họ không làm tôi hài lòng, cũng như các bằng chứng của họ không thể thuyết phục được tôi. Do đó tôi cũng đã chối bỏ tôn giáo của Mahomet và của Trung Hoa, của người La Mã cổ đại và người Ai Cập, bởi lý do duy nhất là không tôn giáo nào có nhiều biểu hiện về chân lý hơn tôn giáo khác, cũng như không gì thực sự thuyết phục được tôi. Lý trí không thể nghiêng về tôn giáo này hơn là tôn giáo khác.

Nhưng, cũng bằng việc đánh giá rất nhiều nền đạo đức và niềm tin độc đáo và dễ biến đổi trong những thời kỳ khác nhau, tôi thấy ở một góc thế giới, một dân tộc đặc biệt bị tách khỏi mọi dân tộc khác trên trái đất, cổ xưa hơn tất cả, các lịch sử của họ có trước nhiều thế kỷ hơn những gì cổ xưa nhất mà chúng ta có.

Tôi thấy, khi ấy, dân tộc vĩ đại và đông đảo này, xuất hiện từ một người duy nhất, thờ phụng một vị Chúa và dẫn dắt chính mình bằng một luật mà họ nói nhận được từ chính tay Ngài. Và họ quả quyết rằng họ là dân tộc duy nhất trên thế gian mà Thiên Chúa đã mặc khải những điểu mệnh của Ngài. Rằng tất cả con người đều bị suy thoái và không còn được Thiên Chúa thương yêu; rằng họ hoàn toàn bị đắm chìm trong thú vui xác thịt và trí tưởng tượng của chính họ. Và rằng từ đó dẫn đến những sự lầm lạc kỳ lạ và những thay đổi liên tục xảy giữa họ, cả về tôn giáo lẫn đạo đức, trong khi bản thân họ vẫn nhất định không thay đổi trong hành vi của mình;

nhưng Thiên Chúa sẽ không bỏ mặc những dân tộc khác trong bóng tối này mãi mãi; rằng sẽ có một Đấng Cứu rỗi cho tất cả; rằng họ ở nơi thế gian để loan báo cho con người về Ngài; rằng họ một cách rõ ràng được hình thành để trở thành những người đi trước và những sứ giả của sự kiện vĩ đại này và để kêu gọi mọi dân tộc liên kết với họ trong sự trông đợi Đấng Cứu rỗi này.

Sự gặp gỡ với dân tộc này khiến tôi kinh ngạc, và có vẻ đáng chú ý với tôi. Tôi xem xét bộ luật mà họ ca ngợi có được từ Thiên Chúa, và thấy thực tuyệt diệu. Đó là luật đầu tiên của mọi bộ luật và nó thuộc về một loại mà, thậm chí trước khi thuật ngữ *luật* được lưu hành trong dân Hy Lạp, gần một ngàn năm trước đó, đã được người Do Thái chấp nhận và tuân thủ không một gián đoạn. Như thế tôi thấy thực lạ rằng luật đầu tiên này của thế giới hóa ra lại chính là bộ luật hoàn hảo nhất; để cho những nhà lập pháp vĩ đại nhất vay mượn từ đó cho những luật của họ, như đã thấy trong luật Mười Hai Bảng ở Athênai [*Pháp*, Athènes; *Anh*, Athens] sau đó được người La Mã hấp thụ,<sup>244</sup> và như không khó để chứng minh, nếu Josephus<sup>245</sup> và những người khác đã không giải quyết một cách thỏa đáng vấn đề này.

**620.** Những lợi thế của dân Do Thái - Trong sự tìm hiểu này dân Do Thái lập tức thu hút sự chú ý của tôi bởi số lượng những sự kiện tuyệt vời và kỳ đặc xuất hiện về họ.

Đầu tiên tôi thấy họ là một dân tộc hoàn toàn được hình thành từ những người anh em, và trong khi mọi dân tộc khác được hình thành từ tập hợp vô số những gia đình, còn dân tộc này, dẫu phong phú lạ thường, tất cả đều xuất phát từ một người duy nhất, và như vậy khi tất cả mang cùng một xác thịt và là những bộ phận của nhau, làm nên một quốc gia mạnh mẽ của chỉ một gia đình. Điều này là duy nhất.

Gia đình này, hay dân tộc này, là cổ xưa nhất trong chừng mực hiểu biết của con người, đi đầu đường như tạo ra cho tôi một lòng mê thích đặc biệt với nó, nhất là trong sự tìm hiểu mà chúng ta đang tiến hành; bởi nếu Thiên Chúa đã luôn có mối liên lạc với con người, thì đây chính là những người mà chúng ta cần phải hướng tới để biết về truyền thống của họ.

Dân tộc này không chỉ đáng kính bởi tính cổ xưa của mình, mà còn bởi sự đặc biệt trong thời gian tồn tại của họ, đi đầu luôn tiếp nối từ khởi thủy cho tới tận ngày nay. Bởi, trong khi các dân Hy Lạp và Ý, Lakedaímôn [*Pháp*, Lacédémone; *Anh*, Lacedaemon], Athênai và Roma, và những dân khác tiếp đến rất lâu sau đó, đều đã bị hoai diệt từ rất lâu, thì dân này vẫn tồn tại, và mặc cho những nỗ lực của các vị vua hùng mạnh từng hàng trăm lần cố khiến họ bị hủy diệt, như những nhà sử học của họ đã chứng tỏ, và vì không khó để ước đoán qua trật tự tự nhiên của mọi thứ trong suốt một khoảng thời gian dài như vậy, tuy thế mà họ vẫn duy trì được (và sự duy trì này đã được tiên đoán); và kéo dài từ những thời kỳ đầu tiên cho tới cuối cùng, lịch sử của họ có trong thời gian tồn tại của họ toàn bộ lịch sử của chúng ta mà nó có trước từ lâu.

Bộ luật chi phối cai quản dân tộc này là bộ luật cổ xưa nhất thế giới, hoàn hảo nhất, và là luật duy nhất luôn được tuân theo mà không có sự gián đoạn trong một quốc gia. Đây chính là điều mà Josephus chứng minh một cách rõ ràng, trong *Contra Apionem*, và cả Philon người Do Thái, ở nhiều chỗ khác nhau, nơi họ chỉ ra rằng luật này cổ xưa đến mức thuật ngữ *luật* chỉ được biết đến trong quốc gia cổ nhất hơn một ngàn năm sau đó; cho nên Hómēros [*Pháp*, Homère; *Anh*, Homer], người đã viết lịch sử của rất nhiều quốc gia, cũng chưa từng sử dụng thuật ngữ này. Và không khó để đánh giá sự hoàn hảo của nó bằng cách đơn giản là đọc nó; bởi chúng ta thấy rằng nó đã mang đến cho mọi thứ một sự thông thái, công bằng, và sự xét đoán tuyệt vời, đến mức những nhà lập pháp xa xưa nhất, người Hy

Lap và La Mã, đã có hiểu biết nhất định về nó, đã vay mượn từ nó để soạn ra những luật lệ chính yếu của mình; điều này thì rõ ràng qua cái được gọi là Mười Hai Bảng, và từ những minh chứng khác mà Josephus đưa ra.

Nhưng đồng thời đây cũng là luật lệ hà khắc và nghiêm ngặt nhất về tất cả những gì liên quan tới sự thờ phụng tôn giáo, áp đặt lên dân tộc này, để buộc họ giữ bốn phần của mình, hàng ngàn những sự tuân thủ đặc biệt và khắc khổ, đến mức tử hình. Từ đó thật ngạc nhiên khi luật này được duy trì liên tục qua rất nhiều thế kỷ bởi một dân tộc, bất trị và thiếu kiên nhẫn như họ từng như thế; trong khi mọi quốc gia khác đôi khi đã thay đổi luật của họ, dù hoàn toàn khoan dung hơn.

Cuốn sách chứa đựng luật này, có trước hết thảy, bản thân nó là cuốn sách cổ nhất trên thế giới, còn những sách của Hómēros, Hēsíodos [*Pháp*, Hésiode; *Anh*, Hesiod], và những người khác, xuất hiện khoảng sáu hay bảy trăm năm sau đó.

**621.** Khi cuộc sáng thế và con Đại hồng thủy đã qua, và Thiên Chúa không cần phá hủy thế giới nữa, cũng không cần phải tạo ra nó một lần nữa, cũng không cần đưa ra những dấu hiệu vĩ đại như thế nữa về bản thân Ngài, Ngài đã bắt đầu thiết lập một dân tộc trên thế gian, được hình thành có mục đích, còn tồn tại cho tới khi dân tộc mà Đấng Thiên sai hình thành nên bằng tinh thần của Ngài tới.

**622.** Sự sáng tạo thế giới bắt đầu xa dãn, Thiên Chúa đã chỉ định một nhà sử học đương thời duy nhất, và đã chọn cả một dân tộc để canh giữ cuốn sách này, để lịch sử này là chân xác nhất thế gian, và để mọi người có thể qua đó tìm biết được một điều rất cần biết như thế, và người ta chỉ có thể biết được điều đó qua cách này.

**623.** Giaphét<sup>246</sup> [*Pháp*, Japhet; *Anh*, Japheth; *Hebrew*, Yaphet] bắt đầu

phả hệ.

Giuse [*Pháp & Anh*, Joseph] khoanh tay, và thương đưa nhỏ hơn.<sup>247</sup>

**624.** Tại sao Môsê lại khiến đời sống của nhiều người quá dài, và thế hệ của họ lại quá ít?

Bởi không phải là chiều dài của năm tháng, mà chính số lượng quá nhiều thế hệ, làm mọi thứ trở nên không phân minh. Bởi lẽ thật chỉ bị làm sai lạc do sự thay đổi của con người. Và tuy vậy ngài đặt hai sự kiện đáng ghi nhớ nhất từng được hình dung tưởng tượng ra, chính là, cuộc sáng thế và đại hồng thủy, gần nhau đến độ chúng ta có thể từ bên này với tay sang bên kia.

**625.** Sêm [*Pháp*, Sem; *Anh*, Shem; *Hebrew*, Sêm] người đã nhìn thấy Lamée, đã nhìn thấy Adam, cũng đã nhìn thấy Giacóp, ông này đã nhìn thấy những ai đã nhìn thấy Môsê; bởi thế đại hồng thủy và cuộc sáng thế là có thực. Điều này có được sự thuyết phục giữa những người nhất định hiểu nó một cách đúng đắn.

**626.** Đời sống dài lâu của các tổ phụ, thay vì gây ra sự mất mát của lịch sử đã qua, ngược lại giúp ích cho việc lưu giữ nó. Đôi khi chúng ta không được dạy dỗ đầy đủ về lịch sử tổ tiên chúng ta chính là vì chúng ta đã chưa bao giờ sống lâu với họ, và rằng họ thường chết trước khi chúng ta đạt tới tuổi biết lẽ phải. Giờ đây, khi con người sống lâu như vậy, con trẻ được sống lâu với cha mẹ chúng. Họ trò chuyện lâu dài với chúng. Nhưng họ nói gì với đám con trẻ, nếu không phải về lịch sử tổ tiên họ, vì rằng toàn bộ lịch sử đã bị quy giản về lịch sử này, và con người đã không nghiên cứu khoa học hay nghệ thuật, vốn hiện chiếm phần lớn cuộc đối thoại hàng ngày? Chúng ta cũng thấy rằng ngày nay các bộ tộc đã đặc biệt cẩn thận gìn giữ phả hệ của họ.

**627.** Tôi tin rằng Giôsuê [*Pháp*, Josué; *Anh*, Joshua; *Hebrew*, Yehōsua] đã là người đầu tiên trong dân của Thiên Chúa có tên này, cũng như Giêsu là dân cuối cùng của Thiên Chúa.

**628.** Thời kỳ xa xưa của người Do Thái - Thật là một khác biệt làm sao giữa một cuốn sách này và một cuốn sách khác! Tôi không ngạc nhiên về việc những người Hy Lạp đã làm ra *Iliás* [*Pháp*, Iliade; *Anh*, Iliad], cũng không về việc người Ai Cập và người Trung Hoa làm ra những bộ sử của họ.

Cần phải thấy được đi đầu này có nguồn gốc như thế nào. Các sử gia truyền thuyết này không sống cùng thời với những sự kiện mà họ viết ra. Hómēros tạo ra một tiểu thuyết lãng mạn, thứ ông ta đưa ra như thế, và thứ được tiếp nhận đúng như thế; bởi không ai mà không biết rằng thành Troia [*Pháp*, Troie; *Anh*, Troy] và Agamémnôn chẳng có thật gì hơn quả táo vàng.<sup>248</sup> Ông ta cũng không nghĩ đến việc tạo ra một cuốn sử, mà chỉ là một cuốn sách để giải trí; ông ta là tác giả duy nhất trong thời đại của mình; cái đẹp của tác phẩm giúp nó tồn tại, mọi người học nó và bàn về nó, nhất thiết biết nó, và mỗi người thuộc nó. Bốn trăm năm sau đó chứng nhân của những sự kiện này không còn sống, không ai biết, bằng kiến thức của mình, liệu đó là câu chuyện hoang đường hay là lịch sử; người ta đã chỉ học được nó từ tổ tiên của mình, và đi đầu này có thể được coi như sự thật.

Tất cả sách sử không cùng thời đầu đáng ngờ, cũng như các sách của các nữ tiên tri và của Trismégistos,<sup>249</sup> và nhiều cuốn sách khác mà thế giới đã tin, đầu sai, và bị nhận thấy là sai vào thời gian sau đó. Nó không phải như thế với những tác giả cùng thời.

Có một sự khác biệt rõ ràng giữa một cuốn sách mà một cá nhân viết ra và công bố cho một dân tộc, và một cuốn sách mà bản thân nó tạo nên một dân tộc. Chúng ta không thể nghi ngờ rằng cuốn sách đó có tuổi bằng với

tuổi của một dân tộc.

**629.** Josephus che giấu đi ầu hồ thẹn của quốc gia mình.

Môsê không che giấu sự hồ thẹn của bản thân.

*Quis mihi det ut omnes prophetent?*<sup>250</sup>

Ông ta đã mệt mỏi với dân chúng.<sup>251</sup>

**630.** Tính chân thành của người Do Thái. - Macabê [*Pháp, Macchabées; Anh, Maccabees; Hebrew, Maqabim*],<sup>252</sup> kể từ khi không còn các nhà tiên tri nữa. Masorettes,<sup>253</sup> kể từ khi có Đức Giêsu.

Cuốn sách này sẽ là một bằng chứng cho bạn.<sup>254</sup>

Những chữ nghĩa thiếu sót và sau rốt.

Sự chân thành chống lại danh dự của họ, và chết vì nó;<sup>255</sup> không có đi ầu tương tự như thế trên thế gian, và không có ngu ần gốc trong tự nhiên.

**631.** Tính chân thành của người Do Thái - Họ giữ gìn với tình yêu và sự cẩn trọng cuốn sách trong đó Môsê tuyên bố rằng trong suốt cuộc đời họ đã bội bạc Thiên Chúa, rằng ngài biết họ sẽ vẫn còn hơn thế nữa sau khi ngài qua đời; không còn cách nào khác ngài kêu gọi bầu trời và mặt đất làm chứng chống lại họ, và ngài đã dạy họ đủ.

Môsê tuyên bố rằng Thiên Chúa, vì giận dữ với họ, cuối cùng sẽ phân tán họ ở khắp các quốc gia trên trái đất; rằng vì họ đã chống lại Thiên Chúa khi thờ phụng các vị thần không phải là Chúa của họ, vì thế Thiên Chúa sẽ thách thức khi gọi đến một dân tộc không phải là dân của Ngài; và muốn rằng tất cả lời của Ngài được lưu giữ mãi mãi và cuốn sách của Ngài được đặt trong Hòm bia Giao ước để làm chứng chống lại họ.

Isaia 30:8 cũng nói như thế.

632. Về Étra [*Hebrew & Anh, Ezra; Pháp, Esdras*]<sup>256</sup> - Chuyện rằng các cuốn sách bị đốt cùng với đền thờ đã được chứng minh là không đúng bởi sách Macabê: “Giêrêmia đã mang luật đến cho họ.”

Chuyện rằng ông ta đã thuộc lòng toàn bộ. Josephus và Étra chỉ ra rằng ông ta đã đọc cuốn sách. [Xêda] Baronius, *Annales Ecclesiastici a Christo Nato ad Annum 1198* [Biên niên sử giáo hội từ khi Chúa giáng sinh tới 1198], 180: *Nullus penitus Hebraeorum antiquorum reperitur qui tradiderit libros periisse et per Esdram esse restitutes, nisi in IV Esdrae.*

Chuyện rằng ông ta đã đổi câu chữ.

Philon, trong *Vita Mosis* [Cuộc đời Môsê]: *Illa lingua ac character quo antiquitus scripta est lex sic permansit usque ad LXX.*

Josephus nói rằng Luật từng bằng tiếng Hebrew khi được nhóm Bảy mươi học giả dịch [sang tiếng Hy Lạp].<sup>257</sup>

Dưới thời Antiochos và Vespasianus [*Pháp, Vespasien; Anh, Vespasian*], khi người ta muốn hủy các cuốn sách và khi không có nhà tiên tri, họ đã không thể làm như thế. Và dưới sự kiểm soát của người Babylon, khi không có cuộc bức hại nào và khi có nhiều nhà tiên tri đến thế, người ta lại để chúng bị đốt?

Josephus đã cười nhạo những người Hy Lạp, những người sẽ không chịu đựng...

Tertullianus: *Perinde potuit abolefactam earn violentia cataclysmi in spiritu rursus reformare, quemadmodum et Hierosolymis Babylonia expugnatione deletis, omne instrumentum Judaicae literaturae per Esdram constat restauratum.*<sup>258</sup>

Ông ta nói rằng Nôê hẳn cũng có thể dễ dàng phục hồi trong tinh thần cuốn sách của Khanôc, đã bị hủy hoại bởi Đại Hồng thủy, như Étra có thể khôi phục được Kinh Thánh đã bị mất trong suốt Thời kỳ bị quân Babylon càn tù.

(Theos) *en te epi Nabouchodonosor aichmalosia tou laou, diaphthareison ton Graphon . . . enepneuse 'Esdra to ierei, ek tes phules Leui tous ton progegonoton propheton pantas anataxasthai logous, kai apokatastesai to lae ten dia Mouseos nomothesian.* Ông ta viện dẫn đi đầu này để chứng tỏ rằng không phải là không thể tin nổi Bảy mươi học giả có thể giải thích Kinh Thánh với tính thống nhất mà chúng ta ngưỡng mộ nơi họ.<sup>259</sup> Và ông ta đã dẫn đi đầu này từ Thánh Irenaeus.<sup>260</sup>

Thánh Hilaire [Giám mục Poitiers], trong lời nói đầu cho luận văn về Thánh vịnh, nói rằng Étra đã sắp xếp Thánh vịnh theo trật tự.

Nguồn gốc của đi đầu này xuất phát từ chương 14 của quyển 4 sách Etra. *Deus glorificatus est, et Scripturae vere divinae creditae sunt, omnibus eandem et eisdem verbis et eisdem nominibus recitantibus ab initio usque ad finem, uti et praesentes gentes cognoscerent quoniam per inspirationem Dei interpretatae sunt Scripturae, et non esset mirabile Deum hoc in eis operatum: quando in ea captivitate populi quae facta est a Nabuchodonosor, corruptis scripturis et post 70 annos Judaeis descendentibus in regionem suam, et post deinde temporibus Artaxerxis Persarum régis, inspiravit Esdrae sacerdoti tribus Levi praeteritorum prophetarum omnes rememorare sermones, et restituere populo eam legem quae data est per Moysen.*<sup>261</sup>

**633.** Phản bác câu chuyện trong Étra, II Macabê 2; Josephus, *Antiquitates Judaicae* (quyển II, chương 1) - Vua Kyrô [Ba Tư, Kūrus; Pháp & Anh, Cyrus] đã nhân cơ hội từ lời tiên tri của Isaia để giải phóng

dân chúng. Người Do Thái đã giữ được tài sản trong sự yên ổn dưới thời Kyrô ở Babylon; bởi thế họ có thể có luật ấy.

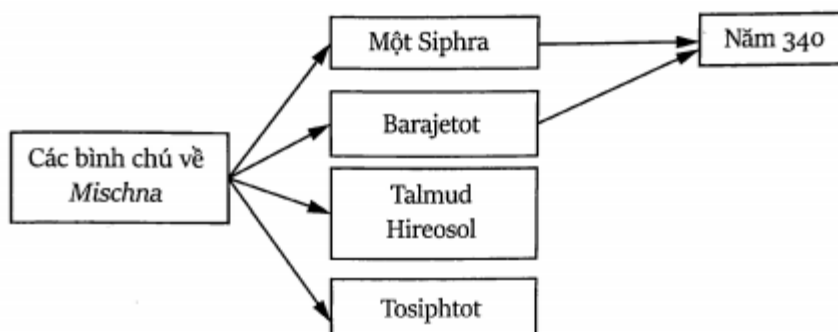
Josephus, trong toàn bộ chuyện của Étra, không nói một lời nào về sự phục hồi này. II Các vua 17:27.<sup>262</sup>

**634.** Nếu chuyện trong Étra đáng tin cậy,<sup>263</sup> thì cần phải tin rằng Kinh Thánh là sách Thánh; bởi câu chuyện này chỉ dựa trên thẩm quyền của những người khẳng định thẩm quyền của Bảy mươi học giả, đi đâu chỉ ra Kinh Thánh là linh thiêng.

Bởi thế, nếu câu chuyện này đúng, khi đó chúng ta có thứ chúng ta muốn trong đó; nếu không, chúng ta có nó ở nơi khác. Và như thế những ai muốn hủy hoại chân lý của tôn giáo chúng ta, được dựa vào Môsê, chứng minh nó bằng chính thẩm quyền mà nhờ nó họ tấn công tôn giáo này. Như thế, do sự quan phòng này, tôn giáo của chúng ta vẫn còn nguyên vẹn.

**635.** Biên niên đạo Do Thái theo giáo sĩ. (Các trích dẫn của các trang sách là từ sách *Pugio*<sup>264</sup>).

Trang 27. Giáo sĩ Hakadosch, tác giả của *Mischna* (Học qua lặp lại), hay thanh luật, hay luật thứ hai. (năm 200)



*Bereschit Rabah*, soạn bởi Giáo sĩ Osaia Rabah, bình chú *Mischna*.

*Bereschit Rabah*, *Bar Nachmoni*, là những bài thuyết giảng tinh tế và dễ chịu, về lịch sử và thần học. Chính tác giả này đã viết các cuốn sách được gọi là *Rabot*.

Một trăm năm sau *Talmud hierosolymite* (Talmud của Giêrusalem) được làm thành *Talmud Babylon*, bởi Giáo sĩ Ase, A.D. 440, qua sự đồng ý của toàn thể người Do Thái, những người nhất thiết phải tuân thủ tất cả những gì chứa đựng trong đó.

Phần bổ sung của Giáo sĩ Ase được gọi là *Gemara* (Nghiên cứu), có nghĩa là, bình chú *Mischna*.

Và Talmud bao gồm *Mischna* và *Gemara*.

**636.** Nếu không tỏ rõ sự thờ ơ: Malakhi, Isaia.

Isaia, *Si volueris*,<sup>265</sup> ...

*In quacumque die*.<sup>266</sup>

**637.** Các lời tiên tri - Vương quyền không bị gián đoạn bởi sự giam cầm ở Babylon, bởi vì sự trở lại đã được hứa và tiên báo.

**638.** Các bằng chứng về Đức Giêsu - Bị giam cầm, với sự đảm bảo về việc được giải thoát trong vòng 70 năm, không phải là bị giam cầm thực sự. Nhưng giờ đây họ bị cầm tù mà chẳng có chút hy vọng nào.

Thiên Chúa đã hứa với họ rằng, cho dù Ngài sẽ phân tán họ đến cùng trời cuối đất, nhưng nếu họ trung thành với luật của Ngài, Ngài sẽ tập hợp họ lại. Họ rất trung thành với luật và vẫn bị áp bức.

**639.** Khi vua Nabucôđônôso đưa dân đi vì sợ họ tin rằng vương quyền đã rời bỏ Giuđa, họ được báo trước rằng họ sẽ ở đó trong một thời gian

ngắn, rằng họ sẽ ở đó, rằng họ sẽ được khôi phục. Họ đã luôn được an ủi bởi các nhà tiên tri; và các vị vua của họ đã tiếp tục. Nhưng sự hủy diệt lần thứ hai thì không có lời hứa hẹn về sự khôi phục, không nhà tiên tri, không vua, không sự an ủi, không hy vọng, bởi vương quyền đã bị tước đi mãi mãi.

**640.** Đó là một điếu lệ lòng và xứng đáng với sự chú ý đặc biệt, để thấy dân tộc Do Thái này còn tồn tại kể từ nhiều năm đến thế và để thấy họ luôn trong cảnh khốn khổ, là cần thiết như một bằng chứng về Đức Giêsu ở cả hai việc, họ tồn tại để chứng minh Ngài và họ phải khốn khổ bởi đã đóng đinh Ngài lên cây thập giá; và cho dù chịu khốn khổ và tồn tại là mâu thuẫn, họ vẫn tồn tại mặc cho cảnh khốn khổ.

**641.** Đó rõ ràng là một dân tộc được tạo ra chỉ để làm chứng nhân cho Đấng Thiên sai (Isaia 43:9; 44:8). Họ giữ kinh sách, và yêu chúng, và không hiểu chúng. Và toàn bộ điếu lệ này được tiên báo; rằng những phán xét của Thiên Chúa được giao phó cho họ, nhưng như là một cuốn sách bị niêm phong.

## ----- LUẬN VỀ HÌNH TƯỢNG

**642.** Bằng chứng về hai Kinh Thánh cùng lúc - Để chứng minh hai Kinh Thánh cùng lúc chỉ cần xem liệu các lời tiên tri ở bên này có ứng nghiệm ở bên kia hay không. Để xem xét các lời tiên tri thì cần phải hiểu chúng. Bởi nếu người ta tin chúng có chỉ một ý nghĩa, thì chắc chắn Đấng Thiên sai đã không đến; nhưng nếu chúng có hai ý nghĩa, chắc chắn Ngài đến trong Đức Giêsu.

Toàn bộ vấn đề khi ấy là biết liệu chúng có hai ý nghĩa không.

Rằng Kinh Thánh có hai ý nghĩa, điều mà Đức Giêsu và những Tông đồ đưa ra, được cho thấy qua những bằng chứng minh:

1. Bằng chứng qua bản thân Kinh Thánh.
2. Bằng chứng qua các Giáo sĩ Do Thái. Moshe ben Maimon [*Pháp, Moïse Maimonide; Anh, Moses Maimonides*] nói rằng Kinh Thánh có hai khía cạnh đã được chứng tỏ và các nhà tiên tri đã tiên đoán chỉ Đức Giêsu.
3. Bằng chứng qua Qabbala.<sup>267</sup>
4. Bằng chứng qua sự diễn giải thần bí mà chính các Giáo sĩ Do Thái mang đến cho Kinh Thánh.
5. Bằng chứng qua các nguyên tắc của các Giáo sĩ Do Thái, rằng có hai ý nghĩa; rằng có hai lần giáng thế của Đấng Thiên sai, vinh quang hay thấp hèn tùy theo sự xứng đáng của họ; rằng các nhà tiên tri đã chỉ

tiên đoán về Đấng Thiên sai - Luật lệ không vĩnh cửu, mà phải thay đổi khi Đấng Thiên sai tới - rằng khi ấy người ta sẽ không nhớ Biển Đỏ nữa; rằng người Do Thái và Dân ngoại sẽ được trộn lẫn vào nhau.

6. Bằng chứng qua lời giải mà Đức Giêsu và các Tông đồ đưa ra cho chúng ta.

**643.** Isaia 51. Biển Đỏ là một hình ảnh của sự Cứu chuộc. *Ut sciatis quod filius hominibus habet potestatem remittendi peccata... tibi dico: Surge.*<sup>268</sup> Thiên Chúa, muốn cho thấy rằng Ngài có thể hình thành một dân thánh với tính thánh không nhìn thấy được, và thỏa mãn họ với vinh quang vĩnh cửu, đã làm nhiều thứ trở nên rõ ràng. Vì tự nhiên là một hình ảnh của ân sủng, Ngài đã tạo ra trong những nguồn dãi dào của thiên nhiên những thứ mà Ngài sẽ tạo ra trong những nguồn dãi dào của ân sủng, để người ta có thể thấy rằng Ngài có thể tạo ra cái vô hình, bởi Ngài đã tạo ra cái hữu hình một cách tuyệt vời.

Bởi thế, Ngài đã cứu dân này khỏi cơn Đại hồng thủy, Ngài đã khiến họ sinh sôi từ Ápraham, đã cứu chuộc họ khỏi những kẻ thù, và đưa họ tới một nơi thư thái.<sup>269</sup>

Mục đích của Thiên Chúa không phải là cứu họ khỏi cơn Đại hồng thủy, và sinh sôi cả một dân tộc từ Ápraham, chỉ nhằm đưa họ đến một vùng đất màu mỡ.

Và ngay cả ân sủng chỉ là hình tượng của vinh quang, vì đó không phải là mục đích cuối cùng. Nó đã được biểu tượng hóa bằng luật, và bản thân nó biểu thị vinh quang. Nhưng nó là hình tượng, và là nguồn gốc hay nguyên nhân của vinh quang.

Đời sống bình thường của con người thì tương tự như đời sống của các thánh. Họ thấy đâu tìm kiếm sự thỏa mãn của mình và chỉ khác nhau ở

đối tượng được đặt ra. Họ gọi những ai cản trở họ là kẻ thù... Thiên Chúa khi ấy đã cho thấy quyền năng mà Ngài có trong việc ban những phước lành vô hình, qua việc này Ngài đã cho thấy đi đâu Ngài có đối với những gì hữu hình.

**644.** Những hình tượng - Thiên Chúa, khi muốn dựng nên cho chính Ngài một dân thần thánh, dân tộc mà Ngài cần tách họ khỏi những dân khác, giải phóng họ khỏi những kẻ thù của họ và đưa họ tới một nơi thư thái, đã hứa thực hiện đi đâu đó và đã tiên báo qua các nhà tiên tri của Ngài về thời gian và cách thức đến với trần gian của Ngài. Thế nhưng, để củng cố niềm hy vọng của dân chọn của Ngài trong mọi thời kỳ, Ngài đã khiến họ nhìn thấy hình ảnh [về Đấng Thiên sai sắp đến], mà không bao giờ bỏ mặc họ thiếu vắng những sự đảm bảo về quyền năng và ý chí muốn giải thoát họ của Ngài. Bởi, trong việc tạo ra con người, Adam là chứng nhân, và người được ký thác lời hứa về Đấng Cứu rỗi, vốn được sanh bởi người đàn bà, khi con người vẫn còn quá gần cuộc sáng thế đến nỗi họ không thể quên việc họ được tạo dựng và bước sa ngã của họ. Khi những người đã nhìn thấy Adam không còn ở thế gian nữa, Thiên Chúa đã gửi Nôê mà Ngài đã cứu, và nhấn chìm toàn bộ mặt đất bằng một phép màu đủ để chỉ ra quyền năng mà Ngài có để cứu thế gian, và ý chí mà Ngài có để làm đi đâu đó và để nuôi lớn lên từ hạt mầm của người đàn bà Đấng mà Ngài đã hứa. Phép lạ này đã đủ để củng cố niềm hy vọng của dân chọn.

Ký ức về Đại Hồng thủy vẫn còn mới mẻ nơi con người, trong khi Nôê còn sống, Thiên chúa đã trao những lời hứa của mình cho Ápraham và khi Sê-m vẫn còn sống Thiên Chúa đã gửi Mô-sê,...

**645.** Những hình tượng - Thiên chúa, khi muốn tước đi những phúc lành có thể mất đi khỏi tay dân Chúa, đã tạo ra dân tộc Do Thái, để chỉ ra rằng đó không phải bởi sự thiếu quyền lực.

**646.** Giáo hội Do Thái đã không tàn lụi, bởi nó là một biểu trưng. Nhưng, bởi chỉ là sự biểu trưng nên nó đã rơi vào sự lệ thuộc. Sự biểu trưng đó tồn tại cho tới khi lẽ thật tới, cốt để Giáo hội luôn hiện rõ, hoặc trong sự miêu tả vốn hứa hẹn đi đầu đó hoặc trong thực thế.

**647.** Rằng luật là tượng trưng.

**648.** Hai lỗi: 1. Hiểu mọi thứ theo nghĩa đen. 2. Hiểu mọi thứ thuần tôn giáo.

**649.** Nói chống lại ngôn ngữ biểu trưng quá nhiều.

**650.** Có một số sự biểu thị rõ ràng và có luận chứng, nhưng có những biểu thị khác có vẻ xa vời, và chỉ những người đã bị thuyết phục mới tin. Những điều này thì giống với những hình tượng dựa theo sách Khải huyền. Nhưng sự khác biệt là họ chẳng có điều gì chắc chắn, cho nên không có gì thiếu chính đáng cho bằng việc tuyên bố rằng những gì của họ cũng được dựa trên *cơ sở* chắc chắn như của chúng ta; bởi họ không có gì được chứng minh thuyết phục như một số điều của chúng ta. Việc so sánh đó là không sòng phẳng. Không được đặt ngang bằng và nhầm lẫn những điều này, bởi chúng dường như có sự tương đồng ở điểm này, nhưng lại khác nhau rất nhiều ở điểm khác. Sự rõ ràng trong những điều thiêng liêng đòi hỏi người ta tôn kính những điểm tối tăm khó hiểu trong chúng.

Cũng như con người, có những người sử dụng một ngôn ngữ tối tăm khó hiểu nào đó giữa họ với nhau; những người không hiểu điều này sẽ chỉ hiểu được một ý nghĩa ngu ngốc.

**651.** Những lời đại ngôn vô lý của những người theo thuyết thần bí khải huyền và những người theo thuyết tiền-Adam, những người theo thuyết thiên niên kỷ...

Ai muốn xác lập những ý kiến vô lý dựa trên Kinh Thánh sẽ, ví dụ, xác

lập chúng dựa trên điều này. Điều được phát biểu rằng “thế hệ này sẽ chẳng qua đi, trước khi mọi điều ấy xảy ra.”<sup>270</sup> Dựa trên điều này, tôi sẽ nói rằng sau thế hệ này sẽ tới thế hệ khác, và mãi mãi tiếp nối.

Salômôn và Vua được nói đến trong sách Sử biên niên II như thể họ là hai người khác nhau. Tôi sẽ nói rằng họ đã là hai.<sup>271</sup>

**652.** Những hình tượng đặc biệt - Một bộ luật kép, những bia đá luật lệ kép, một giáo đường kép, một kiếp cầm tù kép.<sup>272</sup>

**653.** Những hình tượng - Các nhà tiên tri đã tiên đoán qua những hình tượng, của dây lưng, râu và tóc bị cháy...

**654.** Sự khác biệt giữa bữa trưa và bữa tối.<sup>273</sup>

Ở Thiên Chúa ngôn và ý không khác nhau vì Ngài là thực; cũng không có sự khác nhau giữa ngôn từ và hành vi, bởi Ngài quyền uy; cũng không có sự khác nhau giữa các cách thức và hành vi, bởi Ngài thông hiểu.<sup>274</sup> Thánh Bernard, *Ultimo Sermo in Missus* [Bài giảng cuối trong loạt bài giảng *Missus est*].

Thánh Augustinus, *De civitate Dei* [Thành phố của Chúa], V, 10. Quy tắc này là chung. Thiên Chúa có thể làm mọi điều, trừ những điều mà, nếu Ngài có thể làm, Ngài sẽ không là toàn năng, như việc chết, bị lừa dối, nói dối...

Một số người thuyết giảng Phúc âm nhằm xác nhận sự thật; sự khác nhau của họ có ích.

Phép thánh thể sau Bữa tiệc ly. Sự thật sau biểu trưng.

Sự đổ nát của Giêrusalem, một biểu trưng cho sự đổ nát của thế gian, bốn mươi năm sau cái chết của Giêsu. “Con không biết”, như một con

người, cả như một thiên sứ (Mácô 13:32; Mátthêu 24:36).<sup>275</sup>

Giêsu bị kết tội bởi những người Do Thái và những người không phải Do Thái.

Những người Do Thái và những người không phải Do Thái, được biểu trưng bởi hai người con trai. Thánh Augustinus, *De civitate Dei*, XX, 29.

**655.** Sáu thời kỳ, sáu người Cha của sáu thời kỳ, sáu đi đầu huyênh diện vào lúc bắt đầu của sáu thời kỳ, sáu buổi bình minh vào lúc bắt đầu của sáu thời kỳ.<sup>276</sup>

**656.** *Adam forma futuri.*<sup>277</sup> Sáu ngày để hình thành một thời kỳ, sáu thời kỳ để hình thành một thời kỳ khác. Sáu ngày mà Môsê tượng trưng cho sự hình thành của Ađam, chỉ là hình ảnh của sáu thời kỳ để hình thành nên Đức Giêsu và Giáo hội. Nếu Ađam không vướng vào tội lỗi và Đức Giêsu không đến, thì chỉ có một giao ước, chỉ một thời kỳ của con người, và sự sáng thế được cho là đã được hoàn thành một lần duy nhất.

**657.** Những hình tượng - Các dân Do Thái và Ai Cập đã được tiên báo đầy đủ bởi hai người cụ thể mà Môsê gặp; người Ai Cập đánh người Do Thái, Môsê trả thù và giết người Ai Cập, và người Do Thái bội bạc.<sup>278</sup>

**658.** Các biểu trưng của Phúc âm về tình trạng của linh hồn ốm yếu là những cơ thể ốm yếu. Nhưng, bởi vì một cơ thể không thể đủ ốm yếu để diễn tả rõ được điểu đó, nên cần có nhiều cơ thể. Như thế có những người điếc, người câm, người mù, người bại liệt, Ladarô chết, người bị quỷ ám: toàn bộ nhóm này ở trong linh hồn ốm yếu.

**659.** Những hình tượng - Để chỉ ra rằng Kinh Cựu ước chỉ có tính biểu trưng và các nhà tiên tri đã hiểu những phúc lành khác qua những phúc lành nhất thời, đây là bằng chứng.

Trước nhất, rằng đi ầu này không xứng với Thiên Chúa.

Tiếp đến, rằng những bài thuyết giảng của họ cho thấy lời hứa hẹn rất rõ ràng về những phúc lành nhất thời, và rằng họ tuy thế nói rằng các bài thuyết giảng của họ không rõ ràng, và rằng ý nghĩa của chúng sẽ không được hiểu. Từ đó dường như ý nghĩa bí mật này đã không phải là ý nghĩa mà họ diễn đạt một cách rõ ràng, và vì thế họ đã muốn nói về những hy lễ khác, về một Đấng Cứu thế khác... Họ nói rằng người ta chỉ hiểu đi ầu đó vào ngày sau cùng (Giêrêmia 30:24)

Bằng chứng thứ ba là những bài thuyết giảng của họ mâu thuẫn, và vô hiệu hóa lẫn nhau. Theo cách để nếu người ta cho rằng họ đã không muốn nói, qua những lời về luật và hy lễ, đi ầu gì khác hơn những gì của Môsê, thì ta có một sự mâu thuẫn rõ ràng và thô thiển. Bởi thế họ muốn nói tới đi ầu khác, đôi khi mâu thuẫn với nhau trong cùng một chương. Giờ để hiểu hàm ý của một tác giả...

**660.** Lòng dục trở nên tự nhiên với chúng ta và làm nên bản chất thứ hai của chúng ta. Bởi thế có hai bản chất trong chúng ta - một tốt và một xấu. Thiên Chúa ở đâu? Nơi bạn không có mặt, và vương quốc của Thiên Chúa ở bên trong bạn. Giáo sĩ Do Thái.

**661.** Sự sám hối, duy nhất trong mọi đi ầu huyền bí này, đã được tuyên bố rõ ràng với người Do Thái, và qua Thánh Gioan Tì ền hô; và sau đó những đi ầu huyền bí khác; để chỉ ra trong mỗi con người, như toàn bộ thể gian, trật tự này cần phải được tuân theo.

**662.** Những người Do Thái phạm tục đã không hiểu về sự vĩ đại cũng như sự hạ mình của Đấng Thiên sai đã được báo trước trong các lời tiên tri của họ. Họ đã hiểu sai Ngài trong sự vĩ đại được tiên báo, như khi Ngài nói rằng Đấng Thiên sai sẽ là Chúa của Davit, dù là con ngài, và Ngài có mặt trước Ápraham, người đã nhìn thấy Ngài. Họ không tin Ngài vĩ đại đến

mức t ần tại mãi, và họ cũng hiểu sai Ngài như thế trong sự hạ mình cũng như cái chết của Ngài. “Đấng Thiên sai”, họ nói, “t ần tại mãi mãi, và người này nói rằng ông ta sẽ chết”. Bởi thế họ tin Ngài không thể chết, nhưng cũng không vĩnh cửu; họ chỉ tìm kiếm trong Ngài một sự vĩ đại thế tục.

**663.** Tính biểu trưng - Không gì tương đ ồng với lòng từ thiện như lòng hám của và cũng chẳng gì đối lập với nó đến thế. Như thế những người Do Thái đ ầy của cải tôn sự hám của của họ lên, có rất nhiều sự tương đ ồng với những người Thiên Chúa giáo, và rất đối nghịch. Và qua đi ều này họ có hai phẩm chất mà họ cần phải có, rất phù hợp với đấng Thiên sai để biểu trưng cho Ngài, và rất đối nghịch để không là những chứng nhân bị nghi ngờ.

**664.** Tính biểu trưng - Thiên Chúa đã dụng lòng dục của người Do Thái để khiến họ phục vụ Đức Giêsu (người đã mang đến phương thuốc chữa lành cho dục vọng nơi họ).

**665.** Lòng kính Chúa thương người không phải là một lời dạy mang tính hình tượng. Thật kinh khủng khi nói rằng Đức Giêsu, đã đến để xóa bỏ những hình tượng nhằm củng cố lẽ thật, đã đến chỉ để dựng lên hình tượng của lòng kính Chúa thương người, nhằm xóa bỏ sự t ần tại của lẽ thật vốn đã có trước đó.

“Nếu ánh sáng là tầm tối, thì sự tăm tối ấy sẽ là gì?”<sup>279</sup>

**666.** Sự mê hoặc. *Somnum suum.*<sup>280</sup> *Figura hujus mundi.*<sup>281</sup>

Lẽ ban thánh thể. *Comedes panem tuum.*<sup>282</sup> *Panem nostrum.*<sup>283</sup>

*Inimici Dei terram lingent.*<sup>284</sup> Những kẻ tội lỗi liếm bụi đất, có nghĩa là, yêu thích những thú vui trần thế.

Kinh Cựu ước chứa đựng những biểu trưng của niềm vui sẽ đến, và Kinh Tân ước chứa đựng phương cách để đạt tới điều đó.

Các biểu trưng là về niềm vui; các phương cách là về sám hối; và tuy thế Cừu Phục Sinh được ăn với rau đắng, *cum amaritudinibus*.<sup>285</sup>

*Singularis sum ego donee transeam*.<sup>286</sup> Đức Giêsu trước cái chết của Ngài gần như là người tử đạo duy nhất.

**667.** Tính biểu trưng - Các thuật ngữ thanh gươm, tấm khiên. *Potentissime*.<sup>287</sup>

**668.** Người ta rời xa nhau chỉ bởi xa rời lòng kính Chúa thương người. Những lời cầu nguyện và đức hạnh của chúng ta trước Thiên Chúa thực đáng khinh, nếu chúng không phải là những lời cầu nguyện và đức hạnh của Đức Giêsu. Và tội lỗi của chúng ta sẽ không bao giờ là đối tượng của lòng nhân từ, mà của công lý nơi Thiên Chúa, nếu chúng không phải của Đức Giêsu. Ngài đã nhận lấy tội lỗi của chúng ta và chấp nhận đặt chúng ta trong sự kết hợp với Ngài, bởi đức hạnh là của chính Ngài, còn tội lỗi thì xa lạ; trong khi đức hạnh lại xa lạ với chúng ta, và tội lỗi là của chính chúng ta.

Hãy thay đổi quy tắc mà cho tới nay chúng ta chọn để phán xét cái gì là tốt. Chúng ta đã xem ý chí của chúng ta như là luật lệ của mình. Giờ hãy cùng nhận lấy ý chí của Thiên Chúa: tất cả những gì Ngài muốn đều tốt và đúng đắn với chúng ta, tất cả những gì Ngài không muốn đều xấu xa và bất công.

Tất cả những gì Thiên Chúa không cho phép đều bị cấm. Các tội lỗi bị cấm qua lời chung mà Thiên Chúa đã đưa ra, rằng Ngài không cho phép chúng. Những điều khác Ngài đã để mặc mà không có sự cấm đoán chung, và mà vì lý do này người ta gọi là được phép, tuy vậy không phải luôn

được phép. Bởi khi Thiên Chúa đã loại trừ một vài điềuh trong số chúng khỏi chúng ta, và rằng qua sự kiện, là một biểu hiện của ý chí Thiên Chúa, dường như rằng Ngài không muốn chúng ta sẽ có một thứ, mà điềuh đó khi ấy bị cấm với chúng ta như là tội lỗi; vì ý chí của Thiên Chúa là rằng chúng ta sẽ không có điềuh này hơn điềuh kia.<sup>288</sup> Có sự khác biệt duy nhất này giữa hai điềuh ấy, rằng chắc chắn Thiên Chúa sẽ không bao giờ cho phép tội lỗi, trong khi không chắc chắn rằng Ngài sẽ không bao giờ cho phép điềuh kia. Nhưng chừng nào Thiên Chúa không cho phép nó, chúng ta phải coi nó là tội lỗi; chừng nào sự vắng mặt của ý chí Thiên Chúa, điềuh vốn duy nhất là tất cả sự tốt lành và là tất cả công lý, khiến cho nó trở thành bất chính và sai lạc.

**669.** Thay đổi hình tượng, là vì sự yếu đuối của chúng ta.

**670.** Những hình tượng - Những người Do Thái đã héo mòn trong những suy nghĩ phạm tục rằng Thiên Chúa đã yêu tổ phụ Ápraham của họ, xác thịt của ông và thứ nảy sinh từ đó; rằng vì điềuh này Ngài đã nhân bội họ lên và phân biệt họ với mọi dân khác mà không cho phép các dân ấy trộn lẫn vào; rằng, khi họ tàn lụi ở Ai Cập, Ngài đã đưa họ ra khỏi đó với tất cả những dấu hiệu lớn lao này vì chiều cố đến họ; rằng Ngài đã nuôi nấng họ với lương thực trời ban trong sa mạc, và dẫn họ vào một vùng đất giàu có; rằng Ngài đã ban cho họ nhưng vị vua và đền đài được xây dựng cẩn thận, để dâng gia súc trước Ngài, thông qua sự đổ máu của chúng mà họ được thanh tẩy; và rằng, cuối cùng, Ngài đã gửi Đấng Thiên sai đến cho họ nhằm biến họ thành những người chủ của toàn bộ thế gian, và đã tiên báo thời gian mà Ngài tới.

Con người [tức dân Do Thái] khi héo mòn trong những lỗi lầm phạm tục này, Đức Giêsu đã đến vào thời gian được tiên báo, nhưng không trong vinh quang như mong đợi; và do đó họ đã không nghĩ đó là Ngài. Sau cái

chết của Ngài, thánh Phaolô đã đến dạy cho nhiều người rằng tất cả những điều này đã xảy ra trong những phúng dụ; rằng vương quốc của Thiên Chúa không ở nơi xác thịt, mà cốt ý tinh thần; rằng những kẻ thù của họ không phải là những người Babylon, mà chính là những ham muốn ấy; rằng Thiên Chúa đã không hài lòng với những đền đài được dựng lên bởi những bàn tay, mà hài lòng với một trái tim thanh khiết và biết ăn năn; rằng phép cắt bỏ ở thân xác chẳng mang đến lợi lộc gì, mà phải làm việc thanh tẩy ấy nơi trái tim; rằng Môsê đã không đem cho họ bánh bởi trời,<sup>289</sup> vân vân.

Nhưng Thiên Chúa, khi không muốn tiết lộ những điều ấy với dân tộc này, những người vốn không xứng với những điều đó và tuy thế do *muốn* báo trước về những điều *để* chúng có thể được tin, đã tiên báo thời gian một cách rõ ràng, và đã đôi khi diễn tả nhiều việc một cách rõ ràng, nhưng rất thường trong những hình tượng để những ai đã yêu mến những biểu tượng có thể xem xét chúng và những ai yêu thứ được biểu tượng hóa có thể nhìn thấy trong đó.

Tất cả những gì không hướng tới lòng kính Chúa thương người mang tính biểu tượng.

Mục đích duy nhất của Kinh Thánh là lòng kính Chúa thương người.

Tất cả những gì không hướng tới mục đích duy nhất ấy đều là biểu trưng của nó. Bởi vì chỉ có một mục đích, tất cả những gì không hướng đến nó trong ngôn từ rõ ràng đều mang tính biểu tượng.

Thiên Chúa như thế làm cho lời dạy duy nhất về lòng thương người mang nhiều vẻ để thỏa mãn tính ham biết của chúng ta vốn đi tìm sự đa dạng, qua sự đa dạng đó dẫn chúng ta tới cái tất yếu duy nhất. Bởi một điều duy nhất là cần thiết,<sup>290</sup> và chúng ta yêu sự nhiều vẻ; và Thiên Chúa

thỏa mãn cả đi đâu này lẫn đi đâu kia thông qua các sự đa dạng này dẫn chúng ta tới đi đâu cần thiết duy nhất.

Người Do Thái đã quá yêu những món thứ yếu và mong chờ chúng nhiều đến mức hiểu sai thực tại, khi đi đâu ấy đã đến đúng thời đi ền và theo cách được tiên báo.

Các Giáo sĩ Do Thái xem bầu ngực của người vợ<sup>291</sup> như các hình tượng, và toàn bộ những gì không thể hiện được mục đích duy nhất họ có, chỉ là, cái tốt tạm thời.

Và nhiều người Thiên Chúa giáo thậm chí xem Lễ Ban thánh thể như là hình tượng của hạnh phúc thiên đường mà họ hướng đến.

**671.** Nhiều người Do Thái, những người được kêu gọi khuất phục các quốc gia và các vị vua, là những nô lệ của tội lỗi; và nhiều người Thiên Chúa giáo, mà thiên hướng của họ là đề phụng sự và trở thành bề tôi, là những con dân tự do.<sup>292</sup>

**672.** Vấn đề hình thức - Khi Thánh Phêrô [*Pháp, Pierre; Anh, Peter; Hebrew, Shim'on bar Yona và Kepha*]; và các Tông đồ cân nhắc về việc bãi bỏ tục cắt bì, ở khía cạnh liên quan tới vấn đề hành động chống lại luật của Thiên Chúa, họ đã không nghĩ đến các nhà tiên tri, mà đơn giản là sự tiếp nhận Chúa Thánh thần trong bản thân những người không bị cắt bì.<sup>293</sup>

Họ đã nghĩ chắc chắn Thiên Chúa chấp nhận những người mà Ngài đã ban cho họ đầy đủ Thần khí của Ngài hơn là việc luật cần phải được tuân theo. Họ biết rằng mục đích của luật chỉ là Chúa Thánh thần; và như thế, vì người ta hẳn có được đi đâu này mà không cần cắt bì, thì việc này không cần thiết.

**673.** *Fac secundum exemplar quod tibi ostensum est in monte.*<sup>294</sup> - Tôn

giáo của người Do Thái h ồi đó đã được hình thành dựa trên sự tương đ ồng với sự thật về Đấng Thiên sai; và sự thật về Đấng Thiên sai được thừa nhận bởi tôn giáo vốn là hình tượng của sự thật kia.

Giữa những người Do Thái sự thật đã chỉ được vẽ ra; trên thiên đàng sự thật được vén mở.

Trong Giáo hội sự thật ẩn đi và được nhận thức qua sự tương đ ồng của nó với hình tượng.

Hình tượng được tạo ra theo lẽ thật, và lẽ thật được nhận thấy thông qua hình tượng.

Thánh Phaolô tự nhủ rằng con người sẽ ngăn cấm việc kết hôn, và chính ông nói về đi ều đó với tín hữu Côrintô theo một cách vốn là cái b ầy.<sup>295</sup> Bởi nếu một nhà tiên tri đã nói thế này, và Thánh Phaolô sau đó nói thế khác, người ta hẳn buộc tội ông.

**674.** Tính hình tượng - “Hãy nhìn xem và làm theo mẫu đã chỉ cho người trên núi.” Về đi ều này Thánh Phaolô nói rằng người Do Thái đã tô vẽ theo những thứ trên thượng giới.<sup>296</sup>

**675.** ... Và khi đó giao ước này, khiến cho một số người bị mù lòa và soi sáng một số người khác, đã chỉ ra trong chính những người bị nó khiến thành mù lòa, lẽ thật phải được nhận thấy từ những người khác. Bởi những phước lành hiển hiện mà họ đã nhận được từ Thiên Chúa thì quá vĩ đại và thần thánh đến mức Ngài quả thực dường như có khả năng ban cho họ những đi ều vô hình ấy và một Đấng Thiên sai.

Bởi thiên nhiên là một hình ảnh của ân sủng, và các phép lạ hiển hiện là hình ảnh của những thứ vô hình, *ut sciatis... tibi dico: Surge.*<sup>297</sup>

Isaia nói rằng sự Cứu Chuộc sẽ như hành trình qua Biển Đỏ.<sup>298</sup>

Thiên Chúa đã chỉ ra qua sự giải thoát khỏi Ai Cập, và khỏi biển cả, qua việc đánh bại những vị vua, qua thức ăn bởi trời, qua toàn bộ phả hệ của Ápraham, rằng Ngài có khả năng cứu vớt, ban xuống bánh bởi trời...; theo cách để dân thù nghịch này là biểu trưng và là hình ảnh thể hiện của chính Đấng Thiên sai mà họ không biết...

Bởi thế cuối cùng Ngài cũng dạy rằng tất cả những điều này chỉ là những hình tượng và cái gì mới là tự do thực, người Israel thực, lễ cắt bì thực, bánh bởi trời thực ...

Trong những lời hứa hẹn ấy, mỗi người tìm thấy điều mình có nơi sâu thẳm trái tim, những lợi ích vật chất hay lợi ích tinh thần, Thiên Chúa hay các tạo vật; nhưng với sự khác biệt này, rằng những ai tìm kiếm trong đó các tạo vật sẽ thấy chúng, nhưng với nhiều mâu thuẫn, với sự cấm đoán việc yêu mến chúng, với mệnh lệnh chỉ thờ phụng Thiên Chúa và chỉ yêu Ngài, vốn chỉ là một, và, cuối cùng, rằng Đấng Thiên sai đã không đến vì họ; trong khi những ai tìm kiếm Thiên Chúa thì tìm thấy Ngài và không có bất cứ mâu thuẫn nào, với mệnh lệnh chỉ kính yêu Ngài, và Đấng Thiên sai đã đến đúng thời gian được tiên báo để mang đến cho họ những phúc lành mà họ cầu xin.

Như thế dân Do Thái có những phép lạ và những lời tiên tri, những điều mà họ thấy được ứng nghiệm, và lời dạy về luật của họ là để thờ phụng và kính yêu chỉ một Thiên Chúa; lời dạy ấy luôn còn mãi. Như thế nó có mọi đặc điểm của tôn giáo thực sự; và nó là như thế. Nhưng cần phân biệt giáo lý của người Do Thái với lời dạy về luật của người Do Thái. Giờ giáo lý của dân Do Thái không đích thực, cho dù có những phép lạ, những lời tiên tri và tính vĩnh viễn, bởi nó không có trọng điểm kia về việc chỉ thờ phụng và kính yêu một mình Thiên Chúa.

**676.** Tấm màn, ở trên những cuốn sách này cho người Do Thái, cũng

có ở đó cho những người Thiên Chúa giáo xấu xa và cả với những ai không ghét cái tôi của họ.

Nhưng khi thực sự ghét bỏ cái tôi, những người ta thiện tâm sẽ hiểu mình và biết Đức Giêsu biết bao!

**677.** Một biểu trưng mang cả sự vắng mặt và sự có mặt, niềm vui và nỗi đau.

Một ẩn ý có hai nghĩa, một rõ ràng và một trong đó đi đâu được nói chính là ý nghĩa được che giấu.

**678.** Những biểu trưng - Một sự mô tả chuyển tải sự vắng mặt và sự có mặt, niềm vui và nỗi đau. Hiện thực loại trừ sự vắng mặt và nỗi đau. ị

Để biết liệu luật và những hy lễ là hiện thực hay biểu trưng, cần phải xem liệu các nhà tiên tri, khi nói về những đi đâu này, có giới hạn quan điểm và suy nghĩ của họ với chúng, để họ chỉ nhìn thấy giao ước cũ này, hay liệu họ đã nhìn thấy trong đó đi đâu gì khác nữa mà chúng là hình ảnh đại diện, bởi trong một sự mô tả chúng, ta nhìn thấy đi đâu được biểu thị. Để đạt được đi đâu này chúng ta chỉ cần xem xét đi đâu mà họ nói về chúng.

Khi họ nói rằng giao ước cũ sẽ tồn tại mãi mãi, liệu họ có muốn nói về giao ước kia, thứ mà họ nói sẽ bị thay đổi; và cũng thế về những hy lễ...?

Một ẩn ý có hai nghĩa. Khi người tìm thấy một chữ viết quan trọng trong đó người ta phát hiện ra được một ý nghĩa rõ ràng, và tuy vậy trong đó diễn giải rằng ý nghĩa bị che đi và tối tăm khó hiểu, rằng nó bị che giấu cốt để người ta sẽ đọc chữ viết đó mà không cần nhìn nó, và diễn giải mà không cần hiểu nó, phải nghĩ đến đi đâu gì nếu không nghĩ rằng đây là một ẩn ý với nghĩa kép, và lại càng hơn thế khi người ta tìm thấy những sự đối lập rõ ràng trong nghĩa đen. Các nhà tiên tri đã nói rõ ràng rằng Israel sẽ luôn được Thiên Chúa yêu thương và rằng luật sẽ tồn tại mãi mãi; và họ đã

nói rằng người ta sẽ không hiểu ý của họ và nó đã được che đậy.

Bởi thế phải xem trọng biết bao những người đã vén mở cho chúng ta ẩn ý và dạy chúng ta để hiểu những ẩn nghĩa, nhất là nếu những nguyên tắc mà họ rút ra là hoàn toàn rõ ràng và tự nhiên! Đây là đi ầu mà Đức Giêsu đã làm. Và các Tông đồ Họ mở niêm phong. Ngài đã vén bỏ tấm màn che, và hé lộ thần khí. Họ đã dạy chúng ta thông qua đi ầu này rằng kẻ thù của con người chính là những ham mê của họ; rằng Đấng Cứu Chuộc sẽ mang tính tinh thần, và sự ngự trị của Ngài mang tính tinh thần; rằng sẽ có hai lần giáng thế, một trong sự khốn khổ để hạ thấp con người kiêu ngạo, một trong v ầng hào quang để nâng con người khiêm nhường lên; rằng Đức Giêsu vừa là Thiên Chúa vừa là con người.

**679.** Những hình tượng - Đức Giêsu đã khai mở tâm trí họ để hiểu Kinh Thánh.

Hai lần khai mở lớn là như sau. (1) Mọi thứ xảy đến với họ trong những hình tượng: *vere Israelitae, vere liberi*,<sup>299</sup> bánh thực bởi trời. (2) Một vị Chúa đã bị làm nhục cho đến [khi lên] Thập giá. Nhất thiết rằng Đấng Christ chịu đau khổ để bước vào v ầng hào quang,<sup>300</sup> rằng Ngài chế ngự cái chết thông qua cái chết của mình. Hai lần giáng thế.

**680.** Những hình tượng - Ngay khi bí mật này được vén mở, không thể không thấy nó. Hãy cùng đọc Cựu Ước theo hướng này, và cùng xem liệu những hy lễ là thực; liệu vai trò tổ phụ của Ápraham là nguyên nhân thực sự của tình bạn của Thiên Chúa; và liệu mi ền đất hứa là nơi thư thái thực sự hay không. Không. Bởi thế đó là những hình tượng. Hãy theo cùng cách này xem xét tất cả những nghi lễ được sắp đặt, tất cả những giới luật không vì lòng kính Chúa thương người, người ta sẽ thấy rằng đó là những hình tượng.

Tất cả những hy lễ và nghi lễ đó bởi thế đều là những hình tượng hoặc những việc làm vô nghĩa. Giờ đây những điều đó quá rõ ràng và quá cao xa để bị xem là vô nghĩa.

Để biết liệu các nhà tiên tri có giới hạn quan điểm của họ vào Cựu Ước hay không, hoặc đã nhìn thấy bên trong đó những điều gì khác không.

**681.** Tính hình tượng - Mầu chốt của ẩn ý. *Veri adoratores.*<sup>301</sup> *Ecce agnus Dei qui tollit peccata mundi.*<sup>302</sup>

**682.** Isaia 1:21. Sự thay đổi từ cái tốt thành cái xấu, và sự trả thù của Thiên Chúa. Isaia 10:1; 26:20; 28:1. Các phép lạ: Isaia 33:9; 40:17; 41:26; 43:13.

Giêrêmia 11:21; 15:12; 17:9. *Pravum est cor omnium et inconstabile; quis cognoscet illud?*<sup>303</sup> Có nghĩa là, Ai có thể biết mọi sự độc ác của lòng người? Bởi nó đã được biết đến là xấu xa. *Ego dominus,*<sup>304</sup> etc. - 7:14, *Faciam domui huic,*<sup>305</sup> etc. Tin vào những hy lễ bên ngoài - 7:22, *Quia non sum locutus,*<sup>306</sup> etc. Hy lễ bên ngoài không phải là điểm thiết yếu - 11:13, *Secundum numerum,*<sup>307</sup> etc. Vô số giáo lý.

Isaia 44:20-24; 54:8; 63:12-17; 66:17. Giêrêmia 2:35; 4:22-24; 5:4, 29-31; 6:16; 22:15-17.

**683.** Những hình tượng - Chữ viết thì giết chết.<sup>308</sup> Tất cả xảy đến trong những hình tượng. Đây là ẩn ý mà Thánh Phaolô đem cho chúng ta. Đấng Christ phải chịu đau khổ. Một vị Chúa bị làm nhục. Phép cắt bì tâm hồn, nhịn ăn thực sự, hy lễ thực sự, ngôi đền thực sự. Các nhà tiên tri đã chỉ ra rằng toàn bộ những điều này phải mang tính tình thần.

Không vì thứ lương thực hư nát, mà vì thứ không hư nát.

“Các ông mới thực sự là những người tự do.”<sup>309</sup> Bởi thế tự do khác chỉ là một hình tượng của tự do.

“Ta là bánh thực bởi trời.”<sup>310</sup>

**684.** Sự mâu thuẫn - Chúng ta chỉ có thể tạo nên một diện mạo tốt bằng cách dung hòa mọi sự tương phản, và thật là không đủ khi theo một loạt những phẩm chất hài hòa, mà không có sự dung hòa những phẩm chất trái ngược. Để hiểu ý nghĩa của một tác giả, chúng ta phải khiến mọi đoạn văn đối nghịch nhau trở nên tương hợp.

Như thế, để hiểu Kinh Thánh, cần phải có một ý nghĩa trong đó mọi đoạn văn mâu thuẫn dung hợp với nhau. Có một ý nghĩa phù hợp với nhiều đoạn đồng quan điểm là không đủ; mà nhất thiết phải có một ý nghĩa dung hòa được ngay cả những đoạn trái ngược nhau.

Mọi tác giả có một ý nghĩa trong đó mọi đoạn mâu thuẫn dung hòa với nhau, hoặc chẳng có một ý nghĩa nào. Người ta không thể nói Kinh Thánh và các nhà tiên tri không có ý nghĩa nào; họ chắc chắn đầy đủ lý lẽ thường tình. Như thế cần phải tìm kiếm một ý nghĩa dung hợp mọi sự tương phản.

Ý nghĩa thực sự, khi ấy, không phải là ý nghĩa của người Do Thái; mà ở nơi Đức Giêsu mọi sự đối nghịch đều được dung hòa.

Người Do Thái sẽ không dung hòa được sự chấm dứt của vương quyền và quyền của thân vương, được tiên báo bởi Hôse [*Hebrew, Hoshea*], với lời tiên tri của Giacóp.

Nếu xem luật, các hy lễ, và vương quốc như những thực tại, chúng ta không thể dung hòa được tất cả các đoạn. Bởi thế nhất thiết rằng chúng chỉ là những hình tượng. Người ta thậm chí còn không thể dung hòa được những đoạn văn của cùng tác giả, cũng không với cùng một cuốn sách, đôi khi với cùng một chương cũng không thể, đi đâu này cho thấy ý nghĩa của

một tác giả thì rất phong phú. Như khi Êdêkien, chương 20, [vừa] nói rằng người ta sẽ sống trong những lề luật của Thiên Chúa và [vừa nói rằng] người ta sẽ không sống trong đó.

**685.** Những hình tượng - Nếu luật và những hy lễ là lẽ thật, thì phải làm hài lòng Thiên Chúa, và không khiến Ngài phiền. Nếu là những hình tượng, chúng phải vừa làm đẹp lòng vừa gây khó chịu.

Giờ trong toàn bộ Thánh Kinh chúng đâu vừa làm đẹp lòng vừa gây khó chịu. Người ta nói rằng luật sẽ bị thay đổi; rằng hy lễ sẽ bị thay đổi; rằng họ sẽ không có luật, không có vua, và không có hy lễ; rằng một giao ước mới sẽ được lập; rằng luật sẽ được làm mới; rằng các giới luật mà họ nhận được là không tốt; rằng những hy lễ ấy đáng ghê tởm; rằng Thiên Chúa chẳng đòi hỏi gì những lễ tế ấy.

Người ta nói rằng, ngược lại, luật sẽ tồn tại mãi mãi; rằng giao ước này sẽ tồn tại mãi mãi; rằng hy lễ sẽ luôn thế; rằng quy ước uy sẽ không bao giờ rời bỏ họ, bởi nó sẽ không rời khỏi họ cho đến khi vị Vua muôn đời tới.

Tất cả những đoạn này cho thấy đi đâu gì là thực không? Không. Thế chúng có cho thấy cái gì là hình tượng không? Không, mà cái hoặc là thực hoặc là hình tượng. Mà những đoạn đầu, khi loại bỏ sự thực, cho thấy toàn bộ đi đâu này chỉ là biểu trưng.

Toàn bộ những đoạn này không thể cùng nhau hợp với thực tại; toàn bộ có thể được xem là biểu trưng; bởi thế chúng không đề cập tới thực tại, mà là hình tượng.

Tất cả những đoạn văn này không thể áp dụng được cho thực tại, tất cả đâu có thể bị nói là hình tượng, do đó chúng không được xem như đã nói về thực tại, mà chỉ nói về hình tượng.

*Agnus occisus est ab origine mundi,*<sup>311</sup> *juge sacrificium.*<sup>312</sup>

**686.** Những điểm đối lập - Vương quyền cho tới [khi] Đấng Thiên sai [xuất hiện] - không có vua cũng chẳng có vương.

Luật vĩnh viễn - bị thay đổi.

Giao ước vĩnh viễn - một giao ước mới.

Luật tốt - quy tắc bất hảo. Êdêkien 20:25.

**687.** Những hình tượng - Khi lời của Thiên chúa, đi đâu thực sự đúng, mà sai theo nghĩa đen, thì nó đúng về mặt tinh thần. *Sede a dextris meis*:<sup>313</sup> Đi đâu này không đúng theo nghĩa đen, bởi thế nó đúng về mặt tinh thần.

Trong những biểu đạt này, Thiên Chúa được nói đến theo cách của con người. Và đi đâu này không có nghĩa gì khác ngoài ý định mà con người vẫn có trong việc đưa ra một chỗ ngồi ở bên tay phải họ, Thiên Chúa cũng sẽ có. Bởi thế đó là một dấu hiệu về ý định của Thiên Chúa, không phải về cách của Ngài thực hiện ý định đó.

Như thế khi nói rằng, “Thiên Chúa đã nhận được mùi trăn hương của bạn, và sẽ đền đáp lại bạn một vùng đất màu mỡ”, đi đâu này tương đương với việc nói rằng ý định tương tự mà một người có thể có, người hài lòng với hương thơm của bạn và sẽ đền đáp bạn một vùng đất màu mỡ, Thiên Chúa sẽ có dành cho bạn, vì bạn có ý định giống với ý định mà một người nào đó có thể có dành cho đấng mà họ dâng hương. Cho nên *iratus est*,<sup>314</sup> một “vị thần ghen tương”<sup>315</sup>... Bởi những thứ thuộc về Thiên Chúa là không thể diễn tả được, ta không thể nói được về chúng cách khác, và Giáo hội ngày nay vẫn còn sử dụng chúng: *Quia confortavit seras*,<sup>316</sup>...

Không cho phép quy cho Kinh Thánh những ý nghĩa mà nó đã không được mặc khải cho chúng ta rằng nó có. Như thế khi nói rằng chữ □ (*merci*)

đóng<sup>317</sup> của Isaia có nghĩa là sáu trăm, đi đầu này không được mặc khải. Chẳng ai nói rằng những □ (*tsade*)<sup>318</sup> ở cuối chữ và những □ (*het*)<sup>319</sup> đọc nhẹ biểu thị những đi đầu bí truyền. Do đó ta không được phép nói thế. Và còn ít được phép hơn khi nói rằng đây chính là cách của đá giả kim. Nhưng chúng ta nói rằng nghĩa đen không phải là nghĩa thực, bởi bản thân các nhà tiên tri đã nói như thế.

**688.** Tôi không nói rằng *mem* là thần bí.

**689.** Môsê (Đệ nhị luật 30:6) cam đoan rằng Thiên Chúa sẽ cắt bì tâm hồn họ để khiến họ có khả năng kính yêu Ngài.

**690.** Một câu của Davit, hay của Môsê, chẳng hạn như “Thiên Chúa sẽ cắt bì tâm hồn họ”, cho phép chúng ta đánh giá tinh thần của họ. Nếu tất cả những lời nói khác của họ đều mập mờ và gây ra sự nghi ngờ không rõ họ là các triết gia hay người Thiên Chúa giáo, rút cục một câu nói như kìêu này sẽ xác định toàn bộ phần còn lại, như một câu của Epiktetos xác định toàn bộ phần còn lại là đối lập. Cho đến lúc đó tính mơ hồ còn tồn tại, nhưng không phải sau đó.

**691.** Hai người kể về những câu chuyện hoang đường ngu ngốc, một người sử dụng ngôn ngữ theo cách hiểu nước đôi mà chỉ người trong giới của anh ta nắm rõ, trong khi người kia sử dụng ngôn ngữ chỉ theo một nghĩa, nếu ai đó không biết được bí mật, nghe cả hai nói theo cách này, sẽ đi đến cùng một nhận xét về họ. Nhưng nếu sau đó, trong phần còn lại của câu chuyện một người nói về những đi đầu thần tiên, và người khác luôn nói về chuyện nhạt nhẽo và tầm thường, người nghe chuyện sẽ xét đoán người nói tới những đi đầu huyền bí, chứ không về người kia; một người đã cho thấy đủ rằng mình không có khả năng về những việc ngu ngốc như vậy và có khả năng trở nên bí hiểm; và người kia cho thấy anh ta không có khả năng bí hiểm và có khả năng về những việc ngu độn.

Cựu Ước mang ý nghĩa sâu kín cần giải mã.

**692.** Có một số người nhìn thấy rõ ràng con người chẳng có kẻ thù nào ngoài lòng dục, đi đâu khiến họ quay lưng với Thiên Chúa, chứ không phải những (điều đĩ bại), họ cũng không có đi đâu tốt gì khác hơn Thiên Chúa, chứ không phải một vùng đất màu mỡ. Hãy để những ai tin rằng cái tốt của con người ở nơi xác thịt, và cái xấu trong đi đâu khiến anh ta rời bỏ những niềm vui nhục dục, thỏa mãn bản thân với chúng, và chết trong chúng. Nhưng những ai tìm kiếm Thiên Chúa với tất cả tấm lòng, những người chỉ lo lắng khi bị đẩy ra khỏi tầ̃n mắt Ngài, những người chỉ tha thiết muốn có được Ngài và những ai khiến họ xa Ngài bị xem như kẻ thù, những người đau khổ khi nhìn thấy mình bị bao quanh và áp đảo bởi những kẻ thù như thế, xin hãy thoải mái. Tôi tuyên bố với họ tin vui. Có tầ̃n tại một Đấng Cứu chuộc họ. Tôi sẽ cho họ thấy Ngài. Tôi sẽ chỉ ra rằng có một vị Chúa cho họ. Tôi sẽ không chỉ Ngài cho những người khác. Tôi sẽ khiến họ thấy rằng có một Đấng Thiên sai đã được hứa hẹn, người sẽ giải phóng họ khỏi kẻ thù của họ, và rằng Một người đã đến để giúp họ thoát khỏi những sự đĩ bại của họ, chứ không phải những kẻ thù.

Khi Đavit tiên báo rằng Đấng Thiên sai sẽ giải phóng dân của Ngài khỏi kẻ thù, người ta có thể tin rằng về mặt xác thịt đó hẳn là dân Ai Cập. Và khi ấy tôi không thể chỉ ra rằng lời tiên tri đã được ứng nghiệm. Nhưng người ta cũng có thể tin chắc những kẻ thù kia chính là những sự đĩ bại của họ. Bởi trong thực tế người Ai Cập không phải là kẻ thù mà chính sự đĩ bại của họ mới là kẻ thù. Hai chữ kẻ thù này bởi thế không phân minh. Nhưng nếu ông ta nói ở nơi nào khác, như ông ta làm, rằng Ngài sẽ giải phóng dân của Ngài khỏi tội lỗi của họ, cũng như Isaia và những người khác đã nói, sự mập mờ bị loại bỏ, và ý nghĩa kép của từ kẻ thù được quy giản thành ý nghĩa đơn giản về sự đĩ bại. Bởi nếu có những tội lỗi trong tâm trí, ông ta có thể chỉ rõ chúng như là những kẻ thù; nhưng nếu đã nghĩ

về kẻ thù, ông ta không thể gọi tên chúng là những sự đẽ đẽ bại.

Xét thấy Môsê, Đavit, và Isaia đã sử dụng cùng những thuật ngữ. Khi ấy ai sẽ nói rằng họ không nói cùng một ý, và rằng ý của Đavit, vốn hiển nhiên muốn ám chỉ những đẽ đẽ bại khi ông nói về kẻ thù, lại không giống như ý của Môsê khi nói về những kẻ thù?

Danien (Chương IX) cầu nguyện cho sự giải phóng dân khỏi sự giam giữ của những kẻ thù họ. Nhưng ông ta đang nghĩ về những tội lỗi, và, để chỉ ra đi đâu này, ông ta nói rằng Gaprien [*Hebrew*, Gavri'el; *Anh & Pháp*, Gabriel] đã đến nói với mình rằng lời cầu nguyện đã được nghe, và rằng chỉ có bảy mươi tuần phải đợi, sau đó dân sẽ được giải phóng khỏi sự đẽ đẽ bại, tội lỗi sẽ hết, và Đấng Cứu chuộc, Thánh của các Thánh, sẽ mang đến công lý *vĩnh viễn*, không phải công lý luật định, mà là công lý *vĩnh viễn*.

-----  
CÁC LỜI TIÊN TRI

**693.** Khi tôi nhìn thấy sự mù quáng và nỗi khốn khổ của con người, khi tôi chú ý đến toàn thể vũ trụ im lặng và con người không có ánh sáng, bị bỏ lại một mình, và như bị lạc vào trong góc này vũ trụ mà không biết ai đã đặt anh ta ở đó, rằng ta đến đó để làm gì, đi đâu gì sẽ xảy đến với mình khi chết, bất lực không tìm biết được gì, tôi trở nên kinh hãi giống như một người bị mang đi trong khi ngủ đến một hòn đảo hoang vu đáng sợ và tỉnh dậy không biết mình ở đâu và chẳng có phương tiện để trốn thoát. Và ngay sau đó tôi tự hỏi bằng cách nào người ta lại không rơi vào sự tuyệt vọng trong một tình trạng khốn khổ như thế. Tôi thấy những người khác xung quanh có một bản chất tương tự. Tôi hỏi họ liệu họ được cho biết nhiều hơn tôi không. Họ nói với tôi rằng không. Và sau đó những sinh vật lạc đường khốn khổ này, khi nhìn xung quanh và thấy một vài đối tượng gây thích thú, đã trao phó và gắn bản thân mình với chúng. Về phần mình, tôi đã không thể gắn mình với chúng, và, khi xét thấy có nhiều khả năng có thực rằng tồn tại thứ gì đó khác ngoài cái tôi nhìn thấy, tôi đã tìm kiếm xem phải chăng Thượng đế này đã không để lại một vài dấu hiệu nào đó về bản thân Ngài.

Tôi nhìn thấy nhiều tôn giáo mâu thuẫn, và bởi thế tất cả đều giả tạo, trừ một tôn giáo. Mỗi tôn giáo muốn mọi người tin nó thông qua quyền năng của nó, và đe dọa những người không tin. Bởi thế tôi không tin vào chúng. Ai cũng có thể nói đi đâu này; ai cũng có thể tự xưng là nhà tiên tri. Nhưng tôi thấy rằng Thiên Chúa giáo mà trong ấy các lời tiên tri được ứng

nghiệm, và đó là điều mà mọi người không thể làm được.

**694.** Và yếu tố làm cho toàn bộ điều này trở nên hoàn hảo chính là lời tiên tri, cốt để người ta không nói rằng chính sự ngẫu nhiên đã làm điều đó.

Bất cứ ai, khi chỉ còn sống được một tuần nữa, sẽ không thấy thực sự thích hợp để tin rằng toàn bộ điều này không là một sự ngẫu nhiên...

Giờ đây, nếu những đam mê không còn nắm được chúng ta nữa, một tuần và một trăm năm chẳng khác gì nhau.

**695.** Những lời tiên tri - Thần Pan Vĩ đại đã chết.<sup>320</sup>

**696.** *Susceperunt verbum cum Omni aviditate, scrutantes Scripturas, si ita se haberent.*<sup>321</sup>

**697.** *Prodita lege. Impleta cerne. Implenda collige.*<sup>322</sup>

**698.** Chúng ta chỉ hiểu các lời tiên tri khi nhìn thấy những sự kiện xảy đến. Như thế những bằng chứng về sự ân cư, sự suy xét khôn ngoan, sự thản lặng..., chỉ là bằng chứng với những người biết và tin chúng.

Thánh Giuse hướng nội như thế trong một luật hướng ngoại như thế.

Những sám hối bên ngoài tạo ra ý muốn hướng vào bên trong, như những điếu nhục nhã hướng tới sự hạ mình. Như thế...

**699.** Hội đạo Do Thái đã có trước Giáo hội [Công giáo]; người Do Thái giáo có trước người Thiên Chúa giáo. Các nhà tiên tri đã báo trước về những người Thiên Chúa giáo; Thánh Gioan, Đức Giêsu.

**700.** Thực thú vị khi nhìn vào lịch sử Hêrôđê và Xêda với đôi mắt của đức tin.

**701.** Lòng nhiệt thành của nhiều người Do Thái dành cho luật lệ và đền thờ của họ (Josephus và Philon người Do Thái, *Legatio ad Caium* [Sứ thần

trong triều Caligula]). Dân nào khác còn có lòng nhiệt thành như thế? Nhất thiết họ phải có nó.

Đức Giêsu tiên báo về thời gian và tình trạng thế giới. Vương hầu bị chuyển khỏi đền, <sup>323</sup> và vương triều thứ tư. <sup>324</sup> Thật may mắn cho chúng ta khi thấy ánh sáng này trong bóng tối này!

Thực đẹp khi nhìn, với đôi mắt của đức tin, các vua Đariô và Kyrô [*Ba Tư*, Dārayavaus và Kūrus; *Anh & Pháp*, Darius và Cyrus], Alexandras, dân Roma, Pompeius và Hêrôđê, hoạt động, mà không biết đi đâu đó, vì vinh quang của Phúc âm!

**702.** Lòng nhiệt thành của dân Do Thái dành cho luật của họ, nhất là từ khi không còn các nhà tiên tri nữa.

**703.** Trong khi các nhà tiên tri nỗ lực duy trì luật, dân chúng lại lơ là. Nhưng kể từ khi không còn các nhà tiên tri nữa, lòng nhiệt thành đã kế tiếp.

**704.** Ma quỷ gây khó cho lòng nhiệt thành của người Do Thái trước Đức Giêsu, bởi Ngài là sự cứu rỗi của họ, nhưng không phải sau đó.

Dân Do Thái bị chế giễu bởi những người không phải là Do Thái [dân ngoại]; dân Thiên Chúa giáo bị bức hại.

**705.** Bằng chứng - Các lời tiên tri với sự ứng nghiệm của chúng; đi đâu đã ở ngay trước và đi đâu đã đến sau Đức Giêsu.

**706.** Các lời tiên tri là bằng chứng mạnh mẽ nhất về Đức Giêsu. Cũng chính vì chúng mà Thiên Chúa đã chuẩn bị hầu như đầy đủ; bởi sự kiện đã ứng nghiệm chúng là một phép màu tột tại từ thuở khai sinh của Giáo hội cho đến khi kết thúc. Vì thế Thiên Chúa đã dựng nên các nhà tiên tri trong suốt một ngàn sáu trăm năm, và, trong bốn trăm năm sau đó, Ngài đã phân tán những lời tiên tri này trong toàn bộ người Do Thái, những người mang

chúng đi khắp nơi trên thế gian. Những việc như thế là sự chuẩn bị cho sự ra đời của Đức Giêsu, và, do Phúc âm của Ngài sẽ được mọi người tin theo, không những cần phải có những lời tiên tri để Phúc âm được [người ta] tin, mà các lời tiên tri này còn phải tồn tại ở khắp thế gian, để nó được mọi người đón nhận.

**707.** Nhưng các lời tiên tri tồn tại là chưa đủ, mà nhất thiết chúng cần phải được phân đi khắp nơi và được lưu giữ qua mọi thời kỳ. Và để người ta đừng cho rằng toàn bộ việc này là kết quả ngẫu nhiên, nên điều này cần phải được tiên báo.

Về vang hơn cho Đấng Thiên sai khi dân Do Thái là những người chứng kiến và thậm chí là những công cụ cho vinh quang của Ngài, bên cạnh việc Thiên Chúa đã chọn riêng họ.

**708.** Các lời tiên tri - Thời gian được tiên báo qua hoàn cảnh của dân Do Thái, hoàn cảnh của kẻ ngoại đạo, tình trạng của đền thờ, qua số năm tháng.

**709.** Phải gan dạ để tiên liệu cùng một điều theo rất nhiều cách. Nhất thiết rằng bốn vương triều, thờ ngẫu tượng hoặc tà đạo, sự kết thúc của vương quốc Giuđa, và bảy mươi tuần,<sup>325</sup> phải xảy ra đồng thời, và tất cả điều này trước khi ngôi đền thứ hai bị phá hủy.

**710.** Các lời tiên tri - Khi riêng một người làm ra một cuốn sách tiên báo về Đức Giêsu, về thời gian và cách thức, và Đức Giêsu đã đến ứng hợp với những lời tiên tri này, việc này có sức nặng vô cùng.

Nhưng ở đây còn có nhiều điều nữa. Đó là sự kế thừa liên tục của con người trong suốt bốn ngàn năm, những người, liên tục và không có sự biến đổi, xuất hiện, người này nối tiếp người kia, để tiên báo cùng một sự kiện này. Đó là cả một dân tộc tuyên bố điều này và đã tồn tại tại khoảng bốn ngàn

năm, để đưa ra lời chứng tập thể về những sự đảm bảo mà họ có, và bất cứ mối đe dọa và sự bức hại nào mà người ta có thể gây ra cho họ cũng không thể khiến họ xao lãng khỏi những đảm bảo đó. Điều này quan trọng hơn nhiều.

**711.** Các lời tiên báo về những điều cụ thể - Họ từng là người lạ ở Ai Cập, không có bất cứ tài sản riêng nào, ở trong nước đó hay nơi nào khác. Đã không có chút hình dáng bên ngoài nào, của vương quyền vốn đã tồn tại rất lâu trước đó, hay của hội đồng tối cao của bảy mươi thẩm phán mà họ gọi là Sanhedrin và đã được lập nên bởi Môsê, tồn tại cho đến thời của Đức Giêsu. Tất cả những điều này đã khác biệt với tình trạng của họ vào thời điểm đó đến hết mức có thể, khi Giacóp, hấp hối và ban phước cho 12 người con của mình, tuyên bố với chúng, rằng chúng sẽ là chủ của một vùng đất rộng lớn, và đã tiên báo cụ thể với chi họ Giuđa, rằng các vị vua, những người một ngày nọ sẽ cai trị họ, sẽ là dòng dõi của cậu ta; và rằng tất cả những anh em của cậu ta sẽ là thần dân của các vua đó; và rằng ngay cả Đấng Thiên sai, người sẽ là sự mong đợi của các quốc gia, cũng sinh ra từ [chi họ của] cậu; và rằng vương quyền sẽ không bị tước khỏi Giuđa, cũng như người cai trị và người ban luật sẽ không nằm ngoài những hậu duệ của ông, cho tới khi Đấng Thiên sai được trông đợi đến trong gia tộc ông.

Vẫn Giacóp ấy, xếp đặt mảnh đất tương lai này như thế ông chính là người cai trị nó, đã cho Giuse phần hơn những người con khác. “Ta cho con”, ông đã nói, “phần nhiều hơn những người anh em khác.” Và ban phước cho hai người con của Giuse, Éphraim [*Hebrew*, Efrâyim; *Pháp*, Éphraim; *Anh*, Ephraim] và Mơnase [*Hebrew*, Menaoe; *Pháp*, Manassé; *Anh*, Manasseh], đứa lớn hơn, Mơnase, bên phải ông, và đứa nhỏ hơn, Éphraim, bên trái ông, và ông bắt chéo tay, và bằng cách đặt tay phải của mình lên đầu Éphraim, và tay trái lên Mơnase, ông đã ban phước cho họ

theo cách này. Và qua lời Giuse ông thích đứa nhỏ tuổi hơn, ông đáp lời con mình với một sự quả quyết kỳ lạ: “Ta biết rõ đi đâu đó, con trai ta; nhưng Éprahim sẽ lớn mạnh hơn Monase”. Điệu này quả thực rất đúng, khi chỉ riêng một chi tộc hầu như phát triển cho cả hai chi tộc vốn tạo nên toàn thể vương quốc, hai chi tộc thường được gọi chỉ bằng tên Éprahim.

Vấn chính Giuse này, khi hấp hối, yêu cầu những người con mang hài cốt của mình theo khi họ sẽ đi vào vùng đất đó, nơi mà họ chỉ đến được hai trăm năm sau đó.

Chính Môsê, người viết ra tất cả những điều này rất lâu trước khi chúng xảy ra, đã giao từng phần của mảnh đất đó cho mỗi chi tộc trước khi họ vào đó, như thể ông là người cai quản nó. Thực tế ông đã tuyên bố rằng Thiên Chúa sẽ tạo dựng lên từ quốc gia họ và chủng tộc họ một nhà tiên tri, mà ông là hình tượng của vị đó; và ông tiên báo một cách chính xác cho họ tất cả những gì xảy ra với họ trên mảnh đất mà họ sẽ bước vào sau khi ông chết, những chiến thắng mà Thiên Chúa ban cho họ, sự vô ơn của họ với Thiên Chúa, nhưng sự trừng phạt mà họ phải gánh chịu vì đi đâu đó, và phần còn lại của cuộc hành trình của họ. Ông đã trao cho họ những người phân xử vốn sẽ tiến hành việc phân chia, ông đã quy định toàn bộ hình thức về sự quản lý chính trị mà họ phải tuân theo, những tòa thành ẩn náu mà họ cần xây dựng, và...

**712.** Các lời tiên tri trộn lẫn những việc cụ thể với những điều về Đấng Thiên sai, cốt để các lời tiên tri về Đấng Thiên sai không phải là không có bằng chứng, mà những lời tiên tri đặc biệt cũng không phải là không có thành quả.

**713.** Sự giam cầm mãi mãi của người Do Thái - Giêrêmia 11:11, “Này ta sắp giáng tai họa xuống trên chúng [nhà Giuđa], và chúng không tài nào thoát khỏi.”

Những hình tượng - Isaia 5. Đức Chúa có một vườn nho, trong đó Ngài tìm những quả nho; và nó chỉ sanh những trái nho dại. Ta bởi thế sẽ bỏ nó hoảng loạn, và phá bỏ nó; từ đất đó sẽ chỉ mọc lên những gai góc, và ta sẽ truyên cho mây đừng làm mưa xuống. Vườn nho của Đức Chúa ấy là nhà Ísraen, và những người xứ Giuđê tức là cây mà Ngài ưa thích. Ta trông họ được công chính, và họ chỉ sinh ra bạo ngược.

Isaia 8. Hãy tôn Đức Chúa là thánh với nỗi sợ và run rẩy; chỉ nên sợ Ngài và kinh hãi Ngài, và Ngài sẽ là thánh điện, nhưng cũng là hòn đá gây vấp ngã và là hòn đá làm sầy chân cho cả hai nhà Ísraen, và là bẫy cùng lưới cho dân cư thành Giêrusalem vậy; và nhiều người trong bọn họ sẽ sầy chân, té ngã và nát tan, và sa vào lưới và bị bắt. Hãy gói lời chứng này, và niêm phong luật này trong môn đồ ta.

Tôi mong đợi Đức Chúa, Đấng ẩn mặt Ngài không nhìn nhà Giacóp.

Isaia 29. Hãy sững sờ và kinh hãi, dân Israel; loạng choạng và vấp ngã, và hãy say đi, mà không vì rượu; lão đảo, mà chẳng tại ma men. Vì trên các người, Đức Chúa đã đổ xuống một làn khí hôn mê. Ngài bịt mắt các người; sẽ che mờ các ông hoàng và các nhà tiên tri của các người, tức là những người có thị kiến. (Đanien 12: Ác nhân không ai trong họ sẽ hiểu, còn hiền sĩ thì sẽ hiểu. Hose, chương cuối cùng, câu cuối cùng, sau rất nhiều những phước lành thế tục, nói: Ai đủ khôn ngoan để hiểu được điếu này? vân vân). Và thị kiến của mọi nhà tiên tri đối với các người đã trở nên như một quyển sách niêm phong, người ta trao cho người có học, và người biết đọc; và hấn nói, Đọc sao được, sách đã niêm phong rồi! Lại đưa sách cho kẻ không biết đọc, hấn liền bảo, Tôi nào đâu biết chữ!

Chúa Thượng phán: Dân này chỉ đến gần ta bằng miệng, tôn vinh ta bằng môi, còn lòng chúng thì xa ta lắm, - có lý do và nguyên nhân của nó, bởi nếu thờ phụng Thiên Chúa trong lòng, họ sẽ hiểu được các lời tiên tri -

bởi chúng chỉ kính sợ ta theo lệnh của người phàm. Vì thế, ta sẽ tiếp tục làm cho dân này phải sửng sờ kinh ngạc vì bao nhiêu dấu lạ đi đến thiêng. Bây giờ sự khôn ngoan của kẻ khôn ngoan sẽ chuốc lấy thất bại, và trí thông minh của người thông minh sẽ tan thành mây khói.<sup>326</sup>

Các lời tiên tri. Những bằng chứng về Thần tính. Isaia 41: Nói lên đi những gì sẽ xảy đến sau này, cho chúng tôi nhận ra quý vị là thần: cứ nói đi, rồi chúng tôi sẽ quan tâm. Hãy dạy chúng ta những điều có từ ban đầu, và cho chúng ta biết rõ hậu vận thế nào.

Qua việc này chúng ta biết các người là thần. Phải, quý vị cứ làm điều lành hay điều dữ, nếu quý vị có thể. Hãy để chúng ta thấy nó và cùng nhau suy ngẫm. Quả thật các người toàn là hư vô, việc làm của các người chẳng là gì hết... Ai (trong số những tác giả đương đại) đã loan tin từ thuở ban đầu rằng chúng ta có thể biết về những điều được thực hiện từ lúc bắt đầu và nguồn gốc, để chúng ta có thể nói, người là công chính? Nhưng chẳng ai dạy chúng ta, chẳng ai nói về tương lai.

Isaia 42. Ta là Đức Chúa, và ta không nhường vinh quang của ta cho ai khác. Chuyện cũ đã qua rồi, nay ta loan báo những điều mới, và trước khi những điều này xảy ra, ta đã cho các người nghe biết. Hát lên mừng Đức Chúa một bài ca mới, khắp cõi địa cầu!

Dẫn ra đây dân có mắt mà mù, có tai mà điếc. Liệt quốc nào tề tựu bên nhau. Ai trong chúng đã cho hay những điều đó, đã cho chúng ta nghe những chuyện ngày xưa và sẽ đến? Cứ đưa ra nhân chứng và bào chữa cho mình, để mọi người được nghe và nói rằng: Đúng thế!

Chính các người là nhân chứng của ta, Đức Chúa phán, là bề tôi ta đã tuyển chọn, để các người nhận biết và tin ta, và hiểu rõ ta vẫn là ta.

Chính ta đã báo cho biết, và cứu độ, và một mình ta đã tạo nên những

điều kỳ diệu trước mắt các người: Vậy các người là nhân chứng cho thần tính của ta, Đức Chúa phán.

Chính ta vì tình yêu các người mà đập tan những lực lượng của người Babylon. Ta là đấng thánh hóa các người và sáng tạo ra các người.

Chính ta đã vạch một con đường giữa đại dương, một lối đi giữa sóng nước dữ dội. Ta chính là đấng đã nhấn chìm và hủy hoại vĩnh viễn những kẻ thù đầy sức mạnh đã chống lại các người.

Các người đừng nhớ lại những chuyện ngày xưa, chớ quan tâm về những việc thuở trước.

Này ta sắp làm một việc mới, việc đó mạnh mẽ rồi, các người không nhận thấy hay sao? Phải, ta sẽ mở một con đường trong cõi hoang vu, khơi những dòng sông trong sa mạc.

Ta đã gây dựng cho ta dân này, ta đã lập nên chúng để lên tiếng ngợi khen ta, vân vân.

Nhưng chính ta đây, vì danh dự của ta, ta sẽ xóa bỏ các tội phản nghịch của người, và không còn nhớ đến lỗi lầm của người nữa. Hãy ghi trong trí nhớ sự bội bạc của người, để xem liệu các người có gì để biện bạch cho mình. Tổ phụ đầu tiên của người đã phạm tội, và những người lãnh đạo người đã phản nghịch cùng ta.

Isaia 44. Người phán thế này: Ta là khởi nguyên, ta là cùng tận. Ai được như ta, cứ để người đó kể ra thứ tự mọi việc từ khi ta lập những dân tộc đầu tiên, và những gì sẽ xảy đến. Đừng run đừng sợ.

Ta đã chẳng cho người nghe những điều này từ thuở nào sao? Các người là nhân chứng của ta.

Lời tiên báo về Kyrô - Isaia 45:4. Vì lợi ích của Giacóp, của người ta

đã chọn, ta đã gọi người đích danh.

Isaia 45:21. Hãy đến và bàn luận với nhau xem. Điều ấy, ai đã nói cho nghe từ thuở trước, ai đã tiên báo tự ngàn xưa? Há chẳng phải ta, chẳng phải Đức Chúa sao?

Isaia 46. Hãy nhớ lại những chuyện thuở ban đầu, và biết rằng không có thần nào khác, những chuyện xảy ra sau, ta báo trước từ đầu, những gì chưa thể hiện, ta đã báo từ lâu. Ta phán: Điều ta dự tính sẽ thành tựu, ta sẽ thi hành điều ta ưa thích.

Isaia 42:9. Chuyện cũ đã qua rồi, nay ta loan báo những điều mới, và trước khi những điều này xảy ra, ta đã cho các người nghe biết.

Isaia 48:3. Những chuyện cũ, ta đã báo từ xưa, đã cho xuất phát từ miệng ta, và đã cho nghe biết; thành linh ta đã ra tay, và chúng đã ập tới. Ta biết người vốn là kẻ cứng đầu, cổ người là thanh sắt, trán người làm bằng đồng, nên ta đã báo cho người từ lâu, và nói cho người nghe, trước khi sự việc xảy đến, kẻ người nói: ngẫu tượng của tôi đã làm những điều ấy, tượng chạm tượng đúc của tôi đã ra lệnh như vậy.

Các người đã thấy tất cả, chẳng lẽ các người không báo lại sao? Ngay từ bây giờ, ta cho người biết những điều mới, những điều còn giữ kín mà người chưa rõ. Mãi bây giờ, những điều đó mới được tạo nên, chứ trước ngày đó, người chưa hề nghe biết bao giờ, ta đã giữ kín chúng khỏi người, kẻ người nói, này tôi biết tất cả!

Đúng vậy, người đâu đã nghe, đúng vậy, người đâu đã hiểu, đúng vậy, trước đây người đâu đã mở tai nghe! Vì ta biết người là tên phản bội đáng gọi là phản phúc tự bẩm sinh.

Việc lên án dân Do Thái và sự cải đạo của dân ngoại — Isaia 65. Nhưng kẻ không hỏi ta thì ta đã cho gặp, những kẻ không tìm ta, ta đã xuất hiện

cho chúng thấy. Với một dân chẳng kêu cầu danh ta, ta đã phán, Ta đây, ta đây này!

Suốt ngày ta đưa tay kêu gọi một dân ngỗ nghịch, bọn người theo ý riêng mà đi trong đường ta, một dân vốn liên tục chọc giận thẳng vào mặt ta bằng những tội lỗi; vốn hy tế cho các ngẫu tượng.

Những thứ này sẽ tan biến thành khói vào ngày ta nổi cơn thịnh nộ...

Tội của các người cũng như tội của cha ông, ta sẽ tập hợp, và sẽ trả lại hết cho các người theo việc các người làm.

Đức Chúa cũng phán thế này: Vì tình thương các tội tớ của ta, ta sẽ không hủy diệt toàn Idsraen như khi thấy chút hạt trong một chùm, người ta nói, đừng hủy nó đi, vì trong đó có phúc lành.

Ta sẽ cho xuất phát một dòng dõi từ Giacóp, và từ Giuđa, để sở hữu các núi của ta, và những kẻ được ta tuyển chọn và tội tớ của ta sẽ thừa hưởng nó, và những đồng bằng trù phú và phì nhiêu của ta; nhưng ta sẽ hủy hoại tất cả những cái khác, bởi các người đã quên Thiên Chúa của mình để phụng sự những vị thần xa lạ. Ta đã kêu gọi mà các người không đáp lời; ta đã phán dạy mà các người chẳng buồn nghe; đi đâu ta không thích các người lại chọn.

Vì thế Đức Chúa phán như sau: Nay đây, các tội tớ của ta sẽ được ăn, còn các người sẽ phải đói; tội tớ của ta sẽ vui mừng, còn các người sẽ phải xấu hổ; tội tớ của ta sẽ reo vui, lòng chứa chan hoan lạc, còn các người sẽ kêu la, lòng tràn ngập ưu phiền.

Các người sẽ lưu lại tên mình, và những kẻ ta chọn sẽ dùng nó làm lời nguyện rủa: Xin Đức Chúa vật chết người đi, còn các tội tớ của ta, chúng sẽ được gọi bằng một tên khác, để trong xứ ai cầu phúc cho mình thì sẽ nhân danh Thiên Chúa chân thật mà cầu phúc,... Vì những nỗi gian truân

thời trước sẽ chìm vào quên lãng.

Này đây ta sáng tạo trời mới đất mới, không còn ai nhớ đến thuở ban đầu, cũng không nhắc lại trong tâm trí nữa. Mà thiên hạ sẽ vui mừng và luôn mãi hỷ hoan vì những gì chính ta sáng tạo. Phải, này đây ta sẽ tạo Giêrusalem nên nguần hoan hỷ và dân ở đó thành nỗi vui mừng, vì Giêrusalem, ta sẽ hoan hỷ, vì dân ta, ta sẽ nhảy mừng. Nơi đây, sẽ không còn nghe thấy tiếng than khóc kêu la.

Trước khi chúng kêu ta, chính ta đã đáp lời, chúng hãy còn đang nói thì ta đã nghe rồi. Sói với chiên con sẽ cùng nhau ăn cỏ, sư tử cũng ăn rơm như bò, còn rắn sẽ lấy bụi đất làm lương thực. Sẽ không còn ai tác hại và tàn phá trên khắp núi thánh của ta.

Isaia 56. Đức Chúa phán như sau: Hãy tuân giữ điều chính trực, thực hành điều công minh, vì ơn cứu độ của ta đã gần tới, và đức công chính của ta sắp được biểu lộ. Phúc thay người làm như thế, giữ ngày sabát, chẳng hề đưa tay làm điều gian ác.

Người ngoại bang gắn bó cùng Đức Chúa chớ nói rằng: Hẳn Đức Chúa đã tách tôi ra khỏi dân Người. Quả vậy, Đức Chúa phán như sau: Những ai giữ các ngày sabát ta truyền, và lựa chọn điều ta ưa thích, cùng tuân thủ giao ước của ta, thì trong nhà của ta, ta sẽ cho chúng một danh hiệu và vị trí còn quý hơn con trai con gái; ta sẽ cho tên tuổi chúng trường tồn, không bao giờ bị ai xoá bỏ.

Isaia 59:9. Vì tội lỗi của chúng ta mà lẽ công chính không gần chúng ta được. Chúng ta mong ánh sáng, thì này đây bóng tối; mong xán lạn huy hoàng, lại bước đi trong mù mịt tối tăm. Tựa như người mù men theo tường, chúng ta lảo đảo cả trưa lẫn chiều, và như những kẻ đã chết ở những nơi tối tăm.

Chúng ta gặm gù như gấu, rậ̀n rì chẳng khác b ồ câu. Mong được xét xử, mà đâu có thấy, mong được cứu thoát, nhưng sao quá xa vời!

Isaia 66:18. Ta biết rõ việc làm và ý định của chúng, ta sẽ đến tập hợp mọi dân tộc và mọi ngôn ngữ; họ sẽ đến và được thấy vinh quang của ta.

Ta sẽ đặt giữa họ một dấu hiệu và sai những kẻ sống sót của họ đến các dân tộc, tới châu Phi, Lydia, Ý, Hy Lạp, và đến những dân chưa hề được nghe nói đến ta và chưa hề thấy vinh quang của ta. Và họ cũng sẽ đưa dẫn tất cả anh em các người.

Giêrêmia 7. Sự lên án đền thờ: Hãy đi đến Silô [Hebrew, Siloh; *Pháp, Silo, Anh, Shiloh*] nơi ta đã lưu ngụ thuở ban đầu, và xem ta đã làm gì cho nơi ấy vì tội ác của dân ta. Vì ta đã ruồng bỏ nó và dựng cho ta một đền thờ ở chỗ khác.

Và giờ đây, bởi vì các người đã làm tất cả những việc ấy, Đức Chúa phán, ta sẽ đối xử với đền thờ này, nơi danh ta *được* kêu khẩn, nơi các người tin tưởng, và làm cho nơi mà ta đã ban cho tổ phụ của các người, những đi ều ta đã làm với Silô.

Ta sẽ xua đuổi các người khỏi mặt ta như đã xua đuổi tất cả anh em các người, toàn thể dòng dõi Épraim - bị chối bỏ mãi mãi. Nên đừng dâng lời nguyện xin cho chúng.

Giêrêmia 7:22. Cứ hiến tế lễ toàn thiêu vào với lễ hy sinh để làm gì? Vì khi đưa cha ông các người ra khỏi đất Ai Cập, ta đã chẳng nói gì với chúng, chẳng truyền dạy chúng đi ều chi về lễ toàn thiêu và lễ hy sinh cả. Nhưng đi ều ta truyền cho chúng là: Hãy vâng theo và trung thành với những đi ều răn của ta thì ta sẽ là Thiên Chúa các người, và các người sẽ là dân của ta.

Đó là chỉ sau khi họ đã hiến tế cho con bê vàng thì ta mới bảo họ làm

hy lễ cho ta, để biến tập quán xấu thành ra tốt.

Giêrêmia 7:4. Đừng y vào lời giả dối sau đây: Đền thờ của Đức Chúa!  
Đền thờ của Đức Chúa! Đã có Đền thờ của Đức Chúa!

**714.** Người Do Thái chứng nhân cho Thiên Chúa. Isaia 43:9; 44:8. Các lời tiên tri được ứng nghiệm. - I Các vua 13:2. I Các vua 22:16. Giosuê 26:26. I Các vua 16:34. Đệ nhị luật 23.

Malakhi 1:11. Lễ dâng của người Do Thái bị chê bai, và lễ dâng của dân ngoại (ngay cả ở ngoài Giêrusalem) và ở khắp nơi.

Môsê, trước khi chết, đã tiên báo về ơn thiên triệu của dân ngoại, Đệ nhị luật 32:21. và sự kết án dân Do Thái.

Môsê đã tiên báo đi đâu xảy ra với mỗi chi tộc.

Lời tiên tri - Tên của các người sẽ là lời nguyền rủa cho những kẻ ta chọn, và ta sẽ cho chúng một tên gọi khác.

Hãy làm cõi lòng họ chai sạn. Và bằng cách nào? Bằng cách vuốt ve lòng dục của họ và khiến họ hy vọng sẽ thỏa mãn được nó.

**715.** Lời tiên tri - Amốt và Dacaria. Họ đã bán rẻ người công chính, và vì đi đâu này họ sẽ không bao giờ được nhắc tới. Đức Giêsu bị phản bội.

Người ta sẽ không còn nhớ Ai Cập nữa. Xem Isaia 43:16-19. Giêrêmia 23:6-7

Lời tiên tri - Người Do Thái sẽ bị tan lạc khắp nơi. Isaia 27:6. Một luật mới, Giêrêmia 31:32.

Malakhi. Grotius.<sup>327</sup> Vinh quang cho ngôi nhà thứ hai. Đức Giêsu sẽ đến. Khácgai 2:7-10.

Lời thiên triệu của dân ngoại. Giôn 2:28. Hôsê 2:24. Đệ nhị luật 32:21.

Malakhi 1:11.

**716.** Hôsê 3 - Isaia 42, 48, 54, 60, 61 và chương cuối. Ta đã tiên báo đi đầu đó từ lâu để họ chắc rằng đó chính là ta. Jaddus chỉ cho Aléxandros thấy.<sup>328</sup>

**717.** Các lời tiên tri - Lời hứa rằng Davit sẽ luôn có những người kế vị. Giêrêmia 13:13

**728.** Sự cai trị vững bền của dòng dõi Davit, II Biên niên, bởi mọi lời tiên tri, và với một lời thề. Và nó đã không ứng nghiệm nhất thời. Giêrêmia 33:20.

**719.** Người ta có lẽ nghĩ rằng, khi các nhà tiên tri đã tiên báo cây phủ viêt chẳng hề rời khỏi Giuđê cho đến khi vị Vua đời đời đến, họ đã nói để vượt ve dân và rằng lời tiên tri của họ bị Hêrôđê cho thấy là sai. Nhưng để chỉ ra rằng đó không phải là ý của họ và rằng, ngược lại, họ biết rõ vương quốc thế tục này cần phải chấm dứt, họ nói rằng trong một thời gian dài, con cái Ísraen sẽ không có vua, không thủ lãnh. Hôsê 3:4.

**720.** *Non habemus regem nisi Caesarem.*<sup>329</sup> Bởi thế Đức Giêsu là Đấng Thiên sai, bởi họ đã không còn một vị vua nào ngoài một người lạ, và họ chẳng muốn một người nào khác.

**721.** Chúng tôi không có vị vua nào ngoài Xêda.

**722.** Đanien 2. Đi đầu bí nhiệm mà đức vua hỏi thì các nhà thông thái, các pháp sư, các thầy phù thủy và các thầy bói không thể nào trình bày cho đức vua được. Nhưng có Đức Chúa Trời là Đấng mặc khải những đi đầu bí nhiệm, chính Người cho đức vua biết đi đầu gì sẽ xảy ra sau này. (Giấc mơ này hẳn khiến nhà vua rất lo nghĩ).

Còn th ần đây, dù chẳng thông thái hơn ai, nhưng đi đầu bí nhiệm này đã

được mặc khải cho thần, để thần trình bày cho đức vua lời giải nghĩa.

Giấc chiêm bao ấy như thế này: một pho tượng, một pho tượng lớn, sáng chói, đứng sừng sững trước mặt ngài, coi thật dễ sợ. Đầu pho tượng ấy bằng vàng ròng, ngực và hai cánh tay bằng bạc, bụng và hai bắp đùi bằng đồng, hai bắp chân bằng sắt, hai bàn chân nửa sắt nửa đất sét. Ngài đang mãi nhìn thì bỗng có một tảng đá tách ra, dù không có bàn tay nào đụng tới, nó đập vào pho tượng trúng hai chân nửa sắt nửa đất sét, khiến hai bàn chân vỡ tan ra.

Bảy giờ tất cả cùng vỡ tan: cả sắt, đất sét, đồng, bạc lẫn vàng, giống như rơm rác trên sân phơi lúa mùa hè bị gió cuốn đi. Còn tảng đá làm vỡ pho tượng thì trở thành một hòn núi lớn choán hết mặt đất. Đó là giấc chiêm bao, còn ý nghĩa của nó thì xin tâu trước bệ hạ.

Ngài là vua các vua, Đức Chúa Trời đã ban cho ngài vương quốc, quyền hành, thế lực và vinh quang. Cái đầu bằng vàng chính là ngài vậy. Sau triều đại ngài, sẽ xuất hiện một vương quốc khác kém hơn ngài. Rồi một vương quốc thứ ba nữa, vương quốc bằng đồng, sẽ thống trị cả mặt đất.

Còn vương quốc thứ tư vững như sắt. Cũng như sắt nghiền nát và đập tan tất cả vương quốc đó, khác nào sắt phá vỡ, cũng sẽ nghiền nát và phá vỡ tất cả.

Bàn chân và các ngón chân mà ngài thấy nửa bằng đất sét, nửa bằng sắt là một vương quốc sẽ bị phân chia, nhưng sẽ có một phần sức mạnh của sắt và phần yếu ớt của đất sét.

Việc ngài thấy sắt pha với đất sét nghĩa là các vương quốc sẽ làm cho các chủng tộc pha lẫn với nhau, nhưng không gắn bó với nhau được dù bằng hôn phối, cũng như sắt không hoà lẫn được với đất sét.

Trong thời đại các vua này, Đức Chúa Trời sẽ lập một vương quốc không bao giờ bị tiêu diệt, vương quyền ấy không bị giao cho một dân khác, nhưng nó sẽ đập tan và tiêu diệt tất cả mọi vương quốc kia, còn nó, đến muôn đời nó sẽ đứng vững; cũng như ngài đã thấy tảng đá bị tách khỏi núi dù không có bàn tay nào đụng tới, tảng đá ấy đập tan cả sắt, đồng, đất sét, bạc và vàng. Thiên Chúa đã cho đức vua biết chuyện gì sẽ xảy ra sau này. Giấc chiêm bao đúng là như thế và ý nghĩa chắc chắn là như vậy.

Bấy giờ vua Nabucôđônôso sắp mình phủ phục...

Đanien 8. Đanien khi nhìn trận chiến của con cừu đực và con dê đực, kẻ đã chiến thắng con cừu đực và cai trị mặt đất; từ chỗ cái sừng lớn của con dê bị gãy, có bốn cái sừng mọc ra theo hướng gió bốn phương trời, và từ một trong các sừng ấy mọc ra một sừng nhỏ, lớn lên rất mạnh hướng về phương nam, về phương đông, và về vùng đất Ísraen; và nó vươn cao tới tận các đạo binh trên trời, và làm một phần các tinh tú phải nhào xuống đất, và nó đạp chân lên. Nó còn vươn lên tận vị thống lãnh đạo binh, và của lễ thường tiến dâng lên Người bị tước đoạt, thánh điện của Người bị phá đổ.

Đây chính là điều Đanien nhìn thấy. Ông ta yêu cầu giải thích và một giọng kêu lên như thế này: Gáprien, hãy cho người này hiểu thị kiến. Và Gáprien nói:

Con cừu đực có hai sừng mà người đã thấy, đó là các vua Mêđi và Ba Tư, con dê đực là vua Hy Lạp; cái sừng lớn giữa hai mắt, đó là vua đầu tiên. Sừng đó bị gãy, có bốn sừng mọc lên thay thế: đó là bốn vương quốc nổi lên từ dân nước ấy, nhưng không có sức mạnh của nước ấy. Vào cuối triều đại chúng, khi tội lỗi chúng lên tới tột đỉnh sẽ xuất hiện một vua mặt mày cứng cỏi, ngạo mạn và quyền thế, nhưng không bởi sức riêng của mình, mọi việc đều thành công theo ý nó. Nó sẽ tiêu diệt đoàn dân thánh.

Nhờ khôn khéo, nó làm cho xảo kế được thành công, nó sẽ tiêu diệt một số đông. Nó sẽ vươn lên chống lại vị thủ lãnh của mọi thủ lãnh, nhưng nó sẽ bị tiêu diệt, dẫu không phải do một bàn tay hung bạo.<sup>330</sup>

Daniên 9:20. Bấy giờ tôi đang cầu nguyện và thú nhận tội lỗi của tôi cũng như tội lỗi của dân tôi, đang giải bày trước nhan Đức Chúa của tôi, thì Gáprien, nhân vật tôi đã thấy trong thị kiến ban đầu, bay sà xuống sát bên tôi vào lúc dâng hiến lễ ban chiều. Ngài đến ngỏ lời với tôi và nói: Này Đanien, nay ta đi ra để giúp ngươi được an tường. Khi ngươi vừa bắt đầu khẩn nguyện, thì lời đã ban ra và ta đến đây để loan báo, vì ngươi là người được quý mến. Hãy thấu triệt lời ấy, hãy am hiểu thị kiến. Bảy mươi tuần đã được ấn định cho dân và thành thánh của ngươi, để chấm dứt gian tà, xoá sạch tội ác, đền xong lỗi lầm, để đem lại sự công chính vĩnh cửu, để thị kiến và lời ngôn sứ được ứng nghiệm, và để xúc dầu nơi cực thánh. (Sau đó dân này sẽ không còn là dân của ngươi nữa, thành này cũng không còn là thành thánh. Thời kỳ thịnh nộ sẽ qua đi, và những năm ân sủng sẽ đến đời đời.)

Vậy ngươi hãy biết và hiểu: Từ khi lời được ban ra nhằm xây dựng lại Giêrusalem cho tới khi vị thủ lãnh được xúc dầu xuất hiện, thì có bảy tuần và sáu mươi hai tuần. (Dân Do Thái quen chia tách các số và đặt số nhỏ ở trước. Vì thế, 7 và 62 thành 69. Về số 70 này khi ấy vẫn còn tuần thứ 70, có nghĩa là, bảy năm cuối cùng sẽ được ông đề cập tiếp theo đây).

Phố xá và thành lũy sẽ được tái thiết, nhưng được tái thiết trong thời buổi cùng quẫn. Sau sáu mươi hai tuần (tiếp theo bảy tuần đầu), đáng được xúc dầu sẽ bị thủ tiêu (Christ sẽ bị giết sau sáu mươi chín tuần, có nghĩa là, vào tuần cuối cùng) và thành đô và thánh điện sẽ bị một dân cùng thủ lãnh của họ đến phá tan, và sẽ tràn ngập tất cả, và đoạn kết thúc cuộc chiến tranh này sẽ hoàn tất sự tàn phá.

Nội một tuần (là tuần thứ bảy mươi, tuần còn lại), nó sẽ củng cố giao ước với số người đông đảo. Đến giữa tuần, (nghĩa là ba năm rưỡi sau cùng), nó bắt phải ngưng hy lễ và của hiến tế, và đưa sự lan tràn của điêu ghê tởm đến mức kỳ dị, điêu đó sẽ lan tràn và kéo dài với những kẻ kinh ngạc và mãi đến lúc kết thúc.

Đanien 11. Thiên thần nói với Đanien: Sẽ có, (sau Kyrô, theo đó điêu này được ghi), ba vua ở nước Ba Tư, (Kambüjiya [*Pháp*, Cambyse; *Anh*, Cambyses], Bardiya [*Anh*, Smerdis], Đariô); và vua thứ tư (Asuêrô [*Pháp*, Xerxès; *Anh*, Xerxes]) nhiều của cải hơn mọi người, trở nên mạnh nhất về của cải và lực lượng và xúi giục mọi người của ông ta chống lại người Hy Lạp.

Song sẽ có một vị vua mạnh đứng lên (Alexandras) thống trị một vương quốc rộng lớn và mặc sức tung hoành. Nhưng ông vừa đứng lên thì vương quốc của ông bị tan vỡ và phân chia ra theo hướng gió bốn phương trời (như đã đề cập ở trên, 7:6; 8:8), song không truyền cho dòng dõi ông. Và những người kế tục sẽ không hùng mạnh bằng ông ta, bởi chính vương quốc của ông ta sẽ bị phân tán cho những người khác, trừ những người này (bốn người kế tục chính của ông ta).

Và vua phương nam (Ptolemaios [*Pháp*, Ptolémée; *Anh*, Ptolemy], con trai của Lagós [*Pháp*, Lagos; *Anh*, Lagus], Ai Cập) sẽ nên hùng mạnh; nhưng một trong các tướng lãnh của ông sẽ hùng mạnh hơn ông (Séleukos [*Pháp* Séleucus; *Anh*, Seleucus], Vua Syria) và vương quốc của người này sẽ rất rộng lớn (Appianòs [*Pháp*, Appien; *Anh*, Appian] nói rằng ông ta là một trong những người kế vị mạnh nhất của Alexandras).

Ít năm sau, các vua ấy sẽ kết ước với nhau, và công chúa của vua phương nam (Berenikē [*Pháp*, Bérénice; *Anh*, Berenice], con gái của Ptolemaios Philádelphos [*Pháp*, Ptolémée II Philadelphie; *Anh*, Ptolemy

Philadelphus], con trai của Ptolemaios kia), sẽ đến ở cùng vua phương bắc (Antiochos Theós, Vua Syria và châu Á, cháu trai của Seleucus Lagidas), để thiết lập hòa bình giữa những vị vua này.

Nhưng công chúa và cả dòng dõi nàng sẽ không giữ được quyền lực lâu dài; vì công chúa và những người đưa nàng đến, và những đứa con cùng bạn bè nàng đều bị đẩy tới cái chết. (Berenikē và con trai bị giết theo lệnh của Seleukos Kallinikos [*Pháp*, Séleucus Callinicus; *Anh*, Seleucus Callinicus])

Nhưng từ một mâm cùng gốc với công chúa (Ptolemaios Euergetēs [*Pháp*, Ptolémée Évergète; *Anh*, Ptolemy Euergetes] là em cùng cha với Berenikē) sẽ mọc vươn lên, tiến đánh đạo binh, vào thành trì kiên cố của vua phương bắc. Cậu ta tấn công và chiến thắng, và bắt tất cả các thần và vua của họ làm phu tù đem về Ai Cập, cả vàng và bạc cũng như mọi chiến lợi phẩm, và trong vài năm, vua phương bắc không làm được gì chống lại cậu ta (nếu không bị triệu hồi ở Ai Cập bởi những vấn đề nội bộ, Justinus<sup>331</sup> nói, cậu ta sẽ tước đoạt hết mọi thứ của Seleukos).

Và như thế cậu vua này trở lại xử mình. Nhưng các con trai của vua kia tức giận (Seleukos Keraunos [*Anh*, Seleucus Ceraunus], Antiochos Mégas), tập hợp những binh đoàn lớn. Và quân của họ sẽ đến và san bằng mọi thứ; bấy giờ vua phương nam (Ptolemaios Philopator [*Pháp*, Ptolémée Philopator; *Anh*, Ptolemy Philopator]) tức giận cũng hình thành một đội quân hùng mạnh, và giao chiến (với Antiochos Mégas), và chiến thắng (ở Raphia). Và quân phương nam trở nên ngạo mạn và lòng vua trở nên kiêu ngạo (Ptolemaios này đã làm ô uế đền thờ, theo Josephus). Vua thắng được biết bao vạn người, nhưng chiến thắng của vua không vững chắc.

Bởi vua phương bắc (Antiochos Mégas) sẽ trở về thu tóm cơ binh đông hơn lần đầu, và trong khi ấy nhiều người nổi lên chống lại vua

phương Nam (dưới thời ấu vương Ptolemaios Epiphanes); cũng như những người bỏ đạo (Những người đã bỏ đạo mình để làm vui lòng Euergetēs khi ông này sẽ gửi quân mình đến cho Scopas), hung bạo của dân người sẽ dấy lên để thị kiến được ứng nghiệm và họ sẽ tiêu tan (bởi Antiochos sẽ vây khốn Scopas, và đánh bại họ).

Và vua phương bắc sẽ phá hủy những chiến lũy và những tòa thành kiên cố, và toàn lực lượng phương nam cũng không chống cự nổi họ, và mọi chuyện đều theo ý vua phương bắc; vua dừng lại nơi mảnh đất Ísraen, và nó phục tùng ông ta. Nhà vua cũng nghĩ tới việc trở thành bá chủ của toàn đế quốc Ai Cập, (khi coi khinh Epiphanes nhỏ tuổi, Justinus nói). Và để đạt điếu này vua thiết lập liên minh với vua phương nam và gả con gái của mình cho cậu ta (Cleopátra, cốt để cô phản bội chồng mình, về việc này Appianòs nói rằng, khi nghi ngờ khả năng của mình trong việc nắm quyền bá chủ Ai Cập bằng sức mạnh, do sự bảo vệ của người La Mã, ông ta đã cố đạt điếu này bằng mưu mẹo). Vua muốn con gái mình bại hoại, nhưng cô sẽ không thuận theo ý đồ đó. Sau việc này, vua hướng sang những dự định khác, và sẽ nghĩ tới việc làm chủ một số hòn đảo (tức là những vùng duyên hải), và sẽ chiếm được nhiều (như Appianòs nói).

Nhưng một thủ lĩnh sẽ chống lại những cuộc chinh phục của ông ta, (Scipio Africanus, người đã chặn bước tiến của Antiochos Mégas, bởi đã xúc phạm người La Mã với tư cách là đồng minh của họ), và sẽ chặn điếu sỉ nhục đồ về mình. Rồi ông trở lại đất mình và tiêu vong ở đó và không còn nữa. (ông ta bị quân của mình giết chết).

Và người nối ngôi ông ta (Seleukos Philopatôr hay Soter, con trai của Antiochos Mégas), sẽ là một bạo chúa, kẻ nạo vét thuế trong vinh quang của vương quốc (tức là dân), nhưng trong vài ngày kẻ đó sẽ bị hủy hoại không phải vì giận dữ cũng không phải vì chiến trận. Và thay chỗ của vua

đó là một kẻ đáng khinh, không xứng đáng với danh dự của vương quyền, nhưng y sẽ len lỏi vào một cách khôn khéo và bằng những lời xiểm nịnh. Mọi đội quân sẽ cúi mình trước y; và y sẽ khuất phục họ, ngay cả thủ lãnh mà y đã có một giao ước.

Bởi sau khi lập liên minh với vua kia, y sẽ lừa gạt ông ta, và dẫn ít toán quân vào những khu vực yên ổn của ông ta không chút e sợ, y sẽ chiếm lấy những vị trí tốt nhất, và sẽ làm được nhiều việc hơn những gì cha ông của y từng làm được. Và cướp phá khắp nơi, y sẽ lập những mưu lớn trong suốt thời kỳ của mình.

**723.** Các lời tiên tri - Bảy mươi tuần của Đanien thì không rõ ràng về thời hạn bắt đầu do ngôn từ của lời tiên tri; và về thời hạn kết thúc do sự khác biệt giữa các nhà niên đại học. Nhưng toàn bộ sự khác biệt này kéo dài chỉ tới hai trăm năm.

**724.** Những sự báo trước - Rằng trong vương triều thứ tư, trước vụ phá hủy đền thờ thứ hai, trước khi sự thống trị của người Do Thái bị tước đi, vào tuần thứ bảy mươi của Đanien, trong thời gian tồn tại của ngôi đền thứ hai, dân ngoại sẽ được được dạy và soi sáng về Thiên Chúa được người Do Thái thờ phụng; rằng những người yêu Ngài sẽ được giải thoát khỏi kẻ thù của mình, và tràn đầy lòng kính sợ và yêu thương Ngài. Và xảy ra trong vương triều thứ tư, trước vụ phá hủy đền thờ thứ hai,... đông đảo dân ngoại thờ phụng Thiên Chúa, và sống đời sống thiên thần.

Những thiếu nữ hiến dâng sự trong trắng và đời mình cho Thiên Chúa và những thanh niên từ bỏ mọi trò vui. Đi đâu mà Plátôn đã chỉ có thể thuyết phục được một số ít người, được chọn và được dạy dỗ, một sức mạnh bí mật, chỉ vài lời, đã thuyết phục được hàng trăm triệu con người thiếu hiểu biết.

Những người giàu bỏ lại tài sản của mình, những đứa trẻ rời bỏ nhà cửa

xinh xắn của cha mẹ chúng để vào những sa mạc khô hạn... (Xem Philon người Do Thái).

Toàn bộ điếu này là gì? Chính điếu này đã được tiên báo từ rất lâu trước đó. Suốt hai ngàn năm không dân ngoại nào thờ phụng Thiên Chúa của người Do Thái; và vào lúc đã được tiên báo, rất đông dân ngoại đã thờ phụng Thiên Chúa duy nhất này. Các đền thờ bị phá hủy, chính các vua quy phục trước thập giá. Toàn bộ điếu này là gì? Đó chính là Thần khí của Thiên Chúa đã lan rộng khắp mặt đất.

Theo chính những giáo sĩ Do thái, không dân ngoại nào, từ thời Môsê đến Đức Giêsu, tin [những sách của Môsê]; rồi sau Đức Giêsu, rất đông dân ngoại đã tin vào những sách của Môsê, giữ gìn bản chất và tinh thần trong đó, và chỉ bỏ đi thứ không cần thiết.

**725.** Các lời tiên tri - Sự cải giáo của người Ai Cập (Isaia 19:19); sẽ có một bàn thờ kính Đức Chúa ngay giữa đất Ai Cập.

**726.** Các lời tiên tri - Ở Ai Cập. *Pugio Fidei*. tr. 659. Talmud: Đó là một truyền thống trong chúng ta rằng, lúc Đấng Thiên sai đến, ngôi nhà của Thiên Chúa, được dành cho việc ban lời của Ngài, sẽ đầy những điếu tục tĩu và ô uế; và sự khôn ngoan của những thầy giảng giáo lý sẽ bị biến chất và bại hoại. Những người sợ hãi tội lỗi sẽ bị dân chối bỏ, và bị đối xử như những kẻ ngốc và điên rồ.

Isaia 49. Hỡi các đảo, hãy nghe tôi đây, hỡi các dân tộc miền xa xăm, hãy chú ý: Đức Chúa đã gọi tôi từ khi tôi còn trong lòng mẹ. Người đã làm cho miệng lưỡi tôi nên như gươm sắc bén, giấu tôi dưới bàn tay của Người. Người đã phán cùng tôi: Người là tôi trung của ta, ta sẽ dùng người để biểu lộ vinh quang. Phần tôi, tôi đã nói: Tôi vất vả luống công, phí sức mà chẳng được gì. Xin hãy phán xét, thưa Đức Chúa, việc làm của tôi là trước mặt Người. Giờ đây, Đức Chúa là đấng nhào nặn ra tôi từ khi tôi còn

trong lòng mẹ để tôi trở thành người tôi trung, đem nhà Giacóp về cho Người và quy tụ dân Israen chung quanh Người, phán với tôi: Người sẽ được vinh hiển trong sự hiên diện của ta, và ta sẽ là sức mạnh của người. Nếu người chỉ làm việc tái lập các chi tộc Giacóp thì vẫn còn quá ít; ta đặt người làm ánh sáng cho muôn dân ngoại và đem ơn cứu độ của ta đến tận cùng cõi đất. Với kẻ hạ thấp linh hồn mình, bị dân ngoại khinh chê và kinh tởm, và kẻ phục tùng mọi quyền uy trên thế gian, Đức Chúa phán thế này: Vua chúa sẽ bái lạy người vì Đức Chúa, đáng đã chọn người, là bậc thành tín.

Đức Chúa phán thế này: Ta đã nhận lời người vào thời ta khoan dung và cứu độ. Ta đã gìn giữ người, đặt người làm giao ước giữa ta với dân, chia cho người sở hữu những miền đất hoang vu nhất, để người nói với người tù: Hãy đi ra tự do, và với những kẻ ngồi trong bóng tối: Hãy ra ngoài ánh sáng, và sở hữu những mảnh đất bỏ hoang và màu mỡ. Chúng sẽ không phải làm việc hoặc đói, khát, hoặc bị khí nóng mặt trời hành hạ, vì Đáng thương xót chúng sẽ hướng dẫn và đưa chúng đến những suối nước tuôn trào, và làm phẳng mọi núi non trước mặt chúng. Kìa dân chúng đang từ mọi nơi đến, phía đông, phía tây, phía bắc và phía nam. Trời hãy vinh danh Đức Chúa, đất hãy vui mừng vờn đi đầu đó, vì Đức Chúa ủi an dân Người và chạnh lòng thương những kẻ nghèo khổ trông đợi nơi Người.

Thế mà Xion dám nói: Đức Chúa đã bỏ tôi, và đã quên tôi. Có người mẹ nào quên được con thơ của mình, hay chẳng thương đứa con mình đã mang nặng đẻ đau? Cho dù nó có quên đi nữa, thì ta cũng chẳng quên người bao giờ. Xion, ta luôn mang người trên tay, thành lũy người luôn ở trước mặt ta. Những người tái thiết người thì vội chạy tới, còn kẻ huỷ diệt người sẽ lìa xa. Hãy đưa mắt nhìn quanh, và xem cả đám đông này được tụ tập để đến với người! ta thề rằng tất cả những dân này sẽ được tặng cho người như món trang điểm mà người sẽ mang mãi; những hoang mạc và

chốn quanh quẽ của người cùng mọi vùng hiện vắng vẻ của người r ồi sẽ quá chật hẹp cho lượng cư dân đông đúc, và những đứa con người vốn sẽ ra đời trong những năm cần cỗi sẽ nói nhỏ với người: Nơi này chật quá, nó mở rộng cương giới, và hãy dành chỗ cho con ở với! Và người sẽ nói thầm: Ai đã sinh cho tôi nhiều con thế này đây, tôi vốn không con, vô sinh, bị phát vắng và giam c ầm? Những đứa con này, ai đã nuôi chúng, tôi vốn bị bỏ lại một mình không ai cứu giúp? Chúng từ đâu ra? Và Đức Chúa sẽ nói với người: Xem này, ta đã lộ sức mạnh vái dân ngoại, giương cờ hiệu trước muôn dân: và chúng sẽ b ồng ẵm con cái người trên tay và trên ngực; các ông hoàng bà chúa sẽ làm dưỡng phụ nữ mẫu cho người, chúng sẽ sắp mình tôn thờ người, sẽ hôn bụi đất dưới chân người; và người sẽ rõ ta là Đức Chúa, và ai trông cậy ta sẽ không phải hổ thẹn bao giờ; vì ai tước được con m ồi khỏi tay kẻ rất mạnh và toàn năng? Nhưng cho dù nó có bị tước mất đi, chẳng gì ngăn được ta cứu vớt con cái người, và ta sẽ không thua trước kẻ thù người, và mọi phàm nhân sẽ biết rằng ta là Đức Chúa, đáng cứu độ người và là đáng cứu chuộc toàn năng của Giacóp.

Isaia 50. Đức Chúa nói những điều này: Đâu là giấy tờ ly dị để qua đó ta rũ bỏ đền thờ Do Thái? Và tại sao ta lại trao nó vào tay của kẻ thù người? Chẳng phải do sự bội nghịch của nó và tội lỗi của nó mà ta đã bỏ nó sao?

Vì khi ta đến, chẳng có ai tiếp đón ta; vì khi ta gọi và chẳng có ai lắng nghe. Phải chăng tay ta ngắn, và ta không đủ sức mạnh để cứu sao?

Bởi thế ta sẽ cho thấy các biểu hiện cơn giận của ta; ta sẽ phủ các tầng trời trong sự tối tăm, và khoác bao gai cho chúng.

Đức Chúa đã ban cho ta cái lưới được dạy dỗ tốt để ta biết dùng lời nói an ủi kẻ u s ầu. Ngài khiến ta chú ý lời Ngài dạy, và ta lắng nghe Ngài như một người th ầy.

Đức Chúa đã cho ta thấy ý chí của Ngài, và ta đã không trái nghịch.

Ta đã đưa thân cho kẻ đánh ta, và má ta cho người lẳng nhục. Ta bỏ mặc khuôn mặt cho sự ô nhục và đờm dãi. Nhưng Đức Chúa đã phù trợ ta, và vì thế ta đã không hổ thẹn.

Đấng tuyên bố rằng tôi công chính, Người ở cùng ta: ai sẽ dám kết tội ta, ai sẽ tranh cãi với ta, và kết án ta phạm tội, khi chính Thiên Chúa là người che chở cho ta?

Mọi người ai cũng sẽ qua đi và bị hao mòn bởi thời gian. Những người kính sợ Đức Chúa hãy nghe lời của kẻ tội lỗi Ngài. Kẻ nào lang thang trong bóng tối hãy trông cậy Đức Chúa. Nhưng với các người, các người chỉ khơi lên cơn thịnh nộ của Thiên Chúa trên đầu người; người bước trên những lò lửa và giữa những ngọn lửa mà người đã đốt lên. Chính tay ta đã đem những sự xấu ấy cho các người: các người sẽ tiêu vong trong thống khổ.

Hỡi ai theo đuổi sự công chính và tìm kiếm Đức Chúa, hãy nghe ta. Hãy nhìn tảng đá mà từ đó các người được đẽo ra; hãy nhìn vào bể chứa mà từ đó các người được kéo lên. Hãy nhìn tổ phụ Ápraham của người, và Xara [*Hebrew, Sara; Pháp & Anh, Sarah*], người sinh ra các người. Hãy thấy rằng khi được ta gọi, Ápraham chỉ có một mình và không con cái và ta đã ban cho ông ta con cháu đông đảo. Hãy xem biết bao phúc lành ta đã ban cho Xion, và biết bao nhiêu ân sủng và an ủi mà ta dồi dào tràn cho nó.

Hãy xem xét tất cả những điều ấy, hỡi dân ta, và hãy chú tâm nghe lời của ta, vì một luật sẽ do ta ban truyền, và một phán xét vốn sẽ là ánh sáng cho muôn dân ngoại.

Amốt 8. Nhà tiên tri, sau khi liệt kê những tội lỗi của của Ísraen, nói rằng Thiên Chúa sẽ trừng phạt.

Ngài nói như vậy:

Trong ngày ấy, Đức Chúa nói, ta sẽ truyền cho mặt trời lặn giữa trưa, và khiến cho mặt đất tối sầm giữa lúc ngày đang sáng. Ta sẽ biến lễ lạt của các người thành tang tóc, mọi bài hát của các người thành những khúc ai ca.

Tất cả các người sẽ phải chịu buồn bã và đau khổ, và ta sẽ làm cho đất này sầm não như chịu tang đứa con một, và kết cục của nó như một ngày cay đắng. Đây sắp đến những ngày, Đức Chúa phán, ta sẽ gieo nạn đói trên xứ này, không phải đói bánh ăn và khát nước uống, mà là đói khát muốn nghe lời từ Đức Chúa. Chúng sẽ thất thểu từ biển này qua biển nọ, từ phương bắc đến phương đông, chúng sẽ lang thang khắp nơi để kiếm tìm người cho chúng nghe lời Đức Chúa, và chúng không gặp được.

Ngày ấy, nam thanh nữ tú trong chúng sẽ vì khát mà mòn mỏi, những ai theo ngẫu thân của Samari, những ai đã thề bằng thần thánh được thờ theo Đan, và đi theo việc thờ phụng Boreseva, chúng sẽ té nhào và không đứng dậy được nữa.

Amốt 3:2. Trong mọi thị tộc trên mặt đất, ta đã chỉ biết các người là dân của ta thôi.

Đanien 12:7. Đanien sau khi mô tả toàn thời kỳ trị vì của Đấng Thiên sai, nói rằng: Tất cả những sự này sẽ xong khi việc phân tán dân Ísraen hoàn tất.

Khácgai 2:4. Ai là kẻ, khi so sánh ngôi đền thứ hai này với vinh quang của ngôi đền thứ nhất, coi khinh nó, hãy can đảm, Đức Chúa phán, với Dorúpaven [*Hebrew*, ZBubbâvel; *Pháp*, Zorobabel; *Anh*, Zerubbabel], với Giêsu thầy thượng tế, và với các người, tất cả dân trên mặt đất, hãy không ngừng làm việc. Bởi ta ở cùng các người, Đức Chúa các đạo binh phán:

Theo giao ước mà ta đã lập với các người khi ta đưa các người rời khỏi Ai Cập, thần khí ta vẫn ở giữa các người. Đừng mất hy vọng, vì Đức Chúa các đạo binh phán thế này: Chỉ còn một thời gian ngắn nữa thôi, ta sẽ làm rung chuyển trời đất, biển khơi và đất liền (một cách nói để chỉ ra sự thay đổi lớn lao và phi thường), và ta sẽ làm chấn động mọi dân tộc. Và rồi đi đâu mà mọi dân ngoại đều khát khao sẽ đến, và ta sẽ làm cho đền thờ này đầy vinh quang, Đức Chúa phán.

Bạc là của ta, vàng là của ta, Đức Chúa các đạo binh phán (nghĩa là, đó không phải đi đâu ta muốn được tôn vinh, như đã được nói ở nơi khác: Mọi thứ trên đồng là của ta, thế thì ích gì khi dâng chúng cho ta như của hiến tể?),<sup>332</sup> vinh quang đền thờ này sẽ lớn hơn vinh quang của ngôi đền trước rất nhiều, Đức Chúa các đạo binh phán vậy; ta sẽ lập nhà mình trong chốn này, Đức Chúa phán.

Đệ nhị luật 18:16. Tại núi Khô-rếp [*Hebrew, Chorev; Anh & Pháp, Horeb*], trong ngày đại hội; lúc đó anh em nói: Xin Đức Chúa đừng nói với chúng tôi nữa, xin cho chúng tôi không phải nhìn ngọn lửa này nữa, kéo phải chết. Bấy giờ Đức Chúa phán với tôi: Chúng nói phải. Từ giữa anh em của chúng, ta sẽ cho xuất hiện một ngôn sứ giống như người, ta sẽ đặt những lời của ta vào miệng người ấy, và người ấy sẽ nói với chúng tất cả những gì ta truyền cho người ấy. Và đến lúc đó kẻ nào không tuân theo những lời mà người ấy nói với chúng nhân danh ta, thì chính ta sẽ hạch tội nó.

Sáng thế 49. Giuđa, con sẽ được anh em con ca tụng, và kẻ chinh phục cho các kẻ thù của con. Anh em cùng cha với con sẽ tôn thờ con. Giuđa, sư tử con, sẵn mồi xong con lại trở về, và con nằm phục như sư tử, và như một sư tử cái thức dậy.

Vương trượng sẽ không rời khỏi Giuđa, gậy chỉ huy sẽ không rời khỏi

chỗ giữa hai chân nó, cho tới khi Scilo<sup>333</sup> đến, và muôn dân sẽ tập hợp lại để vâng phục người đó.

**727.** Trong khi chờ Đấng Thiên sai. *Aenigmatiza*.<sup>334</sup> Êdêkien 17.

Sứ giả báo trước của Ngài. Malakhi 3.

Một con trẻ được sinh ra. Isaia 9.

Người sẽ sinh ra ở Bêlem [A Rập, Bait Lahm; *Pháp*, Bethléem; *Anh*, Bethlehem]. Mikha 5. Ngài xuất hiện chủ yếu ở Giêrusalem và sẽ sinh ra trong chi tộc Giuđa và Đavít.

Ngài cần làm đui mù những kẻ khôn ngoan và khéo léo, Isaia 6, 8, 29...; và rao giảng Phúc âm cho kẻ nghèo và bé mọn; mở mắt kẻ mù, mang lại sức khỏe cho kẻ ốm, và mang ánh sáng đến cho kẻ tàn tạ trong bóng tối, Isaia 61.

Ngài cần chỉ ra con đường hoàn hảo, và là thầy dạy của dân ngoại. Isaia 55; 42: 1-7.

Với những kẻ nghịch đạo, các lời tiên tri là không thể hiểu nổi, Đanien 12; nhưng kẻ khôn sáng sẽ hiểu, Hôsê 14:10.

Các lời tiên tri, miêu tả Ngài như kẻ đáng thương, miêu tả Ngài như người cai quản muôn dân. Isaia 52:14...; 53; Dacaria 9:9.

Các lời tiên tri tiên báo thời gian báo trước Ngài chỉ như người cai quản muôn dân ngoại và đau khổ, và không phải trong các đám đông, cũng không phải người phân xử. Và như thế những ai miêu tả Ngài như là người phân xử và trong vinh quang không chỉ ra thời gian. Khi nói Đấng Thiên sai là vĩ đại và vinh quang, ấy như là người phán xử thế gian, chứ không phải Đấng cứu chuộc.

Ngài cần là người hy sinh vì tội lỗi thế gian. Thánh vịnh 39, Isaia

53...<sup>335</sup>

Ngài cần là phiến đá nền móng và vô giá. Isaia 28:16

Ngài cần là hòn đá gây vấp chân và vương mắc. Isaia 8. Giêrusalem phải va vào hòn đá này.

Tảng đá này thợ xây nhà loại bỏ.

Đức Chúa biến nó thành đá tảng góc tường. Thánh vịnh 117:22

Và hòn đá này trở thành một hòn núi lớn choán hết mặt đất. Đanien 2:35

Như thế Ngài phải bị từ bỏ, hiểu lầm, phản bội, Thánh vịnh 108:8;<sup>336</sup> bị bán rẻ, Dacaria 11:12; bị nhỡ, bị đâm, bị nhạo báng,<sup>337</sup> bị gây đau khổ theo muôn vàn cách, bị trút lên bao sự chua cay, Thánh vịnh 69:22, 27; bị đâm thấu, Dacaria 12:10; bàn chân và bàn tay bị đâm thủng, Thánh vịnh 22:17-18; bị giết, Đanien 9:26; áo xống bị chia nhau, Thánh vịnh 22:19.

Ngài sẽ sống lại, Thánh vịnh 16:10;<sup>338</sup> ngày thứ ba, Hôsê 6:2.

Ngài sẽ lên trời để ng ồi bên hữu, Thánh vịnh 110:1

Vua chúa trần gian cùng nổi dậy chống lại Đức Chúa, Thánh vịnh 2:2.

Khi ở bên hữu Chúa Cha, Ngài sẽ thắng mọi kẻ thù của mình.

Các vua chúa trần gian và muôn dân sẽ phủ phục dưới chân. Isaia 60:14.<sup>339</sup>

Người Do Thái sẽ tiếp tục tồn tại như một nước. Giêrêmia 31:36.

Con cái chúng sẽ lang bạt, không vua, vân vân, Hôsê 3:4; không nhà tiên tri; Amốt,<sup>340</sup> mong chờ sự cứu rỗi và không tìm thấy, Isaia 59:9.

Lời kêu gọi dân ngoại của Đức Giêsu. Isaia 52:15; 55:5; 60:3-5; Thánh vịnh 72:11-18.

Hôsê 1:9. Các người chẳng phải dân ta nữa, và ta sẽ không làm Thiên Chúa của các người nữa, khi con cái các người sẽ được nhân lên nhiều không thể đếm sau sự phân tán. Và chính nơi mà đã bảo các người chẳng phải là dân ta, sẽ lại bảo rằng các người là dân ta.<sup>341</sup>

**728.** Không được phép đem dâng hy lễ bên ngoài Giêrusalem, là nơi mà Đức Chúa đã chọn, thậm chí không án thuế thập phân ở nơi nào khác. Độ nhị luật 12:5, v.v...; Độ nhị luật 14:22-23, v.v...; 15:20; 16:2, 7, 11, 15.

Hôsê đã tiên báo rằng con cái Ísraen sẽ không có vua, không thủ lãnh, không hy lễ..., cũng chẳng có trụ thần; và điều này giờ được ứng nghiệm, khi không thể dâng hy lễ hợp luật ngoài Giêrusalem.

**729.** Những dự báo - Điều được tiên báo là, vào thời của Đấng Thiên sai, Ngài đến thiết lập một giao ước mới, khiến họ quên đi việc thoát khỏi Ai Cập (Giêrêmia 23:5; Isaia 43:16); rằng Ngài đặt luật của mình không ở bên ngoài; mà ở trong lòng; rằng Ngài đặt nỗi kính sợ Ngài, vốn chỉ từ bên ngoài, nay ở trong lòng. Ai không thấy luật Thiên Chúa giáo trong toàn bộ điều này?

**730.** ...Rằng lúc đó tục thờ ngẫu tượng sẽ bị lật đổ; rằng Đấng Thiên sai này sẽ phá đi mọi thần tượng và khiến mọi người bước vào việc thờ phụng Thiên Chúa thực sự.

Rằng các ngôi đền ngẫu tượng sẽ bị hạ xuống, và giữa mọi nước và mọi chốn trên thế gian sẽ dâng Ngài của lễ thanh sạch, không phải những con vật.

Rằng Ngài sẽ là vua của cả người Do Thái và dân ngoại, và vị vua này đã bị cả người Do Thái và dân ngoại áp bức, âm mưu hãm hại Ngài; và cai

trị cả hai, khi phá bỏ sự thờ phụng Môsê ở Giêrusalem, vốn ở trung tâm của nó, nơi Ngài lập nên giáo hội đầu tiên của Ngài; và cả sự thờ phụng ngẫu tượng ở Roma, trung tâm của nó, nơi Ngài đã lập nên giáo hội chính của Ngài.

**731.** Các lời tiên tri - Rằng Đức Giêsu sẽ ngẫ ở bên hữu trong khi Thiên Chúa khuất phục những kẻ thù của Ngài.

Bởi thế Ngài sẽ không tự mình khuất phục những kẻ ấy.

**732.** “...Lúc ấy chúng sẽ không còn dạy dỗ kẻ lân cận, bảo rằng: Đây chính là Đức Chúa. Vì ai cũng cảm nhận được Thiên Chúa.”<sup>342</sup>

“...Con trai các người sẽ thành ngôn sứ,” “Ta sẽ đ òthần khí và nỗi kính sợ ta vào lòng chúng.”<sup>343</sup>

Toàn bộ đi ều này giống nhau. Tiên tri nghĩa là nói về Thiên Chúa, không bởi những bằng chứng bên ngoài, mà qua tình cảm bên trong và tức thì.

**733.** Rằng Ngài chỉ cho những người đó con đường hoàn hảo.

Và chưa bao giờ có bất cứ người nào đến, trước hay sau Ngài, dạy bất cứ đi ều gì th ần thánh g ần với đi ều này.

**734.** ...Rằng Đức Giêsu sẽ nhỏ bé trong sự bắt đ ầu của Ngài, và sau đó sẽ lớn d ần. Viên đá nhỏ của Đanien.

Nếu tôi tuyệt chưa hề nghe nói về Đấng Thiên sai, dù sao đi nữa, sau những tiên đoán tuyệt vời như thế về trật tự thế gian mà tôi thấy đã ứng nghiệm, ta thấy Ngài là th ần thánh và, nếu tôi đã biết rằng vẫn những sách này đã tiên báo một Đấng Thiên sai, tôi chắc chắn Ngài sẽ đến; và khi thấy chúng đặt thời gian của Ngài trước sự phá hủy của đền thờ thứ hai, tôi nói rằng Ngài đã đến.

**735.** Các lời tiên tri - Rằng nhiều người Do Thái đã chối bỏ Đức Giêsu, và họ sẽ bị Thiên Chúa chối bỏ vì chính lý do này; rằng họ được chọn chỉ cho ra nhơ đại;<sup>344</sup> rằng dân được chọn sẽ bội nghịch, vô ơn, và không tin đạo, *populum non credentem et contradicentem*.<sup>345</sup> Rằng Đức Chúa sẽ trừng phạt khiến họ mù lòa, mò mẫm giữa trưa như người mù;<sup>346</sup> và một sứ giả sẽ đến trước Ngài để loan báo.

**736.** Transfixerunt.<sup>347</sup> Dacaria 12:10.

Một Đấng Cứu thế sẽ đến, người đè đầu quỷ dữ, và giải phóng dân Ngài khỏi tội lỗi của chúng, *ex omnibus iniquitatibus*;<sup>348</sup> rằng cần có một Giao ước mới, thứ sẽ vĩnh tồn; rằng cần có một dòng thượng tế khác theo phẩm trật Menkixêđê, mà nó sẽ còn mãi; rằng đấng được xức dầu phải vinh quang, quyền năng, mạnh mẽ, nhưng vẫn nghèo khó đến nỗi người ta không nhận ta Ngài, cũng không tin Ngài là đấng thiên sai, mà người ta chán ghét Ngài, mà người ta sát hại Ngài, rằng dân Ngài vốn phủ nhận Ngài không còn là dân của Ngài nữa, rằng những người thờ ngẫu tượng đón nhận Ngài, và trồng cây nơi Ngài, rằng Ngài rời bỏ Xion để cai quản nơi trung tâm của sự thờ ngẫu tượng; rằng tuy vậy người Do Thái sẽ tiếp tục tồn tại mãi, rằng Ngài thuộc về Giuđa, và khi không có vua nữa.

---

NHỮNG BẰNG CHỨNG VỀ ĐỨC GIÊSU

---

**737.** Bởi thế tôi chối bỏ mọi tôn giáo khác. Theo cách đó tôi tìm thấy câu trả lời cho mọi sự phản đối. Đúng thực rằng một Thiên Chúa rất đỗi thanh khiết chỉ lộ mình với những ai có trái tim được gột bỏ mọi tội lỗi. Bởi thế tôn giáo này thực sự đáng mến đối với tôi, và tôi đã cảm thấy nó được minh chứng một cách đầy đủ bởi một tinh thần rất mực thiêng liêng. Mà tôi tìm thấy nhiều hơn trong đó.

Tôi thấy quả thực rằng, từ khi ký ức của con người còn ghi lại được, đây chính là dân tộc tồn tại lâu đời hơn hết thấy mọi dân khác. Người ta luôn được báo rằng họ đang bị suy đồi toàn cục, nhưng một Đấng Cứu chuộc sẽ đến; rằng không phải một người nói đi đâu đó, mà vô số người, và cả một dân tộc rõ ràng hướng theo mục đích đó và tiên báo suốt bốn ngàn năm. Những sách của họ bị phân tán trong bốn trăm năm.

Càng xem xét chúng, tôi càng tìm thấy nhiều sự thật trong đó, đi đầu đến trước và đi đầu đến sau, thêm các tiên tri: cả một dân tộc tiên báo về Ngài trước khi Ngài đến; và cả một dân tộc thờ phụng Ngài sau khi Ngài đến; hội đạo Do Thái vốn đã có trước ngài (và số người Do Thái) khốn khổ và không có tiên tri [dẫn dắt], vốn theo Ngài và cũng là kẻ thù, đều là những chứng nhân tuyệt vời cho sự thật của những lời tiên tri này mà trong đó sự khốn khổ của họ và sự mù lòa của họ cũng được tiên báo. Sau cùng họ không có vua lẫn ngẫu tượng.

Tôi thấy sự liên tục này, tôn giáo này, hoàn toàn thần thánh trong thâm quyền của nó, trong thời gian tồn tại của nó, trong tính vĩnh cửu của nó,

trong đạo đức của nó, trong sự dẫn dắt của nó, trong giáo lý của nó, trong những kết quả của nó. Cảnh tăm tối kinh khủng của người Do Thái đã được tiên báo. *Eris palpans in meridie.*<sup>349</sup> *Dabitur liber scienti literas... et dicet: Non possum leger.*<sup>350</sup> Trong khi vương trượng vẫn còn trong tay của kẻ tiếm quyền đầu tiên xa lạ, có tin về sự xuất hiện của Đức Giêsu.

Vì thế tôi đưa tay mình đến với Đấng Giải thoát của tôi, người, được tiên báo suốt bốn ngàn năm, đã đến vì tôi mà chịu đau khổ và chết ở trần thế, vào thời gian và mọi hoàn cảnh đã được tiên báo. Nhờ ơn Ngài, tôi đợi chờ cái chết thực thanh thản, trong niềm hy vọng được gắn với Ngài vĩnh viễn. Tôi sống khi ấy với niềm vui, dù trong sự tốt đẹp mà Ngài muốn ban cho tôi, hay trong sự hoạn nạn mà Ngài gửi đến vì muốn tốt cho tôi, và đi đâu mà Ngài dạy tôi để chịu khổ qua tấm gương của Ngài.

**738.** Các lời tiên tri khi đưa ra những dấu hiệu khác nhau mà tất cả hẳn xảy ra vào lúc Đấng Thiên sai xuất hiện, nhất thiết rằng toàn bộ những dấu hiệu này phải xuất hiện đồng thời. Như thế nhất thiết rằng vương triều thứ tư phải đến, khi bảy mươi tuần của Đanien kết thúc; và vương trượng khi ấy cần phải rời khỏi Giuđê. Và toàn bộ đi đâu này đã đến không có bất cứ khó khăn cản trở nào. Và lúc đó nhất thiết Đấng Thiên sai phải đến; rồi khi ấy Đức Giêsu đến, người được gọi là Đấng Thiên sai. Và toàn bộ đi đâu này một lần nữa xảy đến không khó khăn gì. Và đi đâu này cho thấy rõ sự thực của các lời tiên tri.

**739.** Các nhà tiên tri đã tiên báo, và đã không được tiên báo. Các thánh sau đó được tiên báo, nhưng đã không tiên báo. Đức Giêsu vừa tiên báo vừa được tiên báo.

**740.** Đức Giêsu, được đề cập tới ở cả Cựu ước lẫn Tân ước, Cựu ước xem Ngài như sự mong đợi, Tân ước xem Ngài như hình mẫu, và cả hai đều xem Ngài là trung tâm.

**741.** Hai cuốn sách cổ nhất thế giới là của Môsê và Gióp, một Do Thái và một dân ngoại, cả hai đều xem Đức Giêsu như trung tâm và mục đích chung: Môsê trong việc thuật lại các lời hứa của Thiên Chúa với Ápraham, Giacóp...; và các lời tiên tri của ông; và Gióp, *Quis mihi det ut...*<sup>351</sup> *Scio enim quod redemptor meus vivit...*<sup>352</sup>

**742.** Phúc âm chỉ nói về sự trình bạch của Mẹ Đồng trinh cho đến thời điểm ra đời của Đức Giêsu. Toàn bộ tham chiếu tới Đức Giêsu.

**743.** Các bằng chứng về Đức Giêsu.

Tại sao sách Rút lại được giữ gìn?

Tại sao có câu chuyện về Tamar [*Pháp*, Tamar; *Anh & Hebrew*, Tamar]?<sup>353</sup>

**744.** “Anh em hãy cầu nguyện kéo sa chước cám dỗ.”<sup>354</sup> Bị cám dỗ thực nguy hiểm; và người ta bị cám dỗ vì họ không cầu nguyện.

*Et tu conversus confirma fratres tuos.*<sup>355</sup> Nhưng trước đó, *conversus Jesus respexit Petrum.*<sup>356</sup>

Thánh Phêrô xin phép tấn công Mankhô [*Pháp & Anh*, Malchus] và tấn công trước khi nghe thấy câu trả lời. Đức Giêsu trả lời sau đó.

Từ *Galilê* [*Hebrew*, Ha-galil; *Pháp*, Galilée; *Anh*, Galilee] mà đám đông người Do Thái thốt ra như thể ngẫu nhiên, khi tố cáo Đức Giêsu trước Philatô, đã cho Philatô một lý do để giải Đức Giêsu sang chỗ Hêrôđê. Và bởi thế đi đầu bí ẩn đã được mở, rằng Ngài bị xử bởi những người Do Thái và dân ngoại. Sự ngẫu nhiên có vẻ là nguyên nhân của bí ẩn này.

**745.** Những ai khó khăn trong việc tin tưởng đã tìm ra một lý do trong dữ kiện rằng nhiều người Do Thái cũng không tin. “Nếu đi đầu này rõ ràng

đến thế”, họ nói, “tại sao người Do Thái lại không tin?” Và họ hầu như mong rằng mình đã tin, để không bị cản lại bởi tiền lệ khước từ của họ. Nhưng chính sự khước từ của họ là nền tảng đức tin của chúng ta. Chúng ta hẳn sẽ ít hướng đến đức tin hơn nhiều, nếu họ ở về phía chúng ta. Chúng ta khi ấy sẽ có lý do đầy đủ hơn. Điều tuyệt vời chính là việc đã khiến những người Do Thái trở thành những người vô cùng yêu mến những điều được tiên báo, và thành kẻ thù lớn cho sự ứng nghiệm của chúng.

**746.** Nhiều người Do Thái đã quen với những phép lạ lớn lao và nổi bật, và vì thế, sau khi thấy những phép lạ lán lao trên Biển Đỏ và xứ Canaan như một dẫn chứng về những việc làm vĩ đại của Đấng Thiên sai, nên họ trông đợi nhiều nữa những phép lạ nổi bật hơn, mà những việc Môsê làm được chỉ là mẫu thu nhỏ của những phép lạ này.

**747.** Những người Do Thái trăn trối và những kẻ nghịch đạo đầu mang những nỗi khốn khổ, và nhiều người Thiên Chúa giáo cũng thế. Không có Đấng Cứu chuộc cho kẻ nghịch đạo, bởi họ thậm chí không hề hy vọng sẽ có một đấng như thế. Không có Đấng Cứu chuộc cho những người Do Thái; họ trông đợi Ngài vô ích. Chỉ có Đấng Cứu chuộc cho người Thiên Chúa giáo. (Xem Chương 9, Tính vĩnh tồn).

**748.** Vào thời của Đấng Thiên sai dân này bị chia tách. Đấng Thiên sai được bao quanh bởi những người có tinh thần tôn giáo, và những người cứng lòng tin vẫn còn đó để làm chứng nhân cho Ngài.

**749.** Nếu điều này được tiên báo một cách rõ ràng với người Do Thái sao họ lại không tin, hoặc sao họ lại không bị hủy diệt bởi đã cưỡng lại một thực tế rõ ràng đến vậy?

Tôi trả lời, trước hết, việc họ không tin một điều rõ ràng như thế và việc họ không bị hủy diệt đầu đã được tiên báo. Và chẳng gì vinh quang hơn cho Đấng Thiên sai, bởi có các nhà tiên tri là không đủ; các nhà tiên tri

của họ phải được giữ vượt trên mọi nghi ngờ. Giờ thì...

**750.** Nếu Giêsu cải đạo được toàn bộ người Do Thái, chúng ta chẳng còn gì hơn những nhân chứng đáng ngờ. Và nếu họ bị hủy diệt chúng ta chẳng còn chứng nhân nào cả.

Các nhà tiên tri nói gì về Đức Giêsu? Rằng Ngài rõ ràng sẽ Chúa Trời? Không; mà Ngài là một Thiên Chúa thực sự ản rằng Ngài sẽ không được đánh giá đúng; rằng không ai sẽ nghĩ rằng đó là Ngài; rằng Ngài sẽ là hòn đá gây vấp ngã, mà nhiều người sẽ vấp phải... Hãy để người ta khi ấy không còn chê trách chúng ta nữa bởi sự thiếu rõ ràng, vì chúng ta tuyên xưng tin theo đi đâu này.

Nhưng, người ta nói, còn có những đi đâu tối tăm khó hiểu. Và không có đi đâu đó, người ta sẽ không vấp phải Đấng Giêsu mà ngã. Và đó là một trong những ý định rõ ràng của các nhà tiên tri: Excaeca....<sup>357</sup>

**752.** Môsê đầu tiên dạy về Ba Ngôi, tội tổ tông, Đấng Thiên sai.

Đavit: chứng nhân vĩ đại; một vị vua, tốt, bao dung, một tâm hồn cao đẹp, một tinh thần vững vàng, mạnh mẽ. Ông tiên tri, và phép lạ của ông xảy ra. Đi đâu này là vô cùng.

Ông chỉ phải nói rằng mình là Đấng Thiên sai, nếu ông tự phụ; bởi các lời tiên tri rõ ràng nói về ông hơn là về Đức Giêsu. Và cũng thế với Thánh Gioan Tì ền hô.

**753.** Hêrôđê được người ta tin là Đấng Thiên sai. ông đã tước vương trượng từ Giuđê nhưng ông không phải người Giuđê. Việc này đã tạo ra một giáo phái đáng kể.

Lời nguyện rửa của người Hy Lạp<sup>358</sup> dành cho những ai tin vào ba thời đoạn.

Đấng Thiên sai sẽ đến theo cách nào, khi thấy rằng qua Ngài vương trượng đã luôn ở nơi Giuđê và khi Ngài tới nó bị tước khỏi Giuđê?

Để cho, khi nhìn họ không thấy, và khi nghe họ không hiểu, chẳng gì có thể được làm tốt hơn.

**754.** *Homo existons te Deumfacis.*<sup>359</sup>

*Scriptum est, Dii estis,*<sup>360</sup> *et non potest solvi Scriptura.*<sup>361</sup>

*Haec infirmitas non est ad vitam et est ad mortem.*<sup>362</sup>

*Lazarus dormit,*<sup>363</sup> *và deinde dixit: Lazarus mortuus est.*<sup>364</sup>

**755.** Sự thiếu hòa hợp thấy rõ của Phúc âm.

**756.** Người ta có thể có gì nếu không là lòng tôn kính với một người tiên báo rõ ràng những điều xảy đến, và người tuyên bố ý định của mình nhằm che mắt cũng như soi sáng, và người trộn lẫn những điều tối tăm khó hiểu giữa những điều sáng tỏ diễn ra?

**757.** Thời gian của sự đến [giáng thế] lần đầu đã được tiên báo; thời gian của lần thứ hai thì không; bởi lần đầu tiên cần được che đi, lần thứ hai cần phải rục rở và rõ ràng đến nỗi ngay cả những kẻ thù của Ngài cũng nhận thấy. Nhưng, Ngài chỉ đến trong lặng lẽ không ai biết và chỉ những ai tìm kiếm các Sách Thánh mới biết Ngài.

**758.** Thiên Chúa, để những người tốt có thể biết Đấng Thiên sai và những kẻ xấu không biết đến, nên đã cho tiên báo về Đấng Thiên sai theo cách này. Nếu cách thức của Đấng Thiên sai được tiên báo một cách rõ ràng, thì không có sự khó hiểu, ngay cả với kẻ xấu. Nếu thời gian được tiên báo không rõ ràng, thì hẳn phải có sự mịt mờ, ngay cả với người tốt. Bởi thiện tâm của họ không giúp họ hiểu, ví dụ, rằng chữ *mem* đóng có

nghĩa là sáu trăm năm. Nhưng thời gian đã được tiên báo rõ ràng, còn cách thức [được tiên báo theo] những biểu trưng.

Bằng cách này, những kẻ xấu khi nghĩ rằng những phước lành đã hứa là phước lành vật chất, sẽ lạc lối dẫn rằng thời gian được tiên báo rõ ràng; còn người tốt không mắc phải sai lầm. Bởi sự hiểu về những phước lành đã hứa phụ thuộc vào tấm lòng, vốn gọi cái nó yêu là tốt đẹp; nhưng sự hiểu về thời gian đã hứa không phụ thuộc vào tấm lòng. Và như thế dự báo rõ ràng về thời gian, và tiên báo mơ hồ về phước lành, chỉ đối gạt những kẻ xấu.

**759.** Hoặc người Do Thái hoặc người Thiên Chúa giáo phải là kẻ xấu.

**760.** Người Do Thái chối bỏ Ngài, nhưng không phải tất cả. Các thánh đón Ngài mà không phải những kẻ có trí óc phàm tục. Và chừng nào đi đầu này không đi ngược lại vinh quang của Ngài, thì đó chính là đường nét cuối cùng làm nên vinh quang ấy. Vì lý lẽ mà họ có và cũng là duy nhất được tìm thấy trong toàn bộ văn phẩm của họ, trong Talmud và trong những tác phẩm của giới giáo sĩ, chỉ là vì Đức Giêsu đã không khuất phục các nước bằng thanh kiếm trong tay, *gladium tuum, potentissime*.<sup>365</sup> (Họ chỉ nói được thế thôi sao? Đức Giêsu đã bị sát hại, họ nói. Ngài đã thất bại. Ngài đã không chế ngự dân ngoại bằng sức mạnh. Ngài đã không ban cho chúng ta chiến lợi phẩm lấy được của chúng, Ngài đã không ban cho sự giàu có. Họ chỉ nói được thế thôi sao? Ngài đáng mến với tôi chính ở phương diện này. Tôi không muốn đấng mà họ tưởng tượng). Rõ ràng chỉ có thói quen xấu<sup>366</sup> ngăn họ đón nhận Ngài; và qua sự chối bỏ này họ là những chứng nhân không thể chê vào đâu được, và hơn nữa, qua đó họ làm ứng nghiệm các lời tiên tri.

Qua cách dân này không đón nhận Ngài, đi đầu kỳ diệu này đã xảy ra: Các lời tiên tri là những phép lạ duy nhất còn tồn tại mà người ta có thể

thực hiện, nhưng chúng cũng có thể bị phản bác.

**761.** Người Do Thái, khi sát hại Ngài để không đón nhận Ngài như Đấng Thiên sai, đã mang đến cho Ngài dấu chỉ cuối cùng về việc Ngài là Đấng Thiên sai.

Và khi tiếp tục không thừa nhận Ngài, họ biến mình thành những chứng nhân không thể chê trách được. Qua việc sát hại Ngài và tiếp tục chối bỏ Ngài, họ đã làm ứng nghiệm những lời tiên tri (Isaia 60; Thánh vịnh 71)

**762.** Người Do Thái, kẻ thù của Ngài, có thể làm gì? Nếu họ đón nhận Ngài, họ đưa ra bằng chứng về Ngài thông qua sự đón nhận ấy; bởi khi ấy những người được ký thác sự mong đợi Đấng Thiên sai đón nhận Ngài. Nếu họ chối bỏ Ngài, họ đưa ra bằng chứng về Ngài thông qua sự chối bỏ ấy.

**763.** Người Do Thái, bằng việc kiểm chứng xem liệu Ngài có phải là Thiên Chúa không, đã chứng tỏ Ngài là một con người.

**764.** Giáo hội đã gặp nhiều khó khăn trong việc chứng tỏ Đức Giêsu là con người, chống lại những kẻ chối bỏ đi đâu đó, giống như trong việc chứng tỏ Ngài là Thiên Chúa; và các khả năng có thật đều lớn lao như nhau.

**765.** Nguồn của những đối lập - Một vị Chúa bị làm nhục, thậm chí tới chết trên thập giá; một Đấng Thiên sai chiến thắng sự chết qua chính cái chết của mình. Hai bản chất trong Đức Giêsu, hai lần giáng thế, hai trạng thái của bản chất con người.

**766.** Những biểu trưng - Đấng Cứu rỗi, cha, thầy hiền sinh, lễ vật, thức ăn, vua, kẻ thông sáng, người ban lề luật, người đau khổ, người nghèo, việc cần phải tạo ra một dân mà Ngài phải dẫn dắt và nuôi ăn và mang đến

vùng đất của Ngài...

Đức Giêsu. Những nhiệm vụ - Một mình Ngài đã phải tạo ra một dân vĩ đại, được chọn, thánh khiết, và được lựa riêng ra; để dẫn dắt, nuôi nấng, và đưa tới nơi thư thái và có tính thần thánh; để khiến dân ấy thánh khiết với Thiên Chúa; để lập nên đền thờ Thiên Chúa; để hòa giải dân ấy với Thiên Chúa, cứu dân ấy khỏi cơn thịnh nộ của Thiên Chúa; để giải thoát dân ấy khỏi sự nô lệ tội lỗi vốn ngự trị một cách rõ ràng trong con người; để đưa những lề luật đến với dân này, và khắc sâu những lề luật này vào lòng họ; để dâng bản thân Ngài với Thiên Chúa vì họ, và hy sinh bản thân Ngài vì họ; là một vật tế không vết nhơ, và chính Ngài là thầy hiến sinh, khi phải hiến dâng bản thân Ngài, cơ thể Ngài, máu Ngài, và tuy vậy dâng bánh và rượu cho Thiên Chúa....

*Ingrediens mudum.*<sup>367</sup>

“Tảng đá nào trên tảng đá nào.”<sup>368</sup>

Điều gì đã xảy ra trước và điều gì đã xảy ra sau. Tất cả những người Do Thái vẫn còn sống và nay đây mai đó.

**767.** Trong mọi điều trên thế gian, Ngài chỉ nhận cho mình những nỗi đau khổ, chứ không phải những thú vui. Ngài yêu những người ở bên mình, nhưng tình yêu của Ngài không bị hạn chế trong những giới hạn này, mà còn lan tỏa sang cả những kẻ thù nghịch Ngài, và sau đó tới những kẻ thù của Thiên Chúa.

**768.** Đức Giêsu được thể hiện qua Giuse.

Người được cha yêu thương, được cha sai đến gặp những anh em của mình..., ngây thơ, bị những người anh mình bán rẻ lấy hai mươi đồng bạc, và qua đó trở thành vua của họ, người cứu rỗi họ, người cứu rỗi những kẻ xa lạ và người cứu rỗi cả thế gian; việc này không xảy ra nếu họ không có

ý định làm mất tích, bán và chối bỏ cậu ta.

Trong ngục, Giuse, vô tội giữa hai kẻ phạm tội; Đức Giêsu trên cây thập giá giữa hai kẻ cắp. Giuse tiên báo sự giải thoát cho người này, và cái chết cho người kia, từ những đi ền báo tương tự nhau.<sup>369</sup> Đức Giêsu cứu những người được chọn, và kết tội những người chịu hình phạt đời đời bởi cùng tội lỗi ấy. Giuse chỉ tiên báo; Đức Giêsu hành động. Giuse yêu cầu người sẽ được cứu rồi hãy nhớ đến anh ta, khi người ấy bước vào vinh quang của mình; và người mà Đức Giêsu cứu rồi muốn Ngài sẽ nhớ anh ta, khi Ngài bước vào vương quốc của Ngài.

**769.** Việc cải hóa dân ngoại chỉ được dành cho ân sủng của Đấng Thiên sai. Người Do Thái từ rất lâu đã chiến đấu với họ mà không thành công: tất cả những gì Salômôn và các nhà tiên tri đã nói đều vô nghĩa. Những người thông thái, như Plátôn và Sôkrátēs, đều không thể thuyết phục họ.

**770.** Sau khi rất nhiều người đã qua đi trước đó, Giêsu cuối cùng đã tới để phán: Chính Ta đây, và đây là thời điểm đó. Đi ều các nhà tiên tri đã nói rồi sẽ xảy ra khi đến kỳ hạn, ta đã nói với các người các tông đồ của ta sẽ làm đi ều đó. Những người Do Thái sẽ bị chán ghét. Giêrusalem rồi sẽ bị phá hủy. Và dân ngoại sẽ được biết về Thiên Chúa. Các tông đồ của ta sẽ làm đi ều này sau khi người đã sát hại người thừa kế vườn nho.<sup>370</sup>

Và sau đó các tông đồ nói với người Do Thái: Các người sẽ bị nguy ền rửa, (Kélsos<sup>371</sup> đã cười nhạo đi ều này); và với dân ngoại: Các người sẽ được biết về Thiên Chúa. Và đi ều này sau đó đã xảy ra.

**771.** Đức Giêsu đã đến để làm mù những kẻ thấy rõ ràng, và giúp cho kẻ mù được thấy; chữa lành kẻ bệnh, và để mặc kẻ khỏe mạnh chết; kêu gọi sự sám hối, và bào chữa cho kẻ có tội, và để mặc kẻ công minh trong tội lỗi của họ; thỏa mãn người thiếu thốn, và để mặc kẻ giàu rỗng không.

**772.** Tính thần thánh - *Effundam spiritum meum*.<sup>372</sup> Mọi dân đều chìm trong sự vô tín ngưỡng và dục vọng. Cả mặt đất giờ trở nên tha thiết với tình yêu: các vua rời bỏ quyền uy của mình, các trinh nữ chịu khổ vì đạo. Sức mạnh này đến từ đâu? Ấy chính là Đấng Thiên sai đã đến. Đây là kết quả và biểu hiện cho thấy sự giáng thế của Ngài.

**773.** Sự sụp đổ của những người Do Thái và dân ngoại qua Đức Giêsu: *Omnes gentes venient et adorabunt eum*.<sup>373</sup> *Parum est ut...*<sup>374</sup> *Postula a me*.<sup>375</sup> *Adorabunt eum omnes reges*.<sup>376</sup> *Testes iniqui*.<sup>377</sup> *Dabit maxillam percutienti*.<sup>378</sup> *Dederunt fel in escam*.<sup>379</sup>

**774.** Đức Giêsu vì tất cả, Môsê vì một dân.

Người Do Thái được ban phúc lành nơi Ápraham: “Ta sẽ chúc phúc cho những ai chúc phúc cho ngươi.”<sup>380</sup> Nhưng: “Mọi dân tộc... cần chúc... được phúc như dòng dõi ngươi.”<sup>381</sup> *Parum est ut*, v.v...

*Lumen ad revelationem gentium*.<sup>382</sup>

*Non fecit taliter omni nationi*,<sup>383</sup> Davit đã nói thế, khi bàn về lề luật. Nhưng, khi nói về Đức Giêsu, chúng ta phải nói: *Fecit taliter omni nationi*. *Parum est ut*,... Isaia. Vì thế thuộc về Đức Giêsu là phổ quát. Ngay cả Nhà thờ hiến lễ chỉ vì những tín đồ Đức Giêsu đã hiến lễ của thập giá cho mọi người.

**775.** Có tính dị giáo khi luôn luôn giải thích từ *omnes* là “mọi người”. Và có tính dị giáo khi, thỉnh thoảng, không giải thích từ đó là “mọi người”. Với *bibite ex hoc omnes*,<sup>384</sup> phái Huguenot dị giáo khi giải thích từ đó là “mọi người”. Với *in quo omnes peccaverunt*,<sup>385</sup> phái Huguenot là dị giáo khi loại trừ con cái của những người có đức tin thật sự. Bởi thế cần phải

theo các tổ phụ và truyền thống để biết khi nào nên làm như thế, bởi luôn có dị giáo đáng sợ ở phía bên này hoặc bên kia.

**776.** *Ne timeas pusillus grex.*<sup>386</sup> *Timoré et tremore.*<sup>387</sup> - *Quid ergo?*<sup>388</sup>  
*Ne timeas modo timeas.* Đừng sợ hãi, miễn là người sợ hãi; nhưng nếu người không sợ hãi, hãy sợ hãi.<sup>389</sup>

*Qui me recipit, non me recipit, sed eum qui me misit.*<sup>390</sup>

*Nemo scit, neque Filius.*<sup>391</sup>

*Nubes lucida obumbravit.*<sup>392</sup>

Thánh Gioan Tì ên hô làm cho lòng cha ông quay về với con cháu,<sup>393</sup>  
và Đức Giêsu gieo chia rẽ.<sup>394</sup> Không có sự mâu thuẫn.

**777.** Những hiệu lực *chung* (*in communi*) và *riêng* (*inparticulari*).  
Những người theo một phần học thuyết của Pelagius (semi- Pelagians)<sup>395</sup>  
sai lầm khi nói *chung* về điều chỉ đúng khi nói *riêng*; và những người theo  
thần học Calvin<sup>396</sup> lại nói *riêng* những điều vốn chỉ đúng khi nói *chung*,  
theo tôi thấy thế.

**778.** *Omnis Judaea regio, et Jerosolymyi universi, et baptizabantur.*<sup>397</sup>  
Bởi đủ mọi hoàn cảnh sống của những người đã đến đó.

Từ những hòn đá này có thể có con cái của Ápraham.<sup>398</sup>

**779.** Nếu con người trở lại, Thiên chúa sẽ chữa lành và tha thứ. *Ne  
convertantur et sanem eos,*<sup>399</sup> *et diminuantur eis peccata.*<sup>400</sup>

**780.** Đức Giêsu chưa từng kết án mà không lắng nghe. Nói với Giuđa  
(Hebrew, Yehudah; Pháp & Anh, Judas]: *Amice, ad quid venisti?*<sup>401</sup> Với

người không mặc y phục lễ cưới, cũng thế.<sup>402</sup>

“Đức Giêsu, Đấng Cứu Chuộc của tất cả.” Đúng, vì Ngài đã dâng hiến, như một người đã chuộc tội cho tất cả những ai muốn đến với Ngài. Nếu có ai chết trên đường, đó là bất hạnh của họ, nhưng về phần mình Ngài ban cho họ sự cứu rỗi. Điều này phù hợp trong ví dụ này, trong đó người chuộc tội và người ngăn ngừa cái chết là hai người, mà không phải chỉ Đức Giêsu, người thực thi cả việc này và việc kia. Không, bởi Đức Giêsu, ở đặc tính của Đấng Cứu Chuộc, có lẽ không phải là thầy của tất cả; và như thế, trong chừng mực nơi Ngài, Ngài là Đấng Cứu chuộc của tất cả.

Khi nói rằng Đức Giêsu đã không chết vì tất cả, bạn lợi dụng cái sai của những người áp dụng tức khắc ngoại lệ này với chính họ; và nhằm cố vũ cho sự tuyệt vọng, thay vì khiến họ quay lưng lại với sự tuyệt vọng ấy và cố vũ cho niềm hy vọng. Bởi người ta như thế dần quen với những đức hạnh bên trong thông qua những thói quen bên ngoài này.

**782.** Chiến thắng cái chết.<sup>403</sup> Vì người nào được cả thế giới mà phải đánh mất chính mình thì nào có lợi gì? Ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất.<sup>404</sup>

Ta không đến để bãi bỏ luật, mà để kiện toàn.<sup>405</sup>

Những con chiên kia không cất đi được tội lỗi của thế gian, nhưng ta là con chiên cất được tội trần gian.<sup>406</sup>

Mô-sê đã không đưa các người ra khỏi sự giam cầm, và khiến các người thực sự tự do.<sup>407</sup>

**783.** ...Rồi Đức Giêsu đến nói với con người rằng họ không có kẻ thù nào khác ngoài bản thân họ; rằng chính những mê đắm của họ khiến họ rời xa Thiên Chúa; rằng Ngài đến để tiêu diệt những điều này, và để ban cho

họ ân sủng của Người, để từ tất cả họ lập nên một Hội Thánh; rằng Ngài tới để đưa dân ngoại và người Do Thái về với Giáo hội này; rằng Ngài đến để phá bỏ những ngẫu tượng của dân ngoại và những mê tín dị đoan của dân Do Thái. Toàn bộ con người chống lại điếu này, không chỉ bởi sự chống đối tự nhiên của lòng dục; mà, trên hết, các vua trên thế gian, như được tiên báo, hợp nhau lại để phá hoại tôn giáo này ngay từ khi nó mới ra đời. (Lời tiên tri: *Quare fremuerimt gentes... reges terrae... adversus Christum*<sup>408</sup>).

Tất cả những kẻ mạnh trên thế gian cùng nhau hợp lại; kẻ có học, người khôn ngoan, các vị vua. Kẻ có học thì viết; kẻ khôn ngoan kết tội, các vua thì giết chóc. Và mặc cho tất cả những sự đối nghịch ấy, những người này, chất phác và yếu đuối, đã kháng lại tất cả những sức mạnh này, khuất phục ngay cả các vị vua, những kẻ có học và những kẻ khôn ngoan này, và loại bỏ việc thờ ngẫu tượng khỏi toàn bộ mặt đất. Và toàn bộ điếu này được thực hiện bởi sức mạnh đã tiên báo điếu đó.

**784.** Đức Giêsu đã không muốn sự làm chứng của ma quỷ, không cả sự làm chứng của những người không có ơn thiên triệu, mà của Thiên Chúa và Gioan Tì ền hô.

**785.** Tôi cho rằng Đức Giêsu ở trong tất cả mọi người và trong chính chúng ta: Đức Giêsu như một Cha trong Cha Ngài, như một anh em trong Anh em Ngài, như người nghèo trong người nghèo, như người giàu trong người giàu, Giêsu như nhà Thông Thái và Giáo sĩ trong các giáo sĩ, như Vua trong các vua... Vì qua vinh quang của mình, Ngài là tất cả những gì lớn lao, là Thiên Chúa; và qua đời sống con người của mình, Ngài là tất cả những gì nghèo khó và khốn khổ. Vì điếu này Ngài đã chấp nhận hoàn cảnh bất hạnh đó để có thể ở trong mọi người và là biểu trưng của mọi hoàn cảnh.

**786.** Đức Giêsu ở trong một sự tối tăm khó hiểu (theo đi đâu mà con người gọi là tối tăm khó hiểu), như các nhà sử học, chỉ viết về những vấn đề quan trọng của các nước, đã hầu như không nhận ra Ngài.

**787.** Về việc Josephus, cũng như Tacitus, và cả các nhà sử học khác, đều không nói về Đức Giêsu - Việc này tuyệt không có nghĩa là chống lại Thiên Chúa giáo, đến độ, ngược lại, nó còn ủng hộ đạo ấy nữa. Vì chắc chắn rằng Đức Giêsu đã tồn tại; rằng tôn giáo của Ngài đã tạo được tiếng vang lớn; và những người này không phải là không biết đi đâu đó. Và như thế rõ ràng là họ cố ý che giấu đi đâu đó, hoặc, nếu họ đã có nói, thì phần thuật sự của họ cũng bị xóa bỏ hoặc bị thay đổi.

**788.** “Ta sẽ dành ra cho ta bảy nghìn người.”<sup>409</sup> Tôi yêu những người thờ phụng vô danh với thế giới và ngay cả với các nhà tiên tri.

**789.** Vì Đức Giêsu vẫn là vô danh giữa con người, nên chân lý của Ngài vẫn nằm trong số những ý kiến thông thường không có sự khác biệt bên ngoài. Cũng như Bánh Thánh ở giữa bánh mì thông thường.

**790.** Đức Giêsu đã không muốn bị giết hại mà không có các hình thức xét xử; bởi chết vì xét xử thì ô nhục hơn nhiều so với cái chết vì một cuộc dấy loạn bất chính.

**791.** Sự công bình giả dối của Philatô chỉ nhằm làm cho Đức Giêsu chịu đau khổ; bởi ông ta khiến Ngài chịu đòn roi bởi sự công bình giả dối ấy, và sau đó cho xử tử Ngài. Cho xử tử Ngài ngay lập tức thì hẳn là tốt hơn. Cũng như những trò công chính giả tạo. Họ làm cả những việc thiện và ác để làm vui thế gian, và để cho thấy rằng họ không hoàn toàn thuộc về Đức Giêsu; bởi họ xấu hổ về Ngài. Và cuối cùng, với những cám dỗ và cơ hội tuyệt vời, họ sát hại Ngài.

**792.** Người nào từng có nhiều vẻ vang hơn? Toàn thể dân Do Thái tiên

báo Ngài trước khi Ngài tới. Dân ngoại thờ phụng Ngài sau khi Ngài tới. Cả hai dân, dân ngoại và Do Thái, xem Ngài như trung tâm của họ.

Và còn người nào hưởng được ít vẻ vang hơn? Trong 33 năm, Ngài sống 30 năm mà không hề xuất hiện. Ngài trải qua ba năm như một kẻ mạo danh; các thầy tế và quan trưởng chối bỏ Ngài; những người bạn và những người thân cận nhất xem thường Ngài. Cuối cùng, Ngài chết, bị phản bội bởi một trong những tông đồ của Ngài, bị chối bỏ bởi những người khác, và bị tất cả bỏ rơi.

Vậy Ngài dự phần nào trong sự vẻ vang này? Chưa bao giờ con người có nhiều vinh quang đến thế; chưa bao giờ con người chịu nhiều ô nhục hơn. Và toàn bộ sự vẻ vang này chỉ dành cho chúng ta, khiến chúng ta có khả năng nhận ra Ngài, và Ngài đã chẳng có gì trong đó cho bản thân mình.

**793.** Khoảng cách vô cùng giữa thân xác và tâm trí cho thấy khoảng cách vô cùng vô tận hơn từ tâm trí tới lòng kính Chúa thương người; bởi lòng kính Chúa thương người là siêu nhiên.

Mọi vinh quang của sự vĩ đại không có vẻ vang gì cho người tìm kiếm trí tuệ.

Tâm vóc của những người có trí tuệ thế gian thì không thể thấy được với các vị vua, với người giàu, với các thủ lĩnh, và với mọi sự vĩ đại trần tục kia.

Tâm vóc của sự thông thái, chẳng là gì nếu không là sự thông thái về Thiên Chúa, cũng không thể thấy được với những người phạm tục và người có trí tuệ thế gian. Đây là ba trật tự khác nhau về tính chất.

Những bậc kỳ tài có sức mạnh của họ, vinh quang của họ, sự vĩ đại của họ, thắng lợi của họ, hào quang của họ, và không cần đến sự vĩ đại thế gian, vốn không có mối liên hệ nào với những điều kia. Không thể thấy

được họ bằng đôi mắt trần tục mà phải bằng trí tuệ; thế là đủ.

Các vị thánh có sức mạnh, vinh quang, thắng lợi, hào quang của mình, và không cần sự vĩ đại có tính chất thế gian hay tri thức, vốn chẳng có bất cứ mối liên quan nào; bởi chúng chẳng thêm được bất cứ điều gì cho họ, cũng không lấy đi bất cứ thứ gì từ họ. Họ được thấy bởi Thiên Chúa và những thiên sứ, và không bởi thân xác con người, cũng không bởi tâm trí tò mò. Thiên Chúa là đủ đối với họ.

Arkhimédēs [*Pháp*, Archimède; *Anh*, Archimedes], khi không có địa vị của mình, ông vẫn nhận được cùng một sự tôn kính như thế. Ông không nỗ lực làm việc để người ngoài ngợi khen mình, mà ông đã đem những khám phá của mình đến với mọi người, Ôi! ông lỗi lạc xiết bao đối với trí óc con người!

Đức Giêsu, không của cải và bất cứ sự phô bày bên ngoài về tri thức, ở trong trật tự thánh linh của chính Ngài. Ngài không phát minh; Ngài không trị vì. Mà Ngài khiêm nhường, kiên nhẫn, thánh khiết, thánh khiết với Thiên Chúa, khủng khiếp với quỷ dữ, không có bất cứ tội lỗi nào. Ôi! Trong vẻ tráng lệ tuyệt vời và trong vẻ sự huy hoàng kỳ diệu làm sao khi Ngài đến với con mắt của tâm hồn và kẻ thấy được sự khôn sáng!

Hắn là chẳng ích gì với Arkhimédēs khi đóng trò vua chúa trong những cuốn sách hình học của mình, dấu cho ông thực là một vị vua.

Hắn chẳng ích gì với Đức Giêsu của chúng ta khi xuống trần như một vị vua, để chiếu sáng trong vương quốc thần thánh của Ngài. Mà Ngài đã đến một cách phù hợp với vinh quang theo trật tự riêng của Ngài.

Nên thật nực cười khi cảm thấy giận dữ với vẻ thấp hèn của Đức Giêsu, như thế vẻ thấp hèn này của Ngài cùng thứ bậc với sự vĩ đại mà Ngài đến để tỏ lộ. Nếu chúng ta xem xét sự vĩ đại này trong đời sống của

Ngài, trong lòng yêu thương hết mực của Ngài, trong tình trạng vô danh của Ngài, trong cái chết của Ngài, trong sự lựa chọn của những tông đồ của Ngài, trong sự bỏ đi của họ, trong sự phục sinh bí mật của Ngài, và trong những gì còn lại, chúng ta sẽ thấy sự vĩ đại ấy lớn đến mức chẳng có lý do gì để giận dữ với vẻ thấp hèn vốn không thuộc về thứ bậc đó.

Nhưng có một số người chỉ có thể ngưỡng mộ sự vĩ đại trần tục, như thể không tồn tại sự vĩ đại trí tuệ; và những người khác chỉ cảm phục sự vĩ đại trí tuệ, như thể không có những thứ vô cùng cao hơn trong sự thông thái.

Mọi vật thể, bầu trời, các vì sao, mặt đất và những vương quốc của nó, chẳng sánh được với tinh thần thấp hèn nhất; bởi tinh thần biết toàn bộ điếu này và cả bản thân nó; mà các vật thể kia chẳng biết gì.

Mọi thể xác cùng với nhau, mọi tinh thần cùng với nhau, và mọi sự sinh ra từ thể xác và tinh thần đều không sánh bằng chút tình cảm nhỏ nhất của lòng kính Chúa thương người. Điếu này thuộc về trật tự cao hơn vô cùng.

Từ mọi thân xác cùng với nhau, chúng ta không thể có được dù một chút ý tưởng; điếu này là không thể và thuộc về trật tự khác. Từ mọi thể xác và tinh thần, chúng ta không thể làm sinh ra một cảm giác về lòng kính Chúa thương người thực sự; điếu này là không thể và thuộc về một trật tự khác có tính siêu nhiên.

**794.** Tại sao Đức Giêsu đã không đến theo cách có thể thấy được rõ ràng, thay vì rút ra lời chứng về Ngài từ những lời tiên tri trước đó? Tại sao Ngài phải khiến mình được tiên báo trong những biểu trưng?

**795.** Nếu Đức Giêsu đã chỉ đến để thánh hóa, mọi Thánh Kinh và mọi sự việc có thể hướng đến mục đích đó; thì hẳn chẳng mấy khó khăn để

thuyết phục những người không tin. Nếu Đức Giêsu đã chỉ đến để gây mù lòa, mọi sự dẫn dắt của Ngài hẳn sẽ khó phân biệt và chúng ta sẽ chẳng có cách gì để thuyết phục những người không tin. Nhưng như Ngài đã đến *sanctificationem et scandalum*,<sup>410</sup> như Isaia nói, chúng ta không thể thuyết phục những người không tin, và họ cũng không thể thuyết phục chúng ta. Nhưng bởi chúng ta nói rằng trong toàn bộ sự dẫn dắt của Ngài không có bằng chứng thuyết phục nào ở mặt này hay mặt khác, qua đó chúng ta có thể thuyết phục họ.

**796.** Đức Giêsu đã không phán rằng Ngài không từ Nadarét [*Pháp & Anh*, Nazareth], để bỏ mặc những kẻ xấu trong sự mù lòa của họ; cũng không nói rằng Ngài không phải là con của Giuse.

**797.** Các bằng chứng về Đức Giêsu - Đức Giêsu nói những sự lớn lao một cách giản dị đến mức dường như có vẻ Ngài đã không nghĩ chúng lớn lao; và tuy vậy rõ ràng đến mức thật dễ thấy đi đâu Ngài nghĩ về những sự ấy. Sự sáng rõ này hợp cùng sự giản dị, thực đáng kinh ngạc.

**798.** Lời viết của Phúc âm tuyệt diệu theo rất nhiều cách và bên cạnh nhiều đi đâu khác nó chưa bao giờ ném bất cứ lời thóa mạ nào chống lại những kẻ bức hại và kẻ thù của Đức Giêsu. Bởi chẳng có lời thóa mạ nào như thế trong bất kỳ sử gia nào nhắm vào Giuđa, Philatô, hay bất cứ người Do Thái nào.

Nếu tính đúng mực này của những người viết nên Phúc âm là không thực, cũng như nhiều điểm khác của một đặc tính quá tốt, và họ đã khoác cái vẻ đó chỉ để thu hút sự chú ý, ngay cả khi bản thân họ cũng không dám thu hút sự chú ý cho nó, họ hẳn sẽ không thất bại trong việc có được những người ủng hộ vốn đưa ra những nhận xét như thế thuận lợi cho họ. Nhưng vì họ đã hành động như thế với sự thực tâm và tất cả xuất phát từ một tình cảm vô vị lợi, họ đã không khiến bất kỳ ai chú ý tới nó; và tôi tin rằng rất

nhieu đi đầu như thế đã không được nhận ra cho tới nay, và đó chính là bằng chứng cho thấy việc này đã được hoàn thành với tính không vụ lợi tự nhiên.

**799.** Một thợ thủ công nói về sự giàu có, một thầy dạy luật nói về chiến tranh, về vương quyền,... nhưng người giàu nói rất hay về sự giàu có, vị vua nói rất thần nhiên về món quà lớn lao mà vua ấy vừa ban, và Thiên Chúa nói về Thiên Chúa một cách đúng lý.

**800.** Ai đã dạy những người soạn Phúc âm các phẩm chất của một tâm hồn quả cảm đến thế, để họ miêu tả nó đầy đủ đến vậy nơi Đức Giêsu? Tại sao họ khiến Ngài yếu đuối trong cơn thống khổ của Ngài? Không lẽ họ không biết làm cách nào để tả một cái chết dứt khoát sao? Phải, bởi cũng chính Thánh Luca miêu tả cái chết của Thánh Têphanô [*Pháp, Étienne; Anh, Stephen*] dũng cảm hơn cái chết của Đức Giêsu.<sup>411</sup>

Họ khiến Ngài có khả năng sợ hãi, trước khi tính tất yếu của cái chết đến, và sau đó hoàn toàn dũng cảm.

Nhưng khi họ khiến Ngài quá băn khoăn, ấy chính là khi Ngài tự ưu phiền; và khi con người làm Ngài khổ sở, Ngài hoàn toàn mạnh mẽ.

**801.** Các bằng chứng về Đức Giêsu - Giả thuyết về các tông đồ gian xảo thực phi lý. Hãy suy nghĩ cặn kẽ về đi đầu này. Hãy cùng hình dung 12 người này, được tập hợp lại sau cái chết của Đức Giêsu, lập mưu nói rằng Ngài đã được phục sinh. Qua đó họ tấn công mọi quyền lực. Trái tim con người bị lôi kéo một cách kỳ lạ về phía sự khinh xuất, thay đổi, tới những hứa hẹn, lợi lộc, tuy nhiên rất ít khả năng có ai trong số họ có thể bị lấn lạc bởi toàn bộ những sức lôi cuốn này, lại càng khó bị lung lạc bởi sự sợ hãi ngục tù, tra tấn, và cái chết, họ đã thất bại. Hãy cùng nhau theo đuổi suy nghĩ này.

**802.** Các tông đồ hoặc bị lừa hoặc chính là những kẻ lừa dối. Giả thiết này hay giả thiết kia đều có những trở ngại; bởi không thể lẩn lộn về một người được phục sinh...

Đang lúc Đức Giêsu ở bên họ, Ngài có thể ủng hộ họ. Nhưng, sau đó, nếu Ngài không xuất hiện với họ, ai đã khiến họ hành động?

## **XII. Phép lạ**

**803.** Sự bắt đầu - Các phép lạ phân định giáo lý, và giáo lý phân định các phép lạ.

Có những phép lạ thực và giả. Cần phải có một chỉ dấu để nhận biết chúng; bằng không chúng sẽ là vô dụng. Hiện chúng không vô dụng; ngược lại, chúng là nền tảng. Quy tắc mà chúng ta hiện có phải làm sao để nó không hủy hoại bằng chứng về sự thực mà các phép lạ cho thấy, vốn là mục đích chính yếu của các phép lạ.

Môsê đã đưa ra hai quy tắc: về việc lời tiên tri không xảy đến (Đệ nhị luật 18), và về việc nó không dẫn tới sự thờ ngẫu tượng (Đệ nhị luật 13); và Đức Giêsu đưa ra một.<sup>412</sup>

Nếu giáo lý quy định các phép lạ, các phép lạ sẽ vô dụng với giáo lý.

Nếu các phép lạ quy định...

Phản đối quy tắc - Sự phân biệt về thời gian. Một quy tắc trong thời của Môsê, một quy tắc vào lúc này.

**804.** Phép lạ - Đó là một hiệu quả, vượt quá sức mạnh tự nhiên của các phương tiện được dùng cho nó; và không phải phép lạ là một hiệu quả, không vượt quá sức mạnh tự nhiên của các phương tiện được dùng cho nó. Như thế, những ai chữa lành bằng sự cầu khẩn quỷ dữ không tạo ra phép lạ; bởi đi đâu đó không vượt quá sức mạnh tự nhiên của quỷ dữ, mà...

**805.** Hai cơ sở; một bên trong, một bên ngoài; ân sủng và các phép lạ; cả hai đều siêu nhiên.

**806.** Các phép lạ và sự thật đều cần thiết, bởi cần phải thuyết phục toàn thể con người, cả ở thể xác lẫn tâm trí.

**807.** Trong mọi thời, hoặc con người đã nói về Thiên Chúa thật, hoặc Thiên Chúa thật đã nói với con người.

**808.** Đức Giêsu đã xác nhận Ngài là Đấng Thiên sai, không bao giờ bằng việc xác minh giáo lý của Ngài qua Kinh Thánh và các lời tiên tri, mà luôn bằng các phép lạ của Ngài.

Ngài chứng tỏ rằng Ngài miễn xá mọi tội lỗi bằng một phép lạ.

Chớ vui mừng trong phép màu của các người, Đức Giêsu phán, mà vì tên các người đã được ghi trên thiên đàng.<sup>413</sup>

Nếu họ không tin Môsê, họ cũng sẽ không tin một người được phục sinh.

Qua các phép lạ của Ngài, Nicôđêmô [*Hebrew*, Naqdimon; *Pháp*, Nicodème; *Anh*, Nicodemus] nhận thấy rằng lời dạy của Ngài là từ Thiên Chúa. *Scimus quia venisti a Deo magister; nemo enim potest haec signa facere quae tu facis nisi Deus fuerit cum eo.*<sup>414</sup> Nicôđêmô không phán xét những phép lạ qua giáo lý, mà phán xét giáo lý qua các phép lạ.

Người Do Thái có một giáo thuyết về Thiên chúa như chúng ta có một giáo thuyết về Đức Giêsu, được xác quyết bởi các phép lạ. Họ đã bị cấm tin vào mọi người thực hiện phép lạ; và hơn nữa họ được lệnh câu cứu các thầy chủ tế và trồng cây vào những người này.

Và như thế, đối với các nhà tiên tri của họ, họ đã có mọi lý do mà chúng ta có để từ chối tin vào những người thực hiện phép lạ.

Thế nhưng họ thật đáng trách khi chối bỏ các nhà tiên tri của mình và Đức Giêsu bởi các phép lạ của họ; và họ không bị khiển trách nếu đã không nhìn thấy các phép lạ. *Nisifecissem... peccatum non haberent.*<sup>415</sup> Bởi thế toàn bộ niềm tin đầu dựa trên các phép lạ.

Lời tiên tri không được gọi là phép lạ; như Thánh Gioan nói về dấu lạ đầu tiên ở Cana<sup>416</sup> và sau đó về đi đầu mà Đức Giêsu phán với người đàn bà xứ Samari [*Hebrew, Shomron; A Rập, as-Samirah; Anh, Samaria; Pháp, Samarie*], khi Ngài nói ra chuyện đời giấu kín của người đàn bà ấy.<sup>417</sup> Sau đó Ngài chữa lành cho con trai sĩ quan cận vệ; và Thánh Gioan gọi việc này là “dấu lạ thứ hai”.<sup>418</sup>

**809.** Sự kết hợp của những phép lạ.

**810.** Phép lạ thứ hai có thể đòi hỏi phải có phép lạ đầu tiên, nhưng phép lạ đầu tiên không thể đòi hỏi phải có phép lạ thứ hai.

**811.** Người ta không mắc phải tội lỗi khi không tin vào Đức Giêsu khi không có các phép lạ.

**812.** “Ta sẽ không là một tín đồ Thiên Chúa mà không có các phép lạ”, thánh Augustinus nói.

**813.** Các phép lạ. - Tôi ghét những ai khiến những người khác nghi ngờ các phép lạ biết bao! Montaigne nói về họ như là ông ta hẳn ở hai nơi. Một nơi, người ta thấy ông ta cân trọng biết bao; và tuy nhiên, ở nơi kia, ông ta tin và che giấu những người không tin đạo.

Dù có là thế nào, Giáo hội không có các bằng chứng nếu chúng có lý.

**814.** Montaigne chống lại các phép lạ.

Montaigne ủng hộ các phép lạ.

**815.** Không thể có một niềm tin hợp lẽ ngược lại các phép lạ.

**816.** Những người không tin đạo lại cả tin nhất. Họ tin các phép màu của hoàng đế Vespasianus, cốt để không tin các phép lạ của Môsê.

**817.** Danh hiệu: Từ đâu dẫn đến việc người ta đặt niềm tin nhiều đến thế vào những kẻ dối trá, những kẻ nói rằng họ đã thấy những phép lạ, và người ta lại không tin bất cứ ai trong số những người nói rằng họ có những bí quyết giúp con người trở nên bất tử, hay phục hồi được tuổi thanh xuân.

- Khi đã xem xét nguyên do dẫn đến việc người ta đặt nhiều lòng tin đến thế vào những tên bịp bợm, những kẻ nói chúng có những phương cách chữa trị đến mức họ đặt cả cuộc sống bản thân vào tay chúng, tôi có vẻ đã thấy nguyên nhân thực sự là có những phương cách chữa lành thực sự. Bởi không thể nào có quá nhiều những phương cách chữa lành giả mạo đến thế và có quá nhiều niềm tin được đặt vào chúng đến thế, nếu không có gì là thật. Nếu chưa bao giờ có bất cứ phương cách chữa lành nào, và mọi căn bệnh đều không thể chữa được, không thể có chuyện những người kia đã tưởng tượng rằng họ có thể mang tới những phương thuốc chữa trị, và lại càng không thể có chuyện có nhiều những người khác như thế tin vào những kẻ khoe rằng họ có những phương thuốc như thế. Cũng tương tự như một người khoe khả năng ngăn được cái chết, sẽ chẳng ai tin anh ta bởi không có bất cứ ví dụ nào về việc này. Nhưng vì có một số phương thuốc được xác nhận là có thực qua kiến thức của chính những người vĩ đại nhất, qua đó thuyết phục được niềm tin của nhiều người; và, đi đầu này khi được biết là có thể xảy ra, từ đó người ta đã kết luận rằng đi đầu đó là như thế. Bởi con người lập luận theo cách thông thường rằng: “Một đi đầu là có thể; bởi thế nó xảy ra”; vì sự việc không thể bị phủ nhận một cách khái quát khi có những hệ quả cụ thể vốn có thực, những người không thể phân định được cái nào trong những hệ quả cụ thể ấy là thật, họ thường tin theo tất cả. Một cách tương tự, lý do khiến người ta gán rất nhiều hiệu ứng sai

cho mặt trăng là vì có một số hiệu ứng là có thật, như thủy triều.

Cũng như thế với các lời tiên tri, phép lạ, dự đoán qua giấc mơ, phép phù thủy,...

Bởi nếu trong toàn bộ điếu này chẳng có gì là thật, người ta hẳn không bao giờ tin bất cứ điếu gì; và như thế, thay vì kết luận rằng không có những phép lạ thực sự bởi có quá nhiều phép lạ giả dối, chúng ta phải, ngược lại, nói rằng chắc chắn có những phép lạ thực sự, vì đã có những phép lạ giả dối, và rằng có những phép lạ giả dối chỉ vì có những phép lạ thật, cần phải lập luận như thế đối với tôn giáo; bởi không thể có việc nhiều người hẳn đã tưởng tượng ra nhiều tôn giáo giả hiệu như thế, nếu không có một tôn giáo thực sự. Phản đối điếu này là lập luận cho rằng những người man dĩ có một tôn giáo; nhưng câu trả lời cho điếu này là: họ đã nghe nói về tôn giáo thật, như thế hiện qua Đại hồng thủy, phép cắt bì, thập giá của Thánh Andrew...

**818.** Khi đã xem xét nguyên do của việc có quá nhiều phép lạ giả dối, những mặc khải giả dối, những phép phù thủy..., dường như tôi đã thấy nguyên nhân thực sự là ở chỗ ta có một số phép lạ hay mặc khải thật; bởi có lẽ không thể có nhiều phép lạ giả dối như vậy nếu không có những phép lạ thật, không thể có nhiều mặc khải giả như vậy nếu không có mặc khải nào là thật, không thể có nhiều tôn giáo giả như vậy nếu không có tôn giáo nào là thật. Bởi nếu chưa bao giờ có toàn bộ điếu này, con người hẳn như không thể tưởng tượng ra nó, và lại càng không thể có nhiều người khác đến thế tin nó. Nhưng vì có những việc lớn lao xảy ra thực, và vì chúng được những người vĩ đại tin theo, cảm giác này đã là nguyên nhân của việc hẳn hết mọi người đều có khả năng tin cả vào những điếu sai. Và như thế, thay vì kết luận rằng không có những phép lạ thực, bởi có quá nhiều phép lạ giả, ta cần phải nói, ngược lại, rằng có những phép lạ thực bởi có nhiều

phép lạ giả đến thế; và rằng có những phép lạ giả thì cũng chỉ vì đã có những phép lạ thật; và rằng theo cách tương tự, ta có những tôn giáo giả hiệu bởi có một tôn giáo thực sự. - Phản đối đi đầu này: những người man di có một tôn giáo. Nhưng ấy là bởi vì họ được nghe nói về tôn giáo thực, như thể hiện qua thập giá của Thánh Andrew, Đại hồng thủy, phép cắt bì... Đi đầu này xuất phát từ việc tâm trí con người, khi thấy bản thân nó ngã theo bên kia vì chân lý, do đó trở nên nhạy cảm với mọi sai lầm của bên này...

**819.** Giêrêmia 23:32. Phép lạ của các nhà tiên tri giả, trong bản Kinh Thánh bằng tiếng Hebrew và bản Vatabie<sup>419</sup> Có những trò lanh tay lệ mắt.

*Phép lạ* không phải lúc nào cũng có nghĩa là đi đầu thần diệu. I Samuen 14:15; *phép lạ* có nghĩa là *sự khiếp sợ*, và là như thế trong tiếng Hebrew. Cũng như thế một cách rõ ràng ở Gióp 33:7; và còn ở Isaia 21:4; Giêrêmia 44:12. *Portentum* [điềm báo] có nghĩa là *simulacrum* [hình ảnh], Giêrêmia 50:38; và là như thế trong bản Hebrew và Vatable. Isaia 8:18. Giêsu phán rằng Ngài và dân Ngài sẽ ở trong những phép lạ.

**820.** Nếu quỷ dữ bênh vực giáo lý vốn hủy hoại nó, ấy là tự nó chia xé mình, như Đức Giêsu phán. Nếu Thiên Chúa bênh vực học thuyết hủy hoại Giáo hội, ấy là Ngài tự chia xé mình. *Omne regnum divisum.*<sup>420</sup> Bởi Đức Giêsu đã hành động chống lại quỷ dữ, và trừ bỏ quyền lực của nó trong lòng người, mà phép trừ tà là biểu trưng của hành động đó, để thiết lập nên nước Thiên Chúa. Và như thế Ngài phán thêm, *Si in digito Dei... regnum Dei ad Vos.*<sup>421</sup>

**821.** Có sự khác biệt rất lớn giữa thử lòng và dẫn vào đi đầu sai. Thiên Chúa thử lòng, nhưng Ngài không dẫn vào đi đầu sai. Thử lòng là mang lại những cơ hội, vốn không có tính áp đặt; nếu không kính yêu Thiên Chúa, người ta sẽ làm một đi đầu gì đó. Dẫn vào đi đầu sai là đặt con người vào trong

thế tất yếu phải kết luận và đi theo một đi đầu đối trá.

**822.** Ápraham và Ghítôn [*Hebrew, Guide'on; Pháp, Gédéon; Anh, Gideon*] ở trên mặc khải. Người Do Thái đã đui mù khi phán xét các phép lạ qua Kinh Thánh. Thiên Chúa chưa bao giờ bỏ rơi những người thực sự thờ phụng Ngài.

Tôi muốn theo Đức Giêsu hơn bất cứ ai khác, bởi Ngài có phép lạ, lời tiên tri, giáo lý, sự vĩnh tồn...

Phái ly khai Đônatô<sup>422</sup>. Không phép lạ nào buộc họ nói rằng đó là quỷ dữ.

Chúng ta đi sâu vào nhiều hơn Thiên Chúa, Đức Giêsu, Giáo hội...

**823.** Nếu không có những phép lạ giả dối, sẽ có đi đầu chắc chắn. Nếu không có quy tắc để phân định chúng, các phép lạ huyễn vô dụng và chẳng có lý do gì để tin.

Giờ thì, nói theo cách của con người, không có sự chắc chắn của con người, nhưng chúng ta có lý do.

**824.** Hoặc Thiên Chúa đã làm hỏng các phép lạ giả dối, hoặc Ngài đã tiên báo chúng; và theo cách này hay cách kia, Ngài đã nâng bản thân mình lên trên đi đầu vốn siêu nhiên đối với chúng ta, và đã nâng chúng ta lên đó.

**825.** Các phép lạ không nhằm cải giáo, mà để kết án. Phần I-II (Q. 113, A.10, Ad.2)<sup>423</sup>

**826.** Những lý do tại sao chúng ta không tin.

Gioan 12:37. *Cum autem tanta signa fecisset non credebant in eum. Ut sermo Isayae impleretur. Excaecavit...*<sup>424</sup>

*Haec dixit Isaias, quando vidit gloriam ejus et locutus est de eo.*<sup>425</sup>

*Judaei signa petunt et Graeci sapientiam quaerunt, nos autem Jesum crucifixum.*<sup>426</sup> (*Sed plenum signis, sed plenum sapientia; vos autem Christum non crucifixum et religionem sine miraculis et sine sapientia*).<sup>427</sup>

Điều khiến người ta không tin vào phép lạ thực là do thiếu lòng kính Chúa thương người. Gioan: *Sed vos non creditis, quia non estis ex ovibus.*<sup>428</sup> Điều khiến chúng ta tin điều sai trái là do thiếu lòng kính Chúa thương người. II Thêxalônica 2.<sup>429</sup>

Nền tảng của tôn giáo. Đó là các phép lạ. Vậy thì sao? Liệu Thiên Chúa có nói ngược với các phép lạ, ngược với nền tảng đức tin mà người ta có nơi Ngài?

Nếu có một vị Chúa, đức tin nơi Chúa phải hiện có trên thế gian. Khi ấy các phép lạ của Đức Giêsu không được tiên báo qua kẻ chống Chúa, mà các phép lạ của kẻ chống Chúa được tiên báo bởi Đức Giêsu. Và như thế nếu Đức Giêsu không là Đấng Thiên sai, Ngài hẳn bị dẫn vào sự sai lạc, nhưng kẻ chống Chúa không thể dẫn vào sự sai lạc. Khi Đức Giêsu đã tiên báo các phép lạ của kẻ chống Chúa, Ngài có nghĩ tới việc hủy hoại đức tin vào các phép lạ của chính Ngài không?

Môsê đã tiên báo Đức Giêsu và được lệnh theo Ngài. Đức Giêsu đã tiên báo kẻ chống Chúa và ngăn cản không cho theo Ngài.

Không thể nào có việc, vào thời của Môsê, người ta đã giữ niềm tin của mình vào kẻ chống Chúa, vốn không được biết tới. Nhưng vào thời của kẻ chống Chúa, thật khá dễ dàng để tin vào Đức Giêsu, vốn đã được biết đến.

Không có lý do nào để tin vào kẻ chống Chúa, vốn không có để tin vào Đức Giêsu. Nhưng có những lý do để tin vào Đức Giêsu, vốn không có để tin vào kẻ chống Chúa.

**827.** Thủ lãnh 13:23, “Nếu Đức Chúa có ý định giết chúng ta,... thì Người đã chẳng cho chúng ta thấy tất cả những đi ầu ấy.”

Khítigia [*Hebrew*, Chiskijahu; *Pháp*, Ezéchias; *Anh*, Hezekiah], Xankhêríp [*Hebrew*, Sanherib; *Anh & Pháp*, Sennacherib].<sup>430</sup>

Giêrêmia. Khanangia [*Pháp*; Ananias; *Anh*, Hananiah], ngôn sứ giả danh, chết vào tháng bảy.<sup>431</sup>

II Macabê 3. Ngôi đền, sẵn sàng cho việc cướp phá, được cứu một cách kỳ diệu. - II Macabê 15.

I Các vua 17. Người góa phụ nói với Êlia [*Hebrew*, Eliyahu; *Pháp*, Elie; *Anh*, Eliah], người đã phục sinh đứa con trai của bà, “lời Đức Chúa do miệng ông nói ra là đúng.” [I Các vua 17:24]

I Các vua 18. Êlia với các nhà tiên tri (ngôn sứ) của thần Baan [*Anh & Pháp*, Baal hoặc Bael].

Trong sự tranh cãi về Thiên Chúa thật và lẽ thật của tôn giáo, chưa bao giờ phép lạ đến từ phía giả danh, và không đến từ phía của lẽ thật.

**828.** Sự tranh chấp - Aben, Cain; Môsê, các thuật sĩ; Êlia, các nhà tiên tri giả; Giêrêmia, Khanangia; Mikha, các nhà tiên tri giả; Đức Giêsu, những người biệt phái; Thánh Phaolô, Bagiêsu [*Hebrew*, Bar-yeshoua; *Pháp*, Barjésu; *Anh*, Bar-jesus]; các Tông đồ, các thầy trừ tà; những người Thiên Chúa giáo, những người không tin đạo; người Công giáo, người dị giáo; Êlia, Khanốc, kẻ chống Chúa.

**829.** Đức Giêsu phán rằng các sách Thánh đã chứng tỏ Ngài. Nhưng Ngài không chỉ ra ở điểm nào.

Ngay cả các lời tiên tri cũng không thể chứng minh Đức Giêsu trong quãng đời của Ngài; và như thế người ta không có tội khi không tin vào

Ngài trước khi Ngài chết nếu các phép lạ không đủ khi không có giáo lý. Giờ những người đã không tin vào Ngài, khi Ngài còn sống, là những kẻ tội lỗi, như chính Ngài đã phán, và không có sự miễn tội. Bởi thế họ phải có bằng chứng hiển nhiên mà họ chống lại. Giờ họ không có các lời tiên tri, mà chỉ có các phép lạ. Bởi thế phép lạ là đủ, khi giáo lý với họ trước sau vẫn như một; và họ phải tin.

Gioan 7:40. Sự tranh cãi giữa những người Do Thái cũng như giữa những người Thiên Chúa giáo hôm nay. Một số người đã tin vào Đức Giêsu; một số khác đã không tin Ngài, bởi các lời tiên tri đã nói rằng Ngài phải được sinh ở Bêlem. Họ cần xem xét một cách cẩn thận hơn liệu Ngài đã không phải vậy. Bởi các phép lạ của Ngài khi có sức thuyết phục, họ cần phải rất chắc chắn về những mâu thuẫn chỉ là giả thiết về lời dạy của Ngài với Kinh Thánh; và sự không phân minh này đã không biện giải cho họ, mà khiến họ mù quáng.

Như thế những ai từ chối tin vào các phép lạ ngày nay vì một mâu thuẫn viễn vông, vốn không thực, thì không được miễn thứ.

Những người biệt phái nói với dân, những người đã tin vào Ngài, vì các phép lạ của Ngài: “Dân này không biết luật, thật đáng bị rửa. Nhưng có người nào trong giới thủ lãnh hay người biệt phái nào tin chẳng? Bởi chúng ta biết rằng không một ngôn sứ nào xuất thân từ Galilê cả”. Nicôđêmo đã trả lời: “Về luật của chúng ta có cho phép kết án ai trước khi nghe người ấy, và nhất là một người thực hành nhiều phép lạ như thế không?”

**830.** Các lời tiên tri đã không rõ ràng; nay không còn vậy nữa.

**831.** Năm tuyên bố không rõ ràng; nay không còn vậy nữa.

**832.** Các phép lạ không còn cần thiết nữa vì người ta đã có chúng.

Nhưng khi người ta không còn nghe đến truyền thống nữa; khi chỉ mình Giáo hoàng được đưa đến cho chúng ta; khi người ta đã bắt người gánh vác; và khi ngu ần gốc thực sự của lễ thật, vốn là truyền thống, như thế bị loại trừ; và Giáo hoàng, người được ký thác, có thành kiến; lễ thật không còn dễ dàng xuất hiện. Khi ấy con người không còn nói về đi ầu chân thật nữa, bản thân lễ thật phải nói với con người. Đây chính là đi ầu đã xảy ra vào thời của trưởng lão Arius. (Những phép lạ dưới thời vua Diocletianus và trưởng lão Arius).

**833.** Phép lạ - Dân ấy đã tự mình kết luận đi ầu này; nhưng cần đưa ra lý do...

Thật tai hại khi nằm trong ngoại lệ với luật. Thậm chí cần phải nghiêm khắc và chống lại ngoại lệ. Tuy nhiên, vì chắc chắn có những ngoại lệ, nên cần phải xem xét chúng một cách nghiêm khắc, nhưng công bình.

**834.** Gioan 6:26. *Non quia vidisti signum, sed quia saturati estis.*<sup>432</sup>

Những ai đi theo Đức Giêsu bởi các phép lạ của Ngài, mang lại vinh hiển cho sức mạnh của Ngài trong mọi phép màu mà sức mạnh ấy tạo ra. Nhưng những ai, khi tuyên bố đi theo Ngài vì các phép lạ của Ngài, trong thực tế họ theo Ngài chỉ bởi Ngài an ủi họ và thỏa mãn họ với những phước lành thế gian, họ làm ô danh các phép lạ của Ngài khi chúng đi ngược lại sự tiện nghi của chính họ.

Gioan 9:16. *Non est hic homo a Deo, quia sabbatum non custodit. Alii: Quomodo potest homo peccator haec signa facere?*<sup>433</sup>

Đi ầu gì sáng tỏ nhất?

Ngôi nhà này của Thiên Chúa, bởi có ở đó những phép màu kỳ lạ. "Người khác nói: Ngôi nhà này không phải của Thiên Chúa; bởi người ta

không tin năm tuyên bố là trong Jansenius.<sup>434</sup>

Điều gì sáng tỏ nhất?

*Tu quid dicis? Dico quia propheta est. Nisi esset hic a Deo, non poterat facere quidquam.*<sup>435</sup>

**835.** Trong Cựu ước, khi họ sẽ khiến bạn quay lưng với Thiên chúa. Trong Tân ước, khi họ sẽ khiến bạn quay lưng với Đức Giêsu. Đó là những lúc để loại bỏ những phép lạ đặc biệt khỏi đức tin. Không điều gì khác cần bị loại trừ.

Vậy thì, theo đó liệu họ có quyền loại tất cả những nhà tiên tri đã đến với họ? Không; họ hẳn đã phạm tội khi không loại bỏ những người đã chối bỏ Thiên Chúa, và phạm tội trong việc loại bỏ những người đã không chối bỏ Thiên chúa.

Bởi thế, trước tiên, khi thấy một phép lạ, cần phải hoặc đồng ý hoặc có những bằng chứng nổi bật theo hướng ngược lại. Chúng ta phải xem liệu phép lạ ấy có chối bỏ một vị Chúa, hay Đức Giêsu, hay Giáo hội.

**836.** Có một sự khác biệt rõ ràng giữa việc không theo Đức Giêsu và nói như thế, và không theo Đức Giêsu và giả vờ như theo. Một bên có thể làm ra những phép lạ, còn bên kia thì không. Bởi là rõ ràng với một bên rằng họ chống lại lẽ thật, còn bên kia thì không; và như thế các phép lạ rõ ràng hơn.

**837.** Phải kính yêu chỉ một Thiên Chúa là một điều rõ ràng đến mức chẳng cần phải có phép lạ để chứng minh điều đó.

**838.** Giêsu đã làm những phép lạ, tiếp đó là các tông đồ. Và đông đảo các thánh đầu tiên; vì các lời tiên tri chưa được ứng nghiệm, nhưng trong quá trình được họ làm cho ứng nghiệm, chỉ các phép lạ mang bằng chứng

cho họ. Việc Đấng Thiên sai khiến các nước cải giáo đã được tiên báo. Làm sao lời tiên tri này có thể được ứng nghiệm mà không có sự cải giáo của các nước? Và làm sao các quốc gia có thể cải giáo theo Đấng Thiên sai, nếu họ không nhìn thấy kết quả cuối cùng của các lời tiên tri đã chứng tỏ Ngài? Bởi thế, trước khi Ngài chết, rồi phục sinh, và làm các nước cải giáo, mọi lời tiên tri đều chưa ứng nghiệm và như thế cần phải có những phép lạ trong suốt thời kỳ này. Giờ chúng không còn được cần đến nữa để chống lại người Do Thái; bởi các lời tiên tri đã ứng nghiệm tạo thành một phép lạ lâu dài.

**839.** Dù các ông không tin tôi, ít ra cũng hãy tin các việc đó.<sup>436</sup> Ngài nhắc đến những việc ấy như là bằng chứng mạnh mẽ nhất.

Người Do Thái, cũng như người Thiên Chúa giáo đã được bảo rằng họ không phải lúc nào cũng tin các nhà tiên tri; nhưng tuy vậy người biệt phái và các giảng sư Do Thái lại rất quan tâm đến các phép lạ của Ngài và cố gắng chỉ ra rằng chúng sai, hoặc được làm bởi quỷ dữ. Vì họ phải cần bị thuyết phục, nếu họ nhận thức được rằng họ thuộc về Thiên Chúa.

Ngày nay chúng ta không mấy khó nhọc để đi tới sự phân định này. Vẫn còn rất dễ để làm điều này: những người không phủ nhận Thiên Chúa, cũng không phủ nhận Đức Giêsu thì không làm phép lạ nào mà không chắc chắn. *Nemofacit virtitem in nomine meo, et cito possit de me male loqui.*<sup>437</sup>

Nhưng chúng ta không nhất thiết phải vạch ra sự phân định này. Đây là một thánh tích thiêng.<sup>438</sup> Đây chính là một chiếc gai trên vương miện của Đấng Cứu Chuộc thế gian, mà vua của thế gian không có uy quyền với nó, thử làm nên các phép lạ bằng sức mạnh đặc biệt của máu đã đổ vì chúng ta. Giờ bản thân Thiên Chúa chọn ngôi nhà này để cho thấy quyền năng của

Ngài ở đó một cách rõ ràng.

Đó không phải những người, làm các phép lạ này bởi một đức hạnh không được biết tới và đáng ngờ, đi đâu tạo ra một sự phân định khó khăn cho chúng ta. Đó chính là bản thân Thiên Chúa. Đó là phương tiện của cuộc khổ hình của Con Trai duy nhất của Ngài, người, bằng việc có mặt ở rất nhiều nơi, chọn đi đâu này, và khiến con người đến đó từ mọi hướng để nhận lấy những sự an ủi kỳ diệu này trong sự yếu đuối của mình.

**840.** Giáo hội có ba loại kẻ thù: người Do Thái chưa bao giờ là bộ phận của Giáo hội; những kẻ dị giáo đã rút khỏi nó; và những người Thiên Chúa giáo xấu xa chia xé nó từ bên trong.

Ba loại người chống đối này thường tấn công Giáo hội theo những cách khác nhau. Nhưng đây họ tấn công theo cùng một cách. Vì tất cả họ đều không có phép lạ, và rằng Giáo hội luôn có những phép lạ chống lại họ, họ có chung một mối quan tâm trong việc tránh né những phép lạ ấy; và tất cả họ đều sử dụng cùng một lời bào chữa này, rằng không được nhìn nhận giáo lý qua các phép lạ, mà các phép lạ phải được nhìn nhận qua giáo lý. Có hai phe trong những người nghe theo Đức Giêsu: những người đã theo lời dạy của Ngài vì các phép lạ của Ngài; những người khác đã nói... Có hai phe vào thời của Calvin... Giờ có những thầy Dòng Tên...

**841.** Các phép lạ kiểm định những đi đâu đáng ngờ, giữa những người Do Thái và dân ngoại, giữa những người Do Thái và những người Thiên Chúa giáo, giữa người Công giáo và những kẻ dị giáo, giữa những người bị vu oan và những kẻ vu oan, giữa hai thập giá.

Nhưng các phép lạ hẳn vô ích với những kẻ dị giáo; vì Giáo hội, được cho quyền qua các phép lạ vốn đã thu được niềm tin, nói với chúng ta rằng họ không có đức tin thật sự. Chẳng có gì nghi ngờ khi họ không ở trong đức tin ấy, bởi các phép lạ đầu tiên của Giáo hội đã loại trừ đức tin của họ.

Như thế có phép lạ chống lại phép lạ, cả đi đâu đâu tiên và quan trọng nhất đi đâu từ phía Giáo hội.

Những nữ tu này kinh ngạc với đi đâu người ta nói rằng họ ở trên con đường của sự diệt vong; rằng những linh mục giải tội của họ dẫn họ tới Genève; rằng những linh mục này gợi ý họ rằng Đức Giêsu không ở trong phép thánh thể, cũng không ở bên phải của Chúa Cha. Họ biết rằng toàn bộ những đi đâu này là sai, bởi thế, dâng chính mình lên Thiên Chúa trong sự lo lắng này: *Vide si via iniquitatis in me est.*<sup>439</sup> Đi đâu gì xảy ra ngay sau đó? Nơi này, được nói đến như là ngôi đền của quỷ dữ, Thiên Chúa biến nó thành ngôi đền của Ngài. Người ta nói rằng đám trẻ phải được đưa ra khỏi nơi đó. Thiên Chúa chữa lành cho chúng ở đó. Người ta nói rằng đó chính là kho vũ khí của địa ngục. Thiên Chúa biến nó thành đền cho ân sủng Ngài. Cuối cùng, họ bị đe dọa với mọi sự giận dữ và mọi sự báo thù từ trên trời; và Thiên Chúa làm họ mãn nguyện với những đặc ân của mình. Hẳn phải mất trí thì mới kết luận qua đi đâu này rằng vì thế họ đang trên con đường dẫn tới sự diệt vong.

(Chúng ta rõ ràng có cùng các dấu hiệu như Thánh Athanase [*Anh, Athanasius*]).

**842.** *Si tu es Christus, die nobis.*<sup>440</sup>

*Opera, quae ego facio in nomine patris mei, haec testimonium perhibent de me. Sed vos non creditis quia non estis ex ovibus meis. Oves meae vocem meam audiunt.*<sup>441</sup>

Gioan 6:30. *Quod ergo tufacis signum ut videamus et credamus tibi?*<sup>442</sup>  
[*Non dicunt: Quam doctrinam praedicas?*<sup>443</sup>]

*Nemo potest facere signa quae tufacis nisi Deus.*<sup>444</sup>

II Macabê 14:15 *Deus qui signis evidentibus suam portionem protegit.*<sup>445</sup>

*Volumus signum videre de coelo, tentantes eum.*<sup>446</sup>

*Generatio prava signum quaerit; et non dabitur.*<sup>447</sup>

*Et ingemiscens ait: Quid generatio ista signum quaerit?*<sup>448</sup> (Máccô 8:12). Họ đã xin một dấu lạ với một ý đồ xấu.

*Et non poterat facere.*<sup>449</sup> Và tuy vậy Ngài hứa với họ dấu lạ của ngôn sứ Giônã [*Hebrew*, Yôna; Pháp, Jonas; Anh, Jonah], về sự phục sinh của Ngài, lớn lao và phi thường.

*Nisi videritis, non creditis.*<sup>450</sup> Ngài không trách mắng họ vì việc không tin trừ phi có các phép lạ, nhưng trách họ vì họ không tin trừ phi chính họ là người chứng kiến các phép lạ đó.

*Antichrist in signis mendacibus,*<sup>451</sup> Thánh Phaolô nói, II Thêxalônica 2:9.

*Secundum operationem Satanae, in seductione iis qui pereunt eo quod charitatem veritatis non receperunt ut salvifièrent, ideo mittet Ulis Deus optationes erroris ut credant mendacio.*<sup>452</sup>

Như trong đoạn viết của Môsê: *Tentat enim vos Deus, utrum diligatis eum.*<sup>453</sup>

*Ecce praedixi vobis: vos ergo videte.*<sup>454</sup>

**843.** Đây không phải xứ sở của sự thật. Sự thật giạt trôi không được biết đến giữa con người. Thiên chúa đã che đi sự thật đó, khiến những ai không nghe thấy tiếng nó không thể nhận ra. Lý do được đưa ra cho lời

báng bổ, chống lại ngay cả những sự thật chí ít khá rõ ràng. Nếu những lẽ thật của Phúc âm được công bố, những điều ngược lại cũng được công bố, và các vấn đề bị làm cho khó hiểu, nên dân không thể phân định. Và người ta hỏi, “Bạn có gì khiến bạn được tin hơn những người khác? Dấu lạ nào bạn đưa ra? Bạn chỉ có những lời nói và chúng tôi cũng có. Nếu bạn có những phép lạ, tốt thôi.” Việc giáo lý phải nương tựa vào các phép lạ là một sự thật, điều mà người ta lợi dụng để báng bổ giáo lý. Và nếu các phép lạ xảy đến, người ta nói rằng các phép lạ là không đủ nếu thiếu giáo lý; và đây là một sự thật khác, điều mà người ta lợi dụng để báng bổ các phép lạ.

Đức Giêsu chữa lành cho người bầm sinh mù lòa và làm một số phép lạ vào ngày Sabat. Qua đó Ngài làm mù lòa những người biệt phái, những người nói rằng cần phải xét những phép lạ qua giáo lý.

“Chúng ta có Môsê; nhưng người này chúng ta không biết bởi đâu mà đến.”<sup>455</sup> Thực đáng kinh ngạc khi bạn không biết Người bởi đâu mà đến, tuy vậy Người vẫn làm các phép lạ như thế.

Đức Giêsu đã không nói ngược lại với Thiên Chúa, cũng không nói ngược lại với Môsê.

Kẻ chống Chúa và các nhà tiên tri giả, được tiên báo bởi cả Tân ước và Cựu ước, sẽ công khai nói ngược lại với Thiên chúa và Đức Giêsu. Người không ăn mình, Thiên Chúa không cho phép người, người sẽ là một kẻ thù giấu mặt, làm những phép lạ một cách công khai.

Trong một cuộc tranh luận công khai ở đó hai bên tuyên xưng là vì Thiên Chúa, vì Đức Giêsu, vì Giáo hội, các phép lạ chưa bao giờ từ phía những người Thiên Chúa giáo giả hiệu, và bên kia chưa bao giờ có mặt mà không có phép lạ.

“Ông ấy bị quỷ ám” Gioan 10.21. Và kẻ khác bảo, “Quý có thể mở mắt

cho người mù được sao?”

Các bằng chứng mà Đức Giêsu và các tông đồ rút ra từ Kinh Thánh không để xác quyết; bởi chúng chỉ nói rằng Môsê đã nói rằng một nhà tiên tri sẽ đến, nhưng chúng không qua đó chỉ ra rằng đây chính là Ngài; và đó là toàn bộ vấn đề. Những đoạn viết này, bởi thế, chỉ nhằm cho thấy chúng không đi ngược lại Kinh Thánh và rằng dường như không có sự mâu thuẫn, nhưng không phải là có sự phù hợp. Giờ đi đâu này là đủ, ấy là, sự loại trừ mâu thuẫn trước các phép lạ.

Có một nhiệm vụ qua lại giữa Thiên Chúa và nhiều người, cần phải bỏ qua từ này: *Quid debui?*<sup>456</sup> “Hãy biện luận cùng ta”, Thiên Chúa nói trong Isaia 1:18.

“Thiên chúa cần hoàn thành những lời hứa của Ngài”,...

Con người nhờ Thiên chúa để tiếp nhận tôn giáo mà Ngài ban cho họ. Thiên Chúa nhờ con người để không dẫn họ vào sự sai lầm. Giờ thì họ sẽ bị dẫn vào sai lầm nếu những người làm phép lạ tuyên bố một giáo lý có vẻ không sai một cách rõ ràng với ánh sáng của tri giác thông thường, và nếu một người làm phép lạ vĩ đại hơn đã không cảnh báo con người đừng tin vào chúng.

Như thế, nếu có những chia rẽ trong Giáo hội, và những người theo phái Arius chẳng hạn, những người đã tuyên bố bản thân họ dựa vào Kinh Thánh giống như những người Công giáo, đã làm phép lạ, chứ không phải những người Công giáo, những người lẽ ra đã bị dẫn vào sai lầm.

Vì như một người báo cho chúng ta các bí mật về Thiên Chúa, không đáng được tin vờ uy tín của chính anh ta, và đó chính là đi đâu mà những kẻ nghịch đạo nghi ngờ người đó; cũng thế khi một người, như một biểu hiện cho thấy mối liên hệ mà người đó có với Thiên Chúa, khiến người chết

sống lại, tiên báo về tương lai, chuyển dời các biển, chữa cho người mắc bệnh, chẳng ai xấu xa đến độ không cúi đầu trước người đó, và sự không tin đạo của Pharaô [Ai Cập cổ, Per-aâ; *Hebrew*, Par; *Pháp*, Pharaon; *Anh*, Pharaoh] và những người biệt phái là kết quả của một sự chai sạn phi thường.

Bởi thế, khi người ta nhìn thấy các những phép lạ và một giáo lý không đáng ngờ, cả hai đều ở cùng một phía, thì chẳng có sự khó khăn. Nhưng khi thấy các phép lạ và một luận thuyết đáng ngờ ở cùng một phía, khi ấy cần phải thấy được cái nào sáng tỏ nhất. Đức Giêsu đã bị nghi ngờ.

Bagiêsu bị mù.<sup>457</sup> Sức mạnh của Thiên Chúa vượt lên trên sức mạnh của các kẻ thù Ngài.

Các thầy trừ tà Do Thái bị tà thần làm bối rối khi nó nói, “Đức Giêsu, tao biết; ông Phaolô, tao cũng tường; còn bay, bay là ai?”<sup>458</sup>

Các phép lạ là để hậu thuẫn cho giáo lý và không phải giáo lý là để hậu thuẫn cho các phép lạ.

Nếu các phép lạ là thật, liệu ta có thể thuyết phục được mọi người về toàn bộ giáo lý không? Không; bởi đi đâu này sẽ không xảy đến. *Si angelus...*<sup>459</sup>

Nguyên tắc: cần phải xét giáo lý qua các phép lạ; cần phải xét các phép lạ qua giáo lý. Toàn bộ đi đâu này đúng, không chứa đựng mâu thuẫn.

Vì phải phân biệt được các thời điểm.

Hẳn bạn rất vui mừng khi biết những nguyên tắc chung, khi qua đó nghĩ đến việc gieo rắc sự chia rẽ và khiến tất cả vô dụng! Bạn sẽ bị ngăn lại, Cha ta; sự thật là một và không đổi.

Không thể nào có việc, do trách nhiệm của Thiên Chúa mà một người,

bằng cách giấu đi giáo thuyết xấu xa của mình và chỉ trưng ra đi đâu tốt, khi tự nói rằng anh ta tuân theo Thiên Chúa và Giáo hội, cần làm những phép lạ để dần dần làm cho thấm nhuần một học thuyết sai lầm và xảo trá. Đi đâu này không thể xảy ra.

Và càng khó có chuyện Thiên Chúa, vốn biết được tâm lòng, cần làm các phép lạ để hậu thuẫn một thuyết như thế.

**844.** Ba đặc trưng của tôn giáo: tính vĩnh tồn, đời sống tốt đẹp, các phép lạ. Họ<sup>460</sup> phá hủy tính vĩnh tồn bằng luận thuyết về khả năng xảy ra [cái nhiên tính] của họ; phá hủy đời sống tốt bằng đạo đức họ, các phép lạ bằng cách phá bỏ hoặc sự thật hoặc hệ quả của các phép lạ ấy.

Nếu người ta tin vào các phép lạ ấy, Giáo hội sẽ chẳng có liên quan gì với tính vĩnh tồn, tính thần thánh và các phép lạ. Những kẻ dị giáo phủ nhận chúng, hoặc phủ nhận những hệ quả của chúng; họ làm đi đâu tương tự. Mà người ta không cần phải có sự thành thực thì mới phủ nhận được chúng, hay lại phải mất trí để phủ nhận hệ quả của chúng.

Không ai từng chịu tử vì đạo vì các phép lạ mà anh ta nói mình đã thấy; vì sự điên rồ của con người có thể dẫn tới việc tử vì đạo, vì những đi đâu mà người Thổ tin qua truyền thống, nhưng không vì những gì họ đã thấy.

**845.** Những kẻ dị giáo đã luôn tấn công ba đặc trưng này, đi đâu mà họ không có.

**846.** Phản đối đầu tiên: “Một thiên thần từ trời. Chúng ta không được xét lẽ thật bằng phép lạ mà phải xét phép lạ qua lẽ thật. Bởi thế các phép lạ là vô ích.”

Thế mà chúng hữu ích, và không hề trái với lẽ thật. Bởi thế đi đâu mà Cha Claude de Lingendes đã nói rằng “Thiên Chúa sẽ không cho phép một phép lạ có thể dẫn đến sự sai...”

Khi có một sự tranh cãi trong cùng một Giáo hội, phép lạ sẽ quyết định.

Phản đối thứ hai: “Nhưng kẻ chống Chúa sẽ làm những phép lạ”.

Các thuật sĩ của Pharaô đã không dẫn đến sự sai. Như thế người ta không thể nói với Giêsu về kẻ chống Chúa, “Người đã dẫn ta vào sự sai”. Bởi kẻ chống Chúa sẽ khiến họ chống lại Đức Giêsu, và như thế họ không thể dẫn đến sự sai. Hoặc Thiên Chúa sẽ không cho phép những phép lạ giả dối, hoặc Ngài sẽ đem đến phép lạ lớn hơn.

Đức Giêsu đã tồn tại từ lúc khởi đầu thế giới: đi đầu này mạnh hơn tất cả những phép lạ của kẻ chống Chúa.

Nếu trong cùng Giáo hội ấy xảy ra những phép lạ ở phía những người sai, con người có thể bị dẫn vào sự sai. Sự ly giáo là thấy rõ; một phép lạ là thấy rõ. Nhưng sự ly giáo là một dấu hiệu của sự sai lầm hơn so với một phép lạ là một dấu hiệu của lẽ thật. Bởi thế một phép lạ không thể dẫn đến sự sai.

Nhưng, ngoài sự ly giáo, sai lầm không rõ ràng bằng một phép lạ rõ ràng. Bởi thế một phép lạ có thể dẫn đến sự sai.

*Ubi est Deus tuus?*<sup>461</sup> Các phép lạ cho thấy Ngài, và là một tia chớp.

**847.** Một trong những đoạn điệp của những bài kinh chiều vào Giáng Sinh: *Exortum est in tenebris lumen rectis corde.*<sup>462</sup>

**848.** Nếu lòng thương xót của Thiên Chúa lớn đến mức Ngài chỉ cho chúng ta thấy lợi ích của chúng ta, ngay cả khi Ngài ẩn mình, vậy sự soi sáng nào chúng ta không trông đợi từ Ngài, khi Ngài hiện ra?

**849.** Liệu *Est et non est*<sup>463</sup> sẽ được tiếp nhận trong chính đức tin cũng như trong đạo đức? Và nếu nó không thể tách rời như vậy trong các hành động...

Khi Thánh Xavier làm phép lạ. Thánh Hilaire, “Những kẻ khốn khổ vốn buộc chúng ta phải nói về những phép lạ”.

Những người phán xét không công bình, đừng làm những luật của riêng mình ngay lập tức; hãy phán xét qua những gì đã được thiết lập, và bởi chính bản thân. *Vae qui conditis leges iniquas.*<sup>464</sup>

Những phép lạ không ngừng, giả dối.

Để làm suy yếu những kẻ chống đối của người, người cần làm cho toàn thể Giáo Hội bớt nghiêm khắc.

Nếu họ nói rằng sự cử rỗi của chúng ta phụ thuộc vào Thiên Chúa, họ là những “kẻ dị giáo”. Nếu họ nói rằng họ quy phục Giáo hoàng, đó là kẻ “đạo đức giả”. Nếu họ sẵn sàng tán thành mọi điểu luật, ấy là không đủ. Nếu họ nói rằng không được giết người vì một quả táo, “họ tấn công nền đạo đức của người Công Giáo.” Nếu những phép lạ được làm giữa họ, đó không phải là một dấu hiệu của sự thần thánh, mà, ngược lại là một biểu hiện của dị giáo. Cái cách mà Giáo hội đã tồn tại chính là, lẽ thật đó là thế mà không có tranh cãi, hoặc, nếu nó bị đặt vấn đề nghi ngờ, đã có Giáo Hoàng, hoặc, nếu không, đã có Giáo Hội.

**850.** Năm tuyên bố bị lên án, không có phép lạ. Vì sự thật đã không bị tấn công, nhưng Sorbonne.... nhưng sắc lệnh giáo hoàng...

Không thể có chuyện rằng những người kính yêu Thiên Chúa với cả tấm lòng lại không đánh giá đúng Giáo hội; vì Giáo hội rõ ràng như thế. Không thể có chuyện rằng những người không kính yêu Thiên Chúa lại bị Giáo hội thuyết phục.

Các phép lạ có sức mạnh đến nỗi, nhất thiết rằng Thiên Chúa phải cảnh báo con người biết dừng nghĩ đến việc đối nghịch Ngài, hoàn toàn rõ ràng rằng có một vị Chúa. Không có điểu này, các phép lạ có thể khiến nhiều

người bối rối.

Và xa lìa đến thế so với những đoạn này, Đề nghị luật 13, chống lại uy quyền của những phép lạ, chẳng gì cho thấy rõ hơn sức mạnh của những phép lạ ấy. Và cũng tương tự với kẻ chống Chúa, “để lừa gạt những người đã được tuyển chọn, nếu có thể”.<sup>465</sup>

### **851. Lịch sử của kẻ bầm sinh mù lòa.**

Thánh Phaolô nói gì? Liệu ngài có liên tục nói về tính rõ ràng của các lời tiên tri? Không, mà về phép lạ của riêng ngài. Đức Giêsu nói gì? Liệu Ngài có nói về tính rõ ràng của các lời tiên tri? Không; cái chết của Ngài đã không ứng nghiệm chúng. Nhưng Ngài nói, *Si non fecissem*.<sup>466</sup> Hãy tin các việc đó.<sup>467</sup>

Hai nền tảng siêu nhiên của toàn bộ tôn giáo hoàn toàn siêu nhiên của chúng ta; một rõ ràng, và một không rõ ràng; các phép lạ với ơn sủng, các phép lạ không ơn sủng.

Giáo đường Do Thái, đã được đối đãi với tình yêu như một biểu trưng của Giáo hội, và với sự thù ghét bởi nó chỉ là biểu trưng, được phục hồi, được nâng lên cao đến điểm sắp rơi xuống, khi nó hòa thuận với Thiên Chúa, và bởi thế là một biểu trưng.

Các phép lạ cho thấy sức mạnh của Thiên Chúa đối với tâm hồn, qua đó Ngài thực thi sức mạnh đối với thân xác.

Giáo hội chưa bao giờ đồng ý một phép lạ giữa những kẻ dị giáo.

Những phép lạ, điểm tựa của tôn giáo: chúng là phép thử cho người Do Thái; chúng là phép thử cho người Thiên Chúa giáo, các thánh, những người vô tội, và những tín hữu thực sự.

Một phép lạ giữa những người ly giáo không quá đáng sợ, vì sự ly giáo,

vốn rõ ràng hơn một phép lạ, cho thấy một cách rõ ràng cái sai của họ. Nhưng, khi không có sự ly giáo và rằng sai lầm còn được bàn luận, phép lạ sẽ quyết định.

*Si nonfecissem quae alius non fecit.*<sup>468</sup> Những kẻ khốn khổ vốn buộc chúng ta phải nói về phép lạ.

Apraham và Ghítôn xác quyết đức tin qua những phép lạ.

Giuditha [*Hebrew, Yehudit; Pháp & Anh, Judith*], cuối cùng Thiên Chúa nói trong sự áp bức tội cùng của họ.

Nếu sự nguội lạnh của lòng nhân từ bỏ lại Giáo hội hầu như không có những tín hữu thực sự, các phép lạ sẽ khơi dậy họ. Đó là một trong những hiệu lực tội bức của ân sủng.

Giá như có một phép lạ được làm giữa các thầy tu dòng Tên!

Nếu một phép lạ không đáp ứng được sự trông đợi của những người có mặt khi phép lạ đó xảy ra, và có một sự bất tương xứng giữa tình trạng đức tin nơi họ và công cụ của phép lạ, nó cần - khi ấy khiến họ thay đổi. Nhưng tuy vậy với bạn... Có rất nhiều lý do trong việc nói rằng, nếu Phép thánh thể làm được việc phục sinh, ta sẽ cần một phép để biến đổi một người Calvin hơn việc tiếp tục là một người Công giáo. Nhưng khi nó làm tăng sự kỳ vọng, và những người, hy vọng rằng Thiên Chúa sẽ ban cho các phương thuốc, lại thấy bản thân họ được chữa lành mà không có những phương thuốc pháp chữa lành.

Kẻ vô tín ngưỡng - Chưa từng có dấu lạ xảy đến từ phía quỷ dữ mà không có một dấu lạ lớn hơn từ phía Thiên Chúa, hay thậm chí không được tiên báo rằng điều đó sẽ xảy ra.

**852.** Những kẻ ngược đãi bất công những người mà Thiên Chúa che

chở một cách rõ ràng. Nếu họ chê trách những sự thái quá của bạn, “họ nói như những kẻ dị giáo”. Nếu họ nói rằng ân sủng của Đức Giêsu phân biệt chúng ta, “họ là những kẻ dị giáo”. Nếu họ làm được những phép lạ, “đó là dấu hiệu của sự dị giáo nơi họ”.

Êdêkien. Người ta nói: Đây là dân của Thiên Chúa những người nói như thế.

Người ta nói, “Hãy tin vào Giáo hội”, chứ không nói, “Hãy tin vào phép lạ”, vì việc tin vào phép lạ là tự nhiên, không phải việc tin vào Giáo hội. Thái độ tin đầu tiên cần lời dạy chứ không phải thái độ tin thứ hai. Khítigia.

Giáo đường Do Thái đã là một biểu trưng, và như thế không tiêu vong; và đã chỉ là một biểu trưng, và như thế bị mục nát. Đó là một biểu trưng chứa đựng sự thật, và như thế nó đã tồn tại cho đến khi không còn chứa đựng sự thật nữa.

Các Cha đáng kính của con, toàn bộ đi đâu này đã diễn ra trong những biểu tượng. Các tôn giáo khác mục nát; tôn giáo này thì không.

Các phép lạ quan trọng hơn bạn nghĩ. Chúng được dùng làm nền móng, và sẽ có ích cho sự liên tục của Giáo hội cho đến thời của kẻ chống Chúa, cho đến cuối cùng.

Hai bằng chứng.

Trong Cựu ước và Tân ước, các phép lạ được thực hiện trong mối liên hệ với những biểu tượng. Sự Cứu rỗi, hay một thứ vô ích, nếu không nhằm cho thấy chúng ta phải tuân theo Kinh Thánh: biểu trưng của bí tích.

**853.** Chúng ta phán xét một cách dè dặt những quy định thiêng liêng, Cha của con. Thánh Phaolô ở đảo Malta.

**854.** Sự cứng lòng của những thầy tu Dòng Tên, khi đó, vượt quá sự cứng lòng của người Do Thái, bởi những người này không chịu tin Đức Giêsu vô tội chỉ bởi họ nghi ngờ liệu các phép lạ của Ngài có phải là của Thiên Chúa hay không. Trong khi các thầy tu Dòng Tên, dù không có khả năng nghi ngờ rằng các phép lạ ở Port-Royal là của Thiên Chúa, lại không ngừng nghi ngờ sự vô tội của tu hội đó.

**855.** Tôi cho rằng nhiều người tin những phép lạ. Bạn làm biến chất tôn giáo hoặc để ủng hộ bạn mình hoặc chống lại kẻ thù của mình. Bạn sắp xếp nó theo ý muốn của mình.

**856.** Về phép lạ - Vì Thiên Chúa đã không khiến cho gia đình hạnh phúc hơn, nên hãy xem như Ngài không gặp được ai biết ơn hơn.

#### **XIV. Phụ lục: Những mâu thuẫn chiến**

**857.** Sự sáng tỏ Sự tối tăm khó hiểu - Có thể có sự tối tăm quá lớn, nếu sự thật không có những dấu hiệu rõ ràng. Đây là một sự thật diệu kỳ, rằng nó luôn được duy trì trong một Giáo hội và một tập hợp người rõ ràng. Có thể có sự sáng tỏ quá lớn, nếu chỉ có một tinh thần trong Giáo hội này. Nhưng để nhận ra điều gì là thật, người ta chỉ phải nhìn vào điều luôn tồn tại; bởi chắc chắn sự thật luôn tồn tại, và rằng chẳng gì sai trái lại luôn tồn tại.

**858.** Lịch sử của Giáo hội cần phải được gọi một cách thích đáng là lịch sử của sự thật.

**859.** Có một niềm vui khi ở trên một con tàu chao đảo trong cơn bão, khi người ta chắc chắn nó sẽ không bị chìm. Những bức hại nhắm vào Giáo hội mang bản chất này.

**860.** Sau nhiều dấu hiệu của lòng mộ đạo đến thế, họ vẫn bị bức hại,<sup>469</sup> ấy chính là dấu hiệu cho thấy rõ nhất lòng mộ đạo.

861. Giáo hội ở trong một tình trạng rất tốt khi vững vàng nhờ chỉ Thiên Chúa.

**862.** Giáo hội đã luôn bị tấn công bởi những sai lầm đối nghịch, nhưng có lẽ chưa bao giờ diễn ra đồng thời như lúc này. Và nếu chịu đựng được hơn nữa bởi tính đa dạng của sai lầm, nó sẽ có được ích lợi từ việc này, rằng những sự sai ấy sẽ triệt trừ lẫn nhau.

Giáo hội than phiền về cả hai, nhưng nhiều hơn về những người theo phái Calvin, vì sự ly giáo.

Chắc chắn rằng nhiều người thuộc hai phe chống đối nhau đều bị lừa dối. Cần phải khiến họ tỉnh ngộ.

Đức tin mang trong nó nhiều sự thật có vẻ đối nghịch nhau, lúc cười lúc khóc..., *Respond. Ne respondeas*,<sup>470</sup>...

Nguồn gốc của việc này chính là sự hợp nhất hai bản chất trong Đức Giêsu; và cũng là hai thế giới (sự thiết lập một trời mới và một đất mới; một cuộc sống mới và một cái chết mới; mọi thứ đều gồm hai, và tên cũ vẫn được giữ); và cuối cùng hai bản chất ở bên trong con người công chính (bởi họ là hai thế giới, và là một thành viên và là hình ảnh của Đức Giêsu. Và như thế mọi cái tên đều phù hợp với họ: người công chính, nhưng vẫn là kẻ có tội; kẻ chết, nhưng đang sống; kẻ sống, nhưng đã chết; kẻ được chọn, nhưng vẫn bị ruồng bỏ...)

Bởi thế có rất nhiều sự thật, cả về đức tin lẫn luân lý, những điều dường như đối lập và tất cả cùng tồn tại bên nhau trong một trật tự phi thường. Nguồn gốc của tất cả những tà thuyết chính là việc loại bỏ một vài trong số những sự thật này; và nguồn gốc của mọi sự phản đối mà những người dị giáo dùng để chống lại chúng ta chính là sự thiếu hiểu biết về một vài trong số những sự thật của chúng ta. Và việc thường xảy ra là, khi

không thể nhận thức được mối liên hệ của hai sự thật đối lập, và tin rằng sự thừa nhận đi đầu này dẫn tới việc phủ nhận đi đầu này, họ gán bó với đi đầu này, họ gạt bỏ đi đầu còn còn lại, và nghĩ về chúng ta như những người đối nghịch với họ. Chính sự gạt bỏ là nguyên nhân của sự dị giáo nơi họ; và sự thiếu hiểu biết về sự thật mà chúng ta có không giống của họ gây ra những sự phản đối nơi họ.

Ví dụ đầu tiên: Đức Giêsu là Thiên Chúa và là con người. Những người theo phái Arius, không thể dung hòa được những đi đầu này, mà họ vốn tin là không tương hợp, nói rằng Ngài là con người; trong việc này họ là người Công giáo. Nhưng khi phủ nhận Ngài là Thiên Chúa; trong việc này họ là kẻ dị giáo. Họ dám chắc rằng chúng ta phủ nhận nhân tính của Ngài; trong việc này họ là những kẻ chẳng biết gì.

Ví dụ thứ hai: Về chủ đề Bí tích Thánh thể. Chúng ta tin rằng, tính chất của bánh bị thay đổi, và cùng một tính chất với thân thể của Chúa chúng ta, Đức Giêsu thực sự hiện diện ở đó. Đó là một sự thật. Một đi đầu khác nữa là Bí tích này cũng là một biểu trưng của cây thập giá và sự vinh hiển, và là một cách tưởng nhớ cả hai. Đó là đức tin Công Giáo, vốn bao gồm cả hai sự thật này dường như trái ngược nhau.

Dị giáo ngày nay, không nhận thức rằng Bí tích này chứa đựng đồng thời cả sự hiện diện của Đức Giêsu và một biểu trưng về Ngài, và rằng đó là một hy lễ và một cách tưởng niệm sự hy sinh, tin rằng người ta không thể chấp nhận được sự thật nào trong đó mà không loại trừ sự thật kia vì lý do này.

Họ chỉ bám lấy điểm này, rằng Bí tích này chỉ có tính biểu trưng; và trong việc này họ không phải là những kẻ dị giáo. Họ nghĩ rằng chúng ta loại bỏ sự thật này, và từ đó xảy đến việc họ dựng nên nhiều lý lẽ phản đối chúng ta đến thế rút từ những đoạn văn của các Giáo phụ vốn khẳng định

điều đó. Cuối cùng, họ phủ nhận sự hiện diện đó [của Chúa] và trong việc này họ là những kẻ dị giáo.

Ví dụ thứ ba: Những sự xá tội.

Đó là lý do tại sao con đường ngắn nhất để ngăn chặn những kẻ dị giáo chính là chỉ cho họ thấy mọi sự thật; và cách chắc chắn nhất để bác lại họ chính là tuyên bố tất cả những sự thật ấy. Những kẻ dị giáo sẽ nói vì lẽ gì?

Để biết liệu một ý kiến nọ có phải là của một Giáo phụ hay không...

**863.** Tất cả sai lầm nghiêm trọng hơn rất nhiều khi mỗi người trong họ theo đuổi một sự thật. Sai lầm của họ không nằm trong việc theo một điều đối trá, mà ở việc không đi theo một sự thật khác.

**864.** Sự thật quá khó nhận thấy trong thời đại này, và điều đối trá được thiết lập vững chắc, đến nỗi, trừ phi chúng ta yêu sự thật, chúng ta không thể nhận ra nó.

**865.** Nếu từng có một thời điểm mà người ta cần phải tuyên xưng về hai sự thật trái ngược, đó chính là khi ta bị chê trách vì đã bỏ quên một sự thật. Bởi thế các thầy tu Dòng Tên và phái Jansen đã sai khi che giấu chúng, nhưng phái Jansen sai nhiều hơn, vì các thầy tu Dòng Tên đã tuyên xưng tốt hơn về cả hai.

**866.** Hai kiểu người đặt mọi thứ ngang nhau, như những ngày lễ với ngày làm việc, người Thiên Chúa giáo với các thầy tu, mọi điều giữa họ với nhau... Và do đó những người này kết luận rằng điều gì xấu với thầy tu thì cũng xấu với người Thiên Chúa giáo, và những người kia cho rằng điều gì không xấu với người Thiên Chúa giáo thì được phép với thầy tu.

**867.** Nếu Giáo hội xưa chìm trong sai lầm, thì nó đã sụp đổ. Khi Giáo hội ngày nay rơi vào sai lầm, đó không phải giống như thế; bởi nó luôn có âm ngôn cao vọt của truyền thống về sự tín nhiệm từ Giáo hội xưa; và

như thế sự phục tùng và tuân thủ này đối với Giáo hội xưa luôn thẳng thắn và sửa chữa tất cả. Nhưng Giáo hội xưa đã không giả định Giáo hội tương lai và không xem xét đến giáo hội đó, như chúng ta giả định và xem xét Giáo hội xưa.

**868.** Điều gây trở ngại cho chúng ta khi so sánh những việc xảy ra trước kia trong Giáo hội với những việc chúng ta thấy ngày nay là ở chỗ ta thường nhìn vào Thánh Athanasius, Thánh Teresa [*Pháp, Thérèse; Anh, Theresa*],<sup>471</sup> và những thánh khác, như được phủ đầy vinh quang và hành động đối với chúng ta như những vị thần. Lúc này đây, thời gian đã làm sáng tỏ nhiều việc, sự tình lại có vẻ như thế. Nhưng vào thời điểm khi người ta bức hại ngài, vị thánh vĩ đại này là một người có tên là Athanasius; và Thánh Teresa là một nữ tu. “Ông Êlia xưa cũng là người cùng chung một thân phận như chúng ta,”<sup>472</sup> Thánh Giacôbê [*Hebrew, Ya’qob; Pháp, Jacques; Anh, James*] nói, để thức tỉnh những người Thiên Chúa giáo về ý tưởng sai lạc này, điều khiến chúng ta chối bỏ tấm gương của các thánh như không tương xứng với tình trạng của chúng ta. “Đó là những vị thánh”, chúng ta nói, “họ không giống như chúng ta”. Như thế điều gì xảy ra khi ấy? Thánh Athanasius từng là một người có tên là Athanasius, bị cáo buộc nhiều tội, bị lên án bởi một công đồng như thế vì một tội như thế. Mọi giám mục đồng ý với điều đó, và cuối cùng Đức Giáo hoàng. Người ta nói gì với những người chống lại việc này? Rằng họ đã làm đảo lộn sự bình yên, rằng họ đã gây ra sự ly giáo...

Nhiệt tâm, sự thông sáng. Bốn loại người: nhiệt tâm mà không có sự thông hiểu; có sự thông hiểu nhưng không có nhiệt tâm; không cả sự thông hiểu lẫn nhiệt tâm; và có cả hai. Ba loại người đầu đã lên án ngài. Loại người cuối cùng xóa tội ngài, bị Giáo hội khai trừ, thế nhưng lại cứu Giáo hội.

**869.** Nếu Thánh Augustinus sống vào ngày nay và có ít thẩm quyền như những người bảo vệ ngài, thì ngài chẳng hoàn thành được việc gì cả. Thiên Chúa dẫn dắt Giáo hội của Ngài thực hoàn hảo khi gửi Ngài đến trước với đủ thẩm quyền.

**870.** Trói buộc và giải trừ. Thiên Chúa đã không muốn miễn tội mà không có Giáo hội. Vì Giáo hội dự phần vào tội lỗi, nên Ngài muốn nó cũng dự phần vào sự tha thứ. Ngài kết hợp Giáo hội với quyền hạn này, như các vua với nghị viện. Nhưng nếu nó miễn tội hay trói buộc mà không có Thiên Chúa, thì sẽ không còn là Giáo hội nữa. Bởi, như trong trường hợp của nghị viện, ngay cả khi đức vua xá tội cho một người, việc đó phải được phê chuẩn; nhưng nếu nghị viện phê chuẩn mà không có đức vua, hay từ chối phê chuẩn theo lệnh đức vua, thì sẽ không còn là nghị viện của đức vua nữa, mà chỉ là một tập hợp những kẻ nổi loạn.

**871.** Giáo hội, Đức Giáo hoàng. Khối đơn nhất, khối đa thể. Khi xem xét Giáo hội như một khối đơn nhất, Đức Giáo hoàng, người đứng đầu Giáo hội, thì như một tổng thể. Khi xem xét Giáo hội như là một khối đa thể, Đức Giáo hoàng chỉ là một phần trong đó. Các Giáo phụ đã xem xét Giáo hội khi theo cách này, khi theo cách khác. Và vì thế họ đã nói về Giáo hoàng theo những cách khác nhau.

(Thánh Cyprianus: *Sacerdos Dei*<sup>473</sup>). Nhưng khi chứng minh một trong những sự thật này, họ đã không loại trừ sự thật khác. Đa thể mà không được quy về khối đơn nhất là lộn lẩn; khối đơn nhất không phụ thuộc vào khối đa thể là chuyên chế. Hầu như chẳng có nước nào ngoài nước Pháp mà ở đó có thể được phép nói Công đồng ở trên Giáo hoàng.

**872.** Đức Giáo hoàng là người đứng đầu. Còn ai khác được biết đến nữa? Còn ai khác được mọi người công nhận, khi có quyền lực để đưa bản thân vào mọi cộng đoàn, bởi nắm giữ nhánh chính, vốn có thể mọc chen

vào khắp chốn? Thật dễ dàng để biến điếu này thành chuyện chề! Đó chính là lý do tại sao Đấng được xúc dầu đã đặt ra cho họ giới luật này: *Vos autem non sic.*<sup>474</sup>

**873.** Đức Giáo hoàng ghét và sợ những người có học thức, những người không tự ý thuận theo ngài.

**874.** Không được phán xét về việc Đức Giáo hoàng là gì qua một vài lời nói của những Giáo phụ (như những người Hy Lạp nói trong một công đồng. Những quy tắc quan trọng), mà qua các hành động của Giáo hội và các Giáo phụ, và qua các kinh sách thánh.

*Duo aut tres/in unum.*<sup>475</sup> Khối đơn nhất và khối đa thể. Loại trừ một trong hai là sai lầm, như những người thần phục giáo hoàng loại trừ tính đa thể, hoặc những người Huguenot loại trừ tính đơn nhất.

**875.** Liệu Giáo hoàng có bị ô danh bởi có được sự hiểu biết của mình từ Thiên Chúa và truyền thống, và không bị ô danh khi chia tách ngài khỏi sự hợp nhất thiêng liêng này?

**876.** Thiên Chúa không làm những phép lạ trong sự dẫn dắt thông thường của Giáo hội Ngài. Hẳn là một phép lạ dị thường nếu tính vô ngộ [không thể sai lầm] tồn tại trong một con người. Nhưng điếu này xuất hiện rất đột nhiên trong khối đa thể, rằng sự dẫn dắt của Thiên Chúa được ẩn trong tự nhiên, như trong mọi việc làm khác của Ngài.

**877.** Các vị vua tùy ý sử dụng quyền lực của mình; nhưng các giáo hoàng không thể làm thế.

**878.** *Summum jus, summa injuria.*<sup>476</sup>

Đại đa số là con đường tốt nhất bởi nó có thể được nhìn thấy rõ ràng và có sức mạnh để khiến chính nó được tuân theo. Tuy vậy, đó là ý kiến

của những kẻ kém năng lực nhất.

Nếu người ta đã có thể làm được điều đó, họ đã đặt sức mạnh trong vòng tay của công lý. Nhưng vì sức mạnh không để bản thân nó bị điều khiển theo ý muốn con người, vì đó là một đặc tính hiển nhiên, trong khi công lý là một đặc tính tinh thần mà người ta có thể sử dụng theo ý muốn, nên người ta đã đặt nó vào tay của sức mạnh. Và như thế người ta gọi những gì mà con người bị buộc phải tuân phục là điều chính đáng.

Từ đó dẫn đến quyền của lưỡi gươm, bởi lưỡi gươm mang lại quyền thật sự. Nếu không người ta sẽ thấy bạo lực ở một bên và công lý ở một bên (kết thúc “Lá thư tỉnh lẻ” 12). Từ đó dẫn đến sự bất công của cuộc nội chiến Fronde,<sup>477</sup> điều làm đẩy lên công lý được viện dẫn chống lại cường quyền. Tình hình thì không như thế trong Giáo hội, bởi có một công lý thực sự và không có bạo lực.

**879.** Sự bất công - Quyền xét xử được đưa ra không phải vì lợi ích của người xét xử, mà vì lợi ích của người thưa kiện. Thực nguy hiểm khi nói điều này với dân, nhưng dân có quá nhiều niềm tin vào bạn; điều này sẽ không gây hại cho họ và có thể giúp bạn. Do đó cần phải công bố điều đó. *Pasce oves meas, not tuas.*<sup>478</sup> Bạn nợ tôi bãi chăn thả.

**880.** Người ta thích sự chắc chắn. Họ thích Đức Giáo hoàng không thể sai lầm trong đức tin, và các thầy thuốc có uy tín không thể sai lầm trong luân lý, cốt để có được sự đảm bảo cho mình.

**881.** Giáo hội chỉ dẫn và Thiên Chúa gây thán cảm, đâu không chút sai lầm. Việc làm của Giáo hội chỉ để chuẩn bị cho ân sủng, hoặc cho sự xử phạt. Điều Giáo hội làm thì đủ cho sự xử phạt, chứ không đủ để gây thán cảm.

**882.** Mỗi khi các thầy tu Dòng Tên tác động mạnh tới Giáo hoàng, họ

sẽ khiến toàn khối Thiên Chúa giáo bội thề

Đức Giáo hoàng rất dễ bị tác động, vì những việc làm của ngài và niềm tin của ngài nơi các thầy tu Dòng Tên; và các thầy tu Dòng Tên rất có khả năng gây ấn tượng mạnh với ngài bằng cách vu khống.

**883.** Những kẻ khốn khổ đã buộc tôi phải nói về ền tảng của tôn giáo.

**884.** Những kẻ phạm tội được thanh tẩy mà không có lòng sám hối; những người công chính được thánh hóa mà không có lòng kính Chúa thương người; mọi người Thiên Chúa giáo không có ân sủng của Đức Giêsu; Thiên Chúa không có quyền năng đối với ý chí con người; một sự tì ền định không có sự m ầu nhiệm; một sự cứu chuộc không có sự xác thực!

**885.** Những ai muốn đầu được biến thành thầy tu, như dưới thời Giarópam [*Hebrew*, Yarobh'am; *Pháp*, Jéroboam; Anh, Jeroboam]<sup>479</sup>

Quả là một đi ều khủng khiếp khi người ta đề ra cho chúng ta kỷ luật của Giáo hội ngày nay tốt đến nỗi, muốn thay đổi nó là phạm tội. Trước kia nó từng tốt một cách không thể sai lầm, và người ta nghĩ rằng không có tội lỗi khi muốn thay đổi nó; và bây giờ, nói thẳng ra, ta không thể mong nó được thay đổi! Quả thực đã có sự cho phép thay đổi thông lệ chỉ truy ền chức giáo sĩ với nhiều sự thận trọng đến độ hầu như không có bất cứ ai xứng đáng với chức vị đó; và ta sẽ không được phép phàn nàn về thông lệ vốn tạo ra nhiều người không xứng đáng đến vậy sao?

**886.** Những kẻ dị giáo - Êdêkien. Toàn bộ dân ngoại, và cả nhà tiên tri này,<sup>480</sup> đã nói xấu Ísraen. Nhưng những người Ísraen không hề có quyền nói với ông ta, “Ông nói như dân ngoại”, đến độ ông ta là người nói có sức thuyết phục mạnh mẽ nhất về đi ều này, đến độ dân ngoại cũng nói y như ông ta.

**887.** Những người theo phái Jansen giống những kẻ dị giáo ở việc cải

cách trong phạm vi đạo đức, nhưng bạn giống họ ở sự xấu ác.

**888.** Bạn không biết các lời tiên tri, nếu không biết rằng toàn bộ đi đầu này phải xảy đến; những vương hầu, những nhà tiên tri, Đức Giáo hoàng, và thậm chí các thầy tu. Song Giáo hội cần phải tồn tại. Nhờ hồng ân của Thiên Chúa chúng ta không đi tới chỗ đó. Không may cho các thầy tu này! Nhưng chúng ta hy vọng rằng Thiên Chúa sẽ ban lòng khoan dung của Ngài cho chúng ta rằng chúng ta sẽ không nằm trong số họ.

Thư Phêrô 2, chương 2: những ngôn sứ giả trong quá khứ, hình ảnh của những ngôn sứ giả trong tương lai.

**889.** ...Nên, một mặt, nếu quả đúng rằng một số thầy tu phóng túng và một số thầy giải nghi suy đồi, vốn không nằm trong hàng giáo phẩm, bị rơi vào những suy đồi này, thì mặt khác, chắc chắn rằng các mục sư thực sự của Giáo hội, vốn là những người thực sự được ủy thác Lời Chúa, đã bảo vệ nó một cách bất biến chống lại những nỗ lực của những ai có ý định hủy hoại nó.

Và như thế những tín đồ thực sự không có bất cứ lý do nào để theo những sự phóng túng đó, vốn chỉ được đưa đến qua những bàn tay xa lạ của những thầy giải nghi này, thay vì giáo lý đúng thực được trình bày cho họ thấy qua những bàn tay ân cần của những mục sư chân chính của họ. Và những kẻ vô đạo và dị giáo không có cơ sở để rêu rao những sai lầm này như là những bằng chứng cho sự bất toàn trong việc quan phòng của Thiên Chúa với Giáo hội của Ngài; bởi, Giáo hội khi rõ ràng chủ yếu nằm trong hàng giáo phẩm, chúng ta hầu như không có khả năng kết luận từ tình trạng hiện tại rằng Thiên Chúa đã bỏ mặc cho Giáo hội suy đồi, rằng chưa bao giờ rõ rệt hơn thời điểm hiện tại việc Thiên Chúa hiển nhiên giữ Giáo hội khỏi sự suy đồi.

Bởi nếu một vài trong số những người này, những người, do một thiên

hướng lạ thường, đã tuyên xưng việc rời khỏi thế gian và khoác lên mình tấm áo thầy tu, để được ở trong một trạng thái hoàn hảo hơn những người Thiên Chúa giáo thông thường, đã rơi vào trong những lầm lạc khiến những người Thiên Chúa giáo thông thường ghê sợ, và đối với chúng ta trở nên giống như những nhà tiên tri giả sống giữa dân Do Thái; đây quả là điều không may cá biệt và cá nhân, quả thực phải đáng lấy làm tiếc, nhưng từ việc này người ta chẳng thể kết luận được điều gì phản bác sự quan tâm mà Thiên Chúa dành cho Giáo hội của Ngài; bởi tất cả những điều này được tiên báo một cách quá rõ ràng, và đã được báo trước từ rất lâu rằng những sự cám dỗ này có thể nảy sinh từ phía những người thuộc loại này; cốt để khi chúng ta được chỉ dẫn tốt, chúng ta nhìn thấy trong sự kiện này những bằng chứng về sự quan tâm của Thiên Chúa hơn là sự lãng quên của Ngài đối với chúng ta.

**890.** Tertullianus: *Nunquam ecclesia reformabitur.*<sup>481</sup>

**891.** Cần phải khiến cho những kẻ dị giáo, vốn lợi dụng luận thuyết Dòng Tên, biết rằng nó không phải là của Giáo hội, và rằng những sự phân hóa ý kiến của chúng ta không đẩy chúng ta khỏi khối đơn nhất.

**892.** Bạn có lẽ đúng nếu chúng tôi đã chỉ trích dựa trên sự khác nhau. Tính nhất quán mà không đa dạng thì vô ích với những người khác, sự đa dạng mà không có tính nhất quán thì tai hại với chúng tôi. Cái này có hại ở bên ngoài; cái kia có hại ở bên trong.

**893.** Khi chỉ ra sự thật, người ta khiến nó được mọi người tin; khi chỉ ra sự không công bình của những người chỉ dạy, người ta không sửa được nó; tâm trí của chúng ta được đảm bảo khi sai lầm được chỉ ra; hầu bao của chúng ta không được đảm bảo khi chỉ ra sự không công bình.

**894.** Những người yêu Giáo hội than vãn khi thấy sự suy đồi của

những nề nếp; nhưng ít nhất các luật vẫn tồn tại. Nhưng những người này bóp méo các luật. Hình mẫu bị làm hỏng.

**895.** Chưa bao giờ người ta làm điều ác một cách thực sự trọn vẹn và vui vẻ như khi làm nó xuất phát từ niềm tin tôn giáo.

**896.** Thực vô ích khi Giáo hội xác lập những lời này về sự rút phép thông công, những điều dị giáo... Chúng được sử dụng để chống lại Giáo hội.

**897.** Kẻ tội đồ chỉ làm điều người chủ làm, bởi người chủ chỉ nói cho anh ta biết hành động chứ không phải mục đích. Đó chính là lý do tại sao anh ta thường vâng lệnh một cách mù quáng, và mắc lỗi đi ngược lại mục đích. Nhưng Đức Giêsu đã nói với chúng ta mục đích. Và bạn làm hỏng mục đích ấy.

**898.** Họ không thể có sự vĩnh tồn, và họ tìm kiếm sự toàn năng; và vì điều này họ khiến toàn thể Giáo hội suy đồi để họ có thể thành những vị thánh.

**899.** Chống lại những người lợi dụng các đoạn viết trong Kinh Thánh, và những người tự hào về việc tìm thấy được một câu dường như ủng hộ sự sai lầm của họ. - Cuộc họp cho buổi Kinh Chiều, Chủ nhật lễ lá, kinh cầu cho nhà vua.

Sự giải thích cho những lời này: “Ai không đi với tôi là chống lại tôi.”<sup>482</sup> Và cho những lời khác này: “Ai không chống lại bạn là ủng hộ bạn.”<sup>483</sup> Một người nói: “Tôi không ủng hộ cũng không chống”; người ta phải trả lời anh ta...

**900.** Ai muốn đưa ra ý nghĩa của Kinh Thánh, và không lấy nó từ Kinh Thánh, là kẻ thù của Kinh Thánh. (Thánh Augustinus, *De Doctrina Christiana* [Về giáo lý Thiên Chúa giáo]).

**901.** *Humilibus dat gratiam;*<sup>484</sup> *an ideo non dédit humilitatem?*

*Sui eum non receperunt;*<sup>485</sup> *quotquot autem non receperunt an non erant sui?*<sup>486</sup>

**902.** “Hẳn phải rằng”, tu sĩ Tu viện Feuillant nói, “điều này không chắc chắn đến vậy, bởi sự tranh cãi chỉ ra tính không chắc chắn (Thánh Athanasius, Thánh Chrysostomos, những người có đạo đức, những kẻ vô đạo).”

Các tu sĩ Dòng Tên đã không làm cho sự thật trở nên không chắc chắn, mà họ đã khiến cho sự nghịch đạo của họ trở nên chắc chắn.

Sự mâu thuẫn đã luôn được bỏ ngỏ để làm mù những kẻ độc ác; vì tất cả những gì làm tổn hại lẽ thật và lòng kính Chúa thương người đều xấu ác. Đây là nguyên lý đích thực.

**903.** Mọi tôn giáo và giáo phái nơi thế gian đều có lý lẽ tự nhiên cho sự chỉ dẫn. Riêng những người Thiên chúa giáo đã bị bó buộc tiếp nhận những quy tắc của họ từ bên ngoài bản thân họ, và học biết những gì mà Đức Giêsu đã để lại cho cô nhân và lại truyền lại cho những tín đồ thực sự. Sự gò bó này khiến các Giáo phụ tốt này nản lòng. Họ muốn, như dân khác, được tự do đi theo những sự tưởng tượng của riêng họ. Thực hoài công khi chúng ta khóc cho họ, như các nhà tiên tri trước kia nói với người Do Thái xưa rằng: “Hãy vào Giáo hội; tự mình tìm hiểu những phương cách mà cô nhân đã để lại cho Giáo hội, và theo những con đường này”. Họ đã trả lời như những người Do Thái: “Chúng tôi sẽ không bước vào đó; mà sẽ theo những suy nghĩ nơi trái tim mình”; và họ đã nói, “Chúng tôi cũng sẽ giống như mọi dân tộc.”<sup>487</sup>

**904.** Họ tạo ra quy tắc ngoại lệ.

Liệu thiên nhân có được xá tội trước khi sám hối? Hãy làm điều này như một ngoại lệ. Nhưng từ ngoại lệ này bạn tạo ra một quy tắc không có ngoại lệ, để bạn thậm chí không muốn quy tắc ấy là ngoại lệ.

**905.** Về những lời thú tội và xá tội không có biểu hiện hối hận.

Thiên Chúa chỉ nhìn vào cái bên trong; Giáo hội chỉ xét qua cái bên ngoài. Thiên Chúa xá tội ngay khi Ngài thấy được sự sám hối nơi lòng người; Giáo hội xá tội khi nhìn thấy sự sám hối trong những việc làm. Thiên Chúa sẽ làm một Giáo hội thuần khiết từ bên trong, điều này làm tiêu tan, qua thánh tính bên trong và hoàn toàn mang tính tâm linh của nó, sự nghịch đạo bên trong của những kẻ kiêu ngạo và những người biệt phái. Và Giáo hội sẽ là một tập hợp những người mà cách xử sự bên ngoài của họ thanh khiết đến mức làm tiêu tan cách xử sự của dân ngoại. Nếu trong số họ có những kẻ đạo đức giả, nhưng ngay trang tốt đến mức Giáo hội không thể thấy được ác tâm của họ, thì Giáo hội khoan thứ cho họ. Vì dù rằng họ không được Thiên Chúa chấp nhận, đáng mà họ không thể chối gạt được, họ là một phần của những người mà họ chối gạt. Và như thế Giáo hội không mất danh dự bởi hành vi của họ, vốn có vẻ thánh thiện. Nhưng bạn muốn rằng Giáo hội không phán xét cái bên trong, việc vốn chỉ thuộc về Thiên Chúa, cũng không xét cái bên ngoài, bởi Thiên Chúa chỉ nhìn vào cái bên trong; và như thế, trước khỏi Giáo hội mọi sự lựa chọn của con người, bạn giữ trong Giáo hội những kẻ vô hạnh nhất và những người làm mất danh sự Giáo hội lớn đến mức những hội đạo của người Do Thái và các trường phái triết học xưa đuổi họ như những kẻ không xứng đáng và ghê tởm họ như những kẻ nghịch đạo.

**906.** Những hoàn cảnh dễ dàng nhất để sống theo thế gian là khó khăn nhất để sống theo Thiên Chúa, và ngược lại. Theo thế gian, chẳng gì khó khăn cho bằng đời sống tôn giáo; nhưng chẳng gì dễ hơn là sống cuộc đời

đó theo Thiên Chúa. Chẳng gì dễ hơn, theo thế gian, khi sống trong quyên cao chức trọng và sự giàu có; chẳng gì khó hơn là sống cái đời như thế theo Thiên Chúa, mà không quan tâm tới và thích thú với những đi đầu ấy.

**907.** Những thầy giải nghi bất quyết định phục tùng lý lẽ bị biến chất, và bất sự lựa chọn những quyết định ấy phục tùng ý chí bị biến chất, để toàn bộ những gì thoái hóa trong bản chất con người có thể dự phần vào cách cư xử của anh ta.

**908.** Nhưng liệu có chắc rằng tính khả dĩ sẽ đưa đến sự đảm bảo?

Sự khác nhau giữa sự thư thái và sự yên ổn lương tâm. Chẳng gì đem lại sự chắc chắn bằng lẽ thật, chẳng gì đem lại sự thư thái bằng việc thành thực tìm kiếm lẽ thật.

**909.** Bản thân toàn bộ hội đoàn của những thầy giải nghi của họ cũng không thể trấn an cho một lương tâm phạm sai lầm, và đó là lý do tạo sao việc chọn người chỉ dẫn tốt lại quan trọng đến thế.

Như thế họ sẽ mắc tội gấp đôi, vì đi theo những con đường lẽ ra không nên theo, và nghe những người giảng giáo lý lẽ ra không nên nghe.

**910.** Liệu có thể là bất cứ đi đầu gì khác ngoài việc chi đầu lòng thế gian khiến bạn tìm thấy những đi đầu có khả năng đúng? Bạn sẽ khiến chúng tôi tin rằng đi đầu này là sự thật và rằng, nếu việc song đấu không còn hợp thời nữa, bạn sẽ thấy rất có khả năng rằng họ có thể chiến đấu khi xem xét bản thân vấn đề?

**911.** Liệu có cần phải giết chóc để ngăn ngừa việc còn tồn tại những kẻ ác độc? Đó chính là việc tạo ra hai phe ác thay vì một. *Vince in bono malum*)<sup>488</sup> (Thánh Augustinus).

**912.** Phổ quát - Đạo đức và ngôn ngữ đầu là những khoa học đặc thù

nhưng có tính phổ quát.

**913.** Khả năng xảy ra - Mỗi người có thể sử dụng nó; không ai có thể làm mất nó.

**914.** Họ cho phép lòng dục tung hoành, và kềm chế sự suy trước tính sau; thay vì cần phải làm đi ngược lại.

**915.** Montalte<sup>489</sup> - Những ý kiến không chặt chẽ làm vừa lòng nhiều người đến mức thực kỳ lạ nếu ý kiến của họ lại gây mích lòng. Đó là vì họ đã vượt quá mọi giới hạn. Và hơn nữa có nhiều người nhìn thấy được lẽ thật và không thể đạt tới, nhưng rất ít người không biết rằng tính thánh khiết của tôn giáo đối lập với sự thoái hóa của chúng ta. Quả là nực cười khi nói rằng một sự tưởng thưởng vĩnh cửu được ban cho phẩm hạnh kiểu Escobar.<sup>490</sup>

**916.** Khả năng xảy ra - Họ có một số nguyên tắc đúng; nhưng lạm dụng chúng. Giờ thì việc lạm dụng lẽ thật cũng phải bị trừng phạt nhiều như việc lan truyền sự giả dối.

Như thế có hai địa ngục, một cho những tội lỗi chống lại lòng kính Chúa thương người, và một cho những tội lỗi chống lại sự công bằng!

**917.** Khả năng xảy ra<sup>491</sup> - Lòng nhiệt thành của các thánh trong việc tìm kiếm lẽ thật là vô ích, nếu khả năng đúng là chắc chắn. Nỗi sợ hãi của các thánh, những người luôn theo con đường chắc chắn nhất. (Thánh Teresa luôn vâng lời cha giải tội của mình).

**918.** Bỏ đi khả năng có thể xảy ra, người ta không còn có thể làm hài lòng thế gian nữa; dùng đến khả năng có thể xảy ra, người ta không thể làm mất lòng thế gian nữa.

Trước kia, thực khó tránh khỏi tội lỗi, và khó chuộc tội; giờ đây, thực

để để tránh khỏi những tội lỗi đó bằng cả ngàn trò và để để chuộc những tội lỗi ấy.

**919.** Đó là những kết quả của tội lỗi các dân và các thầy tu Dòng Tên. Những kẻ quyền quý đã muốn được tăng bốc. Các thầy tu Dòng Tên đã muốn được những kẻ quyền quý yêu mến. Họ đều đáng bị bỏ lại với tinh thần dối trá, nhóm này nhảm lừa dối, và nhóm kia để bị lừa dối. Họ hám lợi, tham vọng, ưa khoái lạc. *Coacervabunt tibi magistros.*<sup>492</sup> Những môn đồ xứng với những thầy như thế, họ đã tìm kiếm những kẻ bội đờ và đã tìm được chúng.

**920.** Nếu họ không từ bỏ [thuyết về] khả năng có thể xảy ra, những châm ngôn tốt của họ cũng ít thánh tính như những châm ngôn xấu, bởi chúng dựa trên quyền hạn con người. Và như thế, nếu chúng công bằng hơn thì sẽ hợp lý hơn, nhưng không thánh tính hơn. Những châm ngôn ấy giống như phần thân đại mà chúng được ghép vào đó.

Nếu đi đầu tôi nói không giúp soi sáng bạn, nó sẽ giúp cho dân chúng.

Nếu những người này im lặng,<sup>493</sup> những hòn đá sẽ nói.

Im lặng là sự hành hạ lớn nhất; các thánh chưa từng im lặng. Đúng là cần thiết phải có một lời kêu gọi, nhưng không phải từ những lệnh truyền của Công đồng mà người ta phải tìm hiểu xem liệu mình có được kêu gọi không, mà nó xuất phát từ tính cần thiết của việc lên tiếng. Bây giờ sau khi Roma đã nói, và người ta nghĩ rằng sự thật đã bị lên án, và rằng họ đã viết ra đi đầu đó, và các cuốn sách nói đi đầu ngược lại bị phê phán, ta cần phải thét lên, và càng thét to người ta càng bị phê phán một cách bất công hơn, và lời nói càng bị dập tắt bạo liệt hơn, cho đến khi xuất hiện một Đức Giáo hoàng lắng nghe cả hai bên, và tìm về những lý lẽ xa xưa để đối xử công bằng. Như thế các Đức Giáo hoàng tốt vẫn thấy trong Giáo hội vẫn còn

những tiếng nói bất bình.

Tòa án Dị giáo và Dòng Tên là hai mối họa đối với sự thật.

Tại sao bạn không cáo buộc họ về học thuyết của Arius? Bởi, dù họ đã nói rằng Đức Giêsu là Thiên Chúa, có lẽ họ hiểu đi đâu đó không qua bản chất, mà như đi đâu này đã được nói ra: *Dii estis*.<sup>494</sup>

Nếu các Bức Thư của tôi bị lên án ở Roma, đi đâu tôi lên án trong những thư đó cũng bị quy tội trên thiên đàng. *Ad tuum, Domine Jesu, tribunal appello*.<sup>495</sup>

Chính các người cũng thoái hóa.

Tôi đã e ngại rằng mình đã viết đi đâu xấu, khi thấy bản thân mình bị lên án; nhưng tấm gương của rất nhiều bài viết thành kính khiến tôi tin vào đi đâu ngược lại. Không còn có thể chấp nhận được viết tốt nữa, Tòa án Dị giáo cũng thoái hóa và vô tri như vậy!

“Vâng lệnh Thiên Chúa tốt hơn là theo lệnh con người”.

Tôi không sợ gì, tôi không trông đợi gì. Các giám mục không như thế. Port-Royal e sợ, và phân tán họ là một chủ trương tồi; vì họ sẽ không sợ nữa và sẽ gây ra nỗi sợ lớn hơn. Tôi thậm chí không e ngại những lời chỉ trích tương tự của quý vị, nếu chúng không dựa trên những lời thuộc về truyền thống. Liệu quý vị chỉ trích tất cả? Gì thế! Thậm chí sự tôn trọng của tôi? Không. Rồi sau đó bạn nói gì, hay sẽ chẳng làm gì, nếu quý vị không chỉ ra được cái xấu, và tại sao nó xấu. Và đây chính là việc mà họ sẽ gặp khó khăn lớn khi tiến hành.

Khả năng xảy ra - Họ đã giải thích tính chắc chắn thật nực cười, vì sau khi xác lập rằng mọi phương cách của mình chắc chắn, họ đã không còn gọi đó là chắc chắn sẽ dẫn tới thiên đàng, mà không có nguy cơ không đến

được đó nhờ nó, mà là đi đầu dẫn tới đó không có nguy cơ ra khỏi con đường đó.

**921.** ...Các thánh say mê những điểm vi tế để thấy mình có tội và hoài nghi về những hành động tốt hơn của mình. Và các vị say mê nhưng điểm vi tế để miễn thứ cho những kẻ độc ác nhất.

Nhưng kẻ ngoại giáo thông thái đã xây dựng một cấu trúc tốt đẹp tương đương như thế ở bên ngoài, nhưng dựa trên một nền tảng tồi; và quý dữ lừa mị con người qua vẻ tương đồng bên ngoài này dựa trên nền tảng khác biệt nhất.

Con người đã chưa từng có một lý do tốt như tôi; những người khác chưa từng làm cuộc bắt giữ nào tốt như quý vị...

Càng chỉ ra sự yếu kém trong con người tôi, họ càng cho tôi lý do.

Quý vị nói rằng tôi là một kẻ dị giáo. Điều này được phép? Và nếu quý vị không e ngại rằng con người không hề hành xử công bằng, quý vị không sợ Thiên Chúa đem lại công bằng cho tôi sao?

Bạn sẽ cảm thấy sức mạnh của lẽ thật, và bạn sẽ chịu thuận theo nó...

Có gì đó siêu nhiên trong một sự mù quáng như thế. *Digna necessitas.*<sup>496</sup> *Mentiris impudentissime.*<sup>497</sup>

*Doctrina sua noscetur vir...*<sup>498</sup> (Một người được khen theo sự khôn sáng của mình. - Proverbs 12.8).

Lòng mộ đạo sai, tội lỗi nhân hai.

Một mình tôi chống lại ba mươi ngàn, Không. Hãy bảo vệ mình, tòa án; hãy bảo vệ, người nữ, đi đầu lừa dối; hãy để tôi bảo vệ lẽ chân thực. Đó là toàn bộ sức mạnh của tôi. Nếu mất nó, tôi thất bại. Tôi sẽ không thiếu những người buộc tội, và những kẻ ngược đãi. Nhưng tôi có lẽ thật, và

chúng ta sẽ xem ai sẽ lấy nó đi.

Tôi không cần bảo vệ tôn giáo, nhưng quý vị không cần bảo vệ sai lầm và sự bất công. Và... tôi hy vọng Thiên Chúa, qua lòng thương xót của Ngài, khi không nhìn vào cái xấu trong tôi và xét đến cái tốt trong quý vị, ban cho chúng ta ân sủng rằng lẽ thật sẽ không vượt khỏi tay tôi, và sự giả dối đó....

**922.** Có thể có - Ta hãy xem liệu chúng ta có tìm kiếm Thiên Chúa một cách chân thành không, qua việc so sánh những điếu mà chúng ta quyến luyến. Có thể thức ăn này sẽ không đầu độc tôi. Có thể tôi sẽ không thua vụ tranh tụng của mình bằng cách không theo đuổi nó...

**923.** Đó không phải chỉ sự xá tội, giúp xóa bỏ tội lỗi qua bí tích giải tội, mà còn là sự ăn năn, vốn không thực hữu nếu không tìm kiếm bí tích.

**924.** Những người không giữ lời, không đức tin, không danh dự, không sự thật, tráo trở trong lòng, tráo trở trong lời nói; vì điếu đó mà động vật lưỡng cư trong truyền thuyết đã bị quở phạt, điếu giữ chúng trong một tình cảnh nhập nhằng giữa cá và chim...

Được xem là sùng đạo thì quan trọng đối với các vua chúa và thủ lãnh; bởi thế bản thân họ phải xưng tội với quý vị.

\* \* \*

# Chú thích

---

1. Có lẽ Eliot muốn nói tới *Apologia pro vita sua* (1864; Biện hộ cho đời mình) và *An Essay in Aid of a Grammar of Assent* (1870; Một tiểu luận phụ trợ cho một ngữ pháp về việc đón nhận đức tin) đầu của John Henry Newman, một tu sĩ Anh giáo nhưng cải sang Công giáo. (Các cước chú, trừ khi có nêu đích danh người soạn, đều do những người dịch tổng hợp từ nhiều nguồn)↩
2. So sánh cách dùng hình tượng ví von của từ *couvreur* (người lợp mái). Để so sánh các đoạn văn song hành, ấn bản *Pensées* của Henri Massis (Nxb. A la Cité de Livres) thì tốt hơn ấn bản hai tập của Jacques Chevalier (Nxb. Gabalda). Rất có thể rằng trong ấn bản thứ nhì nói trên, cũng như trong công trình tiểu sử của mình (Pascal; của Jacques Chevalier, bản Anh của Nxb. Sheed & Ward), Chevalier hơi quá nhiệt tình muốn chứng tỏ tính chính thống hoàn hảo của Pascal. (Eliot)↩
3. Dĩ nhiên, nhân vật lớn của Port-Royal là Jean Duvergier de Hauranne [thường được gọi là Saint-Cyran, theo tên tu viện nơi ông là tu viện trưởng], nhưng bất cứ ai có quan tâm chắc chắn sẽ tham khảo trước hết tác phẩm nói trên của Sainte-Beuve. (Eliot)↩
4. *Pháp*, tinh thần hình học và tinh thần thực tế. Hai cụm thuật ngữ này được bản Anh dịch thành *mathematical mind* và *intuitive mind* (tinh thần toán học và tinh thần trực giác) kèm cước chú sau: "Ở đây Pascal phân biệt loại tinh thần luận lý và phân tích, mà ví dụ tiêu biểu cho nó là suy luận toán học, với loại tinh thần mà ta có thể gọi là trực giác, vốn nhìn lướt qua là hiểu được sự việc. Một người thực tế với

phán xét vững chắc tiêu biểu cho loại thứ hai; vì trong thực tế người đó nghe theo những ấn tượng từ kinh nghiệm quá khứ, và không suy luận một cách có ý thức từ những nguyên lý chung." ↩

5. *Pháp*, người đàn ông hoàng, ngay thẳng, lương thiện. ↩
6. Để biết một phê bình xuất sắc về những sai lầm của Descartes nhìn từ quan điểm thần học, bạn đọc có thể xem *Three Reformers* [Ba nhà cải cách] của Jacques Maritain [bản Anh của Nxb. Sheed & Ward dịch từ *Trois réformateurs*, Paris, 1925]. (Eliot) ↩
7. *Pháp*, Trái tim có những lý lẽ của riêng nó mà lý trí không biết được. ↩
8. Một lý thuyết hiện đại quan trọng về tính bất liên tục, phần nào do Pascal đề xuất, được phác họa trong các mẫu rối được tập hợp lại thành cuốn *Speculations* [Những suy đoán] của T. E. Hulme (Nxb. Kegan Paul). (Eliot) ↩
9. Scaramuccia: Nhân vật thường trực trong hài kịch ứng tác của Ý, thể hiện một gã người hầu khoác lác, hèn nhát, và lúc nào cũng âm mưu trục lợi. Il Dottore (Y bác sĩ) là một nhân vật thường trực khác, thể hiện một kẻ giàu có, thông thái rởm, nói nhiều, và yêu giọng nói của mình. ↩
10. Nhân vật trong tiểu thuyết trường thiên *Artamène ou le Grand Cyrus* của Georges và Madeleine de Scudéry, trong đó Cléobulin, nữ hoàng Corinth, yêu chàng Myrith mà chàng lại yêu nàng Philimene. Sau khi biết được như thế, Cleobuline quyết định không kết hôn, tức là, tiếp tục yêu mà không nghĩ tới tình yêu, ngay cả khi biết mình sai lầm trong mối tình đó. ↩
11. Salomon de Tultie: người tạ nhận ra tên gọi này là dạng đảo mẫu

tự của Louis de Montalte, bút hiệu mà Pascal dùng cho *Lettres provindales* (1656-1657; Những lá thư tỉnh lẻ) và Amos Dettonville, bút hiệu của ông cho cuốn *Traité de la roulette* (1658; Luận văn về trò cò quay). Khi tạo bút hiệu Amos Dettonville từ Louis de Montalte, ông đã đổi chữ u thành v. ↩

12. *Pháp*, tiết chế và chịu đựng, một phương châm của phái Khắc kỷ (cước chú của bản Anh), "thuận theo tự nhiên" cũng là một phương châm phổ biến của họ. ↩
13. *Latinh*, bạn nói giống như một nhà thơ hơn là một con người (Pháp quan Petronius, *Satyricon*, chương 90). ↩
14. *Latinh*, không có gì quá lố. ↩
15. Latinh, Họ đã bớt đi những món trang hoàng khoe mẽ. (Horatius, "Epistula ad Pisones" [Thư gửi cha con nhà Piso], 447) ↩
16. Tập sách gồm 18 bức thư được viết bởi Blaise Pascal với bút danh Louis de Montalte công kích các thầy tu Dòng Tên vì những nỗ lực hòa giải thuyết chân lý tôn giáo tự nhiên với Công giáo của họ. Tựa của tác phẩm này thay đổi qua nhiều ấn bản, như *Les Provinciales* (bản Paris 1657 hoặc Amsterdam 1735), *Lettres écrites à un provincial* (Paris 1865), *Lettres provinciales* (Paris 1873), và *Les lettres provinciales* (Manchester 1920). ↩
17. Pascal muốn thay động từ *avoir* (có) bằng động từ *être* (thì, là). ↩
18. tức Pierre Charron (1541 - 1603): học trò của Montaigne với tác phẩm *De la Sagesse* (1601; Về sự khôn ngoan) vốn phát triển những ý tưởng của Montaigne. ↩
19. Cuốn *Essais* của Montaigne gồm các bài viết xếp kế tiếp nhau, không theo chủ đề. ↩

20. Con gái nuôi của Montaigne, người biên tập và tái bản *Essais* của Montaigne và từng viết một lời nói đầu để biện hộ đi đầu này cho ông ấy.↩
21. Nhà nghiên cứu Ernest Havet truy ra gốc của câu này là của Emoedokles, và được Gournay trích dẫn khi viết lời nói đầu cho một ấn bản *Essais* của Montaigne.↩
22. Nguyên lý (principe) nên được hiểu như cái lý ban đầu, lý do tồn tại lúc khởi thủy.↩
23. Triết gia Hy Lạp, người khởi xướng thuyết nguyên tử của vũ trụ.↩
24. *Des principes de la philosophie*: phải chăng Pascal muốn nhắc tới *Principia philosophiae* do Descartes viết bằng tiếng Latinh, và bản Pháp, *Les Principes de la philosophie*, ra đời năm 1647?↩
25. Latinh, Về mọi thứ có thể biết được: Tựa đề được triết gia người Ý Giovanni Pico della Mirandola đặt cho tập hợp 900 luận đề của ông.↩
26. Theo ngôn ngữ toán học,  $0 - 4 = (-4)$ . Vậy, câu nói này không được hiểu theo lối diễn đạt thông thường.↩
27. Nguyên lý đầu tiên (Anh, first principles; Pháp, premiers principes) có gốc Hy Lạp là archai, được xem như những tiên đề khởi thủy, hay những giả định tối hậu không thể suy ra từ mệnh đề hay giả định nào khác nhưng từ đó ta có thể phát triển ra những lập luận hay ý tưởng.↩
28. Latinh, Sự tử tế thì chấp nhận được chừng nào người ta nghĩ có thể đáp trả; quá mức đó, sự thừa nhận nhường chỗ cho lòng căm ghét (Tactius, Annales [Biên niên sử], iv, 18).↩

29. *Latinh*, Cái cách mà tinh thần được hợp nhất với thể xác là không thể hiểu được với con người; song đó chính là con người (St. Augustinus, *De civitate Dei* [Thành thánh], xxi.10). ↩
30. *Latinh*, Người hạnh phúc chính là người biết được nguyên do của mọi thứ. (Vergilius, *Georgica* [Thơ nghề nông], ii). ↩
31. *Latinh*, Chẳng ngạc nhiên với điều gì gần như là điều duy nhất có thể đem đến và bảo toàn hạnh phúc. (Horatius, *Epistulae* [Thư từ], I.vi.1). ↩
32. *Latinh*, Những ý nào trong đây. Cụm từ này trích từ câu *Harum sententiarum quae vera sit, Deus aliquis viderit* (Ý kiến nào trong đây chứa đựng sự thật, một thượng đế nào đó sẽ biết) do Ciero viết trong *Disputationes Tusculanae* (Những cuộc tranh luận ở Tusculum, I, ii.). ↩
33. Các số 394, 395, 399... trong đoạn này ám chỉ số trang của cuốn *Essais* của Montaigne, ấn bản 1652. ↩
34. Xem cước chú ở trang trước (trích dẫn Vergilius và Horatius) ↩
35. Montaigne bàn về cái tối hảo (*souverain bien*) trong *Essais*, ii, 12. ↩
36. Bản thảo *Traité du vide* (Luận văn về chân không) ↩
37. *Latinh*, Có người sẽ nói điều hết sức ngu ngốc với nỗ lực phi thường. (Terentius, *Heauton timorumenos* [Kẻ tự hành hạ], III. V. 8) ↩
38. *Latinh*, Dường như vẫn có kẻ bất hạnh hơn một người bị ngự trị bởi trí tưởng tượng của mình. (Gaius Plinius Secundus, ii, trích theo Montaigne, trong *Essais*, ii, ấn bản 1652, trang 583). ↩
39. Điều xảy ra theo cách thông thường thì không gây ngạc nhiên,

ngay cả khi nguyên nhân không được biết đến; sự kiện mà người ta chưa từng thấy trước đó thì được xem như một điều kỳ diệu phi thường. (Cicero, *De Divinatione* [Về thuật tiên tri], ii, 22).↩

40. *Latinh*, hút nắn: Tên gọi thời cổ cho loại đá có chứa barium sulfide (bari sulfua) vốn có thể phát ra ánh sáng sau khi được phơi trong một nguồn sáng khác (như ánh nắng). Nó còn được gọi là "đá Bologna". Một thuyết khác giải thích hai chữ này là "điểm đen trên mặt trời" và cho rằng Pascal nhìn thấy trong hiện tượng này bước khởi đầu của việc mặt trời hóa đen, và nghĩ tới một ngày nào đó mặt trời không tỏa sáng nữa.↩

41. *Latinh*, mọi loài thú. Tác giả muốn nhắc tới Sáng thế 7:14. *Ipsi et omne animal secundus genus suum* (Họ và mọi loài thú theo loại của chúng).↩

42. Pascal ám chỉ phong trào Cải cách Tin Lành (Protestant Reformation) kéo dài từ đầu thế kỷ XVI đến năm 1648.↩

43. Pascal có lẽ muốn nói tới cách Aléxandros Đại đế đối xử với mẹ, vợ, và con gái của vua Darius III sau trận Issus. Ông bảo đảm họ được hưởng mọi tiện nghi như khi sống với Darius, và tuyệt không xâm phạm vợ và con gái của ông vua bại trận.↩

44. Cụm từ này được lấy từ hai câu: *Tales sunt hominum mentes, quali pater ipse/Jupiter auctiferas lustravit lampade terras*, do Cicero dịch từ *Odyseia*, xviii (tiếng Hy Lạp) của Homeros, và có nghĩa là "soi sáng trái đất bằng một ngọn đèn". Cả hai câu trên có đại ý là: trí óc con người chấp chôn như Jupiter soi sáng trái đất bằng một ngọn đèn.↩

45. Một dân tộc hung bạo, với họ, cuộc sống không có vũ khí thì

không đáng sống. (T. Livius, *Ab urbe condita Ubri* [Sách từ sự thiết lập thành phố, tức Lịch sử thành Roma], xxxiv. 17)↩

46. Hành động hắt hơi mang nhiều ý nghĩa hơn một hành động trên cả phương diện truyền thuyết và khoa học. Ví như, nó được gắn với hiện tượng tâm linh, trong thần thoại Hy Lạp, khi Xenophon đồng viên chiến binh của mình chống lại người Ba Tư, khi chưa thuyết phục được binh lính bỗng có người hắt hơi và mọi người xem đó là lời thần linh ký thác, và tuân mệnh ông. Trên phương diện khoa học, khi một yếu tố tác động lên những thụ quan trên màng nhầy đe dọa cơ thể, thông tin được gửi đến trung tâm nằm ở cuống não theo các dây thần kinh số 5 và 7...↩

47. Cụm từ thường xuất hiện trong kịch của Corneille.↩

48. Latinh, Giữa chúng ta hết thấy, ta tìm chốn nghỉ ngơi (Huân ca 24:7)↩

49. Cromwell chết năm 1658 vì một chứng sốt chứ không phải do sỏi niệu đạo.↩

50. Vua Anh Charles I bị chặt đầu năm 1649; Nữ hoàng Christina của Thụy Điển thoái vị năm 1654; và vua Jan II Kazimierz Waza của Ba Lan bị truất phế năm 1656.↩

51. Tác giả La Mã thế kỷ V được xếp vào phái tân – Platon với tác phẩm quan trọng nhất là *Saturnaliorum libri septem* (Bảy quyển về lễ hội Saturnalia).↩

52. Có hai Hêrôđê liên quan tới cuộc đời Giêsu: Hêrôđê Đại đế, người ra lệnh giết mọi trẻ con ở Bêlem; và tiểu vương Hêrôđê, dưới thời ông này Gioan Ti ên hô và Giêsu bị xử tử.↩

53. Latinh, Thứ khủng bố vốn mạnh hơn tôn giáo.↩

54. Latinh, Nếu chúng ta gây kinh sợ, mà không được dạy dỗ, tình trạng sẽ có vẻ giống như một chế độ bạo ngược bất công.↵
55. Latinh, Thư gửi Consentius, Chống nói dối: Pascal nhắc tới một trong nhiều thư mà Thánh Augustinus gửi cho Consentius, một giáo dân Tây Ban Nha, trao đổi nhiều vấn đề đạo đức và giáo lý.↵
56. Damien Miton (1618-1690): một người, được xem là lương thiện tử tể, từng bỏ vợ mang thai bảy tháng ở nhà để đi du lịch một tuần với vị công tước họ cùng nhiều khách mời khác, trong đó có Pascal.↵
57. Điều gì sẽ xảy đến với những người khinh thường những việc nhỏ và không tin vào những điều lớn lao hơn?↵
58. Ngài quả thực là Thiên Chúa ẩn mình. (Isaia 45:15)↵
59. *Latinh, sức mê hoặc của sự ác (Khôn ngoan 4:12)*↵
60. *Latinh*, như khách trọ một ngày, chẳng ai còn nhớ nữa (Khôn ngoan 5:14)↵
61. Trang  
<http://www.penseesdepascal.fr/Commencement/Commencement15-approfondir.php> (chuyên về tác phẩm này) cho rằng Pascal hàm ý tới những nắm đất ném xuống quan tài của chúng ta, nhưng ông dùng chữ "đầu" thay cho "quan tài".↵
62. Latinh, điên rồ (1 Côrintô 1:21)↵
63. Họ nhìn thấy sự việc; họ không nhìn thấy nguyên nhân. (St. Augustinus, *Contra Pelagium* [Phản bác Pelagius], iv, 60)↵
64. ... không ai biết rõ Chúa Cha, trừ người Con và kẻ mà người Con muốn mặc khải cho. (Mát thêu 11:27)- Trang  
<http://www.penseesdepascal.fr/XXVII/XXVII6-appro3.php> cho biết

nguyên văn Latinh của câu này là: "Et nemo novit Filium nisi Pater: neque Patrem quis novit nisi Filius, et cui voluerit Filius revelare." Nghĩa là, Pascal trích dẫn hơi sai, có lẽ ông trích theo trí nhớ. ↩

65. Ngài quả thực là Thiên Chúa ẩn mình. (Isaia 45:15) ↩

66. ... để thập giá Đức Ki-tô khỏi trở nên vô hiệu. (1 Côrintô 1:17).  
Trang <http://www.penseesdepascal.fr/XXIX/XXIX5-approfondir.php>  
trích nguyên văn Latinh của câu này là "**ut non** evacuetur crux Christi". ↩

67. Cổ máy (machine): Một hình ảnh thường gặp trong triết học Descartes, vốn cho rằng sinh vật chỉ là những cỗ máy tự động. Pascal cho rằng bất cứ gì không diễn ra trong ta qua tư tưởng suy ngẫm thì chỉ là sản phẩm của một cơ chế tất yếu vốn có gốc rễ trong thân xác, được nối tiếp vào tinh thần trong sự tưởng tượng và những cảm xúc mạnh. Do đó con người cần thay đổi, điều chỉnh cơ chế này để nó tuân theo, và không cản trở, thiện chí (theo <http://www.bookrags.com/ebooks/18269/187.html#gsc.tab=0>) ↩

68. Người công chính nhờ đức tin sẽ được sống. (Rôma 1:17) ↩

69. có đức tin là nhờ nghe giảng. (Rôma 10:17) ↩

70. tức những gì mang tính tự nhiên thuần túy trong chúng ta ↩

71. Xin hướng lòng con nghiêng về thánh ý (Thánh vịnh 119:36) ↩

72. Mỗi người nặn ra một Thượng đế sử dụng (chú giải của <http://www.penseesdepascal.fr/XXVI/XXVI14-moderne.php>), ý này gợi tới câu "anh vất vả phí công nặn ra một thứ thần hư ảo" (Khôn ngoan 15:8), và "chẳng ai có thể nặn ra một thần mình giống như mình." (Khôn ngoan 15:16) ↩

73. Trong bài giảng của Giêsu về Tám mối phúc, mỗi phúc thứ tám là: "Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính, vì Nước Trời là của họ" [*Pháp*, Heureux ceux qu'on persécute, parce qu'ils agissent comme Dieu le demande, car le Royaume des Cieux est à eux] (Mátthêu 5:10), trong khi mỗi phúc thứ tư là: Phúc thay ai khát khao nên người công chính, vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thỏa lòng [*Pháp*, Heureux ceux qui ont faim et soif de justice, car ils seront rassasiés] (Mátthêu 5:6). Khi viết câu trên, "faim de la justice, béatitude huitième", có lẽ Pascal đã nhớ nhầm. ↩
74. Về con số này, Pascal viết 1022, bản Anh dịch của Edward Craig năm 1825 cũng ghi 1022; nhưng bản dịch của W. F. Trotte sửa thành 1028. Theo những nghiên cứu về sau, 1028 là số tinh tú được liệt kê trong danh mục của Ptolemaios [*Anh*, Ptolemy]. Tuy nhiên, có ba ngôi sao được nhà thiên văn này liệt kê đến hai lần (một ngôi sao nhưng xuất hiện trong hai chòm sao khác nhau), nên thực tế, ông chỉ ghi nhận được 1025 ngôi sao. ↩
75. ... nếu anh em không trở lại mà nên như trẻ nhỏ (Mátthêu 18:3) ↩
76. Pascal muốn nói tới quan hệ giữa lý trí và đức tin: để đến với, và có được, đức tin, người ta không cần đến lý trí. ↩
77. Xin hướng lòng con nghiêng về thánh ý (Thánh vịnh 119:36) ↩
78. tức sự xác lập Giáo hội Công giáo ↩
79. tức Tân ước và Cựu ước. ↩
80. Đoạn này gợi ý tới: Ta sẽ đổ hồn khí Ta trên hết thảy người phàm. Con trai con gái các người sẽ trở thành ngôn sứ... (Giôên 2:28) ↩
81. Chẳng còn gì là của chúng tôi nữa; thứ tôi gọi là của chúng tôi chỉ có tính quy ước. (Cicero, *De finibus bonorum et malorum* [Về các mục

đích của tốt và xấu], V, 21).↩

82. Latinh, Chính bởi viện nguyên lão – chấp chính và bỏ phiếu toàn dân mà người ta phạm tội. (Seneca, *Epistulae Morales ad Lucilium* [Thư đạo đức gửi Lucilius], xciv).↩
83. Latinh, Chúng ta đã từng chịu đau khổ từ những đũa bại của chúng ta; giờ chúng ta chịu đau khổ từ những luật lệ của mình. (Tatitus, *Annales* [Biên niên sử], iii, 25).↩
84. Ý kiến của Thrasymachos nêu trong *Politeia* của Platon.↩
85. Chủ trương của phái Kyrenaikoi [Anh, Cyrenaics], vốn cho rằng, về bản chất, chẳng có gì là chính đáng, đáng trọng hoặc thấp hèn cả, chúng được xem như thế là do quy ước và tập quán.↩
86. Latinh, Khi người nào đó không biết được sự thật vốn có thể giải phóng anh ta thì việc anh ta bị lừa dối thì cũng hợp lý thôi. (trích không chính xác lắm một ý của Thánh Augustinus trong *De civitate Dei* [Thánh thánh], iv, 27)↩
87. Latinh, Về luật pháp thực sự. (Cicero, *De officiis* [Về các nghĩa vụ], iii, 17)↩
88. Khi một người mạnh được vũ trang đầy đủ canh giữ lâu đài của mình, thì của cải người ấy được an toàn (luca 11:21). Pascal trích không chính xác lắm.↩
89. Mượn ý từ Diatribai (Những diễn từ), quyển 3, chương 12, của Epiktetos.↩
90. Ám chỉ một cuộc viếng thăm châu Âu của một nhóm dân bán khai. Họ ngạc nhiên khi thấy nhiều người lớn tuân lệnh vị vua nhỏ tuổi Charles IX của nước Pháp. (Montaigne, *Essais*, i. 30)↩

91. Tác phẩm đối thoại cuối cùng và dài nhất của Pláton là Nómoi (Luật lệ), còn Aristotélēs có viết *Politiká* (*Chính trị luận*). Tuy nhiên, trong đoạn này, Pascal không có vẻ muốn bàn tới hai tác phẩm trên.↩
92. *Latinh*, bởi vì mọi sự chỉ là phù vân (Giảng viên 3:19)↩
93. *Latinh*, cũng sẽ được giải thoát (Rôma 8:20-21)↩
94. *Diatribai* (Những diễn từ), iv, 7.↩
95. *Latinh*, Những thay đổi luôn làm hài lòng các vương hầu, trích từ *Carmina* (Tụng ca) m, 29,13, của Horatius vốn được Montaigne trích lại trong *Essais* (I, 42), nhưng Horatius dùng chữ *divitibus* (bọn nhà giàu) chứ không phải *principibus* (các vương hầu). Chính Montaigne thay thế như vậy.↩
96. *Latinh*, Theo cách để bạn hài lòng với bản thân và cái tốt sinh ra từ bạn. (Seneca, *Epistulae morales ad Lucilium*, xx. 8)↩
97. *Latinh*, Chính bởi viện nguyên lão - chấp chính và bỏ phiếu toàn dân mà người ta phạm tội. (Seneca, *Epistulae morales ad Lucilium*, xcv). Câu Latinh này được Pascal trích một lần trong Chương 5, nhưng chữ *scelera* được thay bằng *crimino*. Số 588 kế đó là số trang của cuốn *Essais*; của Montaigne, ấn bản 1652, nơi Pascal trích lại câu này.↩
98. *Latinh*, Không có gì được nói ra mà quá vô lý đến độ nó không thể được phát biểu bởi một triết gia nào đó. (Cicero, *De Divinatione*, ii, 58)↩
99. *Latinh*, Hết lòng vì những ý kiến cố định và đã xác quyết nào đó, họ buộc phải bảo vệ điều mà họ không tán thành, (Cicero, *Disputationes Tusculanae*, ii, 2)↩

100. Latinh, Chúng ta chịu đựng sự quá độ trong nghiên cứu văn chương cũng như trong mọi thứ khác. (Seneca, *Epistulae morales ad Lucilium*, cvi) ↩
101. Latinh, Cái gì phù hợp nhất với mỗi người là cái tốt nhất đối với họ. (Cicero, *De officiis*, i, 31) ↩
102. Latinh, Đây là những luật lệ đầu tiên mà thiên nhiên đem lại. (Vergilius, *Georgica*, ii) ↩
103. Latinh, Để đạt được sự khôn ngoan thì không cần nhiều chữ nghĩa lắm. (Seneca, *Epistulae morales ad Lucilium*, cvi) ↩
104. Latinh, Điều gì cho dù không đáng xấu hổ vẫn trở nên như thế khi nó được đám đông tán thành. (Cicero, *De finibus bonorum et malorum*, ii, 15, 49). ↩
105. Latinh, Đó là cách tôi dùng; bạn cứ làm việc bạn phải làm. (Terentius, *Heauton timorumenos*, I.i.21) ↩
106. Latinh, Hiếm người tôn trọng bản thân một cách đầy đủ. (Quintilian, *Institutio oratoria* [Những nền tảng của thuật hùng biện] x, 7) ↩
107. Latinh, Quá nhiều thần thánh xoay quanh chỉ một người. (Lucius Seneca, *Suasoriae* [Thuật hùng biện dẫn chứng lịch sử], i, 4). ↩
108. Latinh, Chẳng gì đáng hổ thẹn hơn việc khẳng định trước khi biết. (Cicero, *Academica* [Về hoài nghi học thuật], i, 45). ↩
109. Latinh, Tôi không xấu hổ, như ai khác, khi thú nhận tôi không biết điều mình không biết. (Cicero, *Disputationes Tusculanae*, i, 25) ↩
110. Câu Latinh trọn vẹn là: *Melius non incipient, quam desinent* (Đừng khởi hành thì tốt hơn dừng lại), trích từ Seneca, *Epistulae morales ad*

*Lucilium*, Ixxii, 11.↩

111. Montaigne, trong *Essais*, ii, 12, kể rằng quân Bồ Đào Nha buộc phải chấm dứt việc bao vây thành Tanly vì số lượng ruồi ở đấy.↩
112. *Latinh*, xu hướng ly tâm↩
113. Pascal luận về sự vô tri của con người theo một ý trong Kinh Thánh: Quả thật, con người không thể khám phá những gì được thực hiện dưới ánh mặt trời: cho dù có ra công tìm kiếm cũng không khám phá nổi; cho dù người khôn ngoan có nói là đã biết được, thì người ấy cũng không thể khám phá ra. (Giăng vi 8,17)↩
114. Nhà kinh viện (academician): người hoài nghi nặng giáo điều, khác hẳn với người hoài nghi vốn nghi ngờ ngay cả sự nghi ngờ của mình.↩
115. *Latinh*, Ta là người đã thấy. (Aica 3,1). Bản dịch khác: Tôi là người đã sống.↩
116. Những người theo phái Pythagoras xem cái tốt là chắc chắn và hữu hạn, còn cái xấu thì không chắc chắn và vô hạn. (theo Montaigne, *Essais*, i, 9)↩
117. Jacques Vallee, Sieur Des Barreaux (1599-1673): Nhà thơ Pháp, sống phóng túng với những cuộc tình đàng tính, và từng bị tù vì tội này. Balzac gọi ông là “Thần Bakkhos [Bacchus] mới.”↩
118. *Latinh*, và bản năng tránh kẻ lạ.↩
119. Pascal ghi “A. P. R.” ở nhiều nơi và người ta thường nghĩ rằng ông muốn ghi lại những ý mà sau này được khai triển trong những bài giảng hoặc hội thảo tại Port-Royal, tu viện Dòng Xitô lừng danh, nằm cách Paris khoảng gần 30 km. Được thành lập đầu thế kỷ XIII, nó trở

nên nổi tiếng trong những năm cuối của nó. Vua Louis XIV bị tác động để tin rằng nó có xu hướng dị giáo; và sau cùng tu viện này bị phá hủy năm 1711, rõ ràng có bàn tay của Dòng Tên.↵

120. Cái bạn tìm mà không biết, tôn giáo sẽ nói cho bạn. Pascal mượn cách diễn đạt từ sách Tông đồ công vụ 17:23, "VẬY ĐẮNG QUÝ VỊ KHÔNG BIẾT MÀ VẤN TÔN THỜ, THÌ TÔI XIN RAO GIẢNG CHO QUÝ VỊ."↵

121. Descartes, trong *Meditationes de prima philosophia* (Suy ngẫm về đệ nhất triết học), từng nói đến khả năng tôn tại một ác thần lừa dối (malin genie) để biện minh cho phương pháp hoài nghi phổ quát của ông.↵

122. ba phái: giáo điều, hoài nghi, và không theo hai phái trên.↵

123. Latinh, Ta đùa vui với con cái loài người. (Châm ngôn 8:31)↵

124. Latinh, Ta sẽ đổ thần khí Ta trên hết thầy người phàm (Giêrêm 2:28)↵

125. Latinh, Đầu là bậc thần thánh (Thánh vịnh 82:6)↵

126. Latinh, Người phàm nào cũng đều là cỏ (Isaia 40:6)↵

127. Latinh, Con người cũng không thể trường tồn; thật nó chẳng khác chi con vật một ngày kia phải chết. (Thánh vịnh 49:13)↵

128. Latinh, Về con cái loài người, tôi tự nhủ (Giăng vi 3:18)↵

129. Latinh, khôn ngoan hơn con người: trích từ “VÌ cái điên rồ của Thiên Chúa còn hơn cái khôn ngoan của loài người, và cái yếu đuối của Thiên Chúa còn hơn cái mạnh mẽ của loài người.” (1 Côrintô 1:25)↵

130. Những câu trích dẫn từ các giáo sĩ Do Thái trong đoạn này được lấy từ một tác phẩm ở thời Trung cổ có tựa là *Pugio christinanorum*

*ad impiorum perfidiam jugulandam et maxime judaeorum* (Lưỡi dao của dân Thiên Chúa giáo để tiêu diệt sự phản bội của bọn nghịch đạo và nhất là bọn Do Thái), do Ramon Martí, một tu sĩ Tây Ban Nha, viết vào thế kỷ XIII. Một ấn bản của tác phẩm này ra đời năm 1651, do Bosquet, Giám mục địa phận Lodève, biên tập. ↩

131. Mượn ý từ Giảng viên 4:13, “Người trẻ nghèo mà khôn thì hơn ông vua già mà dại vì không còn biết đón nhận lời khuyên.” ↩
132. *Latinh*, Không ai hạnh phúc trước khi chết. (Ovidius, *Metamorphoseon libri*, iii, 137) ↩
133. Damien Mitton (1618-1690), một người bạn của Pascal ↩
134. *Latinh*, mẫn ác. ↩
135. *Latinh*, dục vọng khoái lạc xác thịt, dục vọng hiểu biết, và dục vọng quyền lực. Pascal tóm lược ý trong 1 Gioan 2:16, “vì mọi sự trong thế gian: như dục vọng của tính xác thịt, dục vọng của đôi mắt và thói cậy mình có của”. ↩
136. *Latinh*, Ai tự hào thì hãy tự hào trong Chúa. (1 Côrintô 1:31) ↩
137. *Latinh*, con đường, sự thật (trích từ Gioan 14:6, "Chính Thầy là con đường, là sự thật và là sự sống"). ↩
138. Triết gia gốc đảo Kýpros [*Pháp*, Chypre; *Anh*, Cyprus], người sáng lập trường phái Khắc kỷ. ↩
139. Trong mấy đoạn này, Pascal suy nghĩ về hình tượng thân thể-bộ phận được tả trong 1 Côrintô 12:12-30 ↩
140. Sách Khôn ngoan 2:6 chép: vậy, nào đến đây, hưởng lấy của đời này, tuổi còn trẻ, ta cố mà tận dụng hết những chi đang cố sẵn trên trần. ↩

141. *Latinh*, Ai đã kết hợp với Chúa, thì nên một tinh thần với Người.  
(1 Côrintô 6:17)↩
142. *Latinh*, vẫn kết hợp với Chúa, thì nên một tinh thần với Người.↩
143. Rồi một người thông luật trong nhóm hỏi Đức Giêsu để thử Người rằng: "Thưa Thầy, trong sách Luật Môsê, điều răn nào là điều răn trọng nhất?" Đức Giêsu đáp: "Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người. Đó là điều răn quan trọng nhất và điều răn thứ nhất. Còn điều răn thứ hai, cũng giống điều răn ấy, là: người phải yêu người thân cận như chính mình. Tất cả Luật Môsê và các sách ngôn sứ đều tùy thuộc vào hai điều răn ấy." (Mátthêu 22:35-40)↩
144. Mượn ý từ Luca 17:21, "Triều đại Thiên Chúa đang ở giữa các ông."↩
145. *Latinh*, xin chớ đòi tôi tố ra xét xử (Thánh vịnh 143:2).↩
146. Rôma 2:4.↩
147. Mượn ý từ Giônã 3:9, "Biết đâu Thiên Chúa chẳng nghĩ lại, chẳng bỏ ý định giáng phạt, và nguôi cơn thịnh nộ, khiến chúng ta khỏi phải chết."↩
148. Mượn ý từ Mátthêu 10:34, "Thầy đến không phải để đem bình an, nhưng để đem gươm giáo."↩
149. Luca 12:49 chép: "Thầy đã đến ném lửa vào mặt đất."↩
150. Có một dụ ngôn về hai nhân vật này tại Luca 18:9-14.↩
151. Sự kiện này được kể trong Sáng thế 14:22-24.↩
152. *Latinh*, Nó thêm muốn người (Sáng thế 4:7)↩

153. *Latinh*, xứng đáng được một Đấng Cứu Chuộc (Lễ thứ Bảy tuần thánh).↩
154. *Latinh*, xứng đáng được các chi thần thánh của Ngài để ôm (Lễ thứ Sáu tuần thánh).↩
155. *Latinh*, như xứng với các chi thần thánh của Ngài để ôm (Thánh ca *Vexilla regis*).↩
156. *Latinh*, tôi không đáng; trích từ Luca 7:6, "vì tôi không đáng rước Ngài vào nhà tôi."↩
157. *Latinh*, kẻ ăn bất xứng; mượn ý từ 1 Côrintô 11:27, "bất cứ ai ăn bánh hay uống chén của Chúa cách bất xứng".↩
158. *Latinh*, Ngài xứng đáng lãnh nhận (Khải huyền 4:11)↩
159. *Latinh*, Cho con được (Lễ Đức trinh nữ).↩
160. Lấy ý từ Rôma 9:8, "nhưng con cái sinh ra do lời Thiên Chúa hứa mới được kể là chính tông."↩
161. Philipphê 2:12↩
162. *Latinh*, cứ xin thì sẽ được (Mátthêu 7:7)↩
163. Mục 514 này được Trotter dịch sang tiếng Anh và in trong bản ebook của Đại học Adelaide (và chúng tôi dịch như trên), nhưng bản dịch cũng của Trotter được phổ biến trong Dự án Gutenberg lại không có nội dung trên mà đưa mục 515 (kế bên dưới) thành mục 514. Hai ấn bản tiếng Anh này cứ đánh số lệch nhau như thế đến hết chương này: bản Adelaide kết thúc bằng mục 555, bản Gutenberg bằng mục 554.

Chú thích của bản Gutenberg còn diễn dịch mục 514 này như sau:  
"Theo một nghĩa thì việc cầu xin Thiên Chúa là trong quyền hạn của

chúng ta, và Chúa hứa sẽ cho ta đi đâu ta cần xin. Nhưng theo một nghĩa khác, cần xin không hề nằm trong quyền hạn của ta, vì việc nhận được ân sủng vốn cần thiết khi cần xin không hề nằm trong quyền hạn của chúng ta. Chúng ta biết việc cứu rỗi không nằm trong quyền hạn của chúng ta. Do đó, đi đâu kiện nào đó của việc cứu rỗi cũng không nằm trong quyền hạn của chúng ta. Mà đi đâu kiện của việc cứu rỗi có hai mặt: (i) việc cần xin cứu rỗi, và (ii) việc nhận được cứu rỗi. Nhưng Chúa hứa cứ xin rồi ta sẽ cho. Do đó việc nhận được cứu rỗi lại nằm trong quyền hạn của chúng ta. Do đó đi đâu kiện không nằm trong quyền hạn của chúng ta tất phải là đi đâu kiện thứ nhất, nghĩa là, việc cần xin. Lời cần nguyện giả định sẵn một ân sủng mà việc nhận được ân sủng ấy lại không nằm trong quyền hạn của chúng ta." ↩

164. *Latinh*, Thiên Chúa ân mình (Isaia 45:15). ↩

165. *Latinh*, có nhiều kẻ tin vào Người. Vậy, Đức Giê-su nói.... "Nếu các ông ở lại trong lời của tôi, thì các ông thật là môn đệ tôi;... và sự thật sẽ giải phóng các ông. Họ đáp: "Chúng tôi là dòng dõi ông Ápraham. Chúng tôi không hề làm nô lệ cho ai bao giờ." (Gioan 8:30-33). ↩

166. Xuất phát từ tu sĩ Anh Pelagius vốn chủ trương ngược với quan niệm của thánh Augustinus về ân sủng, cho rằng con người có thể tìm kiếm sự cứu rỗi bằng những nỗ lực của bản thân, và ân sủng Thiên Chúa đã dự vào mọi việc tốt lành. ↩

167. Theo Gioan 3:3-7, con người sinh ra lần đầu bởi xác thịt tự nhiên, và sinh ra lần hai bởi ơn trên, thông qua nước và thần khí. ↩

168. *Latinh*, người công chính cứ hành động công chính nữa đi (Khải huyền 22:11) ↩

169. Bản Adelaide cho rằng Pascal trích dẫn sai lời của Phaolô, trong Rôma 2:29, nguyên văn Latinh là *Circumcidentes cor* (phép cắt bì chính hiệu là trong tâm hồn). Bản dịch của C. Kegan Paul (London 1901), dựa trên bản Pháp do Auguste Molinier biên tập, lại cho rằng Pascal trích không chính xác cụm từ *cor contritum et humiliatum* (tâm lòng tan nát [và] giày vò) trong Thánh vịnh 51:19 hoặc Thi thiên 51:17. Nhiều bản Pháp (như bản do Michel Le Guern biên tập [Paris, 1977]) lại ghi cụm từ nay là *Comminuentes cor* (làm tan nát trái tim tôi) vốn là lời của thánh Phaolô được ghi trong Tông đồ Công vụ 21:13.↩
170. Từ vở *Horace*, II, iii↩
171. *Latinh*, bạn bè xấu làm hư thói nết tốt (Kinh thánh Tin Lành, 1 Côrintô 15:33). Bản dịch Kinh thánh Công giáo thì hơi khác: Chơi với kẻ xấu, người tốt cũng ra xấu.↩
172. *Latinh*, Thứ mà nhờ tính ham biết của mình mà tìm thấy, người ta sẽ đánh mất bởi tính kiêu ngạo. (Thánh Augustinus, bài giảng 141)↩
173. *Latinh*, vốn... không dùng sự khôn ngoan mà nhận biết nên Thiên Chúa đã muốn dùng lời rao giảng điên rồ để cứu... (1 Côrintô 1:21). Pascal bỏ bớt chữ *credentes* (những người tin) ở cuối câu này.↩
174. Một người càng tốt hơn, nếu cho rằng nguyên nhân của tánh tốt này là do chính mình, thì càng trở nên xấu hơn. (Thánh Bernard xứ Clairvaux, *Sermones super cantica canticorum* [Những bài giảng về Bài hát của các bài hát], 84).↩
175. Khi đáng nhận lãnh những cú đánh hơn những nụ hôn, tôi không sợ, bởi tôi yêu. (*Sermones super cantica canticorum*, 84)↩
176. Bản Gutenberg và Adelaide đầu cho rằng Pascal chép nhầm cụm

từ *turbavit seipsum* (thỗn thức trong lòng và xao xuyến - Gioan 11:33) thành *turbare semetipsum*.↩

177. Máccô 14:34↩

178. *Latinh*, Eamus: Ta đi nào (Mátthêu 26:46); Processit: nên [Giêsu] tiến ra (Gioan 18:4)↩

179. *Latinh*, người nhớ bản hơn cả vũng lầy. Bản Kegan Paul cho rằng câu trên là do Pascal chép sai câu *Sus luta in volutabro luti* (heo tắm xong, heo nhảy vào bùn) trong 2 Phero 2:22↩

180. *Latinh*, Ông bà sẽ nên như những vị thần biết đi đâu thiện đi đâu ác. (Sáng thế 3:5)↩

181. *Latinh*, Đừng giữ Thầy lại. (Gioan 20:17)↩

182. Do ảnh hưởng từ chương 7, từ chương này đến hết dịch phẩm, hai bản Adelaide và Gutenberg tiếp tục đánh số lệch nhau một đơn vị. Bản Gutenberg kết thúc ở ý nghĩ 923, bản Adelaide ở ý nghĩ 924. Chúng tôi đánh số theo bản Adelaide.↩

183. *Latinh*, môn đệ thực, người Israen thực, tự do thực, bánh mì thực; mượn chữ từ Gioan 8:31 (Nếu các ông ở lại trong lời của tôi, thì các ông thật là môn đệ tôi), Gioan 1:47 (Đây đích thật là một người Israen, lòng dạ không có gì gian dối), Gioan 8:36 (nếu người Con có giải phóng các ông, thì các ông mới thực sự là những người tự do), và Gioan 6:32 (chính là Cha tôi cho các ông ăn bánh bởi trời, bánh đích thực)↩

184. *Latinh*, niềm phong lời giáo huấn ở giữa những người được chọn của ta. Câu này phỏng theo câu trong Isaia 8:16, nhưng Pascal viết *elect is* (người được chọn) thay vì *discipulis* (các môn đệ).↩

185. Máthêu 11:6↩
186. Gioan 7:27, "Ông ấy, chúng ta biết ông xuất thân từ đâu rồi; còn Đấng Kitô, khi Người đến thì chẳng ai biết Người xuất thân từ đâu cả." Gioan 12:34, "Vậy, dân chúng thưa Người: 'Chúng tôi đã học biết trong sách Luật rằng: Đấng Kitô phải trường tồn mãi mãi. Thế sao ông lại nói: Con Người phải được giương cao? Con Người đó là ai?'"↩
187. Gioan 12:40↩
188. Chuyện Tama có con được kể trong Sáng thế 38; chuyện Rút có con được kể trong Rút 4↩
189. *Latinh*, Ngài quả thật là Thiên Chúa ẩn mình (Isaia 45:15) ↩
190. *Latinh*, để khỏi làm hư hoại thập giá, có lẽ dựa theo *ut non evacuetur crux Christi* (để thập giá Đức Kitô khỏi trở nên vô hiệu - 1 Côrintô 1:17).↩
191. Isaia 43:9, "Cứ đưa ra nhân chứng và bào chữa cho mình"; và Isaia 44:8, "Chính các người là nhân chứng của ta. Hỡi có thần nào khác, hỡi có núi đá nào khác, ngoại trừ ta? Ta biết chắc là không."↩
192. Một cuốn sử Trung Hoa bằng tiếng Latinh đã ra đời năm 1658 (chú của bản Gutenberg). William Poole, tại <https://www.bl.uk/ebli/2015articles/pdf/ebliarticle92015.pdf>, và Yves Camus, tại [http://www.ricci.org/doc/monographs/1/Jesuits\\_Journeysjn\\_chinese\\_studies.pdf](http://www.ricci.org/doc/monographs/1/Jesuits_Journeysjn_chinese_studies.pdf), đều ghi nhận rằng Martino Martini xuất bản *Sinicae historiae decos prima res à gentis origine ad Christum natum in extrema Asia, sive Magno Sinarum Imperio gesta complexa* (Mười phần đầu của bộ sử Trung Hoa, những sự vụ ở Viễn Á từ lúc hình thành dân tộc này đến khi

Chúa ra đời, hoặc xung quanh sự xuất hiện đại đế quốc Trung Hoa) năm 1658 ở München. ↩

193. Chuyện này được Montaigne nhắc tới trong *Essais*, iii, 6 ↩

194. Lấy ý từ Gioan 5:31, "Nếu tôi làm chứng về chính mình, thì lời chứng của tôi không thật." ↩

195. Koran không đề cập cụ thể đến Thánh Mátthêu, chỉ nói khái quát rằng Mahomet xem các tông đồ của Giêsu là bậc thánh thiện (chú của bản Gutenberg và bản C. Kegan Paul). ↩

196. Bản Kegan Paul hoài nghi không biết Pascal có bằng chứng nào để nêu ra chi tiết này. ↩

197. Độ nhị luật 31:9-11, ghi: "Ông Môsê viết luật này và trao cho các tư tế... anh (em) phải đọc luật này trước toàn thể Ísraen, cho họ nghe." ↩

198. tức các tu sĩ Dòng Tên và người theo phái Molina (Molinist) (chú của bản Gutenberg). ↩

199. Đoạn in nghiêng thuộc Độ nhị luật 8:20 ↩

200. Isaia 56:6 ↩

201. Isaia 56:7 ↩

202. Phần người, hãy nói với con cái Ísraen: cách riêng, các người sẽ giữ các ngày sabát của ta, bởi vì đó là một dấu hiệu giữa ta và con cái các người qua mọi thế hệ, để người ta biết rằng chính ta là Đức Chúa, Đấng thánh hiến các người. ↩

203. Trang <http://www.penseesdepascal.fr/VIII/VIII1-approfondir.php> cho rằng bản Pháp ghi "Độ nhị luật 5:19" là sai, vì câu 5:19 này (Người không được trộm cắp) không có liên quan với mạch văn. Có lẽ

Pascal muốn trích Đệ nhị luật 5:15, vốn chép rằng "Người hãy nhớ người đã làm nô lệ tại đất Ai Cập, và Đức Chúa, Thiên Chúa của người, đã dang cánh tay mạnh mẽ uy quyền đưa người ra khỏi đó. Bởi vậy, Đức Chúa, Thiên Chúa của người đã truyền cho người cử hành ngày sabát", như thế có nhắc tới việc thoát khỏi Ai Cập.↩

204. Pascal nhắc lại ý trong Gieremia 23:7-8, “người ta không còn nói như sau nữa: “Nhân danh Đức Chúa hằng sống, Đấng đưa con cái Ísraen lên khỏi đất Ai Cập!", nhưng sẽ nói: "Nhân danh Đức Chúa hằng sống, Đấng đã đưa dòng dõi nhà Ísraen lên khỏi đất phương Bắc và khỏi mọi miền đất Người đã xua họ đến", và Isaia 43:18, "Các người đừng nhớ lại những chuyện ngày xưa, chớ quan tâm về những việc thuở trước."↩

205. Các người phải chịu cắt bì nơi bao quy đầu: đó sẽ là dấu hiệu giao ước giữa ta với các người.↩

206. Pascal gọi tới Giôsuê 5:5, "tất cả đám dân đó, khi ra khỏi Ai-cập, đầu đã chịu cắt bì; còn toàn thể đám dân sinh ở dọc đường, trong sa mạc, thì không."↩

207. Vậy anh em hãy cắt bì tâm hồn anh em và đừng cứng cổ nữa.↩

208. Pascal trích dẫn nhầm. Toàn văn câu Giêrêmia 4:4 là, "Hỡi người Giuđa và dân cư Giêrusalem, hãy cắt bì để thuộc về Đức Chúa, hãy cắt bì lòng dạ các người; nếu không, cơn giận của ta sẽ bùng lên như lửa. Vì những việc gian ác của các người, cơn giận ấy sẽ thiêu đốt mà không ai dập tắt được."↩

209. Chúng nói: "Chúng tôi ăn chay, sao Ngài không thấy, chúng tôi hãm mình, sao Ngài chẳng hay?" Nay, ngày ăn chay, các người vẫn lo kiếm lợi, vẫn áp bức mọi kẻ làm công cho mình (Isaia 58:3). Nay, các

người ăn chay để mà đôi co cãi vã, để nắm tay đánh đấm thật bạo tàn. Chính ngày các người muốn ăn chay để tiếng các người kêu thấu trời cao thăm, thì các người lại ăn chay không đúng cách (Isaia 58:4). ↩

210. Đoạn in nghiêng là thuộc câu Đệ nhị luật 30:20. ↩

211. Kinh Thánh bản Việt chuyển câu này (Hôsê 1:10) thành Hôsê 2:1, "Con cái Israen sẽ nhiều như cát biển, đong không xuể, đếm không hết. Tại chính nơi chúng đã được gọi: "Không-phải-dân-Ta", chúng sẽ được gọi: "Con cái của Thiên Chúa hằng sống." ↩

212. Đoạn in nghiêng thuộc câu Đệ nhị luật 32:21. ↩

213. Ta đã cho những kẻ không tỉnh vấn ta tìm thấy ra, Ta đã cho những kẻ không kiếm ta được gặp ta. Ta đã phán: “Này ta đây, này ta đây!” với dân tộc không kêu khẩn danh ta. ↩

214. Hạnh phúc thay dân nào được may mắn như vậy! Hạnh phúc thay dân nào được Chúa Trời làm Chúa! (Kinh Thánh bản Việt đánh số câu này là Thánh vịnh 144:15) ↩

215. Lễ lạt của các người, ta chán ghét khinh thường; hội hè của các người, ta chẳng hề thích thú. ↩

216. Isaia 6:1-3, "Đức Chúa phán thế này: 'Trời là ngai của ta, và đất là bệ dưới chân ta. Các người sẽ xây cho ta nhà nào, và nơi nào sẽ là chốn ta nghỉ ngơi? Tất cả những vật ấy, chính tay ta đã làm. Tất cả những vật ấy đều là của ta – sấm ngôn của Đức Chúa. Kẻ được ta đoái nhìn: đó là người nghèo khổ, người có tâm hồn tan nát, người nghe lời ta mà run sợ. Kẻ sát tế bò cũng là kẻ sát nhân, người hiến tế chiên cũng là người giết chó, kẻ dâng lễ phẩm lại là kẻ dâng máu heo, người dâng hương kính Đức Chúa lại là người thờ ngẫu tượng. Như thế, chúng đã chọn lấy đường lối cho mình, lòng chúng chỉ ưa thích

những đi ều ghê tởm."↩

217. Isaia 1:11, "Đức Chúa phán: 'Ng ần ấy hy lễ của các người, đối với ta, nào nghĩa lý gì? Lễ toàn thiêu chiên cừu, mỡ bê mập, ta đã ngấy. Máu bò, máu chiên dê, ta chẳng thêm!'"↩

218. Giêrêmia 6:20, "Ta cần chỉ nhũ hương từ Sôva đưa tới, cần chỉ cây sậy thơm từ đất xa đem về? Lễ toàn thiêu của các người chẳng làm đẹp lòng ta chút nào. Lễ hy sinh của các người không làm cho lòng ta vui thoả."↩

219. *Latinh*, Xin rủ lòng thương con (Thánh vịnh 9:14)↩

220. *Latinh*, trích từ *expectans expectavi Dominum* (Tôi đã hết lòng trông đợi Chúa - Thánh vịnh 40:2)↩

221. Dân ta hỡi, nghe đây ta phán dạy, này Ísraen, ta dẫn chứng tố người. Ta là Thượng Đế, là Chúa người thờ, ta chẳng trách cứ người về hy lễ; lễ toàn thiêu của người hằng nghi ngút trước mặt ta đêm ngày. Bò của người, ta nào có thiết; chiên của người, chẳng lẽ ta ham! Vì thú rừng là của ta hết thảy, cả ngàn muôn loài vật núi đ ồi. Mọi thứ chim trời, ta đều biết rõ, động vật nơi hoang dã thuộc về ta. Ta mà đói, ta đâu cần nói người hay, vì trái đất với mọi loài, chính ta làm chủ. Thịt bò há là thức ta ăn? Máu chiên há là đồ ta uống? Hãy tiến dâng Thiên Chúa lời tạ ơn làm hy lễ, giữ trọn đi ều khẩn nguyện cùng Đấng Tối Cao. (Kính Thánh bản Việt đánh số đoạn này là Thánh vịnh 50:7-14).↩

222. Mikha [chương] 6 gồm 16 câu trong đó Tiên tri Mikha mô tả Thiên Chúa kiện cáo và luận tội dân Israen, khiển trách thói gian trá của dân thành thị, và nghe lời Mikha cầu xin, Thiên Chúa chỉ dẫn cho dân Người cách trở về chính đạo.↩

223. bản Pháp ghi "I R. 15,22" tức "*Premier livre des Rois, xv, 22*" tương ứng với đoạn Samuen 1 15:22 trong Kinh Thánh bản Việt, với nội dung như sau: Samuen nói "Đức Chúa có ưa thích các lễ toàn thiêu và hy lễ như ưa thích người ta vâng lời Đức Chúa không? Này, vâng phục thì tốt hơn là dâng hy lễ, lắng nghe thì tốt hơn là dâng mỡ cừu." ↩
224. Vì ta muốn tình yêu chứ không cần hy lễ, thích được các người nhận biết hơn là được của lễ toàn thiêu. ↩
225. Quả thật, từ đông sang tây, danh ta thật cao cả giữa chư dân; và ở khắp nơi, người ta dâng lễ hy sinh và lễ vật tinh tuyền kính danh ta, bởi vì danh ta thật cao cả giữa chư dân... ↩
226. Này sẽ đến những ngày - sấm ngôn của Đức Chúa - ta sẽ lập với nhà Ísraen và nhà Giuđa một giao ước mới. ↩
227. Có lẽ trích từ Êdêkien 20:25, nguyên văn Latinh là "*Ergo et ego dedi eis praecepta non bona, et judicia in quibus non vivent*", bản Việt là "Hơn nữa, chính ta cũng ban cho chúng các quy tắc bất hảo và những phán quyết khiến chúng không thể dựa vào đó mà sống được." Pascal thay từ *praecepta* (giáo luật, quy tắc) bằng *mandata* (mệnh lệnh). ↩
228. Người phán như sau: "Các người đừng nhớ lại những chuyện ngày xưa, chớ quan tâm về những việc thuở trước. Này ta sắp làm một việc mới, việc đó mạnh mẽ rồi, các người không nhận thấy hay sao? Phải, ta sẽ mở một con đường giữa sa mạc, khơi những dòng sông tại vùng đất khô cằn." ↩
229. Này đây ta sáng tạo trời mới đất mới, không còn ai nhớ đến thuở ban đầu và nhắc lại trong tâm trí nữa. Nhưng thiên hạ sẽ vui mừng và

luôn mãi hỷ hoan vì những gì chính ta sáng tạo. Phải, này đây ta sẽ tạo Giêrusalem nên nên hoan hỷ và dân ở đó thành nỗi vui mừng. ↩

230. Ta sẽ cho các người những mục tử đẹp lòng ta; chúng sẽ không ngoan sáng suốt chặn dắt các người. Khi các người tăng số và phát triển trong xứ, thì lúc ấy - sấm ngôn của Đức Chúa - người ta sẽ không còn nói đến Hòm Bia của Đức Chúa nữa, không còn lưu tâm, không nhớ tới, chẳng nuối tiếc, cũng chẳng làm lại nữa. ↩

231. Vậy các người hãy đi đến Silô, nơi đã một thời thuộc về ta, nơi ta đã lưu ngụ thuở ban đầu. Hãy xem: vì tội ác của dân ta là Ísraen, ta đã làm gì cho nơi ấy. Bởi vì các người đã làm tất cả những việc ấy – sấm ngôn của Đức Chúa - và bởi vì ta đã không ngừng nói với các người mà các người chẳng thêm nghe, ta gọi các người, các người chẳng trả lời, nên giờ đây, ta sẽ đối xử với Đền thờ này, nơi danh ta được kêu khẩn, nơi các người tin tưởng, nơi mà ta đã ban cho các người cũng như cho tổ tiên các người, ta sẽ đối xử với nó như đã đối xử với Silô. ↩

232. Aharon, anh Môsê, được phong tư tế (Xuất hành 28:1); còn Menkixêđê là vua thành Salem và là thầy tư tế của Thiên Chúa tối cao (Sáng thế 14:18). ↩

233. Latinh, Đức Chúa phán (Thánh vịnh 110:1). Kinh Thánh bản Việt dịch là “Sấm ngôn của Đức Chúa”. ↩

234. Thánh vịnh 110:4, "Muôn thuở, Con là Thượng tế theo phẩm trật Menkixêđê." ↩

235. Các người sẽ lưu lại tên mình, và những kẻ ta chọn sẽ dùng nó làm lời nguyện rửa: "Xin Đức Chúa là Chúa Thượng vật chết người đi!" Còn các tội tớ của ta, chúng sẽ được gọi bằng một tên khác. ↩

236. Ta sẽ cho tên tuổi chúng trường tồn, không bao giờ bị ai xoá bỏ. ↩
237. Lấy ý từ Hôsê 3:4, "Vì quả thật, trong một thời gian dài, con cái Israen sẽ không có vua, không thủ lãnh, không hy lễ cũng chẳng có trụ thần, chẳng có êphốt và toraphim." ↩
238. Các quy luật ấy có suy suyển trước mặt ta - sấm ngôn của Đức Chúa - thì Ísraen mới hết là một dân tộc trường tồn trước mặt ta. ↩
239. Can đảm lên, chúng ta hãy tỏ ra can đảm vì dân chúng ta và vì các thành của Thiên Chúa chúng ta! ↩
240. *Latinh*, Ta sẽ lập giao ước của ta giữa ta với người, giao ước vĩnh cửu... do đó ta sẽ là Thiên Chúa của người. ↩
241. *Latinh*, Phần người, hãy giữ giao ước của ta. (Sáng thế 17:9) ↩
242. Điều này được thuật tại Gioan 8:56, "ông Ápraham là cha các ông đã hớn hờ vui mừng vì hy vọng được thấy ngày của tôi. Ông đã thấy và đã mừng rỡ." ↩
243. *Latinh*, Lạy Đức Chúa, con trông chờ ơn Ngài cứu độ! (Sáng thế 49:18) ↩
244. Luật được khắc trên mười hai tấm bảng đồng đặt ở quảng trường tại Roma khoảng năm 451-450 trCN để dân tham khảo và biết quyền của mình. Tuy nhiên, không có tài liệu nào cho thấy có những bảng như thế ở Athênai, nhưng có tài liệu ghi nhận rằng hội đồng soạn thảo 12 bảng này có cử người sang Athênai để tìm hiểu luật của Hy Lạp. ↩
245. Flavius Josephus, học giả gốc Do Thái, phục vụ La Mã, viết bằng tiếng Latinh, với hai tác phẩm quan trọng, *Antiquitates Judaicae* (khoảng năm 93 CN, Chuyện xưa của dân Do Thái), và *Contra Apionem* (Phản bác Apion), trình bày lịch sử và văn hóa Do Thái,

chứng tỏ nó vượt trội so với văn minh Hy Lạp.↩

246. Một trong ba người con của Nôê.↩

247. Xem mục 711.↩

248. Quả táo do nữ thần Eris thả giữa bàn tiệc. Ba nữ thần tranh nhau và Zeus đã giao cho Páris, hoàng tử thứ hai của thành Troia, phân xử.↩

249. Tương truyền rằng những lời tiên đoán của các nữ tiên tri La Mã cổ được ghi lại trong ba cuốn sách tại Roma, rồi Tarquinius Superbus mua lại từ nữ tiên tri thành Erythræ. Trismégistos là tên gọi bằng tiếng Hy Lạp cho thần Thoth của Ai Cập, vị thần được xem là thần tạo dựng văn hóa Ai cập, thần của tôn giáo, chữ viết, nghệ thuật, và khoa học. Các tu sĩ Ai Cập có 42 thánh thư được cho là của thần.↩

250. *Latinh*, Ai sẽ cho tôi toàn ngôn sứ? (câu này gọi tới Dân số 11:29, "Quis tribuat ut omnis populus prophetet" [Phải chi Đức Chúa cho toàn dân của Chúa là ngôn sứ.])↩

251. Gọi tới Dân số 11:14, "Một mình con không thể gánh cả dân này được nữa."↩

252. Một nhóm chiến binh Do Thái, do anh em nhà Macabê chỉ huy, nổi loạn chiếm Giuđê, chống lại cuộc đàn áp đạo Do Thái và áp đặt văn hóa Hy Lạp của vua Antiôkhô [Antiochos].↩

253. Các nhóm học giả Do Thái xây dựng hệ thống quy tắc và nguyên lý (được gọi là *Masorah*) để bảo toàn tính chân xác cho văn bản Kinh Thánh Hebrew.↩

254. Gọi tới Isaia 30:8, "người hãy viết điếu ấy trên một tấm bảng, và ghi vào hồ sơ, để lưu lại mai sau làm bằng chứng đến muôn đời."↩

255. Nghĩa là, dân Do Thái chân thành bảo tồn Kinh Thánh dù trong đó ghi lời nguyền lên án dân tộc họ, và họ sẵn sàng chết để giữ gìn kinh sách ấy, như nhà Macabê.↵
256. tức Sách Étra trong Kinh Thánh.↵
257. Nhóm 70 này dịch Kinh Thánh Hebrew sang tiếng Hy Lạp nhưng công trình của họ lại thường được gọi theo tên gọi Latinh là Septuaginta, hoặc viết tắt thành con số La Mã LXX (cả số lẫn tên gọi đều có nghĩa là *Bảy mươi*)↵
258. *Latinh*, ông ta (Nôê) có thể tái tạo lại, dưới sự soi dẫn của Chúa Thánh linh, sau khi đã bị hủy hoại bởi sự dữ dội của cơn đại hồng thủy, như, sau vụ phá hủy Jerusalem do trận đột kích của dân Babylon, người ta thường nhất trí rằng mọi tài liệu kinh văn Do Thái đã được khôi phục qua Étra. (trích trong *De cultu feminarum* [Về trang phục phụ nữ], quyển I, chương 3)↵
259. Từ *Ekklesiastikēs historías* (Lịch sử giáo hội), quyển V, chương 8 của Eusébios.↵
260. Sđd, quyển in, chương 25.↵
261. *Latinh*, Thiên Chúa được vinh hiển, và Kinh Thánh được công nhận thực sự thần thánh, bởi tất cả đều diễn tả cùng một điều bằng cùng những từ ngữ và cùng những tên gọi, từ đầu cho tới cuối, cốt để ngay cả dân ngoại đã có mặt biết rằng Kinh Thánh được dịch bởi sự soi dẫn của Thiên Chúa. Và không có gì làm lạ khi Thiên Chúa đã làm điều này, bởi khi Kinh Thánh bị hủy hoại trong thời kỳ dân bị câu thúc dưới triều vua Nabucôđônôso [*Pháp*, Nabuchodonosor; Anh, Nebuchadnezzar; *Hebrew*, Nebūkhadnatssar], và người Do Thái đã quay trở lại vùng đất của họ sau bảy mươi năm, sau đó là thời

Áctácsátta [*Ba Tư*, Artaxsaça; *Anh*, Artaxerxes; *Pháp*, Artaxerxes], vua Ba Tư, Ngài soi sáng Étra, thầy tư tế của chi tộc Levi, nhằm khôi phục lại những lời của các nhà tiên tri đã đi trước đó, và khôi phục cho dân luật được đưa ra bởi Môsê. (Đoạn này Pascal lấy từ *Ekklesiastikēs historías*, quyển V, chương 8, câu 14, và dịch sang tiếng Latinh).↩

262. Vua Átsua mới truyền lệnh sau đây: "Hãy đưa một trong những tư tế mà ta đã cho đi đày, trở lại đó; tư tế ấy phải đến định cư ở đó và dạy họ biết cách tôn thờ vị thần của xứ."↩

263. 2 Etra 14 kể rằng Chúa hiện ra với Etra trong một bụi rậm, và ra lệnh cho ông tập hợp dân chúng và truyền lại thông điệp. Étra đáp rằng sách luật đã bị đốt. Nên Chúa bảo ông tìm năm nhà luật học và trong bốn mươi ngày ông đọc cho họ chép lại bộ luật cổ." Câu chuyện này bất đồng với nhiều đoạn văn trong các sách tiên tri, và do đó bị Công đồng Trent loại khỏi hệ sách thánh.↩

264. tức *Pugio Fidei Raymundi Martini Ordinis Prasdicatorum Adversus Mauros etJudæos* (Raymundi Martini, Dòng Anh em giảng thuyết, lưỡi dao đức tin của ông chống lại dân Moors và Do Thái) của Raimundo Marti.↩

265. *Latinh*, Nếu bạn muốn↩

266. *Latinh*, Vào ngày nào đó↩

267. Qabbala (*Pháp*, Caballe; *Anh*, Kabbala), nghĩa đen là "truyền thống đã nhận", là học thuyết thần bí của người Do Thái được áp dụng để lý giải và tìm các ẩn nghĩa trong Kinh Thánh.↩

268. *Latinh*, Vậy, để các ông biết..., Con Người có quyền tha tội,... Ta truyền cho con: 'Hãy đứng dậy...' (Mácô 2:10-11)↩

269. nơi thư thái (*lieu de repos*), nghĩa đen là đất hứa, nghĩa bóng là

nước trời. ↩

270. Câu này được chép ở Mátthêu 24:34 và Luca 21:32 ↩

271. Sử biên niên II 1:14 chép: Vua Salômôn tập trung xe và ngựa, xe có một ngàn bốn trăm cỗ và ngựa có mười hai ngàn con. Vua để chúng ở các thành có xe bên cạnh vua tại Giêrusalem." Pascal muốn nói hai chủ từ của hai câu trên nói về cùng một nhân vật, nhưng bằng lý sự cùn, hoặc lý luận hình thức, ta có thể bảo đó là hai nhân vật khác nhau. ↩

272. Trang <http://www.penseesdepascal.fr/Figures/Figuresl-appfondir.php> dẫn nhiều tác giả luận giải rằng các hình tượng trên đều song trùng: luật kép là luật của Môsê và luật của Giêsu; bia đá luật lệ kép là bia chứng ước được Thiên Chúa ban cho Môsê và bản sao do ông làm sau khi đã nóng giận đập vỡ bộ bia thứ nhất; đền thờ kép là đền thờ vật chất và đền thờ biểu thị bằng thân xác Giêsu (đền thờ có thể xây lại được trong ba ngày) hoặc đền thờ ở Giêrusalem vốn được xây hai lần trước khi Giêsu ra đời; kiếp cùm tù kép có thể là giai đoạn dân Do Thái bị cùm tù ở Babylon và kiếp lưu vong sau khi người La Mã phá hủy đền thờ của họ, một cảnh lưu vong kéo dài đến tận thời của Pascal. Tuy nhiên, đây chỉ là những nỗ lực lý giải và còn nhiều tranh cãi. ↩

273. Pascal gợi tới Luca 14:12, "Rồi Đức Giêsu nói với kẻ đã mời Người rằng: 'Khi nào ông đãi khách ăn trưa hay ăn tối...'" ↩

274. theo bản dịch ở trang <http://www.abbaye-saint-benoit.ch/saints/bernard/tome02/homelie/missus/missus04.htm>: "la parole ne diffère point de l'intention, parce qu'il est vérité, non plus que l'acte ne diffère de la parole, parce qu'il est la puissance, et que la manière ne diffère de l'acte parce qu'il est sagesse" ↩

275. Còn về ngày hay giờ đó thì không ai biết được, ngay cả các thiên sứ trên trời hay người Con cũng không (Mácô 13:32 và Máthêu 24:36)↩
276. Trích từ *De Genesi contra Manichaeos* (Về Sáng thế ký, phản bác Mani giáo), quyển i, chương 23, của Thánh Augustinus↩
277. *Latinh*, Adam là hình ảnh Đấng sẽ tới. (Rôma 5:14)↩
278. Chuyện này được ghi trong Xuất hành 2:11-14↩
279. Gọi tới Máthêu 6:23, “Vậy nếu ánh sáng nơi anh lại thành bóng tối, thì tối biết chừng nào!”↩
280. *Latinh*, (lớp anh hùng) mê mệt ngủ say (Thánh vịnh 76:6)↩
281. *Latinh*, Bộ dạng thế gian này. (I Côrintô 7:31)↩
282. *Latinh*, ăn bánh [của mình], (ý của Đệ nhị luật 8:9, "anh em sẽ ăn bánh mà không bị hạn chế")↩
283. *Latinh*, lương thực của chúng tôi (ý của Luca 11:3, "xin Cha cho chúng con ngày nào có lương thực ngày ấy")↩
284. *Latinh*, quân thù của ngài phải liếm đất (Thánh vịnh 72:9)↩
285. *Latinh*, với rau đắng (ý được nhắc tới trong Xuất hành 12:8)↩
286. *Latinh*, còn con đây thì được thoát khỏi (Thánh vịnh 141:10)↩
287. *Latinh*, kẻ cực mạnh, gọi tới Thánh vịnh 45:4, "Bảo kiếm hãy đeo lưng, này kiện tướng"↩
288. Có lẽ ám chỉ đi đầu Ngài tuyên bố cấm và đi đầu Ngài đã để mặc mà không có sự cấm đoán chung.↩
289. Mượn ý từ Gioan 6:32, “Đức Giêsu đáp: ‘Thật, tôi bảo thật các ông, không phải ông Môsê đã cho các ông ăn bánh bởi trời đâu.’”↩

290. Mượn ý từ Luca 10:42, "Chỉ có một chuyện cần thiết mà thôi. Maria đã chọn phần tốt nhất và sẽ không bị lấy đi." ↩
291. Mượn ý từ Diễm ca 4:5, "Bộ ngực khác nào cặp nai tơ, cặp nai sinh đôi của nai mẹ." ↩
292. Gợi tới Rôma 6:20, "Khi còn là nô lệ tội lỗi, anh em được tự do không phải làm điều công chính" và Rôma 8:14-15, "Phàm ai được Thần khí Thiên Chúa hướng dẫn, đầu là con cái Thiên Chúa. Phán anh em, anh em đã không lãnh nhận Thần khí khiến anh em trở thành nô lệ và phải sợ sệt như xưa." ↩
293. Về việc cắt bì, xin xem Công vụ Tông đồ 15, Sáng thế 17:10, và Lêvi 12:3. ↩
294. *Latinh*, Hãy nhìn xem và làm theo mẫu đã chỉ cho người trên núi. (Xuất hành 25:40) ↩
295. Việc cấm kết hôn được nói tới tại I Timôtê 4:3, và Phao lô trả lời khéo léo với tín hữu Côrintô tại I Côrintô 7. ↩
296. Theo Do Thái 8:5, "Thánh điện này chỉ là hình ảnh lu mờ mô phỏng thánh điện trên trời." ↩
297. *Latinh*, Vây, để các ông biết... Ta truyền cho con: 'Hãy đứng dậy...'" (Mácô 2:10-11) ↩
298. Isaia 51:10, "Chẳng phải chính Ngài đã làm khô biển cả, tát cạn nước đại dương, vạch dưới lòng biển sâu một con đường cho đoàn người được chuộc về có lối băng qua đó sao?" ↩
299. *Latinh*, người Israel thực, tự do thực ↩
300. Mượn ý từ Luca 24:26, "Nào Đấng Kitô lại chẳng phải chịu khổ hình như thế, rồi mới vào trong vinh quang của Người sao?" ↩

301. *Latinh*, những người thờ phượng đích thực (Gioan 4:23) ↩
302. *Latinh*, Đây là Chiên Thiên Chúa, đây Đấng xoá bỏ tội tr ần gian. (Gioan 1:29) ↩
303. *Latinh*, Không gì nham hiểm và bất trị như lòng người, ai dò thấu được? (Giêrêmia 17:9) ↩
304. *Latinh*, Ta là Đức Chúa (Giêrêmia 17:10) ↩
305. *Latinh*, Ta sẽ đối xử với Đ ền Thờ này (Giêrêmia 7:14) ↩
306. *Latinh*, Ta đã chẳng nói gì với chúng, (Giêrêmia 7:22) ↩
307. *Latinh*, có bao nhiêu (chữ mượn từ Giêrêmia 11:13, "Vì Giuđa h ời, người có bao nhiêu thành là có bấy nhiêu th ần" ↩
308. Trích từ II Côrintô 3:6, "Vì chữ viết thì giết chết, còn Th ần khí mới ban sự sống." ↩
309. Trích từ Gioan 8:36 ↩
310. Mượn ý từ Gioan 6:35, Đức Giêsu bảo họ: 'Chính tôi là bánh trường sinh'" ↩
311. *Latinh*, Con Chiên đã bị giết từ thuở tạo thiên lập địa (cụm từ trong Khải huy ền 13:8) ↩
312. *Latinh*, lễ tế thường tiến (cụm từ trong Đanien 8:11, 11:31 và 12:11). ↩
313. *Latinh*, Bên hữu Cha đây, Con lên ngự trị (Thánh vịnh 110:1) ↩
314. *Latinh*, thật giận dữ ↩
315. Cụm từ trong Xuất hành 20:5 ↩
316. *Latinh*, Vì ngài đã gia cố khung cửa (Mượn lời trong Thánh vịnh

147:13, "Then cửa nhà người, Chúa làm cho thêm chắc")↩

317. Trong hệ chữ Semitic, *mem* là chữ thứ 13. Một số mẫu tự Hebrew có thể viết theo hai kiểu, kiểu đóng và kiểu mở.↩

318. chữ cái thứ 18 trong hệ chữ Semitic↩

319. chữ cái thứ 8 trong hệ chữ Semitic↩

320. Ploutarkhos, trong *Ds defectu oroculorum* (Về sự lỗi thời của những sấm truyền), chương 17, kể rằng một thủy thủ nọ, tên Thamus, được một tiếng nói lạ ra lệnh cho anh ta, khi cập bến, phải thông báo cho mọi người biết, Thần Pan Vĩ đại đã chết và anh ta đã làm vậy.↩

321. *Latinh*, Họ đón nhận lời Chúa với tất cả nhiệt tâm, ngày ngày tra cứu Sách Thánh để xem có đúng như vậy không. (Công vụ tông đồ 17:11)↩

322. *Latinh*, Hãy đọc những lời tiên tri. Thấy đi đâu được ứng nghiệm. Ngẫm nghĩ về việc phải làm.↩

323. Có lẽ gọi tới Sáng thế 49:10, "gậy chỉ huy sẽ không là đầu gối nó."↩

324. Có lẽ gọi tới Đanien 2:40, "Còn vương quốc thứ tư vững như sắt. Cũng như sắt nghiền nát và đập tan tất cả vương quốc đó."↩

325. Con số được ghi trong Đanien 9:24, tượng trưng cho 70 năm lưu đày ở Babylon.↩

326. Trích từ Isaia 29:11-14↩

327. Hugo Grotius, hoặc Hugo de Groot, nhà luật học Hà Lan, tác giả của cuốn *De veritate religionis Christianae* (Về chân lý của đạo Thiên Chúa), trong đó có bàn tới thời điểm Đấng thiên sai xuất hiện qua lời các tiên tri.↩

328. Theo Josephus, thượng tế Jaddus chỉ cho Aléxandros một đoạn trong sách Đaniên tiên đoán rằng một vị vua Hy Lạp sẽ phá hủy đế chế Ba Tư, và Alexandras thờ kính Chúa của dân Do Thái. [↩](#)
329. *Latinh*, Chúng tôi không có vua nào cả, ngoài Xêda. (Gioan 19:15) [↩](#)
330. Sách Đaniên chỗ này ghi là "tay người phàm". [↩](#)
331. Sử gia La Mã không rõ lai lịch, có công soạn tóm tắt cho bộ sử *Liber Historiarum Philippicarum* đồ sộ của Trogus Pompeius. [↩](#)
332. Hai đoạn trong ngoặc đơn này không có trong sách Khácgai mà chỉ là bình luận của Pascal. Ông vẫn thường làm vậy ở những chỗ khác. [↩](#)
333. Scilo (còn được viết là *Silo*, *Siloh*, và *Schiloh*...): một tên gọi mà cách giải thích còn nhiều tranh cãi. Trang <http://www.penseesdepascal.fr/xn/xni-approfondir.php> ghi nhận cách giải thích thường gặp là, "tên gọi khác cho Đấng Thiên sai", và "tên gọi cho người sẽ được phái tới để nắm vương quyền". [↩](#)
334. Theo trang <http://www.penseesdepascal.fr/XVI/XVI1-approfondir.php>, chữ này đi từ "aenigma" trong Êdêkien 17:2, nghĩa là "câu đố" hoặc "lời bóng bẩy khó hiểu". [↩](#)
335. ý này không có trong Thánh vịnh 39. [↩](#)
336. Ý này không rõ trong thánh vịnh 108:8, nhưng có trong Isaia 53:3. [↩](#)
337. Ý này được nói rõ hơn ở Máccô 14:65. [↩](#)
338. câu Thánh vịnh này không nói gì tới việc sống lại, mà chỉ nói "Vì Chúa chẳng đành bỏ mặc con trong cõi âm ty". Câu này được giải

thích là: Giêsu nói câu này như một người phàm thừa với Chúa Cha.↩

339. Ý này cũng được ghi ở Thánh vịnh 72:11, trong khi câu Isaia 60:14 trên được cho là nói về thành Giêrusalem chứ không phải Đấng Thiên sai.↩

340. Không rõ Pascal ám chỉ chương nào câu nào trong sách Amốt.↩

341. Ý của cả đoạn này lấy từ Hôsê 1:9 và Hôsê 2:1 (theo bản dịch Kinh thánh Công giáo)↩

342. Ý từ Giêrêmia 31:34.↩

343. Ý từ Giêôên 3:1.↩

344. Ý được lấy từ Isaia 5:2↩

345. *Latinh*, một dân không vâng lời và ngỗ nghịch (Rô ma 10:21)↩

346. Đệ nhị luật 28:28-29↩

347. *Latinh*, Chúng đã đâm thấu↩

348. *Latinh*, khỏi mọi tội ác họ làm. (Thánh vịnh 130:8)↩

349. *Latinh*, Anh em sẽ mò mẫm giữa trưa (Đệ nhị luật 28:29).↩

350. *Latinh*, Họ đưa cho một người biết đọc, bảo y: Đọc sách này đi, và y đáp: Tôi không đọc được. (Mượn ý từ Isaia 29:11)↩

351. *Latinh*, Ai chắc tôi rằng (Gióp 19:23)↩

352. *Latinh*, Tôi biết rằng Đấng bệnh vực tôi vẫn sống. (Gióp 19:23)↩

353. Hai nhân vật này đều có tên trong phả hệ của vua Davit, tức tiên nhân của Giêsu.↩

354. Luca 22:40↩

355. *Latinh*, một khi anh đã trở lại hãy làm anh em của mình vững mạnh. (Luca 22:32)↩
356. *Latinh*, Giê su quay lại nhìn Phêrô. (Luca 22:61)↩
357. *Latinh*, (Hãy) cho mắt nó mù. (Isaia 6:10)↩
358. Trang <http://www.penseesdepascal.fr/Propheties/Propheties16-appro-fondir.php> cho rằng Pascal viết nh ầm *Hy Lạp* (Grecs) thay vì *Do Thái* (Juifs)↩
359. *Latinh*, ông là người phạm mà lại tự cho mình là Thiên Chúa. (Gioan 10:33)↩
360. *Latinh*, đã chẳng có chép lời này sao: các người là những bậc th ần thánh? (Gioan 10:34 và Thánh vịnh 82:6)↩
361. *Latinh*, mà lời Kinh Thánh không thể bị huỷ bỏ. (Gioan 10:35)↩
362. Câu *Latinh* trên là trong bản Anh dịch, có nghĩa là "Bệnh này không sống được và nó sẽ chết" và không cho biết ngu ồn gốc của câu này. Trang <http://www.penseesdepascal.fr/XXVI/XXVI1-approfondir.php> lại cho rằng câu này là *Haec infirmitas non est ad mortem et est ad mortem* (với chữ **et** không in nghiêng, chúng tôi in đậm để dễ nhìn). Trong đó, đoạn đầu trích từ Gioan 11:4, "Bệnh này không đến nỗi chết đâu" và đoạn sau (*est ad mortem*, sẽ chết đấy) là khẳng định ngược lại của Pascal↩
363. *Latinh*, Ladarô đang yên giấc. (Gioan 11:11)↩
364. *Latinh*, Bây giờ Người mới nói rõ: Ladarô đã chết. (Gioan 11:14)↩
365. *Latinh*, bảo kiếm, kẻ mạnh nhất, mượn ý từ "Bảo kiếm hãy đeo lưng, này kiện tướng." (Thánh vịnh 45:4)↩

366. Một số tác giả, xem bản thảo viết tay, cho rằng Pascal viết “sa vie” (cuộc đời của Ngài), trang <http://www.penseesdepascal.fr/XXIV/XXIV3-approfondir.php> cho rằng đó là “le vice” (thối xấu), và luận giải thêm rằng, nhất là thói chai sạn lòng dạ. ↩
367. *Latinh*, Khi vào trần gian (Do Thái 10:5) ↩
368. Mượn từ Máccô 13:2, Giêsu nói về việc đền thờ Giêrusalem bị phá hủy: "Anh nhìn ngắm công trình vĩ đại đó ư? Tại đây, sẽ không còn tảng đá nào trên tảng đá nào; tất cả đều sẽ bị phá đổ." ↩
369. Chuyện này được kể trong Sáng thế 40. ↩
370. Đoạn này Pascal không dẫn tới đoạn nào trong Kinh Thánh mà chỉ dùng các hình tượng trong đó, như việc phá hủy đền thờ ở Giêrusalem, hay việc giết đứa con thừa tự (trong một dụ ngôn được kể tại Máccô 12:7-8, "Nhưng bọn tá điền ấy bảo nhau: 'Đứa thừa tự đây rồi! Nào ta giết quách nó đi, và gia tài sẽ về tay ta.' Thế là họ bắt cậu, giết chết rồi quăng ra bên ngoài vườn nho.) ↩
371. Kélsos [*Pháp*, Celse; *Anh*, Celsus] triết gia Hy Lạp thế kỷ II phê phán đạo Thiên Chúa buổi đầu qua tác phẩm *Logos alēthēs* (Về giáo thuyết đích thực) nhưng đã thất bại. Đời sau biết đến tác phẩm này qua *Kata Kelsou* (Phản bác Kélsos) của Ôrígénēs Adamantios. ↩
372. *Latinh*, Ta sẽ đổ thần khí ta trên hết thầy người phàm (Giôên 2:28; hoặc Giôên 3:1 theo bản Kinh Thánh Công giáo) ↩
373. *Latinh*, Muôn dân sẽ về phủ phục (Thánh vịnh 86:9) ↩
374. *Latinh*, Thật quá ít... Từ Isaia 49:6, "Nếu người chỉ là tôi trung của ta để tái lập các chi tộc Giacóp, để dẫn đưa các người Ísraen sống sót trở về thì vẫn còn quá ít." ↩

375. *Latinh*, Con cứ xin [ta]... (Thánh vịnh 2:8)↩
376. *Latinh*, Mọi quân vương phủ phục (Thánh vịnh 72:11)↩
377. *Latinh*, Bọn chứng nhân giả dối (Thánh vịnh 35:11)↩
378. *Latinh*, nó cứ đưa má cho kẻ tát (Ai ca 3:30)↩
379. *Latinh*, Thay vì đồ ăn, chúng trao mật đắng (Thánh vịnh 69:22)↩
380. *Sáng thế* 12:3↩
381. *Sáng thế* 22:18↩
382. *Latinh*, ánh sáng soi đường cho dân ngoại (Luca 2:32)↩
383. *Latinh*, Chúa không đối xử với muôn dân như vậy. (Thánh vịnh 147:20)↩
384. *Latinh*, Tất cả anh em, hãy uống chén này (Mattheu 26:27)↩
385. *Latinh*, vì đó mà mọi người phạm tội (Rôma 5:12)↩
386. *Latinh*, Hỡi đoàn chiên nhỏ bé, đừng sợ. (Luca 12:32)↩
387. *Latinh*, lòng run [và] sợ (Philipphe 2:12)↩
388. *Latinh*, R ồi sao?↩
389. Đoạn đầu (Đừng sợ hãi, miễn là ngươi sợ hãi) diễn dịch câu “Ne timeas modo timeas”. Đoạn còn lại là ý tưởng trái ngược của Pascal.↩
390. *Latinh*, ai tiếp đón Thầy, thì không phải là tiếp đón Thầy, nhưng là tiếp đón đấng đã sai Thầy. (Mácô 9:37)↩
391. *Latinh*, Không ai biết, kể cả Con. (Mácô 13:32)↩
392. *Latinh*, đám mây sáng ngời bao phủ (Mátthêu 17:5)↩
393. *Mượn ý từ* Luca 1:17.↩

394. Mượn ý từ Mátthêu 10:35.↩
395. Pelagianism: thuyết thần học của tu sĩ người Anh Pelagius. Những người theo thuyết này tin rằng tội lỗi nguyên thủy không làm hỏng bản chất con người và ý chí ở mức độ nào đó vẫn có khả năng lựa chọn đi đâu tốt hay xấu mà không cần sự trợ giúp mang tính thần thánh.↩
396. Calvinism: Hệ thống thần học và phương pháp áp dụng đức tin vào nếp sống Thiên Chúa giáo, đặt trọng tâm vào quyền tể trị của Thiên Chúa, làm nổi bật ân điển cứu chuộc của Ngài.↩
397. *Latinh*, Mọi người từ khắp Giuđê và thành Giêrusalem [kéo đến] và ông làm phép rửa. (Mácô 1:5)↩
398. Mượn ý từ Mátthêu 3:9; và Luca 3:8↩
399. *Latinh*, mà nó trở lại và được chữa lành (Isaia 6:10), tương tự như ý trong Mattheu 13:15, “lòng hiểu được mà hoán cải, và rồi ta sẽ chữa chúng cho lành”.↩
400. *Latinh*, trở lại và được ơn tha thứ (Macco 4:12)↩
401. *Latinh*, Này bạn, bạn đến đây làm gì? (Mattheu 26:50)↩
402. Mattheu 22:12, “Này bạn, làm sao bạn vào đây mà lại không có y phục lễ cưới?”↩
403. Lấy ý từ I Côrintô 15:55, "Hỡi tử thần, đâu là chiến thắng của ngươi?"↩
404. Luca 9:24-25. Ta gặp ý tương tự ở Gioan 12:25, "Ai yêu quý mạng sống mình, thì sẽ mất; còn ai coi thường mạng sống mình ở đời này, thì sẽ giữ lại được cho sự sống đời đời."↩
405. Lấy ý từ Mátthêu 5:17.↩

406. Gợi tới Gioan 1:29, "Đây là chiên Thiên Chúa, đây đáng xoá bỏ tội trần gian".↩
407. Gợi tới Gioan 8:36, "nếu người Con có giải phóng các ông, thì các ông mới thực sự là những người tự do."↩
408. *Latinh*, Sao chư dân lại ồn ào náo động... vua chúa trần gian... chống lại đáng đã được xúc dầu. (Thánh vịnh 2:1-2)↩
409. Các vua 19:18.↩
410. *Latinh*, một thánh điện và một hòn đá làm cho vấp (Isaia 8:14)↩
411. Cái chết này được tả trong Công vụ Tông đồ 7:58.↩
412. Việc này được ghi lại ở Macc 9:39, “không ai lấy danh nghĩa Thầy mà làm phép lạ, rồi ngay sau đó lại có thể nói xấu Thầy.”↩
413. Mượn ý từ Luca 10:20, "anh em chớ mừng vì quỷ thần phải [chịu] khuất phục [trước] anh em, nhưng hãy mừng vì tên anh em đã được ghi trên trời."↩
414. *Latinh*, chúng tôi biết: Thầy là một vị tôn sư được Thiên Chúa sai đến. Quả vậy, chẳng ai làm được những dấu lạ Thầy làm, nếu Thiên Chúa không ở cùng người ấy. (Gioan 3:2)↩
415. *Latinh*, Giả như thầy không làm...họ đã không có tội. (Gioan 15:24)↩
416. Chuyện Giêsu biến nước thành rượu, theo Gioan 2:1-11↩
417. Chuyện này được kể ở Gioan 4:7-19.↩
418. Chuyện này được kể ở Gioan 4:46-54. Luca 7 và Mátthêu 8 cũng kể về các phép lạ của Giêsu.↩
419. Francois Vatable, học giả Pháp nghiên cứu về Hy Lạp cổ và tiếng

Hebrew, mất năm 1517. Năm 1539, Robert Etienne công bố một bản Kinh Thánh bằng tiếng Latinh với tên Vatable là dịch giả, trong đó Etienne in thêm nhiều chú thích ký tên Vatable nhưng thực ra là mượn từ nhiều tác giả khác nhau. Bản Kinh Thánh này, dù vậy, vẫn được gọi là bản Vatable.↩

420. *Latinh*, Nước nào tự chia rẽ (từ Matthew 12:25 và Luke 11:17).↩

421. *Latinh*, Nếu tôi dùng ngón tay của Thiên Chúa... triều đại Thiên Chúa đã đến giữa các ông. (Luca 11:20)↩

422. Phái ly giáo trong Giáo hội Carthage từ thế kỷ IV đến VI trCN với tên gọi xuất phát từ Giám mục Donatus Magnus.↩

423. Pascal trích *Summo Theologiae* (Tổng luận thần học) của Tommaso d'Aquino. Đoạn chữ và số tắt có nghĩa là “tiểu phần 2 của Phần I (Câu hỏi 113, Bài viết 10, Bài trả lời cho phản bác 2)↩

424. *Latinh*, Người đã làm ngẩn áy dẫu lạ trước mặt họ, thế mà họ vẫn không tin vào Người. Như vậy là ứng nghiệm lời ngôn sứ Isaia. Làm cho mắt chúng ra đui mù.↩

425. Ngôn sứ Isaia nói những lời đó, vì đã thấy vinh quang của Đức Giêsu, và ông đã nói về Người. (Gioan 12:41)↩

426. *Latinh*, Trong khi người Do Thái đòi hỏi những điềm thiêng dẫu lạ, còn người Hy Lạp tìm kiếm lẽ khôn ngoan, thì chúng tôi lại rao giảng một Đấng Kitô bị đóng đinh. (I Côrintô 1:22-33)↩

427. *Latinh*, Nhưng đây những dấu hiệu, đây sự khôn ngoan, các người rao giảng một Đấng Cứu thế không bị đóng trên thập giá và một tôn giáo không phép lạ và không sự khôn ngoan. (bình luận của Pascal)↩

428. *Latinh*, Nhưng các ông không tin, vì các ông không thuộc về đoàn

chiên của tôi. (Gioan 10:26)↩

429. Ví dụ, Thiên Chúa gửi đến một sức mạnh mê hoặc làm cho chúng tin theo sự dối trá (II Thêxalônica 2:11)↩

430. Khítigia là vua Giuđê (Judah), còn Xankhêríp là vua Átsua (Assyria), cuộc chiến giữa hai vua này được kể trong II Các vua 18.↩

431. Chuyện này được kể trong Giêrêmia 28.↩

432. *Latinh*, Không phải vì các ông đã thấy dấu lạ, nhưng vì các ông đã được ăn bánh no nê.↩

433. *Latinh*, Ông ta không thể là người của Thiên Chúa được, vì không giữ ngày sabat; kẻ thì bảo: Một người tội lỗi sao có thể làm được những dấu lạ như vậy?↩

434. Cornelius Jansenius, giám mục Công giáo Hà Lan, người đề ra thuyết đạo lý khắc khổ và được gọi theo tên ông (Jansénisme). Pascal ủng hộ thuyết này và ở đây ông muốn nói tới năm tuyên bố mà những kẻ thù của phái này tại Pháp gán cho phái ấy.↩

435. *Latinh*, Anh nghĩ gì về người ấy? Người là một ngôn sứ. Nếu không phải là người bởi Thiên Chúa mà đến thì ông ta đã chẳng làm được gì. (Gioan 9:17, 33)↩

436. Gioan 10:38.↩

437. *Latinh*, Không ai lấy danh nghĩa Thầy mà làm phép lạ, rồi ngay sau đó lại có thể nói xấu về Thầy. (Mácô 9:39)↩

438. Ở đây Pascal nhắc tới một phép lạ của Cây gai thánh. Marguerite Périer, cháu gái của Pascal, được chữa khỏi một căn bệnh ở đường rò nước mắt, thông giữa mắt và mũi (fistula lachrymalis) ngày 24.3.1656, sau khi cô chạm mắt vào thánh tích này, vốn được coi là một cây gai

từ vòng gai trên đầu Giêsu. Pascal rất có ấn tượng trước chuyện này.↩

439. *Latinh*, Xem con có lạc vào đường gian ác chẳng. (Thánh vịnh 139:24)↩

440. *Latinh*, Ông có phải là Đấng Thiên sai thì nói cho chúng tôi biết. (Luca 22:67)↩

441. *Latinh*, Những việc Chúa Cha đã giao cho tôi để tôi hoàn thành; chính những việc đó làm chứng cho tôi. (Gioan 5:36). Nhưng các ông không tin, vì các ông không thuộc về đoàn chiên của tôi. Chiên của tôi thì nghe tiếng tôi. (Gioan 10:26-27).↩

442. *Latinh*, Ông làm được dấu lạ nào cho chúng tôi thấy để tin ông?↩

443. *Latinh*, Họ không nói: Thầy thuyết giáo lý nào?↩

444. *Latinh*, Chẳng ai làm được những dấu lạ Thầy làm, nếu Thiên Chúa không ở cùng người ấy. (Gioan 3:2)↩

445. *Latinh*, Đấng đã luôn hiển linh để trợ giúp phần cơ nghiệp của Người.↩

446. *Latinh*, Kẻ khác lại muốn thử Người, nên đã đòi Người một dấu lạ từ trời. (Luca 11:16)↩

447. *Latinh*, Thế hệ gian ác này đòi dấu lạ. Nhưng chúng sẽ không được dấu lạ nào. (Mátthêu 12:39)↩

448. *Latinh*, Người thở dài não nuột và nói: Sao thế hệ này lại xin một dấu lạ?↩

449. *Latinh*, Người đã không thể làm được phép lạ nào tại đó. (Mácô 6:5)↩

450. Latinh, Các ông mà không thấy thì sẽ chẳng tin đâu. (Gioan 4:48)↩
451. Latinh, tên gian ác trong các dấu lạ chước dối.↩
452. *Latinh*, Do tác động của Xatan... và đủ mọi mưu gian chước dối, nhằm hại những kẻ phải hư mất, vì đã không đón nhận lòng yêu mến chân lý để được cứu độ. Vì thế Thiên Chúa gửi đến một sức mạnh mê hoặc làm cho chúng tin theo sự dối trá. (II Thêxalônica 2:9-11)↩
453. *Latinh*, Thiên Chúa của anh em thử thách anh em cho biết anh em có yêu mến Thiên Chúa không. (Đệ nhị luật 13:4)↩
454. *Latinh*, Thầy đã báo trước cho anh em: Phần anh em, hãy coi chừng. (Mácô 13:23)↩
455. Lấy ý từ Gioan 9: 28-29.↩
456. Nguyên câu này trong Isaia 5:4 là "*Quis est quod debut ultra facere vineae meae, et non fact et?*" (Có gì làm hơn được cho vườn nho của tôi, mà tôi đã chẳng làm?)↩
457. Chuyện này được kể trong Tông đồ Công vụ 13:6-11.↩
458. Chuyện này được kể trong Tông đồ Công vụ 19:13-16↩
459. *Latinh*, Nếu có một thiên thần... (Galát 1:8) ↩
460. Họ đây là các thầy tu dòng Tên suy đĩ (Phillpe Sellier)↩
461. *Latinh*, Này Thiên Chúa người đâu? (Thánh vịnh 42:4)↩
462. *Latinh*, Giữa tối tăm bừng lên một ánh sáng chiếu rọi kẻ ngay lành. (Thánh vịnh 112.4)↩
463. *Latinh*, cái thuận và cái nghịch↩
464. *Latinh*, Khốn thay những kẻ đặt ra các luật lệ bất công. (Isaia

10:1)↩

465. Máccô 13:22.↩

466. *Latinh*, Giả như thầy không làm. (Gioan 15:24)↩

467. Gioan 10:38↩

468. *Latinh*, Giả như thầy không làm những việc không một ai khác đã làm. (Gioan 15:24)↩

469. "Họ" đây là những người theo phái Jansen, vốn tin vào hệ giáo lý theo Phúc âm do Cornelius Jansenius (1585-1638), Giám mục Ypres, rút ra từ học thuyết của Augustinus. Họ cho rằng ân sủng nội tại thì không thể cưỡng lại, và rằng Giêsu chết cho mọi người, nhằm phản ứng lại tín đi ều Công giáo về tự do của ý chí, và ân sủng vừa đủ.↩

470. *Latinh*, Đáp, đừng đáp (Châm ngôn 26:4-5)↩

471. Thánh Athanasius, Thượng phụ Alexandria, bị kết tội hiếp dâm, sát nhân, và phạm thượng. Ngài bị kết tội tại các công đồng Tyre, Arles, và Milano. Tương truyền Giáo hoàng Liberius sau cùng đã phê chuẩn lời kết tội này vào năm 357. Ở đây, Athanasius tượng trưng cho phái Jansen, Thánh Tersea tượng trưng cho Mẹ b ề trên Angélique của tu viện Port-Royal, và Liberius tượng trưng cho giáo hoàng Clemens IX trong thời của Pascal.↩

472. Giacôbê 5:17.↩

473. *Latinh*, tư tế của Thiên Chúa: danh từ này được Cyprianus dùng trong một thư gửi các tín hữu của ông. Theo John Laurance, Cyprianus thường dùng chữ *sacerdos* để chỉ *giám mục*.↩

474. *Latinh*, Nhưng anh em thì không phải như thế. (Luca 22:26)↩

475. *Latinh*, hai hoặc ba / trong chỉ một. Hai cụm từ này có nhiều cách

lý giải.

L. Brunschvicg và J. Chevalier cho rằng Pascal muốn nói tới Gioan 10:30 (*Tôi và Chúa Cha là một*), và I Gioan 5:8 (*Thần Khí, nước và máu. Cả ba cũng làm chứng một điều*). E. Havet lại trưng dẫn I Côrintô 14:23 (*Vậy giả như cả cộng đoàn họp lại một nơi*), và I Côrintô 14:29 (*Về các ngôn sứ, chỉ nên có hai hoặc ba người lên tiếng thôi, còn những người khác thì phân định*). Hai thuyết trước chỉ hướng vào các con số (2 hoặc 3, liên quan tới 1). Thuyết sau hướng về cộng đoàn (giáo hội) với lý giải rằng Pascal có xu hướng chống lại uy quyền phán xét tuyệt đối của giáo hoàng. ↩

476. *Latinh*, luật hà khắc nhất là sự bất công lớn nhất. (Terentius, *Heauton timorumenus*, IV.v.47; và Cicero, *De officiis*, 1.10) ↩

477. Fronde: một loạt những cuộc nội chiến ở Pháp diễn ra từ năm 1648 đến năm 1653 giữa vua Louis XIV với phe chống đối gồm giới quý tộc và nhiều thành phần xã hội khác. ↩

478. *Latinh*, Hãy chăm sóc chiên của Thầy (Gioan 21:17), không phải của người. ↩

479. Giarópam là vua đầu tiên của vương quốc Israel phương Bắc. Việc ông phong tư tế tùy tiện được ghi tại I Các vua 13:33 ↩

480. Các học giả không tìm ra Pascal muốn nói tới phần nào trong sách Êdêkien. Đoạn nói xấu Ísraen có vẻ gần với ý của Pascal nhất có lẽ là Êdêkien 36:16-21, nhưng đó cũng là phần ông ta thuật lại lời của Thiên Chúa nói với ông ấy. Có lẽ Pascal muốn nói tới việc phái Jansen bị kết tội dị giáo. ↩

481. *Latinh*, Giáo hội sẽ không bao giờ bị cải cách. ↩

482. Máthêu 12:30. ↩

483. Dựa theo Macco 9:40, "Ai không chống lại chúng ta là ủng hộ chúng ta." ↩
484. Latinh, (Thiên chúa) ban ơn cho kẻ khiêm nhường. (Giacobe 4:6 và I Phero 5:5) ↩
485. Latinh, (Người đã đến nhà mình, nhưng) người nhà chẳng chịu đón nhận. ↩
486. Latinh, Nhưng bao kẻ không đón nhận Người, họ chẳng phải người nhà của Người sao? ↩
487. I Samuen 8:20. ↩
488. *Latinh*, Hãy lấy thiện mà thắng ác. (Rôma 12:21) ↩
489. Một bút hiệu khác của Pascal. ↩
490. Tức Antonio Escobar y Mendoza, thầy giải nghi của Dòng Tên chuyên về thần học đạo đức nhưng bị nhiều tác giả kết án là đã ép các quy tắc đạo đức cho hợp với tư lợi. ↩
491. Lý thuyết của thuật giải nghi vốn dạy rằng trước hai quan điểm đều hợp lý và đều có thể đúng, người ta có thể nghe theo thiên hướng của mình, vì một lẽ luật đáng nghi thì không thể áp đặt nghĩa vụ nào cả, được Dòng Tên ủng hộ. Trong phần này, Pascal chủ yếu phản bác họ. ↩
492. Latinh, (Họ sẽ) kiểm hết thầy này đến thầy nọ (II Timôthê 4:3) ↩
493. Ám chỉ những tác giả của Tu viện Port-Royal. ↩
494. *Latinh*, Các người đều là thần thánh. (Thánh vịnh 82:6) ↩
495. *Latinh*, Tới tòa án của Ngài, Đức Giêsu, tôi kêu cầi. ↩
496. *Latinh*, số phận đáng phải chịu (Khôn ngoan 19:4) ↩

497. *Latinh*, Những kẻ dối trá tro' trên nhất (*Lettres provinciales* 16)↩

498. *Latinh*, Người biết đi ầu phải trái sẽ được khen ngợi. (Châm ngôn 12:8)↩